

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM

Đỗ Thị Hòa

**TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ
NHÓM NGÔN NGỮ
VIỆT - MUÔNG, TÂY - THÁI, KÀ ĐAI**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM
ĐỖ THỊ HOÀ

TRANG PHỤC
các tộc người thiểu số nhóm ngôn ngữ
Việt - Mường, Tày - Thái, Kàđai

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2012

**DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN
TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIÀN
VIỆT NAM**

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội)

Điện thoại: (04)3627 6439; Fax: (04)3627 6440

Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH | <i>Trưởng ban</i> |
| 2. ThS. HUỖNH VĨNH ÁI | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 3. GS. TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 4. Ông NGUYỄN KIỂM | <i>Ủy viên</i> |
| 5. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG | <i>Ủy viên</i> |
| 6. TS. TRẦN HỮU SƠN | <i>Ủy viên</i> |
| 7. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG | <i>Ủy viên</i> |
| 8. ThS. ĐOÀN THANH NÔ | <i>Ủy viên</i> |

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

Chịu trách nhiệm nội dung:
GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

Thẩm định nội dung:
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là *“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa - văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”*. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa - văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng.

Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án ***“Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam”*** đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012), chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền ***“Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”***.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn !

Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện dự án

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Không biết từ bao giờ, con người đã khoác lên mình bộ y phục đầu tiên thô sơ nhất, và khái niệm trang phục được ra đời từ khi nào chưa ai khẳng định được. Nhưng chắc chắn từ ngàn xưa, trang phục đã trở thành nhu cầu tất yếu của loài người, là nhu cầu thứ hai sau cái ăn. Chính vì lẽ đó mà loài người đã tiến rất xa so với loài vật.

Nếu như ăn uống là thứ cần thiết để đảm bảo cho sự sống, sự tồn tại về bản chất, về nội dung thì cái mặc là nhu cầu để bảo đảm cho con người đối phó với thiên nhiên, với cái nóng, cái lạnh... Từ xưa, nhân dân ta có câu “Được bụng no, lo ấm cật” để khẳng định nhu cầu thiết yếu về cái mặc của con người. Ban đầu là để đối phó với thiên nhiên, càng về sau thì trang phục trở thành quan trọng đối với vẻ đẹp của con người. Như vậy, trang phục có hai chức năng cơ bản là chức năng che thân và chức năng thẩm mỹ. Nói cách khác, trang phục là một

trong những yếu tố văn hoá của con người. Ở phạm vi rộng hơn thì trang phục còn là biểu hiện đặc trưng của một dân tộc do đặc điểm của các yếu tố đời sống tộc người quy định như yếu tố địa lý tự nhiên, yếu tố kinh tế, yếu tố tâm lý... Bởi vậy, trang phục là một trong những dấu hiệu quan trọng để xác định tộc người. “Các loại y phục cổ truyền do chính bàn tay tạo ra trên cơ sở kế thừa truyền thống của cha ông. Nghề trồng bông, ươm tơ dệt vải đã hình thành và phát triển ở nhiều dân tộc, xuất phát từ nhu cầu ăn mặc và quy luật phát triển của lịch sử con người từ chỗ biết tận dụng các sản phẩm tự nhiên để làm ra đồ che thân như vỏ cây, da thú đến chỗ biết tái tạo, chế biến và cải tiến các sản phẩm của mình, làm ra nhiều loại y phục khác nhau. Sự hình thành nghề dệt ở mỗi dân tộc dù sớm hay muộn, tự mình phát kiến hay do học hỏi mà có, đều đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của đời sống kinh tế. Quá trình hình thành nghề dệt vải có nguồn gốc, thời điểm khác nhau cộng với các yếu tố cá biệt như sáng tạo, trí tưởng tượng, thị hiếu thẩm mỹ của bộ óc và sự khéo léo của đôi tay đã làm cho các sản phẩm dệt nói chung, các loại y phục nói riêng đều có những đặc trưng riêng... Tuy

nhiên cũng có nhiều tộc người từ xưa tới nay chưa hề biết dệt vải. Họ đã phải sử dụng vải do dân tộc khác làm ra để may áo váy... Nhưng điều đó không có nghĩa là y phục của họ không có sắc thái riêng bởi vì trong quá trình cắt may, họ vẫn có sự sáng tạo dù nhiều hay ít. Vì vậy ta vẫn có thể tìm thấy nhiều yếu tố đặc trưng trong y phục của các dân tộc nói trên”.⁽¹⁾

Ở Việt Nam, với sự hiện diện của 54 dân tộc, trang phục của mỗi dân tộc đều có sự khác nhau. Mặt khác, không phải mỗi tộc người chỉ mang trên mình một loại trang phục nhất định mà có nhiều ngành, nhiều nhóm, ở nhiều địa phương khác nhau và nhiều trang phục có chức năng khác nhau. Ví như người H'mông có các nhóm H'mông Trắng, H'mông Đen, H'mông Hoa...; người Dao có Dao Đỏ, Dao Tiền, Quần Chẹt, Quần Trắng, Coóc Mùn, Thanh Y, Thanh Phán...; người Tày có Phén, Ngạn, Thu Lao, Pa Dí; người Thái có Thái Đen, Thái Trắng, Mùời, Hàng Tổng. Các tộc người cư trú trên các địa phương khác nhau nên có sự ảnh hưởng văn

⁽¹⁾ Ma Ngọc Dung, *Sưu tầm y phục trong Bảo tàng VHDT Việt Nam- 35 năm gìn giữ và phát huy di sản văn hoá dân tộc*. NXB Văn hoá dân tộc, H. 1995, tr.28.

hoá của các tộc người khác ở những khu vực đó. Vì vậy trong trang phục mỗi tộc người ở các vùng miền khác nhau, ở các nhóm khác nhau cũng có sự khác nhau.

Bởi thế, trang phục của các tộc người Việt Nam là hết sức phong phú, đa dạng. Nghiên cứu, tìm hiểu nhằm phát hiện ra những yếu tố độc đáo, tiêu biểu trong trang phục truyền thống của mỗi tộc người là một trong những việc làm thiết thực đối với công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Nói đến trang phục là nói tới một trong những yếu tố quan trọng của mỗi tộc người bởi trang phục liên quan đến các hoạt động của con người, liên quan đến đời sống văn hoá tinh thần và cả đời sống tâm linh nữa. Nước ta có nhiều thành phần dân tộc nên trang phục hết sức đa dạng, nếu nghiên cứu một cách tương đối toàn diện thì phải là một quá trình lâu dài. Trong khuôn khổ cuốn sách này chúng tôi nghiên cứu trang phục chủ yếu của một số dân tộc ít người thuộc ba nhóm ngôn ngữ: Việt - Mường, Tày - Thái, Kàđai.

- Nhóm Việt - Mường gồm: Người Mường, người Thổ, người Chứt.

- Nhóm Tày - Thái gồm: Người Tày, người Nùng, người Thái, người Lào, người Sán Chay, người Lự, người Giáy, người Bố Y.

Nhóm Kađai gồm người Cờ Lao, người La Ha, người La Chí, người Pu Péo.

Trang phục bao gồm các yếu tố y phục (khăn, yếm, áo, váy, khố, quần, tấm choàng, nón, mũ, giày, dép, guốc...) và trang sức (trâm, vòng cổ, hoa tai, vòng tay, nhẫn, vòng chân, hình xăm trên cơ thể...). Tuy nhiên khi nhìn nhận một cách cụ thể thì ở mỗi dân tộc lại có quy ước riêng về các loại trang sức: Có dân tộc trang sức chỉ đơn thuần là hoa tai, vòng cổ, vòng tay, vòng chân, xà tích...; có dân tộc thì các vòng tua trên khăn cũng được coi là trang sức; đặc biệt ở một số dân tộc, đồ trang sức của họ còn được tính thêm một số đồ dùng cá nhân (tư trang) như túi trâu, túi vải đeo cạnh sườn, chiếc giỏ đan bằng mây tre, chiếc bao dao xinh xinh... bởi vì những đồ dùng đó luôn gắn liền với mỗi người, là những đồ dùng thiết yếu ở mọi nơi, mọi lúc và nó cũng có tác dụng làm tăng thêm vẻ đẹp cho người sử dụng chúng.

Ngoài việc phân loại các trang phục, chúng tôi cũng chú trọng khai thác, khảo tả chi tiết trang phục

của các ngành, các nhóm trong cùng một tộc người. Trên cơ sở đó rút ra những đặc điểm riêng của mỗi nhóm, mỗi khu vực và yếu tố thống nhất của một tộc người hay của các vùng văn hoá.

Cuốn sách mong muốn cung cấp nguồn tư liệu phong phú, đa dạng và trung thực về hầu hết các loại trang phục của các tộc người thiểu số thuộc ba nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Kaidai. Thông qua đó giúp người đọc cảm nhận được giá trị thẩm mỹ của các tộc người thuộc ba nhóm ngôn ngữ này. Và cũng từ đó chúng ta sẽ trân trọng hơn những giá trị văn hoá truyền thống, có ý thức bảo vệ và phát huy nét văn hoá độc đáo tộc người.

**TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ
NHÓM NGÔN NGỮ
VIỆT - MIỀN TÂY - THÁI**

Chương I

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG

Ở nước ta, nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có 4 dân tộc là Kinh, Mường, Thổ, Chứt. Dân tộc Kinh (Việt) có khoảng 65 triệu người, cư trú khắp các tỉnh trong cả nước nhưng đông nhất là vùng đồng bằng và thành thị. Trong công trình này chúng tôi nghiên cứu, giới thiệu trang phục của ba tộc người dân tộc thiểu số trong nhóm gồm: Mường, Thổ, Chứt.

Dân tộc Mường

Dân tộc Mường là một tộc người có dân số đông vào hàng thứ năm trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo số liệu điều tra dân số, năm 1999 dân số dân tộc Mường là 1.137.515 người. Đến năm 2009 dân số dân tộc Mường là 1.268.963 người. Đồng bào tự gọi mình là Mel, Mon, Moan, Mual. Người Mường cư trú ở nhiều tỉnh phía Bắc nhưng tập trung đông nhất ở Hoà Bình, các huyện

miền núi của tỉnh Thanh Hoá, Phú Thọ. Nơi cư trú của họ ở miền núi nhưng chủ yếu là vùng núi thấp, tập trung trong các thung lũng. Dưới góc độ cảnh quan địa lý, có thể coi đây là “vùng trước núi” hay “vùng bồn địa giữa núi”.

Người Mường biết làm ruộng nước từ lâu đời, ngoài ra họ còn làm nương rẫy, chăn nuôi gia đình, săn bắn, đánh cá, hái lượm và sản xuất thủ công nghiệp (dệt vải, đan lát...).

Đơn vị cư trú nhỏ nhất của người Mường là xóm, trên xóm là làng. Mỗi làng có khoảng vài chục nóc nhà. Làng Mường thường ẩn trong rừng cây cao. Mường nào cũng có một khu mộ địa chung của cả làng, trên mỗi đầu mả được chôn một cột đá gọi là “bòn mả”, đây là dấu hiệu đặc trưng của mộ địa Mường.

Người Mường ở nhà sàn, trước kia mỗi khuôn viên Mường chỉ có một ngôi nhà sàn với “nhiều chức năng”, ngày nay đã có sự thay đổi trong khuôn viên Mường.

Đồng bào Mường có một số phong tục đặc sắc trong ăn uống, sinh hoạt được ngạn ngữ Mường đúc kết như “cơm đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lui tháng tới”. Trong những ngày lễ tết, cưới xin đồng bào có tục uống rượu cần.

Kho tàng văn hoá dân gian của người Mường khá phong phú. Bên cạnh thể loại thơ, ca dao, truyện cổ, dân

ca, hát ví, hát đúm phải kể đến hình thức hát “xéc bùa” được nhiều người ưa chuộng. Hát lễ ca có một vị trí quan trọng trong kho tàng văn học dân gian Mường: *Mo Đẻ đất đẻ nước* là một tài liệu văn học dân gian có giá trị. Người Mường còn có công, trồng đồng rất nổi tiếng. Nghệ thuật tạo hình dân gian chủ yếu được thể hiện trên hoa văn cặp váy của phụ nữ.

Dân tộc Thổ

Dân tộc Thổ ở nước ta gồm các nhóm địa phương: Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tày Poọng. Đến năm 2009 dân số người Thổ là 74.458 người. Người Thổ cư trú tập trung ở các huyện Nghĩa Đàn, Tương Dương, Quỳnh Hợp tỉnh Nghệ An.

Nghề sống chính của người Thổ là làm nương rẫy kết hợp với làm ruộng nước. Cây trồng chủ yếu là lúa, sắn, ngô. Ở các nhóm Kẹo, Mọn, Cuối, đồng bào chủ yếu trồng gai để đan vòng đay, ngoài ra còn đan bèm, ghế mây đôi nhu yếu phẩm và quần áo mặc.

Người Thổ sống tập trung thành bản đông đúc, chủ yếu theo lối mật tập. Nhà ở truyền thống của họ là nhà sàn được che xung quanh bằng liếp nửa hoặc gỗ, xu hướng chuyển xuống nhà đất đang phát triển nhanh.

Trước đây người Thổ ăn cơm nếp là chính nay chuyển sang ăn cơm tẻ. Trong các dịp lễ, tết đồng bào thường làm các loại bánh chế biến từ gạo nếp như bánh chưng, bánh giày, bánh gai.

Người Thổ không có chữ viết riêng, có một số người biết chữ Hán, ngày nay tiếng Việt được phổ cập và sử dụng rộng rãi. Người Thổ có vốn văn nghệ dân gian khá đa dạng, các bài hát đồng dao vẫn được lưu truyền, ca dao tục ngữ rất phong phú. Một số trò chơi dân gian như kéo co, múa sư tử, chơi cờ tướng vẫn được tổ chức trong các dịp lễ hội của cộng đồng.

Dân tộc Chứt

Ở nước ta, người Chứt sống tập trung ở hai huyện Tuyên Hoá và Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, gồm các nhóm địa phương: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng. Đến năm 2009, dân số người Chứt là 6.022 người.

Người Chứt chủ yếu sống bằng nông nghiệp nương rẫy du canh và săn bắn, hái lượm. Việc trồng trọt được tiến hành theo hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Cây trồng chính là lúa, ngô, sắn, đỗ, thuốc lá... Công cụ sản xuất còn rất thô sơ nên năng suất cây trồng chưa cao.

Ngoài kinh tế sản xuất, việc săn bắn, hái lượm vẫn giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống.

Do cuộc sống du canh du cư, trước kia người Chứt phải ở trong những túp lều đơn sơ tạm bợ hay trong những hang đá, mái đá. Khi định cư họ làm nhà theo kiểu nhà đất của người Khùa, người Sách, người Kinh trong vùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI MƯỜNG

Người Mường dù sống ở đâu họ cũng có truyền thống trồng bông dệt vải, nuôi tằm ươm tơ dệt lụa để giải quyết nhu cầu mặc của mình.

Việc chăn tằm, ươm tơ dệt lụa đã từng phát triển trong xã hội Mường cổ truyền, nó đã để lại dấu ấn sâu sắc trong văn học dân gian Mường. Trong mo *Đẻ đất đẻ nước* đã mô tả từ thời mà người Mường chưa có quần áo mặc họ đã dò dẫm tìm kiếm giống dâu, giống tằm để thuần dưỡng tạo nguyên liệu dệt vải. Tuy sử thi nêu còn sơ lược nhưng cũng minh chứng: nghề tằm tang mang tính bản địa nhằm đáp ứng nhu cầu phải có quần áo mặc của người xưa. Tuy nhiên cũng không loại trừ khả năng từ khi tìm ra nghề dệt vải đến khi nghề phát triển đạt trình độ cao, người xưa có thể tiếp thu thêm những yếu tố bên ngoài để làm cho truyền thống của mình thêm phong phú.

Nghề dệt vải từ lâu đã phát triển đều khắp trong xã hội Mường, nó thực sự trở thành nghề phụ gia đình, có quy trình sản xuất nhất định. Từ việc chọn đất phát nương, trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm dệt lụa đến việc chế biến bông thành sợi (nguyên liệu dệt vải) là cả một quá trình lao động miệt mài, nhàn nại của chị em phụ nữ.

Để có sản phẩm đẹp, nhất là loại vải thổ cẩm, đồng bào rất coi trọng khâu chế biến sợi.

Muốn cho sợi mịn và bền người ta phải hồ sợi (*cháo pái*). Cách hồ sợi truyền thống của người Mường nói riêng và một số tộc người khác nói chung là nấu cháo đặc bằng gạo tẻ rồi đổ ra nong, cho con sợi vào ngâm và dùng chân chà xát thật kỹ. Có nơi đồng bào còn cho sợi vào nồi hồ luộc ba đến bốn giờ. Sau đó mang sợi ra suối giữ sạch, phơi khô, lúc đó sợi trở nên chắc và bóng.

Chế phẩm nhuộm là công việc đi đôi với kéo sợi, dệt vải. Làm màu phải có nước tro, người ta đổ tro vào sọt đan kín hoặc sọt thưa lót lá chuối, chỉ tách lá cho nước chảy. Sọt tro được kê hoặc treo, sau đó đổ nước để nước ngấm qua tro, nước tro nhỏ dần xuống đồ đựng hứng phía dưới. Khi đủ lượng cần dùng mới thôi.

Phẩm nhuộm được chế biến từ các loại cây mà đồng bào đã đúc kết thành câu ca dao:

Muốn đen nhuộm đò

Muốn đỏ nhuộm pang

Muốn vàng nhuộm nghệ

Chẳng hạn muốn có màu đỏ, người ta dùng nước tro ngâm với vỏ cây *pang* - một loại cây hay trồng làm hàng rào quanh nhà. Khi màu đã đặc người ta ngâm sợi hay vải vào nước màu đỏ. Đêm ngâm ngày phơi nắng, qua nhiều ngày sẽ có màu đẹp. Khi có màu đỏ, muốn chuyển sang màu đen người ta nhúng tiếp vào bùn nhiều lần sẽ được

màu đen. Phương pháp nhuộm màu này rất gần gũi với cách tạo màu của người Việt theo phương thức “nhuộm nâu nhúng bùn”.

Muốn cho màu lâu phai, đồng bào dùng nước cây *cân tung* có chất keo dính để ngâm vải hoặc sợi trước khi nhuộm màu. Khi đã nhuộm xong, họ lại dùng lá cây *chua mon* có vị chua và chất để hãm màu cho đẹp và lâu phai.

Dệt vải là cả một quá trình vất vả, đòi hỏi người thực hiện phải cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì. Sau khi đưa sợi lên khung, nếu được hướng dẫn thì ai cũng có thể dệt được. Dệt cạp váy và dệt thổ cẩm đòi hỏi phải có kỹ thuật cao, trước hết phải thành thạo việc dệt vải và phải dệt từ loại vải ít go (co), hoa văn đơn giản đến loại nhiều go, hoa văn phức tạp.

Cạp váy được dệt trên một loại khung cửi riêng, khung dệt cạp váy có nhiều go (co) hơn. Mỗi loại hoa văn được quy định bởi số go gài trên khung cửi: loại 20 go, 30 go, 80 go, 120 go. Số go càng lớn thì mẫu hoa văn càng phức tạp. Sự có mặt của nhiều go trên khung cửi dệt có thể làm tăng thêm sự biến hoá của hoa văn. Những hoa văn càng **lắm** màu, càng **lắm** chi tiết thì số go càng lớn, công thức **lên** sợi và **lên** go càng phức tạp, công thức điều chỉnh sợi và **đôi** go trong quá trình dệt càng khó nhớ. Nó đòi hỏi người dệt phải có kỹ thuật cao, có trí nhớ tốt và sáng tạo trong quá trình dệt. Chính vì vậy tuy cùng một mẫu hoa

văn, nhưng dưới những bàn tay dệt khác nhau chúng đã ít nhiều bị biến đổi.

Với bàn tay khéo léo và tính kiên trì nhẫn nại, phụ nữ Mường đã dệt được nhiều sản phẩm phục vụ cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Sản phẩm dệt của người Mường có thể tạm phân chia thành hai loại chính: vải thô (vải mộc) và vải thổ cẩm.

Vải thô tương đối rộng dùng may trang phục, màn, đồ tang lễ...

Vải thổ cẩm được dùng làm cặp váy, mặt chăn, gối, túi...

Loại dùng làm cặp váy dệt rất công phu. Vải có độ dày và mịn. Hoa văn trên cặp váy rất phong phú, chủ yếu là hoa văn động vật, thực vật, hình học. Hoa văn thường tạo thành dải màu xen kẽ nhau, hoa văn nhỏ và hơi chìm. (Xem ảnh 2, 3, 4).

Loại dùng làm mặt chăn được cải hoa văn to, màu sắc tương phản, chủ yếu là hoa văn đen trên nền trắng nên rất nổi, vải xốp, dày. Mô típ hoa văn chủ yếu là hình học và hình thực vật. (Xem ảnh 5).

Loại dùng làm gối, túi chủ yếu là những mảng màu lớn chạy song song. Màu đỏ chiếm chủ đạo ngoài ra còn xen lẫn màu tím, hồng, xanh... Loại thổ cẩm này ít hoa văn,

nếu có chỉ là kiểu hoa văn thực vật có kích thước nhỏ điểm suốt trên nền vải. (Xem ảnh 6).

Việc phân loại sản phẩm và công dụng của nó trong đời sống chỉ mang tính tương đối. Trên thực tế, đồng bào thường dùng kết hợp hai hoặc ba loại với nhau. Ví dụ, vỏ chăn bao giờ cũng dùng vải thô làm điểm xung quanh mặt vải thổ cẩm.

Tóm lại: Nghề dệt vải từ lâu đã trở thành nghề thủ công truyền thống quan trọng của người Mường, đồng bào đã tạo ra nhiều loại y phục để phục vụ cho cuộc sống gia đình và cộng đồng.

Khi nghiên cứu trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và trang phục nhóm ngôn ngữ Tày - Thái chúng tôi trình bày kết hợp các tiêu chí: trang phục theo giới tính, lứa tuổi và chức năng xã hội của chúng.

I. Y PHỤC PHỤ NỮ

Y phục thường ngày của phụ nữ Mường vùng Hoà Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa có một số điểm khác nhau. Sự khác nhau đó thể hiện tính đa dạng và sự giao thoa văn hoá giữa trang phục người Mường với trang phục của người Kinh, Tày, Thái là những tộc người sống đan xen, kề cận với họ. Vì vậy, chúng tôi giới thiệu trang phục Mường ở các vùng nói trên để có bức tranh tổng quát khi nhận diện về văn hóa Mường.

1. Y phục phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ

Bộ y phục này gồm có khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng.

- **Khăn đội đầu** là loại khăn vuông màu đen có kích thước 75 x 75cm. Về hình thức rất giống khăn của phụ nữ Kinh, Tày. Khi đội khăn họ búi tóc sau gáy, buộc khăn trùm phía ngoài. (Xem ảnh 7).

- **Áo** (*cại ao*) được cắt may bằng vải thô tự dệt, thường nhuộm màu nâu hoặc để trắng. Áo may kiểu tứ thân không xẻ tà, giữa sống lưng có đường khâu chia áo thành hai nửa bằng nhau. Cổ áo tròn không có cúc cài hoặc cổ áo liền với nếp ngực có đơm cúc cài. Tay áo liền với thân được nối ở giữa tay. Áo dài 33cm khi mặc chỉ chớm eo. (Xem ảnh 9).

- **Yếm** (*yém*) được may bằng vải thô tự dệt màu trắng, hình vuông rộng 50cm, hai đầu có đính dây buộc sau gáy, hai cạnh có đính dây buộc ngang lưng. Yếm nhọn phía dưới như yếm phụ nữ Kinh. (Xem ảnh 8).

- **Váy** (*wại*) là loại váy ống (váy kín) dài 112cm gồm ba phần: thân váy bằng vải chàm đen dài 78cm, phần vải hồng ở giữa rộng 10cm (thay thế cho phần cao của cặp váy). (Xem ảnh 10).

Do nghề dệt vải phát triển đến trình độ cao, người phụ

nữ Mường nói chung đã sáng tạo những cặp váy đẹp. Cặp váy người Mường không chỉ là một bộ phận của trang phục, nó còn chiếm một vị trí quan trọng trong nghệ thuật trang trí cổ truyền của người Mường. Cặp váy của người Mường huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ rộng 24cm gồm hai phần: rang trên được dệt bằng sợi màu chàm xen màu trắng tạo thành những dải màu nhỏ đều nhau chạy song song ngay thân váy.

Rang dưới rộng 15cm cũng là những dải màu đều nhau chạy song song, trên những dải màu có điểm một số hoa văn hình học đơn giản đối xứng nhau.

Ngoài việc mặc váy, một số phụ nữ Mường ở Phú Thọ còn mặc quần như người Kinh và người Tày.

- *Thắt lưng (tên)* bằng vải tơ tằm nhuộm xanh, dài 300cm, rộng 28cm (bằng một khổ vải), hai đầu thắt lưng là hai hàng tua được tết từ những sợi vải. Khi dùng, họ gấp nhỏ theo chiều dọc và quấn nhiều vòng xung quanh người. hai đầu để buông sau lưng hoặc giắt hai bên cạnh. Thắt lưng của phụ nữ Mường Phú Thọ rất giống thắt lưng của người Kinh và người Tày. (Xem ảnh 11).

Phụ nữ Mường ở các vùng có thói quen búi tóc sau gáy và quen sử dụng một số đồ trang sức bằng bạc như vòng tay, vòng cổ, vòng tai và họ còn dùng hạt cườm (*khậu*) để tạo thành vòng đeo tay, đeo cổ. Khi đi chơi, đi hội phụ nữ

Mường còn trang điểm thêm bộ xà tích bằng bạc gồm dây tết bốn cạnh, hộp ốc đào đựng vôi ăn trầu và chùm vuốt hồ bọc bạc. Tất cả được móc vào thắt lưng (*tênh*) từ bên hông vòng về giắt trước bụng.

2. Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường vùng Hòa Bình

Bộ y phục này gồm có khăn, áo, yếm, váy, thắt lưng và các đồ trang sức tùy theo điều kiện kinh tế của từng người.

- **Khăn** (*tênh*): Phụ nữ Mường Hoà Bình dùng khăn màu trắng để đội đầu. Khăn rộng 20cm, dài 70cm, khăn có thể viền mép hoặc không viền mép. Khi đội, họ chỉ thắt một nút theo kiểu giắt sau gáy. Phụ nữ Mường ở một số xã thuộc huyện Đà Bắc huyện Mai Châu tỉnh Hoà Bình sống xen kẽ với người Thái, họ dùng khăn nhuộm màu chàm hoặc xanh lơ đội đầu hàng ngày. (Xem ảnh 15).

Trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, dân tộc Mường là một trong số ít dân tộc dùng khăn trắng để đội đầu, điều này thật khó hiểu vì người Mường cùng nguồn gốc lịch sử và cùng nhóm ngôn ngữ với người Việt. Trong cuộc sống, người Việt rất kỵ khăn trắng, họ sợ phải dùng đến khăn trắng. Khăn trắng không thể tùy tiện đội lên đầu, nó chỉ được đội khi trong gia đình, họ tộc có người chết.

Vậy sao người Mường lại dùng khăn trắng đội đầu hàng ngày? Để lý giải việc làm này, người Mường có

một truyền thuyết kể rằng: Từ xa xưa, tại một bản Mường có tên là Mường Dậm có một chàng trai tên là Khoẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cuộc sống từ nhỏ đã giúp chàng nhanh nhẹn, hoạt bát, làm việc gì cũng hơn người. Tại nơi chàng sống, có cô gái nhà lang tên là Út Dô. Út Dô đẹp cả người lẫn nết, hai người đã vượt quá khuôn khổ nhà lang, họ yêu nhau say đắm. Lang biết chuyện, không muốn gả con gái cho Khoẻ nên đã đánh lừa chàng, lang hẹn: khi nào Khoẻ giết được cặp hồ dữ trong núi Hồng Dung sẽ cho hai người tổ chức lễ cưới. Trong buổi chia tay đi bắt hồ dữ, Út Dô đã khóc rất nhiều, chàng Khoẻ xé vạt áo còn trắng trúa kịp nhuộm màu của mình lau nước mắt cho người yêu. Trong cuộc vật lộn với hồ dữ, chàng trai đã cùng hồ rơi xuống vực thẳm, thi thể của chàng đã tan thành nước. Còn lại một mình, cô gái khóc thương Khoẻ rất nhiều, nước mắt thấm vào mảnh áo chàng ướt rồi lại khô và Út Dô đã đợi lên đầu ki vật duy nhất của người yêu. Rong rã hàng trăm ngày, Út Dô ra bờ suối chờ đợi người yêu trở về. Tiếng suối róc rách chảy như tiếng đập của trái tim Khoẻ, Út Dô dùng khăn khoả xuống nước thấy hình ảnh chàng nổi lên. Và một đêm trăng sáng, trời bỗng tối sầm lại Út Dô đã theo Khoẻ lên mừng Trời. Thân thể của nàng đã biến thành những bông hoa clăng màu trắng mọc đầy ven suối. Từ đó phụ nữ Mường từ trẻ đến già đều dùng

vải trắng làm khăn đội đầu để nhớ thương một mối tình cao đẹp. Màu trắng của chiếc khăn đã trở thành biểu tượng của lòng chung thủy đồng thời là niềm khát vọng hạnh phúc lứa đôi của thanh niên nam nữ Mường.

- **Áo** (*cặt*) theo Jeancuisinier và Trần Từ thì áo cổ truyền của phụ nữ Mường là loại áo ngắn tương tự áo cánh của phụ nữ Kinh nhưng ngắn hơn nhiều. Áo xẻ ngực nhưng không có cúc cài. (Xem ảnh 17).

Áo của phụ nữ Mường hiện nay vẫn may theo kiểu truyền thống, áo kiểu tứ thân, giữa lưng có đường ghép, cổ áo tròn, thân rất ngắn chỉ dài 37cm, rộng 43cm, tay dài 40cm, tay áo liền với thân, nách áo khoét hình cánh cung, áo không có cúc cài, cổ áo đính một đôi dây vải để buộc hai vạt áo với nhau, hai vạt trước có hai túi nhỏ cân xứng kích thước 9 x 9cm.

Áo ngắn của phụ nữ Mường được may bó sát thân, khi mặc vừa chớm eo để khéo khoe vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ. Phụ nữ Mường thường dùng vải xanh, trắng, nâu, hồng để may áo ngắn. Những màu đó vừa lâu phai vừa tạo cảm giác nhẹ nhàng, mát mẻ, tươi trẻ cho người mặc.

- **Yếm** (*cại yếm*) trước kia may bằng vải thô tự dệt, ngày nay chủ yếu may bằng vải trắng công nghiệp. Yếm có kích thước 38 x 26cm có đính bốn dây, hai dây buộc sau gáy, hai dây buộc ngang lưng. Khi mặc, yếm được cạp váy dè lên quá nửa. (Xem ảnh 16).

Về hình dáng, yếm nữ Mường Hòa Bình khác yếm nữ Mường Phú Thọ. phía dưới yếm hình vuông che kín bụng, yếm nữ Mường Phú Thọ phía dưới nhọn như yếm người Kinh.

- *Váy (wǎl)* của phụ nữ Mường được may theo kiểu váy ống (váy kín), váy gồm có hai phần thân váy và cặp váy. Thân váy bằng vải bông tự dệt màu đen hoặc tím than. Thân váy dài 72cm được ghép bằng hai khổ vải theo chiều ngang. Gấu váy thường dùng vải đỏ, trắng, hồng rộng 3cm nẹp phía trong, đây cũng là cách làm duyên của các cô gái. (Xem ảnh 19).

Cặp váy (*klóóc wǎl*) rộng 31cm gồm ba phần. Phần trên cặp váy gọi là rang trên (*raang klêênh*) rộng 9cm dệt nhiều loại hoa văn hình học như hình vuông, hai hàng dích dắc, hình tam giác cách điệu rồi lại hình vuông...

Phần giữa cặp váy gọi là rang dưới (*raang chơ*) rộng 14cm được ngăn cách với rang trên bằng hoa văn vạch song song có ba hàng chỉ trắng chạy suốt bề rộng của váy, tiếp theo là những dải hoa văn dích dắc bằng sợi màu xanh, tím, đen, đỏ, vàng xen kẽ nhau chạy ngang thân váy.

Phần dưới của cặp váy gọi là *cao*. Cao thường rộng 8 - 9cm, hoa văn chủ yếu là các sọc màu nằm ngang có điểm thêm một số hoa văn thực vật.

Nhiều phụ nữ còn dùng vải màu xanh, màu hồng rộng

đúng bằng chiều rộng của phần “cao” để khâu nối giữa cặp với thân váy.

- **Thắt lưng (ténh)**: Trước kia phụ nữ Mường thường dùng vải tơ tằm làm thắt lưng, nay họ dùng vải phin màu xanh lơ, xanh lá mạ để may thắt lưng. Thắt lưng rộng 20cm, dài 250cm, hai đầu được khâu nối tạo thành vòng tròn khép kín. Khi dùng, vuốt thẳng tạo thành hai lớp vải và thắt đúng giữa eo trên phần “cao” của váy, làm nổi rõ eo người. (Xem ảnh 18).

3. Y phục của phụ nữ Mường Thanh Hoá

Qua nghiên cứu một số bộ y phục phụ nữ Mường thuộc xã Ngọc Khê huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hoá chúng tôi thấy áo phụ nữ ở đây may kiểu chui đầu (*pon cho*) và họ không sử dụng yếm. Đây chính là hình ảnh cổ xưa của chiếc áo nữ Mường.

Có thể đây chỉ là một đặc thù của người Mường ở một địa phương. Thực tế ở vùng Thạch Thành và Thọ Xuân tỉnh Thanh Hoá áo của phụ nữ Mường cũng là loại áo xẻ ngực và họ vẫn dùng yếm. Bộ y phục của phụ nữ Mường Thanh Hoá có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- **Khăn đội đầu (khăn)** của phụ nữ Mường ở huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hoá là loại khăn dài, màu đen. Khăn có hai loại: loại khăn không có hoa văn chủ yếu dùng trong lao động và trong sinh hoạt hàng ngày; loại thêu hoa

văn dùng trong ngày cưới, lễ hội, khi đi chợ, đi chơi... Riêng các thiếu nữ, hàng ngày vẫn dùng khăn thêu để đội đầu. (Xem ảnh 21).

Khăn dài 100cm, rộng 24cm (bằng một khổ vải tự dệt). Hai đầu khăn được thêu hoa văn, phần ngoài cùng rộng 3cm thêu hoa văn dích dắc được chia thành từng ô với các màu đỏ, xanh, vàng, trắng khác nhau, người Mường gọi hoa văn này là thăng mun (*gai mún*). Phần giữa rộng 6cm được thêu hoa văn lỗ neo (*hoa móc*), phần trong rộng 6cm được thêu hoa văn lỗ thao (*hoa sao*) bằng chỉ các màu.

Khăn đội đầu của phụ nữ có tác dụng che đầu khi nắng, gió, giá rét. Khăn còn là vật trang sức quan trọng của phụ nữ khi bước chân ra khỏi nhà, họ rất hãnh diện khi đội những chiếc khăn đẹp do chính tay mình làm ra.

- **Áo** (*áo tróng*): Trước kia đồng bào dùng vải tự dệt để may áo, nay may bằng vải công nghiệp (thịnh hành nhất là màu xanh sẫm hoặc màu xanh thẫm), vải tự dệt chỉ dùng may váy và khăn đội đầu.

Áo được cắt theo kiểu chui đầu (*pon cho*), cổ áo khoét tròn bó sát cổ, phía sau xẻ đường giữa lưng để chui đầu, có đính cúc để cài sau gáy. Áo chui đầu của phụ nữ Mường Thanh Hoá rất giống áo *xưa luông* (áo lớn) của người Thái Đen, *xưa tày* của người Thái Nghệ An, *xưa côm* của người

Thái Lai Châu, Sơn La vì chúng cũng là áo chui đầu. (Xem ảnh 22).

- *Váy (văn)* là loại váy ống dài 114cm, rộng 69cm gồm hai phần thân váy và cặp váy. (Xem ảnh 23).

Thân váy được ghép bởi hai khổ vải tơ tằm có hoa văn hình ô vuông nhỏ chìm, màu đen, dài 76cm. Gấu váy rộng 3cm được táp thêm dải vải đỏ ở phía trong.

Cặp váy (*chốc văn*) rộng 34cm được chia thành ba phần:

Rang trên (*đang*) rộng 13cm có hoa văn chủ đạo là các hình thoi to. Trong các hình thoi là sao tám cánh, giữa sao tám cánh là hình đồng tiền thủng (*lố tồổng*). Bên ngoài các hình thoi to là các hình thoi nhỏ, giữa mỗi hình vuông cũng có một hình đồng tiền thủng hoặc một hình sao tám cánh chìm màu đen xen với hình đồng tiền thủng.

Rang dưới (*buôn*) rộng 15cm gồm các băng ngang màu hồng, đỏ xen các sọc nhỏ màu xanh, đỏ, hồng. Các băng ngang dệt hình hoa móc trên đáy chung với hình thoi. Các sọc nhỏ gọi là "*táng ngăn*" gồm các đồng tiền thủng nhỏ kế tiếp.

Phần cao (*lai*) rộng 6cm dệt các sọc ngang khổ vải, trên điểm các đồng tiền thủng hoặc sọc màu.

- *Thắt lưng (tân)* rộng 32cm, dài 362cm được khâu nổi

hai đầu thành vòng tròn khép kín. Thắt lưng được dệt bằng chỉ tơ tằm nhuộm màu xanh. Thắt lưng còn có tác dụng giữ cho váy quần chặt vào cơ thể. (Xem ảnh 24).

Qua việc khảo tả y phục hàng ngày của phụ nữ Mường vùng Phú Thọ, Hoà Bình, Thanh Hoá, chúng tôi bước đầu lập bảng đối chiếu so sánh để rút ra những đặc điểm tương đồng và dị biệt trong trang phục phụ nữ Mường ở các địa phương nói trên theo bảng so sánh dưới đây.

<i>Tiêu chí</i>	<i>Phú Thọ</i>	<i>Hoà Bình</i>	<i>Thanh Hoá</i>
Áo ngắn (kiểu dáng cắt may, màu sắc trang trí).	Ngắn, mở ngực, cài cúc; màu trắng, nâu...	Ngắn, mở ngực; màu trắng, hồng, xanh...	Ngắn, mở ngực, chui đầu; màu trắng, xanh...
Váy (hình dáng, màu sắc cách trang trí).	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cặp váy.	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cặp váy.	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cặp váy.
Mẫu hoa văn trên cặp váy.	Hình học, thực vật đơn giản, chưa thấy hoa văn động vật, màu sắc tối.	Hình học, thực vật, động vật, hoa văn chìm, màu hơi tối.	Động vật, hình học, thực vật. hoa văn rõ, màu sắc tươi sáng.

Khăn (hình dáng, màu sắc)	Hình vuông, màu đen.	Dài, màu trắng chủ đạo + đen + xanh chàm.	Dài, màu đen, xanh; trang trí hoa văn hai đầu.
Yếm (hình dáng, màu sắc)	Màu trắng, phía dưới nhọn (giống yếm người Kinh).	Màu trắng, phía dưới vuông.	Không dùng yếm.
Áo dài lễ hội (hình dáng, màu sắc)	Tứ thân, cài cúc bên nách phải; màu trắng giống áo người Kinh.	Tứ thân, mở ngực, khi mặc buộc hai vạt trước; màu đen.	Tứ thân, mở ngực, không có cúc; màu xanh, nâu tươi.

Tóm lại: Trang phục phụ nữ Mường ở các địa phương tuy có một số đặc điểm khác nhau nhưng vẫn giữ được những nét tương đồng (đây là mặt cơ bản). Nó được thể hiện trong kiểu dáng cắt may áo rất ngắn, khi mặc chỉ chớm eo, dù là áo mở vạt hay chui đầu, nách áo đều khoét hình cánh cung, khi mặc áo bó sát người nhưng vẫn cử động dễ dàng.

Váy ở các vùng đều là váy ống không chiết cạp, thân

váy màu đen được may bằng vải thô tự dệt. Cạp váy là một bộ phận được dệt hoa văn rất công phu và đẹp. Khi mặc họ kéo váy che kín ngực, dùng thắt lưng buộc chỉnh eo, gần như toàn bộ cạp váy được phô diễn ra ngoài.

Hiện nay một số phụ nữ Mường may váy mới, có thể không có vải dệt hoa văn làm phần “cao” hoặc do muốn có chút thay đổi so với những chiếc váy khác của chính họ nên họ đã ghép thêm mảnh vải khác màu vào phần cạp váy, tuy vậy họ vẫn tuân thủ nguyên tắc cắt may truyền thống. Phần vải khâu thêm thường trùng với số đo của phần “cao” mà những chiếc váy khác đã có, điều đó chứng tỏ dù có thay đổi nhưng họ vẫn muốn giữ lại kiểu dáng cắt may mà cha ông họ đã từng làm.

Trang phục Mường mang sắc thái địa phương rất rõ, được thể hiện ở sự khác nhau trên một số bộ phận của y phục giữa các vùng như bản thống kê đã chỉ ra. Sự khác nhau còn thể hiện ở cách mặc trang phục. Phụ nữ Mường vùng Hoà Bình, Phú Thọ mặc váy trùm quá nửa yếm, áo thả tự do không cài cúc. Phụ nữ Mường Thanh Hoá mặc váy trùm ngoài áo (vì họ không dùng yếm mà mặc áo chui đầu).

Trang phục phụ nữ Mường có nhiều yếu tố rất gần gũi với trang phục phụ nữ Kinh, Thái, Tày... điều đó thể hiện sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc sống cộng cư gần

nhau. Sự giao lưu được thể hiện rất rõ ở kiểu dáng cắt may của bộ y phục nam giới, đó là chiếc áo cánh tứ thân mở ngực, quần chân què cạp lá toạ, khăn dài quấn đầu riu (dùng ngày thường), khăn xếp (dùng ngày lễ tết, cưới xin).

Y phục phụ nữ Mường Phú Thọ giống y phục phụ nữ Kinh, Tày (khăn đội đầu hình vuông màu đen), khi dùng đội kiểu “mỏ quạ”. Áo dài lễ hội của phụ nữ Mường cũng là loại áo tứ thân giống phụ nữ Kinh.

Áo ngắn dù mở ngực hay chui đầu (*pon cho*) của phụ nữ Mường dệt giống áo “*cóm*” của phụ nữ Thái vì nó được may rất ngắn và bó sát người, nách áo cắt hình cánh cung để khi mặc vẫn cử động dễ dàng. Khăn đội đầu của phụ nữ Mường Thanh Hoá cũng là loại khăn dài màu đen, hai đầu khăn thêu hoa văn giống khăn “*piêu*” của phụ nữ Thái.

Từ bao đời nay hiện tượng lấy vợ, lấy chồng giữa cư dân các Mường không bị cấm đoán hay hạn chế. Đặc biệt, hiện tượng hôn nhân giữa hai dân tộc Việt - Mường, Mường - Thái đã từng có, cho nên hiện tượng giao lưu văn hoá là lẽ đương nhiên. Khi đến gia đình ông Bùi Văn Yạ người Mường ở xóm Đóng xã Phong Phú huyện Tân Lạc tỉnh Hoà Bình thấy trong nhà có nhiều đồ dệt hoàn toàn là của người Thái, hỏi ra mới biết đó là của hồi môn của vợ ông đem về nhà chồng (bà là người Thái ở Mai Châu).

Trên các mẫu hoa văn của người Mường, có nhiều mẫu

học theo cách dệt của người Thái. Giáo sư Từ Chi đã nhận xét là: Rang trên Mường đã vay mượn nguyên xi, hay gần như thể hoa văn của mặt phà Thái - đó là nhận xét dứt khoát và hữu thức của nhiều “mế” chuyên dệt thổ cẩm.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Mường gồm có khăn đội đầu, áo, quần, khăn thắt quần. Nhìn tổng thể y phục nam giới Mường gần giống y phục cổ truyền của dân tộc Kinh và gần gũi với trang phục người Thái cư trú kề cận với họ.

- **Khăn đội đầu** là loại khăn dài trên 100cm, rộng trên 20cm bằng một khổ vải, màu đen. Trước kia nam giới Mường thường búi tóc trên đỉnh đầu, dùng khăn dài quấn ba vòng quanh đầu dưới búi tóc. Ngoài ra họ còn dùng một loại khăn nữa ngắn hơn, khi thắt quần vòng từ gáy ra phía trước giao nhau trên trán, giắt hai đầu ở hai bên tai. Hai đầu khăn dựng nghiêng trông rất sống động, đây là kiểu quấn khăn đầu riu từng có ở người Việt. Xưa kia, khăn đội đầu là vật rất quan trọng của người đàn ông khi ra khỏi nhà, nhất là khi phải giao tiếp ngoài xã hội. Nếu không có khăn đội đầu họ không dám bước đến cửa quan.

Trong xã hội Mường truyền thống, tầng lớp quý tộc Mường thường sử dụng khăn xếp như người Kinh.

- **Áo** nam giới Mường thường may bằng vải tự dệt nhuộm màu xanh, đen, nâu. Áo may kiểu tứ thân có đường

nổi ở giữa sống lưng. Cổ áo khoét tròn, nẹp cổ cao khoảng 2cm. Vai có miếng đệm phía sau gáy hình bán nguyệt gọi là "*lá môl*" - lá lót mồ hôi. Áo xẻ tà, nẹp áo may thẳng từ cổ xuống gấu, áo thừa khuy cài cúc. Dưới hai vạt trước của áo có hai túi đối xứng nhau, trên ngực trái có một túi nhỏ. Tay áo liền với thân và có đường nổi ở giữa cánh tay, cửa tay áo rộng, nách áo khoét hình vòng cung tạo cho áo rộng, dễ vận động khi mặc.

- **Quần** cắt theo kiểu chân què, cạp to, không có dây thắt cạp (dây rút). Khi mặc, dùng khăn thắt giữa bụng gọi là khăn quần, khăn dài và rộng gần bằng thắt lưng của phụ nữ. Khi thắt, người ta buông khăn dài gần đầu gối. Khăn quần chính là bóng dáng của chiếc khố ngày xưa. Thắt lưng thường được gài dao khi đi rừng, đi nương. Trong những nếp gấp hoặc nút thắt của nó là nơi giắt thuốc láo rất tiện lợi của người đàn ông.

III. TRANG PHỤC TRONG LỄ HỘI, CƯỚI XIN

Trang phục mặc trong lễ hội, cưới xin cũng may cùng kiểu dáng như bộ y phục mặc thường ngày, cái khác chủ yếu ở đây là nó mới, màu sắc đẹp hơn. Trong lễ hội, cưới xin người Mường có quan niệm đây là ngày vui chung của cộng đồng ai cũng phải mặc đẹp. Trong những ngày đó, cả nam và nữ, ngoài bộ y phục đẹp họ còn mặc thêm một chiếc áo *chùng* (áo dài) cho trang trọng.

Bộ y phục cô dâu Mường ở làng Muối xã Cẩm Thành huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hoá gồm có khăn, áo ngắn, váy, áo dài.

- *Khăn (pịt chốc)* bằng vải bông tự dệt, dài 65cm, rộng 23cm. Khăn màu đen, hai đầu thêu hoa văn. Hoa văn thêu trên hai đầu chủ yếu là hình răng cưa, hình dãy núi, hoa cây bi (*pông pi*), hoa văn bốn cánh, hoa văn tám cánh (*pông ca*). (Xem ảnh 26).

Hoa văn động vật được thêu ở đây là hình con gà, thêu chỉ hồng trên nền đen và hai đường trang trí kết hợp với biểu tượng con rồng. Đây là chiếc khăn đẹp, được phụ nữ dùng trong lễ cưới hay đi hội.

- *Áo ngắn (áo khóm)* đây là chiếc áo được cắt may theo kiểu truyền thống, áo chui đầu (*pon cho*). (Xem ảnh 27). Áo có các bộ phận sau:

Cổ áo (*coọc ào*) được khoét hình bán nguyệt có đường kính 8,05cm, cổ áo viền vải đỏ, phía sau có đính một cúc đồng để cài.

Tay áo (*say ào*) dài 36cm, cửa tay rộng 10cm, tay được may liền với thân, nách được khoét hình cánh cung, khi mặc áo bó sát lấy thân.

Thân áo (*poọc ào*) rộng 60cm. Thân trước dài hơn thân sau. Khi mặc, phụ nữ giắt thân trước vào cặp váy, thân sau để hở.

- *Váy (cai vắn)* được cắt may bằng vải thô tự dệt màu đen, dài 117cm (phần cạp 36cm), rộng 75cm. Váy có hai phần: thân váy và cạp váy. (Xem ảnh 28).

Thân váy gồm hai khổ vải khâu nối với nhau, dài 81cm, gấu váy nẹp miếng vải đỏ rộng 2cm ở phía trong.

Cạp váy là phần quan trọng nhất của váy. Cạp váy có ba phần rõ rệt (chúng tôi dựa vào tiêu chí của Trần Từ để mô tả vì tên gọi của đồng bào không thống nhất):

Rang trên rộng 14cm, màu chủ thể là màu đen, hoa văn màu trắng trông rất nổi. Hoa văn chủ đạo ở đây là những đường gấp khúc khép kín, tạo nên những hình vuông to khuyết một góc. Giữa mỗi hình vuông là sao tám cánh. Những thợ dệt Mường gọi đây là “*trành húm*” - trán con cạp.

Rang giữa rộng 14cm, gồm 5 dải màu khá đều nhau chạy ngang thân váy. Hai dải màu đỏ nhạt ở hai cạnh đều dệt hình tượng con rồng (*rống*), hai dải tiếp theo màu trắng xen lẫn đỏ được dệt hình tượng con phượng (*phượng*), dải đỏ thẫm ở giữa cũng được dệt hình con rồng (*rống*).

Cao rộng 8cm, chủ yếu là các dọc chỉ màu đan xen nhau theo chiều đứng của váy, xen vào đó là những bông hoa nhỏ, hoa cà (*pông ca*).

- *Thắt lưng (trây lưng)* dài 132cm, rộng 33cm, bằng vải tơ tằm nhuộm xanh. Thắt lưng được khâu nối hai đầu

thành một vòng tròn khép kín, khi dùng vuốt thẳng quần ngoài áo và váy. (Xem ảnh 30).

- *Áo dài (áo chùng)* cắt may bằng vải tơ tằm được nhuộm xanh. Áo dài 100cm, rộng 45cm, tay dài 45cm. (Xem ảnh 29)

Áo được cắt may theo kiểu áo dài tứ thân, không có chuy và cúc cài, không có cổ riêng, phía sau áo có viền hem miếng vải trắng hình chữ U. Áo dài (*áo chùng*) chỉ mặc ngoài khi đã mặc đủ bộ quần áo thông thường (áo ngắn, váy, thắt lưng, khăn).

Trong ngày cưới, cô dâu cùng hai người phù dâu (*piêng*) mặc *áo chùng* ngồi xếp mái, trình trước bàn thờ tổ tiên. Các mẹ, các chị đến dự đám cưới cũng mặc áo chùng trông rất duyên dáng và lịch sự.

Khi mặc áo chùng, ai muốn gọn thì dùng thắt lưng, da phần để buông vạt cho thướt tha. Trước kia những nhà quyền quý hoặc khá giả khi có đám cưới, chú rể và hai phù rể mặc áo chùng đen giống áo dài the của người Việt, đầu đội khăn xếp đi đón dâu và trình trước bàn thờ tổ tiên nhà vợ. Các cụ, các ông cao niên cũng mặc áo chùng đen, đội khăn xếp đi ăn cưới. Tầng lớp bình dân có thể mặc áo chùng, đội khăn xếp hoặc mặc bộ thường phục mới.

Trang phục mặc trong ngày cưới đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của nhiều đôi vợ chồng. Vì vậy tất cả

mọi người, nhất là những cô gái, rất siêng năng kéo sợi dệt vải để tạo nên những bộ váy áo đẹp nhất, lộng lẫy nhất mặc về nhà chồng trong ngày cưới. Những bộ trang phục đó còn là thước đo của gia đình nhà chồng đối với phẩm hạnh, tài đức của nàng dâu. Sau ngày cưới, bộ y phục được cất giữ cẩn thận. Sau này có thể người mẹ sẽ cho con gái làm của hồi môn, hoặc dành đến lúc chết sẽ mặc sang thế giới bên kia.

IV. Y PHỤC TANG LỄ

Y phục tang lễ Mường gọi là *đồ tem*. Đồ tem của phụ nữ gồm mũ hình phễu gọi là mũ mấn, áo ngắn (*pấn*), áo chùng, váy không đầu, tênh, khăn, tất cả đều bằng vải trắng tự dệt. Đồ tem đều mặc trái. Người mặc đầy đủ bộ tem nhất là các con gái người quá cố. Các con dâu mặc theo hoàn cảnh cụ thể của từng người. Người nào còn đủ bố mẹ đẻ chỉ mặc váy, đội mũ mấn; không mặc áo ngắn, áo chùng. Nếu ai chỉ còn bố hoặc mẹ đẻ thì nên mặc thêm áo ngắn. Nếu bố mẹ đẻ mất cả thì mặc đủ bộ đồ tem.

Đồ tem nam giới Mường cũng dùng toàn vải trắng gồm áo ngắn, áo chùng, quần, khăn buộc đầu. Các con trai của người quá cố phải mặc đầy đủ bộ đồ tem. Con trai cả phải đeo thêm một bắp dao. Cũng cần nói thêm, khi phát tang, người thân trong nhà mặc quần áo tang. Con trai cả đeo bắp dao đi lên cửa *boóng tôông* (cửa sổ gian đặt bàn thờ tổ

tiên), rút dao chặt ba nhát lên thành cửa để nói rằng người thay mặt gia đình thờ cúng tổ tiên nay không còn nữa, công việc đó từ nay do con trai cả đảm nhận.

Trong đám ma người Mường các con rể, em trai, cháu trai người quá cố có thể chỉ mặc quần tem và đội khăn trắng.

Ngày nay, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình, đồ tem có thể giảm đi vài thứ hoặc có thể thay vài tờ dệt bằng vài xô để cho con cháu hoặc những người có họ xa với người quá cố dùng.

Người Mường có phong tục trao quần áo, vải vóc cho người chết, thi thể người chết được liệm trong nhiều lớp vải và quần áo. Việc làm đó không chỉ thể hiện tập quán tín ngưỡng mà nó còn thể hiện đạo lý, tình cảm của người sống đối với người chết.

Trong đám ma người Mường đã diễn ra nhiều nghi lễ, *tế quạt ma* là một nghi lễ độc đáo liên quan đến trang phục. Những người tham gia lễ này là các nàng dâu (bà dâu) trong họ nội, ngoại của người quá cố được gia chủ nhờ quạt ma. Khi tham dự lễ, họ mặc bộ đồ quạt ma trông rất đẹp gồm váy đen cặp mới, áo ngắn, yếm đỏ, áo chùng bằng vải gấm hoa màu đỏ, vàng, nâu, đầu đội mũ trang trí hạt cườm, hai tay đeo vòng hạt cườm, tay phải cầm quạt cọ múa, tay trái cầm que gậy, phía trước mặt đặt một chiếc

ghế mây. Trước kia chỉ có những nhà lang, nhà giàu mới tổ chức được lễ quạt ma. Nay loại nghi lễ độc đáo này rất ít khi được tổ chức. (Xem ảnh 31).

Ở huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hoá, nam giới Mường còn sử dụng loại y phục dùng để múa trong đám ma. Y phục đó gọi là *ào trai chéo ma* (xem ảnh 32). Áo may bằng vải thổ cẩm được cắt khâu đơn giản, thực tế chỉ là mảnh vải để nguyên khổ, dài 150cm, khoét cổ tròn, ngực áo hình chữ V. Xung quanh cổ viền vải phin hoa, nền đỏ hoa trắng, áo không có tay, nó chỉ là mảnh vải gấp đôi khâu hai cạnh sườn - trừ phần mở nách. Hoa văn trang trí trên áo chủ yếu là những băng ngang bằng sợi màu xanh, đỏ, tím, vàng, trắng xen kẽ nhau. Chính những dải băng ngang tạo nên bố cục hoa văn dài cho toàn bộ thân áo. Phần giữa áo phía trước và sau có dải hoa văn rộng 9cm, hoa văn chủ thể là quả mây (*trái mè*) và hoa văn hình tam giác nối tiếp nhau. Ngoài chiếc áo *ào trai chéo ma*, khi múa họ còn sử dụng trống, gậy, kèn để phụ họa thêm. (Xem ảnh 33 - 34 - 35).

V. TRANG PHỤC THẦY MO

Trong tang lễ người Mường còn phải kể đến vai trò của ông thầy mo. Bộ trang phục thầy mo gồm áo chùng xanh may rất rộng, tay áo to, vạt trái may rộng vạt chéo qua sườn phải. Vạt áo được viền một dải vải đỏ rộng 4cm chạy

suốt từ mép vạt trái áo vòng qua cổ sang vạt phải. Áo dài tới bắp chân, phần dưới may mở rộng và không xẻ tà. Ngang lưng có thắt một thắt lưng bằng vải trắng. Ông mo đội mũ mềm hình chóp bằng vải xanh. Đường kính mũ phần đội vào đầu là 20cm, phía trong táp vải đỏ rộng 2,5cm làm nẹp mũ. Mũ được khâu thun dẫn về phía đỉnh. Hai bên chóp mũ khâu hai mảnh vải dài 15cm, rộng 5cm thun dẫn và nhọn ở đầu, xung quanh dải mũ được khâu viền bằng chỉ đỏ, khi đội mũ ngả về phía sau, đó là kiểu mũ *đuôi peo*.

Khi hành lễ, ông mo tay trái cầm quạt giấy, tay phải cầm chuông (*khánh*) giơ lắc để điểm đoạn cho bài mo. (Xem ảnh 36).

Khi đưa ma, ông mo mặc áo, đội mũ, đeo dao, đi trước đoàn người một quãng xa với mục đích dẫn hồn người chết đến huyết, chỉ cho hồn ở đó rồi cởi trang phục, trở về bằng con đường khác.

VI. TRANG PHỤC TRẺ EM

Theo phong tục truyền thống, người Mường quan niệm trẻ em sẽ ốm đau nếu như chúng được mặc quần áo mới. Trẻ em nhỏ chủ yếu chỉ dùng đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay để kỵ gió, trừ ma.

Trẻ em từ 8 tuổi trở lên mặc áo, váy, khăn, yếm như người lớn, kiểu cắt may y phục trẻ em gái mang tính

truyền thống. Áo có màu sắc đẹp, chủ yếu là màu hồng, màu nâu tươi. Váy của trẻ em không có cạp, không may thành ống như người lớn, nó chỉ là mảnh vải quấn quanh người để các em đi không bị vướng chân.

Y phục trẻ em trai thường may bằng vải chàm, xanh sẫm. Kiểu dáng cắt may giống y phục thường ngày của nam giới, kích cỡ nhỏ hơn. Ngày nay, trẻ em trai cũng như gái thường mặc quần, áo sơ mi may sẵn, bán trên thị trường.

Trang phục trẻ em còn liên quan đến tín ngưỡng của người Mường. Ở xóm Đóng xã Phong Phú huyện Tân Lạc tỉnh Hoà Bình, khi trẻ em bị ốm nếu không mời được thầy mo đến cúng vía cho trẻ, họ trùm chiếc áo của trẻ em vào chỗ đồ xôi và coi đó là sự hiện diện của thầy mo, gia đình sắp lễ và tự cúng giải bệnh cho con.

VII. GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC MƯỜNG

Thẩm mỹ là một phạm trù rất rộng, một khái niệm văn hoá bao trùm lên tất cả các mặt của cuộc sống. Trên góc độ bản về giá trị thẩm mỹ của trang phục Mường, chúng tôi không tham vọng đề cập đến những vấn đề lý luận, nhất là giá trị lịch sử, văn hoá của “hoa văn cạp váy” mà giáo sư Từ Chi đã đề cập trong tác phẩm *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập một vài khía cạnh về chức năng thẩm mỹ của trang phục Mường.

Trang phục của các tộc người nói chung và trang phục Mường nói riêng trước hết là kết quả lao động của con người. Các nhà nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn thường xếp trang phục vào loại văn hoá vật chất cùng với các yếu tố khác như nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển, ăn uống... Trong các yếu tố văn hoá trên, trang phục có vị trí đặc biệt quan trọng bởi lẽ trang phục là một thành tố văn hoá vật chất gắn bó mật thiết với con người. Trang phục là dấu hiệu thông tin quan trọng giúp ta có thể phân biệt được tộc người này với tộc người khác. Trang phục không chỉ thoả mãn nhu cầu mặc mà còn thoả mãn nhu cầu làm đẹp của con người.

Quá trình tìm kiếm, học hỏi và làm ra trang phục là quá trình lao động sáng tạo để tạo ra nguyên liệu cho nghề dệt vải, là quá trình phát triển của nền “văn minh công nghiệp”. Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình của sở hữu tự nhiên và của Nhà nước*, F. Ăng Ghen đã chỉ ra rằng: Từ thời đại dã man sang thời đại văn minh được đánh dấu bởi hai thành tựu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính cách mạng trong lịch sử nhân loại: “Thành tựu thứ nhất là khung dệt, thành tựu thứ hai là nấu quặng và chế tạo đồ kim loại”.

Nghề dệt vải của người Mường nói riêng và các tộc

người khác nói chung là nghề phụ trong gia đình, chưa tách khỏi nông nghiệp. Người phụ nữ chiếm vai trò rất quan trọng trong quy trình tạo nguồn nguyên liệu, dệt vải và cắt may trang phục. Với đức tính bầm sinh của phụ nữ là cần cù, chịu khó, nhẫn nại, khéo léo... phụ nữ các tộc người nói chung và phụ nữ Mường nói riêng đã tạo nên một sản phẩm văn hoá, kết tinh thành quả lao động của chính bản thân người phụ nữ, đó chính là trang phục.

- *Cách trang trí hoa văn trên trang phục*: Cũng như nhiều tộc người khác, thẩm mỹ được biểu hiện rõ ở trang phục phụ nữ. Đối với trang phục phụ nữ Mường, thẩm mỹ được thể hiện rất rõ trên cặp váy. Giáo sư Từ Chi đã nhận xét: “Cặp váy không chỉ là một bộ phận của trang phục. Nó còn chiếm một vị trí quan trọng bậc nhất trong nền nghệ thuật trang trí cổ truyền của dân tộc Mường”.⁽¹⁾

Cũng có thể nói trang phục là vị trí “duy nhất” vì trong cuộc sống thường nhật của người Mường, nghệ thuật tạo hình ít được phô diễn trong kiến trúc nhà cửa, trên đồ dùng sinh hoạt, đồ thủ công mỹ nghệ. Người Mường không có nhà mồ, tượng mồ như dân tộc Ba Na, Gia Rai...; không có tranh thờ như dân tộc Tày, Nùng, Dao... vì vậy cặp váy được coi là vị trí “quan trọng nhất” thể hiện nghệ thuật tạo hình của dân tộc Mường.

⁽¹⁾ Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*, NXB Văn hoá Thông tin và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H. 1966, tr. 87.

Nguyễn Từ Chi còn cho rằng hoa văn trên cạp váy Mường “có vạch lại một cách khá rõ, tuy chưa đầy đủ, hoa văn trên mặt trông đồng Đông Sơn, mà cả đa số hình hoạ lẫn bố cục chung”⁽¹⁾

Với những nhận xét trên có thể khẳng định, hoa văn cạp váy Mường có một vị trí quan trọng trong nền văn hoá Mường nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung. Việc nghiên cứu hoa văn trên cạp váy sẽ góp phần làm sáng tỏ nguồn gốc văn hoá tộc người, mối quan hệ và giao lưu văn hoá giữa các tộc người trong buổi đầu của nền văn minh dựng nước.

Cạp váy người Mường gồm ba bộ phận, tuy được dệt tách rời nhau, màu sắc hoa văn và bố cục có khác nhau nhưng vẫn thành một khối thống nhất tô điểm cho nhau. Khi nghiên cứu một số cạp váy Mường ở vùng Hoà Bình, Phú Thọ, Thanh Hoá chúng tôi bước đầu có thể rút ra nhận xét sau:

Hoa văn cạp váy Mường Phú Thọ chủ yếu là hoa văn vạch nhỏ chạy song song ngang thân váy, màu sắc đơn điệu chủ yếu là màu xanh xin phối hợp với màu nâu đất và trắng. Phần rang trên và cao chủ yếu là hoa văn vạch nhưng hai phần này vẫn được phân định rõ bởi kích thước

⁽¹⁾ J.Cuisinier, *Người Mường - địa lý nhân văn và xã hội học*, Paris. 1948, NXB Lao động, H. 1995, tr. 12.

và màu sắc của chúng. Rang dưới có vị trí quan trọng nhất trong cặp váy. Tuy vẫn là hoa văn vạch nhưng nó được tô điểm nhiều loại hoa văn hình học.

Quan sát một số cặp váy của phụ nữ Mường ở Thanh Sơn (Phú Thọ), chúng tôi chưa gặp hoa văn động vật trên cặp váy. Có thể nghề dệt thổ cẩm ở vùng này chưa phát triển hoặc hoa văn dệt không đa dạng như những vùng khác.

Hoa văn trên cặp váy Mường vùng Hòa Bình có đủ ba loại hoa văn động vật, hoa văn hình học và hoa văn thực vật. Trong những cặp váy sưu tầm tại hai huyện Tân Lạc và Kim Bôi tỉnh Hoà Bình chúng tôi thấy tỉ lệ cặp váy có hoa văn động vật ít hơn so với cặp váy có hai loại hoa văn thực vật và hình học.

Theo Bùi Chí, một người đi sâu nghiên cứu về văn hoá dân gian Mường thì cặp váy (*clôốc*) của phụ nữ Mường có nhiều loại, những loại đơn giản là *clôốc vện*, *clôốc pôông nghĩa*, *clôốc trái mê*, *clôốc vện en*,... chúng chỉ có hoa văn hình học và thực vật. Kích thước hoa văn nhỏ, thâm màu.

Kiểu *clôốc* đẹp nhất, cầu kỳ nhất là *clôốc buôn dệt* bằng chỉ tơ tằm mịn bóng rất bền. Mặt cặp váy có nhiều dải hoa văn động vật chạy ngang như kiểu trang trí trên trống đồng. Mỗi dải hoa văn động vật cách nhau bởi những dải hoa văn hình học hoặc thực vật. Hoa văn động

vật trên clôóc buồn là rông, hươu, rùa... Tên gọi của mỗi cặp váy căn cứ vào hoa văn chủ đạo của nó như *clôóc rông*, *clôóc hươu*... Màu sắc hoa văn động vật thường là màu đồng thau, màu đỏ lửa. Hiện nay người dệt được loại clôóc buồn ở Hoà Bình rất hiếm.

Nghiên cứu một số cặp váy ở hai huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thuỷ tỉnh Thanh Hoá chúng tôi thấy cặp váy ở vùng này phần nhiều thuộc loại clôóc buồn. Trên cặp váy là những dải hoa văn động vật hình rông, phượng, rùa... Kiểu dáng hoa văn và cách trang trí rất gần gũi với trang trí trên trống đồng. Màu sắc chủ đạo của váy là màu vàng, đỏ nên rất rực rỡ.

Từ thực tế, chúng tôi có suy nghĩ: Phải chăng nghề dệt vải của người Mường ở Thanh Hoá đã phát triển đến đỉnh cao, có nhiều nghệ nhân nắm chắc kỹ thuật dệt hoa văn trên cặp váy và họ đã không ngừng truyền thụ lại cho con cháu, đến ngày nay nghề dệt vải vẫn tồn tại và phát triển ở vùng này.

Giáo sư Từ Chi cũng nhận xét: “Cặp váy Mường còn “găm” lại đến tận ngày nay một số mô típ hay bố cục vốn là hồi âm của nền văn minh cổ xưa”⁽¹⁾. Và ông cũng cho rằng dưới con mắt người Mường, cặp váy là một biểu hiện

⁽¹⁾ Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*. Sđd, 1966, tr. 11.

của truyền thống, của lối sống cha ông mà họ chưa đang tâm đoạn tuyệt hẳn.

Trên bình diện chung, hoa văn trên cặp váy Mường rất phong phú, đa dạng. Đồng bào Mường ở các địa phương có những cách gọi khác nhau và việc phiên âm chúng sang tiếng Việt chưa đồng nhất nhưng những tên gọi đó đã gắn với cây cỏ, hoa lá, chim thú, rừng, người... rất gần gũi với môi trường sống của đồng bào.

Mặt khác, hoa văn với tư cách là một loại hình nghệ thuật nó phản ánh tâm tư, tình cảm, óc thẩm mỹ, tài năng sáng tạo của người dệt. Cùng một loại hoa văn nhưng trong quá trình dệt, mỗi người luôn cải biên, cách điệu các chi tiết để tạo nên kiểu dáng hoa văn theo ý thích cá nhân. Những người già thường giữ phong cách, quy tắc truyền thống để bảo lưu kỹ thuật dệt và mẫu mực hoa văn đã được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong khuôn khổ “gia truyền” hay “tộc truyền”. Các thiếu nữ trẻ khi dệt thường bay bướm, tự do phóng khoáng nên mẫu hoa văn thường xuyên bị biến cải, do đó chỉ một mẫu hoa văn con rồng nhưng Giáo sư Từ Chi đã thống kê được 14 loại khác nhau. Theo sự thống kê của chúng tôi, mặc dù đây chỉ là những con số thuần túy, ước lệ vì chưa có điều kiện so sánh, đối chiếu nhưng tên gọi hoa văn trên cặp váy Mường rất phong phú.

Rang trên có các loại hoa văn quả mây, móc câu, chân mùng, kéo nhà, đồng tiền, ngôi sao, bướm, chuồn chuồn, hoa vuông thủng giữa, quả trám, hoa văn mặt phà...

Rang dưới có các loại hoa văn hình rồng, ngựa (*long mã*), rồng lượn, rồng cụt (hay rồng ngắn), rồng cái, rồng con, rồng áp hay rồng ổ, xồng lỏi (con xồng giống), xồng vòng (như con bướm to), xồng tóc, xồng cụt, hươu đứng, hươu quỳ, hươu đứng dưới bóng cây chuồng, chim gáy, chim cò, chim công đi ăn, chim công đang múa, chim cuốc, con ngan, con phượng, gà lôi, con nhện, con cá (đầu dài đuôi ngắn), con rùa, người cưỡi voi che dù, quả mây, quả ghen, quả quýt, quả vánh, lá ngói (hay na ngói), cây bông, cây hoa, ngôi sao, núi mọc...

Hoa văn ở kải (*cao*) có dải màu quả mây, dải màu và chân mùng, dải màu và hoa cà...

Nhìn chung trong cặp váy Mường, bộ phận rang trên và cao có hoa văn đơn giản, chủ yếu là hoa văn hình học và thực vật. Hoa văn có thể được bố cục rậm, rối mắt, kích thước nhỏ, cũng có thể được bố cục thưa thoáng; hoa văn to, hoa văn có kích thước lớn chỉ ở rang trên. Những hoa văn này rất gần gũi với kiểu hoa văn trên mặt phà của người Lào và hoa văn trên mặt chăn Thái. Màu sắc hoa văn thiên về hoa trắng trên nền đen. Hoa văn ở cao chủ yếu là những sọc màu nhỏ xen kẽ nhau, trên những sọc màu có điểm hoa văn thực vật.

Trong cặp váy, rang dưới luôn chiếm vị trí quan trọng và nổi bật nhất. Rang dưới không chỉ là bộ phận có kích thước rộng nhất mà nó còn có màu sắc nổi bật hơn so với rang trên và cao. Hoa văn thể hiện khá rành mạch, rõ ràng và chủ yếu là hoa văn động vật nổi trên nền các dải màu chạy ngang.

Về xuất xứ hoa văn trên cặp váy Mường, văn học dân gian Mường có truyền thuyết Khao Che Nghè Chông đánh nhau với vua Dịt Dàng để trả thù cho cha là Bù Lệnh Bù Lèm (Đá Đền Đá Đẹt) và hình tượng con muông đin vin đượng vượng trở thành nguồn gốc các kiểu hoa văn trên cặp váy. Câu chuyện còn được lưu truyền trong mo *Đẻ đất đẻ nước*, mục săn muông có đoạn:

Thợ bên bắc nghe vua săn muông đã đổ

Đến xem đến ngó

Trở về dết nên áo vóc gấm thêu rồng

Thợ bên đông đến xem đến ngó

Trở về dết nên áo lông công thêu cá

Cô gái Rự, Xá, Mường, Lào

Nghe quân vua săn muông đã đổ

Hăm hờ cầm戈 và thước

Dết được hình trái trám, thạch sùng

*Dệt nên hình văn vàng hoa con cạp
Cô gái Mường Mộc, Mường Mang
Nghe vua săn muông đã đồ
Hăm hờ cảm go cảm thước
Dệt được hình văn sóng lưng
Cô gái Mường Động, Mường Thành, Mường Vang
Nghe vua săn muông đã đồ
Hăm hờ cảm go cảm thước
Dệt được văn thân muông
Cô gái Mường Bi, Mường Lỗ
Nghe vua săn muông đã đồ
Bước đến sau cùng
Không dệt được hình được dáng...*

Hoa văn cạp váy Mường là một sáng tạo độc đáo của văn hoá Mường, nó thể hiện tài năng sáng tạo, tính kiên trì nhẫn nại của người phụ nữ. Cũng phải nói thêm rằng hoa văn cạp váy Mường đã tiếp thu nghệ thuật của các dân tộc anh em khác như mặt phà Lào, mặt chăn Thái...

- *Nét đẹp trong cách tạo dáng trang phục*: Trang phục phụ nữ Mường mới thoáng nhìn không diêm dúa về kiểu dáng cắt may, không rực rỡ loè loẹt về màu sắc, nó bình dị kín đáo nhưng không kém phần thanh lịch, duyên dáng.

Áo ngắn của phụ nữ thường may bó sát thân, khi mặc vừa chớm eo khéo khoe vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ. Phụ nữ Mường thường dùng vải xanh, trắng, nâu, hồng nhạt để may áo ngắn. Họ rất kỵ màu đỏ, màu vàng đậm. Màu được chị em quý nhất là màu trắng, vàng nhạt, xanh sẫm. Những màu đó vừa lâu phai vừa có cảm giác nhẹ nhàng, mát mẻ, tươi trẻ. Lột giữa hai vạt áo nổi lên màu trắng thanh thoát của chiếc yếm trắng và đầu váy hoa để cho chị em phô được vẻ đẹp của cơ thể mà thiên nhiên đã ban tặng.

Váy phụ nữ Mường được chia thành hai phần chính: Phần từ hông trở lên, rực rỡ bởi bộ đầu váy (cạp váy) luôn chiếm tỷ lệ bằng 1/3 chiếc váy. Với những mẫu hoa văn dệt công phu, màu sắc trầm ấm hoặc rực rỡ đã góp phần tạo nên vẻ đẹp cho trang phục phụ nữ Mường. Giáo sư Từ Chi cho rằng: Cạp váy Mường không chỉ là kiểu thức ăn mặc, một lễ thói trang trí. Đây là những yếu tố hăng xuyên của một lối sống, những gì không thể thiếu của một cách cảm thụ cái đẹp.

Phần thân váy là một khoảng lớn màu đen hoặc tím than, gấu váy có miếng vải nẹp lót được trang trí một cách kín đáo. Nẹp váy rộng 3 - 4cm được làm bằng vải đỏ, vải hồng hoặc trang trí một số bông hoa trắng do kỹ thuật thắt nút vải khi nhuộm. Trước khi nhuộm, muốn bông hoa trên

nẹp gấu vẫn giữ được màu trắng của vải như ban đầu phải thắt nút thật chặt. Với cách đó họ đã tạo nên những bông hoa to nhỏ, mau thưa khác nhau. Lúc cô gái ngồi, nẹp váy lộ từng đoạn khoe vải bông hoa, khi bước đi những bông hoa thoáng ẩn hiện trông rất vui mắt và tăng thêm vẻ duyên dáng cho cô gái.

Đi đôi với váy là bộ tênh khăn (thắt lưng). Tênh khăn được thắt đúng giữa eo trên nền cao váy, làm nổi eo người. Tênh đẹp nhất là tênh màu lá mạ vì nó tôn được màu đỏ, màu vàng của đầu váy, tôn được màu đen của thân váy. Trong cách may truyền thống, người Mường đã tạo cho y phục nét đẹp riêng. Áo ngắn tuy may bó sát thân nhưng lại khênh cái cúc để tạo sự thoải mái cho cơ thể. Váy được may chùng và rộng, khi đi chơi đi hội váy được thả trùm gót tạo sự uyển chuyển, thướt tha. Khi lao động nó dễ dàng được cuộn, giặt rất tiện lợi và thoải mái.

- *Y phục nam giới Mường* chủ yếu may bằng vải đen, vải xanh, những màu đó vừa phù hợp với cảnh quan nơi sinh sống của đồng bào, vừa phù hợp với điều kiện lao động hàng ngày của họ. Y phục nam giới được may rộng rãi, tạo sự khoẻ khoắn cho cơ thể và thuận tiện trong sinh hoạt.

Để có được một bộ trang phục là cả quá trình lao động

vất vả và kiên trì của người phụ nữ. Nó thể hiện rõ nét đẹp văn hoá trong cách nuôi dạy con cái trong gia đình Mường. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, người mẹ đã tận tình truyền lại cho con kỹ thuật dệt vải, đặc biệt là nghệ thuật dệt cặp váy. Chiếc cặp váy còn là thước đo tài năng, đức hạnh của người phụ nữ, chính vì vậy việc dạy cho con cháu kỹ thuật dệt cặp váy là nét đẹp văn hoá của các bà mẹ xứ Mường.

Sắp đến tuổi trưởng thành, các em bắt đầu làm những sản phẩm dệt để thể hiện vai trò của nàng dâu đối với gia đình nhà chồng trong tương lai. Trong tục cưới xin của người Mường xưa, nhà trai không sắm quần áo cho cô dâu. Cô gái Mường phải tự trồng bông, nuôi tằm, dệt vải để lo áo váy, chăn gối cho mình và một số quà tặng gia đình nhà chồng.

Khi đưa dâu về nhà chồng, bao giờ cũng có ít nhất hai người khênh của hồi môn với vài chục chiếc gối do cô dâu tự làm tặng anh em họ hàng nhà chồng. Có vài chiếc khăn, màn, gối dựa lưng để biếu bố mẹ chồng tỏ lòng hiếu thảo của con dâu. Quan trọng hơn cả là số chăn, đệm, y phục đẹp lộng lẫy được trang trí trong buồng cô dâu nhằm khoe khoang với mọi người tài đức của cô dâu mà không một lời nào diễn tả được.

Tóm lại: Trang phục Mường nói riêng và trang phục các tộc người khác nói chung là một hiện tượng văn hoá vật chất vận hành sống động trong đời sống cư dân. Đi sâu nghiên cứu những giá trị văn hoá ẩn chứa trong trang phục để phục vụ cho chính cuộc sống hôm nay là việc làm có ý nghĩa to lớn và thiết thực.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI THỎ

Ở người Thỏ, do nghề dệt vải không phát triển, chủ yếu mua quần áo may sẵn của các tộc người khác về dùng nên y phục của họ mang tính lệ thuộc và thiếu đồng nhất, có nơi mặc giống người Kinh, có nơi mặc giống người Thái hoặc người Mường.

Nhóm Tày Poọng cư trú ở thượng nguồn sông Cánh Tráp giáp biên giới Việt - Lào, từ huyện lỵ Tương Dương tỉnh Nghệ An phải đi bộ ba ngày đường mới đến bản của họ. Gân đây đồng bào biết trồng bông, kéo sợi dệt vải tự túc một phần nhu cầu mặc của mình. Tuy cách ăn mặc của họ rất giống nhóm Thái Hàng Tổng nhưng họ tự túc được vải, tự cắt khâu, thêu áo váy nên trang phục của họ cũng ẩn chứa những đặc điểm riêng.

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Y phục truyền thống của phụ nữ Thổ gồm có khăn, áo, váy. (Xem ảnh 37).

- **Khăn:** Thường ngày phụ nữ Thổ đội khăn vuông màu trắng. Khăn rộng 70 x 70cm bằng một khổ vải. Trong đám tang họ đội khăn dài màu trắng như người Kinh

- **Áo:** Áo của phụ nữ Thổ bằng vải thô tự dệt màu trắng, may kiểu tứ thân mở ngực, cổ tròn có đường viền nhỏ. Tay áo (*xiào*) ngắn rộng. Thân áo sau (*xương sôông*) và hai vạt trước (*nong toọc*) bằng nhau. Hai tà áo trước không khâu nếp mà chỉ viền mép vải. Áo không thừa khuy đơm cúc, chỉ đính hai hoặc ba đôi dây vải bằng sợi xe để buộc hai vạt áo với nhau. Áo may rất ngắn, khi mặc hở một phần cạp váy. Nhìn chung, áo phụ nữ Thổ may rất đơn giản nếu không nói là quá đơn giản.

- **Váy:** Phụ nữ Thổ thường sử dụng hai loại váy. Loại váy bằng sợi vải bông tự dệt màu trắng gọi là *pún* - đây là loại váy cổ hơn. Xưa kia phụ nữ dân tộc Thổ chưa biết trồng bông dệt vải, họ mua vải mộc trắng về may váy. Váy được tạo thành bởi hai mảnh vải khâu khép kín lại theo chiều ngang, váy không có trang trí hoa văn.

Loại váy thứ hai là *pún pon*, *pún* có nghĩa là váy, *pon* có nghĩa là hoa văn chân váy. Lúc đầu đồng bào trao đổi

ghế mây, võng day, bèm với người Thái để lấy loại váy này về dùng. Sau này khi đã tự dệt được vải họ vẫn cắt may và thêu hoa vẫn hoàn toàn giống người Thái Hàng Tổng để mặc. (Xem ảnh 39).

Pún pơn may bằng vải tự dệt, nhuộm đen. Chân váy thêu hoa vẫn bằng chỉ màu. Hoa vẫn chủ đạo là hình con rồng. Bên cạnh con rồng còn có hoa văn nhiều cánh, hoa hướng dương; dưới chân con rồng người ta dùng chỉ màu trắng thêu hoa văn hình tam giác chạy xung quanh chân váy. Loại váy này được người Thổ sử dụng rất phổ biến, nhất là trong các dịp cưới xin, hội hè.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Đàn ông dân tộc Thổ ăn mặc tương tự người Kinh với chiếc quần trắng vắn cạp, áo dài lưng đen, đầu đội khăn nhiều tím. Tuy vậy, y phục nam giới dân tộc Thổ ở bản Phòng xã Tam Hợp huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An vẫn có những yếu tố riêng. (Xem ảnh 38).

Áo (*áo nam*) được may bằng vải tự dệt màu trắng, kiểu tứ thân, cổ áo (*co ao*) tròn. Tay áo (*xiao*) dài, rộng. Áo xẻ tà ở nách, hai thân phía trước (*nong toọc*) không có túi áo. Loại áo này được đồng bào sử dụng rất phổ biến.

Quần (*quân nam*) được cắt may bằng vải tự dệt màu trắng. Quần được cắt may theo kiểu bỏ đũng giống kiểu

nam giới vùng nông thôn miền xuôi. Ông quần rộng, cạp quần nhỏ có luồn dây rút bằng vải. Ngày nay, loại quần này chỉ có các ông già và người đứng tuổi mặc. Tầng lớp thanh niên mặc quần âu, áo sơ mi.

III. Y PHỤC TRẺ EM

Y phục trẻ em người Thổ không có gì đặc sắc, trẻ em nam cũng như trẻ em nữ người Thổ mặc giống trẻ em người Kinh.

IV. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

- Trong dịp cưới xin, lễ hội phụ nữ Thổ mặc áo dài năm thân dài tới mắt cá chân, thân thứ năm bên trong ngắn hơn thân ngoài khoảng 10cm. Ống tay dài và chặt. Cổ cứng, tròn, cúc cài bằng đồng bên sườn phải. Áo năm thân may rất hẹp phía trên, nở phía dưới thân áo.

Áo năm thân được mặc với loại váy dài, may bằng vải dũi nhuộm đen (vải mua của người Kinh). Váy không thêu vẽ hoa văn, là loại váy kín. Khi may váy dài người ta thường khâu thêm hai bên cạnh váy mỗi bên một miếng vải đỏ hoặc đắp thêm hai nếp vải đỏ chạy dọc từ cạp đến gấu váy. Váy dài, khi mặc kéo cao tới tận ngực. Mặc váy không dùng thắt lưng nên họ thường vắn ba mối ở giữa ngực. Khi mặc váy dài có thể che kín từ ngực đến chân nên người ta ít mặc yếm.

- Trang phục lễ hội nam giới: Trong dịp lễ tết, hội hè nam giới mặc áo dài lưng đen cài cúc đồng ở sườn phải. Quần dài màu trắng kiểu chân què đũng rộng, ống rộng, đầu đội khăn xếp.

Nhìn chung, trang phục nam giới người Thổ rất gần gũi với trang phục Kinh và Mường.

V. TRANG SỨC

Phụ nữ Thổ, nhất là người già và trẻ em thường đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc vừa để trang trí vừa có tác dụng trừ gió, tránh tà ma. Người Thổ còn búi tóc, nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình.

Xăm chữ, xăm hình là một quan niệm tôn giáo đã có từ lâu của người Thổ. Người nào đến tuổi trưởng thành mà trên tay chưa xăm được các chữ là chưa an tâm. Họ quan niệm nếu cánh tay chưa được xăm, khi chết Diêm Vương sẽ lấy xương cẳng tay làm cái chống chạn (cột chống ở hai đầu nhà) và con người sống ở thế giới bên kia không toàn vẹn.

Họ thường xăm ở tay các chữ “bản mệnh trường sinh”, chữ “vương”, chữ “thập ngoặc”, những hình hoa chanh, hoa thị. Việc xăm chỉ được tiến hành vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch hàng năm, những ngày khác không được làm.

VI. TANG PHỤC

Khi cha mẹ chết, người Thổ ở vùng Thanh Hoá, Nghệ An có tập quán mặc tang phục như sau:

Con trai, con gái, con dâu người quá cố mặc áo chàm dài xỏ chân (không vắt gấu). Cháu đích tôn, con rể mặc áo xỏ trắng.

Con trai chống gậy tre nếu cha chết, chống gậy vông nếu mẹ chết; đầu đội mũ rơm.

Con dâu trưởng đội mũ nển hai ngọn, con dâu thứ đội mũ nển một ngọn.

Trong đám ma nếu mời thầy mo về làm lễ thì nghi lễ giống người Mường. Nếu mời thầy phù thủy về làm lễ thì nghi lễ giống người Kinh.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI CHỨT

Từ trước tới nay người Chứt không có tập quán trồng bông dệt vải. Trước năm 1945, họ phải dùng vỏ cây sui đập dập làm đồ che thân. Sau 1945, họ mua bán trao đổi vải với người Việt hay người Lào trong vùng để mặc. Vì vậy quần áo của họ rất đơn sơ, chủ yếu là y phục mặc hàng ngày.

.Y PHỤC CỦA PHỤ NỮ

Trang phục người Chứt cũng tùy thuộc vào từng nhóm. Bộ y phục của phụ nữ Chứt ở xã Dân Hoá huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình gồm có khăn, áo, váy.

- **Khăn:** Là loại khăn trắng dài rất giống khăn của phụ nữ Mường. Khi đội, họ trùm lên đầu và thắt nút theo kiểu thắt vắn sau gáy.

- **Áo (ao)** được cắt may, khâu thêu giống áo phụ nữ Bru. Là loại áo tứ thân, cổ tròn do một miếng vải có thêu trang trí dính vào thân áo tạo thành cổ. Nẹp ngực cũng là một miếng vải rộng 2,5cm, dài 25cm được thêu trang trí dính vào. Trước kia trên nẹp ngực thường dính bảy hàng cúc bạc. Nay thường dính vài đôi dây vải để buộc hai vạt áo lại với nhau.

Hiện nay đa số phụ nữ may áo bằng vải hoa công nghiệp hoặc bằng vải của người Lào, cách may giống áo phụ nữ Kinh.

- **Váy (a phân):** Váy của phụ nữ Chứt rất đơn giản. Họ không có tập quán thêu thùa, trang trí hoa văn trên váy, màu sắc trên váy khá đa dạng, nó phụ thuộc vào tấm vải mà họ lựa chọn khi mua về may. Váy của phụ nữ Chứt là loại váy ống gồm ba bộ phận:

+ Cạp váy rộng 15cm, là một miếng vải rời và được khâu liền với thân váy.

+ Thân váy dài 60cm là một miếng vải có màu sắc khác với cặp váy và gấu váy.

+ Gấu váy rộng 15cm bằng vải thổ cẩm mua của người Lào được khâu liền với thân váy.

Nhìn chung, váy (*a phăn*) của phụ nữ Chứt được cắt may đơn giản, không thêu thùa trang trí hoa văn. Hoa văn đã có sẵn trên tấm vải mà họ lựa chọn mua về may áo váy. Hiện nay phần lớn phụ nữ Chứt mặc giống người Kinh.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Trước kia, mùa hè nam giới dân tộc Chứt đóng khố cời trần. Mùa đông mặc áo làm bằng vỏ cây. Hiện nay, họ mặc giống như nam giới dân tộc Kinh.

Chương II

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI

Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ở Việt Nam có 8 dân tộc là: Tày, Nùng, Thái, Sán Chay, Giáy, Bô Y, Lào.

- **Người Tày** có 1.626.392 người (theo số liệu thống kê năm 2009), gồm các nhóm địa phương như Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao, Pa Dí. Người Tày cư trú tập trung ở các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái. Sau khi miền Nam giải phóng, một bộ phận chuyển cư tới Tây Nguyên và Nam Bộ.

- **Người Nùng** có 968.800 người (theo số liệu thống kê năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Nùng Giang, Nùng Xuông, Nùng An, Nùng Inh, Nùng Lòi, Nùng Cháo, Nùng Phàn Slinh, Nùng Quý Rịn, Nùng Dín... Người Nùng cư trú tập trung ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Giang, Yên Bái, Quảng Ninh.

- **Người Thái** có 1.550.423 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Thái Đen (Táy Đăm), Thái Trắng (Táy Đón hoặc Khao). Người Thái cư trú tập trung ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái và một số huyện của tỉnh Hoà Bình, một số huyện ở miền Tây Thanh Hoá, Nghệ An.

- **Người Sán Chay** có 169.410 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009) với nhóm địa phương: Cao Lan, Sán Chỉ. Đồng bào cư trú tập trung ở Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số tỉnh khác như Quảng Ninh, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Lạng Sơn.

- **Người Giáy** có 58.617 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), cư trú tập trung ở các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Mường Khương (Lào Cai); Yên Minh, Đồng Văn (Hà Giang); Phong Thổ, Mường Tè (Lai Châu).

- **Người Bố Y** có 2.273 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Bố Y và Tu Dí. Đồng bào cư trú rải rác dọc biên giới Việt - Trung từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Bảo Lạc (Cao Bằng).

- **Người Lào** có 14.928 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), có các nhóm địa phương là Lào Bốc (Lào Cạn) và Lào Nội (Lào Nhỏ). Người Lào cư trú ở các huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La), Điện Biên (tỉnh Điện Biên), Phong Thổ, Than Uyên (tỉnh Lai Châu).

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái thường lập làng ở các triền đồi, ven thung lũng có những cánh đồng rộng, đất đai trù phú, màu mỡ rất thuận lợi để phát triển sản xuất, chăn nuôi gia súc, các ngành nghề thủ công.

Các cư dân nhóm Tày - Thái có truyền thống sản xuất lúa nước từ lâu đời, trong quá trình lao động họ đã sáng tạo nên những giá trị văn hoá đặc trưng phù hợp với cảnh quan môi trường cư trú. Đó là hệ thống nương, phai, lái, lín dẫn nước vào ruộng, là chiếc cọn đưa nước từ suối thấp lên ruộng cao. Việc áp dụng kỹ thuật trong sản xuất được chú ý nên năng suất cây trồng cao. Ngoài ra, do ở thung lũng nên họ cũng thành thạo việc khai khẩn đất dốc để sản xuất trên cạn như trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn. Đáng chú ý nhất ở đây là người Tày, Nùng biết trồng rừng. Có những cánh rừng nhân tạo được kiến thiết thành ba tầng, tầng trên cùng là những cây trám đen, trám trắng; tầng giữa là cây hồi, tầng dưới là chè, quýt.

Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái vừa biết khai thác đất bằng để làm ruộng, vừa biết khai thác đất dốc để trồng cây công nghiệp. Họ là chủ nhân sáng tạo nên văn minh thung lũng.

Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm khá phát triển để làm sức kéo, lấy phân bón ruộng, trao đổi hàng hoá và phục vụ

đời sống hàng ngày. Công việc thu hái lâm thổ sản, săn bắt, đánh cá diễn ra thường xuyên để cải thiện đời sống.

Xuất phát từ nền kinh tế mang tính tự cấp, tự túc đã tạo điều kiện cho nghề phụ gia đình phát triển, trong đó đáng kể nhất là nghề dệt vải và đan lát. Đồng bào trồng bông, dệt vải phục vụ cho nhu cầu gia đình và trao đổi. Thổ cẩm của đồng bào với nhiều mô típ hoa văn và gam màu rực rỡ, là món hồi môn của các cô gái đem về nhà chồng. Vải thổ cẩm được dùng làm mặt chăn, màn gió, khăn trải bàn, địu trẻ em... Vải thổ cẩm còn là mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu được khách du lịch rất ưa chuộng.

Đồng bào nhóm Tày - Thái đan lát rất khéo, những rương để quần áo, mâm cơm, ghế ngồi, đồ đựng, dụng cụ để vận chuyển được đan bằng mây tre, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật đan lát.

Các dân tộc thuộc nhóm Tày - Thái lập bản ở chân núi, trước bản là đồng ruộng sau bản là nương và rừng.

Đồng bào ở nhà sàn để tránh sự ẩm thấp của khí hậu và tránh thú dữ, nhà kết cấu bằng gỗ bền chắc.

Đồng bào ăn cơm tẻ là chính, trong những ngày lễ, tết đồng bào làm nhiều loại bánh bằng gạo nếp để cúng bái và ăn tết.

Cư dân nhóm Tày - Thái chủ yếu thờ tổ tiên. Đồng bào

quan niệm: Con người có phần hồn và phần xác, khi chết là chết phần xác còn phần hồn về sống với tổ tiên.

Trong tục lệ cưới xin của người Tày - Nùng, khi cô dâu chuẩn bị bước về nhà chồng có nghi lễ tách ma nhà bố mẹ đẻ và nhập hồn ma nhà chồng. Người Thái có tục ở rể, khi có con mới tổ chức lễ cưới chính thức để đưa cô dâu về cư trú bên nhà chồng.

Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái có kho tàng văn học dân gian phong phú. Kho tàng truyện cổ, dân ca, ca dao, tục ngữ... chứa đựng tính nhân văn sâu sắc và có ý nghĩa giáo dục cao về lòng dũng cảm, lòng yêu quê hương, tình yêu lứa đôi, cái thiện thắng cái ác, đề cao vai trò của nhân vật mồ côi...

Âm nhạc của đồng bào mang bản sắc dân tộc rất rõ nét. Cây đàn tính là nhạc cụ rất tiêu biểu, độc đáo của người Tày, Nùng. Người Sán Chay có trống tang sành. Người Lào, Lự có khèn bè, sáo trúc. Hát "sli", "lượn" là làn điệu dân ca đậm đà bản sắc dân tộc Tày, Nùng. "Khắp" là làn điệu dân ca phổ biến rộng rãi của đồng bào Thái. "Sinh ca" - hát đối đáp nam nữ là hình thức sinh hoạt phong phú, hấp dẫn của người Sán Chay được nhiều người tham gia. Trong những dịp lễ tết, hội hè, người Lào thường tổ chức uống rượu cần và múa lăm vông.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI TÀY

Trong xã hội truyền thống của người Tày, gia đình nào cũng có xa kéo sợi và khung cửi dệt vải. Đồng bào thường chọn những nương đất tốt để trồng bông, trồng chàm làm nguyên liệu dệt và nhuộm vải. Ở một số địa phương, những nhà giàu hoặc những gia đình có đông con gái còn nuôi tằm dệt lụa để làm thắt lưng, may áo dài và làm màn tơ. Ngoài dệt vải thô để may y phục, đồng bào Tày - Nùng còn giỏi dệt vải thổ cẩm. Các công đoạn dệt vải và dệt thổ cẩm giống nhau, nhưng khác nhau về bố cục đồ án hoa văn và mô típ trang trí. Dệt vải thổ cẩm được thực hiện ngay từ khâu cài go trên khung cửi dệt. Sợi dệt đã được nhuộm màu trước, các nghệ nhân cài đặt các sợi màu tạo nên hoa văn. Hoa văn thổ cẩm được trang trí thành hàng, thành lớp, mô phỏng theo các loại hoa lá, cây cỏ gần gũi với thiên nhiên nơi cư trú của đồng bào như hoa lê (*bloóc lì*), hoa nhội (*bloóc phát*), hoa lá mía (*lài ỏi*), sao tám cánh (*pét kíp*), hình tam giác (*slam coóc*), đồng tiền (*lài chèn*)...

Dệt vải và may vá được coi là một trong những tiêu chuẩn giới lao động cũng như đức hạnh của người phụ nữ. Người Tày thường nói “*chiêm slao chiêm tin slĩa*” - kén gái xem tà áo. Hoặc “*chiêm slao chiêm bươn Lạp*” - chọn dâu thì xem vào tháng Chạp. Để đánh giá đức hạnh và sự chăm chỉ siêng năng của cô gái định chọn về làm

đâu, khi đi chợ người ta chú ý xem cô gái ăn mặc như thế nào. Vào tháng Chạp trời giá rét, các cô gái đi chợ thường mặc áo ba lớp. Nếu cô nào mặc cả ba lớp áo mới chứng tỏ cô gái chăm chỉ, giỏi dệt vải và khéo may vá, có thể chọn làm dâu.

Đặc biệt các cô gái Tày cũng rất tự hào về đôi bàn tay làm việc, nhuộm chàm của mình. Nếu ai giỏi kỹ thuật pha chế màu để nhuộm vải sẽ tạo được màu đẹp, đặc sánh, khi nhuộm nước chàm bám chặt vào hai bàn tay ánh lên màu thẫm pha sắc tím - đó là màu đẹp. Nếu da tay xanh nhờ nhờ chứng tỏ người đó chưa giỏi chế biến chàm để nhuộm vải.

Vải tự dệt của người Tày có nhiều loại: Vải khổ rộng, vải khổ hẹp, vải thô, vải thổ cẩm... để may quần áo, chăn màn, ri đô cửa buồng, mặt địu, thắt lưng, gối, túi...

Từ sản phẩm vải tự dệt, với bàn tay khéo léo, phụ nữ Tày đã tạo nên nhiều loại trang phục để đáp ứng nhu cầu mặc của bản thân và gia đình.

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

1. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Tày vùng Cao Bằng, Bắc Kạn

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Tày vùng Cao Bằng, Bắc Kạn gồm có nón lá, khăn đội đầu, áo cánh ngắn, áo dài, quần, thắt lưng.

- **Nón lá:** Phụ nữ cũng như nam giới Tày khi ra khỏi nhà thường đội chiếc nón lá cọ để che nắng, che mưa. Nón có đường kính 53cm, phần thân nón đan bằng lát giang chẻ nhỏ, vót nhọn, hoa văn cái theo lối mắt cáo tạo thành hình lục giác. Mỗi chiếc nón được lợp bằng hai tàu lá cọ nhỏ (lá bánh tẻ). Nón lá cọ của người Tày có sự phân biệt giữa nón của phụ nữ và đàn ông.

Nón nữ được đan công phu, dày dặn bằng loại nan nhỏ, mềm, bóng. Nón nam giới đan thưa bằng nan cứng và thô hơn. Nón lá cọ của người Tày đẹp, đội nhẹ và rất bền nên được người Tày và các dân tộc khác ưa dùng.

Người Tày rất giỏi dệt vải thổ cẩm. Họ đã tạo được nhiều loại thổ cẩm đẹp, nhưng trang phục của họ chủ yếu chỉ một màu chàm xanh hoặc đen. (Xem ảnh 62). Màu chàm đã gắn bó và đi vào cuộc sống ngàn đời của đồng bào. Màu chàm là màu của núi rừng, màu của ruộng lúa, nương ngô đã nuôi dưỡng cuộc sống của con người nơi đây, đã gắn kết họ với thiên nhiên và giúp họ hoà vào thiên nhiên. Màu chàm đối với người Tày thật đẹp và thiêng liêng, họ nâng niu trân trọng và coi đó là cái chất riêng của miền núi - của dân tộc mình.

Mời anh xơi miếng cơm lam

Của em cô gái áo chàm

Còn gì đẹp và ý nhị hơn thế nữa?

Bộ y phục của phụ nữ Tày ở xóm Bằng Viễn xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn gồm có khăn vắn, khăn vuông, áo cánh, áo dài, quần, thắt lưng.

Khăn đội đầu có hai loại: khăn dài vắn tóc và khăn vuông đội ngoài.

Khăn vắn tóc (khăn queng) dài 76cm, rộng 15cm, bằng vải đen. Khăn vắn dùng để cuốn tóc và vắn quanh đầu rồi mới đội khăn.

Khăn vuông (khăn vuông) rộng 80 x 80cm, bằng vải đen hoặc vải chàm. Khi dùng, gấp đôi khăn theo đường chéo, đặt khăn lên đầu, hai đuôi khăn thắt mỗi sau gáy gần giống kiểu khăn vắn “mỏ quạ” của người Kinh.

- **Áo cánh ngắn (áo cánh)** bằng vải bông nhuộm chàm hay màu trắng. Áo bốn thân xẻ ngực, cổ tròn, nẹp cổ cao 2cm, hai vạt trước có hai túi nhỏ. Tay áo được may vừa vặn với cơ thể, thân áo hơi nhấn thêm eo để tôn những đường nét của phụ nữ. Áo cánh trắng được mặc bên trong áo dài màu đen.

- **Áo dài (sửu li)** may bằng vải thô nhuộm màu chàm, dài 107cm, rộng 50cm (tùy người có kích thước khác nhau). Áo may kiểu năm thân, cổ tròn, nẹp cổ cao 2cm. Cổ áo không ôm sát vòng cổ mà hở một đoạn tạo cảm giác

miền mai cho chiếc áo, đồng thời để cổ của chiếc áo cánh trắng bên trong nổi rõ trên nền đen của chiếc áo dài. Vạt áo bên phải ngắn, nhỏ, khi mặc nằm phía trong; vạt áo bên trái rộng, dính 5 chiếc cúc đồng, khi mặc cài cúc bên nách phải, thân áo hơi thắt eo, áo xẻ nách cao để khoe tà áo cánh trắng mặc bên trong, tay áo dài may liền với thân có nối ở giữa cánh tay, cửa tay áo hẹp.

Áo phụ nữ Tày chỉ một màu chàm xanh đen, không thêu vẽ hoa văn. Khi đi chơi, đi hội phụ nữ thường mặc áo cánh trắng bên trong, áo dài đen bên ngoài để tăng thêm phần duyên dáng. Có lẽ vì vậy người Tày còn được gọi là người áo trắng (*cần sửa khảo*) để phân biệt với người Nùng thường mặc áo màu chàm.

Ở một số nơi thuộc tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, chiếc áo dài nữ nằm thân của phụ nữ Tày từ thắt lưng trở xuống may bằng vải khác màu. Loại áo này rất giống áo nữ người Sán Chay.

- **Quần** (*khóa*) bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ. Gần đây, phụ nữ thường dùng vải láng đen hoặc lụa đen để may quần và cắt theo kiểu bỏ đũng, cạp luồn chun hay dây rút.

- **Thắt lưng** (*lặng*) bằng vải đen, dài 300cm, rộng 26cm, bằng một khổ vải. Khi dùng, gập nhỏ theo chiều dài

quần quanh bụng hai vòng, hai đầu thắt lưng buông dài vắt mỗi sau lưng. Thắt lưng bó sát áo dài vào cơ thể có tác dụng tôn thêm chiều cao cho người mặc và tạo sự mềm mại, thanh thoát hơn.

Ngoài bộ trang phục truyền thống như trên, y phục phụ nữ Tày ở một số địa phương cũng có những đặc điểm riêng.

- *Váy*: Trước đây phụ nữ Tày mặc váy, hiện nay họ chủ yếu mặc quần, riêng phụ nữ Tày ở Lào Cai và Tuyên Quang vẫn mặc váy. (Xem ảnh 60). Váy Tày là loại váy kín gồm ba phần: cạp, thân và gấu váy. Cạp váy rộng 15 - 20cm là một mảnh vải rời, có thể là vải chàm, vải đỏ hoặc vải hoa được khâu ghép vào thân váy.

Thân váy bằng vải chàm may khếp kín, chu vi váy do bốn mảnh vải khổ rộng 40 cm ghép theo chiều dọc. Chân váy được viền hoặc đắp thêm một miếng vải khác màu, vừa để cho phẳng váy, vừa tạo cách trang trí riêng. Khi mặc, váy được vắn mỗi về phía trước hoặc sang hông. Lúc ở nhà, đi chơi, đi chợ váy được thả dài tới mắt cá chân. Khi lao động ở nơi ruộng nước, bùn sâu... váy được quần hai, ba lần cạp lên cho gọn hoặc túm một góc gấu lên cài vào cạp váy (mặc kiểu gập váy).

Khi mặc váy, phụ nữ Tày rất ý tứ trong mọi cử chỉ của

mình. Khi ngồi trên sàn, chị em thường ngồi duỗi chân ra phía trước, kéo váy che kín chân; khi ngồi xỏm cũng ý tứ kéo váy che kín hai ống chân phía trước. Khi làm bếp, xe sợi... chị em thường ngồi trên chiếc ghế nhỏ khép hai bàn chân vào nhau. Những cử chỉ đó thể hiện sự tinh tế, kín đáo trong tính cách của phụ nữ Tày.

2. Trang phục của phụ nữ Tày (nhóm Pa Dí) ở huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai

Pa Dí là một nhóm địa phương của người Tày. Đồng bào cư trú ở huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai. Y phục của họ rất kín đáo, che kín toàn thân. Y phục của người Pa Dí khá độc đáo gồm: mũ đội đầu, áo, váy, tạp dề, giày vải. (Xem ảnh 61),

- **Mũ (băn)** được làm bằng vải, cốt bằng vỏ cây mai và trang trí nhiều hạt bạc. Theo tên gọi của đồng bào, mũ có các bộ phận như khung mũ, cái độn tóc, phăn câu, tạp hồ, tai hồ, que tre gài tóc.

Khung mũ hình mái nhà được làm bằng vải chàm rộng 40cm, dài 100cm. Vải làm khung mũ sau khi đã nhuộm chàm, người ta lấy củ *mạc u khoai* được trồng quanh nhà giã nhỏ, vắt lấy nước. Họ dùng chổi nhỏ bằng chít quét nhiều lần nước *mạc u khoai* vừa nhón vừa dính lên hai mặt vải, phơi khô lại quét, khi nào vải cứng là được.

Mũ được khâu bằng hai lớp vải cứng như trên, tấm vải được gấp một bên nếp vào 5cm, khâu đính chặt phần gấp đó với một bên thân mũ tạo thành một đường gờ, phần vải còn lại cứ để dài như vậy. Cuối đoạn vải đính một cúc bạc để khi đội cài vào phần vải phía trong giữ cho mũ khỏi tuột.

Cái độn tóc bằng vải chàm xanh rộng 20cm, dài 1,2cm. Khi làm độn tóc, người ta trải một tấm vải ra, đặt rơm đã bện chặt lên trên mặt của 1/2 tấm vải sau đó dùng tay cuốn vải vào với rơm thật chặt, dùng kim đính lại sẽ tạo thành một chiếc độn tóc. Rơm độn bên trong chỉ bằng một nửa tấm vải, còn nửa kia để nguyên cả mảnh vải như vậy.

Phần câu hình chiếc lưỡi cuốc uốn cong, một cạnh dài 20cm, một cạnh dài 10cm, rộng 6 - 7cm. Vào tháng Tám âm lịch, khi vỏ ngoài cây mai (cùng họ tre) đã già, đồng bào chặt mai về lột lấy phần vỏ cật sau đó cắt đúng kích thước của phần phần câu. Họ dùng nhiều lớp vỏ mai để tạo cho phần câu dày và cứng, sau đó uốn cong như hình chiếc cuốc. Tuy phần câu đã được ghép nhiều lớp vỏ mai nhưng họ vẫn dùng hai lớp dày như thế để ghép lại cho dày và cứng thêm. Khi ghép, họ luồn hai sợi dây vải dài 80cm qua chỗ ghép đó. Giữa hai lớp ghép còn độn thêm một lớp vỏ mai nhỏ để phần câu thật chặt. Cuối cùng dùng vải chàm bọc ngoài và khâu kín. Phần câu còn có

một que tre dài 15cm, rộng 1,5cm để làm chỗ tựa cho phần câu khi đội vào đầu.

Tạp hồ là một bộ phận của mũ, được làm bằng nhiều miếng vỏ mai ghép lại, rất cứng. Tạp hồ hình thang cân, cao 15cm.

Tạp hồ chia thành hai phần: Phần vỏ mai được ghép dày, bên ngoài bọc vải xanh, trên mặt vải phía ngoài đính nhiều hạt bạc nhỏ, phía trong cũng đính hạt bạc tạo thành hai đường chéo góc, mỗi góc tạp hồ đính một bông hoa đào bằng bạc. Phía trên cùng của tạp hồ là một mảnh vải chàm rộng 4cm, dài 10cm khâu gắn với tạp hồ.

Tai hồ là một bộ phận của mũ gắn trước trán, làm bằng hai lớp vải xanh chồng lên nhau dài 25cm, rộng 7cm. Tai hồ thêu hoa văn dích dắc bằng chỉ màu và đính nhiều hạt bạc trang trí.

Muốn đội được mũ phải có tóc dài, tóc được chải ngược búi thành búi và buộc trên đỉnh đầu. Dùng chiếc độn tóc nửa không có rơm phủ vòng quanh trán, phủ kín cả búi tóc vòng phía sau, đến đoạn có rơm quấn quanh chân tóc. Khi quấn, cho tạp hồ quấn vào đó. Xỏ que tre vào ống vải độn tóc, đặt phần câu lên búi tóc, cạnh ngấn ở trước trán, cạnh dài ôm khít vào gáy. Que tre được dựng lên ép vào búi tóc chống giữa cạnh ngấn của phần câu ở trước đầu. Dùng hai dây của phần câu vòng mấy vòng

quanh đầu cho chặt. Sau cùng, đội mũ hình nhà phía ngoài, cài chiếc cúc bạc được khâu ở cuối mũ vào một chiếc móc bạc khâu ở chiếc độn tóc phủ trùm trên búi tóc, rút chiếc tạp hồ cho thò ra ngoài ở phía sau gáy.

Trước trán dùng hai dây ở đầu tai hồ buộc chặt vào đầu để che bớt trán và tạo sự hài hoà cho khuôn mặt.

- *Áo (suy)* bằng vải chàm đen, là loại áo ngắn năm thân, xẻ nách, cúc cài bên nách phải. Áo dài 65 - 68 cm, rộng 45 - 50cm.

+ *Cổ áo (khô sư)* là loại cổ đứng cắt riêng, khâu ghép với thân. Cổ áo phía ngoài bằng vải chàm xanh (nay dùng vải đỏ). Cổ áo được đính kín hạt bạc tròn (trên 100 hạt). Sát cổ áo đính một khuy bạc to hình bầu dục để cài hai vạt với nhau, dưới nách có ba khuy bạc nhỏ hình hoa đào.

Áo phụ nữ Tày nhóm Pa Dí là loại áo có hai lớp vải, lớp vải bên trong là vải mỏng bất kỳ, vải ngoài màu chàm. Nẹp áo từ cổ xuống nách bên phải được trang trí công phu. Mảng trang trí này gọi là "*moọc nhân*" - *nhân* là bạc, *moọc* là hoa bắp. Moọc nhân thường được trang trí rồi mới đính vào áo.

Toàn bộ moọc nhân là một miếng vải chàm xanh hình thang cân, đáy lớn 37cm, đáy nhỏ 28cm, cạnh 12cm, trên được trang trí gần như kín những hạt bạc tạo thành bảy hình tam giác đối đầu nhau. Người Pa Dí giải thích:

Những hình tam giác trong moọc nhân là những bông hoa bắp (hoa ngô) là cây lương thực chính của đồng bào.

+ Tay áo (*khen sir*) dài 50cm, rộng nách 19cm, cửa tay 16cm. Tay áo được nối ở giữa cánh tay. Cửa tay áo nối thêm hai khoanh vải, khoanh màu trắng rộng 4 - 5cm, khoanh màu xanh rộng 5 - 6cm vòng quanh tay áo ở cả hai ống tay. Đường khâu chỗ giáp nách tạo thành đường gân nổi 1cm trên nách áo.

Áo nữ Pa Dí được xẻ tà cao 15cm, phía trên giáp đỉnh tà người ta để trống khoảng 8 - 10cm để làm túi đựng.

- *Váy (sun)* bằng vải chàm, hình ống, dài 90cm, rộng 75cm do bốn khổ vải rộng 40cm tạo thành. Váy gồm ba phần: Đầu váy, thân váy, chân váy.

+ Đầu váy (*mi sun*) bằng vải trắng, rộng 10cm, đầu váy hẹp hơn thân váy.

+ Thân váy bằng vải chàm không thêu vẽ hoa văn.

+ Chân váy (*tim sun*) có chiều cao 11cm. Phía trên thêu năm đường chỉ màu xanh, vàng, trắng, hồng, đỏ. Tiếp đến là một mảnh vải trắng rộng 2cm đắp, chạy vòng quanh chân váy. Trên đường vải trắng thường thêu hình tam giác đối nhau bằng chỉ màu như *moọc nhân* hoặc hình bốn cánh trong bố cục hình vuông. Dưới cùng chân váy là mảnh vải xanh khâu ghép đè lên màu chàm, rộng 8cm.

Khi mặc váy, người ta kéo hai cạnh váy quần chặt vào thắt lưng, phần thừa kéo sang sườn trái và gấp nếp ba lần như xếp li ở cạnh sườn, mỗi li rộng 6 - 7cm tùy mỗi người.

- **Thắt lưng** (*sái sun*) được làm bằng vải chàm khổ nhỏ, hoặc chỉ là một dây vải tiết kiệm miễn sao buộc cho váy khỏi bị tụt.

- **Tạp dề** (*pí dêu*) dài 90cm (bằng chiều dài của váy), rộng 65 - 70cm. Cạp tạp dề (*hú pí dêu*) bằng vải lụa xanh Trung Quốc, hai đầu cạp là hai mảnh vải cứng hình tam giác (*pịch pí dêu*) có cạnh 15cm. *Pịch pí dêu* được làm riêng, quá trình làm cũng giống như làm tạp hồ ở mũ. Trên bề mặt *pịch pí dêu* đính hai dây vải, mỗi dây dài 14,5cm, rộng 5cm để buộc tạp dề khi sử dụng. Gấu tạp dề được cắt vát thành hai cạnh để tạp dề có dáng “đuôi tôm”.

Khi mặc trang phục, áo mặc trước, váy mặc sau rồi buộc thắt lưng, cuối cùng choàng tạp dề ra ngoài.

- **Giày**: Phụ nữ Pa Dí còn tự khâu những đôi giày vải, đế giày làm bằng thân cây cọ (giày mũi hài) để đi trong nhà cho ấm hay đi chơi, đi hội.

Để nắm khái quát trang phục của người Tày (chủ yếu là trang phục phụ nữ) chúng tôi lập bảng so sánh như sau:

Bảng so sánh trang phục nữ Tày ở một số địa phương

Tiêu chí	Người Tày vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên	Người Tày ở Tuyên Quang	Người Tày (Nhóm Pa Dí) ở Lào Cai
Khăn đội đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn vấn tóc - Khăn vuông đội ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn vấn tóc - Khăn vuông đội ngoài 	Đội mũ hình mái nhà, trang trí nhiều hạt bạc.
Áo	<ul style="list-style-type: none"> - Áo cánh tứ thân ngắn màu trắng, mặc trong. - Áo dài năm thân, mặc ngoài (áo màu chàm không thêu vẽ hoa văn). 	<ul style="list-style-type: none"> - Áo ngắn tứ thân xẻ ngực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Áo ngắn năm thân cài cúc cạnh nách, áo trang trí nhiều hạt bạc.

Quần (hoặc váy)	Quần màu đen kiểu chân què hoặc bỏ đũng, cạp luồn dải rút.	Váy ống, ngắn, độ xoè nhỏ.	Váy kín, dài, độ xoè lớn.
Thắt lưng	Bằng vải chàm; dài, rộng bằng khổ vải.	Bằng vải chàm; dài, rộng bằng khổ vải.	Thắt lưng nhỏ, ngắn, bằng vải chàm hoặc vải các màu.
Trang sức	Dùng một số đồ trang sức bằng bạc.	Dùng một số đồ trang sức bằng bạc.	Dùng nhiều đồ trang sức bằng bạc.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Tày không có gì đặc biệt, về hình thức nó gần giống với y phục nam giới các dân tộc khác ở miền núi phía Bắc. Y phục nam Tày có: khăn đội đầu, áo cánh ngắn, áo dài, quần. (Xem ảnh 64).

- *Khăn đội đầu (khân)* bằng vải bông hoặc vải tơ tằm màu đen, khăn dài 2m, rộng 30cm. Khi đội, quần nhiều vòng trên đầu, đuôi khăn giắt tạo thành hình chữ nhân.

- *Áo cánh ngắn (sira côm)* bằng vải chàm, kiểu tứ thân

xẻ ngực. Cổ áo tròn có nẹp cổ cao 2cm, hai bên nẹp áo đính bảy hàng cúc vải. Hai vạt trước có hai túi nhỏ, thân nối với tay áo ở vai, áo rộng vừa phải, quanh cổ áo khâu lót trong miếng vải hình vành khuyên giữ cho áo đứng, phẳng, tiện cho việc mang vác trên vai. Áo xẻ tà hai bên, áo của nam giới Tày hơi rộng và dài.

- **Áo dài:** Trước kia, nam giới dân tộc Tày mặc áo dài kiểu năm thân bằng vải chàm hay vải lụa đen. Áo cài cúc vải hay đồng bên nách phải, áo dài quá đầu gối. Loại áo dài chỉ mặc trong dịp lễ tết, hội hè, cưới xin hay đi thăm viếng người thân nơi xa.

- **Quần (khóa)** bằng vải nhuộm chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ, độ đoãng của đũng vừa phải, ống quần rộng, gấu quần phủ tới mắt cá chân. Khi mặc, vắt mỗi quần về phía trước dùng dây vải thắt chặt.

Trước Cách mạng tháng Tám, ngày thường nam giới Tày đi chân đất. Khi đi chơi xa hay đi dự đám cưới, lễ hội họ mới đi giày vải. Đế giày được làm bằng bẹ măng rừng, bẹ móc hoặc khâu chồng nhiều lớp vải để đế cứng và bền. Thân giày cũng may bằng vải chàm theo kiểu mũi tròn, cổ cao có đính dây buộc. Khi đi đường xa, phải mang vác thì dùng *hài sáo* (dép bện bằng rơm).

Nhìn chung, trang phục của nam giới Tày tương đối giản dị về màu sắc, cách tạo hình, y phục hầu như không

trang trí hoa văn. Trang phục nam giới Tày không có sự khác biệt theo địa phương, theo nhóm. Đặc điểm để phân biệt tộc người so với trang phục của những người cùng giới thuộc các tộc người khác trong ngữ hệ, đặc biệt so với người Nùng, người Thái là không rõ rệt.

Y phục nam giới Pa Dí giống như y phục nam giới nhiều dân tộc khác ở miền núi phía Bắc, y phục của nam giới Pa Dí gồm áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, mặc trong những dịp lễ tết hội hè; áo cánh ngắn tứ thân mở ngực; quần chân què, cạp lá toạ, ống rộng rất tiện lợi khi lao động, leo núi.

Trong ngày cưới, trong ngày lễ hội nam cũng như nữ dân tộc Tày nhóm Pa Dí vẫn mặc bộ y phục truyền thống như đã mô tả ở phần trên, chỉ khác là bộ y phục mới được mặc lần đầu màu sắc tươi đẹp. Trong ngày cưới, lễ hội phụ nữ Tày dùng đủ bộ nữ trang bằng bạc hoặc bằng nhôm để trang điểm cho mình thêm nổi bật.

III. ĐỒ TRANG SỨC

Trong những dịp lễ tết, hội hè, phụ nữ Tày thường dùng đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, xà tích bằng bạc để trang điểm.

- *Vòng cổ* có những kích cỡ khác nhau, hai đầu vòng được chạm hình đầu rồng.

- *Bộ dây xà tích* được đeo nhiều thứ như hộp đựng vôi,

con dao cau, hộp đựng thuốc Lào. Dây xà tích của các thiếu nữ còn có que bạc lấy rảy tai, nhíp tia lông mày...

Khi nói tới đồ trang sức của phụ nữ Tày, không thể không nhắc tới chiếc túi đeo (*túi nải*), túi đựng trầu và chiếc phên dao.

- ***Túi nải*** bằng vải chàm có nhiều kích cỡ khác nhau.

Loại túi nhỏ (*ăn tày*) rộng 46cm, cao 33cm, hai bên miệng túi may vắt lên cao 17cm, quai đeo dài 52cm. Túi được ghép bởi hai miếng vải chéo góc, giữa miệng túi ghép mỗi bên một miếng vải hình tam giác cân, tại đây có đính một đôi dây vải để buộc miệng túi. Túi nhỏ đeo một bên vai. Túi chủ yếu đựng gương lược, áo mưa, đầu gạo hoặc nắm cơm khi đi chợ hay đi thăm bà con ở xa.

Loại túi to (*tầy pắng*) về hình thức giống loại túi nhỏ nhưng kích cỡ to hơn, ở hai góc túi có khâu thêm hai tai vải để buộc hai quai túi và đeo như đeo ba lô ở sau lưng.

Túi vải không chỉ là đồ để đựng mà còn là vật trang trí cho bộ y phục của phụ nữ Tày.

- ***Túi đựng trầu*** (*túi mjàu*) bằng vải nhuộm chàm. Túi do hai miếng vải hình bán nguyệt khâu ghép lại với nhau. Miệng túi rộng 12cm do một miếng vải xanh rộng 3cm khâu vòng quanh để miệng túi hơi khum vào, tạo thành cặp luôn dây.

- **Phên dao** của phụ nữ làm bằng gỗ có kích thước nhỏ, thanh thoát được cắt gọt rất công phu tạo thành hình cá, hình chim, con bướm... Theo các cụ già kể lại: Khoảng 100 năm trước đây ở vùng Cao Bằng bất cứ người phụ nữ Tày nào khi ra khỏi nhà đều đeo phên dao. Phên dao vừa có tác dụng trang trí, vừa là vật để giắt con dao - một dụng cụ rất cần thiết cho mọi hoạt động của con người. Điều đó thể hiện tính hay lam hay làm của người phụ nữ.

Trang sức của phụ nữ Pa Dí

Phụ nữ Pa Dí rất thích đeo đồ trang sức bằng bạc. Đồ trang sức của họ có nhiều nét giống trang sức của người H'mông, người Dao... cư trú sát biên giới Việt - Trung.

- **Vòng tai** (*vén hú*) bằng bạc, đường kính 4cm được uốn cong hai đầu. Đầu thứ nhất uốn cong vào 1,5cm, đầu kia uốn vào 1cm nhưng gắn liền vào đó là một khối bạc đặc, thuôn dài nhọn dần về phía đầu. Trên bề mặt của khối bạc có khắc những chấm nhỏ thẳng hàng theo chiều dọc, đầu khối bạc có bốn chấm tròn. Nhìn sơ qua khối bạc này rất giống hình bắp ngô.

- **Vòng cổ** có hai chiếc:

+ Vòng thứ nhất - *toòng khô san khâu*: *san* là ba, *khâu* là móc vào nhau, *san khâu* nghĩa là ba vòng móc vào nhau. Đây là một chiếc vòng cổ dài 45cm gồm 3 vòng móc vào nhau, nhưng mỗi vòng lại do 110 vòng nhỏ móc vào nhau

nên có tất cả là 330 vòng nhỏ. Mỗi vòng nhỏ có đường kính 0,5cm, tiết diện dây 0,2cm, các vòng nhỏ đánh kiểu vân chữ không nhẵn. Hai đầu vòng cổ có những chiếc móc nhỏ hình số tám móc nối tiếp với những cánh hoa sen, lá sen, cá chép, hoa bốn cánh... bằng bạc dát mỏng được chạm khắc rất công phu.

+ Vòng thứ hai - *toong khô chon phung*: *chon* là xuyên, *phung* là lỗ, chon phung tức là vòng xuyên qua lỗ. Vòng dài 45cm gồm 170 vòng nhỏ xuyên qua nhau tạo thành.

Hai loại vòng trên được phụ nữ Pa Dí đeo hàng ngày.

- *Vòng tay*: Phụ nữ Pa Dí thường đeo hai loại vòng tay:

+ Vòng đôi - *vén xoong pen*: *vén* là vòng, *xoong* là đôi, *pen* là ghép - tức là vòng ghép đôi. Loại vòng này thường đánh hờ, có đường kính 6 - 7cm, tiết diện 1,2cm. Mặt vòng được chạm khắc hoa văn "*mọc mây húng*" - hình hoa sen đang nở - cả vòng có ba bông hoa sen.

+ Vòng đơn - *vén ta pen*: đây là loại vòng khép kín, mặt vòng được trang trí đơn giản.

Đồ trang sức không chỉ có tác dụng trang điểm cho các cô gái Pa Dí thêm duyên dáng mà còn thể hiện khả năng kinh tế của họ khi ra ngoài xã hội.

Trang sức của nam giới Tày

Nhìn chung nam giới Tày ít dùng đồ trang sức, có một số người đeo vòng bạc. Đến tuổi trưởng thành họ bịt chiếc răng

nanh bên trái hàm trên bằng bạc hoặc vàng. Họ coi đó như là một tiêu chuẩn thẩm mỹ của nam giới. Một số ít nam giới Tày thích xăm hình mặt trời, xăm chữ nho trên cánh tay.

IV. TRANG PHỤC TRẺ EM

Do cư trú đan xen và có nhiều yếu tố văn hoá giống người Nùng nên trang phục trẻ em nam cũng như nữ người Tày cũng giống trang phục trẻ em người Nùng. Đó là chiếc mũ vải được tạo bởi nhiều mảnh vải màu ghép lại. Mũ được thêu điểm hoa văn kiểu đơn giản bằng chỉ màu. Quần áo trẻ em nam, nữ Tày được cắt may cùng kiểu với trang phục của người lớn cùng giới nhưng kích cỡ nhỏ hơn.

Ngoài mũ, áo, quần một số trẻ em trai và gái người Tày còn đeo trên ngực chiếc yếm bằng vải chàm để giữ cho chiếc áo bên trong đỡ bị bẩn và có tác dụng giữ ấm ngực khi trời lạnh. Đặc biệt trẻ em gái cũng như trai còn đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc để kỵ gió, trừ ma.

V. Y PHỤC MẶC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

1. Y phục mặc trong tang ma

Y phục mặc trong tang ma của người Tày hoàn toàn là vải trắng.

Con trai người quá cố đội mũ đan bằng lạt thưa, quần vải trắng, mặc áo quần trắng lộn ngược, tay chống một chiếc gậy.

Con gái, con dâu đầu đội khăn trắng trên chỏm gập nhọn, buông hai tua ra phía sau, mặc quần vải trắng.

Các cháu, chắt chít khăn màu xanh; dưới chắt chít khăn màu vàng.

Các loại áo tang đều không cài cúc, chỉ đính dây buộc và đều may trái, khi mặc các đường ghép vải ở mặt ngoài. Trong một đám tang người Tày, nhìn vào trang phục người ta có thể biết người chết đó có bao nhiêu con trai, con gái, cháu trai, cháu gái, chắt, chít chít...

2. Trang phục thầy tào dân tộc Tày

Nói đến trang phục và các dụng cụ tín ngưỡng của người Tày, Nùng là nói đến những người làm tào, then, mo, pụt... - tầng lớp "trí thức" có hiểu biết ít nhiều về giáo lý hoặc các phép thuật của tín ngưỡng. Thầy tào hành lễ trong các đám ma, cúng tạ để chữa bệnh, cúng trong bốc mộ, cúng cầu yên, cầu phúc cho gia đình, làng bản. Thầy tào còn có thể kiêm nghề bói toán, xem đất, chọn ngày lành tháng tốt, xem số tử vi cho con gái để quyết định hôn nhân. Ngoài ra, thầy tào còn làm lễ cấp sắc cho các thầy mo, chính vì thế đồng bào Tày, Nùng thường gọi thầy tào là người mắt sáng - người có thể tiếp xúc với thần linh, ma quỷ.

Để trở thành thầy tào, nhất là những thầy tào có thứ bậc cao, phải qua học tập, rèn luyện gian khổ. Họ phải biết đọc chữ Hán, chữ Nôm để khi hành lễ phải đọc được sách

cúng. Trong khi hành lễ thầy tào phải dùng đến các bức tranh thờ, các loại nhạc cụ như thanh la, náo bát, chũm chạ, trống, nhị, tù và... Trong những buổi hành lễ, thường có một vị thầy cả và 4 - 5 thầy phụ khác hợp sức thực hiện. Thầy tào là người có uy tín lớn trong xã hội Tày, Nùng.

Khi hành lễ, thầy tào mặc trang phục riêng, bộ trang phục của thầy tào dân tộc Tày ở huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng gồm có mũ và áo:

- **Mũ ngũ nhạc** (*mù sláy*) bằng vải lụa màu trắng, đỏ, xanh, vàng ghép lại với nhau. Mũ rộng 25cm, cao 16cm gồm thân mũ và dải mũ.

Thân mũ (*mù*) là một mảnh vải dài 55cm, rộng 13cm được khâu thành hình bồ đài. Trên mũ có năm họa tiết hoa văn ghép vải, ô ngoài là hình vuông, trong là hình hoa lá cách điệu (ba hình đỏ xen kẽ hai hình đen).

Có hai dải mũ, mỗi dải rộng 12cm, dài 80cm, trên mặt vải có ghép những bông hoa bốn cánh bằng vải, trong các cánh có thêu chỉ đen tạo thành các đường gân. (Xem ảnh 67).

- **Áo thầy tào** (*slira sláy mo*) bằng vải màu đen và màu đỏ. Áo dài 128cm, rộng 93cm. Áo may kiểu thụng không có tay, cổ áo liền nẹp ngực là một dải vải đỏ rộng 7cm, trên nẹp áo đính hai đôi dây vải để buộc khi mặc. Xung quanh áo cũng viền diềm vải đỏ rộng 7cm.

Trên nền vải đen của hai thân áo trước và thân áo sau

được thêu kín hoa văn. Hoa văn chủ đạo ở thân áo trước là bốn con rồng - mỗi bên hai con châu đầu vào nhau. Ngoài mô típ hình con rồng còn thêu xen kẽ các mô típ hình cá, hình quả bầu (*hồ lô*), hình vuông trong có gạch chéo, hình ngựa, hoa lá... được trang trí đối xứng giữa hai vạt áo. (Xem ảnh 66).

Mặt sau áo của thầy tào dân tộc Tày là cả một bức tranh sinh động về thế giới tâm linh. Mảng hoa văn trung tâm là hình núi cách điệu lá đề, trong đó có ba người ngồi trong lá đề. Tiếp theo là các mô típ hình người thể hiện ngôi vị của các bậc thần linh, ngoài ra còn có các con vật thuộc nhóm tứ linh như rồng, phượng, kỳ lân, rùa; các con vật khác như hổ, ngựa, cá, bướm và các loại hoa lá, hình học cách điệu... tất cả đã thể hiện tính khái quát và tính biểu tượng rất sâu sắc của tín ngưỡng dân gian Tày - Nùng. (Xem ảnh 68).

Loại trang phục này được thầy tào dân tộc Tày sử dụng trong đám ma, đám chay khi thực hiện các nghi lễ dẫn dắt hồn người chết về với tổ tiên ở thế giới bên kia.

3. Trang phục làm mo

Ngoài thầy tào, những người hành nghề tín ngưỡng ở người Tày - Nùng còn có mo, then, pụt...

Thầy mo dân tộc Tày chuyên cúng bái để chữa bệnh, nói số, trừ tà ma... Khi hành lễ, thầy không đọc sách,

chủ yếu là học thuộc lòng. Thầy mặc trang phục gồm có mũ, áo. Trang phục của thầy tào, thầy mo không có sự phân biệt. Sự khác nhau giữa họ là nội dung hành lễ. Thầy tào thực hiện những công việc có tầm quan trọng hơn thầy mo.

4. Trang phục làm then

Then là một hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng mang tính cộng đồng của đồng bào Tày - Nùng. Then chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm, cũng có then nam giới nhưng không phổ biến. Khi hành lễ, chủ yếu là truyền khẩu, không dùng sách. Người con gái sau khi lấy chồng mới được làm then (chủ yếu là do bên ngoài truyền then cho).

Then hành lễ để chữa bệnh, cầu yên, nói số, giải hạn, làm lễ chuộc hồn, đưa hồn lên cõi tiên, kể cả lễ 49 ngày của người chết. Nghi lễ then thường pha trộn giữa cúng bái và các hình thức sinh hoạt văn hoá như hát then với âm điệu du dương, hấp dẫn, thu hút nhiều người nghe mãi mê từ chập tối đến sáng hôm sau.

Lầu then (lễ cấp sắc) là nghi lễ trang trọng nhất của sinh hoạt then, là ngày hội của các bà then, mấy năm mới tổ chức một lần. Lầu then thường tổ chức vào tháng Hai, tháng Ba âm lịch. Lầu then là lễ cấp sắc cho các bà then (do bà then có phẩm cấp cao nhất cấp cho những người có phẩm cấp thấp hơn). (Xem ảnh 72).

Trong lẩu then, bắt buộc các bà then phải mặc trang phục làm then. Trong các dịp khác như chữa bệnh, bói toán... có thể vẫn mặc y phục thường ngày.

Trang phục làm then gồm có áo và mũ, còn quần chủ yếu vẫn là quần đen bình thường. Có nơi bà chủ hội then có thể mặc quần hay váy bằng vải đỏ.

- **Áo** then may bằng vải gấm đỏ, trên nền vải đỏ có dệt hình hoa lá và chữ Nho cách điệu màu vàng. Áo dài 98cm, rộng nách 40cm, rộng gấu 70cm. Áo kiểu năm thân, cài khuy bên nách phải, cổ tròn, nẹp cổ áo cao 3cm ôm sát cổ, áo xẻ tà cao. Sát cổ và ngực áo có hai chiếc cúc xương, cạnh nách đính ba đôi cúc vải. Tay áo dài, thun dần về phía cửa tay, tay liền với thân áo, có đường nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 10cm. (Xem ảnh 75).

- **Mũ** làm then (*loại mũ tam kim*) gồm thân mũ và tua mũ. Thân mũ bằng vải đen rộng 29cm, cao 32cm, do nhiều lớp vải tạo thành để mũ cứng. Hai cạnh đỉnh mũ đính hai tua vải dài 33cm buông rủ về phía sau. Hai cạnh mặt trước mũ đính hai tua vải dài 30cm buông xuống trước ngực. Phía sau mũ có năm dải tua bằng vải đỏ, mỗi tua rộng 5cm, dài 120cm.

Trên thân mũ phía trước có thêu hai con phượng châu bằng chỉ đỏ, vàng, trắng, xanh. Con phượng có thân nhỏ, đầu to, mỏ quặp, cổ dài, hai cánh và đuôi xoè rộng. Trên thân mũ có thêu hình hai cây thông cách điệu, những bông

hoa bốn cánh có hình dáng khác nhau, ngoài ra còn có hoa tám cánh, các chữ Nho cách điệu... Xung quanh điểm mũ phía dưới có trang trí một hàng tam giác cân bằng vải xanh, đỏ, trắng, vàng xen kẽ nhau.

Trên các dải mũ có thêu nhiều hoạ tiết hoa văn như hình con hổ mặt trắng thân khoang đen, hình ngựa thân vàng mặt xanh, ngựa phi nước đại, bướm bốn cánh... Trên từng dải mũ lại đính nhiều tua vải nhỏ, ở đầu mỗi tua nhỏ có đính mảnh gương tròn như hạt bắp. Ngoài ra, trên mũ then còn thêu điểm xuyết hình ngôi sao, hình mây, hình kỷ hà... tạo nên một bức tranh vừa thực vừa huyền ảo (Xem ảnh 76).

Khi hành lễ, bà then còn đi giày bằng vải đỏ hoặc vải xanh và sử dụng bộ đồ then gồm có đầu ấn làm then, chuông đồng, nhạc xóc bằng đồng, quạt giấy, túi vóc, khăn đệm nhạc xóc. (Xem ảnh 78).

Khi hành lễ, bà then còn sử dụng cây đàn tính với những giai điệu lúc khoan thai lúc êm đềm, khi dồn dập thôi thúc, cuốn hút đông đảo người đến xem, đến nghe then. Những ai có dịp thưởng thức một đêm then “kỳ yên”, “giải hạn” hay “cấp sắc” đều thấy sự hấp dẫn của đồng bào đối với then như thế nào. Then thu hút vào trong nội dung của mình rất nhiều vốn ca dao, dân ca - những lời ca đẹp nhất của dân tộc đã làm cho then mãi mãi là vốn quý, là niềm tự hào của hai tộc người Tày - Nùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI NÙNG

Y phục truyền thống của người Nùng khá đơn giản; thường làm bằng vải thô tự dệt nhuộm chàm, không thêu dệt hoa văn mặc dù kỹ thuật thêu dệt của họ thể hiện trên các loại thổ cẩm đạt trình độ cao.

Nhìn tổng thể, y phục các nhóm Nùng tương đối đồng nhất. Phụ nữ mặc áo năm thân, cài cúc bên nách phải, áo dài quá hông. Nam giới mặc áo cổ đứng, xẻ ngực, có hàng cúc vải; quần chân què cạp lá toạ...

Bên cạnh những yếu tố chung, y phục các nhóm địa phương của người Nùng cũng có những nét riêng độc đáo. Những nét riêng đó đã tô điểm cho hoa văn Nùng nói riêng và văn hoá các dân tộc Việt Nam nói chung thêm phong phú, đa dạng.

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

1. Trang phục phụ nữ Nùng An

Trước đây trong mỗi gia đình người Nùng đều có khung cửi dệt vải. Ở nhiều gia đình, mỗi người con gái có một khung cửi riêng, họ đã sản xuất đủ vải để may mặc. Trong các nhóm Nùng thì người Nùng An và Nùng Phàn Sình dệt được nhiều vải nhất nên ít khi họ mặc quần áo rách hay bạc màu.

Gần đây người Nùng An ở xã Phúc Sen huyện Quảng

Uyên tỉnh Cao Bằng còn tự tạo ra một số máy thủ công có thể cán bông, kéo sợi, dệt vải với chất lượng khá cao. Ngoài dệt vải họ còn dệt nhiều thổ cẩm có mẫu mã hoa văn đẹp.

Bộ y phục nữ Nùng An ở Phúc Sen (Quảng Uyên - Cao Bằng) có nón đội đầu, khăn quấn tóc, khăn vắn, khăn trùm, áo, quần, dây lưng, tạp dề, đệm vai. (Xem ảnh 85).

- *Nón đội đầu (mào pát)*: Người Nùng An nói riêng, dân tộc Nùng nói chung đều giỏi đan lát. Ngoài việc đan các đôi dậu, lò, sọt... để phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong gia đình, đồng bào còn đan nón để đội đầu tránh nắng mưa. Trong những lúc nông nhàn họ còn đan nón để bán và trao đổi.

Nón của người Nùng An có hai lớp, phía trong và phía ngoài được đan bằng nan tre (*mạy cháo*) - đan kiểu mắt cáo, tạo ra hình lục giác. Hai lớp nan này được đan rời nhau (lớp phía trong đan thưa hơn lớp phía ngoài).

Sau khi đã đan xong hai lớp nan, họ lấy lá cây mai (*mạy mai*) đã phơi khô lợp lần lượt từ đỉnh nón xuống lớp nan phía trong thật cẩn thận và khít để khi trời mưa nón không bị dột, sau đó đặt lớp nan phía ngoài lên để ép lá lại. Những nan đan còn thừa được đan cài cẩn thận tạo thành một cái vành rộng 2cm gọi là *pín mào*.

Nón được đồng bào Nùng ưa dùng vì lòng nón rộng vừa che được nắng, mưa vừa thoáng mát khi đội.

Bộ y phục của người Nùng An ở bản Phia Chang xã Phúc Sen huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng có kích thước và đặc điểm cụ thể như sau:

- **Khăn cuộn tóc (heo ráu)** dài khoảng 90cm, rộng 16cm bằng vải chàm, khăn không trang trí hoa văn (*heo ráu*) dùng để cuộn tóc thành dây tròn dài rồi quấn vòng quanh đầu.

- **Khăn vắn (bây khăn)** bằng vải thô nhuộm chàm dài 260cm, rộng 25cm, hai đầu viền chỉ, khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi dùng, khăn vắn được gấp lại theo chiều dọc chỉ còn 6,5cm. Khăn vắn giống như khăn xếp của người Kinh. Khi vắn, tay trái cầm một đầu khăn áp vào trán, tay phải cầm khăn vắn từ trái sang phải, cứ như vậy đến khi hết, lấy đầu khăn gài vào lớp xếp phía trong của khăn vắn.

- **Khăn trùm (kẩn ná)** dài 80cm, rộng 36cm, bằng vải bông nhuộm chàm. Hai đầu khăn có tua dài 2cm, khăn không thêu vẽ hoa văn. Kẩn ná được trùm bên ngoài khăn quấn tóc và khăn vắn, hai đầu buộc thắt phía sau gáy.

- **Áo (pu)** bằng vải bông nhuộm chàm, dài 78cm, rộng 45cm, là loại áo năm thân dài quá mông từ 15 - 20cm.

Cổ áo (*hồ pu*) là loại cổ đứng hình tròn, nẹp cổ cao 2,5cm bằng vải xanh có đường khâu ghép theo chiều dọc, bên trong cổ áo đắp vải màu trắng hình lá sen gọi là *púc pu*.

Cúc áo (*núc cứt*) bằng nhôm gồm năm chiếc, cúc cài bên nách phải, khuy cài bằng vải.

Tà áo xẻ cao, đỉnh tà khâu chỉ màu xanh gọi là *nón pu*. Mép trong mỗi bên tà áo viền vải màu xanh và trắng gọi là *slây pu*.

Tay áo (*khen pu*) dài 36,5cm, rộng 17cm. Tay áo nối với thân cách nách 5cm. Hai cửa tay phía trong nẹp vải trắng rộng 4cm để tăng độ bền cho áo.

Áo phụ nữ Nùng An chỉ một màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- **Quần** (*vạ*) bằng vải thô nhuộm chàm, quần dài 64cm, cạp quần (*ráu vạ*) rộng 3cm, ống quần (*tha vạ*) rộng 30cm, độ đoãng của đũng quần lớn, rất thuận tiện khi leo dốc. Quần nữ Nùng An chỉ một màu chàm nguyên không thêu vẽ hoa văn.

- **Dây lưng** (*bây slai*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 178cm, rộng 18cm, khi sử dụng gấp đôi theo chiều dọc quần hai vòng quanh bụng để giữ quần không bị tụt. Dây lưng của phụ nữ Nùng An không thêu vẽ hoa văn.

- **Tạp dề** (*pân pọc*) bằng vải chàm, dài 97cm, rộng 78cm gồm hai phần cạp và thân.

Cạp (*sau*) rộng 78cm, dài 7cm bằng vải thô màu trắng, hai đầu đính hai dây vải màu trắng dài 100cm, đầu có tua

Cách đội khăn: Khăn để nguyên, quấn quanh đầu một vòng, hai đầu khăn gài vào nhau phía sau gáy. Khi ở nhà, đi chợ hay trong lễ hội phụ nữ Nùng Giang chỉ sử dụng loại khăn này.

- **Áo** (*slưc*) bằng vải chàm, dài 72cm, rộng 56cm, áo may kiểu năm thân, mỗi thân rộng 25cm, phần trên áo thắt lại, phần dưới loe ra, áo xẻ tà cao 25cm. Từ thân trước bên phải có hai đường vải khâu nổi chạy vòng quanh cổ xuống tới ngực trước thân trái. Áo có 5 đôi cúc vải cài khuy cạnh nách phải. Tay áo dài 32cm, cửa tay rộng 14cm, đầu ống tay nổi ba vòng vải quanh tay áo. Áo phụ nữ Nùng Giang không thêu hoa văn.

- **Quần** (*khoa*) bằng vải chàm, dài 98cm, rộng 45cm. Quần kiểu chân què, cặp lá tọa bằng vải thô trắng. Ống quần rộng 33cm, đũng quần rộng tạo sự thoải mái khi mặc nhất là khi leo núi. Quần không thêu vẽ hoa văn.

- **Thắt lưng** bằng vải chàm cũng giống như thắt lưng phụ nữ các nhóm Nùng khác.

- **Giày** (*dài*): Phụ nữ Nùng Giang không chỉ làm ra y phục mặc hàng ngày, mà còn tự khâu giày vải để đi cho ấm chân. Hiện nay những người biết làm giày vải không nhiều, chỉ những người đứng tuổi, người già mới dùng giày vải, lớp trẻ dùng dép nhựa, giày da.

Giày nữ Nùng Giang có các bộ phận như đế giày, quai giày, mũi giày.

Đế giày (*táy dài*) dày 0,5cm gồm nhiều lớp vải thô liên kết với nhau bằng nhiều đường chỉ khâu.

Mặt giày (*nả táy*) bằng vải màu xanh hoặc đen, phía trong lót vải thô màu trắng.

Quai giày (*quai táy*) bằng vải màu vàng hoặc vải khác màu với mặt giày, có tác dụng ôm giữ chân không bị tuột. Quai giày có một nút vải để cài.

Mũi giày (*táy đặng*) được khâu hếch lên so với đế để khi đi ít bị vấp vào đá hay mô đất trên đường.

3. Y phục nữ Nùng Inh

Cũng như nhiều nhóm Nùng khác, ngày thường cũng như trong ngày cưới, lễ hội phụ nữ Nùng Inh chỉ mặc một loại y phục. Bộ y phục của họ gồm có khăn, áo, quần, thắt lưng, tạp dề.

- **Khăn** (*khâu chin*) bằng vải chàm, hình vuông có kích thước 76 x 76cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi đội gấp chéo khăn trùm lên đầu và buộc thắt ở sau gáy - gân giống cách đội khăn của người Kinh nhưng không tạo dáng mỏ quạ.

- **Áo** (*slư*) bằng vải chàm, dài 76cm. Áo may kiểu năm thân, cúc cài cạnh nách nhưng không có đường nối giữa

thân. Thân áo là mảnh vải liền, bên nách phải có một thân phụ nhỏ ngắn, khi mặc nằm ở phía trong, thân trái trùm ra ngoài, cúc cài cạnh nách phải.

Áo nữ Nùng Inh may thụng, dài trùm kín hông. Cổ áo tròn, bên trong đắp miếng vải hình lá sen ở quanh cổ, tà áo xẻ cao 30cm.

Tay áo (*khen slur*) dài, tay áo liền với thân nối ở giữa tay, cửa tay áo hẹp. Áo phụ nữ Nùng Inh toàn bộ màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- **Quần** (*khoa*) bằng vải chàm, dài 89cm, rộng 48cm. Quần may kiểu chân què, cạp lá tọa, đũng rộng, ống quần rộng 35cm. Quần màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

- **Thắt lưng** (*păng*) bằng vải chàm, dài 317cm, rộng 37cm (bằng một khổ vải). Thắt lưng không thêu vẽ hoa văn, khi dùng gấp nhỏ theo chiều dài, quấn hai vòng quanh bụng và thắt buộc sau lưng, giữ cho quần áo ôm chặt vào cơ thể.

- **Tạp dề** (*pi gun*) dài 83cm, rộng 46cm gồm hai phần cạp và thân tạp dề. Cạp bằng vải khác màu với thân, rộng 7cm, hai đầu của cạp đính hai dây đan bằng len hoặc dây vải để buộc khi sử dụng.

Thân tạp dề bằng vải chàm, dài 73cm, khi đính vào cạp thân tạp dề được xếp nhiều ly theo chiều ngang do đó thân tạp dề rộng hơn cạp. Khi dùng, đặt tạp dề giữa bụng, dùng

hai đầu dây dính liền cặp, vòng hai vòng qua lưng và buộc thắt ở trước bụng.

Người Nùng Inh không chỉ dùng tạp dề khi làm công việc gia đình mà còn dùng trong khi sản xuất nông nghiệp để quần áo sạch sẽ khi lao động.

4. Trang phục nữ Nùng Dín

Y phục nữ Nùng Dín có một số đặc điểm khác với y phục các ngành Nùng khác. Bộ y phục của họ gồm có trâm cài tóc, khăn đội đầu, áo, váy, tạp dề, đệm vai, xà cặp. (Xem ảnh 90).

- *Trâm cài tóc (shủ)*: Phụ nữ Nùng Dín thường để tóc dài, búi ngược lên đỉnh đầu. Thường ngày họ vấn khăn, ít dùng đồ trang sức. Trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin họ búi tóc cài trâm. Trâm cài tóc trước kia bằng bạc, nay bằng nhôm hoặc các hợp kim khác. Phụ nữ Nùng Dín một lúc dùng bốn chiếc trâm. Hai trâm nhỏ hình bán nguyệt cắm phía trước búi tóc gọi là *cù tiêng shủ*, một cái hình bán nguyệt to gấp đôi cắm phía sau búi tóc gọi là *ba gác shủ*, một chiếc hình bướm cắm sau gáy gọi là *ti bi shủ*.

Các cô gái Nùng Dín khi chưa lấy chồng thường dùng bộ trâm của mẹ. Nếu gia đình khá giả, họ có một bộ trâm riêng. Khi lấy chồng, gia đình nhà chồng phải mua một bộ trâm đem đến nhà gái trước ngày cưới. Phong tục này ngày nay vẫn duy trì.

- *Khăn đội đầu (bầu)* có hai loại, loại dùng ngày thường và loại dùng trong ngày cưới, lễ hội.

Khăn dùng thường ngày (*bầu pạ*) có kích thước giống khăn ngày cưới, dài 200cm, rộng 25cm, khăn hoàn toàn là màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

Khăn dùng trong ngày cưới (*bầu chip*) bằng vải chàm, dài 200cm, rộng 25cm được gắn thêm hạt bạc to tạo thành hai mảng hoa văn *pạc môi* và *thăng khăn*. *Pạc môi* là hoa văn hình chữ nhật rộng 7 x 10cm, khi đội mảng hoa văn này nằm trước trán. *Thăng khăn* là hoa văn hình vuông rộng 8 x 8cm, khi đội nằm ở sau gáy.

- *Áo (shưa)*: Ngày thường phụ nữ Nùng Dín thường mặc hai loại áo, áo bốn thân mặc ngoài và áo năm thân mặc trong.

Áo bốn thân có hai lớp vải, lớp ngoài vải dày, lớp trong vải mỏng. Cổ áo tròn, nẹp cổ cao 2,5 - 3cm. Tay áo liền với thân, ống tay rộng. Đầu ống tay đắp một khoanh vải khác màu (*hài nlưa*) thường là màu xanh trên nền áo chàm. Áo có hàng cúc bạc 12 chiếc cài giữa ngực. Áo bốn thân ngắn, khi mặc chỉ dài đến thắt lưng. (Xem ảnh 91).

Loại áo năm thân (*shưa pài*) mặc trong áo bốn thân. Áo may rất ngắn, chỉ che kín bụng. Cổ áo liền với nẹp ngực, áo có hai đôi cúc vải cài cạnh nách phải. Loại áo năm thân mặc lúc đi ngủ và rất tiện cho các bà mẹ đang nuôi con bú.

Áo mặc trong ngày cưới gọi là *may chắt sưa*. Loại áo này được trang trí những hạt bạc đính trên cổ áo, hai nẹp ngực và gấu áo tạo thành những mảng hoa văn màu trắng trên nền vải chàm.

Dải hoa văn hai bên nẹp ngực gọi là *nà chắt* làm nền cho hàng cúc bạc. Dải hoa văn gắn vào cổ áo gọi là *hồ môi*. *Hồ môi* là một băng vải rộng bằng cổ áo, trên đó gắn các hạt bạc theo hình răng cưa, mỗi hình có 12 hạt. Gấu áo (*may chắt*) được thêu đường thẳng song song xen kẽ đường răng cưa với các màu xanh, đỏ, vàng. Mép gấu áo gắn những mảnh bạc hình răng cưa. Hiện nay tuy bạc rất hiếm và đắt nhưng đồng bào cũng không bỏ được *nà chắt* và *hồ môi* trang trí trên áo cưới. Màu trắng của hoa văn bạc nổi trên nền màu chàm tối của nền áo đã tạo cho chiếc áo cưới vẻ trang trọng, lịch sự và gây chú ý cho mọi người. Trên chiếc áo cưới, ngoài 11 chiếc cúc bằng bạc nhỏ (*chắt mặc mau*) còn có một chiếc cúc lớn (*chắt ăn náu*). Theo quan niệm của đồng bào chiếc cúc to là mẹ, 11 chiếc cúc nhỏ là con. Phải chăng đây là biểu tượng của tình yêu, của sự sinh sôi nảy nở.

- *Váy (slịn)*: Trong các ngành Nùng chỉ có phụ nữ Nùng Dín mặc váy. Váy của họ được tạo bằng bảy khổ vải chàm, mỗi khổ rộng 40cm. *Slịn* là loại váy cuốn có hai lớp vải, lớp ngoài dày, lớp trong mỏng. Váy có bốn phần:

Cạp váy (*thu sli*) là một băng vải rộng 2cm, dài 160cm, gắn với đầu váy làm dây buộc ở ngay thắt lưng.

Đầu váy (*hố sli*) là mảnh vải rộng 10cm nối liền thân váy với cạp váy. Đầu váy rộng vừa đúng eo người mặc.

Thân váy do bảy khổ vải khâu nối với nhau tạo thành. Chu vi của váy rất rộng, từ 280 - 320cm. Khi khâu ghép với đầu váy, thân váy phải chiết ly rất nhiều sao cho vừa với độ dài của đầu váy, do đó váy của phụ nữ Nùng Dín có độ xoè rất lớn, mỗi váy thường nặng từ 2,5 - 3kg.

Gấu váy được viền hoặc tấp thêm một dải vải đỏ rộng 3cm ở phía trong để tăng độ bền và tạo nét thẩm mỹ riêng.

Khi mặc, phần cạp váy và đầu váy được gấp lại rồi giắt vào bên hông. Cách cuốn váy như vậy vừa kín đáo vừa thuận tiện khi đi lại. Lúc lao động, muốn gọn người ta túm góc dưới gấu váy kéo ngược lên và gấp thành một túm giắt sau lưng. Váy ôm gọn lấy cơ thể, phần gấp đó được gọi là *pán phái* - túi váy.

- **Thắt lưng** (*thải tam*) bằng vải bông hoặc vải tơ tằm, rộng 3cm, dài 160cm. Thắt lưng của người trung niên, cao tuổi chỉ nhuộm chàm không có hoa văn. Thắt lưng của thiếu nữ dệt hoa văn cầu kỳ, đầu kết tua. Hoa văn thường là hình chim, rắn đôi, răng trâu... với các đường chỉ trắng, vàng, đen, xanh, đỏ xen kẽ nhau.

Khi dùng thắt lưng, nếu là loại có hoa văn thì hai đầu thắt lưng được thả trước bụng; loại không có hoa văn giắt kín bên hông.

- **Tạp dề** (*bên giáo*) là một miếng vải hình chữ nhật có kích thước 60 x 100cm, hai đầu cạnh nhỏ khâu dải vải để buộc vào thắt lưng khi sử dụng.

- **Đệm vai** (*vì cùn*) là miếng vải hình lá sen được khâu ghép nhiều lớp tạo thành độ dày. Khi dùng trùm kín hai vai, chính giữa đệm vai khoét lỗ tròn ôm sát cổ. Khi mang vác, gồng gánh người ta đeo đệm vai để đỡ hai vai áo và đỡ đỡ đau vai.

- **Xà cạp** (*khà piêng*) thường làm bằng vải thô màu trắng hoặc màu chàm, có chiều rộng 15cm, chiều dài 80cm, một đầu có đính dây buộc. Khi dùng, cuốn từ cổ chân đến đầu gối để chống gió sương, rét buốt, chống muỗi vắt... và giữ cho chân thon dài, trắng trẻo.

- **Giày vải** (*củ hài*) làm bằng vải, đế thấp, mũi hài rất giống giày của các nhóm Nùng khác và giống giày của phụ nữ Tày.

Nhìn chung, trang phục của các nhóm Nùng khá đa dạng và phong phú mang phong cách từng vùng, từng nhóm (được thể hiện khá rõ trên trang phục phụ nữ). Trang phục phụ nữ Nùng đạt trình độ khá cao về kỹ thuật tạo hình, cách trang trí và tiện sử dụng trong đời sống hàng

ngày. Tuy cư trú xen cài với người Tày nhưng phong cách trang phục của phụ nữ Nùng vẫn đậm đà cá tính, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của vùng văn hoá Đông Bắc nói riêng và đất nước nói chung. Chúng tôi giới thiệu bảng so sánh trang phục phụ nữ một số nhóm Nùng nhằm giới thiệu những yếu tố chung và những nét riêng độc đáo của trang phục Nùng.

Bảng so sánh trang phục nữ một số nhóm Nùng

Tiêu chí	Nùng An	Nùng Dín	Nùng Giang	Nùng Inh
Khăn đội đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn dài, màu chàm không thêu hoa văn. - Có ba loại: Khăn cuốn, khăn vắt, khăn trùm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày thường đội khăn màu chàm không thêu hoa văn. - Ngày hội búi tóc cài 4 chiếc trâm. - Ngày cưới dùng khăn dài màu chàm, đính nhiều hạt bạc. 	<ul style="list-style-type: none"> Khăn dài, màu trắng dệt xen nhiều đường kẻ ngang bằng chỉ xanh chàm. 	<ul style="list-style-type: none"> Khăn vuông, màu chàm đen, khi đội gấp chéo thắt sau gáy.

<p>Áo</p>	<p>- Áo 5 thân, vải chàm, dài kín mông, cúc cài cạnh nách, xẻ tà.</p> <p>- Cổ áo đắp vải xanh</p>	<p>- Ngày thường mặc áo năm thân bên trong, tứ thân bên ngoài. Áo tứ thân may hai lớp vải, có 12 cúc bạc, cài giữa ngực.</p> <p>- Ngày cưới mặc áo tứ thân có 12 cúc bạc (1 to, 11 nhỏ). Cổ áo, gấu áo trang trí nhiều hạt bạc. Gấu áo thêu chỉ màu và ghép các đường răng cưa bằng vải xanh, đỏ, vàng.</p>	<p>- Áo năm thân, vải chàm, phần trên thắt, dưới loe. Có 2 đường vải khâu nối chạy quanh cổ xuống nách áo bên trái.</p> <p>- CỬA tay áo đắp 3 vòng vải khác màu.</p>	<p>Áo năm thân, vải chàm. Áo may thụng dài quá mông, cúc cài cạnh nách</p>
-----------	---	---	--	--

Quần (hoặc váy)	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.	Váy cuốn có 2 lớp vải. Váy chiết ly có độ xoè rất lớn.	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.
Thắt lưng	Băng vải chàm, không thêu hoa văn (không có sự phân biệt giữa già, trẻ)	- Người già dùng thắt lưng chàm - Thiếu nữ dùng thắt lưng dệt hoa văn bằng chi màu.	Thắt lưng băng vải chàm (không có sự phân biệt giữa trẻ, già).	Thắt lưng vải chàm (không có sự phân biệt giữa trẻ, già).
Tạp dề	Cạp màu trắng, thân màu chàm.	Băng vải trắng hoặc vải chàm.		Cạp băng vải khác màu, thân màu chàm.
Đệm vai	Dùng đệm vai khi mang vác.	Dùng đệm vai khi mang vác.		
Xà cạp		Quần xà cạp khi mặc váy.		

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Nùng giống y phục nam giới của nhiều dân tộc ở miền Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Y phục nam dân tộc Nùng khá giống nhau giữa các nhóm, gồm có khăn đội đầu, áo năm thân cài khuy cạnh nách, quần chân què cạp lá toạ.

- **Áo** (*pu*) bằng vải thô nhuộm chàm dài 70cm, rộng 60cm. Áo may kiểu năm thân dài chấm hông, áo hẹp ngang nên khi mặc bó sát người.

Cổ áo (*hồ pu*) tròn, nẹp cổ áo cao 2cm, bên trong nẹp cổ đắp vải trắng gọi là *púc pu*.

Cúc áo (*cắt pu*) bằng đồng đính bên thân trái. Khuy cài bằng vải đính trên thân áo. Ngực áo bên phải có một túi vải màu trắng. Chiếc túi này thường để đựng tiền và những giấy tờ quan trọng. Khi cài cúc, túi bị che bởi thân trái trùm lên.

Áo xê tà (*tép pu*), đính tà khâu chỉ xanh, vàng. Mép trong của mỗi bên tà được viền vải xanh hoặc vải trắng (*sây pu*). Tay áo (*khen pu*) dài 40cm, rộng 20cm, tay nối với thân cách nách 5cm, tay được may thon dần về phía cửa tay. Áo nam giới dân tộc Nùng chỉ một màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- **Quần** (*vạ*) bằng khổ vải thô nhuộm chàm, kiểu chân què cạp lá toạ. Quần dài 90cm (thân quần dài 70cm, cạp

quần màu trắng dài 20cm). Cạp quần được nối với thân bằng hai đường chỉ may ngang. Ống quần (*thà vạ*) rộng 36cm, đũng quần có độ đoãng lớn, rất phù hợp khi leo núi. Quần nam giới và các nhóm Nùng khác không thêu vẽ hoa văn. Ngày thường cũng như ngày lễ họ mặc một loại trang phục nói trên, điều khác duy nhất chỉ là mới hơn, đẹp hơn. (Xem ảnh 93).

III. ĐỒ TRANG SỨC

Người Nùng cả nam và nữ đều dùng đồ trang sức bằng kim loại. Đồ trang sức của họ có nhiều loại trong đó tiêu biểu là vòng tay, vòng cổ, xà tích. Một số nam giới và trẻ em còn đeo vòng chân.

- **Vòng tay** (*kon*) là loại trang sức được nhiều người ưa thích. Vòng tay là dây bạc tròn được uốn hình tròn, vừa với cổ tay người sử dụng.

Bên cạnh chức năng trang sức, vòng tay bằng bạc còn là vật “bảo mệnh” cho mọi người để tránh gió độc, trừ ma.

Trong đám cưới, vòng tay là vật không thể thiếu. Cô dâu phải đeo từ một đến bốn chiếc vòng tay.

- **Vòng cổ** (*vàn hồ*): Cũng như nhiều tộc người khác, trẻ em Nùng từ nhỏ đã được đeo vòng cổ, ít nhất là một chiếc, nhiều thì ba đến bốn chiếc. Người Nùng quan niệm vòng cổ là vật “bảo mệnh”, nhất là đối với các em nhỏ và người già.

Vòng cổ là dây bạc tròn có tiết diện từ 3 - 6mm, được

uốn hình tròn, có nhiều loại lớn, nhỏ khác nhau. Hai đầu giao nhau được uốn cuộn thành lỗ tròn ở mỗi bên.

Trong đám cưới, lễ hội, cô dâu hay các cô gái thường dùng một đoạn dây (*sải vắn hồ*) màu đỏ, dài 70cm, xỏ vào lỗ trên vòng cổ để khi đeo sợi dây này được thả xuống giữa lưng.

- **Xà tích** (*xác nhàu*): Cùng với vòng cổ, vòng tay, xà tích là một trong số những đồ trang sức không thể thiếu đối với nữ giới người Nùng.

Xà tích là chuỗi dây bạc được liên kết bởi các vòng tròn nhỏ tạo thành dây bốn cạnh vừa mềm mại vừa vững chắc. Xà tích dùng để treo các đồ dùng cá nhân như hộp đựng trầu, dao, nhíp...

Khi sử dụng, hai đầu xà tích được gài vào bên phải thắt lưng, phần giữa buông xuống tạo thành hình cánh cung.

- **Bịt răng vàng**: Khi đến tuổi trưởng thành, cả nam và nữ người Nùng đều có thói quen bịt răng vàng. Chiếc răng được bịt vàng là răng nanh hàm trên ở phía bên phải. Đây là một tập quán, một sở thích và một quan niệm thẩm mỹ từ bao đời nay của người Nùng.

IV. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

1. Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ

Cùng giống như một số tộc người khác thuộc nhóm

ngôn ngữ Tày - Thái, đồng bào Nùng không có kiểu quần áo riêng dùng trong cưới xin, lễ hội. Kiểu cách cắt may quần áo cưới cũng như quần áo bình thường, song vải được chọn là vải tốt nhất. Màu sắc của quần áo cưới, lễ hội cũng là màu chàm nhưng phải là màu đẹp đạt tiêu chuẩn do đồng bào quy định.

Bộ quần áo mặc trong ngày cưới của phụ nữ Nùng được trang trí nhiều hơn. Cách trang trí chủ yếu là ghép vải. Giáp cổ áo của thân áo trước được ghép bằng vải láng đen công nghiệp rộng 5 - 6cm. Miếng ghép được đặt ở chính giữa cổ chạy vòng sang nách phải. Cuffs hai ống tay áo cũng được ghép mảnh vải láng đen bóng, rộng 8 - 10cm. Tại đỉnh chỗ xẻ tà cả bên phải và bên trái chị em còn thắt quả chỉ con màu xanh hay màu đỏ để trang trí cho áo thật đẹp.

Quần mặc trong ngày cưới cắt may hoàn toàn giống quần thường ngày nhưng vải mới và có màu sắc đẹp. Có thể nói đây là bộ quần áo đẹp nhất. Về sau trong những dịp hội hè, lễ tết hay đi chợ các cô gái cũng dùng bộ quần áo này.

Trong ngày cưới, cô dâu còn đội chiếc nón lá mới, đi tất và giày vải mũi cong. Theo phong tục, trong ngày cưới cô dâu không dùng thắt lưng, nhưng sau đó họ dùng thắt lưng cho gọn gàng và thuận tiện cho việc nội trợ ở nhà cũng như khi đi làm đồng.

2. Trang phục cưới xin, lễ hội của nam giới Nùng

Quần áo mặc trong lễ cưới, lễ hội của nam giới được cắt may hoàn toàn giống quần áo mặc thường ngày song vải là loại tốt nhất và màu cũng đẹp nhất. Áo được trang trí thêm hai quả chỉ màu xanh hay đỏ đính vào chỗ xẻ tà áo.

Trong ngày cưới, ngày hội ngoài bộ quần áo truyền thống, nam giới thường để đầu trần và dùng ô đen che nắng, họ cũng đi tất và giày vải cho trang trọng.

V. TRANG PHỤC TRẺ EM

Lúc mới lọt lòng, các em bé trai cũng như gái dân tộc Nùng chưa có y phục riêng. Trẻ em thường được quấn trong những chiếc áo cũ của bố mẹ. Áo cũ vải sờn mỏng, mềm không làm hại da trẻ em. Khi lên hai, ba tuổi chúng được mẹ may quần áo giống như người lớn.

1. Bộ y phục của trẻ em trai Nùng (Xem ảnh 94)

- **Mũ** (*tầu*) được tạo thành bởi những mảnh vải hình tam giác khâu quây tròn, thắt dần và túm lại trên đỉnh. Mũ gồm ba phần chòm, thân, vành.

Chòm mũ (*chọt tàu*) là một túm vải tròn màu xanh, đỏ. Túm vải này chỉ đính trên mũ của trẻ em trai.

Thân mũ do tám mảnh vải chàm hình tam giác ghép lại với nhau, các cạnh xiên khâu lại tạo thành hình chóp. Trong tám mảnh mũ thì sáu mảnh được thêu hình hoa lê

(*mạc lậy*), hai mảnh thêu hình đồng tiền (*lúa slin*) bằng chỉ màu hồng, trắng, vàng, xanh.

Vành mũ (*dín tầu*) là hai mảnh vải chàm, dài trên rộng 2,5cm, dài dưới rộng 3,5cm. Hai dải này được khâu ghép với nhau và nối hai đầu thành vòng tròn có đường kính 17cm, đây cũng là độ rộng của vành mũ.

- **Áo** (*pu*) bằng vải thô nhuộm chàm, là loại áo ngắn năm thân, dài 35cm, rộng 2cm. Cổ áo (*hó pu*) là loại cổ tròn. Cúc áo (*cất pu*) gồm bốn chiếc bằng nhôm đính cạnh thân bên trái, khuy cài bằng vải đính cạnh cổ và nách bên phải. Mép ngoài thân trước ở bên phải được viền hai đường chỉ màu xanh, vàng chạy song song gọi là *tẹp long*.

Tà áo xẻ cao, đỉnh tà khâu chỉ xanh. Mép trong mỗi bên tà viền bằng vải xanh, trắng gọi là *slây pu*.

Tay áo (*khen pu*) dài 16,5cm, rộng 12cm, nối với thân ở cạnh nách. Khác với áo em gái, áo trẻ em trai đầu ống tay không viền vải.

- **Quần** (*vạ*) bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ. Quần dài 43cm, ống rộng 22cm. Cạp quần (*rau vạ*) bằng vải thô trắng, rộng 4,5cm.

Y phục của trẻ em trai dân tộc Nùng hình thức hoàn toàn giống y phục của người lớn.

2. Bộ y phục trẻ em gái Nùng An nói riêng và các nhóm Nùng khác nói chung gồm có mũ, áo, quần. (Xem ảnh 95).

- **Mũ (tầu)** là những mảnh vải hình tam giác (thường gồm 6 - 8 mảnh), khâu quây tròn, túm lại trên đỉnh tạo thành. Mũ chia thành ba phần chòm, thân, vành.

Chòm mũ (*chọt tàu*) là một mảnh vải tròn được khâu vào giữa đỉnh mũ, trên miếng vải có thêu bông hoa tám cánh (*vạ tôm*) bằng chỉ xanh, hồng. Tâm của bông hoa đính những tua chỉ màu xanh, hồng.

Thân mũ do tám mảnh vải chàm hình tam giác liên kết với nhau, trong đó bốn mảnh thêu hình lá tre (*vá may*), bốn mảnh thêu hoa tám cánh (*vạ tôm*) bằng chỉ màu xanh, hồng.

Vành mũ (*pín tàu*) là hai dải vải chàm, dải trên rộng 2,5cm, dải dưới rộng 4cm được khâu nối với nhau ở cạnh dài và cuộn lại thành vòng tròn có đường kính 15cm - đó là độ rộng của vành mũ.

- **Áo (pu)** bằng vải thô màu chàm, dài 42cm, rộng 33cm. Áo may kiểu năm thân, cài cúc cạnh nách. Cổ áo (*hồ pu*) là loại cổ đứng, trên cổ nẹp vải xanh và hai đường chỉ khâu song song chạy vòng quanh cổ áo. Cúc áo (*cắt pu*) là loại cúc đồng gồm bốn chiếc được đính cạnh thân bên phải, khuy cài (*núc cắt*) bằng vải đính cạnh nách trái. Mép thân trước ở bên phải, phía ngoài đính hàng cúc đồng, phía trong viền vải màu xanh gọi là *long tẹp*. Tà áo xẻ cao, đỉnh tà khâu chỉ xanh gọi là *slây pu*. Tay áo (*khen pu*) dài 17cm được nối với thân gần nách, rộng 12cm và

thuôn dần về phía cửa tay. Đầu hai ống tay được viền hai vòng vải xanh, trắng để trang trí gọi là *tẹp khiên*. Áo trẻ em Nùng không thêu vẽ hoa văn.

- **Quần (vạ)** bằng vải thô nhuộm chàm, dài 41cm, rộng 24cm. Quần trẻ em gái Nùng cắt may giống của người lớn. Quần may kiểu chân què, cạp lá tọa, cạp quần (*rau vạ*) rộng 3cm bằng vải thô trắng. Quần không thêu vẽ hoa văn.

VI. TRANG PHỤC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

1. Y phục trong tang ma

Trong đám ma người Nùng, ngoài các lễ vật phải có thì quần áo tang ma là dấu hiệu thể hiện đức hiếu của con cháu đối với ông bà, bố mẹ. Khi trong gia đình có người qua đời, gia chủ bắn ba phát súng báo cho dân làng biết, lúc này con cháu người quá cố phải lộn trái bộ quần áo đang mặc để chịu tang (do chưa kịp may quần áo tang). Sau đó những bà cao tuổi, những phụ nữ có kinh nghiệm trong làng đến hộ đám bắt đầu cắt khâu tang phục.

Quần áo tang truyền thống của người Nùng là màu trắng tự nhiên của vải bông. Vải may quần áo tang chủ yếu là vải tự dệt hoặc vải diềm bầu, không có sự phân biệt về giới tính, về kiểu cắt may, về chất liệu và cách mặc.

Áo tang là áo trùm đầu gối, xẻ ngực, không dùng cúc cài mà dùng dây buộc chéo từ cổ sang nách phải (giống áo thường ngày của nữ giới). Áo tang được mặc từ lúc phát

tang đến lúc an táng xong, sau đó mặc thêm ba ngày nữa đến khi làm xong lễ *khay tu mò* mới được cởi ra.

Quần tang cũng là vải trắng dệt rất thưa, cắt khâu kiểu chân què, khâu rất sơ sài.

Khăn tang: Trong thời gian tang lễ, nữ giới đội khăn trắng (khăn vắn màu trắng), khăn vuông cũng màu trắng. Nam giới không có mũ tang, họ chỉ buộc một mảnh vải trắng ngang đầu.

Trong suốt thời gian tang ma, con cháu không được phép cởi quần áo tang ra để giặt.

Ở những vùng sống đan xen với người Tày, áo tang của người Nùng kể cả nam và nữ là loại áo ngắn tứ thân mở ngực. Áo nữ nẹp cổ nhỏ, áo nam nẹp cổ to, không đính cúc mà dùng dây buộc.

Con trai người quá cố đội mũ bện bằng dây chuối, tay chống gậy tre. Cả con trai, con gái, con dâu dùng dây chuối bện làm thất lưng.

Đối với người Nùng, trong thời gian tang lễ không được chải tóc, cắt tóc, cạo râu... nói chung là không được làm đẹp.

Con trai, con gái, con dâu, cháu chắt, các em... của người quá cố phải đội khăn tang. Những bậc anh chị của người quá cố không phải chịu tang. Sau khi an táng,

giường của người quá cố phải tháo chân ra, còn giát giường được đặt xuống nền nhà, chủ gia đình phải nằm ngủ tại đó.

Ở người Nùng, vợ con và cháu đích tôn của người quá cố phải để tang ba năm, còn con cháu bằng hệ chỉ để tang một năm.

2. Y phục thầy cúng của người Nùng

Thầy cúng khi hành lễ không dùng sách, chủ yếu là học thuộc lòng. Thầy cúng chuyên cúng bái để chữa bệnh, nói số, trừ tà ma... Quy mô hình thức lễ nhỏ, nghi lễ đơn giản, thời gian lễ ngắn, thường 1 ngày 1 đêm. Khi hành lễ, ngoài trang phục, thầy cúng còn dùng chiếc chiêng đồng hoặc trống nhỏ.

Bộ trang phục thầy cúng người Nùng gồm có mũ, áo, quần.

- **Mũ** (*con linh*) của thầy cúng người Nùng thường làm bằng dải vải tự dệt, nhuộm chàm, dài 60cm, rộng 40cm. Phía đỉnh mũ được cắt uốn lượn hình dãy núi. Phía sau mũ đính đôi dây vải để buộc khi đội. Phần giữa dải mũ được đắp một mảnh vải tự dệt màu chàm dài 20cm, trên mặt có thêu trang trí các họa tiết sau:

Trên ba đỉnh chính giữa của mũ có đính ba chiếc gương tròn có đường kính 0,5cm. Các thầy cúng cho rằng đó là ba người ma mà mắt trần không nhìn thấy. Tên gọi

của ba người tính từ trái sang phải là: Thượng Thanh (*Sung Shinh*), Ngọc Thanh (*Nhuc Shinh*), Thái Thanh (*Thai Shinh*).

Hoạ tiết hoa văn chính của mũ là hình hai con phượng châu hình tròn nhật nguyệt.

Khi sử dụng, phần chính giữa mũ có thêu hoa văn được áp vào trán và dùng dây buộc sau gáy.

- *Áo (pu lài)* bằng vải bông màu trắng hoặc màu vàng, rộng 80cm, dài 100cm. Đây là loại áo choàng không có tay, xẻ ngực, cổ áo liền với thân, áo không có cúc cài, chỉ dùng hai dây vải buộc giữa ngực áo. Mép vải hai bên nách được khâu liền với nhau ở phần dưới, phần trên để trống làm ống tay áo. Khi mặc, áo trùm tất cả các loại áo bên trong một cách thoải mái.

Các loại hoạ tiết hoa văn thêu trên áo thầy cúng là một bức tranh sinh động về thế giới tâm linh. Với trình độ hạn hẹp, chúng tôi chưa thể giải mã trọn vẹn bức tranh toàn cảnh đó.

Chỉ thêu các hoạ tiết hoa văn trên trang phục thầy cúng Nùng là loại chỉ tơ tằm với các màu trắng, đỏ sẫm, vàng tươi xen ghép nhau. Hoa văn thêu trên lưng áo tập trung vào các hình tượng như:

Hình người lính, nông dân.

Hình ngựa, hình người cưỡi ngựa.

Hình chim đậu, hình con rồng.

Trung tâm là hình lá đề ở giữa có ghi ba chữ “*Đại La Thiên*” - theo đồng bào đây là nơi cư ngụ cuối cùng của các thầy tào cao tay nhất. (Xem ảnh 96).

Hoạ tiết thêu trên ngực áo: Hai bên ngực là hai dải vải chàm được dập theo chiều dọc áo và thêu ở mỗi bên một con rồng (*tu lông*). Xung quanh điểm thêm các vì sao (*đao bi*) bằng chỉ trắng. Theo thầy cúng Nùng cho biết, đó là hình tượng rồng bay lên trời cao vào lúc ban đêm. (Xem ảnh 97)

Khi mặc *pu lai* thầy cúng mặc áo cánh màu trắng dài tay ở bên trong.

- **Quần:** Khi thầy cúng hành lễ, ông ta mặc quần vải chàm là loại quần vẫn mặc thường ngày của nam giới Nùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI THÁI

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Người Thái sinh sống ở nước ta phân thành nhiều nhóm địa phương, sự khác biệt giữa họ là sắc thái văn hoá thể hiện qua tiếng nói, phong tục, nghi lễ, tập quán...

trong đó dễ phân biệt hơn cả là bộ trang phục cổ truyền, đặc biệt là y phục của nữ giới.

1. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái Đen (Xem ảnh 101)

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Thái Đen ở xã Thôn Mòn huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La có khăn piêu, áo ngắn, váy, thắt lưng.

- **Khăn (piêu)** bằng vải chàm đen, dài 120cm, rộng 40cm. Hai đầu khăn piêu được thêu cầu kỳ, màu sắc rực rỡ. Phần thêu hoa văn có kích thước 40 x 45cm. Hoa tiết trang trí chủ yếu là hình cây thông, khâu cắt, quả trám, con nhện đất (*to cu*), con cua (*bô pu*) bằng chỉ đỏ, trắng, xanh, tím... Mỗi chiếc khăn có đường nét họa tiết hoa văn khác nhau.

Theo các cụ già cho biết, trước kia khăn piêu thêu rất đơn giản, nó chỉ là những cặp lẳng piêu tạo thành các hình vuông, hình chữ nhật rỗng. Dần dần việc thêu hoa văn trên khăn piêu được cải tiến ngày càng cầu kỳ, phong phú, đa dạng hơn.

Các cụ già thường dùng khăn *piêu xiểu* là loại khăn không trang trí các *tai piêu* ở hai đầu khăn, chỉ có các núm bông nhỏ và ít trang trí hoa văn. (Xem ảnh 103).

Các thiếu nữ sử dụng loại *piêu cắt* là loại khăn được

trang trí những chùm tai piêu nhìn giống như những chồi lá non nhú ra ở hai đầu khăn. (Xem ảnh 102).

Khăn piêu xiêu là loại khăn có trước piêu cút hiện nay. Hai đầu khăn piêu xiêu chỉ trang trí những núp vải bông nhỏ - loại khăn này hiện nay chỉ có người già mới sử dụng. Khăn piêu cút ra đời sau, nó được trang trí nhiều tai piêu - hay còn gọi là hu piêu.

Để tạo ra một chiếc piêu cút là cả một quá trình lao động cần cù, chịu thương, chịu khó của các cô gái. Chính quá trình lao động này đã tạo nên nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của họ. Chỉ qua cách tết tai piêu và làm cút piêu của người phụ nữ Thái chúng ta cũng hiểu rõ điều đó. Sau khi đã hoàn chỉnh các mô típ hoa văn trang trí trên hai đầu khăn piêu, người phụ nữ dùng vải đỏ viền hai đầu khăn lại (viền cả diện tích trang trí hoa văn), tiếp đó viền thêm những màu khác như màu xanh, màu tím... cho khăn nổi bật hơn. Đoạn khăn thêu trang trí và được viền vải đỏ gọi là *cóp piêu*.

Khi khăn đã viền xong, dùng một dải vải đỏ khác gấp làm tư thành một dải dài và nhỏ để tết tai piêu - hay còn gọi là hu piêu.

Cách tết tai piêu: Gập một sợi dây vải một đầu ngắn, một đầu dài. Tay trái cầm đầu ngắn, tay phải cầm đầu dài, dùng ngón tay trỏ của tay trái quấn một vòng tại chỗ gập

của hai đầu vải sau đó xoay một vòng về phía người tết sẽ được tai piêu thứ nhất. Lấy đầu vải dài bên tay phải luồn qua tai piêu thứ nhất kéo một vòng tròn nhỏ nữa sẽ được tai piêu thứ hai. Vặn tai piêu thứ hai này y như thế và xoay tai piêu thứ nhất cũng quay về phía trong người, dùng tay phải luồn đầu dây dài qua tai thứ hai và kéo tiếp một vòng tròn nữa sẽ có tai piêu thứ ba, tai này cũng được xoay y hệt hai tai trên, sau đó dùng tay trái giữ ba tai vừa tết xong, dùng tay phải luồn đầu dây ngắn qua tai thứ ba nhưng lần này không kéo lên trên mà để buông xuống. Cuối cùng lật ngược tai piêu vừa làm xong, kéo một chân của tai thứ nhất luồn đầu dây ngắn buông xuống ở trên vào, hai tay cầm hai dải vải kéo tai thứ nhất lên cho nó cao hơn hai tai kia sau đó thít chặt hai đầu dây lại, thế là được một tai piêu hoàn chỉnh với ba vòng tròn và một mối gấp tư ở giữa. Hai đầu dải vải đỏ thừa để buông xuôi, phần dải vải đỏ thừa này gọi là *khà cút piêu* hay cuống của cút piêu.

Khi đã tết xong tai piêu, dùng kim đính tai piêu và hai dải khà cút piêu vào một góc khăn, cả bốn góc khăn đều làm như vậy.

Ở hai đầu khăn khà cút piêu có các vòng tre nhỏ cuốn tròn 3 - 4 vòng như chiếc cúc áo, sau đó dùng chỉ màu đỏ, tím, vàng thêu bọc lại. Mỗi màu chỉ tạo thành một hình tam giác, khi chiếc cút được thêu kín tạo thành bông hoa

nhiều cánh và chỉ thừa một vòng nhỏ ở ngoài, đáy chính là *cút piêu*. Chỉ những người đã thành thạo việc thêu thùa và có đôi tay khéo léo mới làm được tai piêu và thêu cút piêu. Nếu khăn piêu có nhiều tai piêu người Thái Điện Biên gọi là piêu cút pua có nghĩa là loại piêu có nhiều tai piêu. Khăn piêu không chỉ có tác dụng đội đầu để che nắng, che gió mà còn là vật trang điểm của các cô gái Thái. Các cô gái rất tự hào khi đội những chiếc khăn piêu đẹp thêu nhiều hoa văn. Các chàng trai có thể lựa chọn cho mình người bạn trăm năm khéo léo, tinh tế khi nhìn vào chiếc khăn đội đầu của các cô gái.

- *Áo (xửa côm)* bằng vải thô nhuộm đen, áo may kiểu tứ thân, dài 43cm, rộng 33.5cm, tay dài 47cm, áo xẻ ngực. Cổ tròn có nẹp cao 2,5cm, khi mặc cổ áo ôm sát.

Nẹp áo đính hai hàng cúc bạc (nay dùng nhôm) được trang trí rất đẹp chủ yếu là hình mai rùa, hình bướm. Áo (*xửa côm*) của phụ nữ may bó sát thân, làm nổi bật các đường nét cơ thể người phụ nữ.

Qua việc tìm hiểu cách cắt may xửa côm, chúng tôi thấy một điều lý thú mà người Thái dùng để phân biệt tính chất của từng loại áo.

Những chiếc *xửa côm* viền chân cổ bằng vải đỏ là áo của các cô gái mới lấy chồng (thiếu phụ trẻ). Đường viền đỏ người ta gọi là *có lươi* - cổ viền. Sự quy định đó có tính

chất truyền thống đã đi vào tập tục của người Thái. Dân gian Thái có câu *"me pá ló có lưoi"* tức là người đàn bà trẻ cổ vẫn như cổ con chim cu.

Chim cu là loại chim rất gần gũi với cuộc sống thường nhật của người Thái. Do yêu thích loài chim này, họ coi đó là hình tượng của sự thủy chung. Hình tượng ấy đã đi vào thơ ca dân gian Thái. Trong *Xống chụ xôn xao* (*Tiến dặn người yêu*), chị dâu có dặn cô em chồng là:

*"... Nghe con chim cu trên ngọn cây cúc cu
Cũng đừng khóc cô ơi
Cây tre nó thành giấy,
Cây nứa nó thành ống
Con gái thành nàng dâu
Bố gả chồng cho, đừng chối cô à!..."⁽¹⁾*

Đến nay, tập tục này vẫn được thực hiện rất chặt chẽ, các cô gái chưa chồng không được dùng áo cổ viền vải đỏ.

Các cô gái chưa chồng chỉ có thể cải tiến viền vai tức là thêm phần vai bông để áo thêm đẹp và trẻ trung.

- *Váy (xín)* bằng vải thô nhuộm chàm, dài 90cm, rộng 73cm. Là loại váy ống hình trụ, cạp váy và gấu váy bằng

⁽¹⁾ Mạc Phi, *Tiến dặn người yêu - Xống chụ xôn xao*, NXB Văn học, H.1973, tr.74.

nhau. Cạp váy cao 15cm bằng vải thô trắng, thân váy do bốn khố vải chàm đen tạo thành, váy không trang trí hoa văn.

Khi mặc, kéo hai diềm cạp váy bó sát người ở cạnh sườn bên phải, phần váy thừa gấp về trước bụng và dùng thắt lưng thắt chặt phía ngoài, kéo mép áo (*xỉa côm*) phủ lên trên.

- **Thắt lưng** (*xài éo*) bằng vải tơ tằm nhuộm chàm màu xanh lá cây (đối với thiếu nữ), nhuộm màu tím (đối với phụ nữ trung niên và người già). Thắt lưng dài 120 - 150cm, rộng 8 - 10cm. Các cô gái trẻ thường nhuộm hoặc táp thêm hai đầu thắt lưng hai đoạn vải đỏ cho đẹp. Phần vải đỏ được phụ nữ giắt trước bụng hoặc lệch sang bên hông. Thắt lưng không có trang trí ở hai đầu. Khi dùng chị em thường giấu hai đầu thắt lưng vào các vòng quần quanh người.

Sự quy định màu sắc thắt lưng là bất di bất dịch: Trẻ em và thiếu nữ dùng thắt lưng xanh; người đứng tuổi, người già dùng thắt lưng tím.

2. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái Trắng (Xem ảnh 109)

Y phục, tiếng Thái Trắng gọi là *xin xỉa* gồm áo cánh, thắt lưng, áo dài (phụ nữ Thái Trắng không đội khăn).

Bộ y phục của phụ nữ Thái Trắng ở bản Bun xã Bum Nua huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu có kích thước và những đặc điểm sau:

- *Áo (xỉa)* bằng vải trắng tự dệt để nguyên màu trắng của bông. Áo may kiểu tứ thân, dài 50cm, rộng 37cm. Áo không xẻ tà, khi mặc bó sát thân. Cổ áo hình trái tim, liền nếp với ngực. Nếp ngực là một dải vải màu đen rộng 2,4cm chạy suốt từ gấu tà áo bên phải vòng qua cổ đến gấu tà áo bên trái. Tay áo liền với thân có đoạn nổi ở giữa cánh tay, may thon dần về phía cửa tay.

Giống như áo phụ nữ Thái Đen, áo nữ Thái Trắng cũng có bộ cúc bằng bạc (nay là kim loại trắng), cúc áo có nhiều loại, chủ yếu là cúc hình mai rùa, hình bướm được chạm trổ rất công phu. Mỗi áo thường dùng 11 - 13 chiếc cúc. Số bộ cúc bướm nhất thiết phải là số lẻ. Người Thái quan niệm số lẻ là số của sự sống, là biểu hiện của sự chưa hoàn chỉnh đang tiếp tục vươn lên... do vậy, không chỉ cúc áo mà bậc cầu thang, chấn song, số gian nhà sàn cũng là số lẻ.

Áo trẻ em gái có số cúc ít hơn người lớn, thường là 7 hoặc 9 bộ cúc.

- *Váy (xỉn)* bằng vải chàm đen, là loại váy kín hình ống. Váy gồm ba phần cặp váy, thân váy, gấu váy.

Cặp váy (*hồ xỉn*) bằng vải thô nhuộm chàm xanh, cao 10cm.

Thân váy (*pưn xỉn*) được ghép bằng bốn khổ vải thô nhuộm đen theo chiều dọc, mỗi khổ 37cm, thân váy dài 90cm.

Gấu váy (*pàn xin*) được gấp lại khoảng 2cm và khâu lại. Váy phụ nữ Thái Trắng không trang trí hoa văn. Khi mặc, kéo hai điểm cạp bỏ sát người cạnh sườn bên phải, phần váy thừa gấp về phía trước bụng và dùng thắt lưng quấn chặt phía ngoài, kéo mép áo phủ lên trên.

- **Thắt lưng** (*si lôông bưng*) được làm bằng vải tơ tằm hoặc vải phin, vải láng có màu vàng, xanh, đỏ, đen. Thắt lưng dài 100cm gồm hai lớp vải, lớp bên trong (mặt trái) là vải láng màu đen, lớp ngoài (mặt phải) bằng vải khác màu.

Si lôông bưng được phụ nữ Thái Trắng dùng thường ngày. Trong những dịp lễ tết, đặc biệt trong ngày cưới cô dâu bắt buộc phải dùng loại thắt lưng này, đây là một phong tục truyền thống hiện nay vẫn được duy trì.

3. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh

Theo ký ức của cụ già và câu chuyện kể về bản mường, tộc người Man Thanh ở miền tây tỉnh Nghệ An là một bộ phận của người Thái ở Mường Then (Mường Thanh) vùng lòng chảo Điện Biên, Tây Bắc di cư dọc sông Nậm Rốm đến định cư ở đây đã nhiều đời. Trang phục của phụ nữ nhóm Man Thanh mang đậm tính địa phương và thể hiện sắc thái riêng của nhóm rất rõ rệt, nó khác hẳn trang phục của phụ nữ Thái Tây Bắc. (Xem ảnh 112).

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh ở xã Tam Hợp huyện Tương Dương Nghệ An gồm áo váy, thắt lưng.

- *Áo (xỉa khò)* là loại áo truyền thống được phụ nữ Thái Man Thanh sử dụng từ những năm 1940 trở về trước. Loại áo này đã ít dần, ngày nay họ mặc kiểu áo bà ba giống người Kinh.

Xỉa khò là loại áo ngắn tứ thân không xẻ tà, dài 41cm, rộng 56cm. Cổ áo may liền với nẹp áo tạo thành đường thẳng. Bên trong nẹp áo tấp mảnh vải trắng tự dệt rộng 4cm, phía ngoài tấp thêm mảnh vải đỏ, hai bên mép vải đỏ khâu thêm hai đường vải trắng.

Áo có hai cúc đồng (*mắc toòng*), ống tay áo (*khen xỉa*) hẹp. Cổ tay áo nối thêm ba đoạn vải màu đen, màu chàm. Loại áo này nay chỉ mặc khi cúng tổ tiên và thực hiện các nghi lễ tôn giáo khác.

- *Váy mặc thường ngày (xin nản xeo)*, *xin* là váy, *nản xeo* là hoa văn chân váy. Váy dài 80cm, gồm ba phần: cặp váy, thân váy, chân váy.

Cặp váy (*hua xin*) bằng vải thô nhuộm chàm màu nâu non, rộng 20cm.

Thân váy (*xin hóc*) là một khổ vải liền dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm chàm. Thân váy có điểm thêm các sợi chỉ màu vàng tạo thành các vạch cách đều nhau ngang thân váy.

Chân váy (*xin xeo*) được thêu nhiều hoạ tiết hoa văn đẹp bằng chỉ xanh, vàng, đỏ, trắng... Phần giáp thân váy là những bông hoa dâu da (*hon hỏ*) cách điệu, tiếp đó là hình hoa văn xương cá (*tu pa*) thêu bằng chỉ tơ tằm màu đen, chạy cắt ngang phía dưới là hình bờm con ngựa (*kỏ mong mạ sảng*), tiếp đến là hình xương rắn (*xem lác ngừ*) chạy cắt ngang váy, phần dưới cùng là hoa văn quả trám nối nhau liên tiếp.

Trước đây *xin nản xeo* là loại váy dùng cho người bình dân, tầng lớp quý tộc dùng loại váy hoa (*xin mục hốc*). Hiện nay mọi phụ nữ Thái Man Thanh đều dùng váy *xin nản xeo* để mặc hàng ngày.

- **Thắt lưng** (*sai anh*) của phụ nữ Thái Man Thanh còn giữ được những nét đặc trưng của văn hoá Thái. Thắt lưng là 166 sợi dây màu trắng xe lại. Thắt lưng khi cuốn vào giống như các con sợi. Thắt lưng không chỉ giữ cho váy khỏi bị tuột, nó còn tô điểm thêm vẻ đẹp cho bộ váy áo. Loại thắt lưng này rất đặc trưng, nó khác thắt lưng của các nhóm Thái khác. (Xem ảnh 111).

4. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Hàng Tổng

Người Thái Hàng Tổng cư trú ở thung lũng các dãy núi ven các con sông Nậm Mờ, Nậm Mơn, sông Cả, sông Cánh Tráp, ở miền tây Nghệ An. Nghề trồng bông dệt vải

của họ khá phát triển, không chỉ đáp ứng nhu cầu may mặc của cư dân mà còn là hàng hoá trao đổi với các dân tộc khác trong vùng như Khơ Mú, Ơ Đu, Tày Poọng...

Trong các mặt hàng vải của người Thái Hàng Tổng, tiêu biểu nhất là chân váy (*tin xin*), một chân váy đẹp ngang giá một tạ thóc.

Chân váy được dệt hoa văn rất công phu bằng chỉ tơ tằm đã nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng thẫm... Người thợ dệt, với đôi bàn tay khéo léo, trí tưởng tượng phong phú, bằng kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống họ đã tạo nên những chân váy đẹp với những bông hoa hướng dương, hoa ban, các loài chim, loài bướm, các con vật như rồng, hổ, hươu, nai, voi, cá sấu, hoa văn hình mặt trời...màu sắc rực rỡ, hài hoà.

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Thái Hàng Tổng ở xã Tam Hợp huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An gồm có khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng.

- **Khăn đội đầu** (*khăn tải*) bằng vải tơ tằm, rộng 34cm, dài 168cm. Khăn chia thành hai phần, phần màu chàm chiếm một nửa khăn, nửa còn lại nhuộm màu gụ tươi, phần này gọi là "*tải*". Bên đầu khăn tải thêu những hình bướm, hình tam giác, con voi cách điệu bằng chỉ các màu. Ngoài ra, còn có bốn lớp hoa văn dệt ngang gọi là "*tải*"

nội”, đầu khăn còn ghép hai mảnh vải màu chàm, màu trắng, ngoài cùng có đính tua chỉ màu.

Sau khi búi tóc, cài trâm, phụ nữ Thái Hàng Tổng mới đội *khăn tái*. Loại khăn này ít dùng, nó chỉ đội trong các dịp lễ tết, hội hè. Đặc biệt trong ngày cưới, cô dâu bắt buộc vẫn phải dùng hai chiếc khăn. Một chiếc đội trên đầu, một chiếc vắt chéo qua vai.

- *Áo (xửa mẹ nhinh)* - *xửa* là áo, *mẹ nhinh* là phụ nữ. Áo may bằng vải thô màu trắng (*phén hao*), dài 52cm, rộng 36cm, may kiểu tứ thân mở ngực, xẻ tà. Cổ áo (*co xửa*) hình tròn. Tay áo (*hen xửa*) ngắn, ống rộng. Áo không đơm cúc cài khuy mà buộc bằng dây vải. Áo may rất đơn giản, không thêu vẽ hoa văn, không nhuộm màu.

- *Váy (xin khai)* - *xin* là váy, *khai* là phần hoa văn chân váy. Váy may bằng vải thô nhuộm chàm, hình ống, trên dưới bằng nhau, dài 109cm, rộng 60cm. Váy gồm ba phần: cặp váy, thân váy, chân váy.

Cặp váy (*hua xin*) rộng 20cm, bằng vải thô tự dệt màu trắng.

Thân váy (*tô xin*) bằng vải màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

Chân váy (*tin xin*) được thêu dệt cầu kỳ, hoa văn trang trí đẹp, tính nghệ thuật cao. Phần trên chân váy gọi là “*khai tốp*” được dệt bằng các loại sợi màu khác nhau.

Phần dưới chân váy được gọi là “*khải nội*” cũng được dệt bằng sợi màu khác nhau nhưng có sự phân biệt rõ ràng giữa *khải tốp* và *khải nội*.

Trên mặt *khải nội* có dùng chỉ trắng thêu hình chữ U đối diện liên tiếp, theo quan niệm của đồng bào đó là chân con nhái (*tín khiết*). Mảng hoa văn quan trọng nhất trên chân váy là hình con cá sấu (*ưa chi khe*). Đồng bào cho rằng cá sấu thể hiện sự uy nghi của loài vật sống nơi biển cả mênh mông. Bên cạnh cá sấu là hình sóng nước, quả trám, cây cỏ, tảo rêu... góp phần tô điểm thêm cho hoa văn cá sấu.

- *Thắt lưng* (*sai ảnh*) bằng vải tơ tằm nhuộm màu đỏ nhạt, không thêu vẽ hoa văn, dài 200cm, rộng 36cm. Khi mặc xong váy, thắt lưng được buộc vào cặp váy. Hai đầu thắt lưng được rút thắt cạnh sườn bên phải sao cho một đầu dài, một đầu ngắn.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Trang phục thường ngày cũng như trang phục lễ hội của nam giới Thái ở các ngành, các vùng cơ bản giống nhau. Sự giống nhau đó được thể hiện ở kiểu dáng cắt may, cách sử dụng trang phục... Bộ y phục thường ngày của nam giới dân tộc Thái ở bản Nà Huổi xã Chiềng Bằng huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La gồm có khăn đội đầu, áo cánh ngắn, quần. (Xem ảnh 106).

- **Khăn** (*khăn trọc*) bằng vải chàm đen, rộng 33cm, dài 120cm, không trang trí hoa văn. Khi lao động, trong sinh hoạt hàng ngày, nam giới Thái quần khăn (*khăn trọc*) một cách đơn giản theo kiểu chữ nhân để che nắng trong mùa hè, tránh rét trong mùa đông.

Khi bước vào tuổi 14, 15 các thành viên nam của cộng đồng Thái bắt đầu đội khăn, có lẽ đây là dấu hiệu của tuổi trưởng thành. Ngày nay nam giới Thái ít đội khăn.

- **Áo** (*xỉa*) bằng vải chàm đen, dài 75cm, rộng 48cm. Cổ áo (*co xỉa*) là loại cổ tròn, đứng, cao 0,3cm, rộng 16,5cm. Quanh cổ áo được lót một miếng vải tròn bên trong cho phẳng bên. Tay áo (*khen xỉa*) dài 35cm, cửa tay rộng 14,5cm. Áo mở ngực, ở hai thân áo trước (*tang nả*) có hai túi dưới, áo có bốn khuy để cài hai vạt áo với nhau.

Thân áo sau (*tang lăng*) được ghép bằng hai khổ vải, đường ghép ở giữa sống lưng. Áo xẻ tà cao 15,5cm để khi mặc thoải mái và thoáng hơn.

- **Quần** (*xuống*) bằng vải chàm đen, may kiểu bỏ đũng, dài 94cm, rộng 48cm. Cạp quần (*hố xuống*) liền với quần, rộng 2,5cm để luôn dải rút. Dải rút được tết bằng sợi bông. Thân quần do bốn khổ vải nhỏ tạo thành. Quần được may vừa với người mặc, không rộng như quần của nam dân tộc Nùng.

III. TRANG PHỤC LỄ HỘI

1. Trang phục lễ hội của phụ nữ

Trang phục lễ hội của phụ nữ Thái Đen

Trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè phụ nữ Thái Đen mặc *xỉa côm* mới tinh, đen nhánh, thắt lưng xanh, váy mới mặc lần đầu.

Đặc biệt trong ngày cưới, cô dâu bắt đầu búi tóc (*tăng cẩu*), đây là dấu hiệu báo cho mọi người biết cô gái đã có chồng. (Xem ảnh 105). Trong ngày cưới, các cô gái không đội khăn piêu trên đầu mà quấn trên vai, phong tục đó đánh dấu một mốc quan trọng trong bước ngoặt cuộc đời của người con gái.

Ngoài bộ trang phục trên, cô dâu còn khoác ngoài một chiếc áo *xỉa chai* hay *xỉa luông* (áo lớn). (Xem ảnh 104). Áo *xỉa chai* của phụ nữ Thái Đen ở xã Chiềng Bằng huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La, được may bằng vải chàm đen, kiểu năm thân. Áo dài 107cm, rộng 45 - 50cm. Cổ áo (*cò xỉa*) là loại cổ tròn ôm sát cổ, nếp cổ cao 2,5cm. Thân áo bên phải đơm năm cúc đồng (cổ và ngực hai chiếc, nách ba chiếc), cúc cài bên nách trái. Tà áo được xẻ rất cao, khi bước đi tà áo tung bay theo gió tạo sự uyển chuyển, mềm mại cho người mặc.

Tay áo (*khen xira*) liền với thân được nối giữa cánh tay. Tay áo được may thuôn dần về phía cửa tay, cửa tay áo rộng 9cm.

Dọc hai bên sườn cả thân trước và thân sau được tấp thêm bốn dải vải tơ tằm rộng 3cm chạy dọc theo thân áo. Trên bốn dải vải có dệt hoa văn hình tam giác, chữ nhật, kẻ dọc bằng chỉ các màu. Bốn dải vải tạo cho chiếc áo lễ hội của người Thái thêm đẹp và trang trọng. Theo quan niệm của người Thái, những dọc vải đỏ còn có ý nghĩa người con gái đó có đạo đức, có nhà cửa.

Việc may chiếc áo dài xira chai dùng trong ngày cưới rất được coi trọng. Đồng bào phải nhờ những người biết xem ngày, giờ tốt để cắt áo. Khi chọn được ngày tốt - ngày sẽ đem lại hạnh phúc, giàu có - người mẹ mới cho con gái được cắt may áo.

Xira chai sau này còn được dùng để báo hiếu cha mẹ chồng trong ngày tang ma (nếu là con dâu cả).

Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ Thái Trắng

Trong các dịp cưới xin, lễ hội, phụ nữ Thái Trắng khoác thêm chiếc áo dài *xira luông*. Áo may kiểu chui đầu hình ống, áo thụng, cổ áo hình trái tim. Thân áo trước (*tang nà*) bằng vải sa tanh đen có trang trí hoa văn cân đối, giống nhau giữa hai vạt áo. Hai bên nách trang trí miếng vải phin

hình tam giác cân cao 9cm, rộng 17cm. Người Thái gọi miếng trang trí này là “én”. Trên miếng “én” có thêu hoa văn hình mái nhà sàn bằng chỉ màu xanh, tím, hồng.

Thân áo phía sau (*tang lăng*) bằng vải thô đen. Mặt trái của áo ghép 6 dải vải màu xanh, hồng, vàng dọc theo thân áo ở phía trước và phía sau. Tác dụng của việc trang trí này là khi lộn áo ra sẽ tạo thành chiếc khăn thắt lưng nhiều màu sắc. Theo quan niệm của người Thái Trắng, những cô gái mới về làm dâu nếu dùng thắt lưng bằng chiếc áo dài lộn trái là thể hiện sự tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng.

Chính vì vậy, trong những ngày lễ tết, cưới xin chiếc áo dài được mặc bên ngoài chiếc áo cóm. Khi trở thành nàng dâu mới về nhà chồng họ lộn áo ra và tạo thành chiếc thắt lưng buộc ngang cặp váy. (Xem ảnh 108)

Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh

Trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin phụ nữ Thái Man Thanh sử dụng loại váy hoa (*xin mục hốc*). *Xin mục hốc* dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm chàm và thêu hoa văn. Váy dài 103cm, rộng 67cm.

Cặp váy (*hua xin*) bằng sợi bông nhuộm màu nâu non,

dài 40cm. Phụ nữ Thái nhóm Man Thanh kiêng mặc váy cặp màu trắng.

Thân váy (*xin hóc*) dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm màu chàm xen với tơ tằm nhuộm màu vàng tạo thành các vạch vàng chạy song song ngang thân váy. Trên thân váy còn có 10 đường vạch dệt bằng sợi màu trắng gọi là đường mực (*tàng mực*) chạy song song ngang thân váy, do đó váy có tên là *xin mực*.

Chân váy (*xin xeo* hay *xin hóc*) được thêu hoa văn dẫu da (*hon hỏ*) kết hợp với *tàng mực* - hình mào con rồng, *hon ngược* - hình bờm ngựa, phía dưới cùng là hoa văn hình quả trám.

Trước đây váy xin mực hóc chỉ dành riêng cho con gái nhà quý tộc, hiện nay mọi phụ nữ Thái Man Thanh đều mặc váy xin mực hóc trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè.

2. Trang phục lễ hội của nam giới

Trong những ngày lễ tết, hội hè nam giới Thái Đen thường quấn khăn kiểu khăn xếp như người Kinh, mặc áo dài kiểu người Kinh trước năm 1945, cho trang trọng.

- *Khăn* dùng trong lễ hội gọi là *khăn pau* làm bằng vải chàm đen, dài 167cm, rộng 33,5cm. Khi dùng được gấp đôi theo chiều dọc và quấn theo kiểu khăn xếp của người

Kính, tức là quần nhiều vòng tạo thành các nếp xếp lên nhau một cách cẩn thận và trang trọng.

- **Áo dài (xửa бат)**: đây là loại áo truyền thống được dùng vào những dịp cưới xin, lễ hội. Áo bằng vải chàm đen nhánh, may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải, áo dài 80cm, rộng 52cm. (Xem ảnh 107).

Cổ áo (*co xửa*) là loại cổ tròn cao 5cm, rộng 17cm để áo phẳng và đẹp.

Tay áo (*khen xửa*) dài 36cm, được may thuôn dần về phía cửa tay, cửa tay rộng 10cm, phía trong có lót một miếng vải rộng 5,5cm tạo cho ống tay phẳng và bền hơn.

Thân áo trước (*tang xá nửa*) được ghép bởi hai khổ vải, đường ghép chạy từ giữa chân cổ áo đến gấu áo. Áo có năm chiếc cúc đồng, khuy cài bằng nút vải. Trên thân áo phụ có một chiếc túi nhỏ để đựng tiền. Áo xẻ tà cao 27cm, để khi mặc thoải mái và thoáng hơn.

- **Quần (xuống)** may bằng vải chàm đen bóng, kiểu cắt may hoàn toàn giống quần mặc thường ngày, điều khác cơ bản là quần mới và màu sắc đẹp.

Để có cái nhìn tổng thể về trang phục Thái, chúng tôi giới thiệu bằng so sánh trang phục phụ nữ một số ngành Thái ở Việt Nam.

**Bảng so sánh trang phục phụ nữ
một số ngành Thái ở Việt Nam**

Tiêu chí	Thái Đen	Thái Trắng	Man Thanh	Hàng Tông
Khăn đội đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn dài màu đen, hai đầu thêu hoa văn. - Khăn thiếu nữ thêu nhiều, cầu kỳ. - Khăn của người có tuổi thêu ít, đơn giản. - Khăn dùng đội hàng ngày. Trong ngày cưới quàng trên vai. 	Không đội khăn.		<ul style="list-style-type: none"> - Khăn dài, nửa đen, nửa gụ tươi. Đầu khăn màu gụ thêu hoa văn và dệt sọc ngang. - Ngày thường ít đội khăn. Chủ yếu đội trong lễ, tết. - Ngày cưới dùng 2 khăn, 1 đội đầu, 1 vắt vai.

Áo ngày thường	Áo ngắn tứ thân, màu đen, không xẻ tà. Cổ tròn, nẹp cổ cao 2,5cm. Cài cúc bạc giữa ngực.	Áo ngắn tứ thân, màu trắng, không xẻ tà. Cổ thìa, (trái tim), nẹp áo màu đen. Cúc cài bạc giữa ngực.	Áo tứ thân không xẻ tà. Tay áo gấp thêm 3 vòng vải khác màu. Áo có hai cúc đồng đính ở phía trên. - Nay dùng áo bà ba.	Áo tứ thân màu trắng không xẻ tà. Cổ tròn, áo không có cúc cài, dùng dây buộc.
Y phục lễ hội: Áo lễ hội	Áo dài màu đen kiểu 5 thân, cổ tròn, tà xẻ cao.	Áo dài màu đen chui đầu (<i>pon cho</i>), cổ trái tim. Mặt trong của áo ghép 6 dải vải các màu.	Trong lễ hội phụ nữ mặc váy hoa (<i>xin mục hốc</i>) được dệt sọc màu và hoa văn rực rỡ.	
Váy	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm

	đen, cạp bằng vải trắng. Váy không thêu vẽ hoa văn.	đen. Cạp váy bằng vải chàm xanh. Váy không thêu hoa văn.	đen. Chân váy thêu hoa văn rực rỡ.	đen, cạp váy vải thô trắng, chân váy thêu hoa văn rực rỡ.
Thắt lưng	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng vải tơ tằm. - Thiếu nữ dùng thắt lưng màu xanh, 2 đầu nối thêm đoạn vải đỏ. - Người đứng tuổi dùng thắt lưng màu tím. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng nhiều loại vải màu đen, đỏ, xanh, vàng. - Thắt lưng có 2 lớp vải (trong đen, ngoài vải khác màu). - Ngày thường dùng một thắt lưng. - Ngày cưới dùng 2 thắt lưng. 	Thắt lưng bằng sợi xe lại (gồm nhiều dây lè tạo thành con sợi to).	Bằng vải tơ tằm màu đỏ nhạt, không thêu vẽ hoa văn.

IV. ĐỒ TRANG SỨC CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ dân tộc Thái nói chung và phụ nữ nhóm Thái Đen, Thái Trắng nói riêng đều thích dùng đồ trang sức để trang điểm, làm đẹp, nhất là trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin.

Đồ trang sức của họ trước đây hầu hết bằng bạc trắng và sản xuất hoàn toàn bằng kỹ thuật thủ công như rèn, gò, hàn. Ngày nay người ta đã kết hợp giữa kỹ thuật thủ công với máy móc như hàn hơi, mạ kền, mạ đồng, mạ vàng... để sản xuất đồ trang sức bằng hợp kim.

Dù bằng bạc hay hợp kim, đồ trang sức của người Thái có mẫu mã khá đa dạng, bao gồm xà tích, vòng tay, hoa tai, trâm cài tóc...

- *Xà tích (sợi)* được tạo bởi những vòng kim loại nhỏ, khép kín lồng vào nhau và nối với nhau theo từng cặp song song tạo nên sợi dây có 4 cạnh vừa mềm mại vừa cứng cáp. Chiều dài của xà tích là 79cm (loại xà tích này nhiều dân tộc khác cũng dùng).

Một phụ nữ có thể sử dụng từ 2 - 4 dây xà tích. Người ta liên kết với nhau và quấn xung quanh người ngoài cặp váy. Hai đầu dây xà tích được giắt vào thắt lưng, lệch về phía bên phải hoặc bên trái tùy theo ý thích của từng người. Đầu dây xà tích còn đeo thêm một số đồ dùng cá

nhân như dụng cụ lấy ráy tai, nhíp tỉa lông mày, hộp đựng vôi, hộp đựng thuốc lào ăn trâu...

- *Vòng tay (má khẻn hợp)* được tạo bởi ba miếng kim loại mỏng chồng lên nhau cuốn thành một chiếc vòng có bán rộng 1,5cm, đường kính 6cm. Trên các bản vòng có nhiều mối hàn liên kết ba bản vòng với nhau. Phía ngoài vòng khắc chạm các hình uốn lượn và những vạch song song tạo nên dải hoa dây chìm. Toàn thân vòng được mạ một lớp kim loại màu sáng. Phụ nữ Thái thường đeo một hoặc hai vòng trên cả hai tay.

- *Hoa tai (oóng hu pay)* được làm bằng hợp kim có màu trắng đục, trọng lượng nhẹ. Hoa tai hình trụ, dài 1,5cm, hai đầu xòe rộng hơn phần giữa. Hai đầu hoa tai có hai vòng tròn đồng tâm nổi và khắc chìm các vạch ngang liên tiếp.

Hầu hết phụ nữ Thái từ nhỏ đã có tục xâu tai, khi có điều kiện họ đều đeo hoa tai hoặc khuyên để trang điểm làm đẹp cho mình. Khi đeo, họ lách đầu nhỏ qua lỗ tai và xoay cho phần thu nhỏ của hoa tai nằm gọn trong dái tai, hai đầu xòe nằm phía ngoài dái tai để hoa tai không bị rơi.

- *Trâm cài tóc (may hắt cầu)* là một thanh kim loại tròn dài 12,5cm, một đầu nhỏ nhọn, một đầu to tròn mài nhẵn. Trước kia đồng bào thường gắn trên đầu to của trâm một đồng tiền cổ bằng bạc, nay có thể gắn với mảnh kim loại

tròn mỏng có hình đồng tiền cổ hoặc đúc thành thỏi đặc mài nhẵn và hàn thêm một vòng tròn nhỏ để buộc dây giữ, phòng khi trâm tuột khỏi tóc sẽ không bị rơi.

Trâm cài tóc là đồ trang sức đặc biệt dành cho phụ nữ Thái khi họ đã có chồng. Thời con gái họ buông tóc, khi lấy chồng tóc được búi ngược trên đỉnh đầu (*tăng cầu*) và dùng trâm cài vào búi tóc.

Tăng cầu là một tục lệ cổ xưa của người Thái, đó là dấu hiệu của những phụ nữ đã có chồng.

Trang sức của phụ nữ Thái Man Thanh

Sử dụng đồ trang sức là một tập quán từ lâu đời của phụ nữ Thái Man Thanh. Vòng cổ, vòng tay là những vật dụng quen thuộc mà mọi phụ nữ từ già đến các em nhỏ đều quen dùng.

Vòng cổ (*pò khô*) trước kia bằng bạc trắng, nay chủ yếu bằng nhôm hoặc hợp kim. Vòng cổ hình tròn, hai đầu để hở có thể mở rộng khi đeo vào cổ. Hai đầu vòng thường chạm khắc hoa văn hình đuôi cá (*ta pa*).

Các cụ già, trẻ em đeo vòng cổ bằng bạc với mục đích trừ gió độc, kỵ ma. Thanh niên nam nữ chưa chồng đều đeo vòng cổ để tăng thêm vẻ duyên dáng. Khi các cô gái đi lấy chồng họ đều thách nhà trai từ 1 - 2 chiếc vòng cổ bằng bạc.

Vòng tay (*pò khen*) được làm bằng bạc hoặc kim loại, đường kính 7cm, bên trong vòng tay được vuốt tròn, bên

ngoài trên hình xương cá có chạm khắc các hình tam giác, đồng bào gọi là mắt con sâu (*mác ta bãng*), hai đầu nổi của vòng giống hình đuôi tôm.

Phụ nữ nhóm Man Thanh ở miền Tây Nghệ An có tập quán đeo vòng tay từ lâu đời, vòng tay là đồ trang sức không thể thiếu đối với chị em, nhất là những thiếu nữ chưa chồng. Phụ nữ nhà giàu đeo bạc, nhà nghèo đeo vòng kim loại. Trong ngày cưới nhất thiết nhà trai phải đưa sang nhà gái một đôi vòng tay bằng bạc trắng. Đôi vòng tay của cô dâu vừa là đồ trang sức trong ngày cưới, vừa là tài sản quý giá trong cuộc sống của họ.

V. TRANG PHỤC TRẺ EM

Theo phong tục của người Thái, khi trong gia đình có người sinh con họ đều làm *tay ho* là vật tượng trưng cho giới tính của người Thái. *Tay* của nam và *ho* của nữ; vật tượng trưng chung của cả hai giới là chiếc túi vải chứa vật linh thiêng như một bùa hộ mệnh và một chiếc quạt nan biểu hiện cho sự cường tráng sức khỏe. Riêng cho đàn ông là cái cung, cái cung và ống tên biểu hiện cho sự lao động và chinh chiến. Riêng cho đàn bà là cái *clép* và một cái bu gà. *Ho* còn có nghĩa là tổ (ổ) tựa như tổ chim treo trên cành, trong đó chim mẹ ấp trứng, sinh nở và nuôi con - một hình tượng mang tính biểu trưng về giới tính của người Thái.

Trong cuộc đời, mỗi người Thái chỉ có một *tay* hay

một *ho*. Giàn *tay* là số thành viên nam được sinh ra trong một gia đình, còn *ho* thì có sự biến động, Khi các cô gái Thái đi lấy chồng, trong các bước hôn lễ có nghi thức cuối cùng bắt buộc phải làm gọi là *phái xư*: trao áo và trao linh hồn. Lễ này có thể làm sau hôm cưới. Khi họ chọn được ngày lành tháng tốt, nhà trai sửa soạn mâm cỗ sang nhà gái cúng bần thờ xin *ho* của cô dâu về. Sau nghi lễ này, mọi điều liên quan đến một đám cưới mới kết thúc. *Tay* và *ho* được gìn giữ suốt đời, khi chuyển nhà cũng phải chuyển theo, đến khi chết *tay* và *ho* được rút khỏi mái nhà ném xuống đất.

Như vậy ngay từ khi mới lọt lòng, sự phân định về giới tính của người Thái đã khá rõ ràng; việc dạy dỗ, chăm sóc và giáo dục giới tính cho các em gái được các bà, các chị quan tâm từ tuổi ấu thơ.

Các em gái Thái khi còn nhỏ thường mặc loại áo liền váy để không bị tụt. Cũng có em mặc áo váy riêng như người lớn. Các em gái dưới 6 tuổi, áo không có hàng khuy bướm (*mák pém*) mà chỉ cài bằng cúc xương hay buộc bằng dây vải. Các em thường đeo vòng vĩa ở cổ hoặc sợi dây chỉ đeo bùa ở cổ tay. Vòng vĩa thường đeo thêm một vài vật “kỵ ma” do thầy cúng cho.

Các em gái từ 7 - 10 tuổi bắt đầu tập dệt vải, thêu thùa và mặc trang phục giống như người lớn.

Quần áo trẻ em nam cũng may cùng kiểu với quần áo

người lớn. Riêng áo không có “quả chỉ” ở hai cạnh sườn. Ở người Thái Trắng Lai Châu trước đây, trẻ em cũng quần khăn chàm hoặc đội mũ vải chàm được ghép nhiều màu...

Ở tuổi thanh niên, các cô gái mới lớn bắt đầu ý thức về đẹp về trang phục. Đặc biệt, khi tự khâu áo váy, thêu khăn các em thận trọng từng đường kim mũi chỉ, từng nước nhuộm vải... sao cho trang phục của mình không thua chị kém em. Các chàng trai cũng dành những bộ quần áo mới, lịch sự để mặc đi chơi sau những giờ lao động.

VI. TANG PHỤC

Khi trong gia đình không may có người qua đời, người chết được tắm rửa sạch sẽ và được mặc quần áo mới. Nếu là phụ nữ ngoài áo côm, váy mới còn khoác thêm ngoài chiếc áo *xửa chai* - áo dài mặc trong ngày cưới. Mặt che bằng một chiếc khăn *piêu* gọi là *piêu póc nả*, trên đầu đội thêm một chiếc khăn như khi còn sống vẫn đội. Hai chiếc khăn này không nhất thiết phải đẹp nhưng phải mới.

Nếu là nam giới thì mặt người qua đời đội một chiếc *piêu*, ngoài bộ quần áo mới phải khoác thêm *xửa hi* là chiếc áo dài do con dâu tặng bố chồng trong ngày cưới. Trước kia *xửa hi* dùng trong lễ tết, hội hè nay chỉ mặc khi chết.

Áo dài *xửa hi* dài 90cm, loe phía gấu, bóp phía nách.

Ngực rộng 48cm, tay dài 70cm, cửa tay rộng 14cm. Cách cắt may xưa hi giống xưa chai nhưng không cầu kỳ bằng.

Việc may tang phục chỉ được tiến hành khi có người qua đời, không được may trước. Vải may tang phục chủ yếu là vải trắng.

Khi bố mẹ chết, các con trai mặc áo đại tang là loại áo choàng rộng bằng bốn khổ vải. Áo dài 140cm thực chất là những tấm vải khâu ghép hai cạnh sườn, can tay, thân áo trên dưới bằng nhau, cổ áo khoét rộng, dùng dây vải buộc. Đầu đội khăn trắng (*khăn pau*), thắt sau gáy. Qua chiếc khăn này người ta phân biệt được họ nội, họ ngoại của người quá cố.

Hàng cháu không phải mặc áo tang, chỉ dùng khăn tang. Các cháu bên họ nội đội khăn trắng trên đầu - *vả hùa lớn đón* - họ đầu trắng. Các cháu bên họ ngoại thắt khăn trắng ngang lưng - *vả hùa lăm dăm* - họ đầu đen. Con rể cũng coi là họ ngoại quần áo vẫn mặc bình thường chỉ buộc khăn trắng ngang lưng.

Ở người Thái Đen, khi bố mẹ chồng chết người con dâu cả phải mặc *xưa chai* - áo dài đen và đội khăn piêu đen như ngày thường để “hầu” cha mẹ khi lên mừng Trời. Theo quan niệm của người Thái, con dâu lúc đó mới thực sự làm dâu.

Trước khi đi làm dâu, người con dâu cả thường may

hai chiếc áo *xửa hiếu luông* - áo báo hiếu loại lớn để đem theo về nhà chồng. Khi bố hoặc mẹ chồng chết, con dâu cả tặng một chiếc áo cho người chết và đem treo ở nhà mồ, một chiếc "*làm com*" cúng ma bố mẹ chồng.

Xửa hiếu luông là loại áo dài thụng, xẻ nách, có nhiều sọc ngũ sắc, cúc bằng dải vải màu.

Các cô dâu thứ mặc *xửa com* trắng, không có khuy bạc mà dùng dây buộc, áo may sơ sài không khâu gấu, không dựng cổ áo. Đầu đội khăn trắng, mặc váy đen bình thường.

Các cô dâu thứ còn may *xửa nhinh* - một loại áo nhỏ, không có chức năng sử dụng mà chỉ là áo thờ. *Xửa nhinh* được may bằng vải đen, áo cắt may đơn giản mang tính ước lệ. Áo dài 80cm, rộng 78cm, tay dài 52cm, cửa tay bằng nách rộng 16cm, áo khoét cổ thìa để chui đầu. Áo *xửa nhinh* được ghép nhiều màu rực rỡ, người Thái quan niệm những màu sắc đó làm cho ma sợ.

Áo *xửa nhinh* thực chất là loại áo ấm, trước kia khi đến mùa đông cả đàn ông và đàn bà đều khoác loại áo này, ngày nay không dùng nữa mà dùng áo bông, áo nhung thay thế.

Theo quan niệm của người Thái, *xửa nhinh* là nơi trú ngụ của linh hồn người mới qua đời. Hồn đó chưa kịp lên "mường then" nên khi đưa ma người ta đem *xửa nhinh* ra

treo ở nhà mồ cho hồn trú ngụ. Nhìn vào số áo treo ở nhà mồ, người ta biết người quá cố có bao nhiêu con cháu.

Khi cha mẹ đẻ chết, con gái cũng mặc áo đại tang như anh em trai, đầu đội khăn trắng.

Ở Quỳ Châu - Nghệ An, đồng bào Thái có tập tục riêng trong việc để tang. Nhìn chung, y phục trong tang ma đều dùng vải trắng, không được đeo bất kỳ một loại trang sức nào. Nhìn vào quần áo trong một đám ma có thể xác định được ai là người ngoài dòng họ, ai là người trong họ. Người ngoài họ, lúc bà con trong bản và ngoài bản đến chia buồn, phúng viếng, họ vẫn mặc quần áo bình thường. Riêng phụ nữ đầu để trần không đội khăn, họ được gọi là những người “đầu đen”. Người trong họ bao gồm các bậc em, vợ con, cháu của người quá cố, kể cả em rể, con rể và cháu rể, đó là họ “đầu trắng” và phải tuân thủ cách ăn mặc như sau:

- Con trai mặc quần áo trắng, chít khăn trắng, thắt lưng trắng, áo xỏ gấu, không cài cúc mà thắt buộc bằng dây vải. Riêng áo còn đính thêm một miếng vải trắng xẻ làm ba gấn phía sau lưng áo.

- Các em trai, cháu trai ruột chỉ mặc áo trắng và chít khăn trắng.

- Riêng con rể cả phải mặc quần áo trắng, khăn và dây lưng trắng để phục dịch trong quá trình làm ma và làm chay.

- Tất cả phụ nữ, kể cả vợ, con, cháu, con dâu, em dâu, đều mặc áo trắng xỏ gấu, đầu quấn khăn trắng hoặc xoã tóc.

- Ở người Thái các bậc anh, chị của người quá cố không phải mặc quần áo tang. Đàn ông chỉ chít khăn trắng, đàn bà xoã tóc. Tất cả quần áo, khăn và dây lưng đều cắt khâu từ vải thô màu trắng do tang chủ chuẩn bị và họ hàng mang đến.

Riêng nhóm Tày Mười, các chàng rể và họ hàng chỉ chít khăn trắng, còn các cô dâu của dòng họ (trừ con dâu của người quá cố) thì mặc áo ngắn chui đầu màu đỏ. Riêng cô dâu cả của dòng họ phải mặc áo dài cộc tay chui đầu, màu đỏ.

Áo dài cộc tay là một mảnh vải đỏ gấp đôi, phía trước khoét một lỗ hình trái tim để chui đầu, hai bên nách được khâu liền với nhau. Chỗ nách được cắt hơi vát để vừa chui lọt hai cánh tay. Áo không có khuy cài và chỉ dài đến eo. Áo dài cộc tay chui đầu màu đỏ cũng được cắt may tương tự như áo ngắn tay nhưng dài quá gối.

Hai loại áo trên đây chỉ dùng trong đám ma của nhóm Tày Mười (ở hai nhóm Thái còn lại không có). Trong đám ma, các dâu, rể của dòng họ phải mặc tang phục và thực hiện nghi lễ “dâu rể ma” - diễn các trò vui để đám ma bớt nặng nề, họ quết nhọ nhau, thậm chí chòng ghẹo nhau mà không sợ bị mắng.

VII. TRANG PHỤC LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG

Ở người Thái, những người làm nghề cúng bái được gọi là ông “mộ”, bà “mộ”. Trong xã hội Thái không có ông “mộ” bà “mộ” chuyên nghiệp mà chỉ có tính chất nghiệp dư, họ vẫn là người nông dân nên trang phục của họ không mang tính chất chuyên nghiệp.

Khi cúng, họ vẫn mặc quần áo bình thường nhưng có thêm chiếc khăn đội đầu màu đỏ, khi đội phủ lên đầu che cả mặt. Họ còn dùng một chiếc đai lưng bằng vải đỏ rộng 15cm. Cả khăn và đai lưng được trang trí ghép vải tạo thành hình hoa ban, cây cỏ, lúa gạo, con thú lông, rắn... tất cả hợp thành một lực lượng có đủ sức mạnh để đuổi tà ma.

Khi tiến hành nghi lễ, ông bà “mộ” còn đeo thêm chiếc bùa “*bống kin phi, phi kin bóng*” vào đai lưng. Họ đọc thần chú, huy động những lực lượng siêu nhiên là những vật trang trí được ghép trên khăn, trên đai nhằm hỗ trợ ông bà “mộ”. Khi cúng, họ còn đặt chiếc áo của người bệnh lên mâm đồng để gọi hồn của người ốm trở về - vì áo là nơi trú ngụ của hồn người.

Loại khăn, đai dùng khi cúng của ông bà “mộ” hiện nay hầu như không còn, chủ yếu do các cụ già mô tả lại.

Thầy cúng người Thái ở Phong Thổ - Lai Châu thường mặc quần trắng, áo đen hoặc chàm, thắt đai lưng, vai vắt

một chiếc khăn màu sáng. Đầu đội mũ vải phía trên to, vành mũ là một chiếc đai được trang trí xung quanh. Sau mũ là 10 tua vải được sắp xếp theo 5 lớp phủ từ trên xuống tới gần gót chân.

Ở người Thái Nghệ An, chỉ các thầy mo cao tay và có uy tín mới có y phục riêng (mo tàng nhào, mo mừng). Áo hành lễ này là loại áo dài màu đen. Trên thân áo (cả phía trước và phía sau), người ta thêu thành hàng, thành lớp hình các con thú, các động vật thiêng như rồng, rắn, rết, chim phượng hoàng. Đặc biệt là các con vật vô hình trong vũ trụ, trong đó có cả sao chổi mà họ gọi là *pô choạng pà*. Rất tiếc là loại áo này đến nay không còn lưu giữ nữa, hoặc nếu có cũng khó có thể được xem. Theo họ, những con vật thêu trên áo, tượng trưng cho sức mạnh và tạo sự huyền bí cho thầy mo - người có thể đi lại giữa đất với trời, giao dịch với các thần ở vòm trời trong quá trình dẫn hồn người chết về với tổ tiên.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI SÁN CHAY

Là cư dân sản xuất nông nghiệp, người Sán Chay từ lâu đời đã thành thạo việc trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu để tự túc nhu cầu may mặc của cư dân.

Người Sán Chay thường dệt vải khổ rộng 40cm, vải xấu hay đẹp phụ thuộc vào tay nghề của người dệt. Khi vải dệt xong có màu trắng, đó là màu nguyên của bông. Muốn cắt may y phục và các vật dụng khác đồng bào phải nhuộm màu. Người Sán Chay thường dùng các màu chàm, nâu, đen, đỏ, vàng, tím để may y phục, trong đó màu chàm và màu nâu được đồng bào ưa chuộng hơn cả.

Nguyên liệu nhuộm màu chàm được lấy từ cây chàm (*căn chàm*). Cây chàm rất dễ trồng, đồng bào thường gieo thành bãi, khi chàm mọc cao xanh tốt, đồng bào cắt về ngâm vào chum nước, sau đó cho một lượng nhất định vôi và tro bếp vào ngâm cùng. Khi lá chàm nhũn ra, dùng đoạn cây khuấy đều cho đến khi thấy nước có màu đỏ là được. Sau đó lọc sạch cặn bã và dùng nước đỏ nhuộm vải. Vải nhúng vào nước chàm cho ngấm thật đều, ngày phơi nắng, đêm ngâm chàm đến khi nào được màu như ý mới thôi. Sau khi vải nhuộm xong thường được ngâm tiếp vào nước lá trầu không (*căn lãn*) hoặc nhúng bùn để màu không phai.

Muốn nhuộm màu nâu, người ta lấy củ nâu già (*căn đau*) về giã nhỏ ngâm nước, khi màu đặc đồng bào cho vải vào ngâm, đêm ngâm ngày phơi nắng đến khi được màu như ý mới thôi.

Người Sán Chay còn sử dụng nhiều loại cây, củ trong

thiên nhiên để nhuộm màu xanh, đỏ, vàng, tím. Các màu này thường để trang trí thêm cho y phục.

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Dân tộc Sán Chay có hai nhóm là Cao Lan và Sán Chỉ, y phục của họ ngoài những yếu tố chung còn mang những đặc trưng riêng. Để tiện nghiên cứu, chúng tôi đi sâu mô tả y phục của cả hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ

1. Y phục thường ngày của phụ nữ Sán Chỉ

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Sán Chỉ gồm có khăn, áo, váy

- *Khăn* (*thào páo*) bằng vải bông tự dệt nhuộm chàm, là loại khăn dài từ 1,2cm đến 1,5cm, rộng 35cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi dùng hai tay cầm hai đầu khăn, đặt điểm giữa khăn ở trên trán, hai đầu khăn được bắt chéo sau gáy và hất ngược hai đầu khăn ra hai bên tai.

- *Áo* (*chíp sam*) bằng vải bông tự dệt, là loại áo dài may kiểu tứ thân, xẻ tà cao, không có cúc cài. Áo dài 110cm, rộng 60cm. Áo được nối thân, phần nối thường nằm ở giữa ngực hay bụng. Nửa trên là vải màu nâu thì nửa dưới là màu đen chàm hoặc ngược lại.

Khi mặc, hai thân trước (*sám hệnh*) được buộc lại với nhau trước bụng, không dùng thắt lưng vẫn tạo được sự kín đáo cho phụ nữ.

- *Váy (thìn khoản)* bằng vải tự dệt màu đen, dài 75cm, cao rộng 45cm, là loại váy khếp mí, phía trên cạp có chỗ để luôn dải rút. Nhìn tổng thể, váy hình ống, phần cạp thu nhỏ hơn so với dưới gấu váy.

2. Y phục thường ngày của phụ nữ Cao Lan (Xem ảnh 115)

Bộ y phục truyền thống mặc thường ngày của phụ nữ Cao Lan ở xã Kim Phú huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang gồm có khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp.

- *Khăn đội đầu (pá khoản lấu)* bằng vải chàm đen, dài 265cm, rộng 33cm bằng một khổ vải tự dệt. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi đội quấn nhiều vòng xung quanh đầu, hai đầu khăn được vắt về hai phía tai.

- *Áo (pù)* bằng vải bông nhuộm chàm và nhuộm nâu. Là loại áo dài may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải. Áo xẻ tà cao, áo nối thân, ở giữa ngực, trên đường nối may bằng vải màu nâu, phía dưới màu chàm. Áo dài 104cm, nách rộng 55cm.

Cổ áo (*hò pù*) là loại cổ tròn có hò. Tay áo (*khen pù*) dài 47cm được may thuận dần về phía cổ tay, cửa tay áo rộng 13cm. Khuy áo (*mập pù*) là kiểu khuy tròn đính ngang, nút cài bằng vải màu chàm, áo có ba khuy.

- *Yếm (có)* bằng vải mộc trắng, kích thước 34 x 34cm. Đầu trên yếm khoét hình bán nguyệt ôm sát cổ, mép ngoài

viền vải đỏ, hai đầu đường viền vải đỏ đính hai sợi dây vải để buộc, dây dài 32cm. Khi mặc, hai sợi dây này buộc phía sau gáy. Hai góc đối diện giữa ngực đính hai sợi dây, dây dài 53cm bằng vải trắng, hai dây này buộc sau lưng để yếm bó sát vào ngực.

- *Váy (pôn bín)* bằng vải chàm đen, dài 72cm, cạp rộng 50cm. Váy may khép kín tạo thành hình ống, phía trên cạp được chiết một số nếp để thu nhỏ hơn so với gấu váy. Cạp váy (*lầu bín*) rộng 2cm bằng vải trắng để luôn dải rút.

Thân váy (*bín*) dài 70cm do hai khổ vải ghép lại theo chiều dọc tạo thành hình ống.

Gấu váy (*tên bín*) rộng 0,6cm được móc trang trí bằng chỉ màu đỏ.

- *Thắt lưng (slai bín)* gồm hai chiếc, một chiếc may bằng vải phin dài 297cm, rộng 32cm, một chiếc bằng lụa màu hồng dài 301cm, rộng 40cm.

Thường ngày, phụ nữ Cao Lan chỉ dùng một chiếc thắt lưng chàm; trong ngày cưới, lễ tết, hội hè họ dùng hai, ba chiếc thắt lưng với nhiều màu khác nhau.

- *Xà cạp (cau kích)* bằng vải trắng, dài 91cm, rộng 26cm, đầu nhỏ đính dây buộc dài 65cm, rộng 1cm. Khi dùng, xà cạp được quấn lần lượt từ cổ chân lên hết bắp chân, sau đó dùng dây quấn lại cho khỏi tụt. Xà cạp dùng để bảo vệ đôi chân khi lao động.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Nam giới nhóm Cao Lan và Sán Chỉ mặc khá giống nhau. Trang phục của họ đơn giản hơn nhiều so với trang phục nữ. Một bộ y phục thường ngày của nam giới Sán Chay gồm có áo và quần.

- **Áo**: Hàng ngày, khi lao động sản xuất và sinh hoạt, nam giới Sán Chay mặc áo cánh ngắn bằng vải chàm, vải đen. Áo may kiểu tứ thân, mở ngực. Loại áo này rất giống áo của nam giới Tày, Nùng...

- **Quần** bằng vải nâu, may kiểu chân què, cạp lá toạ, độ đoãng của đũng lớn nên rất thuận tiện và thoải mái khi lao động. Hiện nay nam giới Cao Lan - Sán Chỉ mặc giống nam giới người Kinh.

III. TRANG PHỤC LỄ HỘI, CƯỚI XIN CỦA PHỤ NỮ

1. Trang phục lễ hội của nhóm Sán Chỉ

Người Sán Chỉ sống đan xen với nhiều tộc người khác, do ảnh hưởng của sự giao thoa văn hoá nên trang phục cổ truyền của họ bị mai một đi nhiều, hiện nay chỉ còn bộ trang phục nữ mặc trong lễ hội còn giữ được sắc thái xưa. Bộ lễ phục gồm có khăn, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp.

- **Khăn** (*thào páo*) bằng vải chàm xanh, dài 150cm, rộng 35cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi đội, khăn được quấn nhiều vòng quanh đầu theo kiểu bắt chéo, hai đầu khăn được bắt ngược về phía trước sang hai bên tai.

- **Áo** (*nanh sám*) bằng vải chàm, là loại áo kiểu tứ thân, áo rộng 60cm, dài 110cm. Cổ áo (*sám canh*) liền với thân, được tấp thêm một miếng vải chàm vòng quanh cổ, đường viền quanh miếng vải chàm bằng chỉ đỏ. Nẹp ngực từ chân cổ áo trở xuống bằng vải trắng, trên hai nẹp ngực có thêu hoa văn, hoa văn hai bên nẹp ngực thường giống nhau. Hoa tiết hoa văn thường là hoa văn tám cánh (*pặt cạc va*), hình vuông, các đường chỉ màu đen, xanh, đỏ nằm ngang. (Xem ảnh 116)

Tay áo (*sám chân*) liền với thân áo, có đoạn nối ở giữa cánh tay. Gấu tay áo thường có hai đường khâu nổi bằng chỉ màu để trang trí.

Nách áo (*slây ka*) được đắp thêm hai miếng vải trắng hình chữ nhật để trang trí. Hai thân áo trước cân xứng nhau, nẹp thân áo thường được đắp lên một miếng vải cùng màu với áo. Tại các góc phía dưới gấu áo cả phía trước và sau có đính vải trắng hình vuông 5 x 5cm để trang trí. Hai bả vai của thân áo sau là hai mảng hoa văn với họa tiết hình vuông, hình chữ nhật, dưới nách phía sau có điểm hai chấm hoa văn tám cánh (hoa hồi).

- **Yếm** (*thự thau pụ*): Mặt yếm bằng vải trắng, hai dây yếm bằng vải chàm. Yếm hình vuông có kích thước 33 x 33cm. (Xem ảnh 117).

Trên mặt yếm thêu nhiều họa tiết hình hoa tám cánh

(*hoa hôi*), hình vuông (*piệc tiếp va*), hình tam giác cân (*lắc hộp va*), đường hoa văn tám cánh (*pặt cạc va*) chạy dưới cùng... Hai nẹp vải xanh trên hai cạnh của yếm gọi là *hắc niệp thau pụ*. (Xem ảnh 118).

Hai dây yếm dài 30cm, rộng 5cm, hai đầu phía trên dây yếm thêu hoa văn tam giác cân bằng chỉ trắng, đỏ, đen gọi là *lắc hộp va*, cũng trên hai dây yếm ở phần giáp mặt yếm có thêu nhiều họa tiết dấu nhân (*piệc tiếp va*) - hoa móng trắng. Ở phần giữa dây yếm có đính hai sợi dây nhỏ, khi mặc buộc phía sau gáy, hai góc đối xứng với mặt yếm đính hai dây vải để buộc sau lưng. Dây yếm thả buông phía ngoài áo dài.

- *Váy* (*thiu khoăn*) bằng vải chàm, là loại váy khếp mí tạo thành hình ống. Váy gồm ba phần cặp váy, thân váy, gấu váy.

Cặp váy (*khoăn thau*) thường là vải khác màu với thân váy, cặp váy rộng 10cm, trên cùng viền một đường vải mộc trắng để luôn dải rút.

Thân váy (*khoăn*) do hai khổ vải chàm ghép dọc tạo thành.

Gấu váy (*khoăn cec*) được gấp nhỏ 1 hoặc 2cm và khâu bằng chỉ đen hoặc chỉ màu.

- *Thắt lưng* (*neo phô*) bằng vải tơ tằm, dài 250cm, rộng khoảng 20 - 30cm. Phụ nữ Sán Chỉ ưa dùng thắt lưng có

màu xanh, hồng, đỏ. Khi mặc áo, người ta thường kéo hai tà áo chồng lên nhau (áo không có khuy cài), sau đó dùng từ hai chiếc thắt lưng có màu sắc khác nhau để thắt ngoài, chiếc nọ đáp lên chiếc kia, chỉ để hở ra 2 - 3cm. Người ta thắt nút ở bụng và để hai đầu buông thông xuống quá gối.

- *Xà cạp* (*kẹc cau*) bằng vải trắng hoặc chàm xanh, không thêu vẽ hoa văn. Xà cạp là một đoạn vải dài hình tam giác, tại góc nhọn của xà cạp có đính một sợi dây dài để buộc. Trên toàn bộ chiều dài của dây có dệt hoa văn (*nga chay va*) là một loại hoa rừng thường có ở vùng đồng bào cư trú. Xà cạp dùng để bảo vệ đôi chân trong quá trình lao động, sinh hoạt.

Bộ lễ phục của phụ nữ Sán Chay hiện nay chỉ mặc trong những dịp quan trọng như ngày cưới, lễ tết, hội hè.

2. Trang phục lễ hội của nhóm Cao Lan

Trong ngày cưới, lễ tết, hội hè phụ nữ Cao Lan mặc bộ trang phục nhìn chung khá giống bộ thường phục, duy chỉ có chiếc áo dài *pù dẫn dinh* - áo “uyên ương” - còn giữ được những nét văn hóa truyền thống của dân tộc. Áo được cắt may, trang trí công phu và khá đẹp. (Xem ảnh 120).

Áo *pù dẫn dinh* bằng vải màu chàm, dài 101cm, rộng 47cm (tùy người có kích cỡ khác nhau). Là loại áo tứ thân mở ngực, xẻ tà đến sát nách, tay áo liền với thân, có đoạn

nổi ở giữa cánh tay, cửa tay áo rộng 9cm. Hai nẹp áo trước ngực được thêu hoa văn hình sao tám cánh bằng chỉ đỏ, trắng, vàng. Ngoài hoa văn thêu còn ghép thêm những miếng vải màu đỏ, trắng, đen để trang trí. Hai bên nách áo đắp thêm một miếng vải trắng hình chữ nhật, chúng có thể tạo thành hai chiếc túi nhỏ để đựng những vật kỷ niệm nhỏ. Bên dưới thêu hoa văn, thường là dấu thập ngoặc hay hình chữ nhật bằng chỉ màu đỏ, trắng. Ở các góc gấu áo có khâu thêm một miếng vải trắng hình vuông để trang trí cho chiếc áo thêm đẹp.

Áo *pù dẫn dinh* thường mặc trong ngày cưới, lễ tết, hội hè. Khi mặc áo *pù dẫn dinh*, phụ nữ Cao Lan mặc cùng với váy, khăn, thắt lưng mới có màu sắc tươi đẹp. Trang phục lễ hội của phụ nữ Cao Lan nhìn tổng thể giống trang phục lễ hội của phụ nữ nhóm Sán Chỉ.

Phụ nữ Sán Chay (kể cả nhóm Cao Lan - Sán Chỉ) thường có hai bộ đồ cưới, một bộ sau khi cưới được dùng trong những dịp lễ tết hội hè - bộ này có thể mặc đến rách, một bộ để dành đến khi chết mặc về thế giới bên kia.

Ngoài bộ trang phục truyền thống như trên, các cô gái Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ) khi sắp lấy chồng đều chuẩn bị cho mình một chiếc bao phục (*pao phôi*). Bao phục là một mảnh vải vuông có kích thước 84 x 82cm. Bao phục làm bằng vải nâu, các cạnh được khâu viền mép.

Ở một góc của bao phục có đính một sợi dây dài 197cm, rộng 0,8cm. Sợi dây được dệt bằng tay rất công phu, tỉ mỉ. Trên suốt sợi dây là những hoa văn quả trám do sự phối màu của chỉ đỏ, đen, trắng tạo thành.

Bao phục dùng để gói của hồi môn của cô dâu trong ngày cưới. Khi gói đồ vào bao phục, người ta dùng sợi dây quấn xung quanh cho chắc chắn. Bao phục được coi là một loại trang sức của các cô gái Sán Chay. Hiện nay phụ nữ không sử dụng bao phục nữa, chỉ còn một số cụ già giữ lại làm kỷ niệm.

IV. ĐỒ TRANG SỨC CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ Sán Chay (cả nhóm Cao Lan, Sán Chỉ) đều sử dụng một số đồ trang sức bằng bạc để trang điểm như khuyên tai, vòng cổ, vòng tay, nhẫn, xà tích, trâm cài tóc.

- *Khuyên tai* (*slăc*) thường được làm bằng bạc theo kiểu vòng tròn nhỏ, hai đầu uốn tròn để buộc chỉ. Khuyên tai khá nặng, nếu đeo lâu ngày dái tai bị xệ xuống.

- *Vòng cổ* (*chêch kiêng*) bằng bạc trắng, kiểu thanh tròn, hai đầu gấp lại. Vòng cổ thường để trơn hoặc chạm hoa văn đơn giản hình dây nho, lá nho. Các cô gái đeo từ 1 - 3 vòng cổ. Trong ngày cưới, nhà gái thường thách nhà trai một số đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ, khuyên tai (đồ thách cưới có thể thay đổi tùy theo từng gia đình)

- *Nhân* (*sáu kheng*) bằng bạc trắng, kiểu dẹt, trên mặt nhân thường chạm khắc hoa văn hình quả trám, hình hoa hồi.

- *Vòng tay* có hai loại, một loại vòng dẹt tròn, một loại dẹt rộng 1 - 1,5cm thường chạm hoa văn phong lan, con rồng. Khi đeo vòng tay, nếu là loại dẹt chỉ đeo một vòng bên tay trái, còn vòng tròn thì đeo một vòng bên tay phải, hai vòng bên tay trái.

Vòng tay cũng như vòng cổ, ngoài chức năng thẩm mỹ, nó còn có tác dụng kỵ gió, trừ ma. Trẻ em nhỏ, người già hay ốm yếu thường đeo vòng cổ và vòng tay (vòng vía), đồng bào coi đó như một thứ bùa để chống ma tà.

- *Xà tích* (*ngăn slíu*) bằng bạc trắng, mỗi bộ có từ 3 - 5 dây, dây hình vuông bốn cạnh, vừa mềm mại vừa cứng cáp. Mỗi dây có hai khoá hình vành khuyên ở hai đầu. Khi sử dụng, một đầu khoá móc vào cặp váy, một đầu móc các vật nữ trang như bộ chia khoá, hộp đựng trầu cau, cối giã trầu, dao con... Xà tích để buông đến gần đầu gối. Bộ xà tích trước tiên thể hiện tay hòm chìa khoá của các cô gái mới lớn, những người mẹ trong gia đình, đồng thời nó còn là đồ trang sức thể hiện tính thẩm mỹ cao. Trên bộ quần áo màu chàm nâu, bộ xà tích nổi lên như một nét chấm phá, tạo nên hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt, tạo cho bộ trang phục của phụ nữ có nét đẹp riêng. Thường ngày, phụ nữ Sán Chay ít dùng bộ xà tích, trong những dịp cưới xin, lễ tết,

hội hè họ mới đeo xà tích để làm duyên đồng thời chứng tỏ điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.

- **Trâm:** Phụ nữ Cao Lan, Sán Chỉ để tóc dài, búi sau gáy. Để giữ tóc khỏi tuột, họ dùng trâm cài xuyên qua búi tóc. Trâm được làm bằng bạc hoặc xương, có tiết diện hình chữ nhật, một đầu to, một đầu nhỏ, dài 8 - 10cm. Đầu to của trâm được đính một chuỗi hạt cườm, khi trâm cài vào búi tóc thì chuỗi hạt cườm được quấn quanh búi tóc giữ cho tóc không bị tuột.

V. TRANG PHỤC LỄ HỘI CỦA NAM GIỚI

Cũng giống như nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta, trang phục nam giới Sán Chay trong lễ hội cũng rất đơn giản về kiểu dáng cắt may và không thêu vẽ hoa văn. Bộ trang phục dùng trong cưới xin, lễ tết, hội hè của họ gồm có khăn, áo ngoài, áo trong, quần.

- **Khăn** (*thao páo*) bằng vải chàm đen, dài hơn 1m, rộng 34 - 40cm bằng một khổ vải nhỏ. Khi đội, khăn được quấn quanh đầu thành từng lớp như kiểu khăn xếp của người Kinh. Trước đây nam giới Sán Chay từ 15 tuổi trở lên bắt đầu dùng khăn. Hiện nay loại khăn này ít được sử dụng, chỉ có các cụ già dùng trong dịp cưới xin, lễ tết, hội hè.

- **Áo** (*nanh sung sam*) mặc trong lễ hội của nam giới có hai loại, một loại may bằng vải trắng, một loại may bằng vải đen. Kiểu cắt may hai loại áo này hoàn toàn giống

nhau, đó là loại áo năm thân, nẹp cổ cao 2,5cm cài khuy bên nách phải. Áo dài 85cm, rộng 53cm (tùy người cụ thể có kích cỡ khác nhau). Áo không thêu vẽ hoa văn. Khi mặc, áo trắng mặc trong, áo đen mặc bên ngoài. Loại áo lễ hội thường may bằng vải tơ tằm hay vải lụa, loại vải này đồng bào không tự sản xuất được, họ phải mua của các dân tộc láng giềng về dùng.

- *Quần (thiu hấu)* được may bằng vải trắng, kiểu chân què cạp lá toạ hoặc luồn dải rút. Quần dài 90 - 100cm, cạp dài 50cm, ống quần may rộng. Quần này mặc với áo dài trong ngày cưới, lễ tết, lễ hội.

VI. TRANG PHỤC TRẺ EM

Cũng như nhiều dân tộc khác, trẻ em Sán Chay lúc mới lọt lòng không có y phục riêng, chúng được cuốn trong những chiếc áo cũ, vải mềm của bố mẹ. Khi còn nhỏ, các em được bố mẹ sắm cho một số đồ dùng bằng bạc như vòng cổ, vòng tay để kỵ gió, trừ ma. Một trong những đồ dùng quan trọng nhất của trẻ là chiếc mũ đội đầu bằng vải.

Mũ trẻ em Sán Chay tiếng Cao Lan gọi là “*ăn mẩu*”. Mũ cao 14,5cm, rộng 23cm do sáu múi vải xanh, đỏ, đen hình tam giác ghép lại.

Chóp mũ (*tênh mẩu*) là một cục vải tròn màu đỏ, đính giữa mũ.

Vành mũ (*tên mẩu*) rộng 3,5cm bằng vải chàm chạy

vòng quanh mũ. Trên vành mũ có trang trí những mảnh vải gấp nhỏ hình quả núi (*lầu đôi*). Phía dưới vành mũ có may đường viền mũ bằng vải đỏ.

Hiện nay mũ này vẫn được trẻ em Sán Chay dùng đội đầu.

Trẻ em gái Sán Chay từ 10 tuổi trở lên có bộ y phục giống người lớn bao gồm khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp. Kiểu cắt may và tên gọi bộ y phục hoàn toàn giống bộ y phục của người lớn (kích thước phụ thuộc vào lứa tuổi). Y phục trẻ em gái không thêu vẽ hoa văn.

Hiện nay xu hướng mua quần áo may sẵn trên thị trường cho trẻ em mặc ngày càng phổ biến.

VII. TRANG PHỤC CỦA THẦY CÚNG

Thầy cúng người Sán Chay được xã hội trọng vọng và tôn kính. Thông thường, mỗi xóm hay mỗi dòng họ có một ông thầy cúng. Thầy cúng là người hiểu biết rộng, đọc thông viết thạo chữ Hán Nôm. Theo quan niệm của người Sán Chay, làm thầy cũng không phải vì mục đích kiếm sống mà họ có nhiệm vụ giúp đỡ mọi người. Công việc của thầy cúng rất vất vả, họ hành nghề theo yêu cầu của dân bản. Ngoài yếu tố mê tín, người Sán Chay nói riêng và nhiều tộc người khác nói chung thường nghe theo thầy cúng lý giải mọi việc. Khi trong nhà có việc, mọi người đều mời thầy cúng về cúng bái. Thầy cúng được coi là sợi

dây liên lạc giữa người sống và người chết, họ có khả năng sai khiến linh hồn người chết hoặc trừ đuổi ma tà, quỷ quái làm hại người dương gian.

Để trở thành thầy cúng, họ phải theo học những thầy cúng cao tuổi có nhiều kinh nghiệm. Khi thành nghề, phải được các thầy cúng cao tay cấp sắc cho. Muốn hành nghề, thầy cúng phải có một số đồ nghề, trong đó quan trọng nhất là bộ trang phục mặc khi hành lễ. Thầy cúng của người Sán Chay được chia thành nhiều loại: Thầy cúng cao tay, thầy cúng trung bình (mới vào nghề), những người đang học nghề. Mỗi cấp bậc khác nhau đều có trang phục riêng.

1. Trang phục của thầy cúng cao tay

Theo quan niệm của người Sán Chay, thầy cúng cao tay là thầy cúng bậc cao nhất, trải qua thời gian tu luyện đã lâu, họ có thể cúng các việc lớn như ma chay, nhảy tam thanh. Bộ y phục của họ gồm có mũ và áo.

- **Mũ** (*sliu diu*) bằng vải chàm rộng 35cm, cao 25cm. Mũ hình ống gọi là “*thông thiên*”, phần trên mũ cắt uốn lượn hình dãy núi. Mặt trước của mũ thêu hình ba vị Tam Bảo (*slam pao*). Tính từ trái sang phải là các vị Thái Thanh (*Thái Sênh*), Ngọc Thanh (*Nhộc Sênh*), Thượng Thanh (*Sùng Sênh*). Hai bên mũ có đính hai đôi dây buộc, khi sử dụng có thể nới ra hay thắt lại cho vừa đầu người đội. (Xem ảnh 124).

Mặt sau của mũ thêu hình hai con phượng (*phông vung*) châu nhật nguyệt (đó là một hình tròn chia làm hai nửa, nửa thêu chỉ trắng ghi chữ nhật, nửa thêu chỉ đỏ thêu chữ nguyệt). (Xem ảnh 125)

Loại mũ này chỉ dành cho thầy cúng khi hành lễ tại đám ma, đám chay hoặc tết nhảy tam thanh.

- *Áo (phạc phộc)* thường may bằng vải màu vàng, là loại áo dài năm thân cài khuy đồng bên nách phải.

Cổ áo (*xám canh*) là loại cổ tròn có hò cao 2cm ôm sát cổ. Phía trước cổ có đính các chùm tua chỉ, theo quan niệm của đồng bào đó là chùm râu thánh đế. Giữa ngực áo có vẽ hình ba vị Tam Bảo, tính từ trái sang phải đó là Thái Thanh (*Thái Sênh*), Ngọc Thanh (*Nhộc Sênh*), Thượng Thanh (*Sùng Sênh*).

Tà áo trước bên phải vẽ hình Thánh Triệu, tà áo bên trái vẽ hình Thánh Đặng. Dải sọc trước ngực là bệ ngai của “Tam Bảo”, trên sọc đen bên phải có chữ “Pháp chủ”, bên trái có chữ “Tam vị”. (Xem ảnh 126).

Trên vai trái có chữ “Tổ sư”, vai phải có chữ “Pháp phục” chạy vòng theo đường gấu áo có hàng chữ tam phiên âm là “Bách nhật nguy hư mỡ ngư, đầu kỳ mĩ tâm phương đế thang các”.

Mặt sau của áo, phía giáp cổ thêu những vây rồng màu đen là cờ thánh đế hay còn gọi là cờ thất tinh. Vạt áo phải

phía sau vẽ hình thanh ma, vạt áo trái vẽ hình nhân quan. Trên ống tay áo bên phải có hình hổ phục thánh đế, bên trái có hình rồng châu thánh đế. (Xem ảnh 127).

Bộ y phục của thầy cúng cao tay chỉ mặc khi cúng những việc quan trọng như đám ma, đám chay hoặc nhảy tam thanh.

Nhảy tam thanh là nghi lễ dành riêng cho đám ma của các thầy cúng. Các ông thầy cúng của người Sán Chay được gọi là người của Ngọc hoàng Thượng đế, do đó khi chết ông thầy được Tam Thanh đón đi. Hành trình của nhảy tam thanh chính là đường đi của vong hồn lên thiên đàng (khi đưa vong hồn đi xong, ba đạo tràng nhảy tam thanh phải nhảy trở về nếu không hồn họ cũng bị ở lại cùng vong hồn đã chết). Trong khi nhảy, các đạo tràng mặc y phục của thầy cúng cao tay, vừa nhảy họ vừa đọc thần chú và sử dụng các nhạc cụ như chiêng, trống. Khi ấy trẻ em đứng xung quanh cầm cờ quạt và các bức tranh vẽ những đồ dùng cấp cho người chết như rồng, phượng, trâu, ngựa, quân binh... số lượng nhiều hay ít tùy thuộc vào phẩm chức của ông thầy đã được phong khi còn sống.

2. Trang phục của thầy cúng loại trung bình (mới hành nghề).

Loại trang phục này được may kết hợp bằng hai loại vải: vải chàm và vải nâu. Bộ y phục gồm có khăn và áo.

- *Khăn vấn đầu (thâu páo)* bằng vải màu hồng dài 1,2m, rộng 9cm. Mặt phải khăn thêu hình tròn nhật nguyệt ở giữa khăn, hai đầu khăn một bên thêu con rồng, một bên thêu con phượng quay đầu châu vào hình tròn nhật - nguyệt. (Xem ảnh 129).

Khi sử dụng, đặt hình tròn nhật - nguyệt vào giữa trán, kéo hai đầu khăn buộc thắt sau gáy và buông thông sau lưng.

- *Áo (tẩu phục sam)* bằng vải màu chàm và màu nâu. Màu chàm là màu chủ đạo, màu nâu dùng để viền xung quanh màu chàm.

Hai thân trước, trên vải chàm thêu hoa văn hình động vật cân xứng nhau. Nếu tính từ trên vai trở xuống là con rồng (*chêch long*) tiếp đến là cá chép (*chêch nhôi*), mâm rượu (*chau khoanh*), ngựa (*chêch mỗ*). (Xem ảnh 130).

Thân áo sau được thêu rất nhiều hoạ tiết hoa văn, mỗi hoa văn thể hiện một khía cạnh nhận thức về thế giới tâm linh của người Sán Chay. (Xem ảnh 131).

Trên cùng là các con phượng (*phung*) quay đầu xuống lá đề, trên lưng phượng là các vị thánh thần đại diện cho tầng trời. Giữa lưng áo là một hình lá đề to, giữa có hàng chữ Nho *Đại la thiên (tới lo thin)*, hai bên lá đề là hình tượng của rồng, phượng cách điệu. Hình tượng người được thêu thành những tầng lớp khác nhau thể hiện ngôi

vị của các bậc thần linh, ngoài ra còn có các con vật khác như hổ, ngựa và hai ngôi sao bốn cánh trong vòng tròn. Dưới cùng là hình tượng núi Ngũ Hành Sơn. Trên dãy núi có thêu hàng chữ Nho từ trái sang phải là *Long hổ sơn* (*Long hẩu san*), *Quân thái sơn* (*Quản lan san*), *Vũ đang sơn* (*Phu tang san*). Chạy dọc hai bên cạnh áo từ bả vai xuống gấu mỗi bên có 14 vòng tròn nhỏ, trong mỗi vòng tròn có thêu chữ. Theo quan niệm thì đó là 28 vì tinh tú của vũ trụ bao la.

Loại y phục này dành cho những thầy cúng mới vào nghề, họ thường mặc khi nhảy múa trong đám ma, đám chay...

3. Trang phục của người đang theo học làm thầy cúng

Theo quy định của người Sán Chay, những người đang học nghề thầy cúng có trang phục riêng, những bộ y phục này không có hoa văn chỉ có chữ ở trước ngực và sau lưng, mỗi bộ gồm có khăn, áo, thắt lưng.

- **Khăn** được may bằng vải hồng, vàng, dài 60cm, rộng 9cm. Trên mặt khăn có thêu hình con rồng châu mặt nhật - nguyệt. Khi dùng, khăn được thắt ngang quanh đầu, buộc mỗi sau gáy, hai đầu khăn buông thông sau lưng.

- **Áo** may bằng vải các màu như xanh, vàng, đỏ, hồng..., kiểu cách hoàn toàn giống áo của thầy cúng cao tay hoặc cấp trung bình. Áo không thêu hoa văn, chỉ viết

chữ. Nếu có thêu chỉ thêu những hoa văn hình học như hình tròn, hình vuông, hoa tám cánh... (Xem ảnh 132).

- *Thắt lưng (chập sấn)* thường được làm bằng vải phin màu vàng, đoạn giữa rộng 15cm, hai bên thon dần và dài 250cm. Mặt phải của phần giữa thắt lưng có thêu hình phượng, rồng châu lá hương, thỉnh thoảng điểm thêm bông hoa hồi (*pặt cạc va*). (Xem ảnh 133).

Những người đang học nghề thầy cúng thường mặc loại trang phục này giúp việc cho thầy cúng cao tay trong đám tang, đám chay như gõ trống, thổi kèn, mài mực, chuẩn bị giấy để viết sớ... Chỉ khi nào học hành đã thành đạt, được các thầy cúng cao tay thừa nhận họ mới được chuyển sang mặc y phục dành cho thầy cúng loại trung bình.

VIII. TANG PHỤC

Theo phong tục của người Sán Chay, khi trong nhà có người thân mất, gia chủ phải may tang phục cho mọi người. Tang phục may bằng vải tự dệt màu trắng. Kiểu cắt may rất đơn giản.

- *Áo* may kiểu tứ thân, mở ngực, buộc dây khi mặc áo. Áo không có cầu vai, không có đường xẻ ở sống lưng. Áo nữ dài đến bắp chân, áo nam dài bằng áo mặc thường ngày. Gấu áo để xỏ không viền gấu.

- *Quần* may kiểu chân què, trước đây là cặp lá toạ, sau dùng dải rút.

- *Khăn tang*: Con trai dùng vuông vải túm bốn góc chụp lên đầu. Con gái khâu thành chớp phủ từ đầu xuống bắp chân; con dâu buộc khăn dài ngang đầu, thả hai đuôi khăn xuống ngang vai. Người Sán Chay mặc áo tang như áo thường ngày đến khi rách thì đốt đi và đoạn tang.

Quần áo tang không bao giờ được may trước, khi trong nhà có người chết, các cụ già trong làng đến để đính những mũi kim đầu tiên lên tang phục, sau đó các “mẹ già” khâu tiếp. Khi các mẹ già khâu phải đặt một quả trứng, một bát gạo, kim chỉ để làm lễ. Khi nào đào huyệt phải mang các thứ trên đựng vào sàng mang theo ra nơi đào huyệt.

Người chết được tắm rửa bằng lá thơm, mặc quần áo cưới nếu là phụ nữ, mặc quần áo mới may nếu là nam. Sau đó trải các mảnh vải trắng xuống nhà cho người chết nằm. Dùng các mảnh vải khác phủ kín từ đầu đến chân, nam giới phủ vải theo số chẵn, nữ giới phủ vải theo số lẻ. Những mảnh vải này do con cháu và người trong họ mang tới. Một số họ chỉ dùng vải của con gái, con dâu, con trai để phủ qua mặt còn vải của người con nuôi, con rể chỉ được quan niệm như một lễ trả hiếu bố mẹ. Sau đó phủ chẵn lên trên, chẵn phủ phải là vải không có hoa, chỉ

là màu xanh hay màu trắng, rồi chằng màn để tránh mèo nhảy qua. Khi chọn được giờ tốt mới liệm người chết vào quan tài.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI GIÁY

Từ lâu đời, người Giáy đã biết trồng bông, kéo sợi dệt vải để phục vụ nhu cầu may mặc của cộng đồng. Có một số phụ nữ Giáy biết dệt vải thổ cẩm làm mặt chăn, mặt đệm nhưng không phổ biến.

Khoảng hơn 20 năm trở lại đây, nhất là sau chiến sự biên giới 1979 hầu hết nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt của người Giáy bị tàn phá. Thêm vào đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nghề dệt vải của người Giáy bị mai một dần. Hiện nay người Giáy chủ yếu mua vải công nghiệp về cắt khâu trang phục theo kiểu truyền thống của dân tộc mình.

I. TRANG PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Giáy ở xã Mường Hum huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai gồm có khăn đội đầu, áo, quần, túi đeo. (Xem ảnh 135).

- *Khăn đội đầu* (*khan vuông*) bằng vải chàm màu đen, không thêu vẽ hoa văn, là loại khăn vuông có kích thước

65 x 72cm. Phụ nữ Giáy không có thói quen dùng khăn vấn tóc, họ dùng sợi bông màu đỏ, màu hồng quấn tóc trần quanh đầu và đội khăn vuông bên ngoài.

- *Áo (pua)* bằng vải đen, dài 72cm, rộng 53cm. Là loại áo năm thân xẻ nách, dài che kín hông. Tay áo dài liền với thân có nối ở giữa tay, cửa tay rộng 13cm.

Cổ áo (*khó pua*) tròn, hờ cao 3cm. Cổ áo, nẹp ngực, cửa tay đắp vải trắng hoặc xanh. Cổ áo có hai nút cài bằng vải, từ nẹp ngực sang nách phải đính ba đôi dây buộc. Áo phụ nữ Giáy phía dưới xoè rộng, hai bên tà được cắt lượn lên hai bên sườn giống áo phụ nữ Nùng.

- *Váy*: Phụ nữ Giáy cư trú ở Hà Giang mặc váy che kín gối, váy xoè tương đối rộng giống váy phụ nữ H'mông. Nhóm Giáy vùng Lào Cai, Lai Châu mặc quần, nhưng nhiều tài liệu lại nói họ đều mặc váy. Phải chăng xa xưa người Giáy đều mặc váy.

Quần làm bằng vải chàm đen dài 84cm, ống rộng 32cm. Quần may kiểu chân què cạp luồn dải rút. Loại quần này được phụ nữ Giáy mặc hàng ngày.

- *Túi đeo* bằng vải đen hình chữ nhật rộng 25 - 30cm, dài 35 - 40cm. Dây túi dệt bằng chỉ màu luồn vào miệng túi theo kiểu dải rút. Hai đáy được thêu hình răng chó (*héo ma*) uốn trên đường chỉ màu xoè ra như hai chiếc quạt hoa

nhỏ. Đây là hoa văn phổ biến trong nghệ thuật trang trí của người Giáy, nó được dùng thêu trên gối, rèm cửa buồng của vợ chồng mới cưới hay mũ trẻ em.

II. TRANG PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Thường ngày, nam giới Giáy mặc áo ngắn bằng vải chàm, áo xẻ tà, mở khuy ngực, tay áo dài và hẹp. Đầu vấn khăn. Quần lá toạ bằng vải chàm, nay luôn dài rút, ống quần rộng.

III. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

Tiêu chuẩn chọn dâu của người Giáy là chọn người con gái có tính cần cù, siêng năng lao động, sức khỏe tốt, biết thêu thùa may vá, hiền hậu, không có ma cà rồng và có chút nhan sắc.

Trong đám cưới, cô dâu mặc y phục mang kiểu dáng của y phục thường ngày. Cái khác cơ bản là nó mới may, được mặc lần đầu, có màu sắc đẹp.

Người Giáy có tập quán khi cô dâu sắp đến nhà chồng họ thường chụp lên đầu một cái khung bằng tre và phủ vải đỏ lên, vải đỏ rủ xuống che kín mặt. Người Giáy cho rằng làm như vậy sau này vợ chồng mới hoà thuận, làm ăn sung túc.

Trong đám cưới, cô dâu dùng đồ trang sức bằng bạc do nhà trai dẫn lễ mang sang. Vòng đeo cổ thường được đánh

bằng tám đồng bạc trắng, một đôi hoa tai mỗi chiếc bằng một đồng bạc trắng.

Cô dâu cũng đem theo của hồi môn về nhà chồng, tùy theo kinh tế của từng gia đình nhưng thông thường phải có từ 1 - 2 chiếc khăn bông, 1 - 2 chiếc màn đôi, một chiếc màn gió, một tấm vải vuông và một số đồ dùng cần thiết khác.

Trước kia nam giới Giáy có nhiều người để tóc dài búi sau gáy. Khi cưới xin, lễ hội họ mặc áo dài chấm gối xẻ nách, ống tay rộng; đầu vấn khăn; mặc quần may kiểu lá toạ, ống quần rộng.

Ngày nay trong cưới xin, lễ hội họ mặc áo cánh ngắn mở ngực xẻ tà, vấn khăn, quần chân què cạp lá toạ hoặc luôn dài rút. Quần áo mặc trong cưới xin, lễ hội là quần áo mới, màu sắc đẹp.

IV. Y PHỤC TRẺ EM

Trẻ em trai cũng như gái người Giáy khi mới sinh không có y phục riêng. Chúng được quấn trong những chiếc áo cũ mềm của cha mẹ. Y phục chủ yếu của trẻ là chiếc mũ vải nhiều màu, hình tròn do nhiều mảnh vải hình tam giác ghép lại. Trên mũ có thêu điểm vải bông hoa hình răng chó (*hẻo ma*). Mũ có tác dụng che thóp cho trẻ. Ngoài ra các em đeo vòng cổ hoặc vòng tay bằng bạc để kỵ gió, trừ ma. Khi lên 7 - 8 tuổi các em mặc như người lớn.

V. Y PHỤC DÙNG TRONG TANG MA

Khi trong nhà có người qua đời, người Giáy mới may tang phục. Tang phục được may đơn giản và chủ yếu bằng vải trắng. Áo may kiểu tứ thân mở ngực, buộc dây khi mặc, gấu áo để xỏ không viền gấu. Quần tang màu trắng kiểu chân què, cạp lá toạ, nay dùng dải rút.

Con trai, con gái, con dâu mặc đủ bộ quần áo tang. Các cháu chỉ chít khăn tang.

Theo phong tục của người Giáy, khi quan tài người chết được hạ huyết, con trai cả của người quá cố bốc một nắm đất ở mộ bỏ vào gấu áo tang đằng sau lưng, lấy tay giữ để không bị rơi và đi về nhà (không được quay mặt lại). Khi con cháu về đến nhà họ cởi khăn tang buộc vào chiếc cột giữa nhà, ba hôm sau mới được cởi đi giặt. Trước kia, con cháu chịu tang bố mẹ ba năm, nay chỉ còn một năm, sau một năm thì đoạn tang.

Trong những ngày còn tang, con cháu không được cười đùa, không được ngồi ghế cao, phải ăn chay, không được nằm giường, nhất là không nằm cùng vợ con.

VI. TRANG PHỤC THẦY CÚNG

Những người hành nghề cúng bái ở người Giáy có nhiều loại như mo, tào, chim (then) và thầy bói. Mo và tào thường lập thành từng tốp từ vài ba người đến bảy, tám người. Nhân dân gọi họ là “chau mo” (phường tào,

phường mo). Tuy vậy, những ông thầy tào, thầy mo nổi tiếng của người Giáy không nhiều, có khi cả huyện chỉ có một, hai người.

Khi hành lễ các ông tào, ông mo thường đội mũ và mặc y phục giống áo thầy mo, thầy tào của người Tày, Nùng (những loại áo, mũ này thường do gia truyền hay tộc truyền).

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI BỐ Y

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ BỐ Y (NHÓM PU NÀ)

Qua việc khảo sát thực tế, chúng tôi thấy y phục của phụ nữ Bố Y (nhóm Pu Nà) cư trú ở bản Xéo Xin Chải xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu trong khoảng một thế kỷ gần đây có nhiều biến đổi, có thể tạm chia thành ba giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 cách đây gần 100 năm, bộ y phục của phụ nữ Bố Y gồm có khăn đội đầu, áo trong, áo ngoài, váy to, váy nhỏ, tạp dề, giày vải.

- Giai đoạn 2 cách đây khoảng trên dưới 40 năm, bộ y phục nữ Bố Y gồm có khăn, áo trong, áo ngoài, quần.

- Giai đoạn 3 gần đây nhất bộ y phục gồm có khăn, áo, quần.

1. Bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bô Y cách đây khoảng 100 năm

Bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bô Y ở xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu Cách đây khoảng 100 năm có những đặc điểm sau:

- *Khăn đội đầu (ba can)* bằng vải nhuộm chàm, là loại khăn dài 300cm (bằng hai sải vải), chiều rộng 33cm (bằng một khổ vải). Hai đầu khăn được khâu vắt mép bằng chỉ màu ghi, cạnh mép khăn dùng chỉ màu khâu thưa để đường chỉ nổi rõ có tính chất trang trí cho khăn. Khi dùng, họ gấp đôi khăn theo chiều dọc rồi quấn xung quanh đầu, đuôi khăn ngoài cũng có thể giắt hoặc buông. Loại khăn này hiện nay vẫn được sử dụng. (Xem ảnh 139).

- *Áo trong (pủ đý)* là loại áo kiểu tứ thân mở ngực, có một chiếc cúc đồng cài giáp cổ. Hai vạt áo trước có hai túi nhỏ cân xứng nhau để đựng tiền và đồ lặt vặt. Cổ áo liền với nẹp ngực được đắp bằng vải xanh chàm, cửa tay áo đắp khoanh vải màu xanh rộng 10cm, hai đầu khoanh vải xanh viền một đường vải trắng 1cm. Đây là loại áo được coi là lâu đời nhất trong bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bô Y. Theo người già kể lại, loại áo này được sử dụng phổ biến đầu thế kỷ XX. Hiện nay, áo *pủ đý* không còn sử dụng nữa mà cất kỹ trong rương hòm, khi chủ nhân quá cố sẽ mặc sang thế giới bên kia. (Xem ảnh 140).

- *Áo ngoài (pủ pấp)* bằng vải thô nhuộm chàm, dài 60cm, rộng 54cm (tùy người cụ thể có kích thước khác nhau). Áo may kiểu tứ thân, không có cúc cài, chỉ có một đôi dây vải, một chiếc đính phía dưới vạt áo trái, một chiếc đính nơi xẻ tà bên nách phải, khi mặc áo, chúng được buộc lại với nhau. (Xem ảnh 141).

Cổ áo (*vừa pủ*) liền với nẹp ngực, được khâu táp hai miếng vải xanh nhạt, nẹp áo trước ngực bằng vải đỏ. trên nẹp vải đỏ thêu hoa văn, đồng bào gọi là con rồng (*lùng*). Nẹp áo dưới ngực bằng vải xanh lơ, trên thêu hoa văn hình răng cưa (*vừa lùng*).

Tay áo liền với thân, cửa tay rộng 16cm có nẹp vải trắng bên trong, bên ngoài dùng vải màu khâu sa mũi tạo thành ba chấm liên tiếp để trang trí. Giáp cửa tay có đắp ba khoanh vải màu xanh sẫm, màu trắng, màu xanh lơ vòng quanh tay áo.

- *Váy to (vấn lậu)* hay còn gọi là váy dài, bằng vải thô nhuộm chàm, dài 86cm, cạp váy rộng 32cm. Là loại váy mở không khép mí, váy to may hết 10,5m vải. (Xem ảnh 143).

Váy gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy.

Cạp váy (*roi vấn*) bằng vải thô màu trắng, hai cạnh cạp có đính hai dây vải để buộc.

Thân váy (*coóng vấn*) bằng vải thô nhuộm chàm.

Thân váy được gấp nếp mới đính vào cạp nên váy có độ xoè khá lớn.

Gấu váy (*páp vắn*) là mảnh vải được dệt bằng chỉ màu xanh, đỏ, tím, ghi, tạo thành những đường kẻ nhỏ khâu ghép vào thân váy, gấu váy cũng được gấp nếp như thân váy.

Váy to dùng che trước bụng, loại váy này trước kia dùng trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin. Hiện nay không dùng nữa. Nó được cất kỹ để mặc vào lúc quá cố.

- *Váy nhỏ (vắn biên)* bằng vải thô nhuộm chàm dài 50cm, cạp váy rộng 27cm. Váy nhỏ gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy. (Xem ảnh 142).

Cạp váy (*roi vắn*) bằng vải thô nhuộm chàm màu xanh, hai cạnh cạp váy đính hai dây vải để buộc khi mặc.

Thân váy (*coóng vắn*) được cấu tạo khác váy to. Phía giáp cạnh váy là một miếng vải chàm gấp nếp nhỏ xít vào nhau theo chiều dài của váy. Tiếp đến là mảnh vải màu đỏ đồng bào gọi là “tục vắn”, tục vắn nằm giữa váy và cũng được gấp nếp theo chiều dài của váy. Dưới tục vắn là dải vải thô nhuộm chàm cũng được gấp nếp theo chiều dài của váy.

Gấu váy (*páp vắn*) liền với thân váy được khâu viền ở phía trong. Loại váy ngắn này hiện nay phụ nữ Bố Y không còn sử dụng nữa. Nó được các cụ già cất giữ dành cho ngày quá cố.

Cách mặc váy truyền thống của phụ nữ Bồ Y: Trước hết đặt váy to vào giữa bụng và buộc dây sau lưng, sau đó đặt váy nhỏ vào giữa lưng và buộc dây trước bụng. Bộ váy truyền thống của phụ nữ Bồ Y thực chất là hai mảnh vải xếp nếp khếp lại, khi mặc tạo thành kẽ hở (váy hở) ở hai bên hông để đi lại dễ dàng.

- *Tạp dề* (váy dao) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 112cm (từ yếm đến đỉnh quai), rộng 78cm. Tạp dề gồm hai phần: yếm che và dây đeo.

Yếm che bằng vải chàm, chính giữa yếm có thêu hoạ tiết hoa văn, đồng bào gọi là “*mai tin củ cáo váy dao*” hình con cua cách điệu. (Xem ảnh 144).

Dây đeo bằng vải chàm được đính hai bên cạnh nhỏ của tạp dề, khi dùng được buộc vòng qua cổ. Dây buộc sau lưng được đính trên hai cạnh to của tạp dề, khi dùng buộc thắt sau lưng.

Tạp dề là một bộ phận không thể thiếu của bộ nữ phục truyền thống dân tộc Bồ Y. Tạp dề được đeo ngoài áo và váy trong những dịp hội hè, lễ tết, cưới xin. Hiện nay nó không được dùng nữa, các cụ bà cất đi để mặc khi quá cố.

- *Giày vải* (hay *đáy*) là loại giày cổ hơn so với các loại giày dép hiện nay của người Bồ Y. Giày làm bằng vải đỏ, xanh, đen, là loại giày mũi cong (*mũi hài*) dài 27cm, rộng

8cm. Mũi giày bọc vải đỏ, dùng chỉ thêu hình con bướm (*hạy đáy pú pạ*). Má giày làm bằng vải xanh lơ, dùng chỉ màu thêu hình hoa bướm. Gót giày bằng vải đen, cổ giày viền vải đỏ. Dùng dây kim tuyến khâu viền ở gót, cổ và mũi giày. Phía trong giày được lót bằng vải xanh. (Xem ảnh 143, 148).

Đế giày (*tý hạy*) được làm bằng vải tự dệt màu trắng hoặc xanh, đen (tùy ý thích từng người). Bên trong lớp giày được lót bằng nhiều lớp mo tre. Các mảnh mo tre được cắt thành hình bàn chân và được ép lại bằng bột ngô nấu đặc, sau đó dùng vải bọc kín bên ngoài, chỉ khâu đế giày phải là loại chỉ tốt được chập và xe lại nhiều lần.

Khi làm hoàn chỉnh phần đế giày và thân giày, người ta dùng chỉ khâu chìm ở phía trong đính đế giày với thân giày để tạo thành một chiếc giày hoàn chỉnh.

Trước kia, giày vải được phụ nữ Bồ Y dùng trong lễ tết, hội hè. Đặc biệt, trong bộ trang phục ngày cưới cô dâu Bồ Y không thể thiếu đôi giày vải.

Ngày nay, giày vải không còn sử dụng nữa. Thông thường sau ngày cưới các cô gái cất kỹ vào rương hòm để làm kỷ niệm.

2. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Bồ Y (cách đây trên dưới 50 năm)

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Bồ Y cách đây

trên dưới 50 năm gồm có khăn quấn đầu, áo trong, áo ngoài, quần.

- **Khăn** quấn đầu bằng vải thô nhuộm chàm, dài 140cm, rộng 33,5cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi đội, gấp đôi theo chiều dài của khăn và quấn nhiều vòng quanh đầu.

- **Áo trong** (*pủ cha dả*) bằng vải thô màu trắng, là loại áo tứ thân, cộc tay, mở ngực, có cúc cài giữa ngực. Hai thân trước đắp hai túi nhỏ. Cổ áo (*vừa pủ*) là một mảnh vải gấp đôi rộng 2,8cm, dài 34cm. Khi mặc áo ngoài, phần cổ áo trong sẽ lộ ra ngoài. Khi ở nhà phụ nữ Bố Y thường chỉ mặc áo trong.

- **Áo ngoài** (*pủ cha dả*) bằng vải thô nhuộm chàm, là kiểu áo năm thân, khuy cài bên nách phải, giống kiểu áo của phụ nữ dân tộc Giáy. (Xem ảnh 145).

Cổ áo (*vừa pủ*) bằng vải thô nhuộm chàm gấp đôi, rộng 3,5cm dài 30cm. Dưới cổ áo có đắp mảnh vải xanh sẫm làm vòng quanh cổ rộng 6cm và dài đến nách phải. Tiếp giáp với dải vải sẫm là hai nẹp vải xanh nhỏ làm viền. Áo có 6 hàng cúc vải màu vàng đính cách đều nhau từ cổ xuống đến chỗ xẻ tà bên nách phải.

Tay áo liền với thân, dài 58cm được nối giữa tay. Cửa

tay đáp vòng vải xanh sẫm rộng 3,8cm và có hai nếp nhỏ chạy song song làm viền trang trí.

- **Quần** (*vã chạ vớ*) bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ, đũng rộng. Khi mặc, họ vắt chéo cạp quần vừa chắt bụng rồi giắt vào phía trong cho khỏi tụt. (Xem ảnh 145).

3. Y phục phụ nữ Bồ Y hiện nay

Bộ y phục phụ nữ Bồ Y hiện nay gồm có khăn, áo, quần. (Xem ảnh 146).

- **Khăn** là loại khăn len vuông Trung Quốc mua sẵn ở thị trường. Sau khi vấn tóc quanh đầu họ gấp đôi khăn theo cạnh chéo, khăn được đội ngang đầu, thắt mỗi sau gáy.

- **Áo** (*pủ nả*) được may bằng các loại vải các màu từ vải thô nhuộm chàm đến vải phin màu, vải ny lon. Áo dài 75cm, rộng 44cm, may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải. Áo pủ nả của phụ nữ Bồ Y được may theo kiểu áo phụ nữ Giáy, loại áo này được phụ nữ Bồ Y từ trẻ đến già mặc hằng ngày.

- **Quần** (*cóng vớ*) dài 102cm, rộng 54cm, ống rộng 38cm, được may bằng nhiều loại vải, tuy nhiên nó vẫn giữ được sắc thái truyền thống như: cạp quần bằng vải thô tự dệt nhuộm chàm; cắt kiểu chân què, cạp lá toạ, khi mặc vặn nút bằng chính cạp quần chứ không dùng dải rút.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Cũng giống như nhiều dân tộc khác, y phục nam giới Bồ Y gồm chiếc áo tứ thân mở ngực và chiếc quần chân què cạp lá toạ, độ đoãng của đũng lớn.

Bộ y phục truyền thống của nam giới dân tộc Bồ Y cư trú tại bản Xéo Xin Chải xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu gồm có áo, quần. (Xem ảnh 152).

- **Áo** (*pủ chạ bào*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 59cm, rộng 47cm. Áo may kiểu tứ thân mở ngực, cúc cài giữa ngực, áo có bảy đôi cúc bằng vải.

Cổ áo rộng 3,7cm, phía trong cầu vai được lót mảnh vải thô trắng có chiều rộng 7cm chạy xung quanh cổ áo. Áo xẻ tà hai bên nách, tà xẻ cao 3cm.

Hai thân trước có đắp hai túi đối xứng nhau, trên ngực trái có đắp thêm một túi nhỏ.

Tay áo (*cheng pủ*) dài 69cm được nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 17cm tạo sự thoải mái khi mặc.

- **Quần** (*vã chạ bào*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 92,5cm. Quần may kiểu chân què, cạp quần (*cào vã*) kiểu lá toạ cao 11,5cm. Ống quần (*ka vã*) rộng 35cm, độ đoãng của đũng lớn. Khi mặc, gấp chéo cạp quần lại cho vừa bụng rồi vắn giắt vào phía trong, không dùng dải rút.

Trước kia, trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin nam giới Bồ Y thường đi dép vải thêu hoa văn rất đẹp, nay loại dép này không sử dụng nữa. (Xem ảnh 151).

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LÀO

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ Lào nổi tiếng là những người dệt vải khéo tay. Sản phẩm dệt của họ có thể so sánh với hàng thổ cẩm đẹp nhất của người Thái, người Tày. Sản phẩm dệt không chỉ phục vụ nhu cầu của cộng đồng mà còn là hàng hoá trao đổi.

Trang phục phụ nữ Lào tuy từng vùng có những nét khác biệt nhưng nhìn chung vẫn thống nhất, khá giống trang phục phụ nữ Thái.

1. Trang phục phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La gồm có khăn đội đầu, áo ngắn, áo dài, váy. (Xem ảnh 153).

- **Khăn đội đầu** (*khăn hoa lằm*) bằng vải chàm đen, rộng 40cm, dài 194cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi dùng khăn được quấn nhiều vòng quanh đầu.

- **Áo:** Trước đây phụ nữ Lào có hai loại áo, áo ngắn và áo dài.

Áo ngắn (*slua sǎn*) về tổng thể giống áo “cóm” của người Thái. Tuy nhiên áo không có khuy cài, chỉ dùng hai khuy bạc đính ở cổ. Hiện nay, loại áo này ít dùng, phụ nữ Lào mặc áo ngắn có hàng cúc bạc như áo phụ nữ Thái.

Áo dài (*slua lao*) bằng vải chàm may kiểu tứ thân, mở ngực, cài cúc. Phía sau có đường nối giữa lưng. Loại áo này hiện nay phụ nữ ít mặc, chủ yếu họ mặc chiếc áo cóm bó sát người giống áo người Thái có hàng khuy bạc hay nhôm cài trước ngực.

- **Váy** của phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La rất phong phú, khi mặc được kéo cao tới tận ngực. Có bốn loại váy chính là *sín kếp khau*, *sín ta mí*, *sín tà lẩn*, *sín tin Lào*. Tuy tên gọi khác nhau nhưng đều là váy ống có ba phần: cạp váy (*hua sín*), thân váy (*pưn sín*), gấu váy (*tin sín*).

Mỗi loại váy đều thể hiện sự phát triển nghề dệt của dân tộc Lào. Từ loại váy gấu không có hoa văn đến loại gấu có hoa văn đơn giản rồi phức tạp, có loại dùng hàng ngày, có loại dùng trong lễ hội, cưới xin...

Hoa văn trang trí trên váy phụ nữ Lào rất đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là loại hoa lá, cỏ cây, hình học, chim thú... Mỗi thời kỳ, phụ nữ Lào lại sáng tạo ra một loại hoa văn cầu kỳ, tinh tế hơn để làm đẹp cho bản thân và cộng đồng.

2. Trang phục phụ nữ Lào ở Mường Luân - Điện Biên, Lai Châu

Trang phục của người phụ nữ Lào ở Mường Luân-Điện Biên có sự phân biệt về tên gọi theo lứa tuổi. Áo của thiếu nữ được thêu hoa văn rực rỡ và gọi là “*sưa phủ nhính*”, áo bà già gọi là “*sưa phủ thây*” ít trang trí hoa văn hơn mặc dù kiểu dáng cắt may của họ hoàn toàn giống nhau. (Xem ảnh 154, 155, 156).

Bộ y phục của phụ nữ Lào gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- **Khăn đôi đầu** (*khạt húa*) bằng vải bông nhuộm chàm, là loại khăn dài, kích thước từ 270 - 300cm, rộng 35 - 40cm bằng một khổ vải tự dệt.

Hai đầu khăn thêu hoa văn bằng chỉ đỏ, xanh, vàng, trắng với những hình học và băng dải khác nhau, tên gọi cũng khác nhau, 4cm ngoài cùng của khăn được ghép ba dải vải màu đỏ, xanh, loại hoa văn ghép vải này đồng bào gọi là “*khép*”.

Cách sử dụng: Gập đôi khăn thành bốn phần bằng nhau theo chiều dọc, quấn ba vòng khăn trên đầu, đầu khăn có thêu hoa văn vắt về phía sau gáy, một đầu vắt qua đỉnh đầu về phía trước trán.

- **Áo** (*sưa phủ nhính*) bằng vải thô nhuộm chàm, may

kiểu tứ thân xẻ ngực, cổ áo liền với nếp ngực, áo không đơm cúc cài, khi mặc vắt chéo hai vạt và buộc thắt lưng.

Cổ áo (*kho sửa*) kéo dài từ gấu bên trái qua vòng cổ đến gấu áo bên phải là dải hoa văn dệt có tác dụng vừa làm cổ áo vừa làm nếp áo.

- *Váy (sín sửa)* được làm bằng vải chàm, dài 90cm, rộng 67cm do bốn vòng vải khác nhau khâu nối tiếp tạo thành. Váy hình ống, phần cạp váy rộng hơn chân váy chút ít. Váy gồm ba phần : cạp váy, thân váy, chân váy.

Cạp váy (*hoá sin*) là hai mảnh vải bông nhuộm chàm ghép lại.

Thân váy (*tô sin*) do hai mảnh vải dệt hoa văn kẻ sọc tạo thành. Tô sin có 17 dải vải ngang màu xanh, vàng pha kim tuyến nằm xen kẽ cách đều nhau (rộng 62cm), nền của mảng hoa văn sọc là màu đỏ.

Chân váy (*tin sin*) được thêu hoa văn khá đa dạng. Mảng hoa văn giáp chân váy là những hình tam giác nhỏ thêu chỉ đỏ chạy nối tiếp nhau gọi là "*loóc cáp*", tiếp đến là những bông hoa quả bầu (*mác tàu lăm*) thêu chỉ xanh, đỏ, tím, vàng. Trung tâm chân váy thêu hai con rồng, hai đầu ngoảnh ra hai bên, đuôi cuốn vào nhau. Phía hai bên đầu rồng thêu hoa văn hình thoi, người Lào gọi là hoa sao (*loóc lao*). Ngoài ra còn có hoa văn cầu vòng (*thổng*

hung), hoa văn dải màu xanh (*mau sin*), màu đỏ (*mau leng*), màu đen (*mau lăm*)... Tất cả hoà quyện tạo sự rực rỡ cho váy.

- Thắt lưng (*xạ eo*) làm bằng vải thô nhuộm chàm màu xanh (*mau sin*) dài 170 - 200cm, rộng 8,5cm, hai đầu được ghép thêm hai mảnh vải đỏ (*mau leng*) để trang điểm thêm.

Cách sử dụng: Sau khi đã mặc xong trang phục, thắt lưng được gấp đôi theo chiều dọc, hai vạt áo được vắt chéo, dùng thắt lưng buộc ngoài váy và áo, hai đầu thắt lưng thắt trước bụng.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Y phục thường ngày của nam giới Lào gồm có khăn đội đầu, áo, quần. Tên gọi y phục của nam giới Lào cũng có sự khác biệt theo lứa tuổi.

- *Khăn đội đầu* của người già gọi là *khạt húa phu thăm*, của thanh niên gọi là *khạt húa phu sai*. Nhìn chung, hai loại này khá giống nhau, khăn bằng vải thô tự dệt màu trắng dài từ 70 - 150cm, rộng 37cm. Hai đầu khăn có trang trí hoa văn hình vuông, hình chữ nhật và những kẻ sọc.

Cách sử dụng: Gấp khăn làm bốn phần bằng nhau theo chiều dọc và quấn xung quanh đầu. Đầu khăn ngoài cùng được giắt vào trong cho khỏi tuột.

- **Áo của người già** gọi là *sưa phu thăm*, áo của thanh niên gọi là *sưa phu sai* tuy cách cắt khâu và kiểu dáng của chúng hoàn toàn giống nhau. Áo bằng vải nhuộm chàm, dài 58cm, rộng 53cm. Là loại áo tứ thân xẻ ngực, không xẻ tà. Cổ áo (*kho sưa*) là mảnh vải chàm gấp đôi rộng 8cm, dài 48cm. Khi mặc, cổ áo được bẻ ra ngoài. Hai thân áo trước có khâu đắp hai túi nhỏ. Ống tay áo dài, cửa tay rộng để dễ cử động. Khuy áo là những đôi dây chỉ xe, khi mặc buộc hai đầu dây với nhau,

- **Quần của người già** gọi là *sông phu thăm* được làm bằng vải thô nhuộm chàm với kỹ thuật khâu tay, kiểu chân què gồm có bốn mảnh vải khâu ghép lại. Cạp quần kiểu lá toạ, gân dây luồn dây rút. Loại quần của người già đứng rộng có độ đoãng lớn tạo sự thoải mái cho người mặc. (Xem ảnh 162).

- **Quần của thanh niên** (*sông phu sai*) bằng vải chàm, thường cắt kiểu bỏ đũng như quần của nam giới người Kinh, cạp luồn dây rút. Loại quần này khi mặc trông gọn gàng nên thanh niên thích sử dụng. (Xem ảnh 163).

III. TRANG PHỤC TRONG LỄ HỘI, CƯỚI XIN

1. Trang phục trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ

Trong ngày hội, phụ nữ Lào thường mặc bộ y phục đẹp do chính bàn tay họ tạo ra. Về cơ bản, bộ y phục mặc

trong lễ hội cũng giống như bộ y phục thường ngày, chỉ khác là nó được trang trí đẹp hơn.

- *Áo* phụ nữ mặc trong ngày hội gọi là *sửa phú nhinh kin chiêng* - sửa là áo, *phú nhinh* là phụ nữ, *kin chiêng* là ăn tết.

Áo lễ hội là áo cánh năm thân, tổng thể chiếc áo giống hình dạng con ong. Toàn thân áo được trang trí hoa văn nhiều màu, vạt áo mặc trước và mặc sau được lượn tròn sang hai bên hông.

Cổ áo hình trái tim nẹp một dải vải hoa dệt kéo dài từ sát vạt áo phía trước vắt qua cổ sang vạt áo đối diện. Nẹp cổ gọi là *lai hông thiên* - hoa nền. Tại đây có đính hai dây vải hoa loe dần về phía đuôi và một vòng khuyết để cài khuy. Từ đoạn nối ở bên sườn trái cũng đính hai dải vải tương tự, mỗi dải có ba bông tua, ở phần đuôi có đính một cúc nhựa làm khuy cài giữ áo ôm vào thân.

Trên cánh tay sát bả vai thêu nhiều vòng quanh ống tay với các hình đốt gọi là *đác ngư* - xương rắn và hình tròn liên tiếp gọi là *mác ta búng* - mắt con sâu.

Đường nối giữa thân phụ bên phải được thêu hình đốt, kèm theo là một dải vải dệt hình chữ nhân gạch giữa xen hình quả trám (*lai nghem ngành* - hoa thè lè) và một hàng cúc bằng mảnh kim loại gồm 15 mảnh tam giác và hai mảnh hình tròn gọi là *mác lao*.

Xung quanh thân áo, ở giữa thắt lưng có tấp một dải vải hoa nhiều màu. Dải vải uốn theo hình tròn của vạt áo, lượn cao ở mặt trước gặp nhau tại tụ điểm của đường viền cổ áo và các dải vải trang trí.

Phần dưới cùng của vạt áo (bên dưới đường viền quanh thân) ở sườn phải có thêm hai đường chỉ màu xanh đỏ hình đốt và gắn bên cạnh mỗi đường thêm bốn mảnh nhôm tròn. Phía sau lưng có ba sọc, sọc giữa gắn sáu mảnh nhôm hình tam giác. Hai sọc bên gắn bốn mảnh tròn. Những mảnh kim loại có tác dụng trang trí cho áo thêm đẹp.

- *Váy* mặc trong lễ hội gọi là *sín có* - *sín* là váy, *có* là hoa. Váy chia thành hai phần:

+ Thân váy (*tin sín*) là một khổ vải chàm khâu hai đầu với nhau tạo thành hình ống. Dọc thân đắp một mảnh vải hoa nhiều màu gồm sáu sọc. Sọc thứ hai bên phải dệt hình dấu nhân xen hình tam giác bằng chỉ các màu gọi là *lai lão tờ* - hoa các loại. Sọc thứ hai bên trái dệt hoa văn uốn lượn, viền bo hình chấm và hình sóng nước gọi là *lai nghem ngành* - hoa thè lè.

+ Cạp váy (*hua sín*) dài hơn thân váy. Cạp váy chia hai phần. Đầu cạp dệt bằng vải bông nhuộm chàm màu đỏ thẫm, phần cạp dệt bằng sợi tơ tằm tạo thành bốn sọc màu chạy vòng quanh gọi là *khẩn*. Phần hoa tiếp theo gọi là *có*

gồm ba hàng, hàng giữa là hoa (*lai lóc may*) - hoa các loại, hai hàng bên gọi là *lai piêu*.

Nhìn tổng thể, váy của phụ nữ Lào hình trụ cân đối, màu sắc tương phản đen - đỏ. Trong ngày hội, ngày tết là dịp để nữ thanh niên khoe tài, khoe sắc bằng bộ y phục đẹp do chính bàn tay khéo léo của họ tạo nên.

Các chàng trai thấy cô gái nào váy càng đẹp thì họ càng té nước nhiều (tết Bun pi may vào tháng Ba của Lào tương đương với tháng Tư âm lịch). Các cô gái rất hạnh diện khi được các chàng trai té nước nhiều bởi đó là phần thưởng, là sự ái mộ của các chàng trai đối với họ.

Cũng chính vì lẽ đó, phụ nữ Lào rất siêng năng dệt vải, họ đua nhau dệt nhiều vải đẹp để may những bộ y phục đẹp mặc trong lễ hội.

- **Túi đeo (thông)** là đồ đeo truyền thống của người Lào. Đồng bào có thói quen khi ra khỏi nhà trên người phải có gùi, giỏ hoặc túi đeo. Túi không chỉ đeo khi đi hội hè, lễ tết, đi chợ mà còn đeo đi làm nương, đi săn bắn...

Túi còn là đồ trang trí của các chàng trai, cô gái Lào. Túi được dệt bằng sợi đã nhuộm các màu khác nhau. Việc nhuộm màu trên túi rất công phu, nó thể hiện trình độ dệt vải thủ công đã ở giai đoạn phát triển cao của người Lào.

Túi được tạo thành bởi hai khổ vải khâu lại, bên ngoài

miệng túi có tấp thêm một miếng vải dệt hoa văn hình quả bầu (*lai nặm tấu*). Hai đáy túi đính ba chùm hoa vải màu cắt nhỏ gọi là *phủi*.

Quai túi bằng một khổ vải thổ cẩm, rộng 17cm được gấp đôi khâu vào 2 bên thân túi làm cho túi chắc chắn và đẹp.

Hiện nay, túi Lào đã trở thành hàng hoá bán ở một số chợ phiên các tỉnh Sơn La, Lai Châu. Đồng bào các dân tộc khác cũng rất thích sử dụng túi đeo của người Lào.

- *Khăn xéo (khăn tay)*: Phụ nữ Lào ngoài bộ áo váy, khăn đội đầu, thắt lưng, túi đeo, khi đi dự tiệc cưới họ còn mang theo chiếc khăn xéo.

Khăn xéo là loại khăn dùng chỉ màu luồn đan vào mặt vải bông trắng, khăn có kích thước rộng 38cm, dài 50cm. Hai đầu khăn được viền bằng chỉ đỏ, xanh, vàng và thêu mô típ chạc cây, mỗi đầu khăn thêu ba cây. Mỗi cây có một thân ở giữa, các cặp cành cây mọc đối xứng hai bên. Phần ngọn cây thêu hình quả trám (*mác cườm*).

Khăn xéo là một trong những cửa hồi môn của các cô gái Lào đem theo về nhà chồng làm quà tặng bố mẹ, anh em bên chồng của cô dâu trong ngày cưới.

Khăn xéo dùng để rửa mặt hoặc mang theo khi đi dự hội, tiệc cưới.

- Trang sức của phụ nữ Lào

Ngày xưa, phụ nữ Lào thường đeo vòng tay, vòng cổ, xà tích, cài tóc bằng trâm bạc trắng. Đồ trang sức vừa có tác dụng chống gió độc, kỵ tà ma và thể hiện sự giàu có của họ.

Ngày nay, do bạc ít nên họ mua đồ trang sức bằng nhôm, đồng, hợp kim... bán sẵn ở chợ về dùng.

2. Trang phục lễ hội của nam giới

Bộ trang phục dùng trong lễ hội của nam giới Lào hoàn toàn giống trang phục mặc hàng ngày của họ. Điểm khác cơ bản là nó được may bằng vải chàm có màu sắc đẹp, mới được sử dụng lần đầu hoặc còn rất mới.

IV. TRANG PHỤC TRẺ EM

Cũng giống nhiều tộc người khác, trẻ em Lào lúc mới sinh ít mặc quần áo.

- **Địu:** Điều đáng lưu ý là ở người Lào nói riêng và các tộc người nhóm Tày - Thái nói chung là họ có truyền thống địu trẻ em.

Khi con gái sắp sinh con đầu lòng, bà ngoại chuẩn bị một món quà cho cháu - đó là chiếc địu, đây là một tập quán đẹp, hiện nay một số gia đình vẫn duy trì. Trẻ em sau khi sinh chừng một tháng chúng thường được địu trên lưng mẹ. Khi địu, trẻ được ủ ấm dễ ngủ, ít khóc, người mẹ có thể làm được nhiều việc.

Địu tiếng Lào gọi là *pha na* gồm bốn bộ phận: thân, đuôi, dây, tua địu.

Thân địu là bộ phận quan trọng nhất, trên thân địu có mặt địu. Mặt địu (*na pha na*) là một tấm vải dệt hoa văn có chiều rộng 23cm, dài 29cm. Hoa văn giữa mặt địu hình quả trám (*mưom cuorm*) và hoa văn hình chìa khoá (*khó cà chē*) được dệt bằng chỉ màu đen và màu trắng. Một cạnh của mặt địu được ghép mảnh vải bông tự dệt nhuộm chàm gấp đôi tạo nên đuôi địu. Khi địu, phần đuôi địu sẽ ôm qua mông đứa trẻ.

Dây địu (*súi pha na*) là hai dải vải bông nhuộm chàm được cắt theo hình cánh én nhỏ dần về hai phía. Dây địu có tác dụng quấn và buộc cho đứa trẻ khỏi bị tụt khỏi lưng.

Cách địu: Buộc địu và chỉnh thân địu nằm giữa lưng, đặt đứa trẻ nằm lên lưng, hai chân trẻ vắt sang hai cạnh sườn người địu, choàng thân địu qua người đứa trẻ, vắt dây địu qua vai vòng về phía trước, sau đó bắt chéo hai dây địu trước ngực, vòng lại qua nách về sau lưng, quấn kiểu vặn thùng trên lưng đứa trẻ; luồn dây qua đùi trẻ về phía trước và buộc hai đầu dây trước bụng người địu.

Việc địu trẻ cũng có một số hạn chế như người địu rất mệt sức, tư thế gò bó, khó thở nhất là địu những đứa trẻ đã lớn và mập. Trẻ em bị địu nhiều dễ bị gù lưng và chân vòng kiềng.

- **Mũ hoa (mò có):** Trẻ em Lào gái cũng như trai từ lúc mới sinh đến 6 tuổi thường đội mũ hoa bằng vải để che thóp.

Thông thường, khi may mũ cho trẻ em, các mẹ các chị phải tìm chọn những mảnh vải đẹp để trang trí. Những gia đình nghèo không có điều kiện dệt nhiều vải hoa thì họ dùng vải nhiều màu khâu ghép tạo thành mũ. Loại mũ đó gọi là *mũ đất nọi* - mũ trẻ em

Loại mũ hoa gồm có hai lớp vải, lớp trong là vải đen, lớp ngoài gồm nhiều mảnh vải hoa ghép lại để trang trí. Mũ có hình bán cầu, đường kính 20cm, cao 14cm. Trên đỉnh mũ khâu một ngôi sao năm cánh bằng năm mảnh vải xanh, đỏ, trắng. Giữa ngôi sao đắp một mảnh vải đỏ hình tròn, giữa mảnh vải đỏ khoét lỗ, luồn 10 tua vải phin đính chặt bên trong, buông tua ra ngoài mũ. (Xem ảnh 160).

Thân mũ gồm năm mảnh vải chàm đen ghép xen kẽ với những mảnh vải phin hoa màu xanh lơ. Mỗi đường ghép được thêu một đường gân bằng chỉ xanh, đỏ, trắng. Tiếp về phía dưới là một dải hoa văn rộng 5cm dệt bằng vải tơ tằm nhuộm nhiều màu tạo thành mô típ hoa văn hình tam giác, hình quả trám tạo thành các sọc song song gọi là *loọc kéo khưa* - hoa thủy tinh dây. Mép mũ được viền bằng vải phin đỏ. Loại mũ này trẻ em nữ và nam đều dùng đội đầu khi còn nhỏ.

Y phục trẻ em gái Lào

Trẻ em gái Lào khi đã lớn 7 - 10 tuổi có bộ y phục riêng, bộ y phục này hoàn toàn giống với y phục của người lớn về kiểu dáng cắt may và chất liệu, gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- **Khăn quần đầu** (*khạt hua phù nhinh nội*) bằng vải chàm dài 344cm, rộng 40cm. Hầu hết khăn đội đầu của trẻ em hay người lớn đều có kích thước tương đối thống nhất.

Khi làm một chiếc khăn, người ta thường dùng sợi tay để đo vải, chiều dài khăn thường là hai sợi rưỡi, sau đó dờ một đoạn từ 12 - 15cm ở hai đầu khăn để tạo thành các tua gọi là *phủi*. Cuối cùng dùng chỉ đồng màu khâu tạo thành hai đường gân nổi hình bông hoa lúa ở ngang hai đầu khăn sát với tua.

Khi sử dụng, người ta gấp khăn thành bốn theo chiều dọc rồi quấn quanh đầu đến hết khăn, hai đầu khăn được giắt vào hai bên trán.

- **Áo** (*sửa phù nhinh nội*) bằng vải bông nhuộm chàm, dài 45cm, rộng 34cm. Áo may kiểu tứ thân, một thân sau và ba thân trước. Thân áo cắt theo dáng thắt lưng ong, vạt áo cắt lượn tròn lên hai bên sườn.

Cổ áo (*khò sửa*) là một nếp vải hỏa *lai bắp sí* - *hoa bốn* vớ kéo dài từ hai vạt áo, nơi có dây tua buộc thay cho cúc, vòng qua cổ tạo thành một dải hoa chéo trên ngực.

Tay áo (*khen sửa*) thêu hoa văn *đác ngư - xương rắn* ở phần sát nách. Phần thân phụ phía trước nối với thân trước bên phải bằng một đường chỉ thêu hình xương rắn bằng chỉ các màu và một dải vải thêu rộng 1cm nền xanh với các loại hoa, bướm.

Xung quanh thân áo nơi thắt eo có một dải vải viền gồm 5 sọc hoa, khi mặc hai đầu vải gặp nhau ở nơi buộc tua và hai đầu đường viền cổ áo. Mỗi bên tà áo có khâu thêm ba dải vải phin theo hình rộng dần về phía tà áo, mỗi dải áo gắn ba bông tua bằng các mụn vải nhỏ. Tà áo bên phải đính thêm một dải vải phin đỏ làm dây buộc với dải bên tà trái để giữ áo ôm vào cơ thể.

Khi mặc áo, người ta vắt chéo thân áo phải sang bên trái rồi buộc hai dây vải lại.

- *Váy (sín có phù nhinh nọi)* là loại váy của em gái mặc hàng ngày cũng như trong các dịp lễ tết, hội hè... Váy bằng vải bông và tơ tằm, dài 67cm, rộng 57cm gồm hai phần thân váy và cặp váy.

Thân váy (*tin sin*) bằng vải chàm đen. Dọc theo thân trước đắp thêm một mảnh vải phin hoa gồm 6 sọc màu.

Cặp váy (*hua sin*) bằng vải tơ tằm do đồng bào tự nuôi tằm, kéo tơ và nhuộm màu. Hoa văn trên cặp váy là các loại hoa ước lệ theo cách gọi của đồng bào. Hoa văn gồm ba dải ngang khép kín. Dải hoa to gọi là *lai cấp sí - sâu*

bốn cánh và hoa văn khác thể hiện một loại sâu hay dũi phân (khác với họ bộ hung).

Ngoài hoa văn dệt, trên cặp váy còn có các sọc màu chạy ngang gọi là *khăn*.

Đồng bào thường gọi loại váy có hoa văn là *sỉn có*, váy không có hoa văn mà chỉ có các sọc màu chạy ngang cặp váy là *sỉn khăn*.

- **Thắt lưng** (*se eo phù nhinh nội*) bằng vải bông trắng, dài 130cm, rộng 12cm. Thắt lưng là một tấm vải được dệt theo một khổ nhất định thường rộng bằng nửa gang tay hoặc rộng hơn một chút. Chiều dài thắt lưng tùy theo lứa tuổi.

Trong những ngày thường, các em gái dùng loại thắt lưng không thêu hoa văn. Trong dịp lễ tết, các em dùng thắt lưng tết hoa văn ở hai đầu. Hoa văn dệt trên hai đầu thắt lưng không cố định, nó tùy thuộc vào ý thích của từng người. Hai đầu cuối của thắt lưng là những tua chỉ được xe hình vẩy thừng.

Khi dùng, thắt lưng được gấp làm bốn theo chiều dọc và đặt ngoài váy áo. Nếu là thắt lưng thường thì giấu hai đầu vào trong, là thắt lưng hoa hai đầu được buông trước bụng.

Y phục trẻ em trai Lào

Bộ y phục trẻ em trai Lào từ 7 - 12 tuổi gồm có khăn đội đầu, áo, quần, thắt lưng.

- **Khăn đội đầu và thắt lưng** của các em trai Lào không có gì đặc biệt, nó chỉ là một dải vải màu đen không thêu vẽ hoa văn.

- **Áo** (*sửa đéch nọi*) bằng vải chàm đen, cắt may kiểu tứ thân, mở ngực, xẻ tà. Áo dài 43cm, rộng 34cm.

Cổ áo (*khò sửa*) là loại cổ đứng cao 3cm, dài 30cm. Trên cổ thêu hoa văn hình rồng theo chiều dài bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng gọi là *đốc hua đeng* - *hoa đầu nhọn*, hai thân trước đắp hai túi nhỏ, trên miệng túi có thêu hình *đốt xương rắn* (*đác ngừ*) bằng chỉ màu và một dải hoa văn hình tam giác xếp liền nhau gọi là *mác tùm* - cánh hoa quả sỏ.

Đường gân nổi giữa ba thân áo thêu chỉ trắng, xanh, đỏ, vàng, tím theo hình chấm tròn liên tiếp gọi là *mắc ta búng* - *mắt con sâu*.

Phần xẻ tà hai bên sườn thêu hoa văn hình đốt bằng chỉ các màu. Loại áo này được các em trai mặc trong những ngày thường hoặc những ngày tết, ngày lễ hội.

- **Quần** (*sông đéch nọi*): Trẻ em Lào mới sinh không mặc quần, từ 2 - 5 tuổi mặc quần có dây đeo cổ. Trẻ em từ 7 - 12 tuổi mặc quần, khi mặc phải dùng một chiếc thắt lưng buộc quanh cạp để quần khỏi tụt.

Quần trẻ em may bằng vải chàm dài 70cm, rộng 36cm, ống rộng 18cm. Đây là loại quần cạp liền không có cạp

riêng, ống liền, không có túi. Phần đũng quần được ghép một mảnh vải khác, hình quả trám làm cho đũng rộng ra, khi các em chạy nhảy đũng quần không bị rách.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LỰ

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Người Lự có truyền thống trồng bông, nuôi tằm, kéo sợi dệt vải phục vụ nhu cầu may mặc của cộng đồng. Người Lự ít mua hoặc trao đổi vải về dùng. Hầu hết các loại y phục và các đồ dùng bằng vải đều do bàn tay khéo léo của họ tạo nên. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Lự thường được trang trí nhiều đồng xu bạc vòng quanh cổ áo, thân áo và tà áo. Họ cũng rất thích đeo đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ, vòng tai... Bộ y phục của thiếu nữ Lự ở bản Nà Khum xã Bản Hòn huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu gồm có khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng, túi đeo. (Xem ảnh 167,169).

- *Khăn đội đầu (khạt hồ)* bằng vải thô nhuộm màu đen, dài 414cm, rộng 27cm, hai đầu khăn có tua dài 20cm. Trên nền đen của hai đầu khăn dệt xen 18 đường chỉ trắng to nhỏ khác nhau và hai đường chỉ vàng chạy ngang tô điểm cho khăn.

Khi sử dụng, khăn được gấp bốn theo chiều dọc và được quấn quanh đầu nhiều vòng búi nghiêng về bên trái đầu.

- *Áo (sở)* bằng vải chàm đen, là loại áo tứ thân. Áo do 6 miếng vải cắt theo hình rẽ quạt liên kết với nhau tạo thành (vạt áo xòe rộng so với eo). Áo phụ nữ Lự trước kia được trang trí nhiều xu bạc vòng quanh cổ áo, tà áo, thân áo. Ngày nay chủ yếu là hoa văn dệt kết hợp với hoa văn ghép vải.

Cổ áo (*kho sở*) liền với nếp ngực gồm năm miếng vải khác màu chạy suốt từ cổ tới gấu áo. Miếng vải ở giữa được đắp những hình quả trám màu xanh, đỏ nối tiếp nhau.

Tay áo (*khen sở*) dài, được may thon dần về phía cửa tay, phần giáp bả vai thêu hoa văn vòng quanh ống tay, gần cổ tay viền một vòng vải hoa nhỏ.

Thân áo (*tô sở*): Trên thân áo bên trái thêu một đường thẳng nhỏ hình giống trúc chạy từ cổ xuống dưới vạt áo bằng chỉ các màu. Chạy vòng quanh dưới eo từ phía trước ra phía sau là hoa văn ghép vải, đồng bào gọi đó là *con suối uốn lượn*. Dưới hoa văn ghép vải là những hình tam giác thêu bằng chỉ các màu, tiếp đến là đường thêu hình giống trúc chạy theo hình rẽ quạt sát gấu áo.

Khi mặc, người ta vắt chéo thân bên trái sang sườn phải và buộc hai dây vải hoa được đính ở cạnh áo với

nhau. Dải dây bên phải có năm tua bằng sợi len các màu xâu những hạt cườm bằng nhôm. Dây được buông tới gần đầu gối, khi bước đi hai dải dây nhún nhảy đung đưa tạo sự uyển chuyển cho chị em.

- *Váy (xỉn)*: Hàng ngày phụ nữ Lự thường mặc từ hai đến ba chiếc váy cùng một lúc. Chúng được lồng vào nhau thành nhiều tầng, mỗi chiếc cách nhau từ 3 - 4cm theo chiều cao dần. Đồng bào quan niệm mặc như vậy vừa kín đáo, vừa đẹp, vừa có thể thay đổi cho nhau khi chiếc váy ngoài đã cũ.

+ Chiếc váy ngoài cùng được tạo bởi ba miếng vải khác nhau, váy dài 97cm, rộng 54cm. Váy hình ống và chia làm ba phần.

Cạp váy (*húa xỉn*) bằng vải thô nhuộm nâu.

Thân váy (*phum xỉn*) bằng vải tơ tằm được dệt trên một khung cử riêng, kỹ thuật dệt phức tạp đòi hỏi sự khéo léo của người dệt để tạo thành những hoa văn theo ý thích của từng người.

Thân váy được cải hoa văn thành hai phần rõ rệt. Nửa thân tiếp giáp với cạp váy bằng vải tơ tằm màu nâu sậm trên có dệt xen tám sọc màu vàng và đỏ chạy song song theo chiều ngang của váy. Nửa thân sau giáp với chân váy bằng vải tơ tằm có dệt hoa văn, thêm vào đó là những

phần thêu bằng len. Hoa văn nổi bật ở thân váy là hình quả trám cao 10,5cm, xen kẽ giữa hai quả trám là hình hai người quay ngược đầu vào nhau tay dang ra hai bên.

Chân váy (*tin xin*) bằng vải thô nhuộm đen, gấu váy viền bằng vải hoa rộng 1cm. Phía sau chân váy ở khoảng giữa váy có khâu nổi 9 ô vải các màu hình thoi theo chiều dọc từ giữa thân váy xuống gấu váy nhằm giúp váy thêm nổi bật.

+ Váy mặc giữa không có cạp. Thân váy tương tự chiếc váy ngoài. Phần trên cũng dệt đan xen trên nền nâu sậm bảy sọc màu vàng và đỏ, phía dưới dệt quả trám to nối liền nhau, giữa quả trám là hoa bốn cánh. Phía trên và phía dưới quả trám to là những quả trám nhỏ chạy theo chiều ngang, hai đầu quả trám là sao tám cánh màu vàng.

Chân váy bằng vải thô nhuộm đen, giữa váy phía sau đính tám ô vải khác nhau theo chiều đứng của váy. Gấu váy viền vải đỏ, cao 0,5cm.

+ Váy mặc trong: Cạp váy bằng vải thô nhuộm màu nâu không thêu vẽ hoa văn. Thân váy bằng vải tơ tằm nhuộm màu nâu thẫm, phần tiếp giáp với cạp váy có 7 đường chỉ màu vàng và đỏ chạy ngang thân váy. Phần dưới ở chính phía trước có 11 ô quả trám bằng vải đính nối tiếp nhau theo chiều đứng của váy. Trong mỗi ô lại có bốn quả trám nhỏ các màu. Phía trên và dưới được trang trí các

hình tam giác nối liền nhau tạo thành đường diềm vòng quanh thân váy.

Chân váy bằng vải thô nhuộm đen, gấu váy viền hai đường vải nhỏ màu đỏ và trắng. Ở khoảng giữa phía sau chân váy có 8 ô vải khác màu ghép vào nhau chạy dọc từ thân váy trở xuống.

- **Thắt lưng (sa hang)** bằng vải chàm đen hoặc vải tơ tằm nhuộm màu nâu hoặc đỏ thẫm. Thắt lưng dài khoảng một sải tay (150cm) có tác dụng giữ váy khỏi tụt.

Cách mặc trang phục của phụ nữ Lự: Váy trong được mặc trước, tiếp đến váy giữa sau cùng đến váy ngoài. Sau khi đã chỉnh đốn ba váy đúng vị trí, họ dùng thắt lưng buộc chặt, cuối cùng mặc áo phủ phía ngoài.

Loại y phục truyền thống trên hiện nay vẫn được phụ nữ Lự từ trẻ đến già sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

- **Túi thổ cẩm (thung phạc):** Người Lự coi chiếc túi đeo làm bằng thổ cẩm là vật trang sức không thể thiếu đối với cả nam và nữ. Mỗi khi đi chợ, đi chơi xa họ thường khoác túi trên vai. Trong túi đựng gương lược, áo mưa, khăn tay... là những đồ dùng cá nhân cần thiết của mỗi người.

Túi có hai phần, quai túi và thân túi, nhưng chúng đều cắt từ một khổ vải nên hoa văn trang trí giống nhau.

Hoa văn trang trí chủ đạo trên túi của người Lự là các

đường chỉ màu đen, đỏ, xanh, vàng, trắng chạy song song xen kẽ nhau được lặp đi lặp lại tạo thành mảng hoa văn hài hòa tươi tắn.

Riêng phần miệng túi (*pác thung*) được ghép thêm những miếng vải nhỏ các màu chạy theo chiều ngang của túi. Mỗi góc túi được khâu ba chùm tua len các màu để trang trí.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Bộ y phục nam giới Lự gọi là *sở tiểu páo* gồm có khăn đội đầu, áo, quần. (Xem ảnh 170).

- **Khăn đội đầu** (*khạt hồ*) bằng vải thô nhuộm chàm màu đen. Là loại khăn dài trên 350cm, rộng bằng một khổ vải nhỏ 29cm, hai đầu khăn có tua dài 18cm. Gắn sát tua có 5 đường kẻ sọc trắng dẹt xen kẽ trên nền đen theo chiều ngang của khăn. Đường sọc chính giữa rộng nhất (2,3cm) giữa đường sọc này dẹt xen một đường chỉ nhỏ màu nâu và vàng.

Nam nữ dân tộc Lự đều dùng loại khăn như nhau nhưng cách cuốn và đội lại khác nhau. Nam giới khi đội gấp khăn theo chiều dọc, rộng 5cm sau đó quấn như kiểu khăn xếp của người Kinh. Khi quấn hết khăn họ dùng những tua của khăn buộc các vành khăn lại với nhau ở phía gáy và trình các sọc trắng ở trước trán.

- **Áo** (*sở*) bằng vải thô màu đen, kiểu tứ thân mở ngực, vai áo rộng 56cm. Cổ áo (*kho sở*) hình tròn ôm sát cổ. Áo đính năm đôi cúc vải (*tôm*), cúc áo được khâu trang trí bằng những đường chỉ xanh, đỏ, trắng, vàng. Áo không khoét nách. Tay áo (*khen sở*) nối liền với thân, tay được nối ở giữa và may thon dần về phía cửa tay. Hai thân áo trước có đắp hai túi vải (*thung sở*) đối xứng nhau, trên miệng túi thêu một mảng hoa văn rộng 1,5cm bằng các sọc màu xanh, đỏ, trắng, vàng. (Xem ảnh 171).

- **Quần** (*tiểu*) bằng vải thô tự dệt, nhuộm màu đen, cắt may kiểu chân què, cặp lá toạ rộng 15cm bằng vải mộc trắng.

Hai ống quần gấn sát gấu tấp vòng vải đen rộng 9cm. Trên vòng vải đen này thêu hoa văn hình tam giác nhỏ nối liền nhau tạo thành hình răng cưa vòng quanh ống quần. Từ đường răng cưa chạy thẳng xuống dưới gấu thêu hình giống trúc nhỏ (*mạy khum*) bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng, vàng. (Xem ảnh 171).

Ngoài bộ y phục trên, khi đi chơi, đi chợ, đi thăm họ hàng ở xa nam giới Lự cũng đeo trên vai chiếc túi thổ cẩm để đựng đồ tư trang và trang điểm thêm cho bản thân.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

1. Trang phục trẻ em gái

Bộ y phục trẻ em gái tiếng Lự gọi là *sở xỉn no ón nọi* gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng. (Xem ảnh 172).

- **Khăn đội đầu (khạt hô)** bằng vải chàm đen, dài 382cm, rộng 28cm, ở hai đầu khăn có tua dài 15cm. Gần với tua ở hai đầu là một mảng dệt trang trí rộng 18cm gồm 5 đường màu trắng chạy theo chiều ngang của khăn. Đường chỉ trắng ở giữa rộng nhất (3cm). Chính giữa đường chỉ trắng to này có dệt một đường chỉ nhỏ màu nâu vàng.

Khi dùng, gấp khăn làm 3-4 lần theo chiều dọc và quấn khăn trên đầu rất cầu kỳ tạo thành nhiều vòng và búi nghiêng về phía bên trái đầu.

- **Áo (sở)** bằng vải chàm nhuộm đen dài 34cm, rộng 30cm. Là loại áo tứ thân mở ngực, cổ áo liền với nẹp ngực. Nẹp ngực là một miếng vải hoa rộng 4cm chạy từ gấu áo bên trái vòng qua cổ sang gấu áo bên phải. Cách gấu áo 9cm là hoa văn ghép vải chạy vòng quanh chỗ giáp eo theo hình con suối lượn. Mảng hoa văn ghép vải rộng 3cm.

Tay áo (*khen sở*) dài 19cm, cửa tay rộng 10,5cm. Đường khâu nối tay với thân được thêu các hình số 8 nằm ngang nối tiếp nhau chạy vòng quanh ống tay bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng, vàng.

Khi mặc, thân áo bên trái được vắt chéo sang sườn phải và buộc với nhau bằng hai dây vải dính ở đỉnh tà dưới nách, hai dây vải thả xuống ngang đầu gối.

- **Váy (xỉn)** dài 46cm, rộng 47cm, là loại váy ống gồm hai phần thân váy và chân váy.

Thân váy (*phun xỉn*) cao 27cm được dệt bằng sợi tơ tằm. Thân váy gồm hai phần: trên là màu nâu, giáp chân váy là màu đen. Trên mảng màu nâu có dệt xen các đường chỉ trắng và đỏ chạy song song ngang thân váy. Trên phần vải có bốn đường màu nâu, bốn đường màu xanh liền nhau chạy quanh thân váy.

Chân váy (*tin xỉn*) cao 19cm được dệt bằng sợi màu đen, dưới gấu váy được bao quanh bởi một đường vải hoa nhỏ màu đỏ. Phía sau chân váy ở khoảng giữa được ghép 7 miếng vải hoa các màu tạo thành mảng hoa văn ghép vải rộng 16cm. Dưới mảng hoa văn này liền với gấu là các mảnh tam giác được khâu nối liền và xen kẽ nhau tạo thành mảng hoa văn dài 18cm, cao 2cm.

- **Thắt lưng (sa hạng)** bằng vải bông màu trắng, dài 132cm, rộng 17cm (rộng bằng một khổ vải nhỏ), hai đầu kết tua dài 15cm. Thắt lưng có ba mảng hoa văn. Ở hai đầu giáp tua có mảng hoa văn rộng 14cm được dệt bằng chỉ đỏ, xanh, vàng tạo thành hàng hoa văn hình vuông nổi bật ở chính giữa, hai bên hình vuông có hai hàng chữ T chạy song song theo chiều ngang thắt lưng.

Giữa thắt lưng được dệt các đường chỉ màu xanh thẫm,

đỏ, vàng, xanh lá cây chạy song song theo chiều ngang thắt lưng, cả mảng hoa văn này rộng 4,5cm.

Khi mặc y phục, váy được mặc trước, dùng thắt lưng quần chặt để váy khỏi tụt, mặc áo phủ ngoài thắt lưng, cuối cùng quần khăn nhiều vòng quanh đầu và cúi nghiêng về phía bên trái.

2. Y phục trẻ em trai

Bộ y phục trẻ em trai tiếng Lự gọi là *sở tiểu no ón nọi* gồm có khăn đội đầu, áo, quần. Nhìn chung, cách cắt may và trang trí hoa văn trên y phục của trẻ em nam và người lớn tương đối giống nhau, điểm khác nhau duy nhất là kích thước to nhỏ khác nhau. (Xem ảnh 174)

- **Khăn đội đầu** (*khạt hô*) bằng vải thô nhuộm chàm đen dài 344cm, rộng 28cm. Hai đầu khăn có tua dài 16cm, hai đầu khăn được trang trí các đường sọc màu trắng, nâu, vàng chạy song song ngang khăn, mảng trang trí này rộng 17,5cm.

Khi dùng gấp đôi khăn theo chiều dọc, rộng 5cm sau đó quần nhiều vòng quanh đầu như kiểu khăn xếp của nam giới Kinh

- **Áo** (*sở*) bằng vải chàm đen, dài 54cm, rộng ngực 39cm. Là loại áo tứ thân, cổ tròn, mở ngực, hai thân trước có đắp hai túi rộng 16cm, sâu 12cm. Cổ áo thêu hàng chữ

M bằng các loại chỉ màu chạy suốt theo cổ áo. Trên hai túi thêu các hình số 8 nằm ngang nối tiếp nhau chạy suốt miệng túi bằng chỉ các màu.

Ống tay áo (*khen sở*) dài 39,5cm được nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 13,7cm. Tay áo không thêu hoa văn.

- **Quần** (*tiểu*) bằng vải chàm đen, may kiểu chân què, cạp lá toạ, dài 88cm, rộng bụng 41,5cm. Cạp quần cao 15cm bằng vải thô màu trắng.

Ống quần dài 73cm, rộng 24cm sát gần gấu được khâu đắp thêm một miếng vải rộng 8cm trên đó thêu hoa văn hình tam giác nhỏ nối tiếp nhau bằng chỉ các màu xanh, đỏ, trắng, vàng.

Chương III

MỘT VÀI NÉT VỀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI

“Ăn ngon mặc đẹp” là mong ước tự bao đời của mỗi con người, mỗi dân tộc. Để đạt được mong ước đó, con người không ngừng lao động sáng tạo để chinh phục và thích ứng với thiên nhiên, tạo ra của cải vật chất phục vụ cho chính cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

Do sự phân công lao động xã hội mang tính tự nhiên, nghề dệt vải là công việc của phụ nữ. Những người đàn ông, những người chồng chỉ giúp đỡ vợ con trồng bông, trồng chàm và thu hoạch chúng mà thôi.

Các em gái được các bà, các mẹ, các chị kèm cặp, hướng dẫn trồng bông, dệt vải, may vá, thêu thùa trang phục ngay từ khi còn thơ ấu. Tục ngữ Thái có câu: “*Xíp ết hụ khát choọng, xíp xong hụ tắm hủk*”, có nghĩa là 11 tuổi biết độn tóc, 12 tuổi biết ngồi khung dệt vải.

Trong cộng đồng các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày

Thái, từ gia đình đến xã hội đều khuyến khích những người thêu giỏi và dệt đẹp. Họ cũng phê bình những người chưa làm được, hay nói cách khác là chưa chăm chỉ, chưa làm đúng những mẫu mã thêu dệt truyền thống của cha ông. Trong thực tế, các cô gái phải chăm chỉ làm việc, học tập cách dệt, cách thêu do các bà, các mẹ, các chị dạy cho. Họ coi đó là một chuẩn mực đạo đức, một phẩm chất, tư cách tộc người nhất là đối với các cô gái chưa chồng.

Với bàn tay khéo léo, óc thẩm mỹ tinh tế đồng bào nhóm Tày - Thái đã tạo nên những bộ trang phục có kỹ - mỹ thuật cao, tạo nên những loại vải thổ cẩm có hoa văn tinh tế, rực rỡ... Nghề dệt vải không những đáp ứng nhu cầu mặc mà còn đáp ứng nhu cầu làm đẹp của con người.

Giá trị thẩm mỹ trang phục nhóm Tày - Thái có thể được nhìn nhận ở nhiều góc độ như nghệ thuật tạo hình trang phục, màu sắc trang phục, nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục, nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của người làm ra trang phục, sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người...

Nghệ thuật tạo hình trang phục

Trang phục là một trong những biểu hiện độc đáo của văn hoá tộc người, gắn liền với quá trình phát triển tộc người. Việc tạo hình trang phục phụ thuộc vào quan niệm thẩm mỹ, vào thói quen và phụ thuộc vào đặc điểm nhân

chúng của từng tộc người. Việc tạo hình trang phục trước hết phải đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cư dân sau đó phải phù hợp với môi trường sinh sống của họ.

Kỹ thuật tạo hình trang phục các tộc người nhóm Tày - Thái rất đa dạng. Chiếc áo dài của phụ nữ Tày là loại áo năm thân có năm cúc bằng vải hoặc bằng đồng cài bên nách phải, cổ áo tròn, ống tay hẹp và hơi thắt eo. Chiếc áo dài của phụ nữ Tày, phụ nữ Sán Chay khi mặc được chiếc thắt lưng ôm bên ngoài tôn thêm chiều cao và sự mềm mại thướt tha cho người phụ nữ.

Áo phụ nữ Nùng là loại áo năm thân, cổ đứng, tà xẻ cao. Áo may rộng và ngắn hơn áo dài Tày, áo chỉ dài quá thắt lưng hoặc che kín hông, khi mặc áo tạo sự thoải mái và khoẻ mạnh cho người phụ nữ. Kỹ thuật tạo hình áo phụ nữ Giáy cũng giống áo phụ nữ Nùng.

Chiếc áo (*xửa còm*) của phụ nữ Thái đã trở thành một trong những ấn tượng quan trọng, một đặc trưng khi nói về vẻ đẹp trang phục của phụ nữ. *Xửa còm* là loại ngắn, may bó sát thân, khi mặc làm nổi rõ những đường nét tự nhiên của cơ thể.

Áo cánh năm thân của phụ nữ Lào, Lự bao giờ cũng may thắt phần trên, loe phần dưới tạo dáng “thắt đáy lưng ong” - một nét đẹp truyền thống của phụ nữ Á Đông, đây cũng là niềm mong ước của các chàng trai khi kén chọn người bạn trăm năm.

Phụ nữ Tày và Nùng trước kia chủ yếu mặc váy nay chuyển sang mặc quần (trừ nhóm Nùng Dín, người Tày vùng Tuyên Quang, Lào Cai). Váy của phụ nữ Thái là loại ống trên dưới bằng nhau. Cạp váy thường đắp ở phía ngoài một miếng vải khác màu. Gấu váy phía bên trong được chắp bằng vải đỏ làm cho gấu váy phẳng chắc và tạo được vẻ đẹp kín đáo. Khi mặc, cạp váy được quần chặt vào eo người, phía dưới mở rộng tạo cho phụ nữ có dáng “thắt đáy lưng ong”. Váy của phụ nữ Lào, Lự cũng là loại váy ống như váy của người Thái nhưng được dệt hoa văn và ghép vải nhiều màu trông rất rực rỡ.

Váy của phụ nữ Nùng Dín là loại váy xếp nếp không hở mí, còn váy của phụ nữ Giáy, Bô Y là loại váy mở, cạp váy rộng hơn vòng bụng khoảng 1,5 lần. Váy được xếp nếp sao cho chiều rộng phần thân váy rút gọn lại vừa bằng chiều dài của cạp váy rồi nối lại với nhau. Hai cạnh váy đính dải vải làm dây buộc, khi mặc vòng hai dây qua người một vòng và thắt mỗi ở trước bụng. Đặc biệt, váy của phụ nữ Bô Y còn đính 5 - 6 đôi dây nhỏ bằng chỉ xe theo hai cạnh của váy, khi mặc buộc lại để khi đi lại, cúi người xuống vẫn tạo sự kín đáo cho người mặc.

Trang phục của nam giới nhóm Tày - Thái tương đối giống nhau, chúng được tạo dáng khoẻ khoắn và đơn giản. Việc cắt may đơn giản, không cầu kỳ như trang phục nữ.

Trang phục dùng trong lễ hội, cưới xin của cả nam và

nữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái được tạo hình mang tính trang trọng hơn. Chủ yếu là loại áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, ngoài ra người Thái còn có thêm loại áo chui đầu, người Sán Chay có áo dài xẻ ngực...

Áo mặc thường ngày và mặc trong lễ hội của nhóm Tày - Thái nhìn chung không có cầu vai, tay áo may bó và thuôn dần về phía cửa tay. Điều đó vừa thể hiện tâm lý thị hiếu tộc người, vừa thể hiện trình độ phát triển của kỹ thuật dệt vải thủ công của họ - đó là loại vải có kích thước phổ biến chỉ rộng 40cm.

Màu sắc trang phục

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái là cư dân sản xuất lúa nước kết hợp với nương rẫy, bởi vậy trang phục truyền thống của họ là bằng chứng của trình độ sản xuất và tìm tòi sử dụng thành thạo một số loại cây cối trong thiên nhiên nơi đồng bào sinh sống để làm ra trang phục và tạo màu để nhuộm vải. Màu sắc được đồng bào ưa thích và dùng phổ biến nhất là màu chàm. Màu chàm xen với màu xanh của cây rừng tạo nên sự hài hoà trong màu sắc, thể hiện sự hoà nhập thích nghi của con người với thiên nhiên. Màu chàm khi mặc lao động không bị nhựa cây dây bẩn, nếu bị bẩn cũng dễ giặt sạch. Màu chàm của các tộc người cũng có những sắc độ khác nhau

bởi cách pha chế màu và cách thức nhuộm chàm ở mỗi tộc người cũng có sự khác nhau.

Sắc chàm của người Sán Chay, người Tày bao giờ cũng thắm hơn người Thái, người Nùng. Màu chàm của người Nùng cũng rất phong phú có các gam màu như xanh nhạt, xanh đen, xanh tím than, xanh phớt nâu, xanh phớt hồng... các sắc độ này được tạo nên trên cơ sở kỹ thuật phối màu giữa màu chàm với các màu khác. Chẳng hạn, để có màu xanh đen, người ta đem vải sau khi nhuộm được màu chàm nhấn xuống bùn vài lần rồi nhuộm chàm lại. Vải chàm nhuộm qua nước củ nâu, nước cánh kiến có màu phớt hồng...

Phụ nữ Nùng Giang thích dùng màu chàm xanh nhạt, Nùng Dín dùng màu thắm hay tím than, Nùng Lôi dùng màu xanh đen hay phớt nâu để may trang phục. Việc sử dụng màu sắc ở mỗi tộc người tuy có những sắc độ riêng nhưng đồng bào không sử dụng những màu tương phản để may một bộ trang phục. Ví dụ không mặc áo xanh với quần đỏ hoặc ngược lại mà thường dùng quần và áo chung một màu hoặc màu gần giống nhau.

Việc sử dụng những hạt bạc để trang trí trên khăn, áo nữ Nùng Dín, trên mũ và áo người Tày nhóm Pa Dí, trang trí hàng khuy bạc trên áo phụ nữ Thái đã làm tăng hiệu quả thẩm mỹ cho trang phục, đồng thời thể hiện quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan của các tộc người.

Áo cóm của phụ nữ Thái được đính hàng khuy bướm (*mák pém*) trắng tinh. Về ý nghĩa của *mák pém* có nhiều ý kiến giải thích khác nhau.

Có ý kiến cho rằng “*mák*” tức là quả, mọi sự nảy sinh đều bắt đầu từ quả. Người phụ nữ Thái là người đảm nhận thiên chức tái tạo giống nòi, “*mák*” là vật biểu tượng cho thiên chức đó, vật đó được đặt nơi chiếc áo. Theo quan niệm của người Thái, áo là nơi trú ngụ của hồn người, “*mák*” cũng là mong ước làm mẹ của người phụ nữ, do đó họ dùng “*mák*” để cầu mong cho sự sinh sôi. Còn “*pém*” có nghĩa thực là bám chặt, những chiếc khuy bướm có hình dáng mỏng, dẹt nên khi nó được đính vào áo tạo cho người ta có cảm giác như chúng thực sự bám chặt vào áo.

Ý kiến khác cho rằng, hàng cúc bướm là tượng trưng cho sự kết hợp giữa nam và nữ để duy trì giống nòi. “*Mák pém*” bên khuyết áo biểu thị cho con gái (giống cái), nó được đính bên phải, người Thái gọi là “*tô mák pém me*” - *tô me* là con cái. “*Mák pém*” bên cài áo biểu thị cho con trai (giống đực), người Thái gọi là “*tô mák pém po*” - *tô po* là con đực, nó được đính ở bên trái. Mặt khác, màu trắng óng ánh của “*mák pém*” biểu tượng cho dòng sữa mẹ nuôi con và người phụ nữ Thái đã đeo vật tượng trưng đó trên người.

Người Tày nhóm Pa Dí ở Lào Cai trang trí hạt bạc trên

mũ đội đầu, trên vạt áo trước ngực theo hình bông hoa chuối, hoa đào, hoa bắp ngô là những cây cối gắn bó mật thiết với cuộc sống thường nhật của họ. Cây ngô là cây lương thực chính trong cuộc sống của con người sinh sống ở vùng núi cao.

Có thể nói, trang phục các tộc người nhóm Tày - Thái có sự gắn bó mật thiết với môi trường, với cảnh quan thiên nhiên nơi cư trú của họ, chủ yếu là vùng thung lũng đất đai màu mỡ, cây cối xanh tươi. Quá trình tạo ra trang phục và sử dụng trang phục là cả một quá trình ứng xử, thích nghi, hoà nhập với thiên nhiên của con người sinh sống ở đây.

Hoa văn trang trí trên trang phục

Nếu so sánh trang phục của cư dân nhóm ngôn ngữ Tày - Thái với trang phục cư dân ngôn ngữ nhóm H'mông - Dao, Tạng - Miến thì trang phục của họ ít trang trí hoa văn. Người Nùng, người Lự, người Lào chủ yếu sử dụng cách trang trí ghép vải. Người Thái thêu hoa văn tập trung ở khăn piêu; người Tày nhóm Pa Dí, người Nùng Dín trang trí bằng hạt bạc; người Sán Chay trang trí hoa văn trên áo, yếm, dây buộc xà cạp, bao phục... Các họa tiết trang trí hoa văn trên trang phục đều gắn gũi với con người và môi trường sinh sống của họ. Từ các loại cây cỏ hoa lá như hoa hời, hoa móc, hoa ban, hoa bầu đến con cá, con cua, con rồng, nhện đất, con ngựa, con gà rồi hình vuông, hình tròn,

hình tam giác, hình chữ nhật... tất cả đều có thực trong cuộc sống, được con người cải biến, cách điệu theo trình tự tư duy từ cụ thể đến trừu tượng để tạo nên những hoa văn là nơi ẩn chứa thế giới tâm hồn của con người. Hoa văn được lưu truyền từ đời này qua đời khác nhưng dưới bàn tay khối óc của từng người cụ thể, nó được biến cải, bổ sung hoàn thiện dần. Hoa văn do người già dệt mang tính quy phạm truyền thống, người trẻ dệt bay bướm rực rỡ hơn.

Hoa văn hình người cũng được thể hiện trên trang phục của người Tày, Nùng, Sán Chay nhưng nó không được dùng tùy tiện ở nhiều nơi mà chủ yếu được thể hiện trên diềm ri-đô, cửa buồng, trang phục thầy cúng. Hình người được thể hiện với nhiều kích cỡ to nhỏ khác nhau tùy theo địa vị cao hay thấp của biểu tượng (theo quan niệm của đồng bào). Chẳng hạn, quan chức bao giờ cũng được thêu to hơn quân lính. Trên trang phục thầy cúng còn trang trí chữ Nho, có chữ để nguyên bản, có chữ được cách điệu. Việc trang trí hoa văn trên trang phục thầy cúng và những người hành nghề tôn giáo như mo, then, tào, pụt trước hết thể hiện sự tôn trọng của cộng đồng đối với tầng lớp “trí thức” này, sau nữa thể hiện sự uy nghiêm thần bí của thế giới tâm linh đang hàng ngày hàng giờ chi phối cuộc sống của con người.

Hoa văn trang trí trên trang phục còn thể hiện quan niệm về cái đẹp hài hoà, đó là sự phối hợp năm màu cơ bản một cách nhuần nhị, tinh tế trong quá trình thêu dệt trang phục. Hoa văn còn phản ánh quá trình hoạt động sản xuất của những con người với nền sản xuất nhỏ mang tính tự cấp tự túc, cuộc sống còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, năng suất lao động được chăng hay chớ. Người ta có thể tranh thủ trong lúc nông nhàn, tranh thủ sớm, trưa, chiều, tối hoặc có thể ngồi hàng ngày, hàng tuần thậm chí hàng tháng để sản xuất ra một bộ trang phục, dù giá cả của nó thấp hay cao.

Người Thái, người Sán Chay có kỹ thuật thêu độc đáo, đó là thêu ở mặt trái hoa văn hiện lên mặt phải (giống người H' mông). Với phương pháp thêu này, họ không cần khung thêu mà chủ yếu dựa vào trí nhớ song không phải vì thế mà tùy tiện, khi thêu họ phải tưởng tượng rất nhiều. Khi thêu các mô típ hoa văn phải có độ khái quát cao, đồng thời bỏ qua các chi tiết nhỏ nhất để bố cục tổng thể của tác phẩm thêu cân đối, màu sắc hài hoà. Hoa văn, ngoài việc thể hiện tâm tư tình cảm của người tạo ra nó, còn là một trong những chuẩn mực đánh giá tài năng, sự thông minh, khéo léo của người phụ nữ.

Hoa văn trên trang phục các tộc người còn phản ánh trình độ phát triển của xã hội. Trước kia chỉ những người

thuộc tầng lớp trên giàu có mới được mặc những bộ trang phục đẹp, thêu nhiều hoa văn. Những người nghèo hoặc tầng lớp bình dân nếu mặc chúng có thể bị phạt nặng hoặc bị chê cười. Những năm tháng sau này, nhất là khi miền Bắc được giải phóng, mọi người mọi tầng lớp có thể may sắm và mặc những bộ trang phục đẹp. Mặt khác, khi xã hội càng phát triển, kỹ thuật dệt và làm ra trang phục ngày càng trở nên phong phú đa dạng hơn. Người già có trang phục riêng, thanh niên nam nữ, trẻ em có trang phục riêng của họ. Trang phục mặc thường ngày bình dị; trang phục cưới xin, lễ hội được thêu thùa cầu kỳ và đẹp đẽ, như vậy trang phục ngày càng đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của con người.

Nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của người làm ra trang phục

Quá trình sáng tạo ra trang phục là cả một quá trình rèn luyện đức tính kiên trì nhẫn nại, sự thông minh, khéo léo của các cô gái. Thế hệ đi sau ngoài việc tiếp thu, bảo lưu những giá trị truyền thống của cha ông họ còn cải biến và phát triển thêm những giá trị văn hoá mới. Khăn piêu của người Thái ở Điện Biên trước kia thêu hết sức đơn giản, nó chỉ là những cặp lẵng piêu tạo thành các hình vuông và hình chữ nhật rỗng. Ngày nay, khăn piêu được thêu cầu kỳ, bên trong các hình vuông, hình chữ nhật được thêu điểm xuyết hình hoa ban, con nhện đất (*tô cu*), con cua (*bố pu*)...

Ở người Sán Chay, trình độ dệt dây xà cạp và dây buộc bao phục của họ rất cao. Dây xà cạp và dây buộc bao phục là một sản phẩm đặc biệt với kỹ thuật dệt điêu luyện. Dây có chiều rộng phổ biến 1,2 - 2cm, chiều dài tùy ý thích của từng người. Dây được dệt bằng những loại chỉ tự xe đã nhuộm màu sẵn, họ không dệt bằng khung cửi mà dệt bằng tay. Việc dệt dây buộc xà cạp và bao phục thường do các bà, các mẹ dệt vì họ là những người rất kiên trì và nhiều kinh nghiệm trong công việc này.

Phụ nữ Tày, Nùng ít trang trí hoa văn trên trang phục (trừ nhóm Pa Dí) nhưng họ đã tạo nên nhiều loại vải thổ cẩm đẹp để làm vỏ chăn, ri đô, cửa buồng, màn, gối, túi, đồ trẻ em... không những đáp ứng nhu cầu của bản thân và gia đình mà còn là mặt hàng thủ công mỹ nghệ được các dân tộc khác ưa chuộng. Nó cũng là một phần của cái để dành khi con cái trưởng thành, cho con làm của hồi môn trong ngày cưới hoặc làm vật tặng bố mẹ, bạn bè, người yêu, họ hàng nhà chồng.

Phụ nữ Lào, Lự mặc những bộ trang phục được thêu, dệt hoa văn tươi sáng, rực rỡ. Ngoài kỹ thuật thêu, dệt họ còn khéo léo trang trí cho bộ váy thêm rực rỡ với kỹ thuật ghép vải màu.

Có thể nói học dệt, học thêu, học cắt may khâu vá là công việc của cả đời người phụ nữ. Nếu như sáu, bảy tuổi các em bắt đầu làm quen với việc hái bông, nhặt bông, xe

sợi, dệt vải thì khi lên 10 - 12 tuổi các em bắt đầu làm quen với việc thêu thùa, cắt khâu trang phục. Mọi công việc đều tuân tự đi từ dễ đến khó, từ giản đơn đến phức tạp. Lúc đầu các em chỉ tập thêu những đường thẳng hay những mô típ hoa văn đơn giản, dần dần biết xử lý những đồ án bố cục hoa văn phức tạp, biết xử lý màu sắc, tạo màu để tạo nên những tác phẩm thêu dệt ngày càng đẹp và tinh xảo.

Quá trình học dệt, học thêu cũng là quá trình rèn luyện đôi bàn tay khéo léo, óc thẩm mỹ tinh tế, luyện đức tính kiên trì nhẫn nại của người phụ nữ... Những đức tính tốt đẹp đó là nguồn của cái vô giá để họ bước vào đời, tạo lập và xây dựng cuộc sống gia đình. Khi có con, con cháu họ lại có trách nhiệm dạy dỗ, dìu dắt, nâng đỡ các thế hệ cháu con làm tốt những công việc mà cha ông họ đã làm.

Hơn ai hết chính người phụ nữ, những người bà, người mẹ, người chị, không chỉ là người đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, bảo lưu, phát triển những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của cha ông mà họ còn là những người có nhiệm vụ nuôi dưỡng, giáo dục, rèn luyện những phẩm giá nhân bản của con người, của cộng đồng dân tộc.

Giá trị thẩm mỹ của trang phục nhóm Tày - Thái biểu hiện sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người

Do cùng cộng cư trên một vùng lãnh thổ, cùng sống đan xen hoà nhập với nhau trong từng làng bản, từng cụm

dân cư nên trang phục của cư dân Tây - Thái cũng chịu tác động đa chiều của “làn sóng” giao thoa văn hóa giữa các tộc người trong nhóm và với các cư dân các nhóm ngôn ngữ khác, tuy nhiên ở từng tộc người, từng vùng văn hoá những nét văn hoá chung ấy được biểu hiện rất độc đáo phù hợp với điều kiện sinh sống, với trình độ văn hoá, với tính cách tâm lý riêng.

Có nhà nghiên cứu cho rằng: “Trang phục dân tộc là yếu tố văn hoá thường ít bị thay đổi, nó được coi là một trong những đặc điểm quan trọng của tộc người và cũng thường là điểm xuất phát để xây dựng nên những giả thiết về tộc người này, tộc người nọ (về số lượng nó cũng chiếm một tỉ lệ đáng kể trong văn hoá vật chất nói chung). Mặt khác, trang phục dân tộc cũng còn phản ánh mối quan hệ tương hỗ giữa các dân tộc trong một khu vực, hoặc một vùng nào đó”⁽¹⁾.

Ý kiến trên phần nào cũng nằm trong nhận thức chung của khoa học lịch sử và dân tộc học cho rằng nhiều dân tộc ở nước ta từ xa xưa vốn có chung một nguồn gốc. Qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử ở mỗi thành phần dân tộc, yếu tố văn hoá truyền thống được bảo lưu ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh cái chung, những yếu tố văn

⁽¹⁾ Khổng Diễn, *Vài nét về địa lý học tộc người và việc nghiên cứu ở nước ta*, Tạp chí Dân tộc học số 01 - 1981.

hoá riêng ngày càng hình thành và nảy nở tạo nên bản sắc riêng của mỗi tộc người.

Sự tương đồng trong trang phục của cư dân nhóm Tày - Thái được thể hiện rõ nhất ở việc sử dụng màu sắc. Màu sắc chủ đạo là màu chàm. Trong xã hội cổ truyền, đồng bào từ già đến trẻ, cả nam và nữ đều mặc quần áo bằng vải tự dệt nhuộm chàm.

Chàm là loại cây dễ trồng, thời gian sinh trưởng ngắn, dễ chế biến, dễ bảo quản. Sau khi chế được cao chàm đồng bào thường phơi khô làm thuốc nhuộm để dùng dần. Khi nhuộm vải, cao chàm khô được pha chế với tỷ lệ 0,4 ki-lô-gam ngâm với 50 lít nước tro lọc sẽ được nước chàm đặc để nhuộm vải.

Quần áo chàm khi còn mới mặc trong cưới xin, lễ hội trông rất đẹp và nền nã. Màu chàm còn có tác dụng tôn thêm làn da trắng hồng của các chàng trai, cô gái mới lớn. Khi quần áo đã cũ thì mặc đi làm, trong quá trình lao động nếu bị bẩn hay bị nhựa cây dây vào cũng dễ giặt và không bị lộ bẩn.

Việc chọn màu chàm để may trang phục của cư dân Tày - Thái được bắt nguồn từ cơ sở vật chất cơ bản đó là nền sản xuất nhỏ tự cấp tự túc, nền sản xuất đó gắn liền với lao động sản xuất lúa nước kết hợp với sản xuất nương rẫy. Giữa màu xanh trùng điệp của núi rừng, của cây cỏ hoa lá vùng thung lũng, màu sắc quần áo chàm như hoà

vào cảnh sắc thiên nhiên và rất phù hợp với điều kiện sinh sống của cư dân nông nghiệp.

Nét đẹp của trang phục nhóm Tày - Thái không phải là sự du nhập của văn hóa bên ngoài vào mà thực tiễn cho thấy từ nguồn nguyên liệu đến nghệ thuật tạo hình, cách trang trí trang phục đều do bàn tay, khối óc của họ tạo ra. Những giá trị văn hoá đó có “bản lĩnh bản sắc” được hình thành, tồn tại và phát triển qua nhiều thế hệ. Nó là nguồn nội lực, bảo đảm cho bản sắc văn hoá dân tộc được bảo vệ và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Nằm trong bối cảnh Đông Nam Á, các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái cũng như các dân tộc khác ở nước ta vốn sinh sống và phát triển trong nền “văn minh lúa nước”, “văn minh thực vật nhiệt đới”, họ đã học hỏi và chịu ảnh hưởng lẫn nhau về cách thức sử dụng nguồn nguyên liệu dồi dào và kỹ thuật tạo hình trang trí trang phục để tự bảo vệ mình trong môi trường sinh thái khắc nghiệt, nhiệt độ nóng lạnh thất thường, độ ẩm lúc ẩm thấp lúc khô hanh và côn trùng nhiều.

Cùng với sự phát triển của xã hội, trang phục của cư dân Tày - Thái ngày càng đa dạng về loại hình, phong phú về chức năng sử dụng và có nhiều yếu tố giống với trang phục của cư dân nhóm Việt - Mường, Môn - Khmer và các nhóm ngôn ngữ khác.

Ở vùng Tây Bắc Việt Nam, trang phục của người Thái khá giống trang phục của người Kháng, Xinh Mun, Khor Mú là những người bạn láng giềng sống đan xen lâu đời với họ. Phụ nữ Kháng cũng búi tóc thả sau gáy, mặc áo cánh ngắn xẻ ngực với hàng “cúc bướm”, mặc váy đen và dùng thắt lưng vải có nổi vải khác màu ở hai đầu như phụ nữ Thái. Phụ nữ Xinh Mun và một số phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La mặc áo váy được tạo hình trang trí như người Thái, chỉ có chiếc khăn đội đầu hình nón của phụ nữ Lào là khác. Phụ nữ Khor Mú mặc trang phục rất giống phụ nữ Thái về cách thức tạo hình, trang trí, chất liệu, màu sắc tuy nhiên họ vẫn giữ được cách trang trí hàng tiền bạc và vỏ ốc trên áo cánh.

Ở vùng Mai Châu, phụ nữ Thái mặc áo chui đầu xẻ ở lưng hoặc vai giống người Mường ở Ngọc Lặc - Thanh Hoá. Cạp váy của họ cũng dệt hoa văn công phu nhiều màu sắc như phụ nữ Mường.

Trang phục của người Thái nhóm Hàng Tổng, Tày Mười ở Thanh Hoá, Nghệ An chịu ảnh hưởng rất lớn của trang phục người Thổ (nhóm Việt - Mường) và ảnh hưởng văn hoá Lào, sự ảnh hưởng này được biểu hiện rõ nhất trên chiếc váy của phụ nữ (chân váy dệt hoa văn rực rỡ).

Áo phụ nữ Tày khá giống áo dài của phụ nữ Kinh tuy nhiên cổ áo của phụ nữ Kinh bó sát vòng cổ còn cổ áo của người Tày thấp và để hở một đoạn trước cổ. Khi phụ

nữ Kinh mặc áo dài họ không mặc áo cánh bên trong, phụ nữ Tày mặc áo cánh trắng bên trong áo dài. Cổ áo và tà áo cánh trắng “cổ tình” khoe sắc trên nền chàm thẫm đã tạo nên nét chấm phá mạnh về nét đẹp thẩm mỹ cho người mặc. Khi mặc áo dài phụ nữ Kinh không dùng thắt lưng, bởi áo của họ may khít vào người còn áo của phụ nữ Tày may rộng, khi mặc họ dùng thắt lưng thắt chặt bên ngoài tạo dáng “thắt đáy lưng ong” để tôn thêm chiều cao cho cơ thể.

Trang phục trong lễ hội, cưới xin của nam giới nhiều tộc người nhóm Tày - Thái cơ bản giống trang phục của người Kinh, đó là chiếc áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, chiếc quần trắng cạp to không có dải rút mà thắt bằng thắt lưng vải, đầu đội khăn xếp hoặc quần khăn hình chữ nhân.

Do sống đan xen với người H'mông, người Dao đồng thời thường xuyên quan hệ trao đổi buôn bán với nhiều tộc người trên biên giới Việt - Trung, trang phục của phụ nữ Tày nhóm Pa Dí ở Lào Cai có trang trí mảng hoa văn ở khăn đội đầu và ngực áo. Việc trang trí mảng hoa văn bạc, xu bạc của họ rất gần gũi với người Dao, người Hà Nhì, La Hủ... Tuy nhiên chiếc mũ hình mái nhà có gắn hạt bạc của họ rất độc đáo. Đồ trang sức của người Pa Dí cũng rất giống đồ trang sức của người H'mông cùng sinh sống trong vùng...

Với vài đối sánh như trên, cho thấy sự phát triển của nền kinh tế thị trường, xu hướng giao lưu văn hoá, xu hướng xích lại gần nhau về văn hoá giữa các khu vực, các vùng, các tộc người đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy việc nghiên cứu, sưu tầm, gìn giữ và giới thiệu trang phục truyền thống của các tộc người là việc làm bức xúc của ngành văn hoá thông tin, đặc biệt là ngành bảo tồn bảo tàng Việt Nam. Một dân tộc chỉ thực sự phát triển khi biết duy trì và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống để phục vụ cho chính cuộc sống hôm nay. Đảng ta cho rằng đổi mới phải bắt nguồn từ mảnh đất văn hoá, truyền thống văn hoá của dân tộc vì đó là nguồn lực “nội sinh”, là nền tảng và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới và mở cửa hội nhập của thế giới.

Chương IV
XÂY DỰNG SƯU TẬP TRANG PHỤC
CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ
VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI
TẠI BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. VÀI NÉT VỀ SƯU TẬP TRANG PHỤC CÁC TỘC
NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG,
TÀY - THÁI TẠI BẢO TÀNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC
VIỆT NAM

Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam được xây dựng từ năm 1960, có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và tuyên truyền phát huy vốn di sản văn hoá truyền thống của 54 thành phần dân tộc Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

Trong quá trình lựa chọn, thu thập hiện vật dân tộc học đặc biệt là nghiên cứu, sưu tầm trang phục truyền thống của các tộc người, Bảo tàng luôn lưu ý đến mối quan hệ qua lại giữa các hiện vật đơn lẻ để làm cơ sở xây dựng các

bộ sưu tập hiện vật đặc trưng phục vụ cho công tác trưng bày. Ngoài ra bảo tàng cũng thu thập các tài liệu hiện vật bình thường, đơn giản nhưng mang tính phổ biến, mang tính truyền thống của các dân tộc để làm giàu kho cơ sở và phục vụ công chúng.

Trong tổng số các hiện vật đã sưu tầm và gìn giữ tại Bảo tàng, sưu tập trang phục các dân tộc luôn chiếm vị trí quan trọng. Tầm quan trọng của sưu tập trang phục không chỉ thể hiện ở số lượng hiện vật, mà trang phục các dân tộc gần như chiếm vị trí quan trọng nhất trong mọi hoạt động của Bảo tàng từ việc nghiên cứu, sưu tầm, lựa chọn những bộ trang phục đẹp mang tính đặc trưng để nhập vào kho đến việc quản lý và khai thác nội dung hiện vật trong kho cơ sở, việc nghiên cứu xây dựng các tổ hợp trưng bày làm nổi bật chủ đề trọng tâm... Tại các phòng trưng bày, sưu tập trang phục luôn chiếm vị trí nổi bật nhất bởi màu sắc hoa văn và kiểu dáng đa dạng của chúng. Trang phục đem đến cho người xem lượng thông tin đa chiều giúp họ dễ tiếp thu, dễ phân biệt tộc người này với tộc người khác thông qua kỹ thuật tạo dáng, màu sắc trang trí và cách phục trang của từng tộc người.

Trang phục là một hiện tượng văn hoá vật chất có những giá trị đặc biệt nổi trội so với các giá trị văn hoá vật chất khác vì nó gắn bó mật thiết với đời sống con người,

phản ánh thông tin đa chiều qua giá trị sử dụng, qua nếp sống văn hoá và giá trị thẩm mỹ. Trang phục luôn gắn với quan niệm về triết lý nhân sinh quan, vũ trụ quan của các tộc người. Trang phục được sáng tạo, chắt lọc, tích tụ qua nhiều thế hệ để định hình một phong cách trang phục riêng cho từng tộc người, từng vùng văn hoá. Mỗi một tộc người không chỉ có một bộ, một loại trang phục mà có nhiều chủng loại khác nhau, chúng chứa đựng những giá trị văn hoá đặc sắc của cả một cộng đồng, một dân tộc.

Trong tiến trình phát triển, hoà nhập dù có nhiều điểm tương đồng nhưng mỗi dân tộc vẫn giữ được những nét riêng trong kiểu dáng cắt may, trong cách trang trí, thêu dệt hoa văn. Đặc biệt, trang phục phụ nữ còn bảo lưu đậm nét những yếu tố văn hoá truyền thống của các tộc người. Chính những điều đó là một trong những nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử tộc người, làm sống lại quá khứ dân tộc.

Trong quá trình nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng sưu tập trang phục, Bảo tàng luôn chú ý tới các khía cạnh của trang phục như trang phục theo lứa tuổi (trẻ em, thanh niên, người già), theo giới tính (đàn ông, đàn bà), theo chức năng xã hội (y phục thường ngày, y phục lễ hội, y phục tôn giáo tín ngưỡng).

Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có y phục (khăn đội

đầu, áo, váy, quần, xà cạp, thắt lưng...) và đồ trang sức (vòng cổ, vòng tai, vòng tay, đồ đội đầu, túi đeo...). Một bộ trang phục được coi là hoàn hảo khi nó được sưu tầm trọn bộ trong một gia đình. Tuy cùng một loại trang phục của một dân tộc nhất định nhưng dưới bàn tay thể hiện của từng người, từng gia đình những yếu tố văn hoá ẩn chứa trong trang phục được biểu hiện ra khá đặc trưng và có những nét riêng, nếu sưu tầm những hiện vật đơn lẻ trong nhiều gia đình, nhiều địa phương sau đó ghép thành một bộ sưu tập thì những thông tin về chúng ít nhiều bị sai lệch.

Việc sưu tầm của Bảo tàng trong những năm qua, đặc biệt trong 10 năm trở lại đây chủ yếu vẫn mang tính quảng canh trên diện rộng nhằm đáp ứng nhiệm vụ trước mắt là xây dựng các phòng trưng bày, kịp thời phục vụ khách tham quan, khắc phục hiện tượng để chỗ trống trong hệ thống trưng bày. Do đó có nhiều dân tộc mới tổ chức sưu tầm được một lần trong một địa bàn hẹp. Có dân tộc sưu tầm được hai, ba lần ở những địa phương khác nhau nhưng chủ yếu cũng chỉ phục vụ công tác trưng bày. Việc thu thập tài liệu hiện vật về từng dân tộc nhìn chung chưa trọn vẹn. Nhiều bộ trang phục còn thiếu đồ trang sức hoặc chưa đủ bộ.

Nhìn vào kết quả sưu tầm hiện vật trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và Tày - Thái đang lưu giữ tại Bảo tàng chúng tôi bước đầu có những nhận xét sau:

- Trang phục phụ nữ luôn chiếm số lượng lớn so với trang phục nam giới, bởi lẽ trong quá trình khảo sát, sưu tầm trang phục nữ luôn được chú ý nhiều hơn vì chúng còn giữ được những yếu tố văn hoá truyền thống tộc người trong cách sử dụng màu sắc, trong kiểu dáng cắt may, trong trang trí hoạ tiết hoa văn... Còn trang phục nam giới các tộc người phía Bắc nhìn chung khá giống nhau, mặt khác xu hướng mua quần áo may sẵn, quần áo bộ đội về mặc ngày càng trở nên phổ biến ở nam giới các dân tộc.

Trong trang phục nữ thì y phục thường ngày có số lượng lớn hơn y phục lễ hội rất nhiều. Thực tế đó có thể lý giải theo hai cách: ở nhiều tộc người, trang phục thường ngày và trang phục lễ hội chỉ là một, điều khác duy nhất là trong lễ hội chị em mặc những bộ trang phục có màu sắc đẹp, còn mới và đeo nhiều đồ trang sức. Nguyên nhân thứ hai là những bộ trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội được các bà, các mẹ rất trân trọng giữ gìn. Nó chỉ mặc một thời gian ngắn trong dịp cưới, sau đó được cất cẩn thận trong rương trong hòm, khi chết mới lấy ra mặc cho người quá cố. Đồng bào quan niệm: khi chết nếu mặc những bộ trang phục trong ngày cưới, vợ chồng mới tìm thấy nhau ở thế giới bên kia. Do đó, họ không dễ bán hoặc tặng.

- Trang phục của những người hành nghề tín ngưỡng như trang phục thầy tào, thầy cúng, thầy mo, bà then... có

số lượng rất ít. Hiện nay Bảo tàng mới sưu tập được loại trang phục này của ba dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay. Sở dĩ có tình trạng trên, theo chúng tôi: lực lượng hành nghề tín ngưỡng chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong cộng đồng dân cư. Mặt khác, trong thời kỳ chống mê tín dị đoan trước đây các hiện vật có liên quan đến tín ngưỡng không được phân loại cụ thể, tất cả đều bị tịch thu và phá huỷ! Chỉ có một số ít được chuyển giao về Bảo tàng. Cũng cần nói thêm rằng trang phục của thầy mo, tào, pụt, không có sự khác biệt lớn. họ có thể mặc cùng một loại trang phục để tiến hành các nghi lễ khác nhau.

- Trong những năm trước đây, khi trưng bày những bộ trang phục của thầy mo, thầy tào, bà then trong Bảo tàng, nhiều ý kiến cho rằng lợi bất cập hại vì như vậy vô tình làm cho mê tín dị đoan trỗi dậy. Cần có nhận thức đúng đắn rằng việc sưu tầm và trưng bày các hiện vật đó trong bảo tàng là cần thiết, nó có ý nghĩa trong việc gìn giữ và giới thiệu di sản văn hoá các dân tộc nói chung. Thực tế đã chứng minh rằng, hiện nay giới trẻ của nhiều dân tộc không thể hình dung được những bộ trang phục dùng khi hành lễ của dân tộc mình như thế nào. Nếu có chăng đó chỉ là những bộ áo dài may kiểu năm thân như áo dài của nam giới người Kinh xưa kia.

- Trang phục truyền thống của các dân tộc được sưu

tầm trong thời gian gần đây thể hiện rất rõ yếu tố giao lưu văn hoá giữa các tộc người. Hiện tượng dùng vải công nghiệp để may trang phục, dùng vải hoa khâu ghép trong các bộ phận trang phục thay cho hoa văn dệt, hoa văn thêu ngày càng phổ biến. Những bộ trang phục được khâu bằng tay ngày càng ít dần, thay thế vào đó là những bộ trang phục được may bằng máy công nghiệp... Chính những điều đó đã làm cho chất dân tộc, chất truyền thống ngày càng mai một dần.

Trong cuộc sống hiện nay, nhiều nét đẹp về văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần của các dân tộc thiểu số nói chung đang ngày càng biến đổi. Khi đến các vùng dân tộc kể cả vào những dịp lễ tết, hội hè, phiên chợ... chúng ta ít thấy những người mặc đủ bộ trang phục cổ truyền của dân tộc mình.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc gìn giữ và bảo tồn vốn di sản văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền núi, nhưng trong thực tế, hiện tượng rời xa vốn văn hoá truyền thống dân tộc ngày càng gia tăng; xu hướng nhập ngoại, sùng bái đồ ngoại, bắt chước lai căng... đã huỷ diệt vốn văn hoá cổ truyền của cha ông. Chính vấn đề này đòi hỏi các nhà nghiên cứu dân tộc học cần tiếp tục tìm hiểu, khai thác sâu hơn những gì

đang tồn tại trong cuộc sống hàng ngày của các tộc người. Công tác bảo tàng hãy góp phần làm sống lại những giá trị văn hoá quý báu của cha ông để nó phục vụ cho chính cuộc sống ngày hôm nay và phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước, của dân tộc trong tương lai.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG SƯU TẬP TRANG PHỤC CỦA BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong quá trình hình thành và xây dựng các sưu tập hiện vật bảo tàng, sưu tập trang phục luôn chiếm vị trí quan trọng trong mọi hoạt động của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Hiện nay hiện vật là chất liệu vải trong kho Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam có trên 3.000 hiện vật, đây là loại hiện vật có số lượng lớn và chủ yếu là trang phục của 54 thành phần dân tộc Việt Nam gồm nhiều ngành nhóm địa phương.

Việc xây dựng sưu tập trang phục các tộc người và nhóm ngôn ngữ ở nước ta là một nhu cầu khách quan để tiếp cận chân dung văn hoá của các dân tộc nhưng nó là một quá trình lâu dài, phức tạp cần tới sự đóng góp ý kiến của nhiều nhà khoa học. Căn cứ vào nội dung cụ thể và hình thức hoạt động của một bảo tàng lịch sử xã hội, thực chất là một bảo tàng chuyên ngành dân tộc học, trong hoạt

động thực tiễn của mình. Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam đã và đang có định hướng cụ thể để xây dựng các bộ sưu tập trang phục của các tộc người, khi tiến hành công việc này cần tập trung giải quyết các vấn đề khoa học cơ bản sau đây:

- Xác định các thành tố của y phục và trang sức của một tộc người cụ thể có nghĩa là xem những yếu tố nào của y phục (khăn, mũ, áo, quần...) và đồ trang sức (vòng cổ, vòng tay, vòng chân,...) có hay không có ở tộc người đó để có kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm bổ sung hoàn chỉnh bộ sưu tập.

- Xác định ở một người cụ thể (phụ nữ, đàn ông, trẻ em...) của một tộc người có bao nhiêu bộ trang phục dùng trong ngày thường, lễ hội, cưới xin, tang ma... Nghiên cứu kỹ thuật cắt may, màu sắc, cách trang trí hoa văn trên các bộ trang phục đó. Đây là vấn đề rất khó nhưng nếu làm được sẽ góp phần làm tăng giá trị của sưu tập.

- Xác định cách thức ăn vận y phục và trang sức của các tộc người, các đối tượng cụ thể (nam, nữ, trẻ em...) trong từng hoàn cảnh cụ thể như hàng ngày, lễ hội, cưới xin, tang ma... nhằm hiểu thêm phong tục tập quán có liên quan đến trang phục.

Từ những vấn đề khoa học cơ bản như trên chúng ta đã có thể xây dựng sưu tập trang phục theo các tiêu chí sau:

- Xây dựng sưu tập hiện vật theo từng tộc người

Trong một số tộc người có thể xây dựng sưu tập theo từng nhóm địa phương. Đây có thể được coi là một đặc thù, một kiểu sưu tập dễ thực hiện. Mỗi tộc người đều có yếu tố văn hoá đặc trưng riêng, đặc biệt trang phục được coi là một thành tố quan trọng phân biệt tộc người này với tộc người khác, có nhiều tên gọi dân tộc được gắn liền với trang phục như: Người H'mông Hoa mặc váy thêu hoa văn rực rỡ, người Dao Đỏ mặc áo gắn nhiều núm bông đỏ trước ngực... Loại sưu tập này có thể thực hiện được vì phạm vi của nó vừa và nhỏ.

- Xây dựng sưu tập hiện vật dựa vào nhóm ngôn ngữ

Ngôn ngữ là sản phẩm văn hoá đặc thù, là một trong những tiêu chí quan trọng để tìm ra quan hệ nguồn gốc lịch sử tộc người. Ngôn ngữ gắn liền với xã hội, nghiên cứu ngôn ngữ sẽ hiểu được xã hội, hiểu được lịch sử quan hệ xã hội.

Hệ thống trưng bày của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam chủ yếu dựa trên hệ thống phân loại ngôn ngữ do Viện Dân tộc học đề ra. Với 5 phòng trưng bày chính là phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Việt - Mường; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Tày - Thái; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Kàđai, H'mông - Dao, Tạng - Miến; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Malayô Pôlynêdi, Hán - Hoa, như vậy

nội dung trưng bày của Bảo tàng không chỉ dựa trên sự phân loại ngôn ngữ mà còn kết hợp với yếu tố văn hoá vùng miền (đưa nhóm Tạng - Miến từ ngữ hệ Hán - Hoa vào cùng phòng với nhóm Kadai, H'mông - Dao ngữ hệ Nam Á vì cả ba nhóm này đều cư trú ở vùng núi cao phía Bắc Việt Nam).

Tuy nhiên xây dựng sưu tập hiện vật dựa trên tiêu chí nhóm ngôn ngữ sẽ tạo nên những bộ sưu tập hiện vật quá lớn vì trong mỗi nhóm lại chứa nhiều chủ đề nội dung khác nhau nên rất khó theo dõi và bảo quản hiện vật.

- Xây dựng sưu tập dựa vào loại hình công dụng của hiện vật

Phương pháp này sẽ tạo nên sự phong phú đa dạng cho sưu tập và dễ đối chiếu so sánh giữa các tộc người, giữa các vùng, các thời kỳ lịch sử. Với phương pháp này chúng ta có thể xây dựng được các bộ sưu tập: trang phục cưới xin, trang phục lễ hội, trang phục tín ngưỡng... một cách khá trọn vẹn. Tuỳ theo yêu cầu nội dung của từng cuộc trưng bày chúng ta có thể giới thiệu sưu tập đó theo những phạm vi rộng hay hẹp khác nhau (theo tộc người, theo vùng văn hoá hay theo nhóm ngôn ngữ). Ví dụ, có thể giới thiệu sưu tập đồ nấu rượu của các dân tộc nhóm Tày - Thái hoặc sưu tập đồ nấu rượu của các dân tộc vùng Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, miền Bắc, miền Trung, miền Nam hoặc cả nước Việt Nam.

- Xây dựng sưu tập dựa trên chất liệu hiện vật như đồ vải, đồ giấy, đồ sành sứ, đồ mây tre đan...

Trong quá trình xây dựng sưu tập có thể kết hợp các tiêu chí trên nhằm tạo hiệu quả cao cho công tác trưng bày và bảo quản hiện vật. Ngoài ra, việc xây dựng sưu tập còn dựa vào các tiêu chí như phản ánh theo giới tính (trang phục đàn ông, trang phục đàn bà, trang phục trẻ em...); phân biệt theo các tầng lớp xã hội (trang phục triều đình, trang phục bình dân, trang phục vua quan, trang phục nông dân); phân theo hoạt động xã hội (trang phục lao động, trang phục hội hè, trang phục trong hôn nhân, trang phục trong tang ma...); phân theo kĩ thuật cắt may và hình thức (áo xẻ ngực, áo chui đầu, áo xẻ nách, quần ngắn, quần dài, quần xẻ đũng, lá toạ, váy ống, váy quần...); phân theo vùng văn hoá (vùng Đông Bắc, Tây Bắc, đồng bằng, trung du...) nhằm tạo nên hệ thống phân loại chính, kèm theo hệ thống phân loại phụ để vừa bảo đảm mục đích bảo quản tốt nhất cho hiện vật vừa bảo đảm mục đích sử dụng chúng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học.

Sự phân loại và hệ thống hoá hiện vật trong kho bảo tàng là phương tiện cần thiết để nghiên cứu so sánh giữa các hiện vật để xây dựng các sưu tập có ý nghĩa khoa học độc lập, giúp cho công tác tra cứu khai thác sử dụng được thuận lợi, tạo điều kiện để bảo quản hiện vật lâu dài.

Các giải pháp xây dựng sưu tập hiện vật đã trình bày ở trên chỉ mang ý nghĩa tổng quát. Qua hoạt động thực tiễn của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam chúng tôi thấy có một số hiện vật thường chứa thông tin đa chiều, các yếu tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hoá xã hội đan xen trong một hiện vật ở những góc độ khác nhau biểu đạt những ý nghĩa khác nhau.

Ví dụ chiếc áo của thầy tào dân tộc Tày thuộc lĩnh vực văn hóa vật chất nhưng mô típ hoa văn trên áo lại thể hiện yếu tố thẩm mỹ, nghệ thuật tạo hình dân gian (thuộc văn hóa tinh thần). Do đó trong quá trình xây dựng sưu tập có thể kết hợp một số tiêu chí với nhau, theo truyền thống chúng ta thường chia hiện vật theo hệ thống chung, rồi lại chia theo hệ thống phụ tùy theo dấu hiệu đặc trưng của từng hiện vật. Như vậy rất phù hợp với mục đích bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy tác dụng của các hiện vật bảo tàng.

Xây dựng sưu tập theo nhóm ngôn ngữ sẽ tạo nên một sưu tập lớn (cực đại). Trong sưu tập “cực đại” lại chứa đựng nhiều sưu tập nhỏ với những cấp độ khác nhau. Nếu chỉ dừng ở cấp độ “cực đại” thì rất khó thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập cụ thể.

Loại sưu tập theo nhóm ngôn ngữ ít được thực hiện trong kho bảo quản, nó chỉ hình thành khi bảo tàng tổ chức

các cuộc triển lãm giới thiệu đặc trưng văn hoá các dân tộc Việt Nam. Trong quá trình triển lãm, cán bộ trưng bày đã xây dựng các tổ hợp hiện vật để làm nổi bật đặc trưng văn hóa của một nhóm ngôn ngữ hay một vùng văn hoá. Các tổ hợp hiện vật trưng bày chỉ mang tính tạm thời, sau các cuộc triển lãm nó lại được trả về kho cơ sở để bảo quản theo sưu tập chất liệu hay theo dân tộc.

Sưu tập hiện vật xây dựng theo tiêu chí dân tộc cũng là một loại sưu tập lớn vì nó bao trùm các khía cạnh của cuộc sống tộc người. Một số dân tộc có nhiều nhóm địa phương, văn hoá của họ cũng có những nét rất khác nhau nên mỗi nhóm lại hình thành những sưu tập nhỏ riêng.

Việc lập sưu tập hiện vật theo dân tộc tạo điều kiện tìm ra nét đặc trưng riêng của từng nhóm địa phương do đó có thể lựa chọn được hiện vật điển hình để trưng bày.

Chẳng hạn, nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer có 21 tộc người cư trú suốt từ Bắc vào Nam, văn hoá của họ có nhiều nét tương đồng với văn hóa của một số nhóm khác. Khi trưng bày, không thể giới thiệu đầy đủ 21 tộc người của nhóm. Dựa vào sưu tập theo dân tộc có thể lựa chọn những hiện vật điển hình để trưng bày.

Sưu tập hiện vật được xây dựng theo chức năng sử dụng hoặc chất liệu hiện vật là loại sưu tập ở cấp độ trung bình để xây dựng, dễ hoàn chỉnh.

Từ những phân tích trên có thể rút ra những kết luận sau:

- Bộ sưu tập lớn (cực đại) chứa nhiều sưu tập nhỏ ở những cấp độ khác nhau. Đơn vị sưu tập cuối cùng gọi là cực tiểu.

- Xuất hiện càng nhiều dấu hiệu tạo thành sưu tập thì quy mô của nó càng nhỏ và càng dễ thực hiện.

- Càng ít dấu hiệu tạo thành dấu hiệu sưu tập thì quy mô của nó càng lớn và càng khó thực hiện ở dạng hoàn chỉnh lý tưởng.

- Trình tự xây dựng nên đi từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

Như vậy sự hình thành sưu tập có thể bằng nhiều con đường:

- Có một hoặc nhiều dấu hiệu giống nhau

- Được hình thành do cùng phản ánh một chủ đề, một sự kiện nào đó.

- Được hình thành do cùng một chất liệu hoặc cùng một công dụng.

Thực tế, trong các bảo tàng có những sưu tập bao gồm nhiều loại hiện vật có chất liệu khác nhau do đó việc đánh số hiện vật và vào sổ phải chính xác và rõ ràng. Những

hiện vật có chất liệu khác nhau sẽ đưa vào bảo quản ở những kho khác nhau nhưng chúng vẫn nằm trong một bộ sưu tập. Mỗi hiện vật của sưu tập đều được đánh số chung theo thứ tự ghi trong sổ kiểm kê bước đầu. Tuy nhiên để nắm rõ sưu tập có bao nhiêu hiện vật đơn lẻ nên dùng lũy thừa bằng số từ hàng đơn vị để ghi số cho từng hiện vật.

Ví dụ bộ trang phục của cô dâu Dao Đỏ có 15 hiện vật đơn lẻ. Số kiểm kê bước đầu của bộ trang phục là 2537. Khi đánh số cho từng hiện vật cụ thể sẽ theo phương thức sau: khăn đội đầu 25371, áo ngắn 25372, áo dài 25373, thắt lưng 25374...

Khi xây dựng xong các bộ sưu tập người ta thường nghiên cứu và xuất bản catalogue ảnh cho từng sưu tập, nhất là những sưu tập có giá trị. Đây là một công bố khoa học để giao lưu, trao đổi với các nhà sưu tập, các bảo tàng trong nước và trên thế giới. Khi công bố catalogue ảnh về sưu tập hiện vật người ta thường sử dụng ảnh có kích cỡ 12 x 18cm về từng hiện vật đơn lẻ trong sưu tập và kèm theo những thông tin về hiện vật đó như tên gọi hiện vật, chất liệu (đơn chất hoặc đa chất liệu), hình dáng, hoa văn, kích thước, đặc điểm riêng (nếu có), thời gian chế tác, nơi chế tác, chủ nhân làm ra nó (nếu có), ý nghĩa, cách sử dụng. Cuối cùng là số đăng ký của hiện vật trong kho bảo tàng hay trong sưu tập.

Việc sử dụng sưu tập hiện vật còn có ý nghĩa rất lớn đối với những hoạt động khác của bảo tàng, đặc biệt là công tác trưng bày và tuyên truyền giáo dục.

Trưng bày là cách thức thể hiện rõ nhất kết quả hoạt động của các khâu công tác khác của bảo tàng. Các sưu tập hiện vật là một trong những điều kiện tiên quyết tạo nên sự độc đáo cho mỗi bảo tàng. Chúng tôi đặt giả thiết có hai bảo tàng cùng một loại hình đưa ra nội dung trưng bày giống nhau (chẳng hạn Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam và Bảo tàng dân tộc học) chính điều đó đã làm cho sức hấp dẫn của hai bảo tàng giảm sút đáng kể. Để giảm bớt sự trùng lặp đơn điệu giữa hai bảo tàng này và khẳng định được nét độc đáo riêng của từng bảo tàng nên chăng chúng ta cần lựa chọn phương pháp chỉ trưng bày những vấn đề mà bảo tàng có nhiều hiện vật nhất, có những bộ sưu tập phong phú độc đáo nhất, không nên trưng bày dàn trải. Chính những bộ sưu tập quý hiếm, độc đáo sẽ làm cho Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam khác với Bảo tàng Dân tộc học và các phần trưng bày dân tộc của bảo tàng các tỉnh.

Về mặt lý luận là như thế nhưng trên thực tế hiện vật dân tộc là hiện vật đương đại vẫn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày của các dân tộc. Việc lựa chọn và xây dựng những bộ sưu tập mang tính đặc trưng riêng cho từng bảo

tàng là điều khó khăn nhưng không phải là không làm được. Trong quá trình trưng bày chúng ta nên kết hợp hai yếu tố: yếu tố thứ nhất là dựa vào sưu tập hiện vật độc đáo đó, yếu tố thứ hai là giới thiệu vấn đề gì nên giới thiệu thật tỉ mỉ chi tiết - giới thiệu cả một quá trình từ A đến Z, không nên cái gì cũng đưa và cái gì cũng hỏi họt.

Ví dụ khi giới thiệu nghề dệt vải của người Tày cần giới thiệu cách trồng bông chàm, thu hoạch bông chàm, phương pháp chế biến nguyên liệu, các công đoạn kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu, đến các sản phẩm do nghề dệt làm ra, việc trao đổi buôn bán trên thị trường, công việc may vá thêu thùa làm ra trang phục...

Bằng cách trưng bày như vậy sẽ giúp cho công tác tuyên truyền giáo dục trong bảo tàng đạt hiệu quả cao. Qua những hiện vật gốc, đặc biệt là những bộ sưu tập hiện vật trưng bày trong bảo tàng sẽ giúp khách tham quan hiểu rõ về một chủ đề nào đó của lịch sử văn hoá tộc người, hiểu được nét đặc trưng văn hoá của một dân tộc hay một vùng lãnh thổ mà họ chưa có điều kiện đặt chân tới.

Khi tới tham quan bảo tàng, khách tham quan cảm nhận một sự thật bình dị nhưng lý thú là có nhiều hiện vật trưng bày trong bảo tàng vẫn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày. Sau buổi tham quan bảo tàng chắc chắn trong mỗi người sẽ có những suy nghĩ và ý thức trân trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá của chính mình, của chính dân tộc mình.

Tóm lại, xây dựng sưu tập hiện vật bảo tàng là con đường phải đi, là mục tiêu vươn tới của mỗi bảo tàng, việc làm đó giúp cho các bảo tàng tự khẳng định vị thế của mình trong hệ thống bảo tàng chung của cả nước.

Trong quá trình xây dựng sưu tập đã cho thấy sự đa dạng và rất phong phú của hiện tượng văn hoá trang phục trong đời sống các tộc người ở nước ta. Trang phục không chỉ thoả mãn nhu cầu mặc của con người mà thông qua nó các tộc người đã gửi gắm vào đó nhiều nếp sống, nhiều thông tin lịch sử và quan niệm thẩm mỹ, triết lý của mình về thế giới xung quanh. Chính điều đó đã làm cho hiện tượng văn hoá trang phục các tộc người ở Việt Nam trở thành sưu tập hiện vật vô giá phản ánh sắc thái văn hoá của các tộc người Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Sưu tập trang phục trở thành sưu tập quý hiếm và hấp dẫn khách tham quan trong và ngoài nước ở mọi lứa tuổi khi đến với Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Một số kiến nghị

Trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường, nhiều bộ trang phục truyền thống quý giá của các tộc người bị mai một dần. Muốn tìm kiếm những bộ trang phục quý để trưng bày trong Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam chúng ta cần coi trọng công tác nghiên cứu cơ bản để nhận diện chính xác và hiểu biết hiện tượng văn

hoá trang phục của các tộc người Việt Nam. Trên cơ sở đó định hướng nghiên cứu, sưu tầm bổ sung hoàn thiện các bộ trang phục truyền thống các tộc người. Những bộ trang phục quý không còn tồn tại trong cuộc sống hiện nay cần nghiên cứu, phục chế trên cơ sở đảm bảo tính nguyên gốc và trung thực.

Đối với số hiện vật hiện đang có trong kho cơ sở (nhất là các bộ trang phục) cần khẩn trương xây dựng các bộ sưu tập hiện vật dựa theo tiêu chí tộc người kết hợp với chất liệu và công dụng của chúng để phục vụ có hiệu quả...

Việc sưu tập hiện vật bảo tàng, nhất là sưu tập trang phục không chỉ giúp chúng ta nắm được thực trạng sưu tập trang phục của các tộc người để có kế hoạch sưu tầm và bổ sung mà còn có ý nghĩa khoa học trong việc bảo quản, tra cứu và phát huy tác dụng của chúng trong các khâu công tác của bảo tàng.

Xây dựng hoàn chỉnh các sưu tập hiện vật quý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác trưng bày và tuyên truyền bởi các sưu tập hiện vật là một trong những điều kiện quan trọng tạo sự độc đáo, hấp dẫn cho mỗi bảo tàng.

KẾT LUẬN

Trang phục là thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, nó vận hành sống động trong cuộc sống cư dân. Để có những bộ trang phục che thân, đồng bào các tộc người đặc biệt là chị em phụ nữ đã trải qua quá trình tìm tòi học hỏi và sáng tạo lâu dài. Từ việc tìm đất phát nương trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt vải, tìm kiếm màu nhuộm, sáng tạo mẫu mã hoa văn... đã hình thành nên nghề dệt vải ở nhiều dân tộc. Đây thực sự là một cuộc cách mạng đánh dấu bước phát triển vượt bậc của con người, từ chỗ “ăn lông ở lỗ” đã biết sản xuất ra vải để che thân. Trang phục trước hết giúp cho con người tránh được sự xâm hại của côn trùng và tránh được khí hậu giá rét, ẩm ướt, nóng nực của môi trường.

Cùng với sự phát triển của cuộc sống, nhu cầu mặc của cư dân nhóm Việt - Mường, Tày - Thái không ngừng biến đổi. Từ chỗ mặc đơn giản với những loại vải thô cứng dần dần công nghệ dệt vải được cải tiến đã tạo nên nhiều mẫu mã hoa văn đẹp. Kiểu dáng cắt may trang phục cũng được lựa chọn, cải biên phù hợp với tâm lý, thị hiếu, óc thẩm mỹ, phong tục tập quán, điều kiện kinh tế tự cấp tự túc của

cư dân. Trang phục ngày càng đáp ứng nhu cầu “làm đẹp” của con người.

Trang phục nhóm Việt - Mường, Tày - Thái là sản phẩm văn hoá có lịch sử ra đời và phát triển sớm. Nhiều ý kiến đặt vấn đề hoa văn trên cặp váy Mường có trước hay xuất hiện song song với hoa văn trống đồng Đông Sơn. Dù xuất hiện trước hay sau hoa văn trống đồng thì hoa văn trên váy của người Mường nói riêng và các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, Việt - Mường nói chung là một trong những nguồn sử liệu quý hiếm khi nghiên cứu về lịch sử văn hoá tộc người.

Trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái tuy giản dị, mộc mạc nhưng chứa đựng những giá trị đặc trưng riêng, đã tạo được sự độc đáo trong kiểu dáng cắt may, trong bố cục đồ án hoa văn trên trang phục, điều đó chứng tỏ sức mạnh trường tồn của giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn một phần trên trang phục của các tộc người.

Trang phục nhóm Việt - Mường, Tày - Thái đa dạng về chủng loại, phong phú về hình thức không những đáp ứng được nhu cầu sử dụng mà còn thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ và nhu cầu tín ngưỡng của các cư dân.

Ngoài giá trị vật chất, trang phục còn phản ánh giá trị tinh thần, xã hội. Trong chu kỳ đời người, trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng, trong nhân sinh quan, vũ trụ quan của các tộc người Việt - Mường, Tày - Thái trang phục có ý nghĩa và giá trị to lớn. Trang phục dùng trong tôn giáo tín

ngưỡng có sự phân biệt đẳng cấp rõ ràng. Những người hành nghề tín ngưỡng có phẩm hàm cao được xã hội coi trọng. Khi hành lễ họ mặc những bộ trang phục riêng, chính những bộ trang phục đó đã nâng cao uy tín, sự kính trọng của cộng đồng đối với họ. Sự linh thiêng trong buổi lễ được tăng lên, họ được coi là cầu nối giữa trần gian và âm giới, là người thay trời hành đạo, xua đuổi được các loại ma tà quỷ quái, đem lại sự bình yên, sức khỏe và hạnh phúc cho con người.

Trang phục lễ hội được cắt may cầu kỳ và trang trí đẹp. Khi “diện” bộ trang phục đẹp trong những dịp sinh hoạt văn hoá cộng đồng, đồng bào rất tự hào. Trang phục trước hết thể hiện điều kiện kinh tế của bản thân và gia đình họ.

Hơn nhau tấm áo manh quần

Cởi ra mình trần ai cũng như ai.

Sau nữa, trang phục còn ngầm khoe tài năng, sự khéo tay hay làm của chủ nhân chúng. Đặc biệt các cô gái chưa chồng khi đi dự hội họ rất tự hào về bộ trang phục đẹp của mình. Các chàng trai thường chú ý và tìm cách làm quen với họ. Nhiều cặp vợ chồng đã nên duyên trong những dịp vui chung của cộng đồng.

Trang phục dành cho người quá cố, không chỉ thể hiện đạo lý, tình cảm của người sống đối với người chết mà còn thể hiện tập tục, ước nguyện tìm thấy người thân (vợ - chồng) ở thế giới bên kia.

Trang phục cư dân nhóm Việt - Mường, Tày - Thái thể hiện rất rõ yếu tố giao lưu giữa các tộc người, các nhóm ngôn ngữ. Từ bao đời nay sự kết hôn giữa các tộc người thường xuyên diễn ra, mặt khác sự cộng cư, đan xen trên một địa bàn sinh sống (làng, bản, xã, huyện...) đã đẩy mạnh sự giao lưu, hoà nhập văn hoá - đó là điều không thể tránh khỏi. Trang phục Mường có nhiều nét tương đồng với trang phục người Kinh và người Thái. Trang phục Thái, Lào rất giống trang phục người Kháng, Xinh Mun (nhóm Môn - Khmer), trang phục nữ Sán Chay rất giống trang phục nữ Sán Dìu (nhóm Hán - Hoa)... Sự giao lưu văn hoá đã góp phần làm phong phú, đa dạng bản sắc văn hoá Việt Nam.

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế thị trường, nhiều yếu tố văn hoá truyền thống bị mai một trong đó có trang phục. Một đất nước, một dân tộc chỉ có thể phát triển bền vững khi biết khơi dậy những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của cha ông để làm giàu cho chính cuộc sống hôm nay.

Một thực tế đang diễn ra, ở nhiều tộc người hiện nay đã vắng bóng những bộ trang phục truyền thống trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều người, nhất là chị em phụ nữ rất ngại mặc trang phục truyền thống khi ra ngoài xã hội, họ cảm thấy lạc lõng hoặc lo địa vị thấp kém hơn người. Xu hướng may mặc giống người Kinh, giống người miền xuôi ngày càng tăng lên.

Mặt khác cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, ở một số địa phương đã phát triển những cơ sở sản xuất hàng thủ công để bán cho khách du lịch hoặc xuất khẩu. Đây là việc làm tích cực tạo công ăn việc làm và góp phần xoá đói giảm nghèo ở nông thôn. Bên cạnh mặt tích cực, những cơ sở này đã sản xuất gia công hàng loạt, sản phẩm làm ra mang tính hàng hoá, hàng công nghiệp. Nhiều bộ trang phục sản xuất ra được cải biên khác xa với trang phục truyền thống về chất liệu, màu sắc, cách thức cắt may. Hiện tượng dùng vải công nghiệp may y phục, dùng vải hoa khâu ghép vào các bộ phận y phục khá phổ biến ở các tộc người.

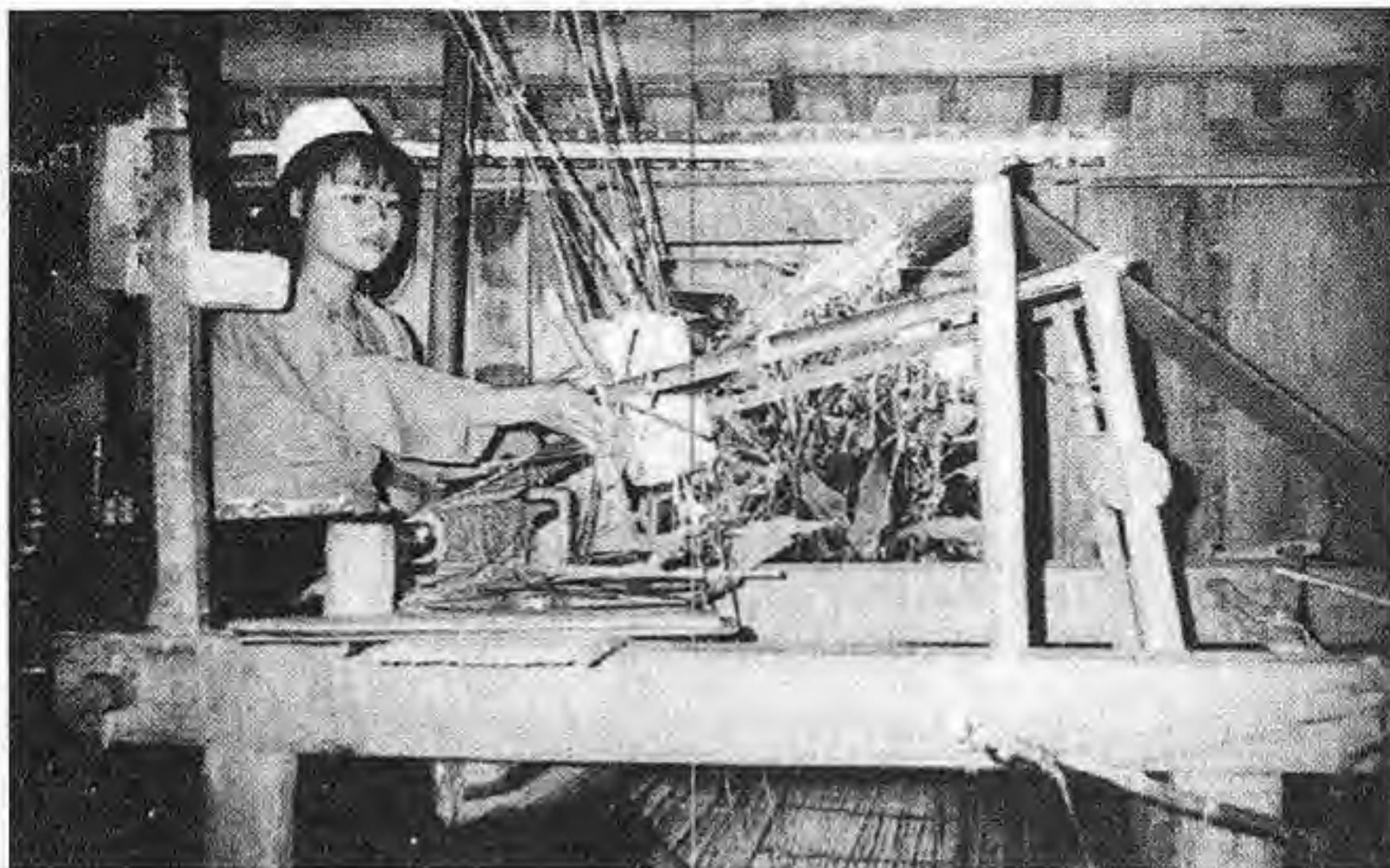
Đứng trước thực tế đó, việc nghiên cứu, sưu tầm trang phục truyền thống có giá trị đích thực để trưng bày giới thiệu trong các bảo tàng ngày càng trở nên khó khăn. Mặc dù có nhiều cố gắng, cán bộ bảo tàng đã dành nhiều tâm huyết đến các vùng xa xôi hẻo lánh - nơi kinh tế thị trường chưa xâm nhập mạnh để thu thập tài liệu hiện vật quý cho bảo tàng nhưng kết quả thu được chưa đáp ứng nhu cầu công việc đề ra.

Trong những năm tới chúng ta cần có những giải pháp và cách làm có hiệu quả hơn để lưu giữ lại được một bộ phận chân dung văn hoá các dân tộc đó là trang phục.

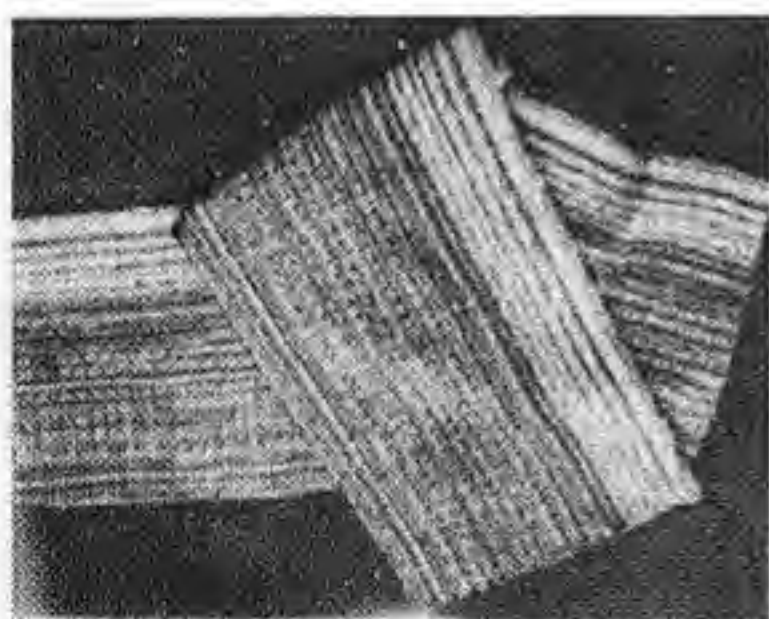
MỘT SỐ HÌNH ẢNH
VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ
NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG VÀ TÀY - THÁI

Ảnh: - ĐỖ THỊ HÒA
- TƯ LIỆU BẢO TÀNG

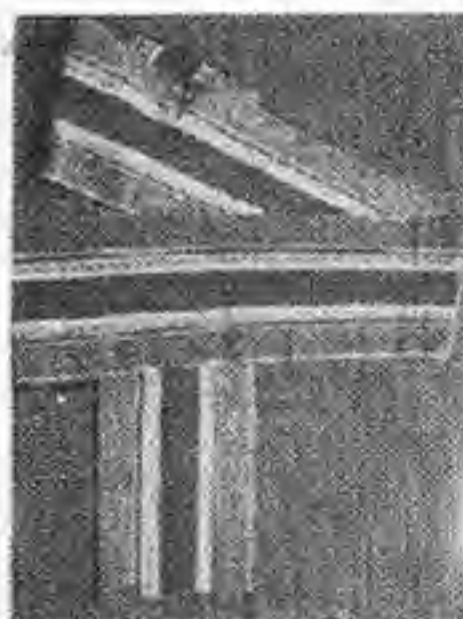
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MƯỜNG



Ảnh 1: Nghề dệt thủ công truyền thống của người Mường



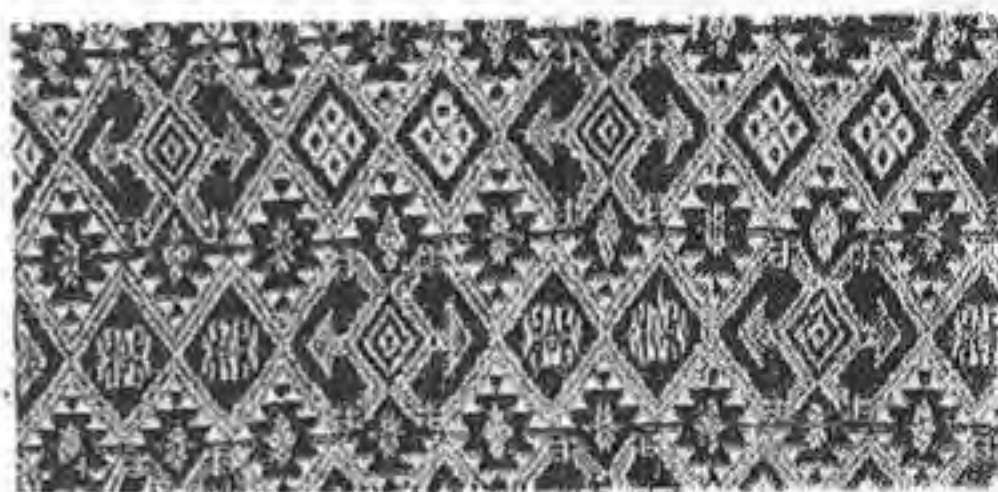
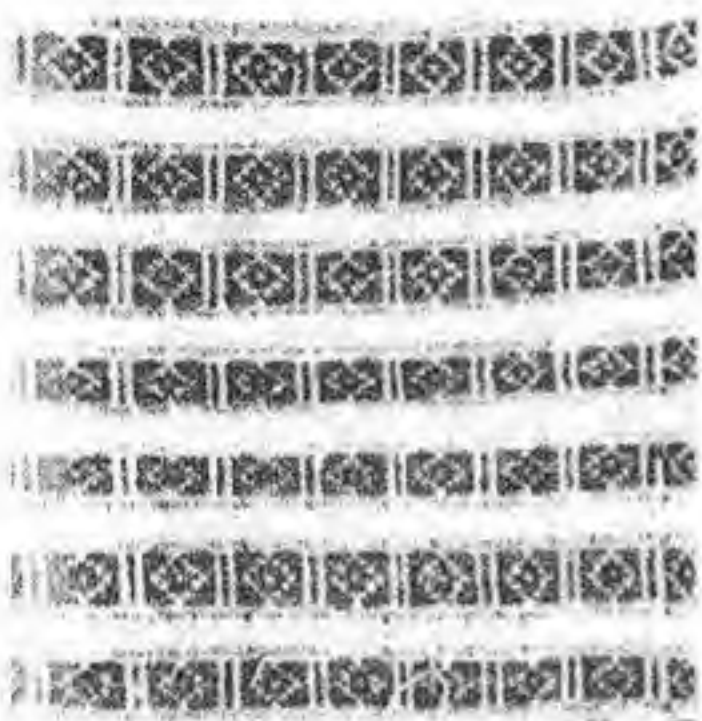
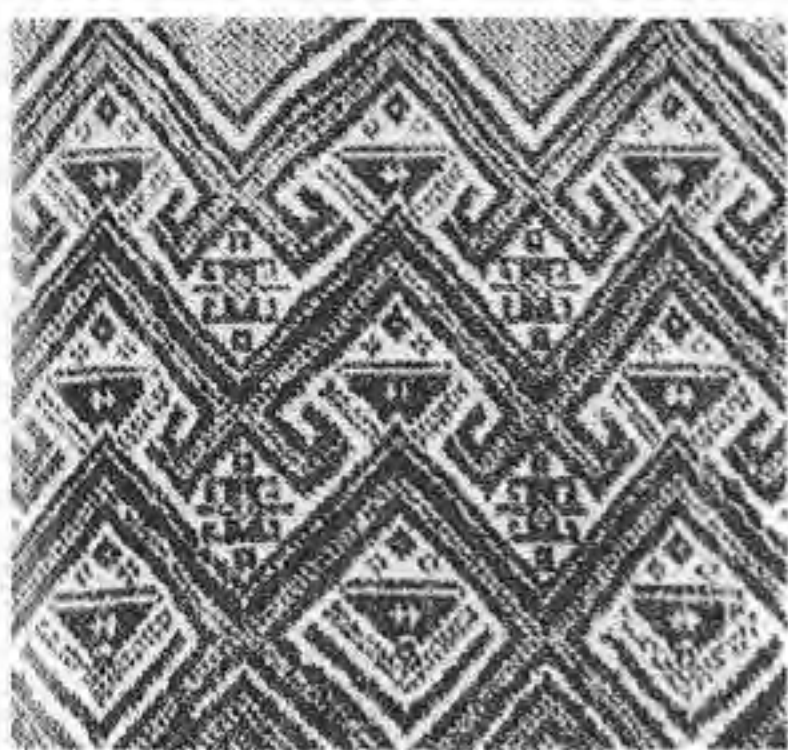
Ảnh 2: Một mẫu cạp váy người Mường Phú Thọ



Ảnh 3: Một mẫu cạp váy người Mường Hòa Bình

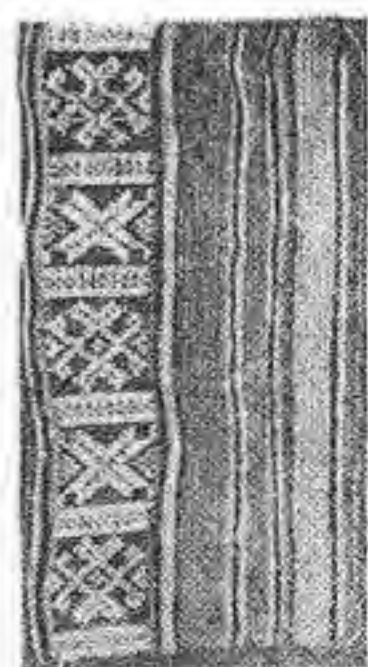
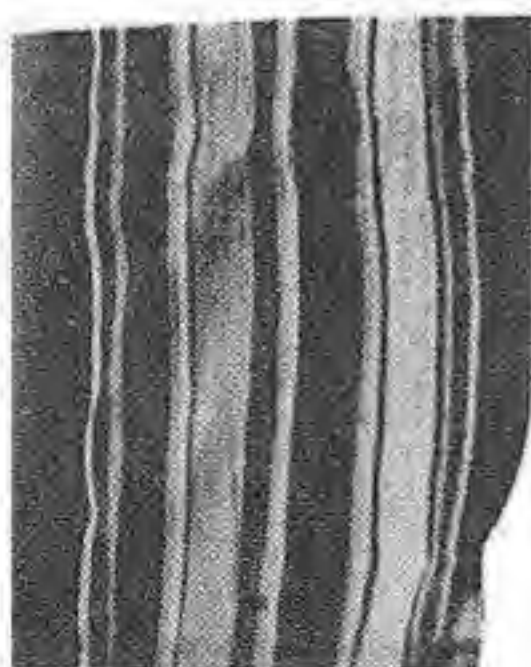


Ảnh 4: Một mẫu cạp váy người Mường Thanh Hóa



Ảnh 5: Một số mẫu thổ cẩm làm mặt chăn của người Mường

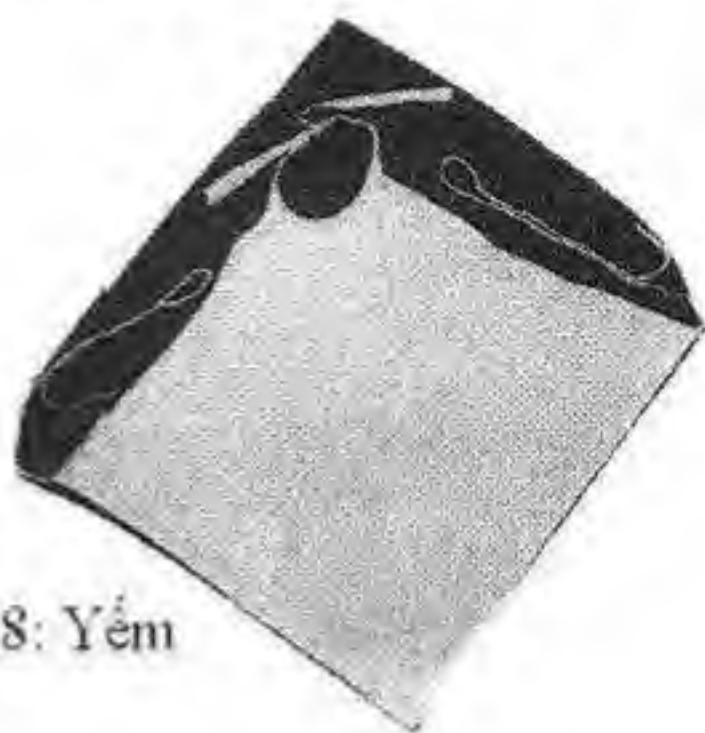
Ảnh 6: Thổ cẩm làm gối, túi của người Mường



Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ



Ảnh 7: Khăn đội đầu



Ảnh 8: Yếm



Ảnh 9: Áo ngắn cài khuy



Ảnh 10:
Váy ống



Ảnh 11:
Thắt lưng





Ảnh 12: Trang phục phụ nữ
Mường ở huyện Thanh Sơn
tỉnh Phú Thọ

Ảnh 13: Trang phục phụ nữ
Mường ở huyện Thanh Sơn
tỉnh Phú Thọ nhìn từ phía sau



Ảnh 14: Một kiểu trang phục
thường ngày của phụ nữ Mường
ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở tỉnh Hòa Bình



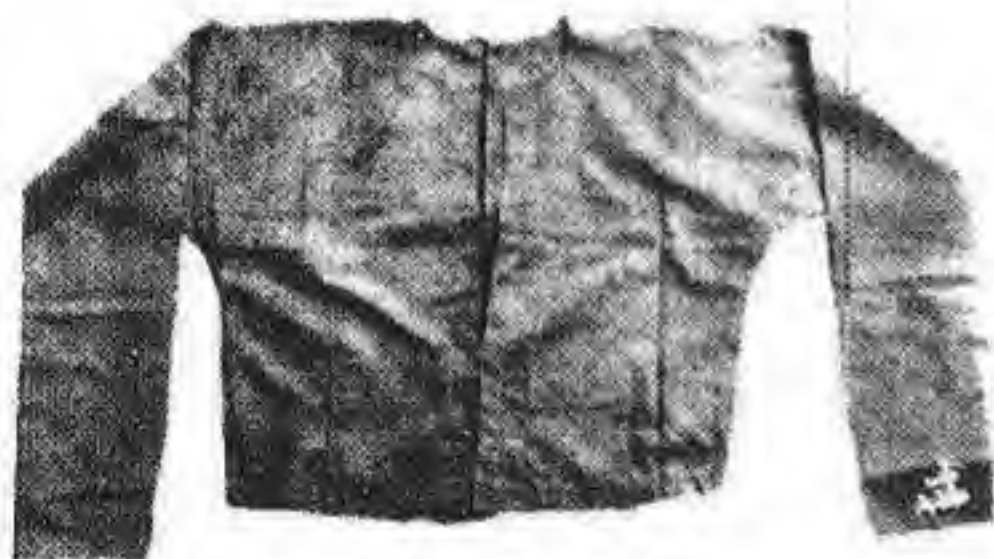
Ảnh 15:
Khăn đội đầu
màu trắng



Ảnh 16:
Yếm che ngực



Ảnh 18: Thắt lưng



Ảnh 17: Áo cánh ngắn



Ảnh 19: Váy

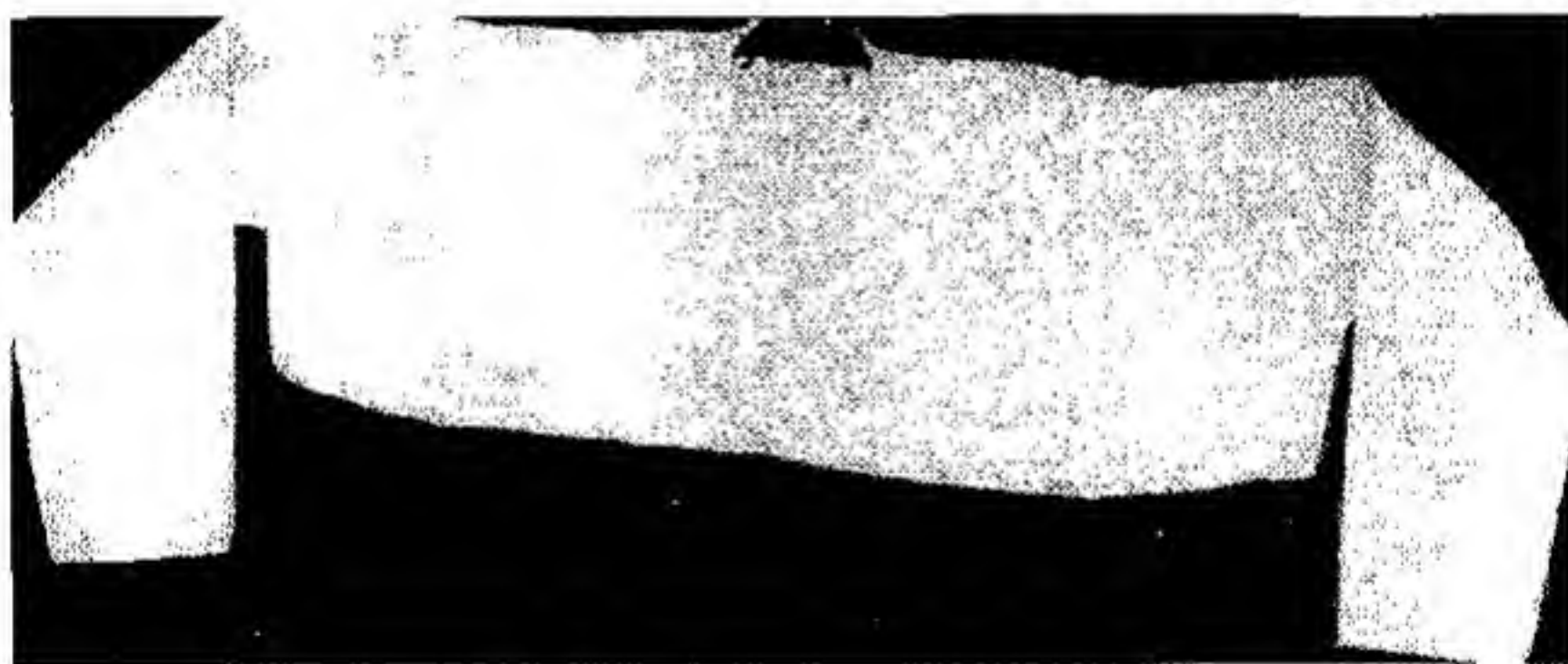


Ảnh 20: Cô gái
Mường Hòa Bình

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa



Ảnh 21: Khăn đội đầu



Ảnh 22: Áo ngắn (*pon cho*)



Ảnh 23:
Váy ống



Ảnh 24: Thắt lưng



Ảnh 25: Phụ nữ Mường ở Thanh Hóa

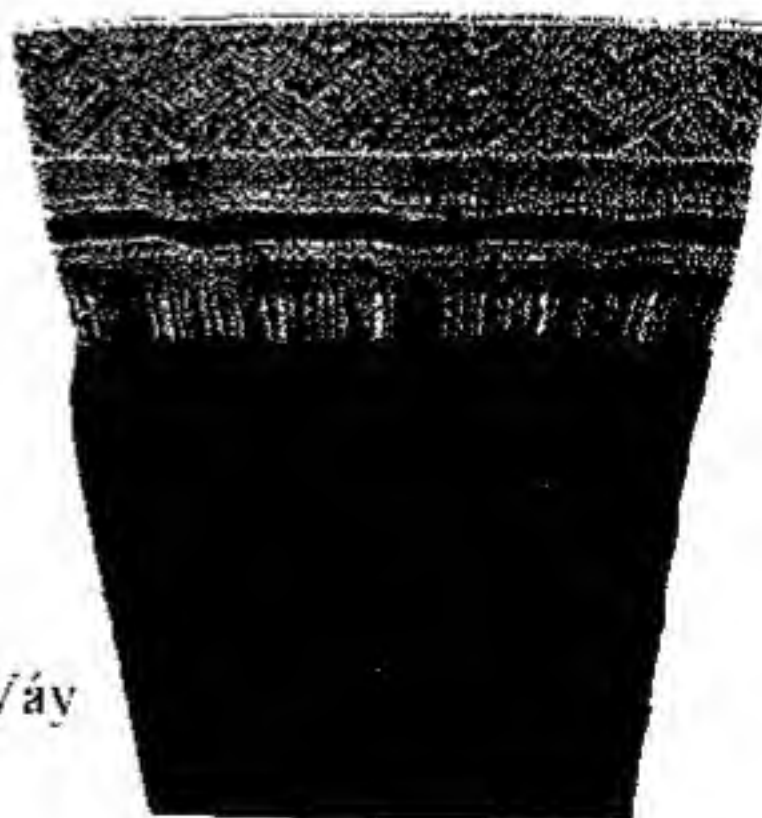
Bộ trang phục trong ngày cưới của phụ nữ Mường ở tỉnh Thanh Hóa



Ảnh 26: Khăn đội đầu



Ảnh 27: Áo ngắn



Ảnh 28: Váy



Ảnh 29: Áo dài

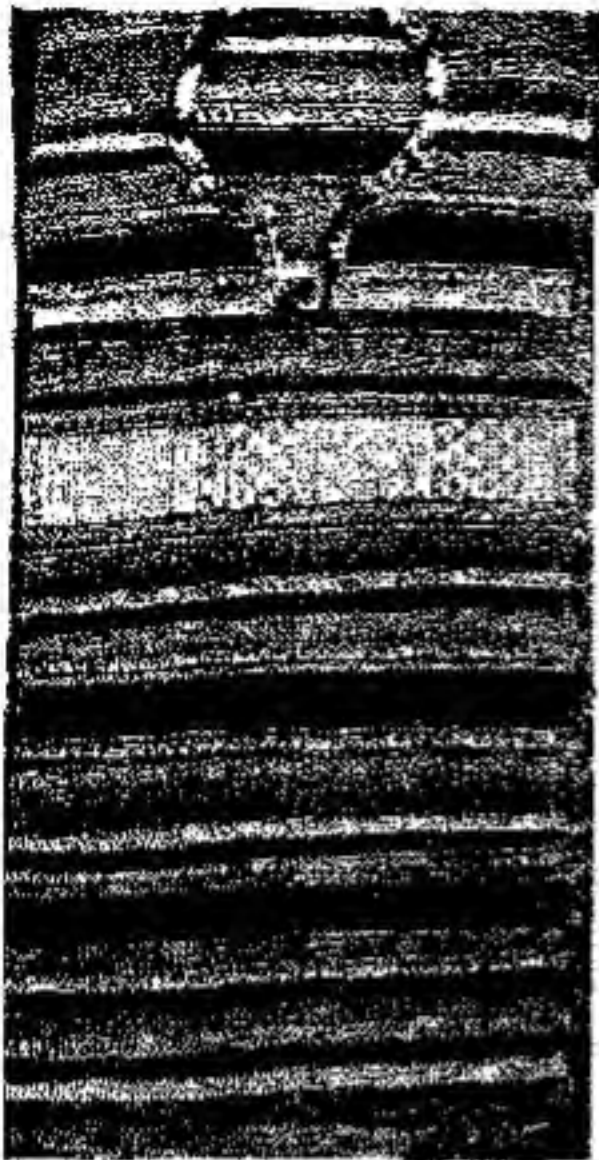


Ảnh 30: Thắt lưng

Trang phục tang lễ của người Mường



Ảnh 31: Trang phục trong nghi lễ tế quạ ma



Ảnh 32: Áo mặc trong mùa đũa ma
của người Mường ở Thanh Hóa

Ảnh 33: Trống dùng trong mùa đũa ma



Ảnh 34: Khăn
đội đầu dùng
trong mùa đũa ma



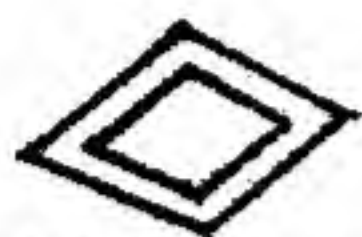
Ảnh 35: Gậy dùng trong mùa đũa ma

Trang phục thầy mo Mường



Ảnh 36

Một số hoa văn trên thổ cẩm Mường (Dựa theo sự giải thích của đồng bào Mường, chúng tôi chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)



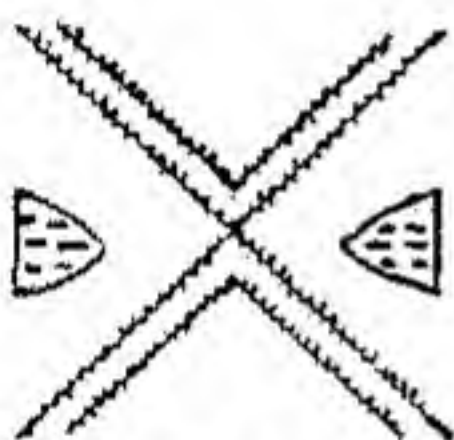
Ảnh 37: Quả trám



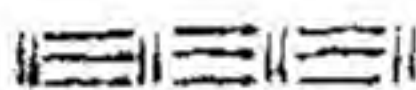
Ảnh 38: Con bướm
(con pưom)



Ảnh 39: Hoa đồng
(lô đồng)



Ảnh 41: Sao tám cánh
(con thỏ)



Ảnh 40: Xương rắn
(xương sắn)



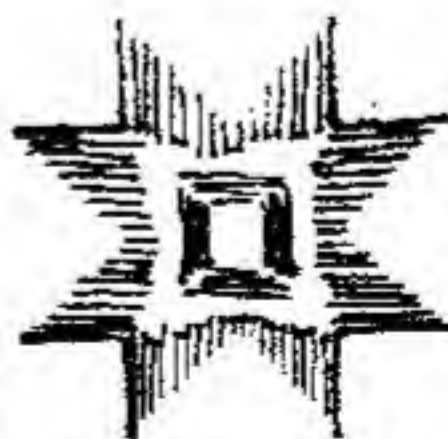
Ảnh 42: Nắp hòm
(bát hom)



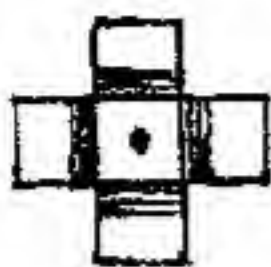
Ảnh 43: Đồng tiền
(tông sên)



Ảnh 44: Dây chéo (dây cheo)



Ảnh 45: Sao tám cánh
(pông ca) tức hoa cà



Ảnh 46: Hoa văn bốn cánh hoa cây bự (pông pự)



Ảnh 47: Móc câu (keo neo)



Ảnh 48: Đường chỉ màu đỏ (en tỏ)



Ảnh 49: Con rồng (con bông - con rôông)



Ảnh 50: Gai mùn (thong mun)



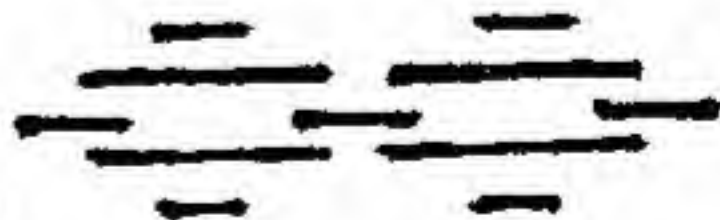
Ảnh 51: Hoa móc (lố neo)



Ảnh 52: Hoa sao (lô thao)



Ảnh 53: Trán con cạp (tránh hùm)



Ảnh 54: Con nhện (con dêêng)

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THỎ



Ảnh 55: Trang phục truyền thống của phụ nữ Thô



Ảnh 56: Trang phục truyền thống của nam giới người Thô

Ảnh 57: Váy “pưn pon” của người Thái được phụ nữ Thô ưa dùng



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CHỨT



Ảnh 58: Phụ nữ Chút có thói quen hút thuốc lá



Ảnh 59: Phụ nữ Chút vừa ẵm con vừa làm công việc trong gia đình

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI TÀY



Ảnh 60: Phụ nữ Tày ở xã Đà Vị
huyện Na Hang tỉnh Tuyên Quang



Ảnh 62: Trang phục phụ nữ Tày
ở vùng Cao Bằng, Lạng Sơn,
Bắc Kạn, Thái Nguyên

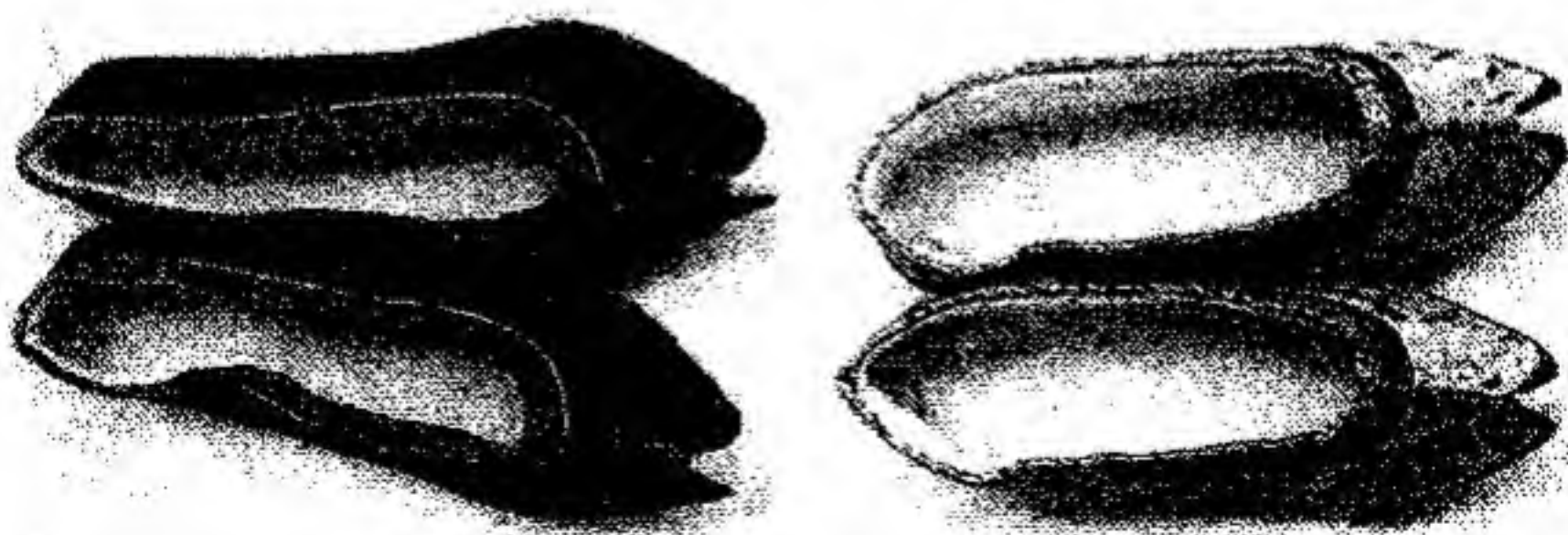




Ảnh 63: Giày vải đen dùng trong sinh hoạt hàng ngày



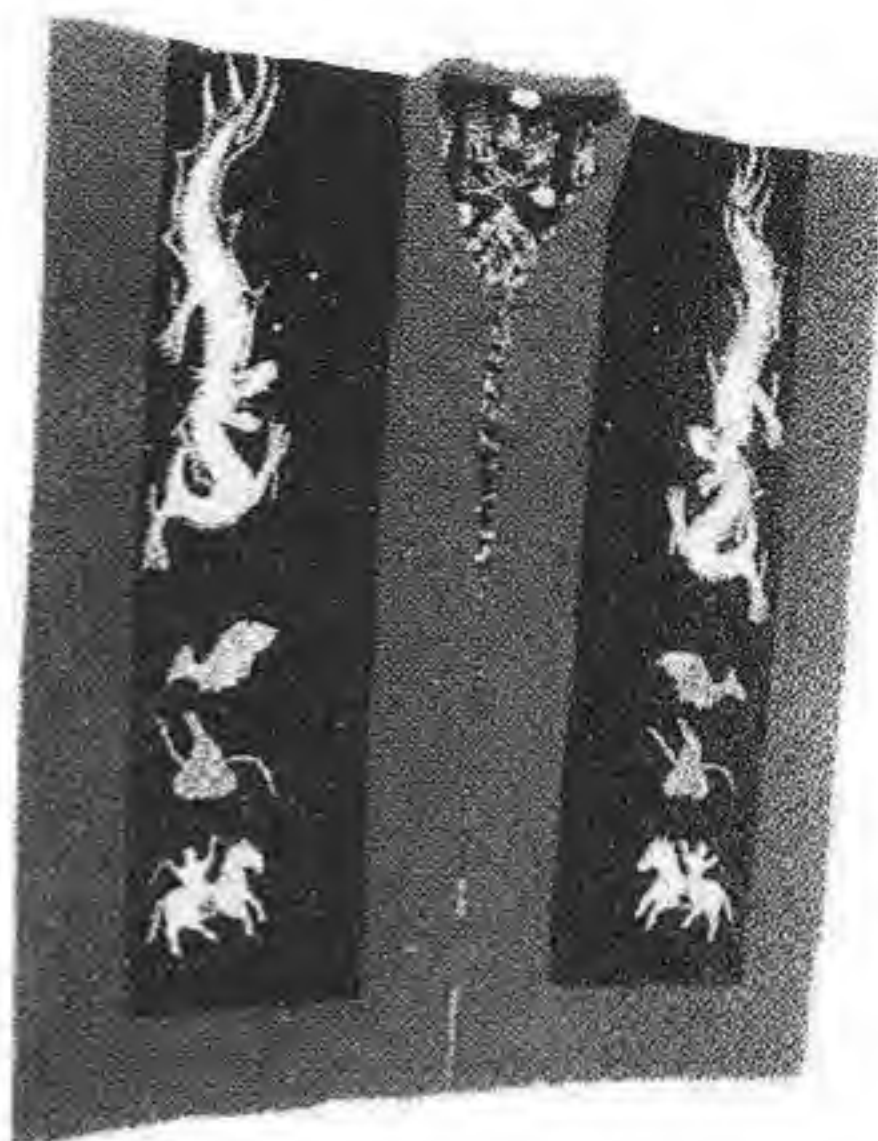
Ảnh 64: Y phục nam giới dân tộc Tày



Ảnh 65: Một số kiểu giày dùng trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ Tày

Trang phục thầy tào người Tày

Ảnh 66: Mặt trước áo thầy tào

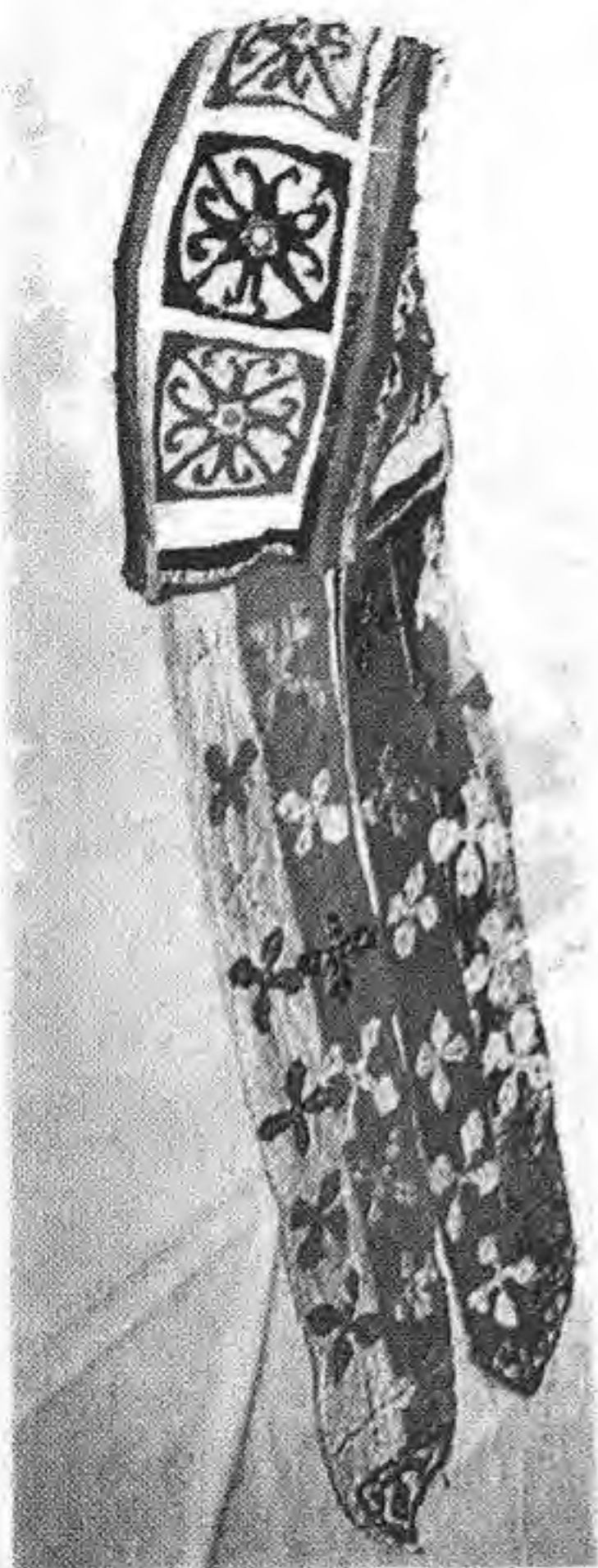


Ảnh 67: Mũ thầy tào
loại ngũ nhạc

Ảnh 68: Mặt sau áo thầy tào



Trang phục thầy mo người Tày



Ảnh 69: Mũ thầy mo dân tộc Tày ở thị trấn Quảng Uyên huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng



Ảnh 70: Mặt trước áo thầy mo dân tộc Tày ở thị trấn Quảng Uyên huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng



Ảnh 71: Mặt sau áo thầy mo

Trang phục làm then người Tày



Ảnh 72: Một cảnh trong lễ lầu then

Ảnh 73: Trang phục then nhìn từ phía sau



Ảnh 74: Chân dung then khi hành lễ





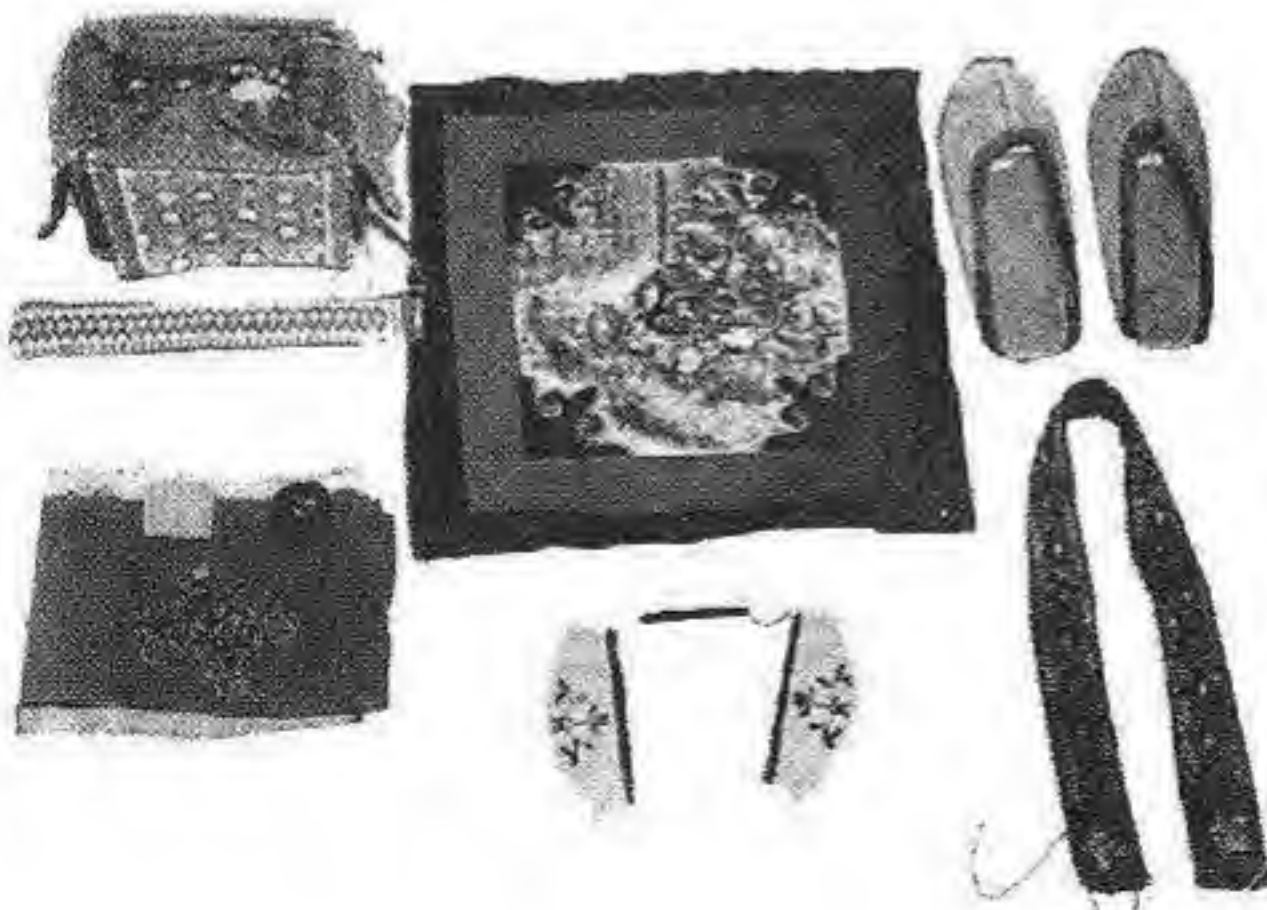
Ảnh 75: Áo làm then của người Tày ở huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn



Ảnh 76:
Mặt trước
mũ làm then

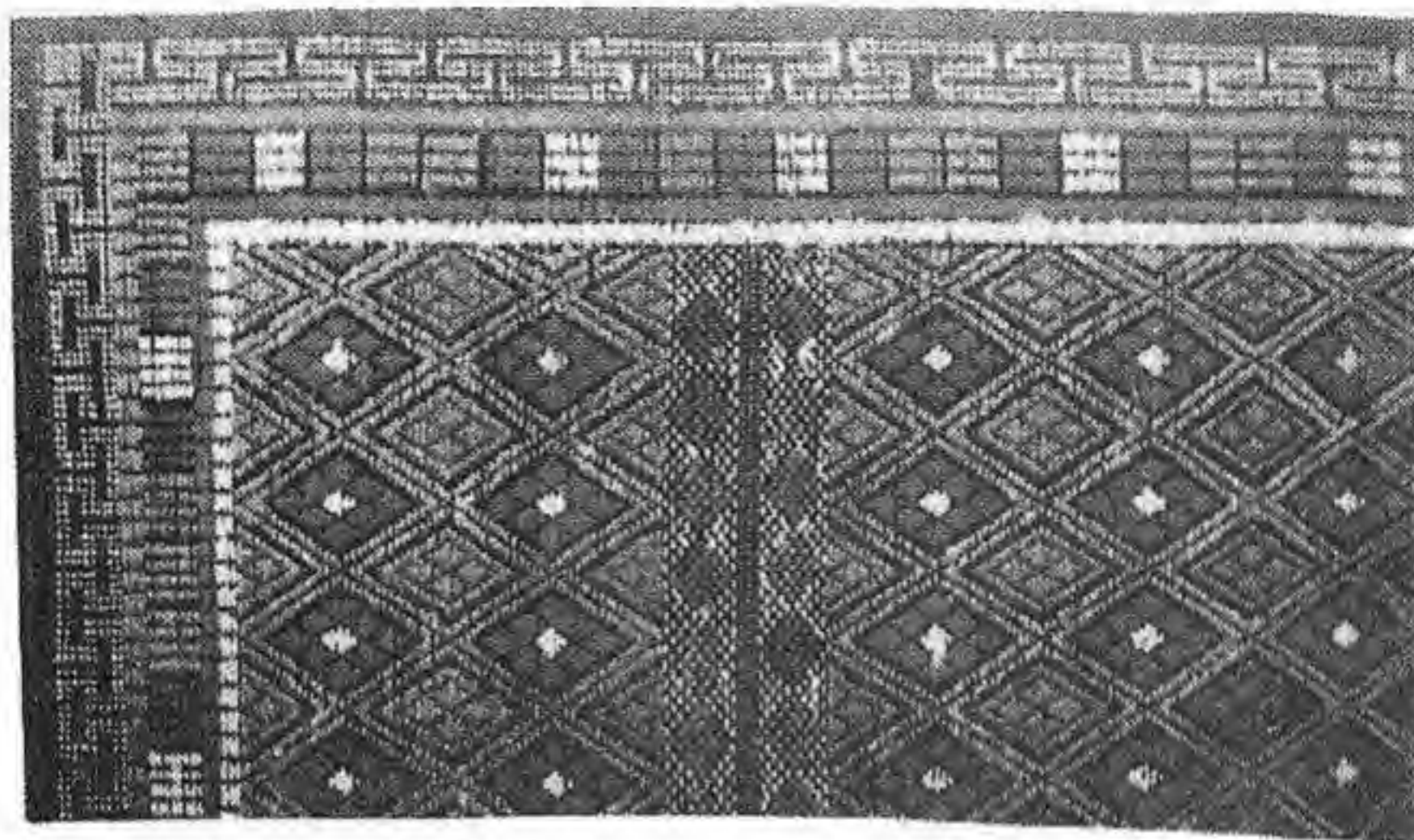


Ảnh 77: Mặt sau
mũ quạt làm then

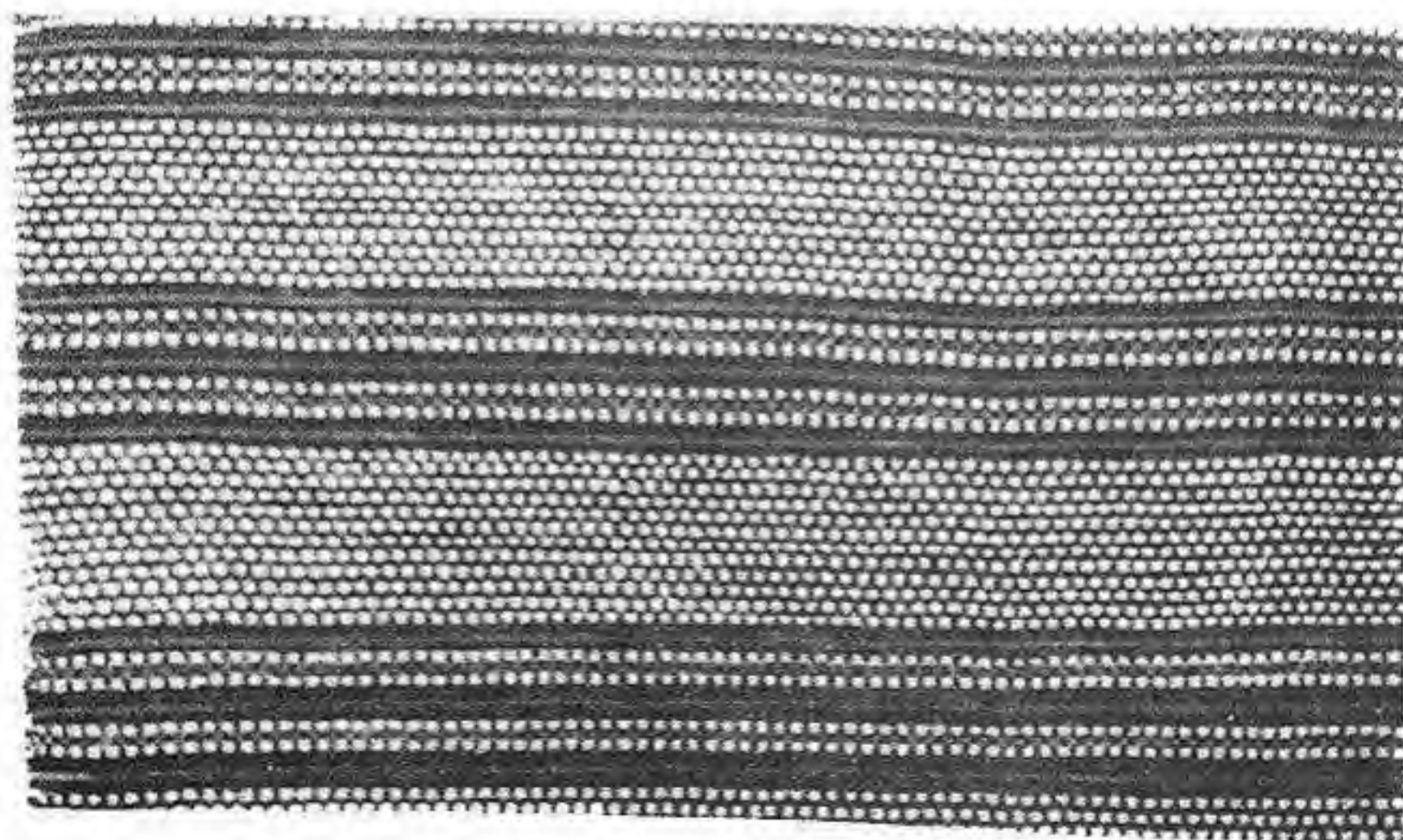


Ảnh 78: Bộ đồ làm then gồm giày vải, nhạc sóc, túi đựng, ấn tín...

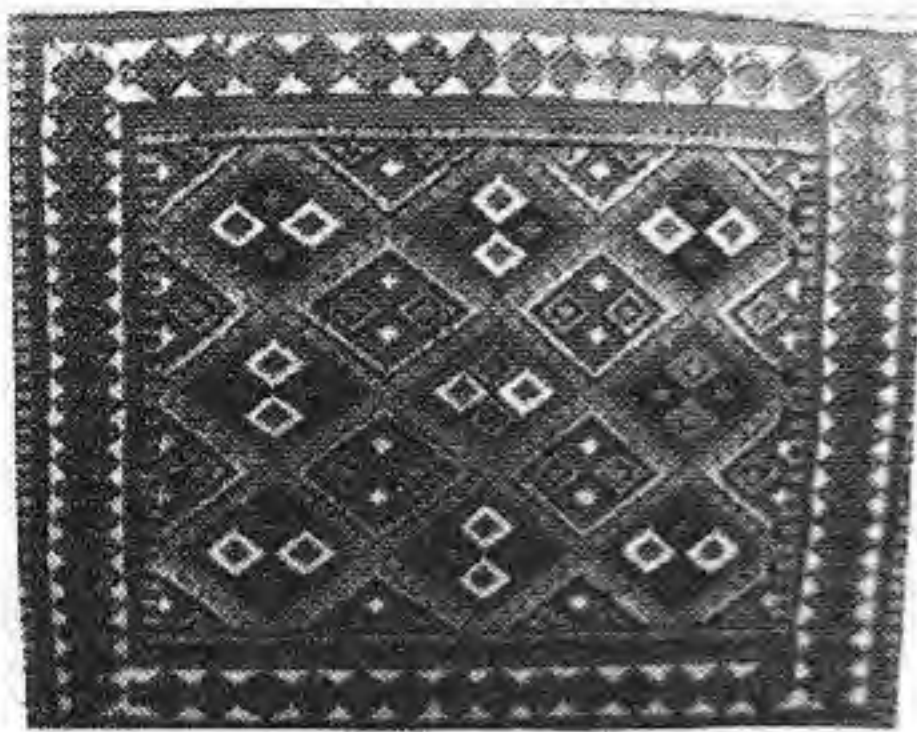
Một số hoa văn trang trí trên thổ cẩm Tày



Ảnh 79: Thổ cẩm làm mặt chăn ("bjoóc phất" - hoa nhội)



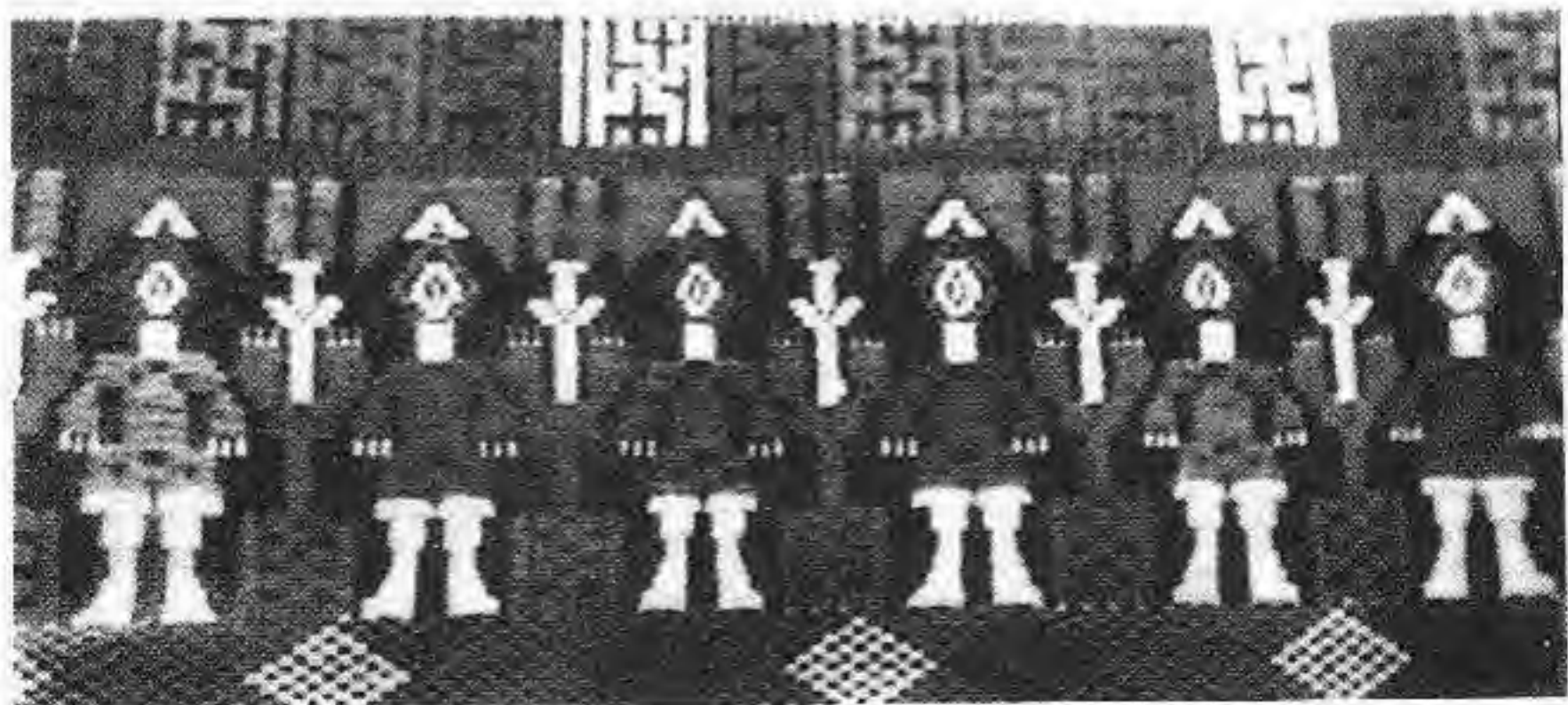
Ảnh 80: Thổ cẩm làm mặt chăn ("lài ăm" - hồ tiêu)



Ảnh 81: Thổ cẩm
làm mặt gối

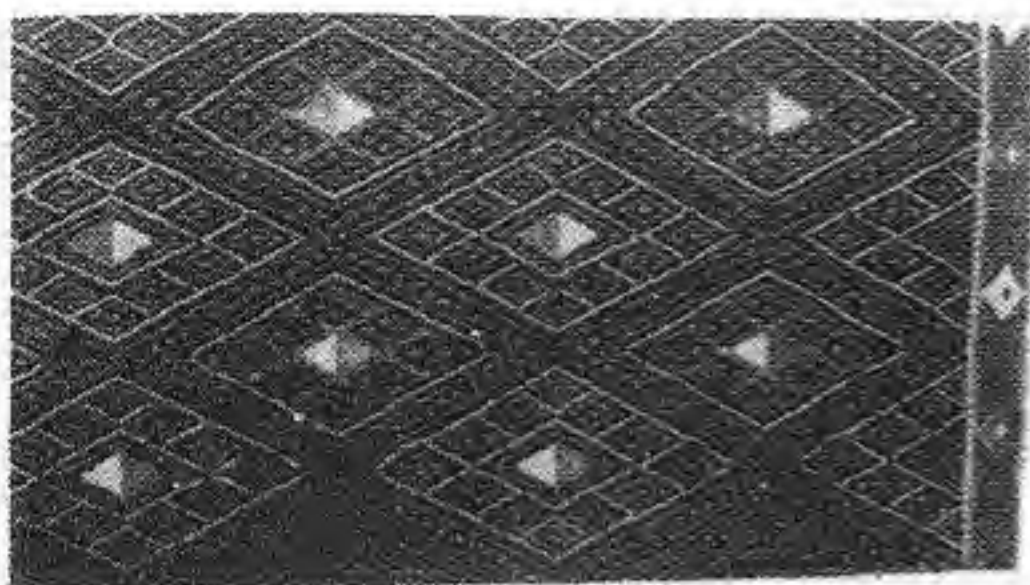


Ảnh 82: Thổ cẩm
làm mặt đệm



Ảnh 83: Mô típ hình người đội nón dùng trang trí trên đầu màn che

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC NGƯỜI NÙNG



Ảnh 84: Một mẫu thổ cẩm dùng làm mặt chăn của người Nùng



Ảnh 85: Bộ y phục phụ nữ Nùng An ở xã Phúc Sen huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng



Ảnh 86: Trang phục phụ nữ Nùng An ở xã Phúc Sen huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng

Ảnh 87: Trang phục của phụ nữ Nùng Giang ở Cao Bằng





Ảnh 88: Bộ y phục phụ nữ Nùng Giang

Ảnh 89: Giày dùng trong cưới xin, lễ hội của phụ nữ Nùng Giang



Ảnh 91: Áo phụ nữ Nùng Din



Ảnh 90: Y phục phụ nữ Nùng Din (trang trí nhiều hạt bạc trên khăn đội đầu, cổ áo)



Ảnh 92: Phụ nữ Nùng Phán Slinh ở huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn



Ảnh 93: Bộ y phục
nam dân tộc Nùng



Ảnh 94: Bộ y phục của trẻ em trai
nhóm Nùng An ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng



Ảnh 95: Bộ y phục của trẻ em gái
nhóm Nùng An ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng

Trang phục thầy cúng người Nùng



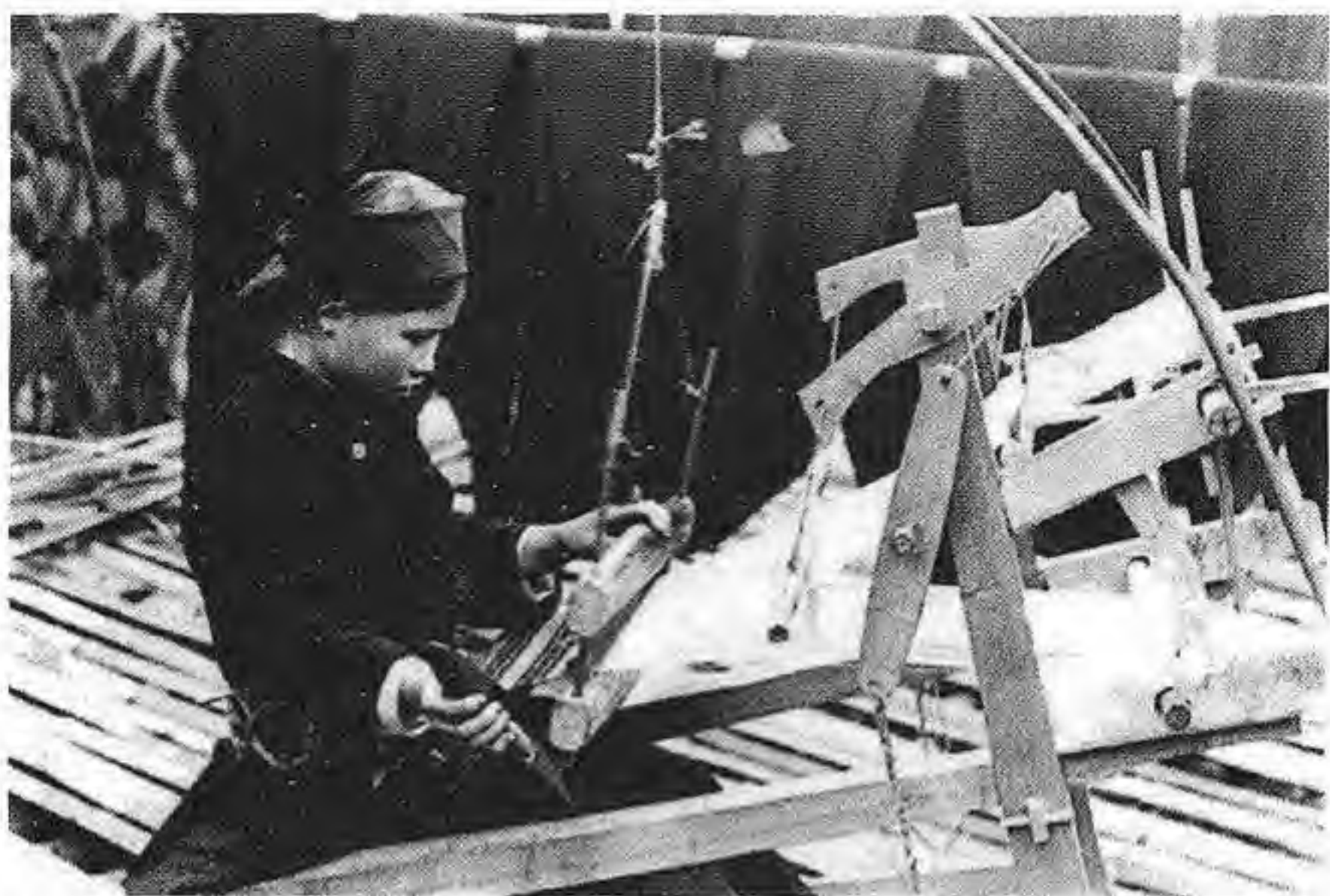
Ảnh 96: Mặt sau áo thầy cúng
người Nùng Phần Slinh
ở huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn



Ảnh 97: Mặt trước áo thầy cúng



Ảnh 98: Chân dung thầy cúng
người Nùng ở Cao Bằng



Ảnh 99: Phụ nữ Nùng Phan Slinh
ở huyện Bình Giả tỉnh Lạng Sơn
dệt vải thô trắng nhuộm chàm
may y phục



Ảnh 100: Vải thổ cẩm được dùng
làm túi đeo của phụ nữ Nùng

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THÁI



Ảnh 101: Trang phục của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 102: Khăn piêu cút
của thiếu nữ



Ảnh 103: Khăn piêu xiêu
của người già



Ảnh 104: Áo dài dùng trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 105: Tăng cầu (búi tóc ngược trên đỉnh đầu) của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 106: Bộ y phục thường ngày của nam giới Thái Đen



Ảnh 107: Áo dài lễ hội của nam giới Thái Đen



Ảnh 108: Mặt trong áo dài
mặc trong ngày cưới của
phụ nữ Thái Trắng



Ảnh 109: Bộ y phục thường ngày
của phụ nữ Thái Trắng ở Sơn La

Ảnh 110: Phụ nữ Thái Trắng
ở Sơn La trong trang phục áo dài lễ hội



Ảnh 112: Trang phục của
phụ nữ Thái Man Thanh



Ảnh 111: Thắt lưng
bằng sợi xe của phụ nữ
Thái Man Thanh



Ảnh 114: Trang phục mặc trong
ngày cưới (cũng để dành mặc khi
bố mẹ chồng qua đời) của cô dâu
người Thái Hàng Tổng

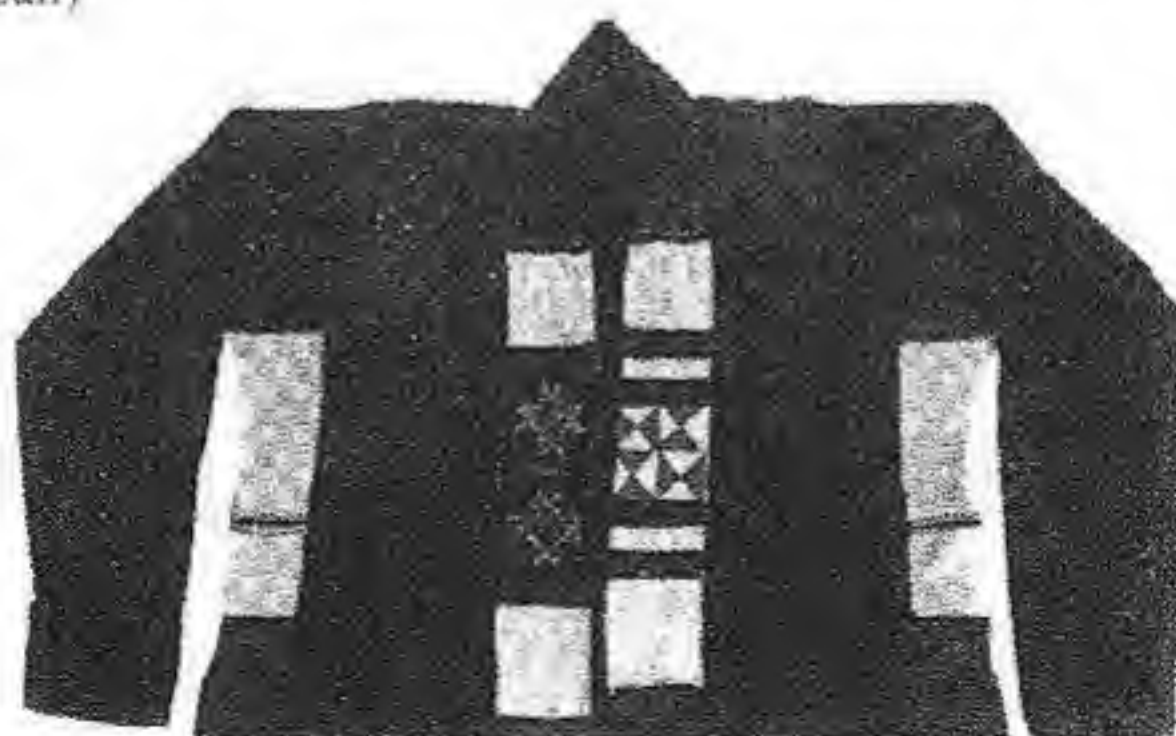


Ảnh 113: Trang phục của
nam giới người Thái Hàng Tổng

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI SÁN CHAY

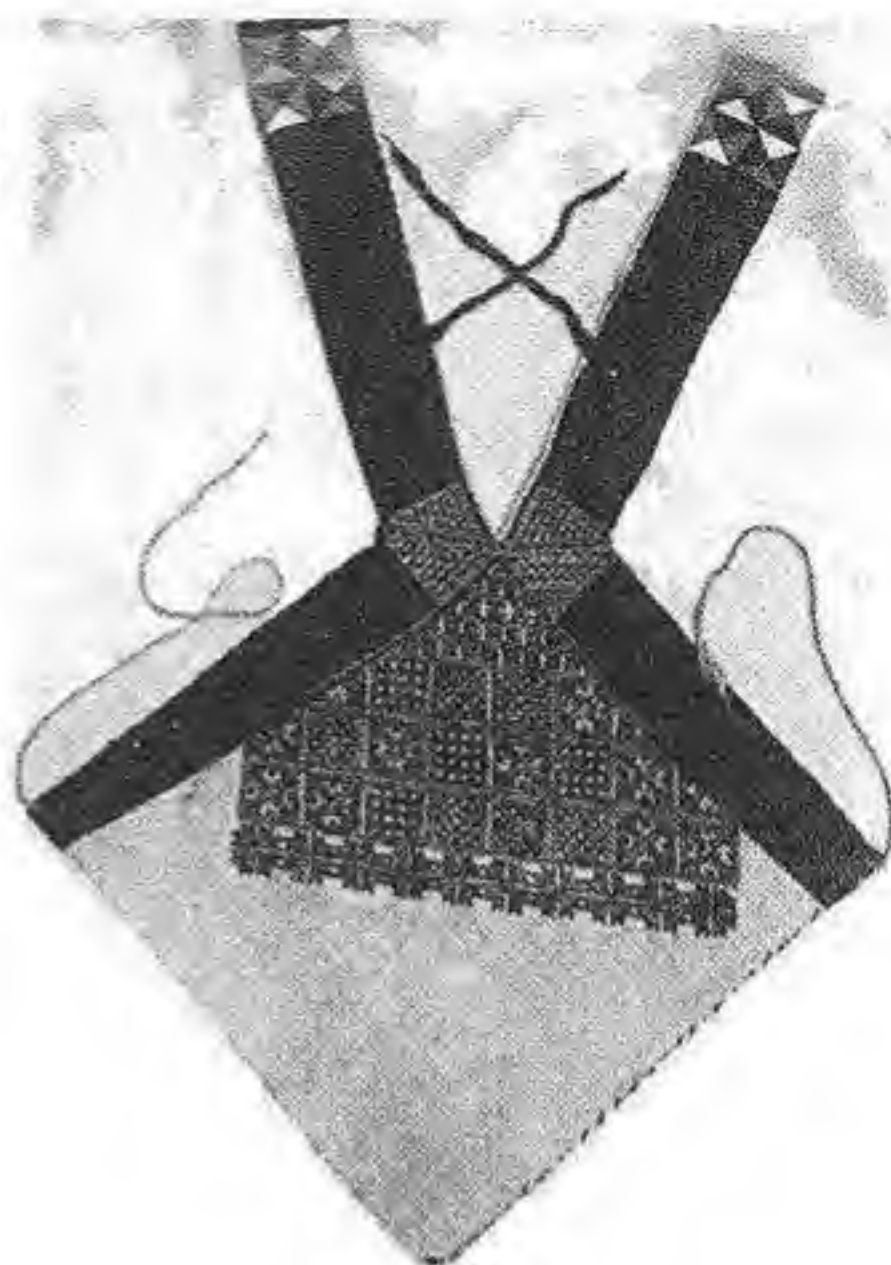


Anh 115: Kiểu áo thay vai ghép vải khắc màu của phụ nữ Sán Chay (nhóm Cao Lan)

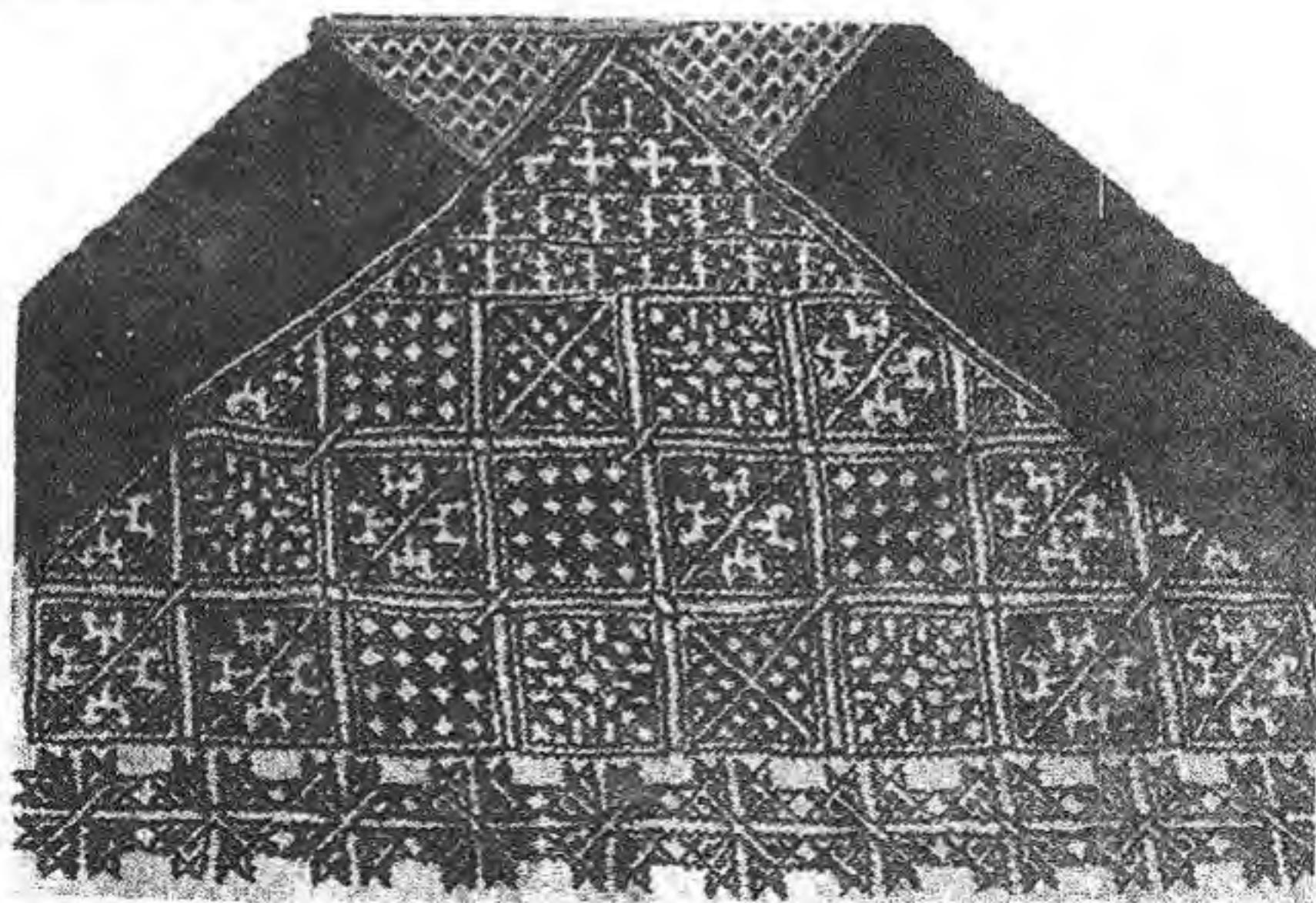


Anh 116: Họa tiết hoa tám cánh pật cạc va (hoa hời) và hình vuông piệc tiếp (hoa mông trắng) trên nếp cổ áo

Ảnh 117: Chiếc yếm đào thêu phụ
có thêu nhiều họa tiết hoa văn



Ảnh 118: Mảng hoa văn thêu
trên yếm của phụ nữ Sán Chi





Ảnh 119: Trang phục của phụ nữ Sán Chay (Sán Chi) ở Thái Nguyên



Ảnh 120: Thân trước áo dài lễ hội của phụ nữ Sán Chay (Sán Chi)



Ảnh 121: Thân sau áo dài lễ hội của phụ nữ Sán Chay (Sán Chi)

Ảnh 122: Họa tiết
hoa văn trang trí
trên bả vai thân áo
phía sau của người
Sán Chay (Sán Chì)



Ảnh 123: Nón lá cộ của
người Sán Chay (Sán Chì)



Ảnh 124: Mặt trước mũ thông thiên của thầy cúng bậc cao nhất người Sán Chay



Ảnh 125: Mặt sau mũ thông thiên của thầy cúng bậc cao nhất người Sán Chay



Ảnh 126: Thân trước áo thầy cúng bậc cao nhất (phục phộc)



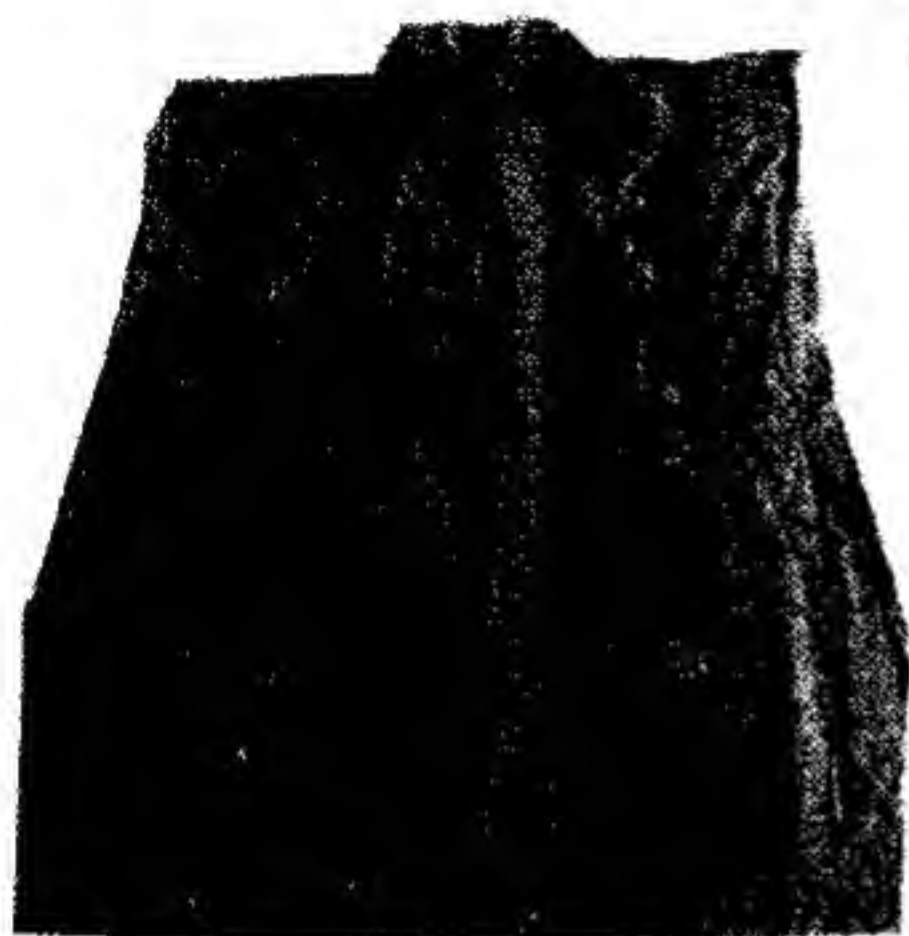
Ảnh 127: Thân sau áo thầy cúng bậc cao nhất (phục phộc)



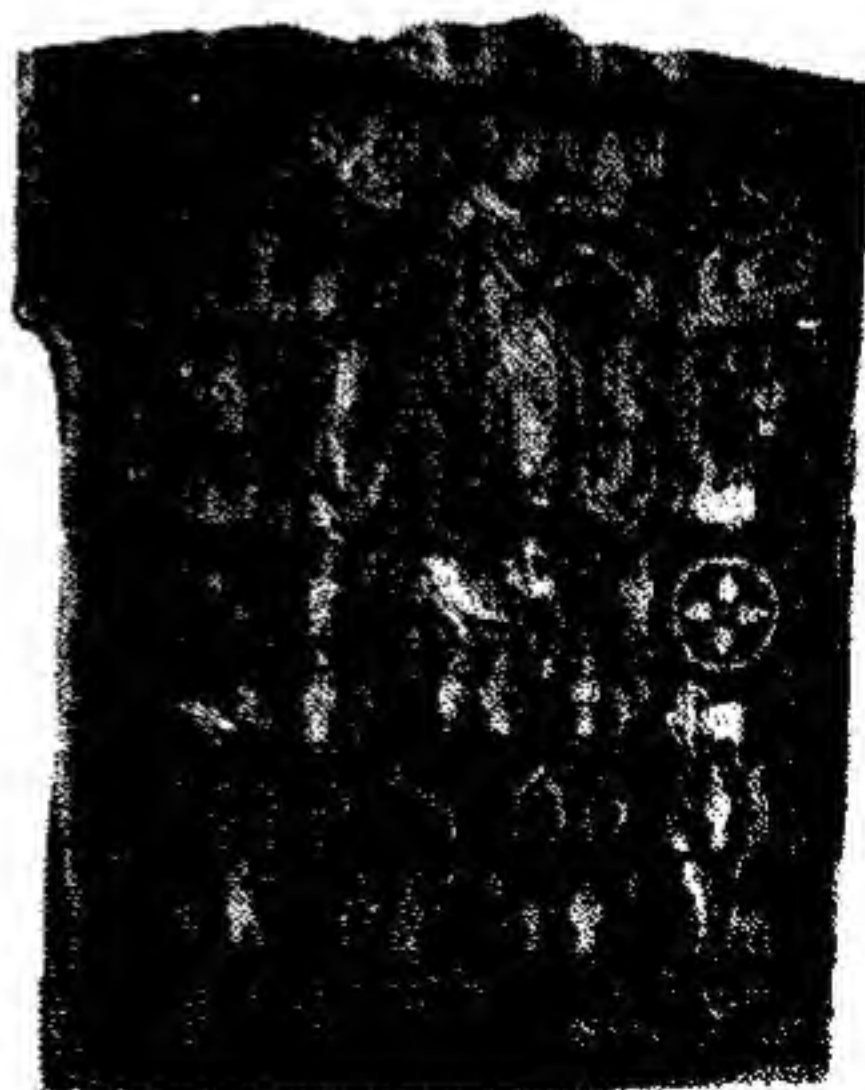
Ảnh 128: Chân dung thầy cúng người Sán Chay



Ảnh 129: Khăn vắn đầu (thân páo)
của thầy cúng bậc trung bình



Ảnh 130: Thân trước áo
thầy cúng bậc trung bình



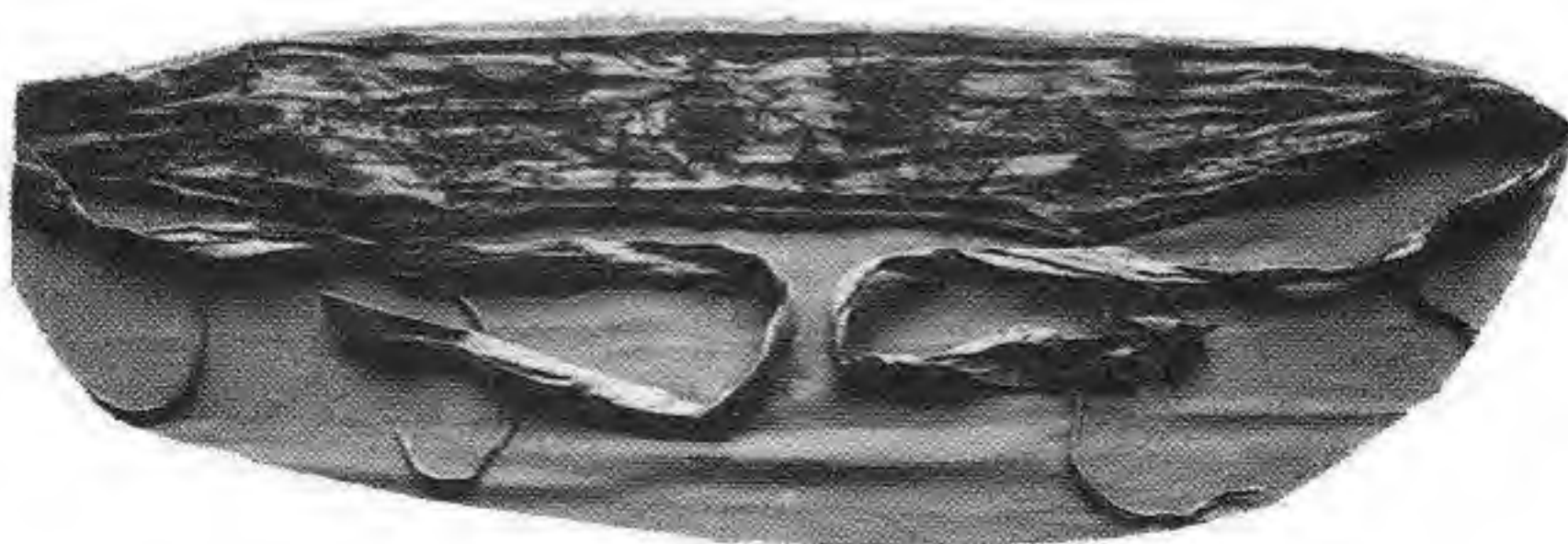
Ảnh 131: Thân sau áo
thầy cúng bậc trung bình



Ảnh 132: Áo (may bằng vải đỏ viền vải tím hoặc vải nâu viền vải đen) của người đang theo học nghề thầy cúng



Ảnh 133: Hai loại thắt lưng theo hình rồng phượng của người đang theo học nghề thầy cúng của người Sán Chay ở Thái Nguyên



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI GIÁY

Ảnh 134; Trang phục
của phụ nữ Giáy ở Lào Cai



Ảnh 135: Bộ y phục
của phụ nữ Giáy ở xã Mường Hum
huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BỐ Y



Ảnh 136: Trang phục của phụ nữ Bố Y
ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu



Ảnh 137: Trang phục của
phụ nữ Bố Y ở Hà Giang

Ảnh 138: Trang phục của
phụ nữ Bố Y ở Lào Cai

**Bộ y phục của phụ nữ Bô Y ở huyện Phong Thổ
tỉnh Lai Châu cách đây khoảng trên 100 năm**



Ảnh 139: Khăn dài
đội đầu màu đen



Ảnh 140: Áo trong
(pù dý)



Ảnh 141: Áo ngoài
(pù páp)



Ảnh 142: Váy nhỏ
(vân biên) mặc sau lưng



Ảnh 143: Váy dài
(vân lấu) mặc phía trước bụng



Ảnh 144: Tạp dề (vây đao) trang trí
hoa văn hình con cua cách điệu



Ảnh 145: Y phục phụ nữ
Bộ Y cách đây
khoảng trên 50 năm



Ảnh 146: Y phục phụ nữ
Bộ Y hiện nay





Ảnh 147: Trang phục hiện nay
của phụ nữ Bô Y
ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu



Ảnh 148: Một số loại giày vải thêu hoa
người Bô Y tự làm dùng trong cưới xin,
lễ hội (hiện nay ít dùng)

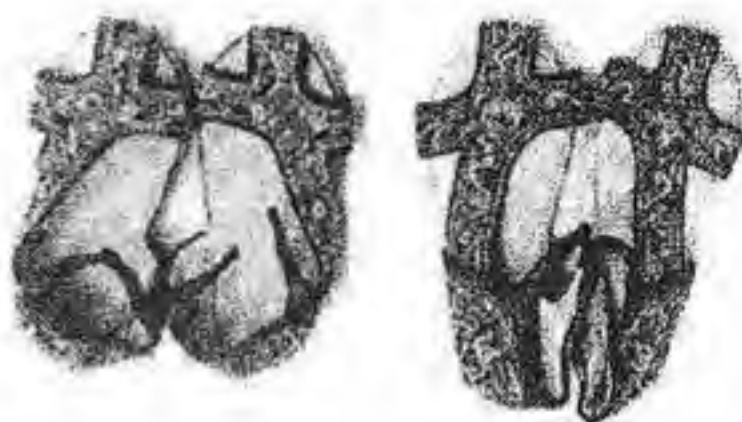


Ảnh 149: Bộ y phục thường ngày
của phụ nữ Bô Y ở huyện Phong Thổ
tỉnh Lai Châu



Ảnh 150: Y phục nam giới Bô Y

Ảnh 151: Dép vải thêu hoa văn
của nam giới Bô Y
dùng trong dịp lễ tết, hội hè



Ảnh 152: Bộ y phục
nam giới Bô Y ở huyện
Phong Thổ tỉnh Lai Châu



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LÀO



Ảnh 153: Trang phục phụ nữ Lào
ở huyện Sông Mã tỉnh Sơn La



Ảnh 154: Trang phục phụ nữ Lào
ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 155: Y phục của phụ nữ
trung tuổi ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 156: Y phục của người già
ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 157:
Y phục trẻ em



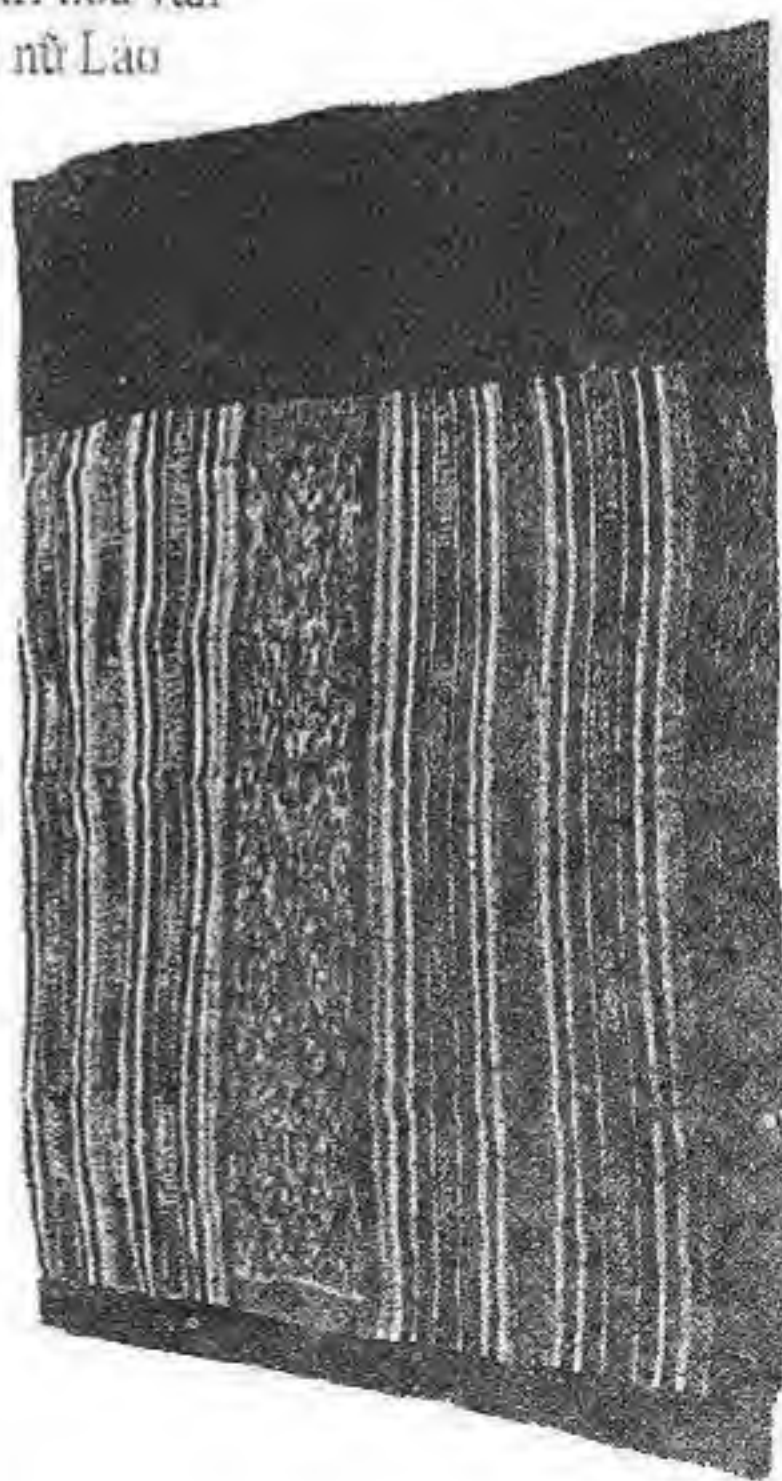
Ảnh 158:
Y phục thiếu nữ



Anh 159: Trang trí hoa văn
trên váy thiếu nữ Lào



Anh 160: Mũ đội đầu của trẻ em





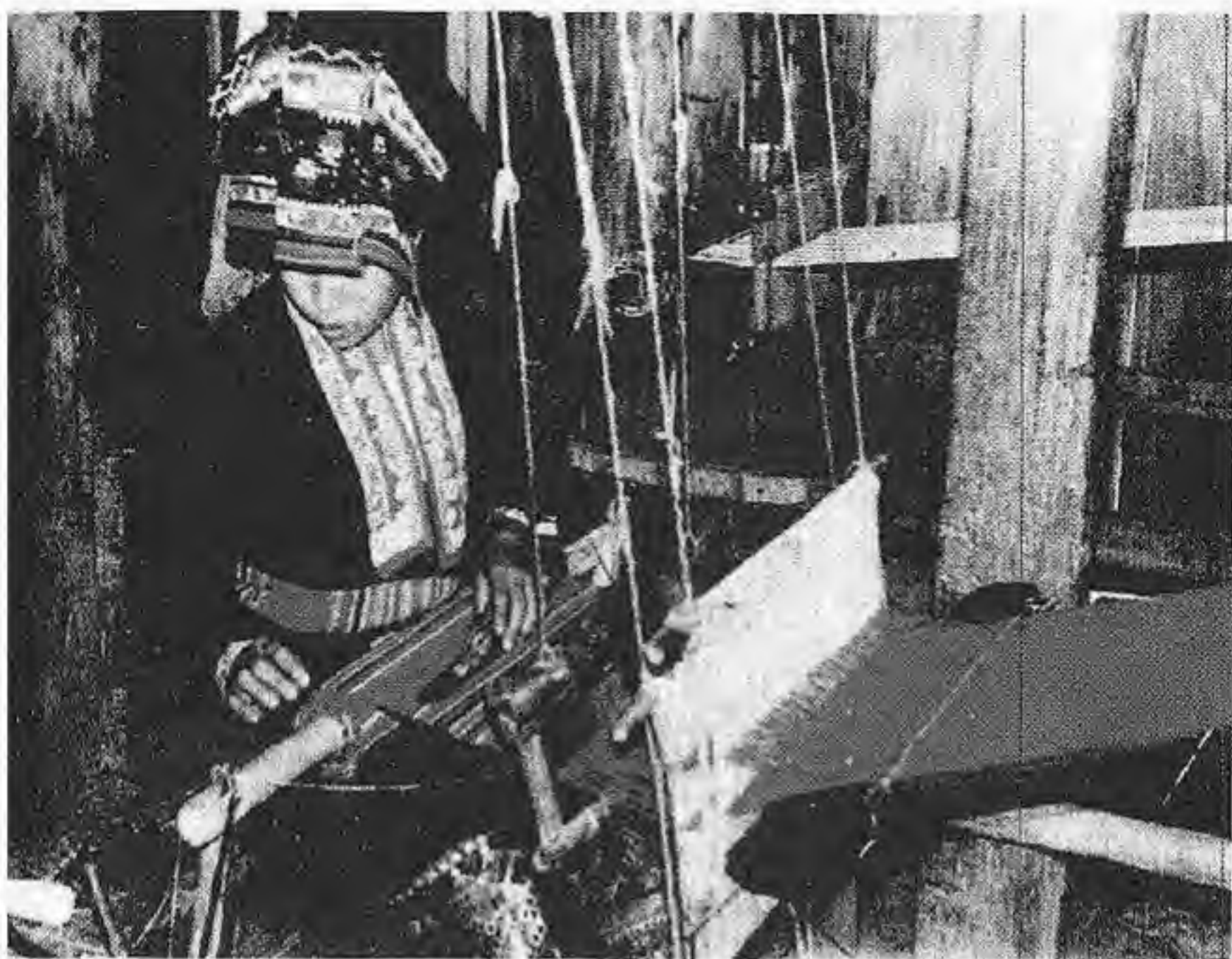
Ảnh 161: Trang phục của nam giới



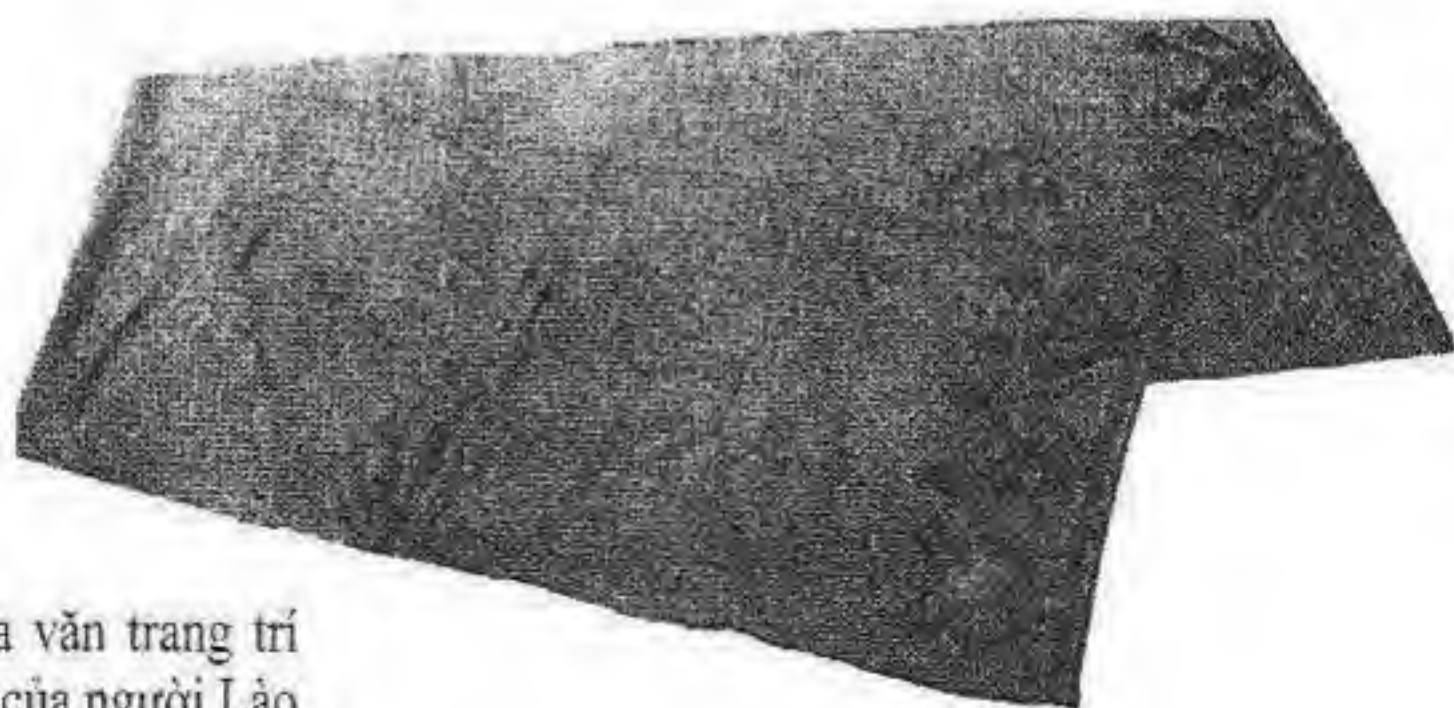
Ảnh 162: Bộ y phục của người già



Ảnh 163: Bộ y phục của thanh niên



Ảnh 164: Phụ nữ Lào ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
dệt vải thổ cẩm may y phục, thắt lưng, túi đeo



Ảnh 165: Hoa văn trang trí
trên khăn tay của người Lào

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LỰ



Ảnh 166: Trang phục truyền thống của phụ nữ Lự



Ảnh 167:
Trang phục phụ nữ Lự ở bản Hòn huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu nhìn từ phía sau



Ảnh 168: Trang phục trẻ em



Ảnh 169: Thiếu nữ dân tộc Lự ở bản Hòn huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu



Ảnh 170: Trang phục nam giới
người Lự ở bản Hòn huyện
Phong Thổ tỉnh Lai Châu



Ảnh 171: Bộ y phục
nam giới người Lự



Ảnh 172: Bộ y phục trẻ em gái



Ảnh 173: Trang phục hiện nay
của phụ nữ Lự



Ảnh 174: Bộ y phục trẻ em trai

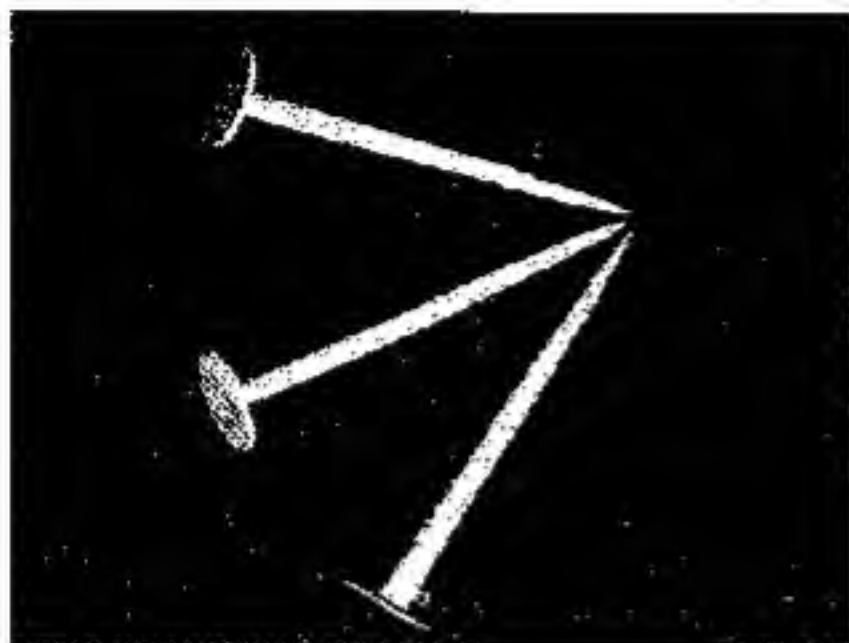


Ảnh 175: Phụ nữ Lự ở huyện
Phong Thổ tỉnh Lai Châu
thêu chân váy

Ảnh 176: Phụ nữ Lự ở huyện
Phong Thổ tỉnh Lai Châu
dệt vải thổ cẩm

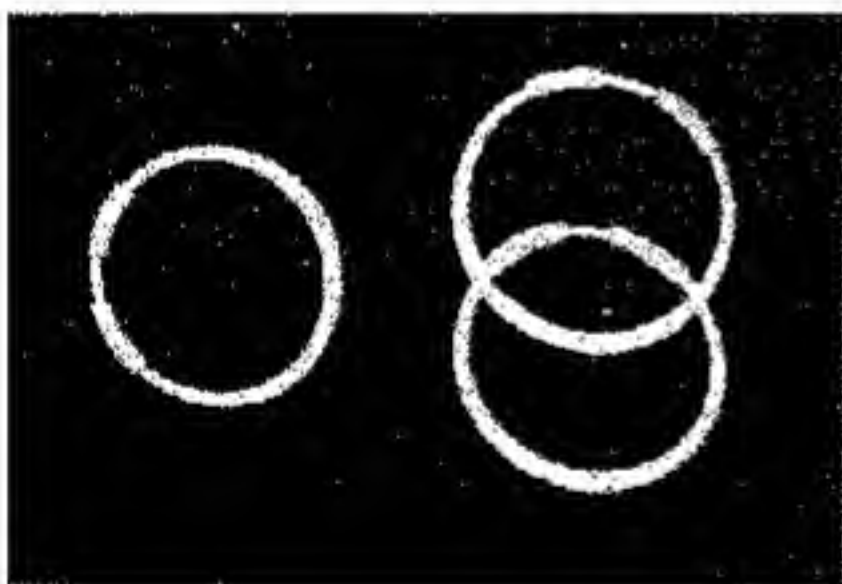
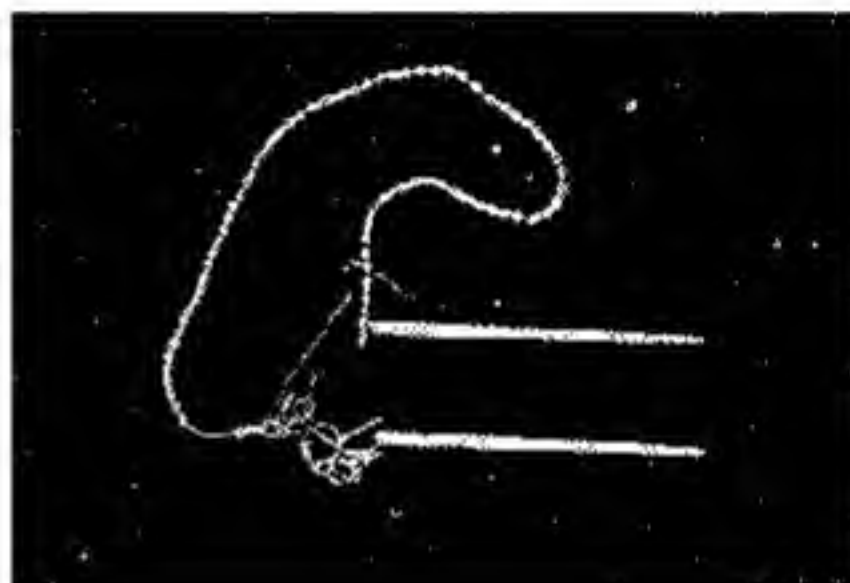


MỘT SỐ ĐỒ TRANG SỨC CỦA CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM TÀY - THÁI



Ảnh 177: Trâm bằng bạc hoặc kim loại, trên đầu có gắn đồng tiền cổ

Ảnh 178: Trâm bằng sừng, đầu to có xuyên lỗ để buộc chuỗi hạt cườm hoặc hạt nhựa



Ảnh 179: Vòng tay kiểu tròn, kín hai đầu

Ảnh 180: Vòng tay kiểu dẹt

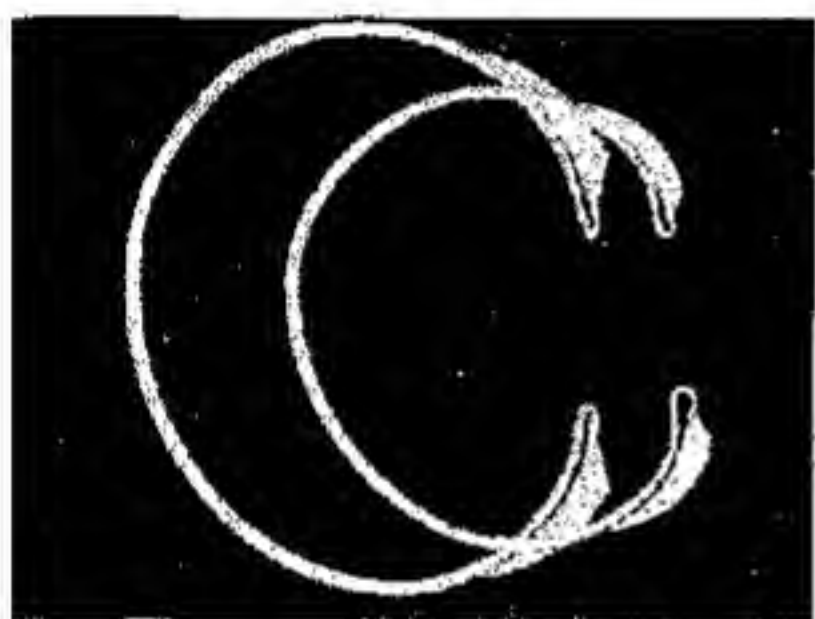




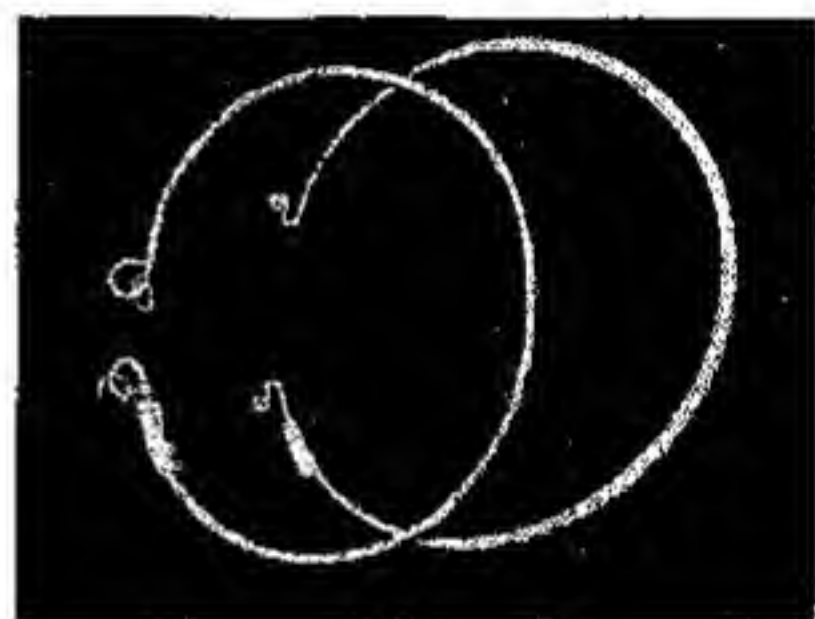
Ảnh 181: Hoa tai hình khuyên. khi đeo dùng dây buộc hai đầu để khỏi rơi



Ảnh 182: Hoa tai kiểu nẹp



Ảnh 183: Vòng cổ, hai đầu chạm hình đầu rồng



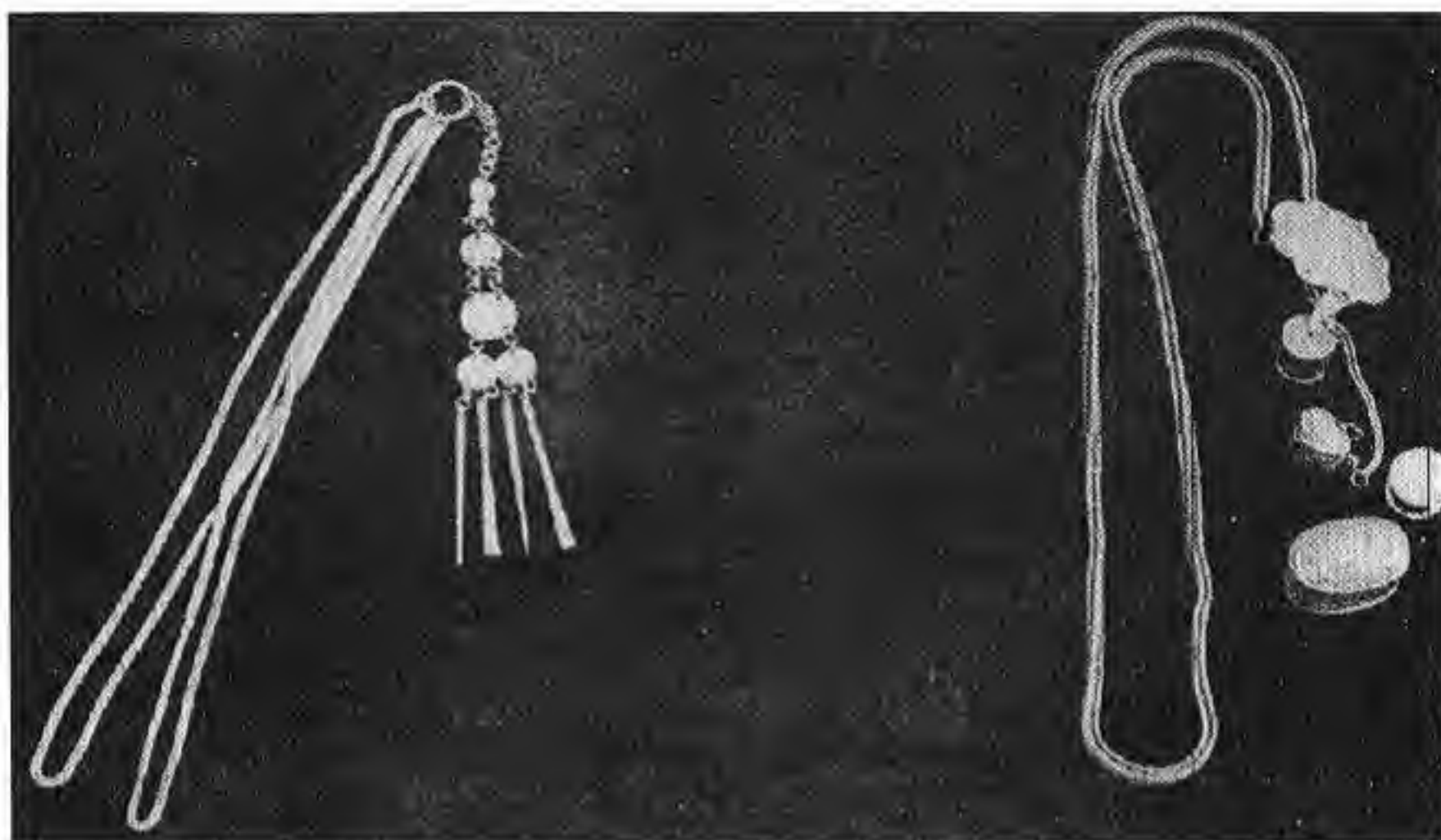
Ảnh 184: Vòng cổ, hai đầu được uốn cuộn vòng tròn



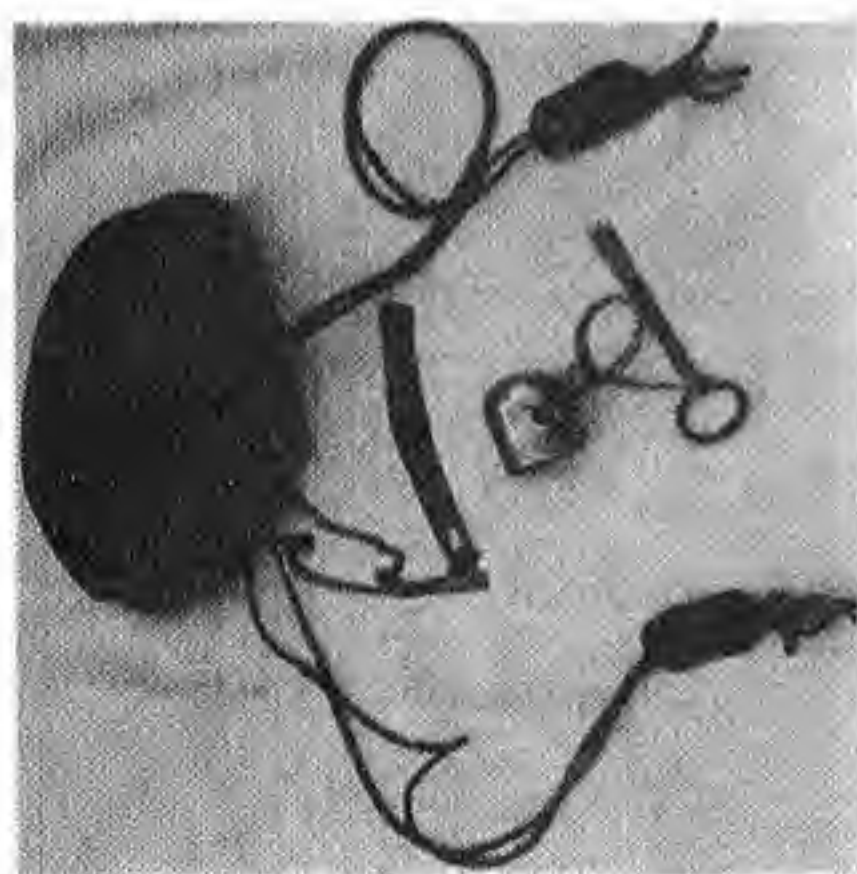
Ảnh 185: Vòng chân



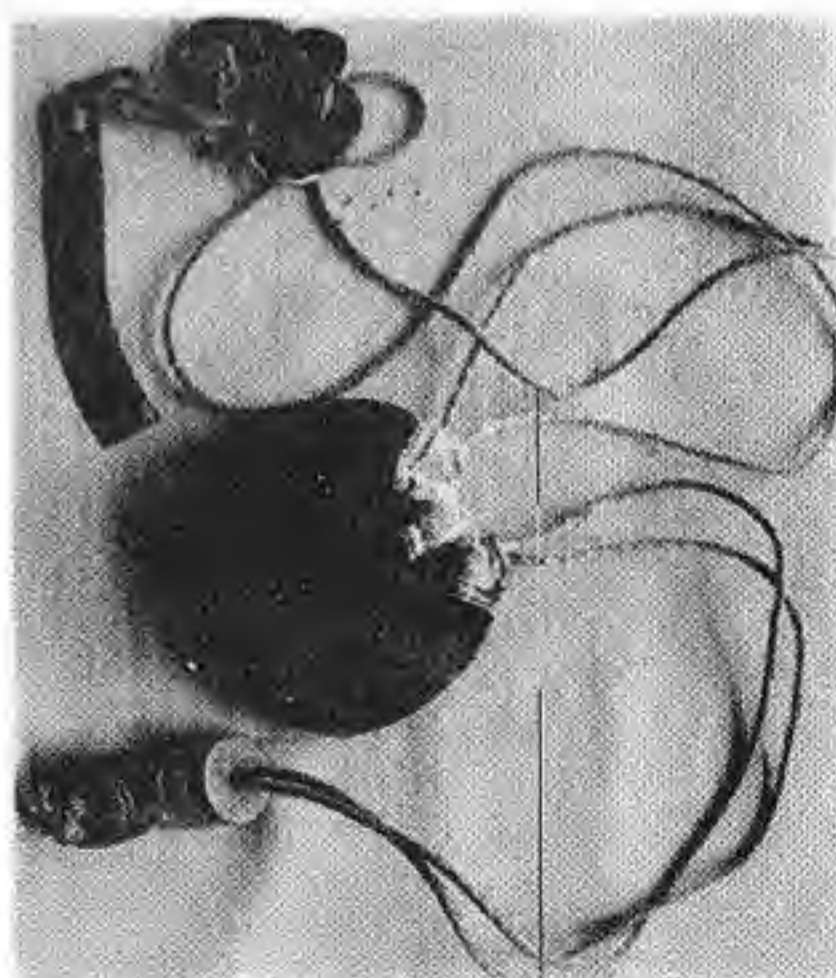
Ảnh 186: Vòng cổ, hai đầu chạm hình đầu rồng



Ảnh 187: Hai kiểu xà tích của phụ nữ



Ảnh 188: Hai kiểu dao cau,
túi trầu của phụ nữ



Chương I

KHÁI QUÁT VỀ CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

I. MÔI TRƯỜNG CẢNH QUAN VÀ DÂN CƯ CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

1. Môi trường cảnh quan

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai cư trú ở một số tỉnh giáp biên giới giữa nước ta và các nước láng giềng anh em. Trong đó người Cờ Lao, La Chí, Pu Péo cư trú tập trung ở các huyện Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Mèo Vạc tỉnh Hà Giang. Người La Ha cư trú tập trung ở các huyện Thuận Châu, Mường La, Sông Mã tỉnh Sơn La và một bộ phận nhỏ cư trú ở huyện Than Uyên tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai chủ yếu là vùng núi cao giáp biên giới - nơi có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Vùng đất này là nơi hội

tự của nhiều dân tộc anh em, của nhiều luồng văn hóa khác nhau nên mỗi tộc người tuy vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống riêng của mình nhưng sự giao lưu hoà nhập văn hóa giữa các dân tộc là điều không thể tránh khỏi; chính điều đó đã tạo nên sự đa dạng, phong phú cho bản sắc văn hóa các tộc người cư trú ở vùng biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

Khi giới thiệu môi trường cảnh quan nơi cư trú của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, chúng tôi đi sâu giới thiệu hai tiểu vùng: vùng núi cao tỉnh Hà Giang nơi cư trú chủ yếu của người Cờ Lao, La Chí, Pu Péo (vùng phía đông Bắc Bộ) và vùng núi giữa - tỉnh Sơn La, nơi cư trú tập trung của người La Ha (vùng phía tây Bắc Bộ).

Hà Giang là tỉnh miền núi biên giới cực bắc của Tổ quốc, có diện tích 7.813km^2 , độ cao trung bình 800 - 1200m so với mực nước biển. Chỗ thấp nhất là các thung lũng sông có độ cao 80 - 100m; nơi cao nhất là đỉnh Tây Côn Lĩnh cao 2.419m. Tuy diện tích không rộng, nhưng ở Hà Giang lại tập trung dày đặc các ngọn núi đá cao nên đã tạo cho địa hình nơi đây vô cùng hiểm trở, đường giao thông đi lại rất khó khăn.

Hệ thống sông suối ở Hà Giang khá phong phú với các con sông lớn chảy qua như sông Chảy, sông Lô, sông Gâm, sông Nho Quế. Thượng nguồn các con sông này có nhiều

hác ghềnh nguy hiểm, phía hạ lưu khi chảy qua các thung lũng lớn thì dòng chảy phẳng lặng hơn, và có thể phát triển được giao thông đường thủy.

Địa hình Hà Giang bị chia cắt mạnh tạo thành những tiểu vùng có những đặc điểm khác nhau về độ cao, thời tiết, khí hậu và thổ nhưỡng. Có thể chia địa hình Hà Giang thành ba vùng lớn:

- *Vùng cao núi đá phía bắc*: Gồm các huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ và một số xã phía bắc của huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang. Độ cao trung bình ở vùng này từ 1.000 đến 1.600m gồm nhiều khu vực núi đá vôi, có độ dốc lớn, địa hình bị chia cắt nhiều. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở đây thấp, mùa đông giá rét, khí hậu mang nhiều tính chất ôn đới, có ưu thế phát triển nghề rừng, nuôi ong mật, sản xuất hạt giống rau, trồng dược liệu. Cây lương thực chủ yếu là ngô, được trồng trên nương thổ canh hốc đá. Vùng núi đá là nơi cư trú tập trung của người Pu Páo, Cờ Lao.

- *Vùng cao núi đất phía tây*: Gồm các huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì và một số xã phía nam của huyện Vị Xuyên và huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang. Độ cao trung bình của vùng từ 900 đến 1.000m. Đặc điểm nổi bật của vùng này là sườn núi dốc, đèo cao, thung lũng và sông suối hẹp. Khí hậu chia thành hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Điều kiện tự nhiên ở đây thích hợp cho việc trồng các loại cây ôn

đới, phát triển nghề trồng rừng, nuôi ong mật, trồng cây công nghiệp đặc biệt là trồng và chế biến chè tuyết شان - một loại chè nổi tiếng của Hà Giang. Vùng cao núi đất là nơi cư trú tập trung của người La Chí và một bộ phận người Cờ Lao.

- *Vùng đồi núi thấp xen kẽ các thung lũng*: Gồm huyện Bắc Quang và khu vực xung quanh thị xã Hà Giang. Độ cao trung bình từ 50 đến 100m. Địa hình ở đây chủ yếu là đồi núi thấp, nhiệt độ trung bình hàng năm cao hơn hai vùng trên, mưa nhiều. Điều kiện tự nhiên trong vùng thích hợp trồng các loại cây ăn quả, phát triển nghề rừng, phát triển chăn nuôi... Vùng này là nơi cư trú của một bộ phận nhỏ người La Chí.

Hiện nay người ta phát hiện ở Hà Giang có một số mỏ khoáng sản như: sắt, mangan, thiếc, chì, kẽm, đồng, vàng sa khoáng... Trữ lượng của các loại khoáng sản này ít, nằm rải rác ở nhiều nơi. Việc khai thác tài nguyên khoáng sản ở Hà Giang chưa phát triển, hiệu quả kinh tế không cao.

Thảm thực vật ở Hà Giang khá phong phú, rừng có nhiều loại gỗ tiêu biểu của vùng á nhiệt đới như nghiến, lim, táu. Ngoài ra còn có rừng hỗn giao với nhiều loại cây gỗ, tre, mây, trúc, cây có củ dùng làm thức ăn, cây có nhựa làm chất gắn kết, làm màu nhuộm và nhiều loại dược liệu quý.

Động vật quý hiếm ở Hà Giang có nhiều loại như hổ, báo, hoẵng, gấu, ngựa, sơn dương, lợn rừng... Do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là tập quán du canh du cư phát rừng làm nương rẫy của đồng bào các dân tộc, đã làm cho nhiều cánh rừng bị tàn phá thành đồi núi trọc, nhiều loại động, thực vật quý hiếm đã bị tuyệt chủng.

Hiện nay Đảng và Nhà nước có chính sách giao đất giao rừng tới hộ nông dân, màu xanh đang trở lại với rừng núi Hà Giang. Núi rừng hồi sinh, một số động vật quý hiếm đã quay trở lại và phát triển.

Khu vực Tây Bắc nước ta nếu xác định theo vị trí địa lý thì đó là một vùng đất đai rộng lớn, bao gồm các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình. Trong đó người La Ha cư trú khá tập trung ở các huyện Thuận Châu, Mường La, Sông Mã tỉnh Sơn La - vùng đất mà các nhà văn hóa học, dân tộc học thường quen gọi là *vùng núi giữa*.

Sơn La là một tỉnh miền núi nằm trong tọa độ địa lý $20^{\circ}39' - 22^{\circ}00'$ vĩ độ bắc và $103^{\circ}11' - 105^{\circ}02'$ kinh độ đông. Phía bắc giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía đông giáp tỉnh Phú Thọ và Hoà Bình, phía tây giáp tỉnh Điện Biên, phía nam giáp tỉnh Thanh Hoá và nước Lào. Diện tích đất tự nhiên là 14.210km^2 , độ cao trung bình từ 600 - 700m so với mực nước biển. Trên 80% diện tích đất tự

nhiên có độ dốc từ 20^0 trở lên. Địa hình Sơn La bị phân hoá rất phức tạp, mức độ chia cắt ngang và chia cắt sâu mạnh bởi các dãy núi cao, các thung lũng sông và mặt bằng hai cao nguyên Sơn La và Mộc Châu nối tiếp nhau theo hướng tây bắc - đông nam. Đó là những dãy núi cao liên tiếp ở phía bắc bắt đầu từ huyện Quỳnh Nhai qua Mường La đến Bắc Yên và kết thúc tại huyện Phù Yên, với độ cao trung bình trên 2.000m, đỉnh cao nhất là Phu Sa Phin 2.874m; phía tây là dãy Pu Sam Sao chạy dài đến Mường Lạn (Sông Mã), với độ cao trung bình từ 1.500 - 1.900m, đỉnh cao nhất là Pu Sam Sao cao 1.925m, nó trở thành biên giới tự nhiên giữa nước ta và nước Lào. Giữa tỉnh Sơn La có dãy núi Sin Sung chảo chai, từ Thuận Châu kéo dài qua Mai Sơn, Yên Châu đến giáp tỉnh Hoà Bình với độ cao trung bình từ 1.000 đến 1.500m, cao nhất là đỉnh 'Khao Canh 1.565m. Từ những dãy núi chính hình thành nên nhiều dãy núi nhỏ vuông góc với dãy núi chính, tạo cho địa hình Sơn La càng bị chia cắt mạnh hơn.

Ở Sơn La có hai hệ thống sông chính là sông Đà và sông Mã chảy theo chiều dọc của tỉnh. Từ hai con sông chính này đã tạo nên nhiều nhánh sông, suối nhỏ khác làm cho hệ thống sông ngòi của Sơn La khá dày đặc và có độ dốc lớn nên có nhiều tiềm năng về thủy điện.

Ở Sơn La có hai cao nguyên rộng lớn là cao nguyên

Sơn La và cao nguyên Mộc Châu nối tiếp nhau trải dài theo chiều dài của tỉnh và là đường phân thủy giữa sông Đà và sông Mã. Cả hai cao nguyên Sơn La và Mộc Châu đều có bề mặt tương đối bằng phẳng đã và đang trở thành vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Sơn La.

Về thổ nhưỡng, tuy địa hình bị phân hoá phức tạp nhưng nhìn chung tầng đất khá dày, thấm nước tốt, độ mùn phong phú hợp với nhiều loại cây trồng. Đặc biệt ở Sơn La có tiềm năng lớn để phát triển cây công nghiệp, phát triển kinh tế đồi rừng vì khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, đất đai khá màu mỡ nên khả năng sinh trưởng và tái sinh của cây trồng rất tốt.

Khí hậu ở Sơn La khá đa dạng, có những nét đặc thù riêng nhưng vẫn mang tính chất của khí hậu chí tuyến. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 21°C và chia thành hai mùa rõ rệt là mùa hè và mùa đông. Mùa hè trời nóng, mưa nhiều, độ ẩm cao; mùa đông trời lạnh, ít mưa, độ ẩm thấp, tháng 12 và tháng 01 có sương muối.

Nhìn chung địa hình, khí hậu Sơn La khá đa dạng, thuận lợi để sản xuất nhiều loại nông sản thực phẩm vùng á nhiệt đới và ôn đới bên cạnh các loại hình sản xuất vùng nhiệt đới là chính.

Sơn La có một số động vật quý hiếm như voi, hổ, gấu, bò tót, lợn rừng, vượn đen, voọc xám, gà lôi, phượng

hoàng đất... Hiện nay do rừng bị tàn phá nên một số loài động vật quý đã bị giảm số lượng hoặc tuyệt chủng.

Khoáng sản ở Sơn La khá phong phú và đa dạng, tiêu biểu là than đá, quặng sắt, niken, đồng, vàng sa khoáng, đá vôi, đất sét, cao lanh đã và đang được khai thác để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ở Sơn La hiện có 10 dân tộc anh em đang cùng chung sống, trong đó người La Ha chỉ chiếm 0,2% dân số toàn tỉnh. Từ lâu đời, người La Ha cư trú đan xen với người Thái (người La Ha có số dân chỉ bằng 23,4% dân số người Thái), nên văn hóa La Ha đã chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Thái.

2. Đặc điểm dân cư

Dân số

Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 1999 thì:

Người Cờ Lao ở Việt Nam có 1.865 người, trong đó nam giới 951 người, nữ giới 914 người. Riêng tỉnh Hà Giang có 1.822 người Cờ Lao sinh sống, trong đó có 932 nam và 890 nữ.

Người La Chí có 10.765 người, trong đó có 5.329 nam, 5.436 nữ. Người La Chí cư trú tập trung ở tỉnh Hà Giang với 10.184 người, trong đó có 5.016 nam, 5.168 nữ. Còn ở Lào Cai có 449 người, với 233 nam và 216 nữ.

Người Pu Péo có 705 người, trong đó có 346 nam, 359 nữ. Riêng tỉnh Hà Giang có 487 người, trong đó có 236 nam, 251 nữ.

Người La Ha có 5.686 người với 2.784 nam, 2.902 nữ. Đồng bào cư trú tập trung ở tỉnh Sơn La, với 5.403 người, trong đó có 2.652 nam, 2.751 nữ. Ngoài ra ở tỉnh Lào Cai cũng có 269 người La Ha sinh sống gồm 120 nam và 149 nữ.

Nhìn vào số liệu thống kê dân số của bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai chúng tôi thấy tỷ lệ giữa nam và nữ không có sự chênh lệch quá lớn ở mỗi tộc người.

Địa bàn cư trú

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai cư trú rất tập trung, trong phạm vi một hoặc hai tỉnh như ở tỉnh Hà Giang có người Cờ Lao, La Chí, Pu Péo; ở tỉnh Sơn La có người La Ha sinh sống. Ngoài ra có một bộ phận nhỏ người La Ha, La Chí, Pu Péo sinh sống ở tỉnh Lào Cai. Chính điều kiện cư trú tập trung ở những vùng sâu, vùng xa xôi hẻo lánh đã giúp cho các dân tộc vẫn giữ được những giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc mình và một trong những giá trị văn hóa đặc trưng đó chính là *văn hóa trang phục* của họ.

II. LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

1. Lịch sử tộc người Cờ Lao⁽¹⁾

Người Cờ Lao cư trú chủ yếu ở huyện Đồng Văn và Hoàng Su Phì, ngoài ra rải rác ở huyện Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào phong tục, tập quán, trang phục và tên tự gọi người ta công nhận dân tộc Cờ Lao có ba nhóm địa phương là Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Trắng, Cờ Lao Xanh. Nhóm Cờ Lao Đỏ có dân số đông nhất, sống tập trung ở xã Túng Sán huyện Hoàng Su Phì, xã Phố Lả huyện Đồng Văn, xã Na Khê huyện Yên Minh, xã Cán Tỷ huyện Quản Bạ. Người Cờ Lao Trắng cư trú chủ yếu ở hai xóm Mã Chẽ và Cá Ha xã Sính Lũng huyện Đồng Văn. Nhóm Cờ Lao Xanh có dân số ít nhất, sống đan xen với người Cờ Lao Đỏ và Cờ Lao Trắng.

Ở Đồng Văn, người Cờ Lao Trắng tự gọi mình là Thu, còn ở Hoàng Su Phì họ tự gọi mình là Tứ Đư. Người Cờ Lao Xanh tự gọi là Ho Kí. Người Cờ Lao Đỏ tự gọi là Voa Đề.

Sở dĩ có tên gọi Cờ Lao Trắng vì theo phong tục của người Cờ Lao Trắng, nhóm này phải dùng khăn trắng để chịu tang người chết. Gọi là Cờ Lao Xanh vì trước đây đàn ông của nhóm này mặc áo dài xanh. Gọi là Cờ Lao Đỏ vì

⁽¹⁾ Dựa theo tư liệu của Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1978.

trước đây phụ nữ nhóm này mặc váy thân dệt bằng chỉ đỏ. Tuy phân thành ba nhóm khác nhau nhưng họ vẫn coi nhau là người đồng tộc và tên gọi chung phổ biến của cả ba nhóm là Cờ Lao. Đặc trưng văn hóa, phong tục, tập quán của ba nhóm có nhiều nét tương đồng, càng ngày họ càng hoà nhập vào nhau. Đến nay khó phân biệt rạch ròi ba nhóm địa phương người Cờ Lao với nhau.

Người Cờ Lao trước đây có ba phương ngôn khác nhau ứng với ba nhóm, nay đa số không nói được tiếng mẹ đẻ nữa. Hiện nay tùy theo điều kiện cộng cư với các tộc người khác họ có thể sử dụng tiếng Quan Hoả, tiếng Tày, tiếng Pu Péo hay tiếng Mông trong giao tiếp hàng ngày.

Theo truyền thuyết và thư tịch cổ, người Cờ Lao di cư vào Hà Giang cách đây trên 200 năm, đợt di cư cuối cùng cách đây trên 100 năm. Có nhiều khả năng họ xuất phát từ Quý Châu (Trung Quốc) xuống Vân Nam rồi vào Đồng Văn, Hoàng Su Phì và một số nơi khác của tỉnh Hà Giang để sinh sống.

2. Lịch sử tộc người La Chí⁽¹⁾

Người La Chí cư trú tập trung ở các xã Bản Phùng, Bản Díu, Bản Páng, Bản Máy và rải rác ở một số xã của huyện Hoàng Su Phì, huyện Xín Mần, huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang.

⁽¹⁾ Dựa theo tư liệu của Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Sdd.

Họ tự gọi mình là Cù Tê (Cù là người, Tê là tên tự gọi). Người La Chí còn có nhiều tên gọi khác như Thổ Đen, Mán La Chí, Xá... nhưng phổ biến hơn cả là tên La Chí.

Ở mỗi địa phương, người La Chí còn tự gọi mình bằng những tên gắn với địa danh nơi sinh sống như Ý Pí là người La Chí ở Bản Phùng; Ý Tó - ở Bản Díu; Ý Mía - ở Bản Máy, Ý Poong - ở Bản Păng.

Người La Chí đã sinh sống lâu đời ở Hà Giang, nhiều dân tộc khác coi họ là cư dân đầu tiên có công khai phá vùng đất biên cương của Tổ quốc. Họ có nhiều truyền thuyết gắn liền với địa danh và đất đai ở vùng này. Người La Chí tự nhận mình là con cháu của Hoàng Dìn Thùng tức Hoàng Văn Đồng một thổ tù đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống phong kiến cuối thế kỷ XVIII (1779). Hiện nay người La Chí ở thôn Tài Chải, Hoàng Su phì còn có miếu thờ ông.

3. Lịch sử tộc người Pu Péo⁽¹⁾

Pu Péo là một trong những tộc người có dân số ít nhất ở nước ta (dưới 1.000 người). Họ cư trú tập trung ở các xã Phố Là, Sùng Chéng huyện Đồng Văn và rải rác ở một số xã của huyện Yên Minh và huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang.

⁽¹⁾ Dựa theo tư liệu của Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Sđđ.

Người Pu Péo tự gọi mình là Ka Beo, ý nghĩa của tên gọi này đến nay chưa ai giải thích được.

Trước kia người Pu Péo có nhiều tên gọi khác nhau như La Quả, Pen Ti, Pen Ti Lô Lô, Pu Péo... Trong các tên gọi đó thì tên Pu Péo phổ biến và thông dụng hơn cả. Tên gọi Pu Péo được bắt nguồn từ cách gọi của người Tày, Nùng. Pu có nghĩa là người, Péo là cách gọi chệch đi của tên tự gọi Ka Beo.

Người Pu Péo cư trú tập trung ở vùng núi đá cao tỉnh Hà Giang từ lâu đời (trước thế kỷ XVIII). Nhiều tộc người khác như Cờ Lao, Mông, Hoa đều thừa nhận tổ tiên của người Pu Péo là những người đầu tiên khai phá mảnh đất cực Bắc của Tổ quốc.

4. Lịch sử tộc người La Ha⁽¹⁾

Người La Ha cư trú tập trung ở các xã Noong Lay, Chiềng Bôm, Long Hẹ huyện Thuận Châu; xã Mường Bú, Chiềng Công, Nậm Giơn huyện Mường La; xã Mường Lầm huyện Sông Mã tỉnh Sơn La và rải rác ở một số xã thuộc huyện Than Uyên tỉnh Lào Cai. Tổ tiên của người La Ha sớm có mặt ở Sơn La, họ được coi là một trong những cư dân đầu tiên có công khai phá vùng lòng chảo Tây Bắc (khoảng thế kỷ XI - XII).

⁽¹⁾ Dựa theo tư liệu của Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Sđđ.

Người La Ha chia thành hai ngành: La Ha Ủng (La Ha ở nước) và Khlá Phlao hay La Ha Phlao (người La Ha ở cạn). Trước đây các tộc người láng giềng gọi người La Ha bằng nhiều tên gọi khác nhau như Xá Cha, Xá Bụng, Tá Tấu Ngạ... Các tên gọi này được hình thành theo thói quen, theo địa điểm cư trú hoặc theo đặc điểm của người La Ha. Tuy vậy đồng bào vẫn lấy tên tự gọi của mình là La Ha làm tộc danh chính và đã được Nhà nước thừa nhận.

III. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Đặc điểm kinh tế

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai tuy cư trú ở hai khu vực rộng lớn thuộc phía đông bắc và phía tây bắc Bắc Bộ nhưng cảnh quan môi trường nơi cư trú của họ có thể chia thành ba vùng: vùng cao núi đá, vùng cao núi đất và vùng thung lũng. Tương ứng với điều kiện tự nhiên của từng vùng đã tạo nên các hoạt động kinh tế có những đặc điểm khác nhau.

Vùng cao núi đá

Vùng cao núi đá là nơi cư trú chủ yếu của người Pu Péo và người Cờ Lao. Ở khu vực này lượng mưa hàng năm ít, nhiệt độ trung bình thấp, mùa đông giá rét, có lúc có sương muối hoặc băng tuyết. Địa hình dốc, đất sản xuất nông nghiệp hạn chế, chủ yếu canh tác trên nương thổ

canh hốc đá và ruộng bậc thang. Cây lương thực chính là ngô, mạch ba góc. Ngoài cây lương thực, đồng bào còn có kinh nghiệm trồng xen canh các loại đậu, đỗ (như cô ve, hà lan, răng ngựa), rau cải, bầu, bí...

Để có lương thực, thực phẩm duy trì cuộc sống hàng ngày, họ phải bỏ ra rất nhiều công sức để chống chọi với môi trường thiên nhiên đầy khắc nghiệt. Ở nhiều nơi, do thiếu đất canh tác đồng bào phải địu từng gùi đất đổ vào các hốc đá để trồng ngô và rau màu. Tuy vậy, do có kinh nghiệm dùng phân bón nên năng suất cây trồng vẫn bảo đảm. Có những năm trời hạn hán, bốn năm - tháng không có một giọt mưa, việc kiếm nước để sinh sống đã tốn biết bao sức lực, thời gian. Trong những năm gần đây được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, từng hộ gia đình đã có những bể xi măng chứa nước mưa dùng dần. Nhiều nơi đã khai thác nguồn nước thiên nhiên chảy từ đỉnh núi để phục vụ sinh hoạt và sản xuất nên cuộc sống được cải thiện nhiều.

Bên cạnh việc sản xuất nông nghiệp, đồng bào còn có nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm: nuôi trâu, bò để cày bừa; ngựa dùng để thô; dê, lợn, gà, vịt làm thực phẩm và cúng tế.

Trong những năm gần đây việc phát triển kinh tế đồi rừng đã bước đầu có kết quả; việc trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu, cây lấy gỗ tuy còn nhỏ lẻ nhưng

cũng góp phần đem lại màu xanh cho núi rừng và góp phần xoá đói giảm nghèo cho các cư dân.

Nghề phụ gia đình đã có truyền thống từ lâu đời, đàn ông Pu Péo giỏi nghề làm mộc như làm nhà, đóng đồ dùng gia đình, một số nơi biết làm ngói máng, đóng gạch.

Nghề thủ công nổi tiếng của người Cờ Lao là đan lát, nghề mộc. Việc đan lát được thực hiện quanh năm. Sản phẩm đan lát chủ yếu là cót, gùi, giỏ các loại, mẹt, bu gà, rá đựng cơm, vung đập cháo... Sản phẩm đan không chỉ dùng trong gia đình mà còn là hàng hóa trao đổi trong ngày chợ phiên.

Nghề mộc của người Cờ Lao khá phát triển, nhiều gia đình ở Cá Ha và Mã Chê còn đóng tủ nhỏ, hòm, bàn ghế gỗ... để bán ở các chợ Đồng Văn, Xà Phìn, Lũng Phìn, Phố Cáo, Phố Bàng, Mèo Vạc... Tuy vậy đồ mộc của họ còn đơn giản, chưa chú ý đến mỹ thuật nên nó chỉ dừng ở trình độ của một nghề thủ công gia đình, còn mang tính tự túc, tự cấp là chính.

Ngoài nghề đan lát và làm đồ mộc, người Cờ Lao còn có nghề nấu rượu ngô, nghề này đang có chiều hướng phát triển. Sản phẩm rượu ngô không chỉ phục vụ nhu cầu trong gia đình mà nó đã trở thành hàng hóa trong nền kinh tế thị trường.

Vùng cao núi đất

Vùng cao núi đất là nơi cư trú chủ yếu của người La Chí và một bộ phận người Cờ Lao. Với điều kiện tự nhiên, từ lâu đời người La Chí rất giỏi làm ruộng bậc thang. Trên những sườn đồi họ đã tạo nên những tràn ruộng bậc thang nối tiếp nhau từ chân núi đến đỉnh núi. Có những cánh ruộng, thửa trên cao hơn thửa dưới đến hàng mét, mặt ruộng chỉ rộng một vài hàng bừa. Tuy vậy với kinh nghiệm cổ truyền, họ đã xử lý tốt nguồn nước và sử dụng có hiệu quả phân bón nên năng suất cây trồng khá cao. Trước đây ruộng bậc thang chỉ canh tác một vụ, nay có nơi đã sản xuất hai vụ.

Ngoài ruộng bậc thang, nương cũng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống cư dân. Trên nương người ta trồng các loại ngô, lúa, sắn, dong riềng và các loại rau, đậu. Nương có ba loại: nương dùng gậy chọc lỗ, nương cuốc và nương cày. Các gia đình thường dành những nương tốt nhất để trồng bông, trồng chàm phục vụ cho nghề dệt vải - một nghề thủ công truyền thống của người La Chí. Trong những năm gần đây, người Cờ Lao ở xã Tùng Sán huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang có thêm nghề trồng chè - đây là thế mạnh kinh tế giúp đồng bào thoát nghèo và có cuộc sống ổn định hơn.

Ngoài kinh tế sản xuất, việc săn bắn chim muông, thú rừng, vẫn được duy trì để cung cấp thực phẩm cho bữa ăn

hàng ngày. Người Cờ Lao, La Chí tuy có trồng rau nhưng sản lượng còn ít và không đều nên việc thu hái rau rừng, củ, quả trong tự nhiên vẫn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống cư dân.

Vùng thung lũng

Vùng thung lũng là nơi cư trú của người La Ha, họ là một trong những cư dân đã khai phá ruộng nước ở các thung lũng vùng lòng chảo Tây Bắc. Tuy nhiên, đại bộ phận người La Ha sinh sống chủ yếu bằng nương rẫy, một bộ phận sinh sống bằng nương rẫy kết hợp với làm ruộng nước, và một bộ phận sinh sống bằng ruộng nước kết hợp với làm nương rẫy.

Tương ứng với ba hình thái sản xuất này là ba loại hình cư trú: du canh du cư, bán định canh định cư, định canh định cư. Hiện nay việc định canh định cư ngày càng phát triển tạo sự đổi mới trong xã hội của người La Ha.

Ngoài việc trồng trọt, người La Ha còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, đan lát, hái lượm, săn bắn, đánh cá. Gần đây họ còn trồng bông, trồng chàm để đổi vải và trang phục của người Thái về dùng; một bộ phận nhỏ biết dệt vải.

2. Đặc điểm văn hoá - xã hội

Văn hóa là một phạm trù rất rộng bao gồm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội. Trong văn hóa, có những yếu tố có thể đo vẽ, quan sát, định lượng song cũng

không ít yếu tố văn hóa chỉ còn là vết tích, ký ức, là tàn dư không thể đo đếm, định lượng. Việc tìm hiểu văn hoá của từng tộc người là điều không dễ dàng. Bên cạnh đó sự tiếp biến, giao thoa trong văn hoá các tộc người ngày càng trở nên mạnh mẽ - nhất là ở vùng đa dân tộc trong đó có các tộc người nhóm Kàđai đang cư trú. Vì vậy, việc giới thiệu đặc trưng văn hóa của từng tộc người càng khó khăn hơn. Chúng tôi chỉ giới thiệu những nét khái quát nhất về đặc điểm văn hóa - xã hội của bốn tộc người trong nhóm ngôn ngữ Kàđai.

Một số đặc điểm văn hóa - xã hội của người Cờ Lao

Nhà ở

Ở Hà Giang người Cờ Lao thường sống tập trung thành bản, mỗi bản có khoảng 20-30 nóc nhà. Nhà ở của họ là loại nhà đất, được làm ba gian, hai chái lợp cỏ gianh hoặc nửa cây tre khoét thành máng úp lên nhau; vách nhà thung ván, che liếp hoặc trình tường.

Về kiến trúc mặt bằng, ngôi nhà được chia làm ba phần, gian giữa là nơi tiếp khách, trên tường hậu treo một bàn thờ thổ công gọi là "*sứ qua*". Gian bên phải, phía trong là bếp lò nấu cơm lợn hoặc nấu mèn mén hàng ngày, tại đây đặt nhiều thùng gỗ đựng nước, đựng ngô, đậu đỗ, cối xay ngô...; phía ngoài được ngăn riêng, có cửa ra vào đối diện với bếp lò, là nơi ngủ của vợ chồng

chủ nhà cùng các con gái. Gian bên trái cũng chia thành hai phần, phía trong là bếp sinh hoạt, tại đây có treo bàn thờ tổ tiên (*bừ pô chi*) ở góc trong cùng - đây là nơi linh thiêng nhất, kiêng kỵ nhiều nhất. Cạnh bếp có một chiếc giường nhỏ, lót đệm thân cây ngô cho nam giới ngủ (có thể là chủ nhà hoặc con trai lớn), phía ngoài là nơi ngủ của nam giới hoặc ông chủ nhà.

Hôn nhân, gia đình

Các nhóm Cờ Lao có các họ khác nhau, người Cờ Lao Trắng có họ Vân, Hồ, Chảo. Người Cờ Lao Xanh có họ Sáng. Người Cờ Lao Đỏ có các họ Mìn, Cáo, Sú, Chéng, Lý...

Hôn nhân của người Cờ Lao theo chế độ một vợ một chồng và được thực hiện ngoài dòng họ. Người Cờ Lao có luật tục nối dây, anh chết em trai được lấy chị dâu làm vợ, em chết anh trai được phép lấy em dâu làm vợ. Tập tục này hiện nay mang tính tự nguyện không bắt buộc nên bớt nặng nề.

Nghi lễ cưới xin của mỗi nhóm Cờ Lao có những đặc điểm khác nhau, tuy nhiên quá trình tiến tới hôn nhân của cả ba nhóm Cờ Lao phải trải qua bốn bước: đi hỏi, sêu tết ba năm, lễ cưới, lễ lại mặt.

- Lễ hỏi (*gu phí*): Chú hoặc bác người con trai đại diện sang nhà gái để ước hỏi (gọi là ông bà mối - *pô chiu* và *mị*

cháu). Họ mang theo một chai rượu, một gói thuốc láo để thừa chuyện. Nếu nhà gái đồng ý thì bố cô gái nhận gói thuốc láo và sửa soạn bữa rượu để mời ông bà mối cùng ăn và bàn việc thách cưới. Thông thường họ thách sáu mươi chai rượu, sáu mươi kilôgam thịt. Nếu nhà gái đồng ý thì nhà trai về lo liệu và cho người đem sang ngay.

- Sêu tết (*tó pú*): Nghi lễ này phải thực hiện ba năm liên tục, cứ vào ngày tết chú rể tương lai phải đem một chai rượu, một miếng thịt lợn sang biếu bố mẹ cô gái. Vào ngày mồng ba tháng ba âm lịch của năm thứ tư, chú rể mời bố mẹ vợ tương lai sang nhà uống rượu với bố mẹ đẻ và gửi cho vợ tương lai một chiếc đùi gà. Năm tháng sau đó ông bà mối sang nhà gái bàn bạc ngày cưới.

- Lễ cưới (*diu phư*): Đúng ngày đã chọn, nhà trai mang sang nhà gái hai con gà, năm chai rượu để cúng tổ tiên và 15kg thịt lợn, 15 chai rượu cho nhà gái làm cỗ, rồi đón dâu về luôn. Cùng đi với cô dâu có anh em họ hàng nhà gái. Họ ngủ lại nhà trai một đêm rồi mới về. Bên nhà trai thịt một - hai con lợn (khoảng 100kg thịt), chuẩn bị 200-300 lít rượu (do anh em giúp) để tổ chức đám cưới trong ba ngày ba đêm liền. Khi cô dâu về đến cửa nhà trai, gia đình úp một chiếc bát trong bát có một thìa gỗ ở ngay ngưỡng cửa. Cô dâu đi qua phải dẫm vỡ chiếc bát và chiếc thìa gỗ đó với ý nghĩa phá vỡ quan hệ với họ hàng của mình để nhập vào dòng họ nhà chồng. Nhà trai cúng

tổ tiên trong hai ngày, lễ cúng tổ tiên gồm có rượu, thịt, mèn mèn.

- Lễ lại mặt (*khuôi mản*): Sau ngày cưới ba ngày, bố mẹ chú rể phải đến nhà thông gia. Họ đem theo một con gà trống và một con gà mái, một chai rượu để tổ chức bữa ăn tại nhà gái. Họ ngủ lại nhà gái một đêm, hôm sau mới ra về. Nhà gái gửi trả lại cho nhà trai một con gà.

Phụ nữ Cờ Lao khi thai nghén phải kiêng cử nhiều thứ. Khi đẻ, sản phụ được mẹ chồng hoặc bác gái, em dì giúp đỡ. Sản phụ được đẻ trong nhà tại buồng ngủ của mình. Đẻ xong nhau thai được đốt thành tro và đặt vào hang đá. Sau khi đẻ, sản phụ phải kiêng cử một tháng (*co chi di*).

Trong vòng ba ngày sau khi đẻ, sản phụ không được vào góc thờ tổ tiên, không được ăn thức ăn nguội. Khách lạ đến nhà không được đem súng, nỏ vào nhà; không được đi guốc làm bằng cây mai vì sợ người mẹ bị mất sữa. Những người đang mang thai cũng không được đến gần người mới sinh sợ làm mất sữa của họ. Người sản phụ được chăm sóc ăn uống chu đáo như ăn canh đậu tương xay, ăn thịt gà, trứng, sau ba ngày được ăn thịt lợn và các loại rau xanh khác. Đặc biệt trong vòng 30 ngày, sản phụ phải thường xuyên ăn hạt tiêu hay thảo quả nấu canh.

- Lễ đặt tên con (*do phí lông á*): Lễ này do ông nội của cháu bé đảm nhiệm, được tổ chức sau khi trẻ sinh được ba

ngày. Gia đình thịt hai con gà, một con lợn nhỏ, năm chai rượu, mời ông bà ngoại cháu bé đến dự và cùng tham gia lễ đặt tên. Sau lễ cúng tổ tiên, gia đình hạ mâm cỗ. Cha mẹ đưa trẻ rót cho ông bà nội, ngoại mỗi người 12 chén rượu, ông bà nào uống xong trước thì xưng tên đặt cho đứa trẻ. Mọi người đặt tên riêng hoặc đồng ý theo tên của người đặt đầu tiên cũng được; sau cùng cha mẹ đưa trẻ đồng ý tên nào thì tất cả gia đình phải thừa nhận tên đó.

Tang ma

Khi trong nhà có người chết, gia đình lấy nước nóng tắm rửa, thay quần áo rồi liệm người chết vào quan tài. Quan tài thường được chuẩn bị sẵn khi người già bị ốm. Nếu không có quan tài người ta vào rừng chặt một cây gỗ to, bóc một mảng phía trên làm nắp, rồi khoét rỗng phần còn lại cho đẹp. Gia đình mời thầy cúng (*pô slu so slô*) đến để thực hiện các nghi lễ đám ma. Người ta bóp chết một con gà và nướng chín đặt lên bát mèn mèn để trước đầu quan tài. Quan tài để ở giữa cửa phụ, nơi có bàn thờ tổ tiên. Trong vòng ba ngày ba đêm, mỗi ngày thầy cúng cúng ba lần vào các bữa ăn, ban đêm cúng vài lần (con gà được chân đi chân lại và cúng 27 lần). Người ta còn thịt một con lợn nhỏ, cắt 25 miếng thịt chia làm năm bát, có thêm tim, gan để phía đầu quan tài. Trong ba ngày làm ma, họ hàng làng xóm đến phúng viếng và góp của cho gia đình làm đám.

Ngày thứ ba, gia đình thịt một con bò cúng lần cuối cùng, rồi đem người chết đi chôn. Huyệt đào sâu hơn một mét theo hướng bắc, khi chôn xong người ta xếp nhiều vòng đá xung quanh. Mỗi vòng đá ứng với 10 tuổi của người chết. Những vòng đá đó được phủ kín đất.

Người Cờ Lao Trắng và Cờ Lao Xanh quan niệm rằng mỗi con người có ba phần hồn: một ở trong lỗ tai, một lang thang và một ở gia súc. Người Cờ Lao Đỏ cho rằng con người có ba hồn: một hồn ở đầu, một hồn ở thân và một hồn ở chân.

Sau đám ma vài ngày hoặc vài ba năm (tùy theo điều kiện kinh tế của từng gia đình) người ta tổ chức làm lễ ma khô cho người chết.

Người Cờ Lao thờ cúng tổ tiên trong khoảng 3-4 đời. Người Cờ Lao Trắng lập bàn thờ ở góc trong bên phải nhà ở, bàn thờ đơn giản, cạnh bàn thờ có xâu xương hàm lợn. Mỗi chiếc hàm lợn biểu tượng cho một đời. Vào dịp tết, người ta bỏ xương hàm lợn cũ thay xương hàm lợn mới. Cạnh bàn thờ có ống cắm hương. Khi cúng dùng than hồng đặt trước cột thờ, rước nước lên, lấy lông đầu gà và tiết dán lên cột ống hương, cắm vào ống hương ba lông cánh của con gà đã thịt để cúng.

Người Cờ Lao Xanh đặt bàn thờ ở cột giữa cạnh liếp chỗ thường tiếp khách, chân cột cắm vài ba que hương,

đỉnh cột buộc bắp ngô, một que gỗ và một ít lông gà. Khi cúng dùng cành lá có hai chạc, đầu chạc được gài vào mái nhà. Bàn thờ của người Cờ Lao Đỏ đặt trên tường gian giữa, các ông bương (mỗi ông tượng trưng cho một đời) được đặt ở giá gỗ dưới gầm bàn thờ. Ngoài ra còn một ông bương cắm xuống đất để thờ thần thổ địa.

Văn hóa tinh thần

Người Cờ Lao Trắng có một số làn điệu dân ca như hát đối, hát ru. Nhạc cụ có sáo (*pó lừ lừ*), kèn (*pò lý lý*).

Hàng năm người Cờ Lao tổ chức ăn tết năm lần và cúng tổ tiên vào tết thanh minh (rằm tháng 3), tết này gọi là *sơ dí sơ*. Lễ vật cúng tổ tiên gồm có thịt gà, rượu. Tết rằm tháng 5 (*vi tang dạ*), tết rằm tháng 7 và rằm tháng 9 cũng cúng tổ tiên như tết rằm tháng 3. Riêng Tết Nguyên đán họ phải thịt đến 5, 6 con gà, trong đó phải có gà mái để cúng tổ tiên, gà trống cúng thổ công (*sứ quan*). Ngoài ra, gia đình nào làm thêm các nghề phụ như nghề mộc, làm ngói, đan lát còn phải cúng thêm ông tổ nghề nghiệp nữa.

Trong đời sống tâm linh, người Cờ Lao quan niệm có ma quỷ, thần thánh. Mỗi bản đều có miếu thờ thổ công và thần rừng ngay ngoài bìa rừng, đây là nơi linh thiêng nhất của cộng đồng (gọi là *mí sí*).

Nếu trong gia đình nào có người hay ốm đau thì họ phải lập một ngôi miếu nhỏ ở cạnh nhà gọi là *trù tí* để thờ cúng thường xuyên nhằm giải hạn, giải vía, cầu thần phù hộ cho người ốm mau khoẻ mạnh.

Một số đặc điểm văn hóa - xã hội của người La Chí

Nhà ở

Người La Chí sống định cư, mỗi xóm gồm 5 -10 nhà ở đầu nguồn khe nước, đôi khi vài ba nhà trên một sườn đồi. Nhà ở của người La Chí thuộc loại nhà nửa sàn, nửa đất; phần sàn để ở còn phần đất để làm bếp. Nhà ba gian, một chái. Gian ngoài gần chái có hai buồng: một để đồ đạc của cha mẹ, một là chỗ ngủ của con trai thứ. Gian chính chia làm hai phần: nửa trước đặt bàn thờ và nơi ngủ của bố mẹ; nửa sau đặt bếp sưởi và đặt bàn thờ của các con thứ. Gian cuối cùng dành cho con cả. Ba mặt phần nhà đất được trình tường cao sát mái, cấu trúc nhà mang tính phòng thủ rõ rệt.

Xã hội

Trước Cách mạng tháng Tám, mỗi vùng có quan chánh tổng người La Chí cai quản. Họ được hưởng một số đặc lợi như bắt phu phục dịch, phu làm ruộng, hoặc người dân mổ lợn, giết trâu phải nộp quan chánh tổng (*kha pô*) một vai thịt. Việc phân hoá giai cấp trong xã hội khá rõ rệt, ruộng đất là tài sản tư hữu; không có ruộng công; thuê mướn nhân công và cho vay lãi phát triển.

Hôn nhân, gia đình

Gia đình người La Chí theo chế độ phụ quyền. Quyền thừa kế tài sản thuộc về anh trai cả và em trai út. Nhà to là của anh, ruộng tốt là của em trai út. Trước đây người La Chí sống trong gia đình lớn nhiều thế hệ. Từ thập kỷ 70 (thế kỷ XX) trở lại đây không còn gia đình bốn hệ nữa, thường mỗi gia đình có từ 7 đến 8 người hoặc đông đến 11-12 người. Hôn nhân một vợ một chồng bền vững, hôn nhân trong dòng họ chỉ được phép sau bốn đời. Anh chết em được lấy chị dâu, nhưng em chết anh không được lấy em dâu. Điểm đáng chú ý là hôn nhân của người La Chí chỉ bó hẹp trong nội bộ dân tộc, không lấy người ngoài dân tộc.

Trong cưới xin, người La Chí có tục vờ trối chú rể với bạn bè, bà mối lôi cô dâu ra khỏi buồng đưa về nhà trai. Phong tục này là tàn dư của tục lôi kéo hay cướp vợ xưa kia. Tục lại mặt hai lần sau ngày cưới gọi lại tục ở rể. Có trường hợp trai gái vào rừng tìm hiểu nhau rồi báo cho bố mẹ cô gái biết. Nếu bố mẹ không đồng ý, trai gái lại tiếp tục vào rừng cho đến lúc bố mẹ đồng ý thì người con trai mới đưa cô gái về nhà mình tổ chức lễ cưới.

Tang ma

Khi trong nhà có người chết, quan tài được rửa bằng nước thảo quả và đặt cùng chiều với xà ngang hàng cột thứ

hai. Trên nắp quan tài luôn có ngọn nến thắp sáng. Nơi đào huyệt được chọn bằng cách bói trên xương đùi gà. Đầu quan tài đặt quay về hướng núi. Mộ đắp cao hình nón. Quanh mộ đóng bốn cọc. Đầu mộ có một cọc treo túi vải (nếu là nữ thì treo thêm chiếc nón), chân cọc đặt một ống tre lấy từ bàn thờ tổ tiên (nếu là chủ gia đình). Người ta đập chết một con chó đặt cạnh mộ, đầu chó hướng về phía mặt trời mọc. Chiều tối ngày mới chôn, con cháu tới thắp cúng cơm, ống nước và đốt lửa dưới chân mộ.

Người La Chí cho rằng con người có 12 hồn, trong đó hai hồn trên vai là quan trọng nhất. Lúa và ngô cũng có hồn và được cúng vào tháng 12 sau vụ thu hoạch. Họ cúng tổ tiên sau ba đời vào dịp tết, không có ngày giỗ. Điểm đáng chú ý là người La Chí có nhiều bàn thờ trong nhà. Mỗi người con có một bàn thờ, xếp cao thấp, thứ tự từ bố, con út, con thứ, con cả. Nghi lễ cũng diễn ra trình tự như vậy. Ngoài việc thờ cúng trong gia đình, người La Chí còn có nhà cúng dòng họ riêng gọi là *khu cù té*. Nghi lễ cúng ở đây do những người được chọn bằng cách bói trên xương đùi gà thực hiện, họ được gọi là *pô mìa nhu*. Ở *khu cù té*, hàng năm các gia đình còn cúng Hoàng Dìn Thùng - người được xem là thủ lĩnh của người La Chí xưa. Các lễ cúng liên quan đến lễ nghi nông nghiệp cũng diễn ra ở đây, nhưng đôi khi được tổ chức ở từng gia đình.

Văn hóa nghệ thuật

Vốn văn học dân gian của người La Chí rất phong phú. Đồng bào có truyện cổ tích, thần thoại lý giải về nguồn gốc con người, nguồn gốc dân tộc, nguồn gốc mặt trời, mặt trăng, cây lúa, củ gừng, sự tích các ngày lễ tết, hội hè...

Ngày lễ tết, người La Chí có nhiều trò chơi giải trí như ném còn, đánh đu, đu thăng bằng, đu dây. Trẻ em thích chơi ông phốc, trai gái thích hát ní ca, chơi đàn tính, đánh chiêng, trống.

Một số đặc điểm văn hóa - xã hội của người Pu Péo

Nhà ở

Người Pu Péo sống định cư thành xóm, mỗi xóm có 4-5 gia đình và cư trú phân tán ở các xã thuộc hai huyện Đồng Văn và Bắc Mê tỉnh Hà Giang. Trước đây người Pu Péo ở nhà sàn, nay hiếm gỗ họ chuyển sang ở nhà đất. Nhà có hai, ba hoặc bốn gian. Nhà chỉ có hai mái, không có chái. Nhà trình tường, thưng ván trúc hoặc tre, mái lợp cỏ gianh hoặc ngói. Nhà ở của người Pu Péo gần giống với nhà người Mông ở cùng khu vực. Mặt bằng nhà thường chia làm ba khu vực, khu giữa mở cửa tiếp khách, hai bên là bếp nấu ăn, nấu cám lợn và tiếp khách. Nơi ngủ cũng bố trí hai bên bếp lửa như nhà người Cờ Lao. Nhà người Pu Péo thường có gác xép giáp mái nhà để lương thực. Cánh cửa nhà thường to và nặng nề.

Hôn nhân, gia đình

Trong các văn bản, họ của người Pu Péo được viết bằng chữ Hán nhưng trong cách đọc lại theo âm địa phương như Cung, Trắng, Phủ, Pê, Vàng, Thảo, Chúng, Lùng, Chồ, Giàng, Lù, Lèng.

Trước đây, việc hôn nhân của thanh niên Pu Péo do cha mẹ quyết định, không có tục ở rể. Người Pu Péo theo hôn nhân một vợ một chồng; ngăn cấm hôn nhân trong dòng họ, hôn nhân con cô con cậu bị hạn chế. Khi chồng chết thì người phụ nữ có thể lấy em trai hoặc anh trai chồng làm vợ, nhưng cấm hai anh em trai lấy hai chị em gái. Việc hôn nhân ngoại tộc được chấp nhận đã làm cho quá trình hoà hợp giữa người Pu Péo với các dân tộc khác trong vùng trở nên nhanh chóng và rộng rãi hơn.

Cưới xin ở người Pu Péo phải qua nhiều bước: lễ thăm dâu, lễ hỏi, lễ đón dâu. Trong lễ hỏi, nhà trai mang đồ dẫn cưới sang nhà gái gồm lưng sọt xôi, một miếng thịt sườn, vài mét vải đỏ, một đôi bát, một chuỗi hạt cườm và một đôi vòng tay bằng bạc. Nhà gái nhận lễ rồi cúng tổ tiên trên bàn thờ. Từ đó hàng năm cứ đến ngày tết, nhà trai đều có nghĩa vụ đến sêu tết gia đình nhà gái.

Trong đám cưới, nhà trai dẫn lễ bằng com nếp, một ít tiền và lễ vật. Khi đón dâu, lễ vật gồm năm sọt xôi, hai

mét vải đỏ, một chuỗi hạt cườm, một đôi bát và một con gà trống.

Khi nhà trai tới cổng, nhà gái kê một chiếc bàn nhỏ trên đế rượu, nước chè chắn cửa ra vào. Hai bên cử những người hát đối đáp giỏi để hát với nhau. Nếu nhà trai hát đối đáp giỏi thì được mời uống rượu, nước chè và được mời vào nhà.

Tối đến, nhà trai đưa lễ vật vào cúng tổ tiên nhà gái. Ông mới trao lễ vật; tặng tiền cho bố mẹ, họ hàng cô dâu. Nhà gái tặng quà và của hồi môn cho cô dâu. Mọi người ca hát vui chơi suốt đêm.

Đến sáng ngày hôm sau, cô dâu chú rể làm lễ tạ tổ tiên. Một cô phù dâu công cô dâu ra khỏi cổng mới theo đoàn đón dâu về nhà trai. Đến nhà trai, đôi tân hôn thắp hương cúng tổ tiên nhà chồng. Đối với người Pu Péo, con gái khi trở về nhà mình được đối xử như một khách quý.

Tang ma

Các nghi thức tang ma của người Pu Péo có nhiều nét độc đáo. Một đám ma gồm hai giai đoạn: lễ tang cho người mới chết và lễ ma khô được tổ chức sau một thời gian hay sau vài ba năm.

Khi trong nhà có bố hoặc mẹ qua đời, công việc đầu tiên là phải đặt nghiêng những chiếc hũ trên bàn thờ xuống, quan tài đặt ở gian giữa nhà. Người chết được

khâm liệm cẩn thận. Trong đám ma, ông thầy cúng đọc các bài cúng liên quan đến truyền thuyết lịch sử của dân tộc. Sau khi chôn ba ngày, con cái đem cơm, thịt, rượu, lửa ra cúng ở mộ.

Sau đó bảy ngày, mười ba ngày và đầy tháng họ cũng tổ chức cúng như vậy, nhưng những lần sau đồ lễ cúng được đặt xa mộ hơn và lần cuối cùng đặt ở giữa đường rồi con cháu quay về. Từ đó người ta chỉ đến thăm mộ mà không cúng nữa. Con cháu chọn ngày tốt để đặt lại các hũ vào vị trí cũ và đưa thêm một hũ mới lên bàn thờ.

Lễ ma không thể tổ chức sau khi chôn hoặc vài ba năm sau khi chết trong ba ngày hai đêm. Trong lễ này người ta uống rượu cần và đánh trống đồng.

Người Pu Péo tin ở sự tồn tại của linh hồn. Người ta cho rằng nam và nữ đều có linh hồn, có hồn mạnh và có hồn yếu, vì vậy khi cho trẻ đi xa, người ta đánh dấu chữ thập bằng nhọ nôi trên trán để bảo vệ hồn đứa trẻ không bị làm hại. Khi trong nhà có người ốm, người Pu Péo có tục gọi hồn, công việc này thường được diễn ra vào đêm 29 hoặc 30 tết Nguyên đán. Họ thờ cúng tổ tiên ba đời. Trên bàn thờ đặt những hũ sành nhỏ, mỗi hũ tượng trưng cho một đời. Một số gia đình có truyền thống làm nghề thủ công họ còn có bàn thờ tổ sư các nghề.

Lễ tết

Người Pu Péo ăn tết Nguyên đán như các dân tộc khác trong vùng. Họ dùng bánh chưng để cúng tổ tiên. Ngày mừng một tết có tục nam nữ đi gánh nước vàng, nước bạc. Trong ba ngày tết, sau bữa cơm không được rửa bát đĩa, đến bữa chỉ dùng giấy lau sạch với mong muốn được nhiều tài lộc. Từ mừng ba đến 13 tháng giêng có lễ *bạt ong* (lễ ép nước) của toàn bản với nội dung mở đầu năm sản xuất, cầu mong làng xóm thanh bình, mọi người mạnh khỏe, hạnh phúc trong cả năm.

Văn học nghệ thuật

Một điểm đáng chú ý là trước đây người Pu Péo đã từng lưu giữ và sử dụng trống đồng. Trống đồng được dùng phổ biến trong các dịp tang ma. Ngày nay có lẽ không còn trống đồng nên họ không dùng nữa. Người Pu Péo có vốn văn học nghệ thuật dân gian phong phú và đa dạng. Những truyền thuyết lịch sử, truyện cổ dân gian thể hiện rõ nét các sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng vẫn được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân.

Một số đặc điểm văn hóa - xã hội của người La Ha

Nhà ở

Người La Ha trước đây sống du canh du cư nên nhà cửa của họ rất tạm bợ. Hiện nay đại bộ phận đã định canh, định cư, cuộc sống ổn định và họ làm nhà to đẹp như nhà người

Thái, đó là loại nhà sàn hai đầu hồi mái khum tròn như hình mai rùa. Việc bố trí trong nhà chia thành hai phần: một nửa dành hẳn làm nơi tiếp khách, một nửa để sinh hoạt gia đình. Nơi đặt bàn thờ tổ tiên có cách bài trí khác nhau giữa các dòng họ.

Bản của người La Ha thường dựng ở những nơi thuận tiện cho việc làm nương kết hợp với việc làm ruộng chờ mưa, mỗi bản có từ mười nóc nhà trở lên.

Trước kia người La Ha chủ yếu ăn cơm nếp, ngày nay do sản xuất ruộng nước nên họ kết hợp ăn cơm tẻ. Khi đến tuổi trưởng thành người La Ha có tập quán nhuộm răng đen và ăn trầu.

Hôn nhân, gia đình

Gia đình người La Ha theo chế độ phụ quyền, người cha có quyền cao nhất. Con trai, con gái đều mang họ bố kể cả thời gian ở rể, vợ phải đổi theo họ chồng sau lễ cưới chính thức.

Khi chồng chết, người đàn bà phải ở với con trai lớn hoặc họ hàng nhà chồng, không được phép trở về với bố mẹ đẻ. Tài sản của vợ chồng thuộc quyền các con trai, nếu không có con trai thì thuộc về anh em nhà chồng, người đàn bà góa không được hưởng tài sản của chồng.

Thanh niên nam nữ La Ha được tự do tìm hiểu trước hôn nhân, nhưng muốn thành vợ chồng phải được phép

của người cha. Trong xã hội truyền thống, người con trai muốn có vợ chính thức phải ở rể bốn đến tám năm. Hiện nay phong tục này đã được xoá bỏ.

Tín ngưỡng, tang ma

Người La Ha tin rằng con người có 8 hồn, hồn chủ ở trên đỉnh đầu, các hồn khác ở cằm, mũi, cổ và hai tay, hai chân. Người chết hồn biến thành ma. Nếu người chết già được chôn cất theo đúng thủ tục tang ma của dân tộc sẽ biến thành ma nhà, ngụ tại bàn thờ tổ tiên hoặc coi nương rẫy. Nếu chết không bình thường có thể biến thành nhiều loại ma khác nhau làm hại con người.

Người La Ha có tập quán chôn người chết; mộ được đắp cao ngang đầu gối, hình vuông, xung quanh có rãnh thoát nước. Phía trên mộ có dựng nhà mồ hai mái để che mưa nắng. Cạnh mộ đặt giỏ xôi, mâm cơm, chuối cây, hòm đựng quần áo, chăn, đệm (tục chia của cho người chết). Bốn góc mộ cắm bốn lá cờ may bằng vải trắng, vàng.

Văn học, nghệ thuật

Người La Ha có kho tàng truyện kể, thơ ca dân gian phong phú nhưng hầu như đều thể hiện bằng tiếng Thái.

Đặc điểm ngôn ngữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai cư trú trên một địa bàn rộng lớn chạy dài theo biên giới giữa nước ta và các nước láng giềng anh em, đây cũng là vùng đất mà từ

lâu đã trở thành nơi cư trú tập trung của nhiều tộc người, nơi hội tụ của nhiều luồng ngôn ngữ, nhiều luồng văn hóa khác nhau.

Người La Ha sống xen kẽ với người Thái, Kháng, Khơ-mú, Phù Lá... ở các tỉnh Sơn La, Lào Cai. Người Pu Péo, La Chí, Cờ Lao sống xen kẽ với người Mông, Dao, Tày, Nùng... ở tỉnh Hà Giang. Do sống đan xen lâu đời với các tộc người khác nên không tránh khỏi hiện tượng tiếp biến và giao thoa văn hóa, sự ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ các dân tộc.

Trong quá trình cộng cư, một số tộc người có dân số ít, trình độ kém phát triển đã dùng tiếng của những tộc người có số dân đông hơn, có trình độ phát triển hơn. Tình trạng này làm cho sự phân loại các nhóm ngôn ngữ và sự xác định từng ngôn ngữ cụ thể không phải luôn trùng với sự phân loại theo đặc trưng dân tộc học. Khi nghiên cứu, xem xét về đặc điểm ngôn ngữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, chúng tôi thấy đặc điểm này càng rõ nét hơn.

Người La Ha và người Thái đã cùng chung sống với nhau ở vùng đất Tây Bắc trong nhiều thế kỷ qua. Do dân tộc La Ha có số dân ít lại sống phân tán, xen kẽ vào các làng bản đông đúc của người Thái nên người La Ha đã chịu ảnh hưởng rất lớn của văn hóa Thái, đặc biệt là về tiếng nói

và phong tục tập quán. Hiện nay người La Ha từ trẻ đến già đều nói tiếng Thái rất thông thạo.

Người Pu Péo tuy vẫn có tiếng nói riêng nhưng nhiều người Pu Péo nói rất giỏi tiếng Mông, Quan Hoá, Tày, Nùng.

Các nhóm địa phương người Cờ Lao trước đây có tiếng nói, hiện nay người Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Xanh không còn nói được tiếng xa xưa của dân tộc mình nữa. Tuỳ theo điều kiện tiếp xúc, cộng cư họ quen sử dụng tiếng Quan Hoá, tiếng Tày, tiếng Pu Péo hay tiếng Mông trong giao tiếp hàng ngày.

Người La Chí ở một số nơi gần như quên hoàn toàn tiếng xa xưa của mình. Trong sinh hoạt gia đình, trong giao tiếp ngoài xã hội họ dùng tiếng Tày.

Từ thực tế tình hình đan xen ngôn ngữ của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai đã làm cho việc nghiên cứu, tìm hiểu vốn từ chung của bốn tộc người này rất khó khăn và phức tạp. Theo PGS.TS Hoàng Văn Ma: "Bốn ngôn ngữ trong nhóm Kađai có tỷ lệ từ chung không cao. Nếu so sánh bốn ngôn ngữ này với nhau trong phạm vi 200 từ thì khối lượng từ chung xuyên qua cả bốn ngôn ngữ chiếm khoảng 11%. Đây là tỷ lệ quá thấp so với tỷ lệ từ chung giữa các ngôn ngữ trong nhóm khác"⁽¹⁾

⁽¹⁾ Hoàng Văn Ma, *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam một số vấn đề quan hệ cội nguồn và loại hình học*, NXB Khoa học xã hội, H. 2002.

Mặc dù có những điểm khác biệt về ngôn ngữ, nhưng bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai cũng có nhiều nét tương đồng về văn hóa. Chính sự tương đồng này đã tạo nên sự gắn kết, thể hiện đặc trưng văn hóa của một hệ ngôn ngữ đã và đang tồn tại ở nước ta.

*

* *

Tóm lại, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai cư trú tập trung ở hai tỉnh Hà Giang và Sơn La. Đây là những tỉnh miền núi giáp biên giới phía Bắc của Tổ quốc, địa hình bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối và các ngọn núi đá cao, đường giao thông đi lại hiểm trở, khó khăn. Mặc dù môi trường thiên nhiên cũng có một số ưu đãi về khí hậu, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nhưng đây vẫn là những tỉnh nghèo, mặt bằng kinh tế, văn hóa còn thấp.

Số lượng dân cư các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai không đồng đều, người Pu Péo có dân số ít nhất (chưa đến một ngàn người), người La Chí có dân số đông nhất (trên mười ngàn người). Tuy vậy, đây vẫn là những tộc người có số dân khá thấp ở nước ta.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai đã sống cộng cư lâu đời với nhiều dân tộc anh em khác nên sự giao lưu, hoà nhập văn hóa giữa

các tộc người là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên với bản lĩnh, bản sắc của mình, các tộc người vẫn giữ được các giá trị văn hóa đặc trưng riêng trong các lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể, góp phần tạo sự đa dạng, phong phú cho nền văn hóa của nhóm ngôn ngữ nói riêng cũng như nền văn hóa Việt Nam nói chung.

Người Pu Péo và một bộ phận người Cờ Lao sinh sống ở vùng cao núi đá chủ yếu canh tác trên nương thổ canh hộc đá và ruộng bậc thang. Người La Chí và một bộ phận người Cờ Lao sinh sống ở vùng cao núi đất chủ yếu canh tác trên ruộng bậc thang kết hợp với nương rẫy. Người La Ha cư trú ở vùng lòng chảo Tây Bắc nhưng đại bộ phận cư dân vẫn canh tác trên nương rẫy kết hợp với làm ruộng nước.

Thông qua các hoạt động sản xuất, đồng bào đã sáng tạo nên một nền văn hóa mang đậm dấu ấn tộc người riêng biệt.

Tuy được xếp trong cùng một nhóm ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ ở mỗi tộc người nhóm Kadai có nhiều điểm khác biệt. Trước hết, hiện tượng tiếp xúc và thâm nhập qua lại trong mối quan hệ về ngôn ngữ giữa bốn tộc người diễn ra rất phức tạp. Người La Ha nói tiếng Thái rất thông thạo, người Pu Péo có tiếng nói riêng nhưng nhiều người nói rất giỏi tiếng Mông, tiếng Quan Hóa, tiếng Tày, Nùng.

Các nhóm Cờ Lao trước đây có tiếng nói riêng, nhưng hiện nay hầu như đã hoà vào nhau. Nhiều người Cờ Lao Trắng đã quen sử dụng tiếng Quan Hoả, tiếng Pu Péo, tiếng Mông, hay tiếng Tày trong giao tiếp hàng ngày, kể cả trong gia đình.

Tuy có những đặc điểm khác biệt về ngôn ngữ nhưng bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai có nét tương đồng về văn hóa. Chính sự tương đồng về văn hóa đã tạo nên sự gắn kết, thể hiện bản lĩnh, bản sắc văn hóa truyền thống của cả một nhóm ngôn ngữ đã và đang sinh sống ở vùng biên cương phía Bắc Tổ quốc.

Chương II

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

I. KHÁI NIỆM VỀ TRANG PHỤC, QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRANG PHỤC

1. Khái niệm trang phục

Theo ý nghĩa khoa học hiện đại, trang phục là một thành tố văn hóa có nội dung đa dạng và phong phú. Từ trước tới nay nhiều học giả trong nước và nước ngoài đã dùng nhiều khái niệm, thuật ngữ đề cập đến hiện tượng văn hóa trang phục. Những thuật ngữ thường được đề cập đến là:

- *Y phục*: Thuật ngữ dùng để chỉ các đồ mặc của con người (kể cả nam và nữ, từ trẻ em đến người già) như khăn, áo, váy, khố, quần, thắt lưng... được làm ra từ nhiều loại chất liệu khác nhau.

- *Trang sức*: Thuật ngữ chỉ những vật dụng mà con người thường mang trên cơ thể, vừa có tác dụng làm đẹp

cho con người vừa gắn với những quan niệm tín ngưỡng của các tộc người như: vòng cổ, vòng tay, trâm cài tóc, hoa tai, khuyên tai, nhẫn, kiềng, hình xăm trên cơ thể...

- *Phục sức*: Là một từ ghép để chỉ nội dung y phục và trang sức.

- *Trang phục*: Là một từ ghép của trang sức và y phục. Giữa hai thuật ngữ phục sức và trang phục người ta quen dùng thuật ngữ trang phục hơn.

Theo PGS.TS Lê Ngọc Thắng, trang phục gồm hai yếu tố cơ bản tạo nên một chỉnh thể, theo công thức *trang phục* = *y phục* + *trang sức*.

Trang phục là những sản phẩm mang giá trị văn hóa vật thể được hình thành do nhu cầu của đời sống con người và nó không ngừng phát triển cùng với lịch sử phát triển của các cộng đồng tộc người và quốc gia. Trang phục là sản phẩm văn hóa tiêu biểu mang đậm dấu ấn văn hóa của từng thời đại, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa riêng của từng tộc người và quốc gia. Trang phục mang tính hai mặt: vừa bảo lưu những yếu tố văn hóa truyền thống, vừa giao thoa hoà đồng để thay đổi, bổ sung thêm các thành tố của một bộ trang phục cũng như chất liệu, kiểu dáng... cho phù hợp với cuộc sống hiện tại.

2. Quan niệm của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai về trang phục

Cũng như nhiều dân tộc thiểu số cư trú ở vùng núi

cao biên giới phía Bắc nước ta, đồng bào các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai cũng có một số quan niệm chung về trang phục.

Trước hết, họ coi y phục là những vật dụng không chỉ dùng để che thân, mà nó còn là thước đo tài năng của phụ nữ - những chủ nhân chính đã tạo nên bộ trang phục. Y phục còn gắn liền với những quan niệm về tín ngưỡng của mỗi cư dân; thể hiện tâm lý, thị hiếu của từng lứa tuổi.

Trang sức là những đồ vật không chỉ dùng để trang điểm cho con người trong các dịp quan trọng như cưới xin, lễ hội mà nó còn có ý nghĩa giúp con người tránh được sự làm hại của ma tà (nhất là đối với trẻ em và người già yếu); là thước đo điều kiện, khả năng kinh tế của từng cá nhân, từng gia đình trong xã hội.

Một số quan niệm của người Cờ Lao, La Chí về trang phục

Cũng giống như nhiều dân tộc khác, người Cờ Lao, người La Chí không mấy quan tâm đến việc sắm quần áo mới cho trẻ em, bởi họ cho rằng trẻ mới sinh mặc quần áo mới, đẹp dễ bị tà ma lại hại, khó nuôi. Người ta chỉ chú ý đến việc đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc cho trẻ. Nếu không có bạc họ nhờ thầy cúng đến làm lễ cầu mong cho trẻ luôn khỏe mạnh, sau đó thầy cúng đeo vòng vía bằng chỉ xe nhằm kỵ gió trừ ma, để đứa trẻ luôn khỏe mạnh. Bên cạnh đó, việc đội mũ vải cho trẻ em (kể cả trai và gái)

rất được chú ý. Riêng ở người La Chí, khi trẻ em được hơn một tháng tuổi người ta còn đính bổ sung lên chóp mũ của trẻ một tua may mắn (*miéo cà may*), đó là một miếng vải hình tam giác được can nhiều vải màu khác nhau và đính ba chùm tua chỉ dưới đáy với mong muốn trẻ mạnh khỏe, chóng lớn sau này trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội.

Trong đám ma, đám tang của người Cờ Lao, La Chí, những người đến dự không được mặc áo đẹp; phụ nữ là người thân hay con cháu trong gia đình người quá cố phải xoã tóc, không dùng đồ nữ trang, không dùng thắt lưng. Nếu làm trái những điều trên sẽ bị dư luận chê cười là người không hiểu biết hoặc là người bất hiếu.

Một số quan niệm của người La Ha về trang phục

Người La Ha quan niệm hồn con người thường trú ngụ trong áo nên khi có người ốm họ thường lấy chiếc áo của người ốm đặt lên mâm mời thầy cúng gọi hồn về. Chính vì quan niệm đó người La Ha rất kiêng cắt khâu quần áo vào tháng ba âm lịch (theo lịch Thái thì đó là tháng tám) vì vào thời gian này là mùa làm nương, họ sợ may quần áo xong hồn sẽ bỏ xác nhập vào áo mới, vì vậy người mặc áo sẽ bị ốm hoặc chết.

Vì vậy, khi cắt may những bộ quần áo mặc vào những dịp quan trọng như cưới xin, lễ mừng thọ họ phải chọn ngày lành tháng tốt mới làm.

Một số quan niệm của người Pu Péo về trang phục

Trên trang phục của người phụ nữ Pu Péo có trang trí dải hoa văn ghép vải rực rỡ chạy quanh gấu váy, gấu áo, cửa tay áo. Hoa văn chủ yếu là những hình tam giác bằng vải màu ghép lại thành hàng đều đặn. Trong quan niệm của người Pu Péo, hình tam giác là biểu tượng của ngọn lửa. Theo sự giải thích của một số cụ già người Pu Péo ở xóm Chúng Chả, xã Phố Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang: từ xa xưa khi người Pu Péo đến Hà Giang sinh sống, họ đã phải đi phát nương, làm rẫy để tạo lập khu vực sinh sống của mình. Trong quá trình khai phá nương họ đã dùng lửa đốt cháy cỏ cây để đánh dấu ranh giới khu đất giữa mình và người khác. Để ghi nhớ sự kiện này họ đã ghép những hình tam giác bằng vải màu (biểu tượng của ngọn lửa) lên trang phục của mình.

Trong đám cưới, cô dâu người Pu Péo phải đeo hai chiếc vòng cổ, một dây xà tích có đính khánh bạc bụng thông trước ngực, nếu khánh to gắn theo sáu quả chuông, khánh nhỏ gắn theo ba quả chuông; tay đeo một đôi vòng bạc. Nếu cô dâu có đủ những đồ trang sức quý giá này mới được gọi là cô dâu mới.

Trong ngày cưới, cả cô dâu và chú rể còn phải đeo một dây vải đỏ kết hoa ở giữa ngực. Theo quan niệm của người

Pu Péo thì màu đỏ, hoa đỏ tượng trưng cho hạnh phúc lứa đôi, tượng trưng cho sự thịnh vượng và phú quý.

Với một số quan niệm dân gian của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai về trang phục như trên, chúng ta thấy văn hóa trang phục có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống của các tộc người. Trang phục không chỉ giúp họ bảo vệ sức khỏe trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt vùng núi cao biên giới mà trang phục còn tham gia vào mọi khía cạnh của đời sống xã hội của cư dân, tạo ra những ứng xử của cá nhân với cộng đồng xã hội, góp phần tạo nên những phong tục tập quán truyền thống mang đậm dấu ấn tộc người, thể hiện rõ nét bản lĩnh, bản sắc văn hóa truyền thống của nhóm ngôn ngữ Kàđai.

II. QUY TRÌNH TẠO NGUYÊN LIỆU TRANG PHỤC

Trong xã hội truyền thống, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai nói riêng và các dân tộc thiểu số nói chung phần lớn đều biết trồng bông, trồng chàm, kéo sợi dệt vải để tự túc một phần vải mặc của mình. Trong vài thập kỷ gần đây do sự phát triển của kinh tế thị trường, đặc biệt là việc thông thương buôn bán giữa nước ta và Trung Quốc ngày càng phát triển đã làm cho nghề dệt vải thủ công của một số dân tộc bị mai một hoặc mất hẳn.

Người Cờ Lao, người Pu Péo trước đây cũng biết dệt vải, cũng có công cụ sản xuất vải nhưng đến nay nghề thủ

công này đã thất truyền. Họ chủ yếu mua vải công nghiệp bán tại thị trường hoặc vải tự dệt của một số dân tộc láng giềng như vải lanh của người Mông, vải chàm của người Tày, Nùng, La Chí... về may trang phục. Tuy nhiên dưới bàn tay may vá thêu thùa của người phụ nữ, trang phục của các tộc người này vẫn mang đậm dấu ấn văn hóa truyền thống dân tộc.

Chúng tôi đi sâu giới thiệu một số nội dung cũng như quy trình chế biến bông, nhuộm màu của người La Chí (cư trú ở phía đông Bắc Bộ) và của người La Ha (cư trú ở phía tây Bắc Bộ).

1. Quy trình tạo nguyên liệu dệt vải của người La Chí

Nhìn chung quy trình làm vải, nhuộm màu của các dân tộc khá giống nhau, nhưng những dụng cụ làm vải của người La Chí thô và có hình dáng tương đối khác so với dụng cụ làm vải của người La Ha.

Người La Chí do sinh sống ở các khu vực có địa hình núi cao, việc đi lại rất khó khăn, quan hệ thương mại bị hạn chế và có thể do tinh thần tự chủ về kinh tế cao nên đến nay họ vẫn duy trì được nghề trồng bông, trồng chàm, dệt vải để tự túc phần lớn nhu cầu may mặc của mình và của gia đình.

Để dệt được một tấm vải may y phục, họ phải trải qua một quá trình lao động miệt mài với nhiều công đoạn như:

trồng bông, cán bông, bắt bông, quần con bông, kéo sợi, hồ sợi, guồng sợi, đánh ống chỉ, dệt vải... Mỗi công đoạn đều đòi hỏi phải có kinh nghiệm và kỹ thuật mới có thể làm tốt được.

- **Trồng bông:** Sau tết Nguyên đán, người La Chí bắt đầu phát nương trồng bông. Nương trồng bông là những nơi đất tốt, là nương mới phát lần đầu đốt có nhiều tro, họ không trồng bông trên nương cũ.

Sau khi đốt nương, người ta cuốc đất rất cẩn thận, đất được đập kỹ; gốc cây nhỏ, rễ cây được nhặt sạch. Từ ngày 25 tháng một đến hết tháng hai âm lịch là thời gian tốt nhất để gieo hạt bông. Hạt bông được vãi đều trên nương rồi dùng cuốc hoặc cày kéo phủ một lớp đất mỏng lên để hạn chế sự phá hoại của chim, chuột. Trong những năm gần đây nhiều gia đình cuốc hố thành hàng cách nhau 30-40cm mới gieo hạt. Việc làm này còn giúp cây bông có thể cắm rễ sâu xuống đất, khi mưa không bị rửa trôi. Giống bông người La Chí cũng như nhiều dân tộc khác ở miền núi phía Bắc thường trồng là *bông cỏ*. Loại bông này tuy năng suất không cao nhưng chịu được hạn và khí hậu luôn thay đổi của vùng núi cao.

Nương bông được thường xuyên làm sạch cỏ, vun gốc và tỉa bớt những cây nhỏ yếu để bông xanh tốt, ra nhiều quả. Từ ngày 10 tháng 5 đến 30 tháng 6 là thời gian thu hoạch bông về phơi khô. Để có bông trắng phải phơi

nhieu nắng (ngày phơi nắng đêm phơi sương). Khi bông đã thật khô, người ta đựng bông vào những chiếc sọt to để dùng dần.

Việc chế biến bông chủ yếu do phụ nữ làm, họ thường tranh thủ làm vào lúc buổi trưa, buổi tối hoặc những ngày trời mưa không đi làm nương được, hoặc những lúc nông nhàn.

Các gia đình người La Chí hầu hết đều có các công cụ chế biến bông, tạo nguyên liệu dệt vải. Những công cụ này khá đơn giản nên họ có thể làm lấy hoặc đặt thợ mộc là người địa phương làm giúp và trả công.

- **Cán bông:** Dụng cụ cán bông tiếng La Chí gọi là *khâu là ní cô pa*. Cán bông được làm hoàn toàn bằng gỗ, có cấu tạo đơn giản. Bộ phận chính của cán bông là hai trục gỗ tròn có đường kính từ 5 đến 6cm, dài 30 đến 32cm. Hai trục tròn này chồng khít lên nhau và được cố định bởi hai khung gỗ cao 45cm. Trên hai khung gỗ có đục lỗ để luôn hai trục tròn nằm ngang, một phía khoét rãnh khớp hai trục với nhau, để khi quay hai trục chuyển động ngược chiều nhau. Trong hai trục quay có một trục tạo lực quay được kéo dài thêm 15 đến 17cm, phía ngoài gắn với tay quay. Phía trên và phía dưới hai khung gỗ được cố định bởi hai thanh gỗ nằm ngang, thanh trên mỏng, thanh dưới vuông có kích thước từ 8 đến 12cm. Trên thanh gỗ vuông này có đục một rãnh để luôn tám gỗ có kích thước

15x50cm để khi cán bông, nó vẫn đứng chắc chắn không bị lung lay. (Xem ảnh số 125).

Khi cán bông người ta thường trải một miếng vải chàm, một tấm phen hay chiếc chiếu con để hứng hạt bông; ngoài ra còn có một chiếc sọt nhỏ hay chiếc mẹt để hứng bông rơi xuống trong quá trình cán bông. Mục đích của việc cán bông là tách bông ra khỏi hạt. Hạt này được giữ lại làm giống cho năm sau.

- **Bật bông:** Sau khi bông đã tách hạt, chúng thường kết lại với nhau từng nắm. Để bông tơi đều người ta phải bật bông.

Cần bật bông tiếng La Chí gọi là *thế pa*, gồm hai bộ phận: cần bật và ghế ngồi.

Cần bật được làm bằng một thanh tre vót tròn, dài 170cm. Một đầu cần được tạo thành cán để tay cầm, đoạn cán này dài 30cm có dùi lỗ luôn dây nối căng đến ngọn cần, tạo cho thanh tre làm cần có hình cánh cung. Dây cung được làm bằng da trâu, bò hoặc vỏ cây rừng có độ bền cao, bên ngoài được tuốt sáp ong.

Ghế ngồi là hai đoạn gỗ kết nối tạo thành chữ L, lưng ghế gắn với một đoạn tre cao gần 2m. Phía trên đoạn tre có dây buộc để treo cần bật.

Khi bật bông phải dùng một chiếc chày gỗ (*tàn thế*) đập dây, dây này được dí sát đồng bông, khi đập dây có

độ văng bật lên bật xuống cho bông tơ đều. Chức năng chính của cần bật bông là làm cho bông tơ xốp trước khi vê thành các con bông.

- **Quấn con bông:** Sau khi bông đã được bật tơ xốp, chúng được xếp nhẹ nhàng vào đồ đựng. Tranh thủ trưa tối, các bà các chị vê bông và lăn thành từng lọn nhỏ gọi là con bông. Mỗi con bông dài khoảng 20cm to bằng ngón tay cái, từ những con bông này người ta dùng xa để kéo thành sợi.

- **Kéo sợi:** Xa kéo sợi tiếng La Chí gọi là *kh'ùng và liu* được làm bằng gỗ và liên kết khung xa bằng dây rừng (nay là dây thừng nhỏ). Xa kéo sợi gồm các bộ phận chính như đế xa, khung đỡ, guồng, tay quay, bộ phận quấn chỉ.

Đế xa làm bằng thanh gỗ rộng từ 8 đến 10cm, dày từ 3 đến 4cm có kết cấu hình chữ T dài khoảng 65cm, rộng từ 40 đến 45cm. Trên chiều rộng đế xa có gắn hai thanh gỗ làm giá đỡ để đặt guồng. Khung guồng được liên kết lại bằng dây thừng nhỏ đan chéo và các thanh gỗ chống xuống ổ trục giữa guồng. Ở giữa hai thanh giá đỡ đục lỗ để tra trục quay và gắn tay quay bằng gỗ. Dấu còn lại của đế xa được gắn với bộ phận quấn chỉ gọi là *phòn kh'ùng* là một thanh sắt nhỏ, có thể tháo lắp dễ dàng. Giữa thanh sắt và guồng quay được nối với nhau bằng sợi dây cua roa. (Xem ảnh số 126).

Khi kéo sợi, người ta dùng những ống trúc nhỏ dài

khoảng 15cm lồng vào que sắt, khi quay xa tạo những ống chỉ, ống trúc trở thành lõi bên trong cho chỉ khỏi bị rối.

Cách kéo sợi: Trước tiên người ta kéo một đoạn sợi dài bằng gang tay xe lại rồi cuốn vào đoạn trúc lồng ngoài que sắt. Người điều khiển dùng tay phải quay guồng, tay trái cầm con bông khéo léo kéo cho sợi ra đều và nhỏ. Hết tầm tay thì quay đều guồng cuốn sợi chỉ bông vào đoạn trúc.

Khi kéo sợi, điều khó nhất là phải phối hợp nhịp nhàng giữa tay quay guồng và tay kéo sợi để sợi bông ra đều, ít bị đứt. Khi các cuộn sợi đã đầy, người ta rút ống trúc ra khỏi xa và tiếp tục lồng ống trúc khác để tạo những ống chỉ mới.

Việc kéo sợi tuy rất nhẹ nhàng và đơn giản nhưng đây là khâu khó nhất trong quá trình chế biến sợi, do vậy chỉ những người thành thạo công việc mới làm được. Người thiếu kiên nhẫn hoặc vụng về sợi chỉ sẽ to, khi dệt vải sẽ thô, xấu.

- **Guồng sợi:** Khi đã tạo được nhiều ống chỉ nhỏ, người ta dùng guồng cuốn sợi, gọi là *kh'ùng* để tạo thành những con sợi lớn để tiếp tục công đoạn hồ sợi. Chiếc guồng sợi gồm hai bộ phận: khung cuốn sợi và guồng quay để quấn những cuộn chỉ thành những con sợi lớn.

Cách vận hành guồng sợi: Người ta quay bộ phận khung cuốn sợi để những ống sợi nhỏ được mắc trên

guồng quần dần sang khung tạo thành những con sợi to. Khi guồng được những con sợi khoảng một kilôgam, thì dỡ con sợi ra khỏi khung. Để các con sợi không bị rối, người ta cầm hai đầu của con sợi xoắn chặt lại trước khi xếp cân thận vào những đồ đựng để chuẩn bị giai đoạn hồ sợi.

- **Hồ sợi:** Muốn cho sợi săn, mịn và bền người ta phải hồ sợi. Kỹ thuật hồ sợi của người La Chí cũng giống kỹ thuật hồ sợi của nhiều tộc người khác (hồ bằng bột gạo tẻ). Công việc hồ sợi có thể theo hai cách:

Cách 1: Cho gạo tẻ vào chảo nấu thành cháo, số lượng gạo nhiều hay ít tùy thuộc vào số lượng sợi phải hồ. Sau khi cháo gần nhừ, người ta cho sợi vào nấu cùng với cháo trong thời gian 2-3 tiếng đồng hồ. Sau đó vớt sợi ra để nguội và đem giặt sạch rồi phơi khô.

Cách 2: Sau khi nấu được cháo, người ta cho những con sợi đã giặt qua nước lã (để sợi ngấm đều khi hồ) vào những chiếc nong to, sau đó đổ cháo lên sợi. Dùng thanh tre hay thanh gỗ đảo đi đảo lại cho sợi ngấm đều cháo. Khi cháo nguội, người ta dùng chân vò, đập thật kỹ để nước hồ ngấm đều vào sợi, sau đó sợi được giữ sạch và phơi khô.

- **Đánh suốt:** Sau khi hồ, sợi trở nên săn chắc, nhưng để thực hiện được công đoạn lên go dẹt vải, phải có những cuộn chỉ nhỏ, vì vậy người ta phải thực hiện công

đoạn đánh suốt để tạo thành nhiều cuộn chỉ. Dụng cụ quấn chỉ (*ro không*) có hình thức hoàn toàn giống chiếc guồng cuộn sợi nhưng nguyên lý hoạt động của nó ngược lại với nguyên lý hoạt động của guồng cuộn sợi. Để tạo ra những cuộn chỉ người ta phải quay guồng, trên có lắp ống chỉ, khi guồng quay, khung cuộn sợi quay theo guồng và rút dần chỉ trong cuộn sợi để tạo thành những cuộn chỉ nhỏ (ống chỉ). Thông thường để lên một khung dệt, người ta phải dùng từ 50 đến 100 ống chỉ. (Xem ảnh số 128).

- **Dệt vải:** Quy trình dệt vải của người La Chí cũng giống như quy trình dệt vải của nhiều tộc người khác. Chiếc khung dệt được gọi là *khờ po*, được làm bằng gỗ và tre. Khung dệt hình chữ nhật, dài khoảng 140cm, rộng khoảng 70cm, cao khoảng 150cm. Khung dệt có các bộ phận quan trọng như: trục quấn sợi xuống bộ phận dệt (*mai khẻ nó*), bộ phận quấn vải (*pam pả*), bộ phận đập vải (*khờ pùng*), bộ phận tách sợi (*tè kè pòng*), bàn đập (*kó pòng*), thoi dệt (*cung thà*)... (Xem ảnh số 129).

Dệt vải là một công việc tỷ mỷ, phải thực hiện nhiều thao tác khá phức tạp. Trước hết phải dàn sợi lên khung dệt, công việc này phải có từ hai đến ba người mới làm được. Trước khi dàn sợi, người ta lấy những ống sợi lắp vào một chiếc khung gọi là *phùng thùng*, khung có chiều dài 75-78cm, rộng 60-65cm, cao 25-30cm. Trên hai thanh ngang của khung có đục nhiều hàng lỗ để luồn thanh tre

vót tròn. Trên các thanh tre người ta lồng các ống chỉ, có khoảng 20 ống chỉ trong một khung. (Xem ảnh số 127).

Thông thường để dàn sợi lên khung dệt, người ta phải sử dụng các hàng cột nhà hoặc đóng một số cọc tre thẳng làm nơi dàn sợi, sao cho các đoạn sợi có độ dài bằng nhau. Trước khi dàn sợi, các đầu chỉ được tóm lại và buộc cố định ở một chiếc cột, sau đó vòng sợi qua các cột để tạo nên độ dài theo ý muốn. Khi nào đủ độ dài người ta bắt đầu dàn sợi cho đều. Khi đủ các sợi dọc cho một khổ vải (khoảng 350-400 sợi) thì cuộn sợi vào một chiếc trục bằng gỗ (trục cuộn sợi) để chuẩn bị đến công đoạn lên go.

- **Lên go:** Là công đoạn phức tạp, đòi hỏi sự cầu kỳ, tỉ mỉ. Quy trình lên go là nhằm luồn các sợi chỉ vào hai lá go tạo nên nhịp trên và nhịp dưới của dàn sợi. Khi dệt vải, hai lá go này được nâng lên hạ xuống nhịp nhàng, tạo ra khe hở để lao thoi qua và đập sợi cho chặt. Hai sợi ngoài cùng của khổ vải thường chập đôi hoặc chập ba để mép vải cứng và không bị đứt khi dệt.

Các sợi đặt theo chiều dọc khung có chiều dài bất kỳ, tùy theo chiều dài mảnh vải định dệt, những sợi dệt ngang có chiều dài cố định bằng chiều rộng của khổ vải. Khi dệt, người phụ nữ ngồi vào khung cửi, hai chân đạp bàn đạp để go nâng sợi dọc, một tay lao thoi một tay đập sợi và kết hợp đôi tay nhịp nhàng.

Kỹ thuật dệt vải của người La Chí nhìn chung còn ở

trình độ thấp mang tính thủ công, họ chỉ dệt được những loại vải trơn (vải mộc) để nhuộm màu may quần áo, làm vỏ chăn, đệm... Họ không biết dệt vải thổ cẩm như người Tày, Nùng, Thái, Mường.

- Quy trình tạo màu nhuộm vải của người La Chí:
Cũng như nhiều tộc người thiểu số khác cư trú ở phía Bắc Việt Nam, người La Chí chủ yếu dùng màu chàm để nhuộm vải may trang phục và làm đồ dùng trong gia đình. Chàm được trồng thành nương nhưng nương trồng chàm phải là những nơi đất tốt có độ ẩm cao. Chàm được trồng bằng hom hoặc gieo hạt vào tháng 7 năm trước đến tháng 7 năm sau mới được thu hoạch. Để chàm xanh tốt có năng suất cao, khâu chăm sóc phải được đặc biệt chú ý, phải thường xuyên làm cỏ, vun gốc để chàm phát triển tốt.

Việc thu hoạch chàm cũng cần có những yêu cầu về kỹ thuật. Những gia đình trồng ít chàm họ có thể dùng chum, vại, vò để ngâm. Những gia đình trồng nhiều chàm trước khi thu hoạch họ phải chuẩn bị một số hố ngâm chàm. Hố ngâm chàm được đào sâu khoảng 2m, có đường kính từ 1,5 đến 1,8m. Đáy hố và xung quanh thành hố được đắp, nện đất thật kỹ để không bị thấm nước. Trước khi ngâm chàm, họ cho nước vào hố trước vài ngày để kiểm tra có bị rò, thấm không, nếu hố không bị ngấm nước thì có thể cất chàm về ngâm.

Khi thu hoạch, chàm được cắt sát gốc, trước khi ngâm

cắt thành từng đoạn ngắn 50 - 60cm để thuận tiện khi vắt bã. Chàm ngâm trong vài ngày thì lá và vỏ thân cây chàm nát ra, người ta dùng cào hoặc những đoạn cây cào đi cào lại, rồi vớt lên bỏ hết thân cây, lá - ngọn chàm được vắt kỹ, bã vớt đi. Sau đó người ta thả một ít vôi bột xuống nước chàm và khuấy đều (số lượng vôi nhiều hay ít tùy thuộc vào khối lượng nước ngâm). Nước vôi có tác dụng giúp cho chàm đông lại và lắng dần xuống đáy hồ tạo thành một thứ bột nhão. Khi cao chàm đã lắng đặc xuống đáy hồ, người ta tháo hoặc múc hết nước để xúc bột chàm cho vào các đồ đan (gùi, địu, dậu), cao chàm đông lại thành khối, được cắt đi dùng dần.

Khi muốn nhuộm vải, người ta lọc nước tro bếp ngâm trong thùng gỗ hoặc chum vại với một lượng cao chàm nhất định từ 5 đến 7 ngày. Trước khi nhuộm, họ dùng que tre hoặc gỗ khoắng thùng nước chàm thật đều đến khi ngàu bọt mới nhúng vải trắng vào ngâm (đêm ngâm ngày phơi nắng). Muốn vải có màu bền đẹp phải làm liên tục như vậy khoảng 25 đến 30 lần (mất khoảng một tháng) thì sẽ có màu xanh đậm. Nếu muốn có màu sắc khác thì dùng củ nâu, lá cây rừng, củ nghệ để ngâm tiếp vải đã nhuộm chàm. Người La Chí thường dùng nước củ nâu nhuộm thêm 3 đến 4 lần nữa sau đó lại nhuộm tiếp nước chàm khoảng hai đến ba lần để vải có màu đen tím - màu người La Chí ưa thích nhất. Chính nhờ cách pha màu này mà bộ

quần áo của người La Chí có màu sắc độc đáo, khó lẫn với các dân tộc khác trong vùng.

Từ những tấm vải đã được nhuộm màu thật đẹp, những người bà, người mẹ, người chị chuẩn bị cắt khâu nên những bộ trang phục cho mọi thành viên trong gia đình.

2. Quy trình tạo nguyên liệu dệt vải của người La Ha (ở Sơn La)

Trước kia người La Ha biết trồng bông nhưng không biết dệt vải, họ dùng bông đổi vải, đổi quần áo của người Thái để mặc. Đó cũng là lý do giải thích vì sao người La Ha không có loại trang phục riêng mà họ mặc trang phục giống của người Thái kể cả phụ nữ và nam giới.

Người La Ha cũng dành những nương tốt nhất để trồng bông. Cây bông tiếng La Ha gọi là *lăm phải*, đó là loại *bông cỏ* tuy năng suất không cao nhưng chịu được hạn và thời tiết khắc nghiệt, ít phải chăm sóc. Trước khi trồng bông người ta làm đất thật kỹ. Bông được trồng vào tháng 4 dương lịch, hố cách hố từ 40 đến 50cm, mỗi hố gieo từ 3 đến 5 hạt. Khi bông đã lên cây, họ thường tỉa bớt những cây nhỏ yếu chỉ để lại mỗi hố hai cây. Sau khi gieo được khoảng một tháng thì làm cỏ và vun gốc cho bông.

Đến tháng 9 dương lịch, người ta bắt đầu thu hoạch bông về phơi khô, nhặt sạch để chuẩn bị đem đổi vải hoặc y phục.

Từ năm 1965 trở lại đây, người La Ha bắt đầu sống định canh, định cư, một số gia đình học tập người Thái cũng sắm bộ kéo sợi, dệt vải để tự túc một phần vải mặc. Tuy nhiên công việc này không mang tính ổn định, chủ yếu chỉ dừng ở khâu tạo nguyên liệu sợi, sau đó đem đi đổi để được giá hơn.

Chiếc cán bông tiếng La Ha gọi là *nặm iu phái*, đây là loại công cụ khá đơn giản nên đồng bào có thể tự làm để sử dụng trong gia đình. Chiếc cán bông được làm bằng gỗ, gồm các bộ phận: chân, giá đỡ, hai trục đỡ trục quay. Hai trục ép bông được đục tròn nhẵn có đường kính 2cm, dài 35cm; ở một đầu của hai trục được khoét thành nhiều rãnh giống như bánh răng cưa. Đầu trục bên kia có gắn thêm tay quay. Cả hai trục này được đặt trên hai thanh gỗ (giá đỡ) có chốt hãm chặt hai đầu.

Cán bông (*nặm iu phái*) có tác dụng tách hạt ra khỏi bông. Khi vận hành cán bông người ta ngồi lên giá đỡ, mặt hướng vào phía trục quay, tay phải cầm tay quay, tay trái bón bông vào giữa hai trục (động tác gần giống như việc ép mía). Hạt đã tách rơi xuống phía trước chiếc cán bông, sợi bông được trục cán kéo ra phía sau. Sau khi cán, bông bị bết người ta phải dùng cần bạt để làm cho bông tươi xốp rồi vê thành những con bông để kéo sợi.

Cần bạt bông được làm bằng thanh tre già vót tròn

hoặc một đoạn gỗ nhỏ, dẻo để uốn; hai đầu đoạn tre hoặc gỗ có cắt khắc hay đục lỗ để căng dây. Khi bắt bông phải dùng một chiếc chày gỗ hoặc đoạn gỗ nặng đập vào dây để căn bắt lên bắt xuống cho bông tơ đều. Bắt bông là công việc không đòi hỏi kỹ thuật cao nhưng phải có sức khoẻ nên công việc này chủ yếu do nam giới hoặc những người có sức khoẻ đảm nhận.

Nếu không tính quá trình gieo trồng và thu hoạch bông thì việc quay xa kéo sợi là công đoạn thứ tư trong quá trình làm bông - dệt vải (cán bông - bắt bông - quần con bông - kéo sợi). Trong công đoạn này phải sử dụng đến chiếc xa kéo sợi (*sung nay*).

Xa kéo sợi có các bộ phận chính như: đế xa (*cóóc sung*), cán xa (*khan sung nay*), guồng (*ka sung nay*), trục quay (*kẹn sung nay*), tay quay (*ma nay*), giá đỡ (*khạ*), bộ phận quần chỉ (*mác nay*)...

Đế xa thường làm bằng gỗ xoan rừng, có chiều dài từ 45 đến 50cm, rộng từ 5 đến 7cm. Một đầu thanh gỗ gắn với một đoạn gỗ vuông để tạo thành chữ T, có tác dụng giữ thẳng bằng cho xa. Trên đoạn gỗ vuông này có gắn với hai thanh gỗ làm giá đỡ cho bộ phận guồng. Đầu kia của xa gắn với bộ phận quần chỉ (*mác nay*) làm bằng một que sắt tròn dài 22cm, to bằng que hàn, được luồn một ống trúc nhỏ để cuộn sợi khi quay xa. Trục quay xa được làm

bằng gỗ gù hương dài khoảng 90cm, một đầu trục quay gắn với tay quay làm bằng một chạc cây vuông góc. Đoạn giữa của trục quay được cố định bởi hai giá đỡ, tại đây cũng chính là bộ phận của guồng xa. Guồng xa có thể được làm bằng gỗ hoặc bằng tre, mỗi bên guồng có bốn thanh tre dài 54cm; thanh tre được chuốt hai đầu giống hình cánh cung, ở giữa các thanh tre có khoan một lỗ tròn để tra vào trục quay. Các thanh tre được liên kết với nhau bằng những sợi dây rừng tạo nên một vòng tròn. Có một sợi dây rừng xe nhỏ nối từ guồng tới bộ phận quán chỉ tạo thành sợi dây cua roa để khi quay, xa vận hành được.

Khi kéo sợi, người ta ngồi xếp chân bằng tròn, mặt hướng vào chiếc xa. Tay phải cầm tay quay và quay đều để xa hoạt động, tay trái cầm con bông kéo nhẹ tạo thành một đoạn chỉ nhỏ và quán vào bộ phận quán chỉ. Trong quá trình thao tác cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa tay quay và tay rút chỉ, nếu không chỉ sẽ đứt hoặc không đều sợi. Khi nào ống chỉ đầy người ta rút ống trúc đã quán đầy chỉ ra và lắp ống trúc mới vào que sắt tiếp tục tạo ra những ống chỉ mới.

Người La Ha chủ yếu sản xuất sợi để đôi lấy vải của người Thái và một số dân tộc khác về dùng. Số người biết dệt vải không nhiều. Khi dệt vải họ dùng loại khung dệt mua của người Thái; kỹ thuật dệt chưa cao, chủ yếu dệt loại vải thô để may váy hoặc làm vỏ chăn đệm; cũng chính

vì vậy từ trước tới nay, người ta vẫn cho rằng trang phục của người La Ha chịu ảnh hưởng hoàn toàn trang phục của người Thái.

- Quy trình tạo màu nhuộm vải của người La Ha

Trong vài thập kỷ gần đây, một số người La Ha đã biết trồng chàm và chế biến cao chàm, tạo màu nhuộm vải. Công việc này họ cũng học hỏi từ người Thái, tuy nhiên do có ít người biết làm, nên công việc này chưa mang tính thường xuyên và còn nhỏ lẻ.

Nương trồng chàm cũng là nương đất tốt nằm trên các sườn đồi. Chàm có hai loại: chàm lá nhỏ khó trồng, năng suất thấp nhưng cho màu đẹp và chàm lá to dễ trồng, năng suất cao nhưng màu kém hơn. Muốn có màu đẹp phải có kinh nghiệm pha chế thêm các phụ gia khác.

Chàm lá nhỏ (*sam*) thường được trồng vào tháng 3 dương lịch, đến tháng 6 tháng 7 cây cao khoảng 50cm người ta bắt đầu thu hoạch. Loại chàm này chỉ được thu hoạch một lần nên đồng bào ít trồng. (Xem ảnh số 122).

Chàm lá to (*hóm*) đòi hỏi đất ẩm nên thường trồng gần khe suối, trong vườn trước nhà. Vào tháng 7 hàng năm, trời mưa nhiều, đất ẩm người ta cắt thân cây chàm dài khoảng 20cm, cuốc rãnh vùi xuống đất đã được làm kỹ. Sau 6-7 tháng trồng có thể thu hoạch. Khi thu hoạch chàm, người ta chỉ cắt phần ngọn khoảng 40 - 50cm đem về ngâm. Loại

chàm lá to sống lâu, với cách thức thu hoạch như trên, người La Ha có thể trồng chàm một lần nhưng thu hoạch được nhiều năm. (Xem ảnh số 123).

Quy trình chế biến chàm của người La Ha có thể chia thành bốn bước.

Bước một: Cắt ngọn chàm cho vào cối giã dập, bỏ vào chum (chum sành Mường Chanh) sau đó đổ ngập nước ngâm đủ hai ngày hai đêm, vắt bỏ bã đi. Lấy một ít vôi củ ngâm vào nước hai giờ rồi lọc phần nước trong cho vào chum nước chàm. Dùng que tre khuấy đều trong thời gian từ 3 đến 4 giờ (từ lúc bọt trong chum ra thật nhiều sau đó tan hết bọt mới thôi). Sau đó để một ngày cho cao chàm lắng xuống, gạn hết phần nước trong, để lại phần cao chàm ở dưới đáy chum rồi đập nắp lại.

Bước hai: Cắt ngọn chàm và lá *co lát* (người La Ha gọi là lá *nát*), giã dập cả hai loại lá này và cho vào chiếc chum thứ hai. Đan một chiếc phễu bằng lát giang hoặc lát nứa có miệng hình vuông, cắt lá chuối lót xung quanh phễu, phần đáy phễu được lót lá chàm, lá nát vừa giã dập, đặt chiếc phễu đó lên miệng chum. Lấy tro bếp dân nhỏ, bỏ phần tro thô, còn lại cho vào 2/3 phễu, đổ nước lã vào phễu để lọc lấy nước tro trong, lượng nước nhiều ít tùy theo yêu cầu nhuộm vải. Sau 5 ngày nếu kiểm tra thấy nước trong chum thứ hai nổi bọt màu vàng xanh thì vớt bỏ thân cây chàm và cây *co lát* ra khỏi chum.

Bước ba: Chọn một cái chum miệng rộng (chum thú ba) để ngâm vải nhuộm. Dùng bát hoặc gáo, múc nước ở chum một và chum hai đổ vào chum ba, dùng que khuấy đều, khi nào khuấy thấy màu vàng ánh bám chặt vào que là được. (Xem ảnh số 124).

Trước khi nhuộm, vải phải được giặt kỹ, vắt khô để chàm bám đều khi nhuộm. Sau khi nhúng vải vào nước chàm dùng hai tay bóp đều, lật đi lật lại nhiều lần cho chàm bám đều, sau đó đem phơi khô (ngày phơi nắng, đêm ngâm nước chàm). Việc làm này lặp đi lặp lại khoảng 5 đến 7 lần là được, sau đó đem vải ra suối giặt sạch.

Bước bốn: Sau khi nhuộm chàm xong, người ta lấy củ nâu (*má bàu*) gọt vỏ, rửa sạch, thái thành miếng mỏng cho vào nồi đun từ một đến hai tiếng đồng hồ. Khi nào thấy nước nâu ra đồ đặc thì bắc ra, vớt củ nâu bỏ đi, khi nước còn nóng già cho vải vào ngâm và bóp đều. Sau đó vớt ra, dùng chày đập, rồi lại cho vải vào nồi nước củ nâu bóp đều rồi lại đập... cứ như vậy khoảng 5 đến 6 lần thì đem vải ra sàn phơi cho vải khỏi nhăn. Với kỹ thuật nhuộm như vậy, vải đã đạt được yêu cầu về màu sắc dùng để cắt khâu quần áo.

Người La Ha cho rằng, khi người phụ nữ thấy tháng, tay có mùi măng chua, mùi xả phòng thì không được nhuộm vải, họ sợ màu bị hỏng, vải nhuộm không đẹp.

Ngoài việc dệt vải sợi bông, người La Ha cũng biết dệt

vải tơ tằm (chủ yếu là tằm ăn lá sắn). Loại vải này được dệt trên khung cửi nhỏ, chủ yếu dùng làm thất lung cho phụ nữ.

III. KỸ THUẬT TẠO TRANG PHỤC

Xuất phát từ nền kinh tế du canh, du cư gắn với sản xuất nương rẫy và ruộng bậc thang, việc tạo ra trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai hoàn toàn mang tính chất thủ công (không kể những trang phục mua sẵn ở thị trường).

Để xác định số đo của trang phục định cắt khâu, người phụ nữ chủ yếu căn cứ vào sải tay, gang tay. Thước đo của họ phần lớn tự tạo bằng những đoạn gỗ, đoạn tre, nửa thừng hoặc những mảnh tre, trúc đã được vót nhẵn, những sợi dây rừng có độ dai và mềm dẻo... Những dụng cụ này có thể được giữ gìn dùng nhiều năm, cũng có thể dùng cắt khâu xong một bộ trang phục người ta bỏ đi, khi nào cần lại làm cái mới.

Kéo cắt vải, kim khâu, dao nhíp... phục vụ việc cắt khâu trang phục là những vật dụng không phải dân tộc nào cũng làm ra được. Ở mỗi tộc người, các công cụ này không hoàn toàn giống nhau mà có những đặc điểm riêng tùy thuộc vào điều kiện giao lưu buôn bán ở từng vùng, tùy thuộc vào trình độ kỹ thuật luyện kim thủ công ở từng khu vực. Cũng vì lẽ đó, chúng ta thấy những loại công cụ này khá giống nhau ở nhiều dân tộc cùng cư trú trên một

vùng lãnh thổ. Trước đây, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai thường mua kéo cắt vải của người Mông, người Nùng, người Kinh bán sẵn ở chợ hoặc đặt thợ rèn làm theo ý muốn.

Trong xã hội cổ truyền, việc đo vẽ kích thước quần áo chủ yếu dựa vào nguyên liệu có sẵn ở địa phương. Họ có thể dùng những hòn đá non, gạch non, than củi, nhựa cây; gần đây họ chuyển sang dùng phấn hay màu công nghiệp để kẻ, vẽ mẫu.

Tuy kỹ thuật tạo trang phục của các tộc người khá đa dạng nhưng đến nay chưa có một công trình nào đi sâu tìm hiểu về các loại công cụ cắt may trang phục của các tộc người ở nước ta. Điều này càng khó khăn hơn khi đề cập đến các loại công cụ cắt may trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai trong quá khứ. Hiện nay hầu hết phụ nữ của bốn tộc người này đều dùng dụng cụ cắt may, khâu vá như thước, kéo, kim, chỉ khâu, chỉ thêu... của Trung Quốc được giao lưu buôn bán qua biên giới.

Việc tạo dáng, tạo hình trang phục của từng tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai cũng có những nét rất riêng, nó tùy thuộc vào nếp sống, quan niệm thẩm mỹ, điều kiện môi trường sinh sống, trình độ phát triển của kỹ thuật dệt vải của từng tộc người. Cũng cần nói thêm rằng, việc tạo dáng, tạo hình trang phục của nữ giới các tộc người nhóm Kăđai vẫn giữ được những yếu tố văn

hoá truyền thống đặc trưng riêng, thể hiện sự đa dạng, phong phú của văn hóa trang phục nói chung.

Kỹ thuật tạo trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Káđai không chỉ dừng lại ở việc tạo dáng, tạo hình mà còn biểu hiện ở việc cắt khâu, thêu thùa trang trí. Việc cắt khâu trang phục của họ chủ yếu là lao động thủ công bằng tay. Công việc này không chỉ thể hiện sự tỉ mỉ, công phu mà còn thể hiện tính sáng tạo, khéo léo của người phụ nữ. Khi khâu, họ chủ yếu dùng kiểu vắt mũi để nối các khổ vải lại với nhau, phần cạp cũng được vắt viền mép để tạo nên những đường gấp nhỏ, mềm mại. Chính kỹ thuật khâu vắt này tạo cho trang phục có độ phẳng và mềm mại khi mặc.

IV. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KÁĐAI

1. Trang phục phụ nữ

Trang phục thường ngày của phụ nữ nhóm ngôn ngữ Káđai còn bảo lưu được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống về kiểu dáng cắt may, màu sắc, mẫu mã hoa văn trang trí... Nó được coi là loại trang phục thông dụng và có nhiều tính năng nhất. Khi còn mới, chúng được mặc trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè; khi đã cũ họ dùng để mặc trong lao động và sinh hoạt hàng ngày.

Cũng cần nói thêm rằng, ở nhiều tộc người, trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội và trang phục thường ngày chỉ

là một loại duy nhất. Đối với các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai điều này càng được thể hiện rõ hơn, bởi trang phục của họ nhìn chung đơn giản, chủ yếu dùng vải nhuộm chàm có màu đen để cắt may. Việc thêu thùa, trang trí hoa văn trên trang phục không đồng đều giữa các tộc người nhưng; nhìn chung hoa văn trang trí không rực rỡ, cầu kỳ như các tộc người nhóm ngôn ngữ Mông - Dao và Tạng - Miến sống đan xen kề cận với họ.

Cũng như nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta, trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội của phụ nữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai chủ yếu vẫn là loại trang phục mặc thường ngày, chỉ khác là chúng mới được may, và mặc lần đầu (nhất là trong ngày cưới), màu sắc hoa văn còn mới nên rực rỡ hơn, đẹp hơn. Ngoài ra trong các dịp cưới xin, lễ hội chị em phụ nữ sử dụng nhiều đồ trang sức bằng bạc, bằng kim loại hay hạt cườm như vòng cổ, vòng tai, vòng tay, xà tích để trang điểm thêm.

Sở dĩ trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai ít chủng loại, chưa đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu của đời sống cư dân, chưa có những trang phục dành riêng cho các hoạt động quan trọng trong đời sống là do xuất phát từ thực tế nền kinh tế chậm phát triển, nghề dệt vải còn ở trình độ thấp, hoặc đã bị thất truyền. Việc may vá, thêu thùa trang phục chủ yếu làm bằng tay, nên để làm ra một bộ trang phục đẹp phải tốn rất nhiều thời gian, có khi mất hàng năm

hoặc vài năm. Tuy nhiên, khi đi sâu nghiên cứu, chúng tôi thấy trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội của phụ nữ nhóm ngôn ngữ Kăđai cũng có những sắc thái riêng.

2. Trang phục nam giới

Khi nghiên cứu trang phục nam giới các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai nói riêng và trang phục nam giới 54 thành phần dân tộc ở nước ta nói chung, có thể khẳng định rằng: so với trang phục phụ nữ thì trang phục nam đơn giản hơn về kiểu dáng, về màu sắc, về hình thức trang trí hoa văn trên trang phục. Trên bình diện chung, trang phục nam giới các tộc người có nhiều điểm giống nhau. Điều này càng được thể hiện rõ khi nghiên cứu, giới thiệu về trang phục nam giới các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai.

3. Trang phục trẻ em

Khi nói tới trang phục trẻ em các tộc người thiểu số nói chung, không thể không nói tới chiếc địu. Chiếc địu có thể được coi là một trong những đồ vật đầu tiên người ta chuẩn bị cho đứa trẻ. Ở nhiều dân tộc còn có tập quán: khi con gái đi lấy chồng, nhất là khi họ mang thai đứa con đầu lòng, bà ngoại bắt đầu chuẩn bị khâu địu cho cháu. Việc làm này có ý nghĩa nhân văn rất lớn, nó không chỉ thể hiện sự quan tâm của cha mẹ, ông bà đối với đứa trẻ sắp ra đời, mà còn đánh dấu sự chuyển giao quan trọng trong đời sống con người, từ nay người mẹ trẻ chính thức phải đảm đương trọng trách trong việc nuôi dưỡng con cái.

Nếu chẳng may bà ngoại đã qua đời không có người tãng địu thì chính người mẹ trẻ phải chuẩn bị làm xong địu trước khi sinh con. Đây là một việc làm có tính bắt buộc, bởi trong xã hội truyền thống, việc phân công lao động trong gia đình khá nghiêm ngặt. Những người phụ nữ phải đảm đương gần như toàn bộ công việc nội trợ trong gia đình, và phải chăm sóc, nuôi dạy con cái. Chính vì sự phân công lao động quá hà khắc này cộng với tư tưởng lạc hậu nên ở một số dân tộc khi người phụ nữ chuẩn bị sinh con, họ phải chuyển ra ở những ngôi nhà tạm dựng ở góc vườn hay bìa rừng để tự mình vượt cạn. Với quan niệm con ai người ấy nuôi nên nhiều phụ nữ sinh con được vài ba ngày họ phải tự làm mọi việc nội trợ trong gia đình, tự nuôi con, trông con.

Bên cạnh đó, do trình độ xã hội kém phát triển nên đến nay, hầu hết ở vùng thôn bản, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, chưa có nhà giữ trẻ. Để khắc phục tình trạng này, những người phụ nữ phải gồng mình lên để vừa nuôi con vừa lao động, với sự bộn bề công việc trong gia đình. Chính vì vậy, chiếc địu đã giúp họ đảm đương được trọng trách của mình; chiếc địu đã gắn kết giữa người mẹ và đứa con từ khi mới sinh đến khi đứa trẻ biết đi, thậm chí biết chạy, người mẹ mới thôi không địu con nữa.

Cấu tạo chiếc địu của các dân tộc ở biên giới phía

Bắc có hình dáng tương đôi giống nhau, chức năng sử dụng cũng giống nhau, nên trong cuốn sách này chỉ đi sâu giới thiệu chiếc địu của người La Chí. Sở dĩ chúng tôi lựa chọn dân tộc La Chí vì ở dân tộc này nghề dệt vải vẫn rất phát triển, họ tự trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu, tự cắt khâu... trang phục nên yếu tố văn hoá truyền thống tộc người còn lắng đọng trên chiếc địu rất rõ ràng và chân thực.

4. Trang phục dùng trong tang ma, tín ngưỡng

Có thể nhận xét rằng các tập tục và nghi lễ liên quan đến ma chay là một trong những hiện tượng xã hội bảo thủ và chậm thay đổi nhất trong đời sống văn hoá của các tộc người.

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai đều có quan niệm: chết không phải là hết mà là tiếp tục sống ở một thế giới khác, thế giới này không giống với cuộc sống trần gian nên nghi thức tang ma và trang phục dành cho người chết cũng có những điểm khác.

Phần lớn các tộc người thiểu số ở nước ta đều thờ cúng thần linh, trời, đất, tổ tiên. Có những nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Việc thực hiện các nghi lễ cúng bái thường theo hai cách:

- Nghi lễ cúng tại các gia đình, người thực hiện chủ yếu là chủ nhà hoặc các trưởng nam. Khi thực hiện nghi

lễ, họ vẫn mặc loại trang phục hàng ngày, nhưng thái độ phải nghiêm túc, thành kính. Lễ cúng tại gia đình thường được thực hiện trong các dịp lễ tết, mừng cơm mới, cúng thóc giống, cúng trước và sau khi đi săn...

- Các nghi lễ cúng bản, cúng mừng, làm lễ cầu an, giải hạn, gọi hồn cho người ốm nặng, tổ chức nghi lễ tang ma... đều do thầy cúng thực hiện.

Những người hành nghề cúng bái ở các tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai rất ít, có khi cả huyện hoặc vài xã mới có một người. Họ được mọi người gọi là thầy cúng. Trang phục khi hành lễ của thầy cúng rất đơn giản, và khá giống nhau giữa các dân tộc. Sở dĩ có tình trạng này vì các hình thức cúng bái, tín ngưỡng của họ còn khá sơ khai, những người hành nghề chưa thể sống bằng nghề được, công việc của họ chủ yếu vì trách nhiệm trước cộng đồng và vì tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ nhau là chính.

5. Sự thay đổi của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai trong giai đoạn hiện nay

Trong vài thập kỷ gần đây, nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội của các cư dân. Việc giao lưu buôn bán giữa các dân tộc, giữa các vùng thậm chí giữa các quốc gia trong khu vực ngày càng thuận tiện.

Một số ngành nghề thủ công trong đó có nghề dệt vải của các tộc người mai một dần do sản phẩm làm ra mất quá nhiều thời gian, giá thành cao, mẫu mã không đáp ứng được thị hiếu ngày càng cao của các tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó vải công nghiệp giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng phù hợp với nhu cầu sử dụng của các lứa tuổi, các tộc người. Chính vì vậy sự thay đổi của trang phục các tộc người thiểu số ở nước ta nói chung và các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai nói riêng là điều không thể tránh khỏi.

Sự thay đổi của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai theo xu hướng xích lại gần nhau, hoà nhập vào nhau của nhiều cộng đồng cư dân cùng sinh sống trong vùng. Sự biến đổi trang phục chủ yếu theo hướng đơn giản hoá trong kiểu dáng cắt may, trong cách thức trang trí hoa văn từ lao động thủ công bằng tay chuyển sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc công nghiệp. Sự thay đổi này ngày càng đáp ứng yêu cầu tiện lợi trong sinh hoạt, phù hợp với nhịp sống mới hiện đại mang tính năng động cao đồng thời phù hợp với yêu cầu làm đẹp của các tộc người. Tuy nhiên sự thay đổi này sẽ làm mất dần những nét văn hoá truyền thống của các tộc người.

Sự thay đổi của trang phục thường thể hiện rõ nhất ở trang phục nữ, bởi những bộ nữ phục vốn mang trong mình nó tính hai mặt vừa bảo lưu những yếu tố văn hoá

truyền thống tộc người vừa không ngừng đổi mới, cách tân để phù hợp với vẻ đẹp hiện đại. Còn trang phục của nam giới nói chung ít biến đổi hơn. Trong bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai thì trang phục của phụ nữ Pu Péo có sự thay đổi đáng kể nhất.

Trang phục nam giới các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai chủ yếu thay đổi theo hướng: mặc áo sơ mi, quần âu. Loại áo năm thân, bốn thân may bằng vải chàm cùng chiếc quần chân què, cặp lá toạ ngày càng vắng bóng dần, chỉ còn các cụ già hoặc người trung tuổi mới sử dụng loại y phục này.

Chương III

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LA CHÍ

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

1. Trang phục thường ngày



So với nhiều tộc người khác, trang phục của người La Chí khá đơn giản, ít cầu kỳ. Tuy nhiên do có truyền thống trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu nên trang phục của họ vẫn giữ được những sắc thái văn hóa đặc trưng riêng. Trong cộng đồng người La Chí thì những người sinh sống ở xã Nàn Xín, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang sống tương đối độc lập, họ vẫn duy trì hôn nhân nội tộc, trang phục của họ khá nguyên bản so với các vùng khác. Bộ trang phục của phụ nữ La Chí ở vùng này có khăn, áo, yếm, váy, thắt lưng, túi, vòng tay, hoa tai, xà tích...

- *Khăn đội đầu* (*kha*) làm bằng vải bông tự dệt nhuộm chàm đen. Vải khổ hẹp 24 đến 25cm, dành riêng để làm

khăn và thắt lưng. Chiều dài khăn tùy theo ý thích của từng người nhưng thường dài 300 đến 320cm. Hoa văn trang trí trên khăn có sự khác nhau, tùy theo sở thích, óc thẩm mỹ và sự khéo léo của từng người. Tuy nhiên do mẫu mã hoa văn của họ đơn giản và không phong phú nên sự khác nhau đó cũng không nhiều. (Xem ảnh số 4).

Kỹ thuật trang trí hoa văn trên hai đầu khăn chủ yếu là thêu chỉ màu, thêu bằng tay không dùng khung thêu. Hoa văn có hai loại cơ bản sau:

- Hoa văn hình bốn tam giác được liên kết bằng hai đường thêu chéo nhau tạo thành hình vuông, người La Chí gọi là *chùm lá thông*. Lá thông được thêu bằng chỉ trắng - đỏ hoặc thêu bằng chỉ xanh - trắng - đỏ. Sự phối màu này khá rạch ròi làm cho một chiếc lá thành hai nửa rõ ràng, mỗi nửa là một hình tam giác vuông. Hoa văn lá thông không đứng độc lập mà tạo thành chùm bốn lá, hai lá đối đỉnh nhau có đường thêu hình lốt chân chim nối kết.

- Hoa văn bốn lá thông khá cân đối, tạo nên một hình vuông . Mỗi đầu khăn được thêu từ hai đến ba hàng hoa văn lá thông, mỗi hàng có bốn đến năm bông hoa. Những hàng hoa văn này lại nằm trong các khung được viền bằng các đường thêu chỉ màu hình chân chim . Toàn bộ mảng trang trí đầu khăn người La Chí gọi là "*kha la*". (Xem ảnh số 7).

Khi đội khăn, người phụ nữ La Chí có thể quấn khăn theo hai cách:

- Cách thứ nhất: Đặt đoạn giữa khăn lên trán, quấn khăn nhiều vòng quanh đầu sao cho kín tóc, rồi giắt hai đầu khăn về phía sau. Với cách quấn này không để lộ hoa văn ra ngoài, thường dùng khi lao động cần gọn gàng hoặc khi cần che nắng vào mùa hè, chống rét vào mùa đông. (Xem ảnh số 2).



- Cách thứ hai: Quấn như cách một, nhưng để đầu khăn dài khoảng 30 đến 40cm sau đó buộc thắt cạnh tai hay sau gáy, hai đầu khăn thêu hoa văn rủ xuống phía lưng. Cách này được sử dụng khi đi chợ, đi chơi hay các dịp lễ hội, cưới xin. Các cô gái trẻ thường xuyên đội khăn theo cách này. (Xem ảnh số 31).

- *Áo (pù)*: là loại áo dài, may bằng vải bông nhuộm chàm, kiểu tứ thân, mở ngực, không dùng cúc. Nhìn tổng thể, áo dài của người La Chí rất giống áo *pu dân dinh* của phụ nữ Sán Chay. (Xem ảnh số 3). Áo gồm các bộ phận cơ bản sau:

- Cổ áo (ca dúp)*: liền với thân áo, phía trên cùng của thân áo có đắp một mảnh vải cùng màu dài 70 đến 80cm, rộng 8 đến 10cm, phần đắp vải này chạy dọc theo phần trên cùng của thân áo, vắt qua cổ, buông xuống hai bên ngực tạo thành nếp cổ áo. Hai đầu nếp trang trí hoa

văn thêu chỉ màu, có kích thước 8x13cm, hoàn toàn giống nhau tạo nên sự đăng đối cho hai vạt áo.

Đồ án hoa văn trang trí trên nẹp cổ áo khá đơn giản, chia thành hai phần rõ rệt: phần thêu hoa văn và phần trang trí đường chỉ màu, mỗi bên khâu bốn đường. (Xem ảnh số 6).

Hoa văn thêu gồm ba dải ngang (hai dải nằm ngoài giống nhau) đó là hai hình tam giác châu đỉnh vào nhau, cứ ba hoặc bốn hình như vậy được xen kẽ bằng đoạn thêu chỉ màu đỏ có bốn chấm trắng người La Chí gọi là *khả nhúm*  . Dải hoa văn ở giữa thêu bằng chỉ màu tạo thành những hình tam giác đỏ - trắng xen kẽ, kiểu hoa văn này người La Chí gọi là *ná chừm* .

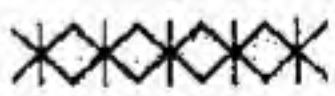
Tay áo (ư pù): Dài 38 đến 40cm, cửa tay hẹp 12cm được nối với thân ở sát nách theo dạng nối ống thẳng, phần khoét ở nách rất ít, đây là đặc điểm chung của trang phục nhiều tộc người ở nước ta.

Thân áo (cà pa): Hoàn toàn bằng vải đen chàm, áo xẻ tà từ eo trở xuống. Phần xẻ tà gọi là *ta pù* dài 75cm. Từ phần xẻ tà trở xuống gấu, hai bên nẹp áo đều tấp vải đỏ, vải hoa và khâu vắt phía trong, việc làm này tạo cho áo phẳng, bền khi sử dụng. Mặt khác đây cũng là cách làm duyên của người con gái, bởi khi mặc vô tình hay hữu ý

những nẹp vải đỏ, vải hoa này sẽ được khoe một cách kín đáo để trang điểm thêm cho vẻ đẹp trang phục của họ.

Khi mặc, người ta vắt chéo hai thân trước chồng lên nhau, phần cổ áo khép lại ngang ngực, dùng thắt lưng quần bên ngoài váy và áo để giữ váy và tạo sự gọn gàng, duyên dáng. (Xem ảnh số 1).

Trong các dịp lễ tết, hội hè phụ nữ La Chí thường mặc ba chiếc áo dài lồng vào nhau. Cách ăn mặc này khá giống phụ nữ Việt trước kia, áo mớ ba mớ bảy.

- *Yếm (nhúm)*: có tác dụng che ngực và trang điểm cho bộ trang phục thêm đẹp. Yếm được làm bằng vải chàm đen, có kích thước vuông gần 35x40cm. Trên một góc vuông người ta cắt khuyết một hình vuông nhỏ, tại hai cạnh góc khuyết này đính một đôi dây đeo yếm, gọi là *phở*. Dây đeo yếm dài từ 70 đến 80cm, gồm ba đoạn: Đoạn một nối liền với thân yếm gồm hai nhánh nhỏ bằng vải đen, ở giữa dây có đính một chiếc cúc và thừa khuyết để khi mặc quàng dây đeo qua cổ và cài cúc để yếm khỏi trễ thấp xuống. Đoạn hai là đoạn ghép liền của hai dây vải, có thêu chỉ xanh, đỏ tạo thành các hình dấu nhân có gạch ở giữa . Đoạn ba được ghép bởi 4 đến 5 dải vải có màu sắc khác nhau để khi mặc, dây đeo thả xuống lưng vừa có tác dụng trang điểm vừa tạo sự mềm mại uyển chuyển cho phụ nữ, nhất là lúc họ đi lại.

Hoa văn trang trí trên yếm quy tụ ở góc trên đầu yếm với hai nếp vải đỏ tạo thành một góc vuông, hai cạnh của góc vuông mỗi bên thêu ghép vải tạo thành hai đường trang trí màu xanh - đỏ chạy song song và cắt nhau từng đôi một tạo thành ba hình vuông và hai hình chữ nhật. Hầu hết các yếm đều thêu ba chùm lá thông - mỗi chùm lá gồm bốn hình tam giác và mỗi nửa tam giác lại được thêu bằng những loại chỉ khác màu, giữa bốn tam giác có hai đường nối để tạo thành một hình tam giác vuông. Phần trang trí này được đồng bào gọi là *nàng khang*. (Xem ảnh số 9,10).

Khi mặc yếm, người ta lồng dây đeo yếm (*phồ*) vào cổ, kéo yếm lên cao khít cổ, cài cúc (*miế khi*) sau gáy, hất phần đuôi dây yếm ra ngoài áo để chúng buông xuống sau lưng. Những đường thêu trên yếm được khoe ra giữa hai vạt áo làm cho bộ trang phục nữ La Chí tuy giản dị nhưng hài hòa, đẹp đẽ.

- *Váy (èng)*: được may bằng vải bông tự dệt nhuộm chàm đen. Váy kín, hình trụ trên dưới bằng nhau bằng cách may ghép bốn khổ vải theo chiều dọc, bề rộng 72 đến 75cm, dài 75 đến 85cm. Hai đầu váy được gấp viền mép, tấp mặt trong một dải vải khác màu. Váy không phân biệt gấu váy và cạp váy, do vậy mặc theo chiều nào cũng được. Chính hình thức cắt may và mặc như vậy nên váy rất bền vì có thể mặc đổi vị trí cho nhau, hạn chế độ sờn của vải. Khi

mặc, đầu trên của váy được thắt lưng quấn giữ ngoài áo. (Xem ảnh số 5).

- *Thắt lưng (kha dá dê)*: bằng vải tự dệt khổ hẹp, có chiều rộng từ 24 đến 25cm, nhuộm màu đen hoặc xanh chàm. Chiều dài thắt lưng tùy thuộc vào sở thích của từng người, nhưng thường từ 130 - 150cm. Thắt lưng không khâu thừa và không gấp viền mép. Như vậy quá trình làm một chiếc thắt lưng của phụ nữ La Chí chủ yếu là công đoạn dệt và nhuộm màu.

Khi dùng, thắt lưng được quấn hai vòng quanh người, thắt mỗi trước bụng và giắt hai đầu thắt lưng vào các vòng vải đã quấn. Để trang điểm thêm, phụ nữ La Chí còn móc vào thắt lưng một dây xà tích và giắt chéo về phía sườn trái. (Xem ảnh số 11).

- *Xà cạp (pù ke)*: thường dùng trong mùa đông giá rét. Xà cạp may bằng vải chàm đen, hình tam giác, cạnh đáy 30 đến 32 cm, cạnh dài nhất 50 đến 55cm, đầu nhọn phía trên có đính một chiếc cúc, cạnh đáy có đính một dây vải có khuy cài. Khi dùng, người ta không phân biệt phải - trái, miễn sao khi quấn xong xà cạp thì chiếc cúc luôn nằm bên phải khuy cài là được. (Xem ảnh số 12).

- *Túi đeo (ka trê)*: Người La Chí sống trên các sườn núi cao, địa hình phức tạp, việc đi lại rất khó khăn. Để vận chuyển hàng hoá và thu hoạch nông sản thực phẩm

khi lên dốc lúc xuống đèo, họ không thể gồng gánh trên vai mà phải dùng các loại dụng cụ đeo trên lưng như gùi, sọt đặc biệt là dùng chiếc túi vải đeo trên lưng để vận chuyển hàng hoá.

Túi đeo lưng được may ghép bằng bốn khổ vải tự dệt rộng 40cm, nhuộm chàm đen. Túi hình chữ nhật đứng có kích thước 45x47cm. Trên miệng túi, một bên có đính một đoạn dây vải khâu hai lớp làm dây đeo (một đầu đính cố định, một đầu để buông), một bên có một chiếc đai bằng vải gọi là *ne* để buộc dây đeo. Khi sử dụng, người ta buộc một đầu dây để buông vào đai (*ne*) rồi quàng dây qua trán, thân túi được thả sau lưng như chiếc ba lô vải. (Xem ảnh số 13).

Túi đeo, ngoài chức năng vận chuyển, nó còn là một bộ phận không thể thiếu trong bộ trang phục của phụ nữ La Chí. Bởi mỗi khi ra khỏi nhà dù đi chợ, đi chơi hay đi làm nương họ đều đeo túi này để vận chuyển hàng hoá và đựng đồ tư trang của mình.

Phụ nữ La Chí có tục nhuộm răng đen, phong tục này đến nay vẫn còn tồn tại, tuy người nhuộm răng đen ngày càng ít dần. Cách nhuộm răng đen của họ cũng khá đơn giản. Trước khi nhuộm, họ đánh răng thật sạch để chất nhuộm dễ bám. Cách nhuộm như sau: trước tiên họ hái một nắm lá cây *nhân tế* - một loại dây leo giống như lá

cây mơ lông - nhai và ngậm một lúc. Mỗi ngày phải nhai và ngậm hai đến ba lần. Khi răng đã ngả màu vàng, họ lại hái lá cây *mía phe* có vị đắng, hơi cay nhai kỹ, ngậm một lúc lâu. Công việc này phải làm đi làm lại nhiều lần đến khi nào răng đen mới thôi. Sau khi răng đã đen như ý, hàng tuần họ vẫn tiếp tục nhai và ngậm hai loại lá cây trên một lần để răng không bị bạc. Người La Chí và nhiều tộc người khác ở nước ta quan niệm răng càng đen thì càng đẹp.

2. Trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội

Ở người La Chí, bộ trang phục của cô dâu trong ngày cưới hoàn toàn giống trang phục thường ngày, nhưng mới may và được mặc lần đầu.

Trước đây khi về nhà chồng, cô dâu phải đội chiếc nón sơn vàng (*liều vai*), được đan bằng lát tre. Hiện nay loại nón này không còn dùng nữa.

Trong ngày cưới cũng như trong các dịp lễ tết, hội hè phụ nữ La Chí còn đeo vòng cổ (*mỏ khê*), vòng tay (*um phò*), vòng tai (*mỏ lu*) và đeo dây xà tích để trang điểm cho mình thêm sang trọng và đẹp đẽ. (Xem ảnh số 18, 19, 20).

Cũng cần nói thêm rằng, do kỹ thuật rèn đúc kim loại không có, nên hầu hết các loại trang sức của các tộc người

nhóm ngôn ngữ Kadai đều mua ở thị trường về dùng. Chính vì vậy mẫu mã các loại trang sức của họ khá giống nhau, sự giống nhau này không chỉ trong phạm vi ngôn ngữ mà nó còn mang tính chất chung của cả vùng văn hoá núi cao phía Bắc.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Trong quá trình sống cộng cư và giao lưu kinh tế, một bộ phận người La Chí bị đồng hoá bởi các yếu tố văn hoá của các tộc người lân cận. Riêng người La Chí sinh sống ở Nàn Xin huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang vẫn giữ được những nét đặc trưng văn hoá cổ truyền của dân tộc mình trong văn hoá trang phục của cả phụ nữ và nam giới. Bộ trang phục của nam giới La Chí gồm có: khăn quần đầu, áo dài, quần, túi đeo.

- **Khăn** (*kha*): Khăn đội đầu của nam giới La Chí khá đơn giản, làm bằng vải bông nhuộm chàm, dài 140 đến 150 cm, rộng 24 cm. Đó là một dải vải khổ nhỏ được dệt riêng dùng làm khăn và thắt lưng. Khăn không khâu mép, không trang trí hoa văn. Tuy nhiên để làm được một chiếc khăn phải có cả một quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu khá công phu và đòi hỏi kỹ thuật khá cao. (Xem ảnh số 23).

Hầu hết nam giới La Chí ở Nàn Xin đều dùng khăn quần đầu để che nắng khi đi làm ngoài đồng, kể cả lúc ở

nhà, hầu như họ không biết dùng mũ nón. (Xem ảnh số 26 - 27).

Khi dùng, họ gấp khăn làm bốn phần theo chiều dọc sau đó áp sát một đầu khăn vào cạnh trán, lần lượt quấn nhiều vòng quanh đầu (giống như cách đội khăn xếp của người Kinh), đầu khăn phía ngoài được nhét gọn vào các vòng khăn đã quấn.

- **Áo dài (pù)**: cắt may bằng vải bông nhuộm chàm, kiểu tứ thân, cài cúc đồng (*miế khi*) cạnh nách. Áo dài 88 đến 90 cm, rộng 50 đến 52 cm, khi mặc áo dài quá gối. (Xem ảnh số 24).

Cổ áo là loại cổ tròn, nẹp cao 3 cm. Tay áo (*ư pù*) dài đến cổ tay nhưng cửa tay chỉ rộng 8 đến 9 cm, tay áo liền với thân, có đường nối cách bả vai 15 cm.

Áo dài nam giới La Chí phần lớn chỉ một màu xanh chàm không trang trí hoa văn. Có một số áo thêu đường chỉ màu ở góc trên phần xẻ tà bên trái để trang trí.

Ngoài loại áo dài, hiện nay nam giới La Chí sinh sống ở các địa phương khác chủ yếu mặc *áo ngắn*. Áo ngắn có hình dáng giống hoàn toàn áo dài, nhưng chỉ ngắn ngang hông nên thuận tiện hơn trong sinh hoạt và lao động.

- **Quần (quen)**: May bằng vải bông nhuộm chàm, được cắt ghép từ bốn khổ vải theo kiểu quần chân què, cạp lá toạ. Kiểu dáng cắt may hết sức đơn giản. (Xem ảnh số 25).

Cạp quần (*cà dú quen*) là một dải vải rộng 15 cm nhuộm màu đen nhạt. Cạp nối với thân, đầu trên cạp để buông không viền mép (cạp lá toạ).

Ống quần (*năm cô quen*) do hai mảnh vải ghép lại, mảnh phía trong kéo dài lên đũng và cắt rộng tạo độ đoãng lớn. Khi mặc không dùng dải rút mà vẫn cạp quần lại giắt vào trước bụng.

Hiện nay lớp thanh niên thích mặc quần âu, áo sơ mi, chỉ còn những người trung tuổi và người già mặc loại quần này.

- **Túi đeo:** Đi liền với bộ trang phục, nam giới La Chí còn có hai loại túi vải: túi đeo vai (*ca ti trùm*) và túi đeo lưng (*ca ti pu khe*).

Túi đeo vai (ca ti trùm): thường được làm bằng hai lớp vải do đồng bào tự dệt, lớp vải ngoài nhuộm chàm, lớp trong màu xanh. Túi có kích thước 25 x25 cm, do hai mảnh vải có khổ 25 cm gấp đôi, một đầu để lại làm nắp túi (*phia*). Xung quanh mép nắp túi viền vải khác màu, trên miệng túi thêu một dải hoa văn ngang gồm các đường chỉ xanh, đỏ gọi là *ư xi ca ti trùm*. Trên hai góc miệng túi có đính một quai đeo (*phồ*) làm bằng hai lớp vải. (Xem ảnh số 28, 29).

Túi đeo vai là vật dụng cần thiết của mọi nam giới La Chí, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên. Mỗi khi ra khỏi nhà dù

đi chơi, đi chợ hay đi thăm hỏi họ hàng, họ thường đeo túi *ca ti trìm* để đựng tư trang.

Túi đeo lưng (ca ti pu khe) là loại túi to, có kích thước trung bình 45 x 54 cm. Túi được làm bằng vải bông nhuộm chàm đen, do hai mảnh vải to gấp chéo góc tạo thành hình gần vuông. Trên miệng túi can thêm một mảnh vải hình tam giác. Hai bên miệng túi có đính hai dây vải to (*phồ*) để đeo. Ở hai góc dưới đáy có đính vòng đai để buộc dây đeo, tựa như ba lô.

Túi đeo lưng (*ca ti pu khe*) dùng để đựng hàng hoá và sản phẩm mùa thu hoạch phục vụ đời sống. Khi đeo hàng nặng, hai dây đeo được buộc vào vòng đai tạo thành hai quai giống quai đeo ba lô. Với cách đeo này, người ta có thể mang vác nặng nhưng vẫn lên dốc xuống đồi thuận lợi.

Trong các dịp cưới xin, lễ hội, nam giới La Chí vẫn mặc trang phục cùng loại với trang phục thường ngày. Tuy nhiên vải mặc trang phục cưới xin là loại vải mịn dày, màu sắc đẹp, mới được may và mặc lần đầu. Trong đám cưới, chú rể có thể còn đeo thêm chiếc vòng tay bằng bạc hay kim loại.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

Ở người La Chí, do nghề dệt vải thủ công truyền thống khá phát triển nên quần áo của trẻ em nam cũng như nữ đều mang những nét văn hoá đặc trưng riêng.

- **Địu:** tiếng La Chí gọi là *pe*, làm bằng vải bông tự dệt nhuộm chàm, gồm các bộ phận sau:

Thân địu là một dải vải rộng khoảng 80 cm.

Mặt địu nằm ở vị trí trung tâm, là bộ phận chính, có kích thước 30 x 30 cm. Mặt địu được trang trí hoa văn ghép vải theo bố cục hình vuông. (Xem ảnh số 15). Phần trang trí này ở từng chiếc địu có sự khác nhau (bởi chúng làm hoàn toàn bằng tay). Lối trang trí phổ biến nhất là ghép xen các dải vải màu tạo thành các hình vuông to nhỏ cách đều nhau. Ở giữa những hình vuông này là một mảnh vải hoa có kích thước từ 12 - 15 x 12 - 15 cm. Khoảng giữa hai dải vải màu có ghép các hình tam giác (*mì gà pe*) bằng vải các màu. Phần đuôi của mặt địu gọi là *ly pe*, hình tam giác, nhọn về phía cuối. Tại đỉnh nhọn của tam giác này, đính hai dây vải làm dây buộc vào bụng người mẹ khi địu trẻ trên lưng.

Dây địu (*phổ pho*) là hai dải vải dài 195 cm (mỗi bên), thon dần về hai đầu dây. Phần cuối của đầu dây bên trái rộng khoảng 35 đến 40 cm, tại đây người ta khâu gấp một đoạn tạo thành một cái túi. Cái túi này dùng đựng tã lót của trẻ để người mẹ khi địu con đi làm không cần phải thêm túi khác. Khi cần họ có thể đựng rau rừng, cua, cá, dế.... thu lượm được ở ngoài đồng. Có thể nói đây là một

sự sáng tạo và là nét văn hoá rất độc đáo của người La Chí. (Xem ảnh số 14).

- **Mũ:** Khi còn nhỏ, trẻ em người La Chí đều đội mũ vải để che thóp. Về cơ bản mũ trẻ em nữ cũng như trẻ em nam khá giống nhau, chỉ khác đôi chút ở hình thức trang trí hoa văn trên đỉnh chóp mũ. (Xem ảnh số 34).

Mũ gồm hai phần: thân mũ và chóp mũ. (Xem ảnh số 38-39).

Thân mũ hình trụ được khâu từ một miếng vải màu đen, rộng khoảng 10 cm (độ dài theo kích thước vòng đầu từng em). Trên thân mũ trang trí bằng kỹ thuật ghép vải màu và thêu hoa văn.

Chóp mũ được ghép từ bốn múi vải có màu đỏ, xanh, hoa... rực rỡ. Trên đỉnh mũ người ta khâu chiết dần và đính túm bốn múi vải lại tạo thành đỉnh hơi nhọn và trên đỉnh này có đính chùm tua vải màu gọi là *mí ó pù khá*.

Theo phong tục của người La Chí, sau khi trẻ em sinh được hơn một tháng người ta đính bổ sung một tua may mắn vào chùm tua vải đính trên đỉnh chóp gọi là *méo cà may*. Tua may mắn có hình tam giác cân, được ghép bằng nhiều hình tam giác nhỏ, và đính ba tua lên ở phía dưới.

Trẻ em gái La Chí khi còn nhỏ tuổi (dưới 16 tuổi) dùng trang phục giống trang phục nam giới: áo dài quá gối, cài khuy cạnh nách phải, áo không trang trí hoa văn;

chỉ khác áo nam giới ở chỗ có can một miếng vải ở nửa thân áo trên ngực phải. Khi đến 16 tuổi các em chuyển sang mặc trang phục hoàn toàn giống trang phục của phụ nữ đã lớn tuổi.

Dưới 16 tuổi các em gái để tóc buông xuôi sau lưng, chưa quấn vào khăn. Từ 16 tuổi trở lên mới vấn tóc đội khăn như người lớn, có thể đây là dấu hiệu của tuổi thành đinh còn duy trì đến ngày nay. Đến tuổi này các em có thể xây dựng gia đình. (Xem ảnh số 30, 31).

Trẻ em trai La Chí từ 5 - 6 tuổi trở lên mặc hoàn toàn giống nam giới lớn tuổi. (Xem ảnh số 40).

Bộ trang phục của trẻ em trai gồm một chiếc khăn (*kha*) thường được gấp nếp và khâu thành vòng, khi đội chỉ việc chụp lên đầu. Các em mặc áo dài (*pù*), xẻ nách cao 18 cm, quần (*que*) may kiểu chân què, cạp lá toạ. Đối với các em còn nhỏ tuổi, quần có đính hai dây vải (*pù que*) ở hai bên cạnh cạp, khi mặc dùng hai dây buộc thắt sau cổ để giữ quần. Loại quần này rất tiện lợi cho các em nhỏ so với kiểu quần cạp lá toạ.

Khi đi học, đi chợ các em đều đeo trên vai chiếc túi vải (*ka the chùng*). Túi may bằng vải chàm, có kích thước gần vuông, có nắp. Hai bên cạnh miệng túi có đính quai đeo. Túi vải chủ yếu đựng đồ dùng học tập và tư trang.

IV. TRANG PHỤC DÙNG TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

Ở người La Chí, người chết được tắm rửa bằng nước thảo quả, họ quan niệm nếu làm như vậy khi sang thế giới bên kia mới được gặp lại tổ tiên. Người quá cố được mặc bộ quần áo truyền thống của dân tộc nhưng lộn trái và cắt hết khuy áo. Họ cũng có tục lệ kiêng trong quan tài không được có kim loại, nên người chết nếu có bít răng vàng phải nhổ chiếc răng đó vứt đi. Trước khi đưa vào quan tài, người chết được đặt trên tấm vải dài khâu bằng hai mảnh vải đen trắng, rồi phủ toàn thân và được khâu lại phía dưới chân.

Khi người chết còn quàn trong nhà, người con trai cả luôn ngồi cạnh quan tài dùng quạt mo tre để đuổi ruồi (loại quạt này không dùng để quạt mát). Nếu bố chết phải bó những ống tre của bàn thờ tổ tiên (mà người ta phá ngay khi ông vừa tắt thở) thành bó để cạnh quan tài suốt thời gian quàn ở nhà.

Khi chôn, đầu mộ treo một chiếc túi vải, nếu là nữ thì treo thêm một chiếc nón đan bằng lát tre. Người ta đập chết một con chó, chặt lấy đầu đặt gần mộ cho đầu chó quay về hướng mặt trời mọc với mong muốn con chó là người bạn trung thành của người chết ở thế giới bên kia.

Ba ngày liên tiếp sau khi chôn, hàng ngày người nhà mang cơm để vào túi vải treo ở đầu mộ. Ngày thứ ba làm

hai mâm cơm cúng - một cho người sống, một cho người chết. Trong thời gian 13 ngày sau khi chôn, mọi người trong nhà phải ăn bốc. Sau một năm làm lễ hiến trâu.

Thầy cúng người La Chí có bộ trang phục riêng, khác với y phục thường ngày. Đó là bộ quần áo thụng dài quá mắt cá chân. Áo xẻ giữa ngực, không cài cúc mà dùng thắt lưng bằng vải (nay một số người đơm cúc cài khuy, không dùng thắt lưng). Áo thầy cúng tiếng La Chí gọi là *pủ vễ*, có kiểu dáng giống áo dài phụ nữ nhưng khác ở chỗ khoảng trống của phần xẻ tà cạnh sườn được khâu đắp thêm một miếng vải hình tam giác nhọn. (Xem ảnh số 41,42).

- *Mũ* thầy cúng, tiếng La Chí gọi là *pủ khả sinh*, được làm bằng vải màu đen, đường kính vành rộng 35 cm, cao 41 cm, khâu thon dần về phía đỉnh tạo thành hình chóp, hai bên cạnh đỉnh quai đeo dài 70 - 75 cách mạng. (Xem ảnh số 43).

Trong một số nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp như khi mời tổ tiên dẫn đường đi trồng lúa nương (được tổ chức tại gia đình), họ biện một mâm lễ vật, có gác chiếc nón của ông thầy cúng vào mâm lễ, với ý nghĩa mời tổ tiên về dự. Hay khi tổ chức nghi lễ tra lúa nương được tổ chức tại nương trước khi gieo hạt, thầy cúng đội nón hoặc đeo một miếng da trâu khô rộng 20 - 30 cm ở sau lưng. (Xem ảnh số 44).

Hiện nay chiếc nón không còn tồn tại như một thành tố trong bộ trang phục cổ truyền của người La Chí, nó chỉ xuất hiện trong một số nghi lễ cúng và tục chia của cho người chết. Trường hợp này cũng thấy ở trang phục thầy cúng người Pu Péo. Rất có thể, trước đây chiếc nón cũng là một thành tố quan trọng trong bộ nữ phục cổ truyền của người La Chí và người Pu Péo, nhưng trong quá trình phát triển và giao lưu văn hoá thành tố trang phục này đã không còn tồn tại trong cuộc sống hiện nay. Tuy vậy, khi thực hiện những nghi lễ quan trọng liên quan đến chu kỳ đời người, họ vẫn phải sử dụng chúng để kính cáo với tổ tiên của mình.

V. SỰ THAY ĐỔI CỦA TRANG PHỤC NGƯỜI LA CHÍ

Ngày nay phụ nữ La Chí sinh sống ở nhiều địa phương của tỉnh Hà Giang (trừ xã Nàn Xín huyện Xín Mần) đều mặc bộ trang phục giống phụ nữ Tày. Họ vấn tóc, đội khăn vuông đen, mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách phải, không dùng yếm che ngực. Tuy nhiên, cách quấn thắt lưng của họ khác phụ nữ Tày.

Phụ nữ Tày khi quấn thắt lưng, họ kéo hai vạt áo kẹp vào giữa hai chân, đặt thắt lưng ngang bụng để một đầu ngắn vừa đủ thả sau lưng, đầu dài vòng quanh người từ hai đến ba vòng (tùy theo độ dài của thắt lưng) sau đó hai đầu vắt qua nhau kéo thít vừa người rồi buông xuống phía sau.

Khi đã thắt xong thắt lưng, họ kéo hai vạt áo phẳng khít vào nhau, các vòng quần trước bụng chồng lên nhau thật đều và thật phẳng.

Phụ nữ La Chí đặt phần giữa thắt lưng ở phía sau, kéo hai đầu về trước bụng, buộc thắt tạo thành mối giữa bụng, hoặc vặn xoắn nhiều vòng như vặn thùng và rút chặt trước bụng, phần còn lại được vắt tẽ xuống, vòng về phía sau mới thắt mối, hai đầu buông xuống sau lưng. Sau khi thắt xong, phía trước bụng nổi cộm lên thành khối chứ không phẳng như kiểu thắt lưng của người Tày. Phụ nữ La Chí còn giắt những đồ lặt vặt vào thắt lưng phía trước bụng để tiện sử dụng. (Xem ảnh số 17).

Người La Chí sinh sống ở Nàn Xin - Xín Mần - Hà Giang do duy trì được nghề dệt vải nên trang phục của họ hầu như vẫn giữ được tính "nguyên bản" trong kiểu dáng cắt may, trong việc trang trí hoa văn và màu sắc trang phục...

Tuy nhiên ở họ cũng có những thay đổi nhỏ về phong cách trang phục: mũ đội đầu của trẻ em trước kia chủ yếu được làm bằng vải màu và thêu trang trí hoa văn, hiện nay được đính nhiều đồng xu kim loại xung quanh mũ. (Xem ảnh số 33). Một số thiếu nữ La Chí không dùng yếm che ngực mà thay bằng chiếc áo cánh ngắn cài khuy giữa ngực, may bằng vải các màu

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI CỜ LAO

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Người Cờ Lao có ba nhóm địa phương là Cờ Lao Trắng, Cờ Lao Đỏ và Cờ Lao Xanh. Sự phân chia này chỉ mang tính tương đối, bởi văn hóa của họ đang hoà vào nhau. Trên bình diện văn hóa trang phục, chúng tôi thấy trang phục của ba nhóm Cờ Lao cơ bản giống nhau. Cờ Lao Xanh, Cờ Lao Đỏ mặc giống người Cờ Lao Trắng, gần đây họ còn mặc giống người Mông. Xuất phát từ thực tế trên, sau đây chúng tôi chỉ đi sâu giới thiệu trang phục của người Cờ Lao Trắng ở bản Mã Chè xã Sính Lũng huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

1. Trang phục thường ngày

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Cờ Lao cách đây khoảng ba, bốn thập kỷ gồm có khăn, áo, quần, thắt lưng, yếm váy (phía trước và sau), xà cạp.

- *Khăn đội đầu*: Loại khăn đội đầu tương đối phổ biến của người Cờ Lao là loại khăn nhiều tím, tiếng Cờ Lao gọi là *đi ú tì vư*. Đây là loại khăn dài, có chiều rộng 35-40cm (bằng một khổ vải), chiều dài từ 240 - 300cm, tùy theo ý thích của người sử dụng. Khăn không trang trí hoa văn, chỉ một màu tím. Loại khăn này người Cờ Lao không tự dệt được mà họ mua ở chợ về dùng. Khăn không phải khâu viền mép, không trang trí hoa văn, chỉ

cần cắt từ tấm vải ra là có thể sử dụng được ngay. Tuy vậy, đây là loại khăn được hầu hết phụ nữ Cờ Lao ưa thích; nó đã trở thành một thành tố không thể thiếu trong bộ nữ phục Cờ Lao. (Xem ảnh số 54).

Cách đội khăn: Tùy theo từng người, họ có thể gấp khăn làm đôi hay làm ba theo chiều dọc và vuốt cho thẳng, sau đó áp một đầu khăn vào trán và quấn quanh đầu nhiều vòng, cuối cùng giắt mối sau gáy. (Xem ảnh số 45,46).




Hiện nay phụ nữ Cờ Lao còn đội khăn vuông bên ngoài. Mùa rét họ còn buộc thêm chiếc khăn len dài Trung Quốc qua cằm, thắt mối ở đỉnh đầu.


- *Áo*: Phụ nữ Cờ Lao có thói quen mặc hai lớp áo. Áo ngoài gọi là *cư tí lừ*, áo trong gọi là *pút đơn*. Về cơ bản, hai loại áo này khá giống nhau vì đều là áo năm thân cài khuy cạnh nách. Điểm khác cơ bản là tay áo ngoài may rộng và ngắn ngang khuỷu tay; tay áo trong nhỏ và dài đến cổ tay. Khi mặc cả hai tay áo đều có dịp khoe những vòng vải màu trang trí trên ống tay. Thân áo ngoài dài hơn thân áo trong.

- *Áo mặc ngoài (cư tí lừ)*: may bằng vải chàm hoặc vải đen tự dệt (nay may bằng vải xanh và vải đen công nghiệp). Áo may kiểu năm thân cài khuy cạnh nách phải; thân áo dài đến gối người mặc. (Xem ảnh số 47).

Thân áo trước (*tò si tí*) dài khoảng 80-85cm; ở phần

cổ, ngực có đắp năm dải vải khác màu để trang trí. Những đường vải trang trí này kéo từ nách trái qua ngực, qua vai áo (*gồ cô pư tí*) sang thân sau (*bố tí con*) và kéo về thân áo trước (*bư sía tí*).


Dải vải màu thứ nhất tính từ dưới lên được gọi là *đi hoa ping* - đây là loại vải dệt sẵn có nhiều loại hoa văn. Hoa văn ở hàng thứ nhất từ dưới lên gọi là *lò bi bi mò cờ lá* tượng trưng cho những bông hoa đào  Đây là loại hoa văn điển hình của người Cờ Lao. Tiếp theo là hoa văn hình răng cưa  gọi là *mi lè gư* tượng trưng cho ách cây. Loại hoa văn có hình dáng  tượng trưng cho cây sa mu.

Dải màu thứ hai gồm một nẹp vải xanh gọi là *sầu vãi sít ngô* và một nẹp vải màu vàng gọi là *sầu vãi chí nhi*, cùng với hàng chỉ khâu ba chấm cách đều gọi là *đi dà slư*  tượng trưng cho con kiến bò và những hoa văn hình răng cưa (ách cây).

Dải thứ ba màu đen không trang trí hoa văn, nhưng bản thân nó cũng có tác dụng trang trí cho áo thêm phong phú.

Dải thứ tư là những nẹp vải hồng hoặc trắng trên trang trí hoa văn hình kiến bò.

Dải màu thứ năm là hai miếng vải đen không có hoa văn.

Thân áo sau: Từ phần xẻ tà chạy dọc xuống gấu áo và vòng hết thân áo sau, người ta thường trang trí từ ba đến năm đường vải màu tạo nên những chữ  chồng lên nhau ở phía dưới thân áo. (Xem ảnh số 48).

Tay áo (*pò mi tí*) cũng được đắp nhiều vòng vải khác màu có thêu hoa văn hình ách cây, cây sa mu, kiến bò. Cuffs tay áo (*ờ mi tí*) được đính ba nếp vải màu: đen, vàng, hoa. Loại áo truyền thống của phụ nữ Cờ Lao chỉ xẻ bên nách trái 50cm còn nách phải do không khâu nên dùng cúc vải để cài hai thân với nhau.

- Áo mặc trong (*pút đơn*) kiểu năm thân cài khuy vải cạnh nách. Kích thước áo tùy theo từng người mặc, thân áo chỉ dài quá hông. Áo thường được may bằng vải màu đen và màu xanh. (Xem ảnh số 49).

Tuy là áo mặc trong nhưng cũng được trang trí những dải vải màu và hoa văn dệt, tạo thành những đường song song chạy từ vai phải vòng qua sau gáy, sang vai trái, chạy chéo ngang ngực và kết thúc dưới nách phải. Những đường trang trí này tương đối tách biệt tạo thành ba dải trang trí uốn lượn ôm trọn thân áo.

Dải 1: là một viền vải màu, tiếng Cờ Lao gọi là *dự lợ*.

Dải 2: gồm nhiều viên vải màu nhỏ sát nhau chạy song song.

Dải 3: gồm nhiều viên vải nhỏ và dải hoa văn hoa đào (*lò bi bi mò cờ lá*). Dải hoa văn này trước đây tự thêu, nay thêu bằng máy bán sẵn ở chợ chỉ việc mua về ghép lên áo.

Tay áo trong (*pọ mi tú*) dài đến cổ tay và nhỏ hơn tay áo ngoài, được đắp những vòng vải màu phía trên khuỷu tay. Riêng ở vị trí cổ tay được tấp thêm một khoanh vải khác màu tương đối rộng để trang trí.

Những loại hoa văn trang trí trên áo phụ nữ Cờ Lao đều gần gũi với cảnh sắc thiên nhiên môi trường vùng núi cao phía bắc: đó là những hoa văn được gọi là hoa đào, cây sa mu, ách cày, con kiến bò... Những loại hoa văn này trước đây họ tự thêu, nay trên thị trường có bán sẵn những dải vải đã dệt sẵn hoa văn trên vải, người ta chỉ việc mua về và ghép vào trang phục. Tuy không tự tay thêu, nhưng những hoa văn đã ăn sâu vào tiềm thức, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ tộc người nên được người ta quen dùng, dần trở thành nét văn hóa truyền thống dân tộc.

Hiện nay áo mặc trong của phụ nữ Cờ Lao thường may theo kiểu tứ thân mở ngực, cổ tròn, xẻ tà, hai vạt trước có may hai túi nhỏ. Loại áo này họ chủ yếu mua hoặc cắt may tại chợ, áo thường mặc ở nhà để tiện cho sinh hoạt và lao động.

- **Quần (cú sluô):** Trước đây phụ nữ Cờ Lao mặc quần, gần đây qua quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa với các tộc người xung quanh họ đã chuyển dần sang mặc váy - loại váy xoè gấp nếp, gần giống váy phụ nữ Mông.

Quần nữ trước kia may bằng vải đen, dài từ 100 đến 105cm; cạp rộng từ 48 đến 50cm, ống rộng 30 đến 32cm, cắt may theo kiểu chân què cạp lá tọa. Cạp quần cắt rời, cùng loại vải đen với thân, không trang trí hoa văn. (Xem ảnh số 51).

Gấu quần được gấp lên 4-5cm và may liền, không trang trí hoa văn; gấu rộng có tác dụng tạo độ phẳng cho ống quần và bền hơn khi sử dụng. Khi mặc, họ không dùng dây buộc mà kéo sát cạp quần lại cho chặt và dùng thắt lưng quấn vài vòng buộc kín phần cạp quần. Loại quần này thường mặc cùng áo dài truyền thống.

- **Thắt lưng:** tiếng Cờ Lao gọi là *đi cố slô*, do không biết dệt vải nên họ mua ở chợ về dùng. Tuy nhiên loại thắt lưng này cũng có thể được coi là thắt lưng truyền thống của người Cờ Lao, bởi họ có những quy định riêng trong cách ăn vận của mình. Trước hết, thắt lưng được làm từ loại vải *tà pủ* - một loại vải nguyên bông của Tráng Quốc được dệt bằng phương pháp bán thủ công, chất vải thô, dày, cứng gần giống với loại vải khổ hẹp tự dệt của nhiều dân tộc. Kích thước thắt lưng bằng khăn đội đầu nên nó

còn được gọi là khăn buộc lưng (*đi cúc lau*), chỉ khác ở chỗ là thắt lưng được làm bằng vải màu đen hoặc các loại vải khác có màu xanh, vàng, đỏ... còn khăn quấn đầu chủ yếu là màu nâu.

Thắt lưng phụ nữ Cờ Lao không khâu, không nẹp, chỉ cắt từ tấm vải ra là có thể dùng được ngay (Xem ảnh số 55).

Hiện nay, sự giao lưu tiếp xúc giữa các tộc người ngày càng tăng lên, cộng với việc giao lưu buôn bán dọc biên giới Việt - Trung diễn ra sôi động nên hầu hết phụ nữ Cờ Lao chuyển sang dùng loại thắt lưng may bằng vải sa tanh hoa các màu của Trung Quốc.

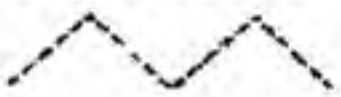
- *Yếm váy (tạp dề)*: Có hai loại: yếm váy trước và yếm váy sau, về hình thức chúng cơ bản giống nhau chỉ khác một số chi tiết nhỏ.

Yếm váy trước (gú gieo) gồm ba phần: cặp yếm, dây buộc, thân yếm. (Xem ảnh số 52).

Cặp yếm (*sloong co diên*) có chiều dài 45 đến 50cm, rộng 8 đến 9cm; thường bằng vải chéo xanh. Cặp yếm được khâu bằng hai mảnh vải ghép lại, không thêu thùa, không có hoa văn trang trí.

Dây buộc yếm (*đi tú*) được khâu nối tiếp với cặp yếm, có chiều rộng 7 đến 8cm, dài 70 đến 75cm; mỗi bên đính

hai dải vải làm dây buộc (dây kép). Dây buộc được làm bằng vải hoa các màu, đầu dây thường cắt nhọn hình mũi tên, khi mặc buộc cả bốn dây theo kiểu thắt nút, bốn đầu dây thả xuống phía sau lưng tạo sự mềm mại cho người phụ nữ.

Thân yếm thường được may bằng vải màu đen, dài 53 đến 55cm, rộng 58 đến 60cm. Phần nối với cặp váy được xếp thành những nếp gấp bằng nhau (7-9 nếp) cho vừa với cặp yếm. Hai bên thân yếm có nếp bằng vải khác màu chạy suốt từ trên xuống dưới. Hai nếp rộng 6 đến 8cm bằng vải sa tanh hoa các màu hoặc vải xanh sẫm, được dùng chỉ màu để khâu viền, đồng thời có thêu hoa văn đơn giản hình răng cưa, hay dãy núi  gọi là *mì lê gư*.

Yếm váy sau (bư trẻ tứ) về cơ bản giống yếm váy trước nhưng cắt may đơn giản hơn. (Xem ảnh số 53).

Yếm váy sau gồm có hai phần: dây buộc yếm và thân yếm (không có cặp). Yếm váy sau có thể được cắt theo hình thang cân phía trên rộng 50cm, phía dưới rộng 55cm hoặc được cắt trên dưới bằng nhau, tạo thành hình chữ nhật đứng có kích thước 50x65-68cm.

Vải may yếm váy sau có thể bằng vải đen kết hợp với vải hoa các màu hoặc vải đen kết hợp với vải xanh; yếm sau không có cặp, được khâu viền bốn chiều, hai bên cạnh

gấp nếp to 2,5cm. Hai dây buộc yếm dài từ 55 đến 60cm, rộng từ 3 đến 5cm, hai đầu dây cắt vuông góc được đính vào thân yếm. Vải làm dây buộc thường có màu rực rỡ để khi mặc chúng rủ xuống hai bên cạnh sườn có tác dụng làm cho bộ nữ phục thêm nổi bật.

Hiện nay để tiện lợi khi đi làm và sinh hoạt, thường ngày phụ nữ Cờ Lao chỉ sử dụng yếm váy sau. Trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin họ mới dùng đủ cả đôi yếm váy.

- **Xà cạp (pò lú):** Phụ nữ Cờ Lao có thói quen dùng xà cạp để quấn chân với mục đích chống gai cào, rắn rết hay muỗi vắt cắn khi lao động trên nương hay ruộng bậc thang. Ngoài ra, xà cạp còn là một bộ phận quan trọng của bộ nữ phục khi họ giao tiếp ngoài xã hội như đi chợ, đi chơi, lễ hội. (Xem ảnh số 56).

Xà cạp được may bằng vải *tà pú* (vải dệt bán thủ công) màu đen, gồm hai phần:

+ Phần vải quấn chân (*pò lú*) được cắt thành hình tam giác vuông có chiều rộng 35-38cm, dài 135-140cm; đây là phần chính của xà cạp dùng quấn che kín bắp chân.

+ Phần dây buộc (*đi tu pò lú*): được làm bằng vải màu trắng hoặc đen, có chiều dài 230-250cm, gấp hai mép và may chắc chắn.

Người ta có hai cách sử dụng dây buộc:

Cách một: Tại đỉnh nhọn của xà cạp người ta cắt một

lỗ nhỏ và thừa thành một chiếc khuyết, sau đó xỏ dây qua chiếc khuyết, khi quấn xong xà cạp hai đầu chiếc dây này được đan chéo nhau để giữ cho xà cạp không bị tuột.

Cách hai: Tại đỉnh nhọn của xà cạp được đính chắc chắn một đầu dây để buộc xà cạp khi dùng.

Cách quấn: Đặt cạnh to của tam giác vào cổ chân và quấn nhiều vòng đều đặn từ cổ chân đến đầu gối, khi quấn hết phần vải mới dùng dây quấn 2-3 vòng quanh bắp chân sau đó quấn lần lượt từ bắp chân xuống đến cổ chân và buộc mối ở cổ chân.

2. Trang phục cưới xin, lễ hội

Trong các dịp cưới xin, lễ hội phụ nữ Cờ Lao vẫn mặc loại trang phục thường ngày, tuy nhiên là loại mới được cắt may bằng vải đẹp và có màu sắc rực rỡ. Áo được trang trí hoa văn công phu bằng kỹ thuật ghép vải tạo thành các đường vải màu chạy song song, uốn lượn từ nách phải vòng qua về sau gáy đến vai áo trái. Trên hai ống tay áo ghép trang trí những vòng vải màu ở cửa tay và ngang bắp tay. Loại hoa văn trang trí mang tính truyền thống của người Cờ Lao được gọi là *lọ bi bi* (hoa dây) và hoa *lò bi bi mò cờ lá* (hoa đào). Trước đây phụ nữ tự thêu hoa văn, nay có bán sẵn trên thị trường họ mua về khâu đính để trang trí trên ngực áo, tay áo.

Ngày thường, người ta chỉ dùng yếm váy sau để đỡ vướng khi lao động. Trong ngày cưới, cô dâu mặc đủ cả hai chiếc yếm che váy (tạp dề), khi mặc, dây buộc tạp dề phía sau được quấn gọn vào bụng, dây buộc tạp dề phía trước buộc vòng và thả buông sau lưng.

Đặc biệt, trong ngày cưới cô dâu còn dùng dây đeo trang trí sau lưng. Dây đeo trang trí được làm bằng hai dải vải hoa có màu sắc rực rỡ. Kích thước của dây thường rộng từ 5 đến 7 cm, dài từ 250 đến 260 cm. Hai dây vải này được gấp đôi, tại nơi gấp đôi có đính một chiếc móc để khi dùng móc luôn vào vòng cổ. Với cách trang trí như vậy, cô dâu trông rất rực rỡ và thu hút. (Xem ảnh số 57.58).

Theo phong tục của người Cờ Lao, trong ngày cưới mẹ chồng thường tặng con dâu ít nhất một chiếc vòng cổ (*đi lợ lúc*) và một chiếc vòng tay (*đi gung*) bằng bạc. Đây không chỉ là món quà có ý nghĩa trong ngày cưới, mà còn là đồ vật quý giá được sử dụng qua nhiều đời. Hiện nay, bạc trắng hiếm họ chuyển sang dùng đồ trang sức bằng hạt nhựa, bằng kim loại hay hợp kim.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Ở người Cờ Lao hiện nay không còn tồn tại nghề dệt vải thủ công, hầu hết trang phục của họ đều do mua bán, trao đổi ngoài thị trường, do vậy nó tương tự như trang

phục các dân tộc khác sống dọc biên giới Việt - Trung, như người Mông, Giáy, Pu Páo... Bộ trang phục nam Cờ Lao gồm có áo, quần. (Xem ảnh số 67).

- **Áo:** tiếng Cờ Lao gọi là *cú ti pua bọ*, may bằng vải *tà pủ* màu đen - dệt bằng phương pháp bán thủ công của Trung Quốc, chất vải rất giống vải dệt thủ công. Áo may kiểu tứ thân, mở ngực, xẻ tà. (Xem ảnh số 68).

Cổ áo (đi ý ti) là loại cổ đứng, nẹp cao 5 cm, được may bằng ba lớp vải với nhiều đường chỉ theo kiểu chân hình quả trám, do vậy cổ áo rất cứng và chắc.

Ống tay áo (pò mi ti) dài 47 đến 48 cm, được nối với nhau ở chỗ bắp tay và cổ tay.

Trên hai vạt áo trước có đính bốn chiếc túi (*đu pu ti*), hai túi dưới sâu 15 cm, rộng 14 cm không có nắp túi. Hai túi ngực sâu 13 cm, rộng 11 cm, có nắp. Áo được cài bởi sáu chiếc cúc tết bằng vải. Phần xẻ tà ở hai bên cạnh sườn cao 10 cm.

Trước đây và hiện nay nam giới Cờ Lao vẫn thường mặc áo *cú ti pua bọ* hàng ngày. Trong những dịp cưới xin, hội hè họ vẫn mặc loại áo này, chỉ khác là chúng mới được may và mặc lần đầu (đặc biệt là trong ngày cưới).

- **Quần nam:** tiếng Cờ Lao Trắng gọi là *cú si y eo*, được may bằng vải *tà pủ* màu đen, kiểu chân què, cạp lá tọa. (Xem ảnh số 69).

Cạp quần (xù xú si y eo) là một mảnh vải rộng 14 đến 15cm, được khâu nối liền với thân quần. Cạp quần để bụng không dùng dải rút, khi mặc vẫn chặt và giắt vào trước bụng.

Ống quần (pọ dự si y eo) rộng 34cm được may bằng ba miếng vải cắt rời, tạo độ doãng lớn cho đũng. Với kiểu dáng cắt khâu như vậy, quần rất rộng rãi, tạo sự thoải mái cho người mặc khi lao động và leo núi.

Gấu quần (ping si y eo) cao 6 cm, phía trong ghép thêm một miếng vải khác tạo độ dày và may chân bốn đường chỉ đê lên để tăng độ bền khi sử dụng.

Trong ngày cưới, nam giới Cờ Lao mặc thêm chiếc áo dài (giống như áo của phụ nữ) bên ngoài áo ngắn. Phải chăng đây là tàn dư của chế độ mẫu hệ còn tồn tại trong ý thức tộc người qua trang phục? Ngoài ra, trên vai chú rể còn vắt chéo một dải vải hình chữ nhật dài khoảng 150 - 200 cm, rộng 25 - 30 cm. Trước kia loại khăn này được làm bằng vải sợi bông tự dệt nhuộm chàm, nay làm bằng vải mua sẵn ở thị trường về cắt may theo kích thước truyền thống. Loại khăn này chỉ dùng trong ngày cưới.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

1. Trang phục trẻ em gái

Khi còn nhỏ dưới 5, 6 tuổi các em trai cũng như gái người Cờ Lao không có trang phục riêng, trang phục

đặc biệt của giai đoạn này chủ yếu là chiếc vòng đeo cổ, đeo tay bằng bạc, hoặc vòng giữ vía bằng chỉ để kỵ gió, trừ ma. Từ 5 đến 6 tuổi trở lên, các em được cha mẹ may quần áo mang sắc thái riêng của dân tộc. (Xem ảnh số 63).

Áo trẻ em nữ, tiếng Cờ Lao Trắng gọi là *cú ti lò cháu*, giống áo của người lớn, dài trùm quá gối, cài cúc cạnh nách phải (có ba cúc). Hiện nay các em mặc áo giống áo trẻ em người Mông, ngắn đến hông, cài khuy cạnh nách.

Váy: cùng loại với váy người lớn, chỉ khác ở độ dài, ngắn. Vải dùng may áo váy của trẻ em thường mềm mại và có màu sắc đa dạng hơn vải dùng cho người lớn.

2. Trang phục trẻ em trai

Trang phục trẻ em trai tiếng Cờ Lao gọi là *cú ti lò xái*, gồm có mũ đội đầu, áo, quần cùng kiểu dáng như của người lớn.

Mũ (*đu mu mu*): được ghép bằng nhiều mảnh vải màu tạo thành hình trụ và khâu túm ở trên đỉnh. Mũ không trang trí hoa văn, chỉ đính túm len màu xanh, đỏ ở đỉnh mũ.

Không riêng gì ở trẻ em người Cờ Lao, mũ là loại trang phục rất thông dụng của trẻ em kể cả nam và nữ các dân tộc sinh sống ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Mũ có tác dụng che thóp cho trẻ trước sự thay đổi thất thường của khí hậu, thời tiết vùng núi cao.

Áo trẻ em trai người Cờ Lao may kiểu không cổ, xẻ ngực, dài quá gối, cài cúc vải.

IV. TRANG PHỤC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

Ở nhóm Cờ Lao Trắng người chết mặc trang phục thường ngày, đầu quấn khăn dài (*đi ú trừ bứ*). Khăn được quấn từ trái sang phải (người sống quấn từ phải sang trái). Người ta lấy một miếng vải trắng mới dệt (vải lanh) khâu thành một chiếc túi giống chiếc gối, sau đó đổ gạo vào buộc lại để gối đầu cho người chết; ngoài ra người chết còn được trùm một tấm vải trắng (*đi ú tì xéo*) ở trên người, chân đi dép bằng lát nửa, loại dép này được đan sau khi người ốm đã chết.

Dép lát nửa tiếng Cờ Lao Trắng gọi là *ché nhị pô chu*, trước kia dùng để đi trong nhà. Loại dép này hiện nay không còn sử dụng nữa, nhưng khi có người qua đời người ta vẫn phải đan dép để người chết đem theo về thế giới bên kia⁽¹⁾. Dép được đan bằng lát cắt nửa non, hơi qua lửa cho mềm, sau đó vện thành dây thừng nhỏ và đan thành dép theo cỡ chân của người chết.

Ở người Cờ Lao Xanh, người chết mặc quần áo bình thường như người Cờ Lao Trắng, điểm khác là không buộc khăn.

⁽¹⁾ Theo lời kể của ông Văn Dũng Pao ở Mã Chẻ - Sính Lũng - Đồng Văn - Hà Giang.

Ở người Cờ Lao Đỏ, người chết mặc bên trong bộ quần áo thường ngày, bên ngoài mặc thêm chiếc áo dài màu trắng, đầu quấn khăn trắng, chân đi giày và tất trắng⁽¹⁾.

Những người đến dự lễ tang, nếu là đàn ông ăn mặc bình thường nhưng không đội mũ mà phải buộc khăn trắng. Đàn bà không được đội khăn mà phải xoã tóc, không được dùng dây thắt lưng.

- Trang phục thầy cúng người Cờ Lao

Ở người Cờ Lao Trắng, khi hành lễ, thầy cúng vẫn mặc bộ quần áo thường ngày, trên đầu quấn chiếc khăn trắng dài (*đi ú trừ xéo*) bằng vải lanh hoặc vải sợi bông.

Thầy cúng người Cờ Lao Đỏ ở xã Phố Là huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang khi hành lễ mặc áo dài màu đen, đầu quấn khăn trắng, đuôi khăn buông dài phía sau lưng.

Việc đội khăn trắng trong khi hành lễ của thầy cúng người Pu Péo và Cờ Lao có lẽ nói lên sự tương đồng về văn hoá và mối quan hệ xa xưa của hai tộc người này.

V. SỰ THAY ĐỔI CỦA TRANG PHỤC NGƯỜI CỜ LAO

Trong những năm gần đây trang phục của người Cờ Lao chịu ảnh hưởng rất lớn bởi trang phục của người Mông. Các chàng trai Cờ Lao thích chiếc áo xẻ ngực, dễ cài cúc, có bốn túi tiện lợi trong sinh hoạt của nam giới

⁽¹⁾ Theo lời kể của ông Giàng Xuân Diu ở Chủng Chải - Phố Là - Đồng Văn - Hà Giang.

Mông. Các em nhỏ thích bộ trang phục trẻ em Mông có nhiều màu sắc rực rỡ. Các cô gái Cờ Lao đi chợ thích mặc chiếc váy giống kiểu váy của người Mông gấp nhiều nếp xoè rộng, khi đi lại rất uyển chuyển, điệu đà. Phần đông phụ nữ Cờ Lao đầu đội khăn vuông len Trung Quốc, mùa đông buộc thêm chiếc khăn len dài vòng qua cằm thắt mỗi ở đỉnh đầu. Khi lao động ở ngoài trời hay sinh hoạt, làm việc ở nhà, họ chủ yếu mặc chiếc áo cánh may kiểu bà ba màu xanh lá mạ, xẻ ngực, có hai túi nhỏ. (Xem ảnh số 61).

Sự thay đổi trang phục của người Cờ Lao chủ yếu theo xu hướng đơn giản, tiện lợi cho sinh hoạt hàng ngày. Tiêu biểu nhất là chuyển từ quần sang mặc váy xoè. (Xem ảnh số 62), thay áo năm thân cài khuy cạnh nách, dài chấm gối bằng áo bà ba ngắn, cài cúc giữa ngực. Loại áo này họ thường mặc ở nhà và khi lao động. Khi đi dự lễ hội, cưới xin họ vẫn mặc áo năm thân, cài khuy cạnh nách mang yếu tố truyền thống dân tộc.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LA HA

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Người La Ha không biết trồng bông dệt vải, chỉ dùng vật phẩm đổi quần áo với người Thái để mặc. Song từ những năm đầu của thập kỷ 60, 70 thế kỷ XX trở lại đây,

một số người La Ha đã học người Thái trồng bông, kéo sợi dệt vải và nhuộm chàm. Tuy nhiên sản phẩm dệt của họ còn ít, chất lượng vải chưa tốt, nên chỉ dùng may váy, làm chăn, đệm còn vải may áo của phụ nữ, trẻ em vẫn mua hoặc đổi của người Thái hay mua vải công nghiệp về dùng. Tuy nhiên qua bàn tay khâu vá, thêu thùa của người phụ nữ, trang phục của họ chứa đựng những nét văn hóa tộc người riêng.

1. Trang phục thường ngày

Bộ trang phục phụ nữ La Ha gồm có khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng.

- **Khăn:** tiếng La Ha gọi là *pìn piu*, về hình thức hoàn toàn giống chiếc khăn *piêu* của phụ nữ Thái. Sở dĩ có hiện tượng này vì đa số phụ nữ La Ha không biết dệt vải và không biết thêu khăn, họ chủ yếu mua khăn của người Thái về dùng, cách đội khăn cũng giống cách đội khăn của phụ nữ Thái. (Xem ảnh số 74).

Chiếc khăn chúng tôi mô tả dưới đây là của chị Lò Thị Ho, dân tộc La Ha cư trú tại bản Loọng Hém xã Noong Lay huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La. Chiếc khăn này do chị dệt vải và tự làm để dùng từ năm 1989, tuy nhiên chiếc khăn này vẫn rất giống loại khăn *piêu* của phụ nữ Thái trong vùng về kiểu dáng và mẫu mã hoa văn trang trí.

Khăn (*pìn piu*) được làm bằng một tấm vải có khổ

rộng 36cm, dài 176cm, màu đen, chỉ thêu khăn là loại chỉ tơ tằm (tằm ăn lá sắn) nhuộm các màu bằng chất liệu thực vật (cây, củ có sẵn tại địa phương).

Cách thức tạo hoa văn, chủ yếu theo nguyên tắc rút sợi và luồn chỉ màu vào nền vải đen tạo thành những đường trang trí nằm ngang khăn. Ngoài ra, khi thêu từng hoa văn, người ta thường bắt đầu từ mảng chủ đạo ở giữa, rồi thêu dần ra xung quanh. Khi thêu xong hoa văn họ đính thêm các phần *cóp piu*, *cút piu* để làm tăng vẻ rực rỡ của chiếc khăn. *Cóp piu* là đoạn vải dài 17cm, khi viền các góc khăn người ta để thừa một phần dải vải *cóp piu* để tết thành *hu piu* - *hu piu* trông giống bông hoa ba cánh. Trên nền *cóp piu* có đính thêm các chùm *cút piu* (mỗi chùm có bốn *cút piu*). *Cút piu* là những bông hoa nhiều cánh được thêu riêng rồi đính vào khăn.

Nhìn tổng thể, hoa văn trang trí trên hai đầu khăn (*pừn piu*) của người La Ha tạo thành một đồ án hình vuông trên đó có các hoa văn cảnh cây giản dị, sáng sủa.

Khăn (*pừn piu*) được phụ nữ La Ha sử dụng quanh năm, giữ cho mái đầu ấm áp vào mùa đông giá lạnh và che nắng che mưa trong mùa hè oi bức.

- *Áo (ụp cóm lạp mạy)*: Chiếc áo truyền thống của phụ nữ La Ha là loại áo ngắn, loại áo này rất giống chiếc *áo cóm* của phụ nữ Thái Đen. (Xem ảnh số 72).

Áo *up cóm lác mạy* được may bằng hai sải vải nhuộm chàm, kiểu tứ thân xẻ ngực, chiều dài từ 38 đến 40cm, rộng nách 48 đến 50cm (tùy theo người mặc), cổ áo khoét hình tròn vừa với cổ người mặc; nẹp cổ áo cao 3cm có khâu viền đường chỉ màu xanh đỏ sao cho khi mặc áo phẳng phiu. Hai bên nẹp ngực tấp một miếng vải rộng 3cm (vải nẹp thường khác vải thân áo) để tạo nền đính cúc cài.

Cúc áo (*má kết*): Trước đây phụ nữ La Ha chủ yếu dùng dây vải, hạt cườm hay cúc đồng để cài hai vạt áo với nhau. Sau này họ dùng cúc bướm như người Thái. Một chiếc áo thường đính 15 đôi cúc, số lượng cúc phải là số lẻ vì họ quan niệm số lẻ là số chưa hoàn mỹ, còn tiếp tục phát triển và là số của người sống. Quan niệm này cũng hoàn toàn giống quan niệm của người Thái. Bộ cúc được đính hai bên tà áo, sát vào nhau. Bên trái gọi là *tu mạy* (con cái) là bên khuyết áo. Bên phải gọi là *tu pán* (con đực) là bên khuy áo. Bộ cúc ngoài nhiệm vụ làm khuy - khuyết để chếp hai vạt áo khi mặc, nó còn mang tính chất trang trí cho chiếc áo màu đen thêm nổi bật. Màu trắng của hàng cúc áo còn được đồng bào quan niệm đó là dòng sữa mẹ nuôi con, thể hiện sự kết hợp âm dương, sự sinh sôi nảy nở, trường tồn; quan niệm này cũng rất giống quan niệm của người Thái.

Thân áo của phụ nữ La Ha chỉ dài đến đúng eo lưng và được may bó sát vào cơ thể, hai bên nách mỗi bên tấp

thêm miếng vải hình tam giác ở phía trước và sau. Với cách thức cắt khâu như vậy làm cho phần eo gọn, ngực căng nhưng nách và tay vẫn cử động thoải mái, góp phần phô diễn vẻ đẹp đường nét tự nhiên của người phụ nữ.

- *Váy (ống lạc mạy)*: Các cụ già người La Ha kể rằng xưa kia người La Ha chia thành mừng đàn ông, mừng đàn bà sống tách biệt nhau và phụ nữ La Ha mặc quần. Một ngày kia hai mừng đánh nhau, mừng đàn bà bị thua vì thế trước mặt nam giới họ hứa là từ nay trở đi chúng tôi xin mặc váy khâu liền ống. Từ đó trở đi phụ nữ La Ha đều mặc váy.

Váy (*ống lạc mạy*) được may bằng vải bông dệt thủ công nhuộm chàm đen hoặc xanh đen, hình ống, trên dưới bằng nhau, được ghép bằng bốn khổ vải rộng 40cm theo chiều dọc. Chiều dài váy tùy theo người cao thấp, thường dài từ 80cm đến 120cm kể cả cạp. Váy được chia làm hai phần: thân màu chàm đen dài khoảng 80 đến 100cm, cạp bằng vải nhuộm chàm xanh đen, cao từ 15 đến 20cm (đây là điểm khác với váy phụ nữ Thái vì cạp váy phụ nữ Thái Đen chủ yếu làm bằng vải bông tự dệt màu trắng chưa nhuộm chàm). (Xem ảnh số 73).

Khi may, váy được khâu theo kiểu khâu vắt để nối các khổ vải với nhau, phần cạp cũng được khâu vắt viền mép để nối với thân; gấu được vắt viền nhỏ cho mềm mại, không bị cộm.

Cách mặc váy: Khi mặc, người ta kéo sát váy vào thân người, sau đó kéo căng phần thừa và gấp tại giữa bụng tạo nên một đường gấp nếp, thể hiện sự kín đáo, e ấp của người phụ nữ; đồng thời tạo đường cong từ eo lưng xuống mông, bên cạnh đó còn giúp đôi chân cử động dễ dàng, thoải mái khi leo núi hoặc làm nương, rất phù hợp với địa hình đồi núi dốc.

- *Thắt lưng (sai eo)*, có nơi gọi là *se eo lak may*, làm bằng tơ tằm. Chiều dài thường hơn 2m, tức là bằng một sải tay cộng một khuỷu tay theo cách đo truyền thống của họ. Chiều rộng thắt lưng bằng một khổ vải nhỏ 20cm. Theo thói quen, phụ nữ dưới 30 tuổi thường dùng thắt lưng màu xanh lá cây, phụ nữ trên 30 tuổi và người già dùng thắt lưng màu tím. (Xem ảnh số 75).

Khi váy đã mặc xong người ta quấn hai vòng thắt lưng quanh người và thắt chéo sau lưng, hai đầu thắt lưng được giắt kín vào phần thắt lưng vừa quấn. Cách quấn này làm cho thắt lưng rất chặt nhưng lại dễ cởi (tháo), mỗi khi tháo hoặc cởi họ hơi óp bụng vào để giắt hoặc kéo hai đầu thắt lưng một cách dễ dàng.

Đi đôi với bộ nữ phục, phụ nữ La Ha còn có tục nhuộm răng đen và ăn trầu. Đối với họ, răng càng đen càng đẹp. Quan niệm này giống người La Chí.

Bộ phận người La Ha cư trú ở vùng Than Uyên tỉnh

Lai Châu đến nay còn giữ được tấm choàng (*ang*) của phụ nữ. Tấm choàng có hình thang cân chiều dài khoảng 70cm, cạnh ngắn phía trên khoảng 70cm, cạnh dài phía dưới khoảng 110cm. Tấm choàng được làm bằng vải bông dệt thủ công nhuộm màu chàm xanh đen xung quanh có viền mép và trang trí đường thêu bằng chỉ màu. Đây cũng chính là một bộ phận của bộ y phục thuộc loại hình *choàng quần* còn được bảo lưu- một yếu tố "phi Thái" để phân biệt giữa người La Ha và người Thái trong khu vực Tây Bắc Việt Nam.

Khi trời se lạnh, phụ nữ La Ha dùng tấm choàng quàng sau lưng và hai vai. Hiện nay trong mùa đông đa số phụ nữ mặc áo bông, áo len, số người dùng choàng quần ngày càng ít dần, nếu có chăng chỉ còn các cụ già dùng ở nhà hoặc những người mẹ địu con dùng choàng che để giữ ấm cho trẻ, do đó tấm choàng đã dần đi vào dĩ vãng.

2. Trang phục cưới xin và lễ hội

Trong các dịp cưới xin, lễ hội phụ nữ La Ha ngoài việc mặc chiếc áo ngắn và váy họ còn khoác ngoài chiếc áo năm thân cài khuy cạnh nách. Áo màu chàm đen, không trang trí hoa văn. Trong tâm thức của họ, chiếc áo dài thể hiện sự trang trọng, kín đáo. Người con dâu khi về nhà chồng, mặc chiếc áo dài lễ tạ tổ tiên nhà chồng, vái lạy cha mẹ, anh em họ hàng nhà chồng đã thể hiện rõ sự kính

trọng của mình đối với gia đình, họ hàng bên chồng. (Xem ảnh số 71).

Cũng giống như phụ nữ Thái Đen, trong ngày cưới cô dâu La Ha phải búi tóc ngược lên đỉnh đầu và cài trâm (*tằng cẩu*). Đây là dấu hiệu báo cho mọi người biết cô gái đã có chồng.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Y phục hàng ngày của nam giới người La Ha gồm có áo và quần.

- *Áo (up lác pâu)*: may bằng vải sợi bông nhuộm chàm, có chiều dài trung bình từ 68 đến 70 cm, rộng 53 đến 55 cm; là loại áo tứ thân xẻ ngực, có đính năm cúc (*má kết*), trước đây họ dùng cúc tết bằng vải, nay dùng cúc nhựa. Cổ áo (*du úp*) hình tròn cao 3cm. Hai vạt áo trước (*ma úp*) có đính hai túi áo (*thùng toại*) ở phía trước. Túi áo có kích thước 14 x 14cm. (Xem ảnh số 78).

Áo nam giới La Ha giống áo nam giới của nhiều dân tộc khác cư trú ở miền núi phía bắc Việt Nam. Hiện nay, thanh niên La Ha thích mặc áo sơ mi bằng các loại vải công nghiệp, còn loại áo *up lác pâu* chỉ còn lớp người đứng tuổi sử dụng.

- *Quần (súng lác pâu)*: được cắt may bằng vải sợi bông nhuộm chàm, dài 95 đến 100 cm, ống quần rộng từ

30 đến 32 cm. Quần cắt khâu theo kiểu chân què, cạp lá toạ. Cạp quần (*lục sủng*) cao 7 cm, khi mặc không dùng dải rút mà vặn hai đầu lại với nhau về phía trước rồi giắt vào trong bụng. Quần *sủng lác pâu* của nam giới La Ha hoàn toàn giống quần của người Thái, người Kháng, người Khơ Mú. (Xem ảnh số 79).

Hiện nay thanh niên thích mặc quần âu, áo sơ mi, còn loại quần này chỉ thấy ở người đứng tuổi.

Trong những dịp cưới xin, lễ hội nam giới La Ha còn quấn khăn và mặc áo dài cho thêm phần trang trọng. Ngày thường họ để đầu trần.

- **Khăn đội đầu** của nam giới tiếng La Ha gọi là *khăn dáo*, làm bằng vải sợi bông nhuộm chàm, dài 230 đến 240 cm, rộng 36 đến 40 cm (bằng một khổ vải). Khăn không khâu ghép hoa văn. Khi đội, khăn được gấp làm bốn theo chiều dài, sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu, đầu khăn được giắt vào các vòng vải đã quấn. Cách đội này khác với cách đội đầu riu của đàn ông một số tộc người khác, nhưng khá giống kiểu đội khăn xếp của người Kinh. (Xem ảnh số 77).

Hiện nay thanh niên La Hâu hầu như không dùng loại khăn này, chỉ có các cụ cao tuổi mới dùng.

- **Áo dài nam (*lẹ ụp giáo*)**: may bằng vải bông nhuộm chàm, được chị em phụ nữ tự cắt khâu cho chồng, cho cha

mặc. Vải để cắt áo dài phải là thứ vải đẹp, sợi đều và mịn, vì thông thường cả đời người đàn ông chỉ may một chiếc áo dài, áo này được dùng tới lúc chết và mang sang thế giới bên kia.

Áo dài may kiểu bốn thân, cài khuy cạnh nách, cúc cài bằng đồng hình cầu, được cài vào khuy vải đính ở thân áo bên nách phải.

Cổ áo là loại cổ tròn, cao 3 cm, khi mặc ôm khít cổ, tạo sự kín đáo và trang nghiêm. Áo xẻ tà cao hai bên cạnh nách, thân áo trước và sau cắt hơi lượn gấu, khi mặc nhìn hơi thắt ôm lấy người, phía dưới tà xoè ra. Tay áo dài, cửa tay khá rộng tạo sự thoải mái. Khi mặc áo dài, người ta thường quấn khăn trên đầu, và mặc quần chân què cạp lá toạ.

Áo dài của nam giới La Ha thường được mặc vào những dịp cưới xin, những ngày lễ hội, đặc biệt là mặc khi về già. (Xem ảnh số 80).

Hiện nay loại áo dài này, lớp thanh niên không còn dùng nữa.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

1. Trang phục trẻ em gái

Khi còn nhỏ các em gái không có trang phục riêng, chủ yếu mặc quần áo may sẵn. Khi các em lên sáu, bảy tuổi được may trang phục theo kiểu truyền thống dân tộc. (Xem ảnh số 81).

Bộ trang phục trẻ em gái người La Ha gồm có áo, váy, thắt lưng. Những gia đình khá giả có thể sắm thêm vòng cổ, vòng tay bằng bạc cho trẻ để kỵ gió, trừ ma giúp trẻ mạnh khỏe.

- *Áo (up cóm lác mạy)*: được cắt may như áo người lớn, nhưng kích thước phụ thuộc vào người mặc, cách thức cắt may đơn giản hơn. Áo được may bằng vải bông nhuộm chàm. Khi cắt áo trẻ em thường dùng một miếng vải khổ rộng 40 cm, gấp làm đôi, chiều dài áo vừa số đo của người mặc. Phần thân áo sau để nguyên; thân áo trước xẻ làm đôi, tạo thành hai vạt áo, ráp thêm hai miếng vải đen lật ngược ra làm nẹp, trên nẹp người ta đính hai hàng cúc bướm để cài hai vạt áo với nhau (cúc áo bao giờ cũng là số lẻ). Cổ áo khoét hình tròn có khâu thêm một miếng vải cao 2,5 cm làm nẹp cổ. Phía ngoài nẹp cổ bao giờ cũng dùng một miếng vải khác màu với thân áo để ráp vào, tạo nên đường trang trí. Điều này cũng xuất phát từ quan niệm của người La Ha: bởi xưa kia do cuộc sống du canh, du cư lại kém hiểu biết nên trẻ em sinh ra thường hay ốm đau hay chết yếu. Từ xa xưa, tổ tiên của người La Ha đã cho rằng: Nếu trẻ em nào mặc áo có viền cổ (vải khác với màu áo) thì tổ tiên dễ dàng nhận ra, sẽ phù hộ cho trẻ khỏe mạnh, hay ăn, chóng lớn do đó cổ áo trẻ em phải dùng vải khác màu.

Thân áo được may rộng hay hẹp tùy theo từng người cụ thể. Thân áo nối liền với tay, không cần khoét nách, phần liền nách để rộng rồi thu hẹp dần, tay áo có đường nối ở giữa bắp tay. Áo trẻ em không cần may rộng ngực nên người ta không táp thêm miếng vải hình tam giác dưới nách như áo người lớn.

Áo trẻ em được khâu tay theo kiểu viền mép, thường gấp một mép vải để khâu trùm bên ngoài mép vải kia. Cách khâu này tạo nên sự mềm mại, khi mặc áo không làm hại da trẻ.

- *Váy (ống lạc may)*: được cắt may bằng vải bông nhuộm chàm đen. Chiều rộng váy bằng hai khổ vải 40 cm, chiều dài váy tùy thuộc vào chiều cao của người mặc.

Cạp váy làm bằng vải bông nhuộm chàm xanh, cao 5 đến 7cm. Cạp váy được nối với thân váy bằng hai đường chỉ. Khi nối, người ta đặt hai mép vải chên nhau 1 cm, khâu lược một đường, sau đó gấp phần mép vải dài hơn và khâu vắt mũi tạo đường chỉ thứ hai. Cách khâu như vậy rất chắc mà không bị cộm.

Thân váy do hai khổ vải nối lại với nhau theo chiều ngang, cách khâu cũng theo kiểu khâu vắt, chập hai mép vải khít vào nhau cho thật bằng mép, đường khâu vắt thật dày để khi mở hai mảnh vải ra chúng liền nhau mà không

bị chồng lên nhau. Với lối khâu này, có thể mặc được hai mặt phải, trái của váy.

Gấu váy được gấp nhỏ, khâu vắt mũi dày để chân váy mềm mại.

- **Thắt lưng** (*sai eo*): làm bằng vải dệt sợi tơ tằm nhuộm màu xanh. Chiều dài thắt lưng đo vừa khít ba vòng eo người mặc. Thắt lưng vừa có tác dụng giữ váy vừa trang trí cho bộ trang phục thêm đẹp.

Khi mặc trang phục cho trẻ em gái, người ta mặc áo trước, sau đó mặc váy, kéo váy chồm lên gấu áo 2 đến 3 cm, gấp phần thừa hai bên cạnh váy vào giữa, sau đó quấn hai vòng thắt lưng bên ngoài, hai đầu thắt lưng buông rủ bên cạnh sườn.

Cũng giống như người Thái, người La Ha quan niệm hồn con người luôn trú ngụ trong áo, nên khi trẻ bị ốm họ mời thầy cúng về cúng gọi hồn. Khi cúng phải đặt áo của trẻ bị ốm lên một chiếc mâm, thầy cúng gọi hồn trở về nhập vào áo để trẻ khoẻ mạnh trở lại.

Với quan niệm như vậy nên khi cắt vải may áo, nhất là áo của trẻ em họ không cắt khâu vào tháng 3 lịch ta (tháng 8 lịch Thái) vì đó là mùa làm nương (kiêng may quần áo), họ sợ may quần áo vào thời gian đó, hồn sẽ bỏ xác nhập vào áo mới, người mặc áo này sẽ bị ốm hoặc chết.

Cũng như nhiều dân tộc khác, trẻ em La Ha trai cũng như gái khi còn nhỏ thường đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc nhằm kỵ gió, trừ ma, giúp trẻ khỏe mạnh, hay ăn chóng lớn.

2. Trang phục trẻ em trai

Cũng giống như trẻ em gái, khi còn nhỏ các bé trai không có trang phục riêng, các em được quấn trong những chiếc quần áo cũ mềm của cha mẹ hoặc mặc quần áo may sẵn ở thị trường. Khi lớn sáu, bảy tuổi các em được cha mẹ may trang phục theo kiểu truyền thống dân tộc. Trang phục của trẻ em trai hoàn toàn giống trang phục thường ngày của người lớn nhưng kích thước nhỏ hơn tùy thuộc vào từng người cụ thể.

- *Áo (ụp léc pâu)* may bằng vải bông nhuộm chàm đen, kiểu xẻ ngực, cúc cài được tết bằng vải hoặc cúc nhựa. Thân áo sau có đường nối giữa lưng. Thân trước mở ngực, gập hai mép vải làm nếp áo để đơm cúc. Cổ áo tròn, nếp cổ cao 2 cm. Gấu áo trước và sau cắt lượn sang hai bên sườn, tà xẻ sâu khoảng 10 cm, khi mặc tà áo hai bên sườn xoè ra. Tay áo liền với thân và có đường nối ở giữa cánh tay. Hai vạt áo trước có đắp hai túi nhỏ ở phía dưới. Áo trẻ em trai La Ha cắt khâu đơn giản, không trang trí hoa văn, chỉ một màu đen.

- **Quần** (*sùng*) may bằng vải bông nhuộm chàm đen, kiểu chân què, cạp lá tọa, dũng dài, độ đoãng hai ống lớn, khi mặc rất thoải mái.

Trẻ em khi mặc quần cũng không dùng dải rút hay thắt lưng mà vẫn cạp cho chặt và giắt vào bụng.

Khi khâu quần cho trẻ em, người ta cũng áp dụng kỹ thuật khâu vắt để các đường khâu mềm mại, không bị cộm.

Ngoài áo và quần, những gia đình khá giả cũng cho trẻ em nam đeo vòng cổ bằng bạc để kỵ gió trừ ma.

IV. TRANG PHỤC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

Người La Ha tuy không dệt vải, nhưng vì ảnh hưởng văn hoá Thái, nên trang phục của thầy cúng La Ha cũng khá đầy đủ bao gồm áo, quần, mũ đội đầu, ngoài ra còn có các dụng cụ kèm theo như quạt giấy, sáo dọc.

Thầy cúng tiếng La Ha gọi là *páu à ả*, nghề này thường là cha truyền con nối. Do vậy, những nhà có nghề cúng, con trai khi còn trẻ tuổi đã phải theo cha đi cúng để giúp việc và học nghề. Khi đã ở lứa tuổi 40 - 45 họ mới được nhận nghề. Theo quan niệm của đồng bào, ở lứa tuổi này người đàn ông mới thực sự chín chắn, họ đã được nếm trải mọi việc và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, do vậy họ có thể cúng bái, cầu xin trời, đất, mây, mưa, thần linh phù hộ cho con người; mới có đủ

khả năng xua đuổi ma quỷ đến làm hại con người và cộng đồng...

Khi hành lễ, thầy cúng dùng bộ trang phục riêng. Họ tin rằng chính bộ trang phục đã giúp họ có đủ sức mạnh để liên hệ, làm việc với thần linh ở thế giới bên kia.

- **Áo thầy cúng:** tiếng La Ha gọi là *up lac páu*, được may bằng vải bông nhuộm chàm đen, theo lối xẻ ngực. Thân áo là chiều ngang của hai khổ vải cỡ 40 cm khâu ghép với nhau. Phần thân trước gấp hai mép vải làm nếp áo, cúc và khuyết được đơm trên hai nếp này. Cổ áo là loại cổ tròn, nếp cao 3 cm, được cắt khít ôm lấy cổ. Gấu áo cắt lượn cong sang hai bên. Tà xẻ cao khoảng 10 cm ở hai cạnh sườn. Tay áo dài bằng thân và được nối ở nách. Đỉnh hai nơi xẻ tà có đính trang trí hai quả chỉ màu xanh đỏ (tên gọi giống như người Thái gọi là *mak mạy*). Khi mặc, áo hơi xòe ra ở hai bên cạnh sườn.

- **Quần thầy cúng:** tiếng La Ha gọi là *suúng*, được may bằng bốn khổ vải rộng 40cm nhuộm chàm đen, kiểu chân què, cạp lá toạ, đũng dài, độ doãng lớn, khi mặc rất rộng rãi. Cạp cao 20cm, khi mặc vẫn chật và giắt vào trước bụng. Gấu quần thường gấp 2,5 đến 3cm, các đường khâu theo kiểu chắp mép tạo sự mềm mại.

Nhìn chung, áo và quần của thầy cúng cùng loại với

quần áo mặc thường ngày, chỉ có chiếc mũ mang nhiều sắc thái phân biệt với thường phục. (Xem ảnh số 84).

- **Mũ đội đầu của thầy cúng:** tiếng La Ha gọi là *páu a*, được làm rất cầu kỳ, gồm hai phần: phần chụp đầu và phần tua (Xem ảnh số 85).

Phần chụp đầu được ghép thành hình tròn do bảy màu vải khác nhau tạo thành. Họ quan niệm: hồn vía và sự chỉ đạo của con người đều nằm ở đây. Bảy màu vải khác nhau còn tượng trưng cho bảy vía của người đàn ông. Việc cắt, khâu, ghép vải đã tạo nên hoa văn hình quả trám, bốn đường kẻ sọc quanh mũ, hình răng cưa nằm trên cùng... (giống mũ thầy cúng người Thái Trắng).

Phần tua đính phía dưới mũ gồm 11 tua, có độ dài ngắn khác nhau. Theo quan niệm của đồng bào độ dài, ngắn này tượng trưng cho cuộc đời của mọi lứa tuổi từ trẻ đến già, vì vậy khi đội chiếc mũ này, thầy cúng có thể trừ ma tà, ốm đau cho tất cả mọi lứa tuổi.

Ngoài 7 màu như đã ghép ở phần chụp đầu, phần tua còn có thêm hai màu khác, tạo thành chín màu (ứng với 9 vía của người phụ nữ). Phần tua này được coi như người phụ nữ. Theo quan niệm của người La Ha, phụ nữ là phần thêm của người đàn ông, nhờ có phần thêm này nên người đàn ông mới được hoàn chỉnh.

Các tua mũ làm bằng sợi tơ tằm, được đính đều phía sau mũ. Khi đội, các tua này được quấn xung quanh đầu với quan niệm linh hồn người phụ nữ lúc nào cũng quanh quẩn bên người đàn ông.

Khi đội mũ này, thầy cúng đã có đủ linh hồn của cả đàn ông, đàn bà ở mọi lứa tuổi, do vậy thầy cúng sẽ có thể cúng được cho bất cứ ai.

Mũ thầy cúng được coi là vật rất linh thiêng, chỉ có thầy cúng mới được chạm đến và sử dụng, không ai được cầm hoặc tự ý đưa ra khỏi nhà. Theo họ, nếu không làm như vậy mũ sẽ mất linh thiêng và mất sự linh nghiệm của mũ. Chính vì vậy, mũ thầy cúng được bảo quản rất cẩn thận trong một cái túi vải nhuộm chàm đen, treo ngay đầu giường của thầy cúng. Theo quan niệm của người La Ha, ở vị trí này ma tà không dám đến gần để lấy trộm, cũng là để gìn giữ sự linh thiêng của mũ.

Trong bộ đồ nghề của thầy cúng, ngoài trang phục còn luôn kèm theo một cây sáo dọc và một chiếc quạt nan (giắt ở sau lưng). Khi thực hiện động tác đuổi ma thì thầy rút quạt ra quạt đuổi. Sáo dùng để thổi gọi linh hồn người ốm trở về.

Cũng giống như nhiều tộc người khác sống ở miền núi phía bắc Việt Nam, người La Ha quan niệm người đàn ông có ba hồn bảy vía, đàn bà có ba hồn chín vía.

Khi bị ốm tức là một hoặc nhiều hồn vía bị lưu lạc, do vậy phải quạt đuổi ma tà làm hại, thối sáo gọi hồn vía về nhập vào thân xác thì người ốm sẽ khỏi bệnh.

V. SỰ THAY ĐỔI CỦA TRANG PHỤC NGƯỜI LA HA

Một điều dễ nhận thấy nhất trong sự thay đổi trang phục của người La Ha trong những năm gần đây là sự thay đổi về màu sắc, chất liệu vải khi may chiếc áo *up cóm lác mạy* của phụ nữ.

Trước đây loại áo này chủ yếu may bằng vải bông nhuộm chàm mua của người Thái hoặc các dân tộc khác trong vùng. Hiện nay họ có thể may áo bằng nhiều loại vải khác nhau như vải bông, vải lụa, vải láng với các màu trắng, xanh, tím, hồng... (Xem ảnh số 76).

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI PU PÉO


I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ


Những năm 1940 - 1950 trở về trước, bộ trang phục của phụ nữ Pu Péo khá phong phú, gồm có: khăn vuông phủ ngoài, khăn nhiều dài quấn quanh đầu (hai chiếc), áo ngắn xẻ ngực mặc ngoài, yếm che trước ngực, yếm che sau lưng (nếu không mặc yếm người ta mặc thêm chiếc áo


trong (*bok tǎm*) là loại áo năm thân cài khuy cạnh nách), váy, thắt lưng, xà cạp, vòng cổ, vòng tay, túi vải... Bộ trang phục của họ có thể được coi là đẹp nhất, rực rỡ nhất trong trang phục bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kǎdai.


Nhìn bộ trang phục phụ nữ Pu Páo, nhất là kỹ thuật ghép vải tinh xảo, công phu trên áo, khăn vuông, yếm, váy, thắt lưng... chúng ta thấy rõ sự tinh tế, khéo léo của những người phụ nữ - chủ nhân sáng tạo ra trang phục, đồng thời cũng cảm nhận được phần nào sắc thái văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc của tộc người này.


Khi sử dụng vải màu để trang trí trên trang phục, người Pu Páo chủ yếu sử dụng vải màu đỏ (*nung*), trắng (*lìn*), xanh (*phao*), vàng (*nhính*) để cắt thành các hình khác nhau ghép trang trí trên nền áo, yếm, khăn, thắt lưng... Hoa văn chủ đạo là:


Hình tam giác (*bẹt*), theo quan niệm của họ thì hình tam giác còn tượng trưng cho ngọn lửa cháy 

Hình vuông (gọi là *tô cầu*) do tám hình tam giác ghép lại theo lối âm dương 

Hình quả trám (*lỏm*) 

Hình răng cưa (*mưon*) 

Hình vuông to ghép bằng bốn hình tô cầu; hay hình chữ nhật ghép bằng hai hoa văn tô cầu gọi là *tô pǎng* 

Ngoài ra, trên hoa văn ghép vải còn đính điểm xuyết một số bông hoa nhỏ làm bằng sợi bông màu đỏ gọi là *ka tung* 

Bên cạnh hoa văn ghép vải, người Pu Péo còn dùng những hạt nhôm (*chuôn*) và hạt cườm (*khén*) để trang trí cho bộ trang phục nữ thêm rực rỡ, sang trọng. Việc ghép vải tạo hoa văn trang trí hoàn toàn làm bằng tay nên không theo một đồ án hoa văn bắt buộc mà tùy theo sở thích, óc thẩm mỹ, sự sáng tạo và bàn tay khéo léo của từng người. Do vậy họ đã tạo cho mỗi bộ trang phục như một tác phẩm nghệ thuật độc đáo.

Hiện nay trang phục phụ nữ Pu Péo thay đổi khá nhiều nên phần mô tả trên đây, chúng tôi chủ yếu căn cứ vào những tư liệu còn được bảo lưu trên bộ trang phục của bà Trang Phang Lèn người Pu Péo cư trú ở bản Chúng Chải xã Phố Là huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang. Bộ trang phục này được làm từ năm 1950, và những tư liệu ghi chép về nó được thực hiện từ năm 1990. Qua gần 15 năm đổi mới của đất nước, loại trang phục này hiện nay còn tồn tại rất ít, thậm chí hầu như không còn tồn tại trong đời sống hàng ngày nữa. (Xem ảnh số 103,104).

- **Khăn đội đầu:** Trước khi đội khăn, phụ nữ Pu Péo thường phải quấn tóc vào lược. (Xem ảnh số 96). Cách quấn tóc như sau: tay trái cầm lược đặt thẳng ở vị trí trước

trán hoặc gần đỉnh đầu, dùng tay phải quấn theo chiều kim đồng hồ xung quanh chiều ngang của lược sau đó rút lược ra và găm chặt vào búi tóc để giữ tóc không bị tuột. Quấn tóc xong người ta dùng khăn đệm tóc (*piên tín khăn*) dài khoảng 100cm rộng 40cm gấp thành bốn lớp dọc theo khăn và quấn vòng quanh ngang đầu đè lên búi tóc, giắt mối vào trong (không thắt mối) sau đó dùng khăn nhiều (*khăn nhiều*) quấn bên ngoài.

- *Khăn nhiều dài quấn đầu*: tiếng Pu Péo gọi là *khăn nhiều*, dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm nâu, không trang trí hoa văn. Loại khăn này họ không tự làm được mà mua ở chợ về dùng. Khăn nhiều của người Pu Péo gần giống khăn nhiều của người Cờ Lao, nguồn gốc xuất hiện từ bao giờ thì chưa ai xác định được. Tuy nhiên phụ nữ Pu Péo cũng có những thói quen rất riêng khi dùng loại khăn này như bao giờ họ cũng dùng hai chiếc để quấn quanh đầu: một chiếc màu gụ dài khoảng 300cm rộng 32cm, một chiếc màu tím thẫm dài 300cm rộng 46cm. Họ chồng hai chiếc lên nhau, gấp đôi theo chiều dọc và quấn nhiều vòng quanh đầu tạo nên nhiều nếp gấp. Hiện nay phụ nữ Pu Péo vẫn dùng khăn nhiều quấn xung quanh đầu sau đó mới đội khăn *pươi tô* hay khăn vuông màu đen hoặc khăn len bên ngoài. Việc dùng khăn nhiều quấn đầu đã trở thành tập quán, ngày thường cũng như ngày hội họ đều dùng loại khăn này.

- *Khăn vuông (pươt tô)*, làm bằng vải đen có kích thước 76x72cm. Trên nền vải đen ghép những mảnh vải màu đỏ, xanh, trắng, vàng cắt nhỏ theo kích cỡ khác nhau, ghép dày đặc che kín diện tích gần 1/2 khăn tạo nên một tổng thể hoa văn rực rỡ, đẹp mắt. (Xem ảnh số 91).

Khăn *pươt tô* được trang trí thành hai phần rõ rệt: phần ghép kín hoa văn và phần màu đen của nền vải (phần không trang trí hoa văn).

Phần ghép kín hoa văn: chiếm gần 1/2 diện tích khăn, trên phần này các loại vải màu được cắt thành hình vuông (*tô cấu*), hình chữ nhật, hình tam giác (*bẹt*) với nhiều kích cỡ khác nhau. Bằng ba loại hình cắt sẵn đó người ta ghép thành tám hình tam giác theo lối âm dương, tạo thành một hình vuông trong có hai hình hoa bốn cánh người Pu Péo gọi là *tô cấu*. Hai bông hoa *tô cấu* ghép trên một hình chữ nhật, hoặc bốn bông hoa *tô cấu* ghép trên một hình vuông gọi là *tô păng*. Ngoài ra, trên những hình vuông to còn trang trí một bông hoa *tô cấu* ở giữa và bốn hình vuông nhỏ ở bốn cạnh. Các loại hoa văn trên không chỉ được ghép trên khăn mà nó còn được ghép trên áo, yếm. (Xem ảnh số 91 và mẫu hoa ở phần phụ lục).

Việc ghép các loại hoa văn trên khăn và trên các thành tố trang phục khác của người Pu Péo không theo một quy

tắc nhất định. Nó phụ thuộc vào sở thích, óc thẩm mỹ của từng người miễn sao chúng được ghép dày kín, hài hoà và tạo thành từng lớp khá rõ ràng giữa chiều ngang và chiều dọc. Khi quan sát thật chi tiết, chúng ta thấy việc bố trí các hoa văn khá lộn xộn không theo một trật tự nhất định, nhưng nếu quan sát tổng thể thì chúng cũng tạo nên một trật tự tương đối thống nhất giữa hàng ngang và hàng chéo của cả đồ án trang trí, tạo nên một bố cục hài hoà chung cho khăn.

Phần vải đen còn lại chiếm diện tích trên 1/2 khăn. Ở phần này, chạy dọc theo hai cạnh mép của khăn được ghép các hình chữ nhật màu trắng, đỏ xen kẽ nhau. Trên những hình chữ nhật có ghép hai hoa văn *tô cầu* ở giữa, bốn hoa văn quả trám (*lốm*) ở bốn góc. Phía trong hàng hoa văn này là bốn đoạn vải nhỏ màu đỏ, xanh, trắng nối với nhau tạo thành đường vải chạy song song. Trên đường vải này tiếp tục ghép các hình tam giác nhỏ tạo thành hoa văn hình răng cưa (gọi là *ngọn lửa cháy*) bằng vải đỏ, xanh, trắng đều đặn. (Xem ảnh số 91).

Hai góc phía dưới khăn đắp mỗi bên một mảnh vải hình vuông màu đỏ, trên nền vải đỏ trang trí hai hoa văn *tô cầu*, hai cạnh trong của hình vuông trang trí hàng hoa văn răng cưa bằng các tam giác nhỏ màu xanh, đỏ, trắng kẻ

tiếp nhau. Tiếp đến là những đường vải nhỏ màu vàng, đỏ và hàng hoa văn răng cưa. Phía ngoài cùng mỗi cạnh có trang trí hai hình chữ nhật trên gắn hai hoa văn *tô cầu*, cạnh góc nhọn gắn một hoa văn *tô cầu*.

Ngoài hoa văn ghép vải, đính hai góc khăn phía trên còn đính các dải buộc khăn gọi là *đan pưoi tô*, được làm bằng những đoạn vải màu, nối với nhau, dài 100cm. Ở đầu mỗi dải có đính 4-6-8 tua vải màu khác nhau và mỗi đầu tua đính từ 2 đến 4 bông hoa *ka tung* làm bằng sợi màu đỏ (số lượng tua tùy theo ý thích từng người).

Trên các góc khăn còn đính trang trí một số hạt nhôm, loại hạt có đầu đính gọi là *nấu cheng tay*, loại đầu tròn gọi là *nấu*. Nếu không có hạt nhôm họ có thể dùng hạt cườm.

Hiện nay loại khăn *pưoi tô* còn rất ít vì nó được làm cầu kỳ nên mất nhiều thời gian. Nó chỉ được đội vào các dịp lễ tết, hội hè, nhất là trong đám cưới. Ngày thường họ đội khăn vuông đen hoặc khăn vuông len Trung Quốc.

- **Áo mặc ngoài** (*bok cả*) của phụ nữ Pu Péo may bằng vải đen (*phai đăm*) mua tại thị trường. Trước kia họ tự cắt và khâu áo bằng tay. Áo có chiều dài 54-55cm, rộng 45-46cm, may kiểu xẻ ngực, không cài cúc mà, buộc bằng hai dây vải đính ở giữa nếp áo. Áo không có cổ, cổ áo liền với nếp áo. (Xem ảnh số 88).

+ *Nẹp áo (méo bok cá)*: Trên cả hai nẹp áo trước ngực được trang trí dày kín hoa văn ghép vải và đính hạt kim loại, tạo thành năm dải chạy song song theo chiều dọc.

Dải hoa văn thứ nhất (phía ngoài cùng) được trang trí bằng nhiều mảnh vải nhỏ hình chữ nhật, hình vuông (kích cỡ khác nhau) tạo thành dải hoa văn màu đỏ - trắng - vàng - xanh xen kẽ dài 40cm, rộng 2,2cm.

Dải hoa văn thứ hai được ghép bằng các đoạn dây vải màu trắng - xanh rộng 1cm, ghép lại thành dải dài 35cm.

Dải hoa văn thứ ba do nhiều hình tam giác nhỏ bằng vải trắng ghép lại tạo thành hoa văn hình răng cưa (hay ngọn lửa cháy) dài 35cm, rộng 1,2cm.

Dải hoa văn thứ tư cũng được ghép bằng các hình tam giác nhỏ bằng vải đỏ tạo thành hoa văn hình răng cưa dài 35cm rộng 1,2cm.

Dải hoa văn thứ năm là một hàng hạt kim loại mũ tròn (*nấu*).

Ngoài năm dải hoa văn như đã mô tả, trên hai nẹp áo nữ Pu Péo còn đính mỗi bên bốn cụm hạt kim loại, mỗi cụm có hai hàng, mỗi hàng có từ 3 đến 5 hạt. Những cụm hạt bạc này trông gần giống như bốn bộ cúc nhưng không có tác dụng cài áo mà chỉ mang tính chất trang trí.

+ *Thân áo trước*: Việc trang trí hoa văn trên hai thân

áo trước và trên toàn bộ trang phục nữ Pu Péo chủ yếu theo phong cách tạo thành từng hàng, từng lớp, theo chiều ngang kết hợp với chiều dọc, tạo nên một đồ án hoa văn ghép vải dày đặc che kín phần vải nền màu đen của trang phục.

Quan sát hai thân áo trước của bà Trang Phang Lèn, chúng tôi thấy diện tích trang trí hoa văn ghép vải chiếm 1/2 thân áo (tính từ dưới lên). Hình dáng các miếng vải màu ghép trên thân áo rất đa dạng, kích thước to nhỏ khác nhau, màu sắc chủ yếu là trắng - đỏ xen kẽ dày đặc, thỉnh thoảng có để trống một khoảng vải đen khá đáng đối giữa hai thân áo. Việc sử dụng ba màu tương phản trắng, đỏ, đen đã tạo nên một tổng thể trang trí rục rờ, nổi bật. (Xem ảnh số 88).

Quan sát một số đồ án trang trí hoa văn ghép vải của người Pu Péo chúng tôi thấy việc ghép các hoa văn hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, tô cầu, tô phẳng có kích thước to, nhỏ rất lộn xộn, không theo một quy tắc nhất định, miễn sao chúng dày kín và tạo thành các dải màu tương đối vuông góc giữa chiều ngang và chiều dọc, còn các hình tam giác được ghép theo lối âm dương tạo thành hoa văn hình răng cưa khá đều xen kẽ các dải màu.

Tuy nhiên, trên một số mẫu áo, yếm, khăn... của phụ nữ Pu Péo việc trang trí hoa văn ghép vải khá đáng đối

cả về khối hình và khối màu. Sự đăng đối này giúp cho các chi tiết nhỏ đỡ lộn xộn, tạo sự thuận mắt cho cả mảng trang trí hoa văn.

+ *Thân áo sau* trang trí hoa văn ít hơn thân áo trước. Phần ghép vải màu tạo hoa văn rộng 15cm, chạy vòng từ tà áo bên phải dọc hết thân áo sau (kể từ gấu trở lên) và vòng về bên trái. Hoa văn trang trí hoàn toàn giống thân áo phía trước (vải các màu cắt thành hình vuông, chữ nhật, hoa văn tô cầu, tô phầng, tam giác... ghép xen kẽ dày kín thành một khối có hình chữ U ở phía dưới thân áo sau. (Xem ảnh số 104).

+ *Tay áo (dùng bok)*: Hai ống tay áo của phụ nữ Pu Péo là bộ phận được trang trí nhiều nhất, các mảnh vải ghép che kín gần như toàn bộ nền vải đen chỉ để chừa lại ba dải nhỏ 1cm chạy vòng quanh cửa tay áo và giáp bả vai.

Ngoài kỹ thuật ghép các hình hoa văn như thân áo trước và sau, ở cửa tay áo có tếp thêm một dải vải rộng 10 đến 12cm theo lối băng ngang, đồng bào gọi là *tan dung*; cổ ống tay áo có thêu đường chỉ màu nổi gọi là *nháy tan dung*. Hai bên nách áo (*chuốn*) có tếp thêm một mảnh vải đen nhỏ để tạo cho nách áo rộng, thuận lợi khi vận động.

Trên hai bả vai áo có trang trí hoa văn ghép vải màu; mảng trang trí này có kích thước 15 x 20cm nằm gần kín

cầu vai, chuôm ra cả phía trước ngực và sau bả vai. Mảnh hoa văn trang trí trên vai áo phụ nữ Pu Péo vừa làm cho vai áo thêm đẹp, vừa có tác dụng như miếng đệm giúp cho vai áo bền và đỡ đau vai khi mang vác, gùi hàng.

Với kỹ thuật ghép vải công phu, tỷ mỹ mất rất nhiều thời gian nên ngày nay loại áo bok cả của phụ nữ Pu Péo đã có sự thay đổi đáng kể về kỹ thuật chắp ghép hoa văn (theo hướng đơn giản hoá). Người ta chủ yếu chỉ trang trí trên diện tích 2/3 của hai nẹp áo vòng hết tà áo trước đến vị trí xé tà. Hoa văn trang trí trên nẹp áo bok cả cơ bản vẫn tuân thủ theo phương pháp truyền thống về bố cục, màu sắc và kỹ thuật chắp ghép mảng màu. Tuy nhiên việc tạo hình, tạo khối trong cả đồ án thường có diện tích lớn hơn trước, nên việc thực hiện các chi tiết cũng dễ hơn, đỡ mất thời gian hơn. Hiện nay loại áo bok cả ngày càng ít dần, nó chỉ được sử dụng trong lễ hội, cưới xin...

Ngày thường phụ nữ Pu Péo mặc phổ biến loại áo *bok tấm*. Khi mặc áo bok tấm người ta không dùng yếm che ngực nữa.

- **Áo mặc trong (bok tấm):** là loại áo năm thân, cài khuy cạnh nách phải, may bằng vải đen, có chiều dài 63-65cm, rộng vai 53-57cm, khi mặc áo chỉ dài quá hông. (Xem ảnh số 98).

Cổ áo (*cô bok*): tròn, nếp cao 4cm, có ghép thêm vải hoa, vải xanh, hoặc đỏ để trang trí.

Tay áo (*dinh bok*): dài 45-47cm, cửa tay rộng 13cm. Trên ống tay từ dưới bả vai đến khuỷu tay có ghép các vòng vải màu nhỏ chạy vòng quanh. Cửa tay áo ghép từ một đến hai vòng vải màu có chiều ngang từ 5-8cm.

Thân áo trước: ghép ba dải vải màu từ đường nối giữa thân áo chạy chéo về nách phải. Chính việc trang trí này đã tạo cho chiếc áo mặc trong (*bok tằm*) của phụ nữ Pu Péo có hình thức hoàn toàn khác với áo nữ Cờ Lao và nhiều tộc người khác.

Chẳng hạn, áo nữ Cờ Lao trang trí cả thân trước và thân sau, tạo thành những đường trang trí uốn lượn vòng hết thân áo phía trên giáp cổ áo. Áo *bok tằm* của phụ nữ Pu Péo trang trí tuy khá giống áo nữ Phù Lá Hán ở thân áo trước, nhưng thân áo sau lại hoàn toàn khác vì áo nữ Pu Péo không trang trí hoa văn, còn áo nữ Phù Lá Hán có trang trí đường hoa văn ghép vải từ hai bên xẻ tà chạy vòng xuống hết thân áo sau.

Cúc áo (*kchét*): là loại khuy thắt tròn, làm bằng vải, dùng để cài ở cổ và cạnh nách phải, mỗi áo có từ 3-5 cúc.

Gấu áo (*niên bọc*): được cắt hơi vát về hai bên sườn, rộng 2-3cm, gấp vào trong rồi may lại để áo phẳng và bền.

Trước kia áo bok tấm được mặc trong áo bok cả, hiện nay thường ngày họ mặc áo bok tấm ở ngoài, bên trong mặc thêm áo ngắn may kiểu bà ba gần giống áo của người Kinh.

- *Yếm*: là một bộ phận trong trang phục cổ truyền của phụ nữ Pu Péo. Trước kia phụ nữ Pu Péo thường sử dụng đồng thời hai chiếc yếm: yếm đeo ngực và yếm che lưng. Chiếc yếm là sản phẩm còn in đậm dấu ấn văn hóa cổ truyền của tộc người này trong hình dáng cắt may, trong nghệ thuật trang trí hoa văn và cách thức sử dụng yếm.

Yếm che ngực (diêm): làm bằng vải đen có kích thước gần như vuông 32x33cm, gồm ba bộ phận: thân yếm, dây đeo, dây buộc. (Xem ảnh số 92).

Thân yếm không khoét vòng tròn ở góc giáp cổ như yếm các tộc người khác mà vẫn giữ nguyên hình vuông, người ta chỉ xẻ một đường chéo dài từ 8 đến 10cm ở góc yếm giáp cổ. Trên nền vải đen của thân yếm họ dùng kỹ thuật ghép vải màu để tạo các mô típ hoa văn tam giác (*bẹt*), quả trám (*lốm*), *tô cầu*, *tô păng*,... tạo thành các đường trang trí hình chữ V liên tiếp che kín hai cạnh và góc dưới cùng. Phía ngoài cùng của hai cạnh và góc yếm còn đính trang trí nhiều chùm tua hạt cườm, gắn hoa *ka tưng*.

Ở giữa thân yếm trang trí dày kín các dải hoa văn khếp kín tạo thành hình thoi to hoặc trang trí điểm xuyết một hoa văn *tô cấu* nhỏ ghép bằng vải trắng - đỏ.

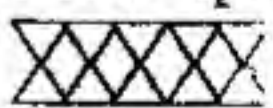
Hai cạnh bên của yếm có thể để nguyên vải đen, không trang trí hoặc ghép những mảnh vải màu hình chữ nhật, hình vuông to, để tạo nên những khối màu lớn tương phản, làm yếm thêm nổi bật. Yếm của phụ nữ Pu Péo dù trang trí theo đồ án hoa văn nào cũng thể hiện sự tinh tế, rực rỡ đôi khi tạo cảm giác rất mạnh trong việc phối màu, sử dụng gam màu, góp phần làm cho bộ trang phục của họ thực sự là một tác phẩm nghệ thuật đẹp.

Dây đeo yếm (*du diêm*): là dải vải rộng 5 đến 7cm, dài 45 đến 50cm, có thể ghép nhiều đoạn vải màu lại, hoặc được làm bằng một dải vải màu đen, trên một mặt của dải vải đen có ghép trang trí nhiều đoạn vải màu và đính 2 đến 3 tầng dây tua xâu hạt cườm bằng nhựa, đầu gắn bông hoa (*ka tủng*) làm bằng sợi chỉ đỏ (*ka tủng*). Dây đeo được đính ở hai góc phía trên yếm, khi dùng buộc thắt hoặc cài khuy sau cổ.

Dây buộc yếm được làm bằng vải đen, đỏ, rộng 1cm, dài 45cm đến 50cm, đính ở hai cạnh bên của thân yếm. Khi mặc người ta vòng dây về phía sau lưng và buộc chặt vào người để giữ yếm.

Hiện nay yếm đeo ngực cũng ít dần, thay thế vào đó người ta chuyển sang mặc áo *bok tằm* ở ngoài, bên trong áo *bok tằm* còn có chiếc áo ngắn, may kiểu áo bà ba, gần giống áo của người Kinh (vì phụ nữ Pu Péo quen mặc hai chiếc áo một lúc).

Yếm đeo lưng (phen tô): Giống như yếm mặc trước ngực, yếm đeo lưng cũng thể hiện rất rõ đặc trưng văn hóa tộc người. Yếm đeo sau lưng làm bằng vải trắng (vải tự dệt thủ công), có hình vuông kích thước khoảng 34x34cm. Yếm gồm ba bộ phận: thân yếm, dây tua trang trí, dây đeo yếm. (Xem ảnh số 93).

Thân yếm: trên nền vải trắng người ta ghép vải màu để trang trí; ở giữa được ghép bằng mảnh vải đỏ hình vuông 17x17cm làm nền trang trí hoa văn. Ở giữa nền vải đỏ ghép một hình vuông bằng vải trắng, ở giữa hình vuông vải trắng này trang trí hoa văn *tô cầu* (do tám hình tam giác ghép theo lối âm dương) gọi là *pê coóc lỏi*. Chạy xung quanh phía ngoài hình vuông là hàng răng cưa (*lửa cháy*), tiếp đến là dải hoa văn thêu. Người ta dùng chỉ đỏ thêu thành khung hình vuông, sau đó thêu hình quả trám liên tiếp vòng hết khung hình vuông . tiếp đến là hoa văn hình răng cưa (*lửa cháy*), ngoài cùng là khung hình vuông thêu hoa văn hình quả trám liên tiếp. Bốn góc khung hình vuông ngoài cùng ghép bốn hoa văn

tô cầu, bốn cạnh khung hình vuông trang trí đối xứng mỗi cạnh một hoa văn *tô pãng* và một hình chữ nhật giữa ghép hoa văn *tô cầu*, bốn cạnh ghép hoa văn hình thoi. Có thể nói, đây là đồ án trang trí hoa văn rất đặc trưng của người Pu Péo. Một số người Pu Péo cho biết, trước đây trên ngực áo phụ nữ có trang trí những hoa văn theo hình giống ngôi sao (*priư*), trên nền ngôi sao là hoa văn *lừa cháy*.

Theo quan niệm của đồng bào, ngôi sao là biểu tượng của ngũ hành, mang lại sự may mắn. Hiện nay người Pu Péo ở xóm Chủng Chá xã Phố Là huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang vẫn có tục lệ: vào những ngày giáp tết mọi gia đình đều lấy tre về làm thành hình ngôi sao năm cánh vút lên mái nhà với mong muốn năm cũ đã qua, năm mới đến sẽ đem lại mọi sự may mắn, tốt lành.

Trong quá trình điền dã, khảo sát, nghiên cứu hoa văn trang trí trên trang phục của người Pu Péo, chúng tôi chưa tìm thấy loại hoa văn hình ngôi sao (*priư*). Tuy nhiên căn cứ vào lời kể của các cụ già thì "*trên nền ngôi sao là hoa văn lừa cháy*", phải chăng hoa văn ngôi sao (*priư*) chính là hoa văn *tô cầu* được ghép bằng tám hình tam giác (*lừa cháy*) theo lối âm dương tạo thành một hình vuông? Nếu nhìn tổng thể, mỗi hình vuông có hai ngôi sao bốn cạnh được lồng ghép vào nhau theo lối âm dương. Một số dân tộc ở nước ta có quan niệm "trời tròn, đất vuông" "bốn

phương, tám hướng"... Những quan niệm này cũng khá giống quan niệm âm dương ngũ hành khi suy đoán về sự luân chuyển của vũ trụ, của đất trời trong tri thức dân gian của người Pu Páo?

- *Váy (giòng)*: là một bộ phận của trang phục nữ Pu Páo vẫn giữ được những yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc. Váy may bằng vải đen, dài 75 đến 80cm, cạp váy rộng 115 đến 120cm, gấu váy xoè rộng 360 đến 380cm. Một chiếc váy thường may hết 4m vải. (Xem ảnh số 89). Váy gồm ba bộ phận:

+ *Cạp váy (đâu ka đê)* thường được làm bằng vải xanh, đỏ, cao 6cm, dài 115 đến 120cm, hai đầu cạp trừ ra 18 đến 20cm để làm dây buộc khi mặc.

+ *Thân váy (dung)* bằng vải đen được may khếp mí tạo thành hình trụ, chỗ giáp hai cạnh mở một đoạn dài 10 đến 15cm để thuận tiện khi mặc. Thân váy được ghép bởi hai mảnh vải chắp lại theo chiều ngang, nửa thân phía trên được gấp nếp nhỏ để đính vào cạp cho vừa vòng bụng. Nửa thân váy phía dưới xoè rộng hơn, nên ở chỗ nối hai mảnh vải cứ 5 đến 6cm người ta phải gấp một nếp và dùng chỉ đính hai mép lại để khi nối hai mảnh vải mới khớp với nhau. Do kiểu dáng cắt may như vậy, khi mặc phía trên váy áp sát vào thân người làm tôn dáng, eo, mông, còn

phía dưới xoè rộng tạo sự thoải mái khi đi lại, đồng thời tạo sự uyển chuyển mềm mại cho người phụ nữ.

+ *Chân váy (tan ka đây)*: dài 360 đến 380cm, cao 6 đến 8cm được trang trí dây kín hoa văn bằng kỹ thuật ghép vải màu. Chân váy được coi là bộ phận biểu hiện đậm nét sắc thái văn hóa cổ truyền. (Xem ảnh số 90).

Phụ nữ Pu Péo ai cũng phải học cách trang trí chân váy. Các em gái từ 13 đến 14 tuổi đã bắt đầu tập khâu chân váy. Các cô gái sắp đi lấy chồng phải chuẩn bị hàng chục chiếc chân váy để sử dụng lâu dài khi về nhà chồng, vì sau khi lấy chồng có con họ có ít thời gian để làm việc này. Cái khó của kỹ thuật khâu chân váy là sử dụng nhiều mảnh vải cắt sẵn thành các hình tam giác (*bẹt*), hình thoi (*lổm*), hình chữ nhật với những kích cỡ khác nhau ghép lại tạo thành ba phần rõ rệt của chân váy (ngọn - thân - gốc) đầy kín trên nền vải đen.

Trong xã hội cổ truyền, để khuyến khích tài năng khâu vá, thêu thùa của các cô gái, một số người Pu Péo đã tổ chức các cuộc thi khâu hoa văn chân váy. Bởi vậy họ có câu nói nhắc nhở các cô gái phải tập khâu cho nhanh và đẹp:

Bạt đầu chi lằm chẻ

Bạt chích chi lằm bẹt.

Có nghĩa là: *Giã một chày thì khâu được một tam giác*
Giã một chày nữa thì khâu được một hình thoi.

Thời gian khâu chân váy thường vào những lúc nông nhàn sau vụ thu hoạch ngô, lúa, hoặc tết Nguyên đán và tranh thủ lúc rảnh rỗi trong ngày. Để khâu xong một chiếc chân váy phải làm liên tục trong thời gian khoảng ba tháng.

Đồ án và mô típ hoa văn trên chân váy cơ bản giống hoa văn trang trí trên áo, khăn, yếm, thắt lưng. Nhưng ở đây có sự phân biệt khá rạch ròi tạo nên ba phần rõ rệt: ngọn, thân, gốc của hoa văn chân váy.

Phần ngọn là những hình tam giác bằng vải nhiều màu được ghép thành một hàng ngang đều đặn, tượng trưng cho ngọn lửa cháy.

Phần thân (*tô tăng*) và phần gốc (*tô sạp*) được trang trí hoa văn thành hai dải băng ngang hoàn toàn giống nhau. Điều khác duy nhất là các khối màu, khối hình luôn luôn hoán vị cho nhau để tạo nên những nhịp điệu màu sắc xen kẽ không trùng nhau. Hoa văn trang trí chủ yếu là hai hình chữ nhật to được ghép liền kề nằm ngang, tiếp đến là năm hình chữ nhật nhỏ (do các hình tam giác, hình thoi, hình vuông) ghép theo chiều đứng. Giữa các hình chữ nhật nhỏ là những khoảng cách đều nhau tạo nên quăng hờ màu đen (màu nền của chân váy). Chính những quăng hờ này cũng

có tác dụng bổ sung làm phong phú thêm màu sắc của toàn đồ án hoa văn trang trí.

Loại chân váy ghép vải màu cầu kỳ hiện nay vẫn được phụ nữ ưa dùng để mặc hàng ngày cũng như trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin.

- **Thắt lưng (gót tó):** được làm bằng vải bông trắng dệt thủ công. Thắt lưng là một bộ phận quan trọng trong bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Pu Péo, nó còn giữ lại nhiều yếu tố văn hóa truyền thống mang tính đặc trưng tộc người. Song cách đây không lâu, loại thắt lưng này được thay thế bằng hai chiếc yếm che váy (tạp dề) do học tập từ người Mông, người Cờ Lao...

Thắt lưng truyền thống được cắt khâu thành hình ống dài 260cm, rộng 13cm, hai đầu cắt vát như kiểu thắt lưng ruột tượng của người Kinh và được trang trí hoa văn ghép vải kết hợp với hoa văn thêu. Đồ án trang trí này có kích thước 14x14cm, kiểu dáng và bố cục khá giống cách trang trí trên khăn, áo, yếm - đặc biệt là yếm đeo sau lưng của phụ nữ Pu Péo. (Xem ảnh số 94).

Ở giữa hai đầu của thắt lưng được ghép một mảnh vải vuông màu đỏ làm nền và là trung tâm của cả đồ án. Bao quanh hình vuông đỏ là các dải hoa văn ghép kín tạo

thành nhiều hàng, nhiều lớp hình vuông liên tiếp. Mô típ hoa văn ghép vải vẫn là hình tam giác, quả trám, răng cưa, hình chữ nhật, hình vuông, hoa văn *tô cầu*, *tô păng*. Hoa văn *tô cầu* có thể nằm độc lập hoặc nằm trong tổng thể cặp đôi hình quả trám.

Ở mép của hai cạnh đầu thắt lưng đính mỗi bên tám bông hoa màu đỏ, được làm bằng vải đỏ gấp lại tạo thành hình bông hoa, mỗi bông hoa đính thêm một hạt cườm trước khi được gắn vào mép đầu thắt lưng.

Khi sử dụng, thắt lưng được quấn hai vòng quanh người để giữ chắc váy. Hai đầu thắt lưng buông dài về phía trước hoặc sau lưng trang điểm cho bộ áo váy thêm đẹp và mềm mại.

- *Xà cạp* (*ka păn*) thường được làm bằng vải bông màu trắng hay màu đen xanh, có hình dáng như một tam giác cân, cạnh dài 100cm, đáy rộng 32cm. Xà cạp của phụ nữ Pu Péo cũng giống như xà cạp của một số dân tộc khác cùng cư trú trong vùng như Cờ Lao, Mông, Giáy... bởi thế nó không biểu hiện rõ nét đặc trưng văn hóa truyền thống tộc người. Xà cạp của phụ nữ Pu Péo chủ yếu mang tính sử dụng để bảo vệ đôi chân trước sự thay đổi của thời tiết, khí hậu và chống muỗi, vắt cắn khi lao động trên nương... ít mang tính thẩm mỹ làm đẹp. Vì thế xà cạp của họ chỉ

nguyên là màu trắng, màu đen hoặc xanh, không khâu ghép hoa văn. (Xem ảnh số 102).

Khi dùng, họ đặt cạnh đáy của hình tam giác vào cổ chân và quấn chặt xà cạp nhiều vòng quanh bắp chân lên giáp đầu gối rồi nhét góc nhọn của xà cạp vào bên trong các lớp vải (nếu không dùng dây buộc). Nếu dùng xà cạp có khâu dây buộc (dây dài 100 đến 120cm) thì người ta quấn dây vòng ngoài xà cạp theo hướng từ trên xuống dưới, và thắt dây buộc nơi cổ chân. Khi quấn xà cạp phải có độ chặt vừa phải để lúc đi xa hay leo núi không bị tụt mà bắp chân không bị mỏi.

Hiện nay phụ nữ Pu Péo ít sử dụng xà cạp để quấn chân, họ chuyển sang dùng tất hoặc đế chân trần.

- *Túi vải (thoọng pế)*. Túi có kiểu dáng giống tay nải của phụ nữ Tày, chỉ khác ở điểm trang trí hai bên góc đáy túi bằng hai chùm tua vải hoặc tua len màu. Khi đi chơi, đi làm họ đều mang túi để đựng tư trang và một số vật dụng cần thiết khác. (Xem ảnh số 107).

Trang phục cưới xin, lễ hội

Trước kia, trong ngày cưới cô dâu Pu Péo đầu quấn khăn nhiều tím, bên ngoài trùm khăn *pươi tô* trang trí rực rỡ hoa văn; mặc loại áo tứ thân *bok cá* mở ngực, trong dùng yếm thêu; sau lưng đeo yếm *phen tô* trang trí kín hoa

văn. Chân váy ghép hàng hoa văn hình tam giác - biểu tượng của ngọn lửa cháy. Ngoài ra họ còn dùng thắt lưng thêu hoa, chân quần xà cạp. (Xem ảnh số 103,104).

Hiện nay trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội của phụ nữ Pu Péo đã có nhiều thay đổi. Họ mặc áo ngắn năm thân, cài khuy cạnh nách. Không dùng yếm đeo phía trước và phía sau, thay thế vào đó là hai chiếc yếm che váy (tạp dề). Ba loại khăn đội đầu của cô dâu (khăn đệm tóc, khăn dài quấn đầu, khăn vuông trùm đầu) chủ yếu là màu đen và màu nâu, hoa văn trang trí trên khăn giảm, nên không rực rỡ như trước kia.

Bộ trang phục cô dâu Pu Péo hiện nay đã thay đổi theo xu hướng đơn giản hoá, ít trang trí hoa văn. Loại trang phục này ngày càng giống trang phục của một số tộc người khác cư trú đan xen trong vùng. Tuy vậy trong ngày cưới, cô dâu Pu Péo thường đeo hai chiếc vòng cổ (*t'khố*), hai chiếc vòng tay (*khươi*), một chiếc khánh bạc (*pá pái*) có gắn những chiếc chuông nhỏ (*k'mìn*). Khánh to treo sáu quả chuông, khánh nhỏ treo ba quả. Ngoài những thứ trên, cô dâu còn đeo dải vải đỏ kết hình bông hoa (*pài neng vác pùng*), chân đi đôi giày vải màu đỏ (*khơ liểu*) tự khâu trước khi đi lấy chồng, và dùng tất vải (*cơ mắt*) tự dệt hoặc mua ở thị trường.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Bộ trang phục nam tiếng Pu Péo gọi là *thảo ka đê bok ka pạ*, gồm có áo, quần.

- **Áo** (*bok ka pạ*): may bằng vải bông màu đen, kiểu tứ thân, mở ngực. Áo dài 63 đến 65 cm, rộng 51 đến 52 cm. Ống tay (*dinh bọc*) là loại tay dài, cửa tay rộng 16 cm. Cổ áo (*cổ lăng*) là loại cổ tròn, nẹp cao 5 cm. Cúc áo (*ka chet*) gồm chín chiếc được tết bằng vải, đính trên hai vạt để khếp hai thân trước với nhau. Ở hai thân trước (*đồng bok*) có đính thêm bốn túi áo (*thổng*), hai túi trên ngực nhỏ hơn hai túi phía dưới. Áo xẻ tà sâu 7 - 10 cm ở hai bên nách áo. (Xem ảnh số 108).

- **Quần** (*quăn ka pạ*): may bằng vải bông nhuộm đen, cắt may theo kiểu quần chân què, cạp lá toạ. Quần dài 100 cm, ống quần rộng 34cm. (Xem ảnh số 109).

Cạp quần (*đậu quăn*) cao 12 đến 15 cm, là một mảnh vải rời nối vào thân quần. Cạp quần để buông, không dùng dải rút. Khi mặc, người ta vẫn cạp quần cho chặt và giắt vào bên trong phía trước bụng.

Đũng quần (*thăng quăn*) được can thêm miếng vải hình tam giác, tạo cho đũng quần rộng, có tác dụng tạo sự thoải mái khi lao động, leo núi.

Hiện nay nam giới Pu Péo vẫn dùng phổ biến bộ quần áo này. Ngày thường họ mặc quần áo cũ hơn, còn ngày lễ hội, cưới xin mặc quần áo mới.

Bộ quần áo nam giới Pu Péo cũng tương tự như các tộc người khác cùng cư trú dọc biên giới Việt - Trung như người Mông, Dao, Tày, Giáy, Lô Lô, Cờ Lao, Hoa... Đây là kết quả của sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau trong văn hoá trang phục giữa các dân tộc. Rất khó phân biệt đâu là yếu tố còn mang dấu ấn văn hoá truyền thống tộc người.

- **Áo dài (bok san)**: Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, nam giới Pu Péo chủ yếu mặc loại áo dài năm thân, cài khuy vải cạnh nách. Áo may bằng vải bông nhuộm chàm xanh đen. Một chiếc áo thường may hết bốn mép vải. Áo dài 115 đến 118, rộng 50 đến 52 cm. Cổ áo hình tròn, nếp cao 4cm. Ống tay áo (*piên dung*) là loại tay dài, cửa tay rộng 18 cm. Áo xẻ tà (*sả bok*) sâu 55 cm ở hai bên cạnh sườn. Áo dài của nam giới Pu Péo không trang trí hoa văn, chủ yếu là màu xanh đen.

Loại áo bok san hiện nay chỉ còn được mặc vào các dịp lễ, tết, cưới xin, ma chay. Đặc biệt chú rể khi đón dâu phải mặc áo bok san để vái lạy tổ tiên và cha mẹ hai bên gia đình. Trong lễ cưới, chú rể phải đeo một dây vải đỏ kết hoa (*pai neng vác pùng*), chéo từ vai phải qua nách trái.

Ngoài ra chú rế còn đi giày vải do mẹ, chị gái hoặc người yêu khâu cho. Ngày nay những thứ này chủ yếu mua ở thị trường về dùng.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

1. Trang phục trẻ em gái

Tiếng Pu Péo gọi bộ trang phục trẻ em nữ là *bok cơ jia máy*, gồm có áo và váy.

Áo, váy của các em được cắt may giống áo váy của người lớn, chỉ khác là ít trang trí hoa văn và không dùng yếm.

2. Trang phục trẻ em trai

Tiếng Pu Péo gọi trang phục trẻ em nam là *bok cơ jia pa* gồm có áo và quần. Kiểu dáng cắt may giống người lớn, chỉ khác ở chỗ chiếc áo được xẻ giữa ngực để dễ mặc.

Trẻ em nam cũng như nữ người Pu Péo khi còn nhỏ đều dùng mũ vải để đội đầu. Những gia đình khá giả còn mua vòng đeo cổ (*khố*) hoặc vòng tay (*khươi*) bằng bạc hoặc kim loại để đeo cho trẻ với mong muốn kỵ gió, trừ ma giúp trẻ khỏe mạnh, hay ăn, chóng lớn.

IV. TRANG PHỤC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

Ở người Pu Péo, người chết mặc trang phục thường

ngày, nhưng phải mặc ba áo, hai quần phụ nữ đeo một yếm, quần khăn trắng trên đầu.

Người đến dự tang lễ, đàn ông phải bỏ mũ, không được đi dép...; đàn bà không được quần khăn, không được dùng lược và phải xoa tóc.

Phần lớn người Pu Péo không dùng khăn tang, riêng những người thuộc họ Tráng và họ Ly lại đội khăn trắng trong khoảng bảy ngày hay một tháng để chịu tang bố (mẹ). Khi cha (mẹ) mất, con cái sau ba năm mới được lấy chồng, lấy vợ. Trước kia đồng bào cũng có tục cưới chạy tang như một số dân tộc khác.

Y phục thầy cúng tiếng Pu Péo gọi là *coong pèi mở*, giống như y phục ngày thường nhưng trùm đầu một chiếc khăn dài trắng, hai đầu khăn dài chấm đất, ngang lưng đeo một thanh kiếm (*típ*). Khi thầy cúng tiến hành một số nghi lễ ở ngoài trời thì đội nón và trên nón còn được gài một ngôi sao bằng tre có kích thước khoảng 6 - 7 cm. Theo quan niệm của người Pu Péo, ngôi sao là biểu tượng của ngũ hành âm dương, thể hiện sự may mắn. Và ngôi sao sẽ giúp thầy cúng giao tiếp với thần linh, trời đất để thực hiện được những ý nguyện mà buổi lễ đặt ra.

Sự trùng hợp của việc đội nón khi hành lễ của thầy

cúng người Pu Péo và thầy cúng người La Chí chắc hẳn nói lên mối quan hệ trong quá trình lịch sử của hai tộc người này, rất cần được nghiên cứu thêm.

V. SỰ THAY ĐỔI CỦA TRANG PHỤC NGƯỜI PU PÉO

Trang phục của người Pu Péo hiện nay đã có sự thay đổi đáng kể, đặc biệt là trang phục của phụ nữ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu sự thay đổi của trang phục nữ Pu Péo, chúng ta thấy sự thay đổi này có chọn lọc, họ vẫn giữ lại một số nét văn hoá truyền thống của dân tộc mình trong kiểu dáng cắt may, trong phong cách trang trí họa tiết hoa văn. Một số thành tố của bộ trang phục vẫn được giữ nguyên, và vẫn được sử dụng thường xuyên trong cuộc sống hiện đại.

Bộ trang phục hiện nay của phụ nữ Pu Péo gồm có khăn đội đầu, áo, váy, yếm che váy (tạp dề). Trong các thành tố trên chỉ còn chiếc váy (*giong*) vẫn giữ nguyên sắc thái văn hoá tộc người trong kiểu dáng cắt may, trong cách trang trí hoa văn nơi gấu váy. Loại váy này hiện nay vẫn được phụ nữ Pu Péo ưa thích và sử dụng rộng rãi.

Chiếc khăn đội đầu *pưoi tó*, trang trí dày kín hoa văn ghép vải màu truyền thống đã được thay bằng loại khăn vuông *phen căn hộ* dệt, nhuộm công nghiệp với nhiều màu sắc khác nhau. Loại khăn nhiều dải (*khăn nhiều*) dùng

quần đầu cũng đã thay bằng khăn dệt nhiều màu (*piêu đề chi cuống*) có bán sẵn trên thị trường, họ chỉ việc lựa chọn theo ý thích và mua về dùng. (Xem ảnh số 101).

Chiếc áo *bok cá* mở ngực, không cài cúc, trong dùng yếm che trước ngực và yếm che sau lưng trang trí kín hoa văn được thay bằng loại áo *bok tấm* là loại áo năm thân, cài khuy cạnh nách.

Loại áo *bok tấm* gần giống với áo của phụ nữ Giáy, Cờ Lao... là sự tiếp thu văn hoá của tộc người khác. Khi mặc áo *bok tấm*, người ta không dùng yếm che ngực như xưa mà thay thế vào đó là chiếc áo kiểu tứ thân, xẻ tà, có đính hai chiếc túi nhỏ, loại này gần giống áo của người Kinh hay người Mường. Trước kia váy may bằng vải bông nhuộm chàm đen, nay chúng đa dạng về loại vải và màu sắc như đen, tím than, xanh chàm.

Cùng với sự thay đổi của khăn, áo, yếm phụ nữ Pu Péo hiện nay còn dùng hai chiếc yếm che váy (*puoi*). Yếm che váy thực chất là hai chiếc tạp dề, dùng che phía trước và phía sau cho váy không bị dây bẩn khi lao động sản xuất cũng như trong sinh hoạt. Yếm váy không trang trí hoa văn, chỉ đơn thuần một màu xanh của vải. Loại yếm này cũng là những thành tố của bộ trang phục nữ Pu Péo mới được tiếp thu trong vài thập kỷ gần đây. Trước đây họ chỉ

dùng thắt lưng, không dùng yếm váy. Hiện nay việc dùng yếm váy trở nên phổ biến, và nó đã trở thành một thành tố không thể thiếu của bộ nữ phục Pu Péo. Việc sử dụng yếm váy là kết quả của quá trình thâm nhập, giao lưu văn hoá của người Pu Péo với người Mông, người Cờ Lao... sống đan xen, kề cận bên cạnh. Tuy nhiên yếm váy của phụ nữ Mông nhỏ, phẳng, trang trí hoa văn, còn yếm váy của phụ nữ Pu Péo rộng, phía giáp cặp gấp nếp nhỏ, không trang trí hoa văn. Nguyên tắc chung khi mặc, yếm che bao giờ cũng phải ngắn hơn váy, để khoe phần chân váy được trang trí hoa văn rực rỡ ra ngoài. (Xem ảnh số 100).

*

* *

Trang phục các tộc người là một thành tố văn hoá có nội dung đa dạng và phong phú. Trang phục là sản phẩm văn hoá tiêu biểu mang đậm dấu ấn của từng thời đại, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc văn hoá của từng tộc người. Trong giao tiếp ngoài xã hội, trang phục còn biểu hiện sự ứng xử của mỗi cá nhân trước cộng đồng, trước những biến cố của gia đình, dòng họ...

Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai được hình thành và phát triển trong điều kiện nền kinh tế lạc hậu, cuộc sống mang nặng tính tự cấp tự túc; kỹ thuật dệt

vải còn ở trình độ thấp, sản phẩm nghề dệt đơn điệu, chưa đáp ứng nhu cầu may mặc của các tầng lớp cư dân. Chính vì vậy trang phục của cả bốn tộc người trong nhóm Kăđai ít phong phú, chưa có đủ thể loại trang phục dành riêng cho các hoạt động quan trọng trong chu kỳ đời sống một con người hay cộng đồng xã hội.

Mặt khác, do sống ở vùng sâu vùng xa, điều kiện giao thông đi lại khó khăn đã phần nào hạn chế sự giao lưu tiếp xúc với bên ngoài, bên cạnh đó, ở một số vùng mọi mối quan hệ vẫn đóng kín trong nội bộ dân tộc nên trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai vẫn giữ được những sắc thái văn hoá truyền thống tộc người, tạo nên nét riêng cho văn hoá trang phục của nhóm ngôn ngữ Kăđai.

Người La Ha sống đan xen lâu đời với người Thái, dân số của người La Ha chỉ bằng 23,4% dân số dân tộc Thái, văn hoá của họ hầu như chịu ảnh hưởng mạnh của văn hoá Thái. Tuy vậy bộ trang phục do họ tạo ra vẫn chứa đựng những nét văn hoá riêng, ví dụ cặp váy của phụ nữ La Ha được làm bằng vải xanh đen, còn cặp váy phụ nữ Thái chủ yếu làm bằng vải bông trắng chưa nhuộm chàm.

Cổ áo của trẻ em La Ha (cả nam và nữ) đều dùng vải khác màu để tấp ngoài nếp cổ, tạo nên đường trang trí nơi cổ áo. Đây không chỉ đơn thuần là việc làm đẹp mà

theo quan niệm của họ, còn là sự đánh dấu mang tính bắt buộc để tổ tiên dễ nhận ra con cháu.

Trang phục truyền thống của người Pu Péo có thể được coi là đẹp nhất, công phu nhất trong sưu tập trang phục bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai. Với kỹ thuật ghép vải tinh xảo trên khăn, yếm, áo, thắt lưng, váy đã tạo cho bộ trang phục của họ hoàn hảo, đẹp từ đầu đến chân. Cùng với sự phát triển của xã hội, trang phục của họ đã và đang biến đổi theo xu hướng đơn giản, tiện lợi và ngày càng hoà nhập với các tộc người khác cùng cư trú đan xen bên cạnh. Tuy vậy trong biến đổi, hoà nhập họ vẫn giữ được những yếu tố văn hoá truyền thống, hoà nhập chứ không hoà tan.

Trang phục truyền thống của ba nhóm địa phương người Cờ Lao từ lâu đã hoà nhập vào nhau. Cách đây vài ba thập kỷ, phụ nữ Cờ Lao đầu đội khăn nhiễu tím, mặc hai áo năm thân cài khuy cạnh nách, áo ngoài bao giờ cũng ngắn hơn để lộ đường ghép vải màu trên ống tay áo trong, quần chân què cạp lá toạ, phía trước và sau đeo yếm che (tạp dề). Hiện nay phụ nữ Cơ Lao chuyển sang mặc váy như phụ nữ H'mông cùng cư trú quanh vùng.

Người La Chí có nghề dệt vải phát triển nhất trong bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai. Trang phục của họ chủ

yếu là màu đen chàm, nhưng với bàn tay lao động cần cù, họ đã tự dệt được vải để may trang phục. Trang phục của người La Chí tuy đơn giản nhưng thể hiện rõ nét văn hoá truyền thống đặc sắc tộc người, đó là chiếc áo dài được thêu hoa văn ở nẹp ngực; là chiếc yếm được trang trí hoa văn bằng kỹ thuật thêu và ghép vải màu rực rỡ; là chiếc thắt lưng thêu hoa văn thanh nhã ở hai đầu; là ở những mặt địu và ở mũ trẻ em độc đáo... Ngày nay, khi nền kinh tế thị trường đã phát triển, nhưng nghề dệt vải ở người La Chí vẫn tồn tại và phát triển. Điều này chứng tỏ sức sống trường tồn; thể hiện bản lĩnh, bản sắc và sự tự chủ của một dân tộc ở vùng biên giới xa xôi của Tổ quốc Việt Nam.

**BẢNG SO SÁNH TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG
CỦA PHỤ NỮ CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÓN NGỮ KADAI**

TT	Tiêu chí	Cờ Lao	La Ha	La Chí	Pu Péo
1	Khăn	Khăn dài, vải nhiều tím hoặc màu nâu thẫm.	Khăn dài, màu đen, hai đầu thêu hoa văn (giống khăn piêu của người Thái).	Khăn dài, màu đen, hai đầu thêu hoa văn.	Dùng ba chiếc khăn, hai khăn nhiều dài quàng quanh đầu, khăn vuông đen ghép kín hoa văn bằng vải màu tràm ngoài.
2	Áo	Mặc hai lớp áo, đều là áo năm thân cài khuy cạnh nách, áo ngoài tay ngấn áo trong tay dài. Áo trang trí vải	Áo ngấn mở ngực, màu chàm, cúc dây buộc, hạt cườm, hạt đồng. Ngày cưới, lễ hội	Áo dài tứ thân mở ngực, cổ áo trang trí hoa văn thêu chỉ màu. Có nơi mặc áo dài năm thân cài khuy	Mặc áo hai lớp, áo ngoài mở ngực, áo trong cài cúc cạnh nách phải; khi không mặc áo trong thì mặc yếm hoa

		màu ở cổ, ngực, vai và phía dưới thân áo sau.	mặc áo dài kiểu năm thân cài khuy cạnh nách.	cạnh nách phải (giống người Tày).	(ghép vải màu).
3	Yếm		Không dùng yếm	Yếm màu đen, thêu hoa văn đẹp, những người mặc áo tú thân mở ngực mới dùng yếm.	Yếm hình vuông màu đen, ghép kín hoa văn bằng vải các màu. Một yếm đeo ngực, một yếm sau lưng (ngoài áo).
4	Váy	Xưa kia mặc quần. Qua quá trình giao thoa, nay mặc váy xoè gấp nếp gần giống váy người H'mông.	Váy kín, hình ống, vải chàm, màu xanh, cap màu đen.	Váy kín hình ống, màu đen không thêu ghép hoa văn. Cap và gấu váy giống nhau màu có thể mặc đối chiều.	Váy xoè, may kín mí. Thân váy màu đen, chân váy trang trí hoa văn ghép vải màu.

5	Quần	Kiểu chân què, cạp lá toạ, màu đen toàn bộ, không trang trí hoa văn.				
6	Thắt lưng	Là dải vải màu đen, xanh không thêu tấp hoa văn. Ngoài ra còn dùng vải màu vàng, đỏ làm thắt lưng.	Vải sợi tơ tằm, phụ nữ trẻ dùng vải màu xanh, người có tuổi dùng màu tím.	Là một dải vải màu đen không thêu ghép hoa văn.	Màu trắng, khâu thành hình ống giống thắt lưng ruột tượng của người Kinh. Hai đầu ghép hoa văn vải màu và đính trang trí hạt cườm	
7	Yếm váy (tạp dề)	Dùng hai chiếc yếm để che váy phía trước và phía sau; màu xanh hoặc màu đen				

8	Xà cạp	Xà cạp quần màu đen hoặc xanh không thêu ghép hoa văn.		Xà cạp quần, màu chàm đen hoặc xanh không thêu ghép hoa văn.	Xà cạp quần, màu trắng xanh, đen không trang trí hoa văn.
9	Đồ trang sức	Tùy theo điều kiện kinh tế, có thể dùng vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng bạc hay hợp kim với những kiểu dáng khác nhau tùy theo sở thích từng người (mua ở thị trường về dùng).	Tùy theo điều kiện kinh tế, có thể dùng vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng bạc hay hợp kim với những kiểu dáng khác nhau tùy theo sở thích từng người (mua ở thị trường về dùng).	Tùy theo điều kiện kinh tế, có thể dùng vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng bạc hay hợp kim với những kiểu dáng khác nhau.	Tùy theo điều kiện kinh tế, có thể dùng vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng bạc hay hợp kim với những kiểu dáng khác nhau.

**BẢNG SO SÁNH TRANG PHỤC HIỆN NAY
CỦA PHỤ NỮ CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI
(đã có sự biến đổi so với trang phục truyền thống)**

TT	Tiêu chí	Cờ Lao	La Ha	La Chí	Pu Péo
1	Khăn	Chủ yếu dùng khăn vuông len Trung Quốc, mùa đông buộc thêm chiếc khăn len dài vòng qua cằm thắt mối trên đỉnh đầu.	Khăn dài, hai đầu thêu hoa văn (như truyền thống).	Khăn dài màu đen, hai đầu khăn trang trí hoa văn thêu.	Khăn dài vải công nghiệp nhiều màu quần quanh đầu, bên ngoài đội khăn vuông đen hoặc khăn len Trung Quốc.
2	Áo	Áo mặc ngoài vẫn là áo năm thân được trang trí vải	Áo ngắn tứ thân, mở ngực, dùng cúc bướm. Áo	Áo tứ thân mở ngực, thêu hoa văn ở cổ áo.	Áo năm thân cài khuy cạnh nách mặc ngoài, phía

		màu ở ngực, tay, vai, sau lưng áo. Áo trong kiểu tứ thân, mở ngực cài cúc nhựa.	may bằng nhiều loại vải khác nhau.	Một bộ phận mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách phải.	trong mặc áo tứ thân mở ngực. Áo may bằng nhiều loại vải khác nhau.
3	Yếm		Không dùng yếm.	Một bộ phận mặc áo tứ thân mở ngực, dùng yếm thêu hoa văn phía trong.	Không dùng yếm.
4	Váy	Đa số phụ nữ chuyển sang mặc váy như phụ nữ H'mông.	Váy kín hình trụ (như truyền thống).	Váy kín hình trụ, không có sự phân biệt giữa gấu và cạp váy, có thể mặc đối chiều.	Váy xòe, may khép mí. Chân váy trang trí hoa văn theo kiểu truyền thống.
5	Quần	Rất ít người mặc.	Một số thanh nữ chuyển sang mặc quần.		Thanh niên chuyển dần sang mặc quần.

6	Thắt lưng	Bằng vải màu rực rỡ.	Như truyền thống	Là dải vải dài màu đen, khi dùng gấp lại và quấn vòng quanh bụng.	Phần lớn không dùng thắt lưng.
7	Yếm váy (tạp đề)	Dùng hai yếm để che váy phía trước và sau, bằng nhiều loại vải rực rỡ.	Không dùng	Không dùng.	Dùng hai chiếc yếm che váy (tạp đề) màu xanh hoặc đen.
8	Xà cạp	Một số vẫn dùng xà cạp, một số chuyển sang dùng tất vào mùa đông.	Như truyền thống	Chỉ còn một số dùng xà cạp, một số chuyển sang dùng tất vào mùa đông.	Một số dùng xà cạp, một số chuyển sang dùng tất vào mùa đông.
9	Đồ trang sức	Như truyền thống	Như truyền thống	Như truyền thống	Như truyền thống

Chương IV

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

I. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

1. Trang phục là sản phẩm của đời sống văn hoá tộc người

Trang phục là một yếu tố văn hoá vật chất đặc sắc phản ánh một cách chân thực về đời sống con người. Trong tiến trình phát triển của lịch sử, con người thoát khỏi cảnh *ăn lông ở lỗ* từ khi biết dùng lửa và biết tạo ra đồ che thân. Đồ che thân của loài người đã trải qua hàng ngàn năm phát triển. Từ chỗ là những vật phẩm thu lượm sẵn trong thiên nhiên như lá cây, vỏ cây, dần dần con người có ý thức tìm kiếm và tạo ra chúng bằng nhiều loại chất liệu khác nhau phù hợp với điều kiện khí hậu và cảnh quan môi trường nơi cư trú.

Trang phục ban đầu chủ yếu đáp ứng nhu cầu che thân

để bảo vệ sức khoẻ con người trước sự tác động của tự nhiên. Khi xã hội càng phát triển, nhu cầu làm đẹp của con người đã khiến cho trang phục cũng phải có tính thẩm mỹ. Đặc biệt đối với các loại dùng trong dịp lễ hội, cưới xin... càng đòi hỏi tính thẩm mỹ cao bởi đó là một phần của phương tiện giao lưu, tiếp xúc ngoài xã hội.

Trang phục trước hết là biểu hiện cụ thể thành quả lao động của con người. Để có được những bộ trang phục đẹp như ngày nay, con người phải trải qua một quá trình nhận thức về thế giới tự nhiên, để khám phá ra các chủng loại nguyên liệu phù hợp, cũng như định hình một phong cách kỹ thuật trong việc dệt các loại vải, cắt may trang phục, làm đồ trang sức... Họ phải trải qua nhiều quy trình lao động phức tạp từ việc phát nương trồng bông, trồng chàm, thu hoạch, chế biến nguyên liệu dệt vải (cán bông, bạt bông, quăn con bông, quay sa, kéo sợi), dệt vải, nhuộm màu, cắt may, thêu thùa trang trí hoa văn... Các công việc này có nhiều điểm giống nhau ở các dân tộc, nhưng dưới bàn tay lao động sáng tạo, tài hoa của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, các sản phẩm được tạo ra đã chứa đựng những giá trị văn hoá, giá trị lịch sử đặc trưng riêng.

Người La Ha tuy không biết dệt vải (gần đây có một bộ phận nhỏ đã biết dệt vải) nhưng họ vẫn trồng bông, trồng chàm, chế biến sợi để đổi lấy trang phục hay vải của người

Thái về cắt may trang phục. Người Cờ Lao, Pu Péo trước kia cũng phát triển nghề trồng bông, dệt vải, nhưng gần đây do kinh tế thị trường phát triển, hàng hoá rẻ nên họ dần lãng quên nghề thủ công truyền thống này. Tuy phải mua vải của các dân tộc khác nhưng với bàn tay khéo léo may vá, thêu thùa họ đã tạo được những bộ trang phục mang đậm dấu ấn văn hoá tộc người.

Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai là một giá trị văn hoá vật thể, một sản phẩm của nền sản xuất thủ công nghiệp còn ở trình độ thấp, công cụ sản xuất hết sức thô sơ. Nó được làm từ các nguyên liệu thực vật trong bối cảnh nền kinh tế tự túc, tự cấp trong môi trường vùng núi cao miền nhiệt đới Đông Nam Á.

Sản phẩm nghề dệt của các tộc người nhóm Kăđai còn đơn điệu về mẫu mã và chất liệu vải - chủ yếu là vải thô khổ hẹp, được nhuộm màu chàm hoặc màu đen. Chưa có tộc người nào thuộc nhóm Kăđai giỏi dệt vải thô cầm, nhưng vải dệt bằng kỹ thuật thủ công của họ đã gắn bó mật thiết với đời sống con người từ khi sinh ra, lớn lên, trưởng thành, về già và chết. Trong mỗi giai đoạn phát triển của cuộc đời con người, sản phẩm nghề dệt đã góp phần hình thành nên đạo đức, lối sống, cũng như cách ứng xử của các thành viên đối với gia đình, cộng đồng và đối với môi trường thiên nhiên nơi cư trú.

Trang phục các tộc người là sự kết tinh thành quả của kỹ thuật nghề dệt thủ công. Người ta thường sử dụng một loại hoặc vài ba loại sản phẩm dệt để cắt khâu nên bộ trang phục phù hợp với sở thích và thị hiếu của từng cá nhân. Trang phục luôn gắn bó mật thiết với đời sống của con người, nó được mặc trên cơ thể con người, mà con người luôn tham gia vào mọi hoạt động của gia đình cũng như ngoài xã hội. Chính vì vậy trang phục là một trong những yếu tố văn hoá có cơ hội cao nhất trong việc *tự giới thiệu* những giá trị văn hoá truyền thống tộc người còn ẩn chứa khi giao tiếp trong cộng đồng và ngoài xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế còn chậm phát triển, các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể truyền thống của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai còn lưu giữ đến ngày nay không có nhiều. Một trong những giá trị văn hoá được bảo lưu và biểu hiện rõ nhất còn tồn tại là nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục.

Như chúng ta đã biết, sản phẩm văn hoá trang phục của cộng đồng các tộc người nói chung, và của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai nói riêng, được sáng tạo ra nhằm thoả mãn nhu cầu mặc của con người. Mỗi tộc người trên đất nước ta có những đặc điểm kinh tế và nếp sống văn hoá đặc thù riêng. Phong cách trang phục đã chứa đựng những

sắc thái văn hoá truyền thống rất riêng. Khi nhìn vào trang phục, nhất là nghệ thuật trang trí hoa văn, chúng ta có thể nhận diện hoặc phân biệt tộc người này với tộc người khác. Vì vậy hiện nay nhiều người cho rằng *trang phục là dấu hiệu thông tin thứ hai (sau ngôn ngữ) giúp chúng ta có thể nghiên cứu về lịch sử văn hoá, lịch sử phát triển tộc người.*

Trang phục là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử phát triển tộc người

Khi nói đến giá trị lịch sử của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai chúng ta phải thừa nhận rằng, tuy trang phục của các tộc người này ít phong phú về thể loại, chưa đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu của đời sống cá nhân hay cộng đồng, nhưng nó chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của các tộc người khá rõ ràng và chân thực.

Người La Chí được coi là những người khai phá đầu tiên vùng núi cao biên cương phía bắc của Tổ quốc. Trong cuốn *Các chủng tộc ở vùng núi cao Bắc Kỳ từ Phong Thổ đến Lai Châu* viết năm 1924, M. Abadie một học giả người Pháp đã nhận xét: "Người La Chí là cư dân bản địa, thổ dân ở vùng Hoàng Su Phì, Xín Mần đã mấy ngàn năm nay"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ M. Abadie, *Les duhaut Ton Kin de Phong Thổ à Lai Châu*, Paris, 1924.

Người La Chí đã gắn bó với cảnh quan thiên nhiên vùng núi cao nơi biên giới qua hàng ngàn năm lịch sử. Họ là một trong những tộc người đã khai phá nên những cánh ruộng bậc thang gối nhau san sát trên những sườn núi dốc, góp phần tạo thêm vẻ đẹp hùng vĩ của cảnh quan vùng núi cao. Cảnh quan thiên nhiên nơi cư trú, một mặt ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của họ, mặt khác nó chịu sự tác động trực tiếp của con người qua hàng ngàn năm chung sống.

Con người gắn bó với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên bằng nhiều khía cạnh khác nhau, chỉ xét trên lĩnh vực văn hoá trang phục, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai đã biểu hiện rất sinh động và cụ thể tình yêu của mình với thiên nhiên. Người La Chí đã biểu hiện mối liên hệ mật thiết với cảnh sắc thiên nhiên, với môi trường nơi cư trú bằng một số mẫu hoa văn thêu khá đặc trưng, tiêu biểu và mang sắc thái văn hoá tộc người rõ nét. Trên hai đầu chiếc khăn dài, trên yếm phụ nữ La Chí có thêu những chùm hoa văn bằng chỉ màu, mà họ gọi là chùm lá cây thông. Chùm lá thông thực chất là bốn hình tam giác cân được thêu ở bốn góc tạo thành một hình vuông. Giữa hai hình tam giác cân đối đỉnh nhau có thêu nối hai đường chỉ màu đỏ - trắng tạo thành những điểm trắng - đỏ cách nhau đều đặn. Lối thêu này người La Chí gọi là nốt chân chim. Nếu quan

sát kỹ, chúng ta thấy mỗi hình tam giác cân được thêu bằng hai loại chỉ có màu đối lập nhau, thường là đỏ - trắng, xanh - trắng; đỏ - vàng, xanh - vàng tạo nên hai nửa rõ ràng, mỗi nửa là một hình tam giác vuông (chúng tôi tạm gọi kiểu trang trí màu đối lập này là kiểu trang trí theo lối âm - dương). Như vậy mỗi chùm lá thông có tám hình tam giác vuông nhỏ. Lối trang trí này rất gần với kiểu hoa văn ghép vải của người Pu Péo, người Lô Lô, người Sán Chay.

Hình ảnh lá thông, chân chim là những hình ảnh thân quen gần bó mật thiết với nhiều tộc người cùng chung sống trên rẻo đất biên cương cực bắc của Tổ quốc.

Người Cờ Lao từ lâu đã không duy trì và phát triển nghề dệt vải, họ chủ yếu mua vải của người Mông, hoặc vải dệt công nghiệp để cắt may trang phục. Tuy nhiên, trong quá trình sáng tạo trang phục, họ đã thể hiện khá rõ môi cảnh thiên nhiên nơi cư trú bằng các họa tiết hoa văn trang trí trên trang phục của mình. Những hoa văn này trước đây họ tự thêu bằng chỉ màu, ngày nay do trên thị trường đã có bán sẵn những dải hoa văn dệt bằng máy công nghiệp, nên họ mua và trang trí trên ngực áo, tay áo. Những loại hoa văn mà người Cờ Lao ưa thích và quen dùng là những bông hoa đào (tiếng Cờ Lao gọi là *lò bi bi mò cờ lá*), hoa văn hình răng cưa (gọi là *mi lê gư*) tượng trưng cho chiếc ách cây, loại hoa văn giống hình cây được

gọi là cây sa mu, đường thêu chỉ màu đỏ - trắng tạo ba chấm cách đều gọi là *đi dà sưa* (hoa văn con kiến bò)...

Như vậy dưới con mắt và trong tư duy của người Cờ Lao, những loại hoa văn được họ ưa thích đều gắn gũi với cảnh sắc thiên nhiên và môi trường sinh thái vùng núi cao phía bắc, đó là: hoa đào, ách cày, cây sa mu, kiến bò... Những loại hoa văn này có thể do họ tự tạo ra, hoặc họ mua sẵn về ghép trên trang phục. Dù bằng hình thức nào nhưng nó đã đi sâu vào tâm tư, tình cảm của họ, tạo nên thói quen về sự cảm nhận cái đẹp - cái đẹp đó phù hợp với tâm lý thị hiếu của người Cờ Lao, nên nó được cả cộng đồng thừa nhận và coi đó là yếu tố văn hoá mang đậm sắc thái văn hoá tộc người.

Từ lâu đời, người Pu Péo chủ yếu sinh sống bằng phương thức canh tác trên nương rẫy kết hợp với làm ruộng bậc thang. Sản phẩm nương rẫy đã nuôi sống họ từ đời này qua đời khác. Do vậy nhiều nghi lễ, phong tục tập quán và nếp sống được hình thành, được duy trì và tồn tại đến ngày nay đều xuất phát từ nền kinh tế nương rẫy: Đồng bào cho rằng, tổ tiên của họ là những người đã có công khai phá vùng đất biên cương của Tổ quốc. Họ đã phát rừng làm nương, xây dựng làng bản. Sản phẩm thu được từ nương rẫy đã nuôi sống và giúp họ ngày càng phát triển như ngày nay.

Trong quá trình khai phá nương rẫy, họ luôn phải dùng lửa để đốt nương trước khi làm đất tra hạt. Để xác định ranh giới nương giữa các gia đình trong một bản, hoặc xác định mốc giới giữa các bản với nhau, họ cũng đã dùng lửa để đốt cháy cỏ, đánh dấu quyền chiếm hữu đất đai của từng gia đình hay của chung cộng đồng làng, bản.

Trong tâm thức và trong quan niệm của người Pu Péo và nhiều tộc người thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, ngọn lửa có sức mạnh vô song, ngọn lửa có thể xua đuổi được ma tà và các lực lượng siêu nhiên làm hại con người. Những người đã bước qua ngọn lửa thì làm việc gì cũng tốt. Vì vậy ở nhiều tộc người, trong các lễ nghi vào nhà mới, công việc đầu tiên là gia chủ phải nhóm bếp và duy trì ngọn lửa cháy liên tục trong một thời gian nhất định. Hoặc sau khi đưa người chết ra đồng chôn, trước khi bước vào nhà, mọi người phải bước qua đồng lửa để xua đuổi tà ma và ám khí còn đọng lại trên người.

Ở người La Chí có phong tục: trong lễ cưới khi đoàn nhà gái sang nhà trai, mọi người đưa dâu phải lần lượt bước qua đồng lửa đốt bằng gỗ thông ở trước cửa nhà để xua đuổi tà ma, ngăn mọi cái xấu vào nhà... Như vậy ngọn lửa không chỉ là nguồn năng lượng để sưởi ấm và thắp sáng, ngọn lửa còn giúp con người có thêm niềm tin, sức mạnh trong cuộc sống, ngọn lửa đã tham gia vào mọi hoạt

động của con người, bất kể đó là những chuyện vui hay chuyện buồn.

Người Pu Péo đã dùng hình ảnh ngọn lửa để trang trí dày đặc trên bộ trang phục của mình - nhất là trang phục của phụ nữ. Bằng lối tư duy đơn giản và cụ thể, họ cho rằng những hình tam giác là biểu tượng, là hình ảnh của ngọn lửa đang cháy. Chính vì vậy họ đã dùng nhiều loại vải có màu sắc khác nhau để cắt thành những hình tam giác nhỏ, và ghép chúng lại một cách công phu tạo nên hàng hoa văn đều đặn nơi chân váy, trên gấu và thân áo... Họ quan niệm rằng đó là những ngọn lửa đang cháy. Khi mặc áo, váy có trang trí những ngọn lửa, họ tin rằng mình sẽ được bảo vệ trước sự xâm hại của các thế lực siêu nhiên, và luôn gặp may mắn trong cuộc sống.

Người Pu Péo còn quan niệm rằng ngôi sao năm cánh (do năm hình tam giác tạo thành) là biểu tượng của ngũ hành âm dương, ngôi sao luôn đem lại sự may mắn cho con người và nó cũng có sức mạnh xua đuổi tà ma làm hại.

Theo các cụ già kể lại, trước kia trên ngực áo của phụ nữ Pu Péo thường thêu hoặc ghép vải màu để tạo ra những hoa văn giống hình ngôi sao, trên nền ngôi sao là năm hoa văn lửa cháy. Ngày nay việc trang trí này không còn tồn tại nữa. Tuy nhiên, hàng năm vào dịp giáp tết, các gia đình đều vào rừng chặt tre làm những ngôi sao nhỏ. Những ngôi sao này

được cắm hoặc vút lên mái nhà và họ tin rằng nó sẽ đem lại sự may mắn, thịnh vượng, hạnh phúc cho các gia đình trong suốt cả năm.

Quan niệm này cũng được biểu hiện trong các đám ma của người Pu Péo. Trong đám ma, những trẻ em dưới 13 tuổi (hồn của chúng còn quá yếu ớt) phải đeo một ngôi sao ở trên cổ để hồn chúng không theo hồn người chết về thế giới bên kia. Khi khiêng người chết đi chôn qua cửa chính, người ta phải cắm một ngôi sao ở giữa cửa ra vào để ngăn cản không cho ma vào nhà.

Qua một số phân tích như trên, chúng ta thấy rằng trang phục không chỉ là sản phẩm của đời sống văn hoá tộc người, mà còn ẩn chứa trong nó những nhận thức, những quan niệm về thế giới quan, vũ trụ quan của các cư dân. Các quan niệm này tuy còn thô phác và có thể chưa thật đúng đắn, chính xác, nhưng nó khẳng định rằng, trang phục truyền thống các tộc người là một kênh thông tin quan trọng để chúng ta suy nghĩ, xem xét khi nghiên cứu về lịch sử phát triển và lịch sử văn hoá của các tộc người đang sinh sống trên đất nước ta.

Vai trò của phụ nữ trong việc sáng tạo trang phục

Trong tiến trình phát triển lịch sử văn hoá của đất nước, các thế hệ phụ nữ các dân tộc đã có vai trò quan trọng,

khách quan và tất yếu trong việc tạo nên hệ thống các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, góp phần tạo nên bản lĩnh, bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng văn hoá nhân loại. Một trong những giá trị văn hoá vật thể tiêu biểu, thể hiện rõ nét vai trò của phụ nữ các tộc người đó là việc sáng tạo, bảo tồn các giá trị văn hoá trang phục cho cộng đồng và cho chính bản thân họ.

Trong lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử nước ta nói riêng, từ lâu đã hình thành sự phân công lao động một cách tự nhiên theo giới tính của nền kinh tế *tiền công nghiệp* còn mang nặng tính tự cấp tự túc. Trong đời sống gia đình ở Việt Nam *người chồng* hoặc *người đàn ông* thường đảm nhận các công việc đan lát đồ dùng sinh hoạt, sản xuất công cụ lao động, làm đất và các công việc nặng nhọc khác như lấy gỗ, làm nhà, săn bắn... Còn *người vợ* hoặc *người phụ nữ* ngoài thiên chức sinh con, nuôi con, họ còn đảm đương công việc nội trợ, bếp núc, kéo sợi, dệt vải, cắt may trang phục và làm các đồ dùng bằng vải khác... Những công việc này họ chủ yếu làm tranh thủ vào sớm, trưa, tối và những lúc nông nhàn bởi họ vẫn phải tham gia các hoạt động sản xuất tạo ra của cải nuôi sống bản thân và gia đình. Do đó để làm được bộ trang phục đẹp họ phải lao động liên tục hàng tháng, vài tháng, thậm chí hàng năm.

Với bàn tay khéo léo, óc thẩm mỹ sáng tạo và đức tính cần cù nhẫn nại, những người phụ nữ đã tự tạo cho mình, cho chồng con, người thân những bộ trang phục góp phần làm đẹp thêm cuộc sống. Trang phục phụ nữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai nói riêng và các tộc người khác ở Việt Nam nói chung ở mọi lứa tuổi đều được trang trí hoa văn công phu, đẹp đẽ, cầu kỳ, nổi bật hơn trang phục nam giới. Trên trang phục phụ nữ, các thông tin về văn hoá tộc người được thể hiện tập trung qua lối xử lý kỹ thuật, qua phong cách nghệ thuật trang trí hoa văn, qua việc phối hợp màu sắc trang phục... Không tộc người nào giống tộc người nào. Chính vì vậy có thể khẳng định rằng, trong lịch sử cũng như hiện tại, phụ nữ các tộc người ở nước ta đã khẳng định vai trò to lớn của mình trong việc sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vật thể quan trọng và rất cơ bản trong đời sống của con người, của gia đình, của cộng đồng và của quốc gia, đó là: *văn hoá trang phục*.

Trang phục nam giới tuy giản dị ít trang trí hoa văn, việc tạo dáng tạo hình đơn giản, nhưng nó cũng biểu hiện rất rõ *giới tính* của phái mày râu.

Trước hết nam giới không phải là người giữ vai trò chính trong việc làm ra trang phục, họ không thể tự mình khâu, dệt, khâu vá trang phục của mình. Ngoài ra đa số nam giới thường dễ tính trong việc ăn - mặc - ở so với phụ

nữ. Với bản tính đàn ông, họ thường không thích ăn mặc loè loẹt, cầu kỳ, ít khi dành thời gian cho việc chăm sóc đầu tóc, quần áo của mình. Bên cạnh đó, do nền kinh tế chưa phát triển, việc sản xuất vải thủ công chưa đáp ứng đủ nhu cầu may mặc của cư dân, vì vậy họ dễ chấp nhận thực tại *có sao mặc vậy*.

Đối với người đàn ông, trang phục đẹp trước hết là sự lành lặn, màu sắc phù hợp với điều kiện, môi trường sống, và phù hợp với yêu cầu lao động hàng ngày. Việc tạo dáng, tạo hình trang phục phải thể hiện được sự khỏe mạnh, nở nang của cơ thể. Trang phục khi mặc phải thoải mái, vận động dễ dàng khi lao động, sinh hoạt, nhất là đối với địa hình vùng núi cao.

Chính vì thế trang phục của nam giới các tộc người nói chung và nhóm ngôn ngữ Kadai nói riêng thường khá giống nhau về kiểu dáng cắt may, về màu sắc (chủ yếu là màu chàm và đen). Trong cuộc đời mỗi người, họ thường chỉ có hai loại trang phục, trang phục mặc khi lao động (gồm áo ngắn và quần), trang phục dùng trong cưới xin, lễ tết, hội hè (gồm có khăn quấn đầu, áo dài, quần). Dù là loại trang phục nào cũng đều biểu hiện rõ nét sự mạnh mẽ, giản dị của giới tính nam.

Nói chung, văn hoá trang phục đã thể hiện khá rõ vấn

đề về giới, cũng như văn hoá truyền thống tộc người. Thông qua trang phục truyền thống của 54 thành phần dân tộc Việt Nam chúng ta có cái nhìn tổng quan về các giá trị văn hoá của một quốc gia đa dân tộc.

Văn hoá trang phục, nhất là trang phục của phụ nữ còn là kho tàng tri thức dân gian về nghệ thuật tạo hình, về quan niệm thẩm mỹ, về thể giới tự nhiên và môi trường sinh thái xung quanh chúng ta. Khi nghiên cứu nghệ thuật dân gian trang trí trên đồ vải, chúng ta càng thấy rõ hơn những giá trị này được thể hiện tập trung trên trang phục của phụ nữ bởi những bộ trang phục của họ đã vượt lên giá trị sử dụng, đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao. Chính nghệ thuật tạo hình và hoa văn trang trí trên trang phục phụ nữ đã trở thành ngôn ngữ để chúng ta phân biệt hoặc nhận diện tộc người này với tộc người kia. Tuy nhiên để giải mã đầy đủ và chính xác dấu hiệu thông tin thứ hai này là điều vô cùng khó khăn và nan giải. Nó đòi hỏi sự dày công nghiên cứu của nhiều người, nhiều giới trong một thời gian dài mới có thể làm sáng tỏ được.

2. Mối quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai với các nhóm ngôn ngữ khác trên lĩnh vực trang phục

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai cư trú tập trung ở các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam. Đây là địa bàn sinh

sống của nhiều tộc người, là nơi hội tụ của nhiều nhóm ngôn ngữ. Ở khu vực này, hầu như không có địa vực cư trú riêng cho từng tộc người. Trong điều kiện cùng chung sống, để giao tiếp với nhau họ phải học và sử dụng được tiếng nói của nhau. Chính vì vậy, hiện tượng song ngữ, đa ngữ đã hình thành một cách tự nhiên trong lịch sử phát triển của các tộc người.

Trong quá trình giao thoa, học hỏi lẫn nhau giữa các ngôn ngữ đã xuất hiện sự vay mượn từ vựng giữa các tộc người. Tộc người có dân số ít thường bị sự lấn lướt của tộc người đông dân, tiến bộ hơn, nên dần dần quên tiếng mẹ đẻ của mình.

Cùng với hiện tượng hội tụ ngôn ngữ giữa nhiều tộc người, là sự phân ly ngôn ngữ trong cùng một nhóm, dưới nhiều yếu tố tác động khách quan, như sự thiên di của các tộc người trong cùng một nhóm ngôn ngữ theo những thời gian khác nhau; sự cư trú phân tán, xen kẽ hoặc sống cách xa nhau trong những vùng hẻo lánh, ít có điều kiện tiếp xúc, quan hệ với nhau. Trong quá trình cùng chung sống với các tộc người khác, để tiện việc giao lưu họ học tiếng nói của các tộc xung quanh nên ngôn ngữ của họ dần dần có những nét khác biệt và tạo nên phương ngữ riêng của mình.

Từ thực tế khách quan trên, bốn tộc người Cờ Lao, La Ha, La Chí, Pu Péo tuy cùng được xếp vào ngữ hệ Thái - Kadai nhưng ngôn ngữ hiện nay của họ khá phức tạp. Nhiều nhà khoa học cho rằng:

- Ngôn ngữ của người Pu Péo có nhiều yếu tố của ngôn ngữ Malayô - Pôlinêdi và Môn - Khmer, hiện nay nhiều người Pu Péo nói rất giỏi tiếng Mông và tiếng Quan Hoả.

- Ngôn ngữ của người La Ha có nhiều điểm giống ngôn ngữ của người Pu Péo, ngoài ra cũng có nhiều yếu tố Môn - Khmer, Tày - Thái và Malayô - Pôlinêdi. Hiện nay tiếng nói của họ đã hoà vào tiếng nói của người Thái.

- Người La Chí hiện nay gần như lãng quên tiếng mẹ đẻ của mình, nhiều người La Chí chỉ biết nói tiếng Nùng hay tiếng Dao.

- Người Cờ Lao trước kia có ba phương ngữ riêng, hiện nay đa số người Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Xanh không nói được tiếng mẹ đẻ, tùy theo điều kiện tiếp xúc, cộng cư họ có thể nói tiếng Quan Hoả, tiếng Nùng, tiếng Pu Péo hay tiếng Mông.

Như vậy, ngôn ngữ bốn tộc người nhóm Kadai vừa mang những yếu tố, đặc điểm của ngôn ngữ dòng Nam Á, vừa mang những yếu tố, đặc điểm của ngôn ngữ dòng

Nam Đảo; chính vì vậy năm 1942, trong một hội thảo khoa học, P.K Bennediet - một học giả người Mỹ, đã có nhận xét là ngôn ngữ Kađai giữ vai trò trung gian chuyển tiếp của các ngôn ngữ Thái - Kađai - Malayô - Pôlinêdi.

Để góp phần làm sáng tỏ thêm nhận xét này, chúng tôi mạnh dạn đi sâu phân tích mối quan hệ giữa các ngôn ngữ nhóm Kađai với các ngôn ngữ nhóm Việt - Mường, Tày - Thái, Môn - Khmer (dòng Nam Á) và các ngôn ngữ nhóm Malayô - Pôlinêdi (dòng Nam Đảo) trên lĩnh vực văn hoá trang phục, từ đó bước đầu có những nhận xét, đánh giá về những mối quan hệ đan xen và rất phức tạp như đã nêu trên.

Dưới góc độ nghiên cứu ứng dụng và đi sâu nghiên cứu về lĩnh vực văn hoá trang phục, chúng tôi đưa ra một số bản thống kê, một số từ chỉ tên gọi các thành tố của trang phục, tên gọi màu sắc (bảng màu cơ bản) của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai với một số tộc người nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, nhóm Môn - Khmer (cư trú ở miền Bắc Việt Nam), nhóm ngôn ngữ Tày - Thái và Malayô - Pôlinêdi mà theo chúng tôi giữa chúng có một số đặc điểm giống nhau, từ đó bước đầu có một số nhận xét về mối quan hệ giữa các tộc người trên lĩnh vực văn hoá trang phục.

**MỘT SỐ TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁC THÀNH TỐ TRANG PHỤC
CỦA CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI
(chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)**

	Việt	La Chí	La Ha	Pu Péo	Cờ Lao
Khăn	vuông			pươi tô	
	dài	kha	pừn piu	khăn nhiều	điêu tì vư
Áo	mặc ngoài	pù	ụp cóm lạc mạy	bok cả	cư tí lừ
	mặc trong			bok tấm	pút đon
Yếm	trước	nhúm		diêm	
	sau			phen tô	
Váy		èng	ớng lạc mạy	giông	
Quần					cu sluô
Thắt lưng		kha dá dê	sai eo	gót tô	đi cổ slô
Yếm che váy (tạp dề)	trước			pười bang mèo	gú gieo
	sau			pười bang long	bư trể tứ

Xà cạp		pù ke		ka păn	pò lủ
Vòng tay		um phò		khươi	dì gung
Hoa tai		mỏ lu		kà sai	
Nhẫn				nắng	

MỘT SỐ TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁC THÀNH TỐ TRANG PHỤC
MỘT SỐ TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG
(chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)

Việt		Mường			Thổ	Chứt
		Phú Thọ	Hoà Bình	Thanh Hoá		
Khăn	dài			khăn		
	vuông					
Áo	cánh	cại ao	cặt	áo tróng	áo	áo
	dài			áo chùng		
Yếm		yếm	cại yếm			
Quần					quân	
Váy		wại	wăl	văn	pún	a phân
Thắt lưng		tênh	tênh	tân		

**MỘT SỐ TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁC THÀNH TỐ TRANG PHỤC
CỦA CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI
(chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)**

Việt	Tày	Nùng				Thái			
		Nùng Giang	Nùng An	Nùng Dín	Nùng Inh	Thái Trắng	Thái Đen	Man Thanh	Hàng Tông
Khăn	vuông				khăn chín				
	dài	can		bầu pạ			piêu	khăn trọc (nam)	khăn tải
	vấn tóc		bây khăn						
	khăn. trùm		kắn ná						

Áo	áo cánh	Sửa com	slư		shư	slư	xư	xư com	xư khô	xư me nhinh
	áo dài	sửa lì		pu	shư pài		xư luông	xư chai hay xư luông		
Váy		slưn		slưn		xưn	xưn	xưn	xưn	
Quần		khoá	khoa	vạ		khoa			xuông	
Thắt lưng		lặng		bây slai thái tam		pắng	si lông búng	xài éo	sai anh	sai ảnh
Xà cạp		kha cắt			khà piêng					
Giày		hải			cú hải					
Vòng tay		mjầm		kon				má khen hợp	pò khen	
Vòng cổ		khoá cò		vàn hồ					pò khô	
Hoa tai		nậu xu						oóng hu pay		

Xà tích		slòi mẫu		xác nhầu				sỏi		
Trâm cái								may hát câu		
Tap dè		pì cùn		pần pọc	bền giáo	pi gun				

Việt		Sán chay		Lào	Lự	Giáy	Bố Y
		Cao Lan	Sán Chỉ				
Khăn	vuông					khăn vuông	
	dài	pá khoán lấu	thào páo	khăn	khạt hô		ba can
	áo cánh			slửa sắn	sờ	pua	pủ dý
Áo	áo dài	pủ, pu dẫn dinh	chíp sam	slửa lao			pủ páp
Yếm		có	thự thau pụ				
Váy		pồn bín	thín khoản	xín	xín		vần

Quần			thiu hấu	sông	tiều	vã chạ vả
Thất lưng		slai bín		sạ eo	sa hạng	
Xà cạp		cau kich				
Giày						hạy đáy
Vòng cổ			chếch kiềng			
Hoa tai			slặc			
Nhẫn			sáu kheng			
Xà tích			ngăn slíu			
Tạp dề						vây dao

**MỘT SỐ TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁC THÀNH TÓ TRẠNG PHỤC
CỦA NGƯỜI CỜ LAO VÀ MỘT SỐ TỘC NGƯỜI
NHÓM NGÔN NGỮ TẠNG - MIỀN
(chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)**

Việt	Cờ Lao	Lô Lô Hoa	Phù Lá Hán	Hà Nhì Đen
Khăn	điêu tì vư	mơ thô qua, mơ thúc	phả zhi, khả chư	ù phi
Áo	cư tí lư	phêng, pía, phiáng	phủ nhí nển? đí sáng	pí hơ
Yếm			gùi dẫu	sừ đà
Quần	cú sluô	lo pu	phủ nhí khâu	là suý

Thắt lưng	đi cổ slô	li pi pụ		
Yếm che váy quần (tạp dề)	bư trê tũ, gủ gieo	lo thồ		
Vòng tay	đi gung		hủ thứ	
Vòng cổ	đi lợ lúc		tà liên	
Xà cạp	pò lủ	khế ly		khứ hò

**MỘT SỐ TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁC THÀNH TỐ TRANG PHỤC
CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER
(chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)**

Việt	Mảng	Kháng	Xinh Mun	Khơ Mú	Cơ Tu	Cơ Ho	Ba Na	M'ông	Khmer
Khăn	dài	lang hô							can seng
	vuông		khuyết lụ	rivot					

Áo	cánh	sloa tô chưa		hang tĩa	tép	ajiooh	aok rĩ	aok kroh	ao mứt	ao sray
	dài		uóp luằng							quyện
Yém		pê								
Quần		sa chuông	suổng		tằng kha					kho
Váy		hin	ín		côn	kđơ ơi	shê	che	subăn rơ nôk	otsăm pót
Thắt lưng			nặng eo		rơ lo	không				
Xà cạp		bông choạng								
Vòng tay										cose day
Vòng cổ						pà nâng				coong co
Trâm cài tóc		lăng chư út								pho nuông sóc

Ví dụ, khăn dài đội đầu người La Chí gọi là *kha*, người Pu Péo gọi là *khấn nhiều*.

Váy người La Chí gọi là *èng*, người La Ha gọi là *ớng lạc mạy*, người Pu péo gọi là *giông* (chưa rõ ràng lắm).

Trong quá trình khảo sát tại địa phương, chúng tôi thấy có một thực tế đáng chú ý là, tuy cùng một tộc người nhưng chỉ tính trong phạm vi hẹp là một bản, một xã hay một huyện, đồng bào lại có những từ rất khác nhau để gọi tên các thành tố của một bộ trang phục.

Ví dụ: thắt lưng người La Chí có nơi gọi là *kha dả dề*, có nơi gọi là *khả dề*.

Người Cờ Lao Trắng có nơi gọi chiếc quần là *cú sluô*, có nơi gọi là *cú xiêu*. Người Pu Péo có nơi gọi chiếc yếm là *diêm*, có nơi gọi là *pười*...

Từ thực tế trên có thể khẳng định rằng, mỗi ngôn ngữ thường tồn tại các phương ngữ, thổ ngữ riêng. Vì vậy khi so sánh từ ngữ chỉ trang phục nói riêng và ngôn ngữ nói chung sẽ có những kết quả không hoàn toàn giống nhau.

Việc đi sâu nghiên cứu, đối chiếu, so sánh ngôn ngữ của bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai là một việc làm vô cùng khó khăn, bởi chúng ta không thể phủ nhận một thực tế là có sự khác biệt khá lớn trong vốn từ chung giữa bốn ngôn ngữ. Để làm rõ nguồn gốc xa xưa cũng như sự biến đổi, hoà nhập ngôn ngữ của bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi phải có những công trình nghiên cứu chuyên sâu mới có thể làm

sáng tỏ phần nào yêu cầu này. Trong phạm vi một đề tài nghiên cứu về văn hoá trang phục, với những kết quả nghiên cứu bước đầu chúng tôi chỉ góp thêm những tư liệu để các nhà ngôn ngữ tham khảo thêm.

- Mỗi quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai và nhóm ngôn ngữ Việt - Mường trên lĩnh vực trang phục

Khi xem xét mối quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai và nhóm ngôn ngữ Việt - Mường trên lĩnh vực trang phục, số lượng từ đưa ra so sánh tuy còn ít nhưng đã thấy xuất hiện những dấu hiệu giống nhau về âm tiết giữa các ngôn ngữ trong hai nhóm này.

Ví dụ, thành tố trang phục đội trên đầu tiếng Việt gọi là *khăn*, tiếng La Chí gọi là *kha*, tiếng Pu Péo gọi là *khăn nhiều*.

Thành tố trang phục người Việt gọi là quần thì người La Chí gọi là *que*, *quen*, hay *quanh* còn tiếng Pu Péo gọi quần là *quăn* hay *quân*.

Sự giống nhau về âm tiết giữa tiếng Việt, tiếng La Chí và Pu Péo khi gọi tên một số thành tố của trang phục khiến chúng tôi nghĩ tới hai giả thiết: đó là sự trùng hợp do cùng nguồn gốc ngôn ngữ hay do giao lưu văn hoá? Đây là những câu hỏi lý thú mà các nhà ngôn ngữ học cần tiếp tục nghiên cứu và làm rõ thêm.

- Mỗi quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai và nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trên lĩnh vực trang phục

Khi xem xét, đối chiếu từ và ngữ âm chỉ các thành tố trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai với

các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, chúng tôi thấy giữa hai nhóm ngôn ngữ này có quan hệ rất gần gũi cả về hai phương diện từ vựng và ngữ âm. Điều này được thể hiện rất rõ không chỉ ở số lượng từ và ngữ âm giống hay gần giống nhau chiếm tỷ lệ khá cao, mà còn được nhiều tộc người cùng sử dụng những từ vựng và ngữ âm chung này.

Ví dụ: Người La Chí gọi chiếc áo là *pù* hay *pu* - đây là từ vựng gốc ngôn ngữ Tày - Thái. Người Cao Lan cũng gọi chiếc áo dài là *pu dẫn dinh*, người Nùng An gọi chiếc áo là *pu*.

Người La Chí gọi chiếc khăn là *kha*, người Pu Péo gọi khăn là *khăn nhiều*. Trong khi đó rất nhiều tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái đã gọi chiếc khăn với những từ ngữ tương tự: người Tày gọi là *khăn*, người Nùng An gọi là *bây khăn*, người Thái Man Thanh gọi khăn nam là *khăn trọc*, người Thái Hàng Tổng gọi là *khăn tái*, người Lào gọi là *khăn*, người Giáy gọi là *khan*, người Lự gọi là *khạt hô*.

Người La Ha gọi chiếc thắt lưng là *sai eo* thì nhóm Tày - Thái có năm tộc người và nhóm địa phương cũng gọi tương tự: người Thái Đen là gọi là *xai ẻo*, người Thái nhóm Man Thanh gọi là *sai anh*, người Thái nhóm Hàng Tổng gọi là *sai ảnh*, người Lào gọi là *sạ eo*, người Lự gọi là *sa hạng*.

Người La Chí gọi vòng tay là *um phò* thì người Thái nhóm Man Thanh gọi là *pò khen*.

Với những ví dụ trên, tuy số lượng từ so sánh ít, song chúng tôi thấy nhiều tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái đã có những từ và ngữ âm giống và gần giống với các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, đặc biệt là người La Chí, Pu Péo, La Ha. Sự giống nhau này rất có thể xuất phát từ cội nguồn xa xưa. Như chúng ta đã biết, trong nhóm Kadai có người Cờ Lao, La Chí, Pu Péo sống tập trung ở vùng núi cao tỉnh Hà Giang. Mức độ giao lưu văn hoá, hoà nhập văn hoá ở ba tộc người này có cơ hội như nhau - bởi đây là nơi hội tụ, giao lưu của các luồng ngôn ngữ và văn hoá trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, khi xem xét từ và ngữ âm chỉ các thành tố trang phục của người Cờ Lao, chúng tôi thấy không có một từ hoặc ngữ âm nào giống các tộc người trong nhóm Kadai, cũng như nhóm Tày - Thái. Sở dĩ có hiện tượng này vì về mặt kết cấu âm tiết, tiếng Cờ Lao là từ đa âm tiết, chúng có dáng dấp gần giống các ngôn ngữ Tạng - Miến, nhưng về từ và ngữ âm lại không thấy có chút quan hệ nào với các ngôn ngữ này. Chính vì vậy mà một số nhà ngôn ngữ cho rằng đây là sự ảnh hưởng truyền bá có tính chất khu vực từ Hán - Tạng ở một thời kỳ rất sớm đến ngôn ngữ Kadai và Mèo - Dao.

Để có căn cứ tham khảo thêm, chúng tôi đưa so sánh tên gọi các thành tố trang phục của người Cờ Lao với ba tộc người thuộc ngôn ngữ Tạng - Miến. Chúng tôi cũng đã so sánh từ vị và ngữ âm chỉ trang phục của người Cờ Lao với tất cả các tộc người thậm chí cả các nhóm địa phương

của ngôn ngữ Tạng - Miến như Công, Hà Nhì, La Hủ, Si La, Phù Lá, Lô Lô, nhưng cũng không thấy có sự giống nhau nào giữa ngôn ngữ Cờ Lao với các ngôn ngữ này.

- Mối quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai và nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer trên lĩnh vực trang phục

Ở Tây Bắc Việt Nam, văn hoá Thái đã ảnh hưởng sâu rộng đến văn hoá của nhiều tộc người khác sống xen cư. Vốn từ chung giữa tiếng La Ha (nhóm Kadai) với tiếng Kháng, Xinh Mun, Kơ Mú (nhóm Môn - Khmer) khá cao, vì vậy một số người cho rằng tiếng La Ha là ngôn ngữ trung gian giữa một bên là Môn - Khmer và một bên là Kadai, Tày - Thái.

Vốn từ chung giữa tiếng La Ha và các ngôn ngữ nhóm Môn-Khmer cư trú ở Tây Bắc, là do hiện tượng vay mượn từ vựng lẫn nhau, đa số là từ gốc Thái. Những từ ngữ này hầu như không thấy xuất hiện ở các ngôn ngữ khác thuộc Môn - Khmer như Cơ Tu, Cơ Ho, Ba Na, Kơ Me... là những ngôn ngữ sống xa văn hoá Thái.

Khi xem xét, đối chiếu một số từ vị và ngữ âm chỉ các thành tố trang phục của nhóm ngôn ngữ Kadai với nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer chúng tôi thấy hầu như không có một từ chung nào xuyên suốt chín tộc người được đưa ra so sánh, kể cả bốn tộc người thuộc nhóm Môn - Khmer cư trú ở Tây Bắc Việt Nam như Mảng, Kháng, Xinh Mun, Kơ Mú.

Nếu xem xét về ngữ âm, kết quả thu được cũng không đáng kể và chưa thật rõ ràng.

Ví dụ: Người La Ha (nhóm Kadai) gọi chiếc thắt lưng là *sai eo*, người Kháng (nhóm Môn - Khmer) gọi là *nặng eo*.

Người La Ha gọi váy là *ớng lạc mạy*, người Kháng gọi váy là *ín*, những từ này tương đối giống nhau về ngữ âm nhưng một bên là từ đa âm tiết, một bên là từ đơn âm.

Một điều khá lý thú là năm tộc người nhóm Môn - Khmer cư trú ở miền Trung và miền Nam nước ta, được lựa chọn một cách ngẫu nhiên trong bảng so sánh (Cơ Tu, Cơ Ho, Ba Na, M'Nông, Khmer) khi gọi chiếc áo đều có âm *đầu* tương đối giống nhau, và cũng khá giống cách gọi của người Việt. Ví dụ: người Cơ Tu gọi áo là *ajiooh*, người Cơ Ho gọi là *ao kroh*, người Ba Na gọi là *aokri*, người M'Nông gọi là *ao mút*, người Khmer gọi là *ao sray*.

Như vậy, khi xem xét mối quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kadai với nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer trên lĩnh vực trang phục, chúng tôi thấy một số ngôn ngữ trong nhóm Môn - Khmer thường sử dụng một số từ gần giống tiếng Việt để gọi một số thành tố của trang phục. Sự giống nhau này có thể do các ngôn ngữ trong nhóm Môn - Khmer đã vay mượn tiếng Việt để gọi tên một số thành tố trang phục?

Bên cạnh đó, khi đối chiếu một số từ ngữ chỉ các thành

tổ trang phục của nhóm ngôn ngữ Kàđai với các ngôn ngữ nhóm Môn - Khmer thì hầu như không có dấu hiệu giống nhau nào giữa các ngôn ngữ thuộc hai nhóm Kàđai và Môn - Khmer. Rất có thể giữa hai nhóm ngôn ngữ này không có quan hệ nguồn gốc với nhau.

- *Mối quan hệ giữa nhóm ngôn ngữ Kàđai với nhóm ngôn ngữ Malayô - Pôlinêdi (Nam Đảo) trên lĩnh vực trang phục*

Khi xem xét mối quan hệ trong lĩnh vực ngôn ngữ giữa nhóm ngôn ngữ Kàđai với nhóm ngôn ngữ Malayô - Pôlinêdi trên lĩnh vực trang phục, chúng tôi thấy vài dấu hiệu tương đối giống nhau trong một số thành tố chỉ trang phục của một số ngôn ngữ thuộc hai nhóm ngôn ngữ này.

Ví dụ: ở nhóm ngôn ngữ Kàđai, người Pu Péo gọi khăn đội đầu là *khăn nhiều*, người La Chí gọi là *kha*. Còn ở nhóm ngôn ngữ Malayô - Pôlinêdi người Chăm gọi khăn đội đầu là *khăn pluh*, khăn vắn của nam giới là *khăn thăm lang*. Người Gia Rai gọi khăn quấn đầu là *a khan*.

Người La Chí (nhóm Kàđai) gọi váy là *èng*, còn người Gia Rai (nhóm Malayô - Pôlinêdi) gọi váy là *eng*.

Mặc dù sự giống nhau về từ và ngữ chỉ các thành tố trang phục giữa các tộc người nhóm Kàđai với người Chăm và người Gia Rai không nhiều nhưng đó là những tín hiệu rất hữu ích, nó có thể được coi là những cứ liệu quan trọng để xem xét vai trò trung gian, dấu gạch nối giữa các ngôn ngữ Thái - Kàđai - Malayô - Pôlinêdi.

Để có thêm căn cứ khi xem xét mối quan hệ trong lĩnh vực ngôn ngữ giữa nhóm ngôn ngữ Kàđai với các nhóm ngôn ngữ khác thuộc dòng Nam Á và dòng Nam Đảo, chúng tôi đưa ra bảng từ chỉ một số màu sắc cơ bản để tìm thêm những dấu hiệu giống nhau giữa các nhóm ngôn ngữ này.

Như chúng ta đã biết, *màu sắc* là một trong những dấu hiệu quan trọng luôn gắn liền và có mối quan hệ mật thiết với nghề dệt vải thủ công truyền thống và quá trình sáng tạo ra trang phục của các tộc người ở nước ta. Đi liền với nghề dệt vải là quá trình tìm tòi, chế biến màu để nhuộm vải. Khi kỹ thuật dệt đã phát triển ở trình độ cao, muốn dệt được vải có hoa văn (vải thổ cẩm) thì phải nhuộm sợi trước khi dệt. Sau khi đã cắt may xong những bộ quần áo, tùy theo sở thích và trình độ thẩm mỹ của các cá nhân, cộng đồng... họ lại tiếp tục sử dụng chỉ màu, vải màu để khâu thùa, chắp ghép hoa văn lên các thành tố của bộ trang phục. Như vậy, *màu sắc* đã gắn bó mật thiết với *văn hoá trang phục* như hình với bóng.

Bảng màu truyền thống của các tộc người ở nước ta không nhiều, chủ yếu là năm gam màu chính: trắng, đen, xanh, đỏ, vàng với những sắc độ khác nhau. Bên cạnh đó, bảng từ chỉ màu sắc của chúng tôi đưa ra đối chiếu, so sánh dưới đây chưa đầy đủ nên kết quả thu được chắc chắn sẽ còn nhiều hạn chế.

**BẢNG TỪ CHỈ MÀU SẮC CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ NHÓM
NGÔN NGỮ DÒNG NAM Á VÀ DÒNG NAM ĐẢO⁽¹⁾
NHÓM NGÔN NGỮ KADAI**

Từ chỉ màu sắc	Pu Péo	La Ha	La Chí	Cờ Lao
Đen	dăm ³	din ⁵ /klin ⁴	năm ² dja ¹	cje ¹ lu ²
Đỏ	njeŋ	d ət ⁴	pu ⁵ t ^h j	plən ² da ⁴
Trắng	lin ¹	luk ⁵	ci ⁵ i ¹	be ³ 2 ³
Xanh	ziŋ ²	siŋ ⁵	na ⁴ mu j ¹	si ² ɲu ¹
Vàng	pin ²	ɲl ³	nu ⁴ nu ¹	ci ³ ɲu ¹

Số 1 biểu tượng cho thanh ngang (trong chữ viết không có dấu số 2 là dấu sắc; số 3 là dấu hỏi; số 4 là dấu huyền; số 5 thanh thấp nhất (trong tiếng Nùng gọi là thanh lửng); số 6 là dấu nặng.

NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI

Từ chỉ màu sắc	Tày	Nùng	Thái	Lào	Lự	Giáy	Bố Y	Cao Lan
Đen	dăm ¹	dăm ¹	dăm ¹	dăm ¹	dăm ¹	fòn ¹	van ⁵	dăm ¹
Đỏ	deng ¹	deng ¹	deng ¹	deng ¹	deng ¹	ding ³	ding ³	long ³

⁽¹⁾ Tư liệu của PGS.TS Hoàng Văn Ma.

Trắng	khaw ¹	khaw ¹	khaw ¹ don ²	khaw ¹ don ²	khaw ¹	haw ³	hơ ¹	pok ¹
Xanh	k ^h ew ¹	khew ¹	khew ¹	khew ¹	khew ¹	sep ²	sjew ¹	hjew ¹
Vàng	luong ¹	long ¹	luong ¹	luong ¹	long ¹	hên ¹	siên ³	lung ¹

NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER

Từ chỉ màu sắc	Khmer	Ba Na	Cơ Ho	Khơ Mú	Kháng	Xinh Mun
Đen	kmau	găm	ju	hiêng	dra ⁵	wak
Đỏ	kraham	brê	porhi	zim	ácto ⁶	kaet
Trắng	sá	kok	bo	klok	luôk ²	luôk
Xanh	bei- tang	jok	tolimhhok	kheu	uôt ⁵	le
Vàng	luong	dreng	rmit	chingan	e ¹	luong

NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG

Việt	Mường	Thổ	Chứt
Trắng	trắng	trắng	tăkal
Đen	dầm	ten (dầm)	ten
Đỏ	toỏ	tỏ	to
Vàng	vàng	vàng	vàng

NHÓM NGÔN NGỮ MALAYÔ - PÔLINÊDI

Từ chỉ màu sắc	Chăm	Chu Ru	Ê Đê	Gia Rai	Raglai
Xanh	thiăk, hachao	motăh	mtah	mlot, hiok	suet/sueq
Đỏ	bhong	moriah	hrtah	moriah	mariah
Đen	hităm				
Vàng	ηi			kηi	

SỰ TƯƠNG ĐƯƠNG GIỮA CÁCH GHI VÀ CHỮ QUỐC NGỮ

(áp dụng cho cả phần phụ lục)

Cách ghi	Tương đương chữ quốc ngữ
o	o
	ô
ə	ơ
	â
	ư
y	i (tròn môi)
	u (bán nguyên âm)

Cách ghi	Tương đương chữ quốc ngữ
m	m (âm tiết hoá)
z	d
c	ch
t	tr (quặt lưỡi)
ts	ts (quặt lưỡi)
s	s (quặt lưỡi)
z	z (quặt lưỡi)

w	p (bật hơi)
	ng
	nh

	tr (mặt lưỡi)
oe	ê (tròn môi)
	tr (mặt lưỡi)

Khi xem xét bảng từ chỉ màu sắc trong nội bộ các ngôn ngữ nhóm Kadai chúng ta thấy không có từ chung nào xuyên suốt cả bốn tộc người trong nhóm. Nhưng về phương diện ngữ âm thì có sự tương đối giống nhau về âm đầu chỉ màu đen giữa người Pu Péo và người La Chí: người Pu Péo gọi màu đen là *dăm¹*, người La Chí gọi màu đen là *nă² dja¹*.

Giữa nhóm Kadai với nhóm ngôn ngữ Tày - Thái cách gọi về màu sắc cũng tương đối giống nhau. Người Thái gọi màu đen là *dă¹* giống người Pu Péo, ngoài ra người Tày, Nùng, Lào, Lự, Cao Lan cũng gọi màu đen là *dă¹* - một từ có cách phát âm gần giống với người Pu Péo và La Chí, chỉ khác nhau ở phụ âm đầu.

Khi so sánh cách gọi màu sắc của nhóm Kadai với nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer không thấy có từ chung nào. Tuy nhiên nếu xét về mặt ngữ âm thì có sự tương đối giống nhau về âm tiết giữa tiếng Pu Péo, La Chí và tiếng Ba Na khi họ gọi màu đen: người Pu Péo gọi là *lă³*, người La Chí gọi là *nă² dja¹*, còn người Ba Na gọi là *găm*.

So sánh giữa nhóm Kadai với nhóm Việt - Mường trên lĩnh vực màu sắc không thấy có dấu hiệu giống nhau về từ. Tuy nhiên, về mặt ngữ âm cũng có đôi chút giống nhau, nhưng sự giống nhau này còn gượng ép, chẳng hạn người La Ha gọi màu đen là *din*⁵ thì người Mường, người Thổ gọi là *dâm*.

Khi so sánh giữa nhóm Kadai với nhóm Malayô - Pôlinêdi (dòng Nam Đảo): mặc dù bảng từ chỉ màu sắc thu thập được của nhóm Malayô - Pôlinêdi còn thiếu rất nhiều so với nhóm ngôn ngữ khác nhưng thấy có những dấu hiệu cần quan tâm, chẳng hạn người Pu Péo gọi màu đen là *dăm*³, người La Chí gọi là *năm*²*dja*¹ thì người Chăm gọi là *hităm*. Người La Chí gọi màu vàng là *nu*⁴*nu*¹, người Cờ Lao gọi là *ci*³ *nu*¹ thì người Chăm gọi là *ni*, người Gia Rai gọi là *kni*.

Như vậy, qua một số so sánh, phân tích như trên chúng tôi thấy mặc dù số lượng từ chỉ trang phục và màu sắc của các tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ khác nhau được đưa ra đối chiếu còn hạn hẹp, nhưng đã phần nào làm sáng tỏ thêm những nhận định của các nhà ngôn ngữ khi xem xét mối quan hệ giữa các ngôn ngữ nhóm Kadai với các ngôn ngữ của dòng Nam Á và dòng Nam Đảo theo các khía cạnh sau:

- Tỷ lệ từ chung giữa bốn tộc người trong nhóm Kadai

nhìn chung còn quá thấp so với tỷ lệ chung giữa các ngôn ngữ trong các nhóm khác.

- Sự giống nhau về âm tiết giữa tiếng Việt và một số ngôn ngữ trong nhóm Kadai có thể do có cùng nguồn gốc, hoặc do trong quá trình giao lưu, tiếp xúc nhóm Kadai đã phải mượn thêm một số từ của tiếng Việt để giao tiếp.

- Số lượng từ và ngữ chỉ các thành tố trang phục và màu sắc giữa nhóm Kadai với nhóm Tày - Thái chiếm tỷ lệ đáng kể nhất so với ngôn ngữ khác. Đặc biệt một số tộc người nhóm Kadai còn dùng những từ vị có gốc ngôn ngữ Tày - Thái để gọi tên các thành tố trang phục của dân tộc mình. Như vậy những ngôn ngữ thuộc hai nhóm này có thể cùng chung một cội nguồn, nhưng trong quá trình phát triển của lịch sử nó đã dần tách ra và tiếp thu thêm những yếu tố ngôn ngữ của các nhóm khác nhau.

- Mối quan hệ về ngôn ngữ giữa nhóm Kadai và nhóm Môn-Khmer trên lĩnh vực trang phục và màu sắc không được thể hiện rõ ràng, do vậy rất có thể giữa hai nhóm ngôn ngữ này không có quan hệ nguồn gốc với nhau; nếu có những dấu hiệu chung về mặt ngữ âm thì có thể do quá trình cộng cư tiếp xúc mà có.

- Mối quan hệ về ngôn ngữ giữa nhóm Kadai và nhóm Malayô - Pôlinêdi đã có những biểu hiện khá rõ ràng về sự giống nhau giữa từ và âm tiết chỉ các thành tố của trang

phục và màu sắc. Chính vì vậy, có thể coi đây là những cứ liệu quan trọng để khẳng định rằng các ngôn ngữ nhóm Kadai đã đóng vai trò trung gian, như một gạch nối giữa tiếng Thái - Kadai - Malayô - Pôlinêdi như học giả người Mỹ P.K Bennedit đã đưa ra cách đây trên một thế kỷ.

II. GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

Khi xem xét giá trị thẩm mỹ của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai nói riêng và trang phục các tộc người ở Việt Nam nói chung, chúng ta cần quan tâm trước hết đến sưu tập trang phục của phụ nữ bởi nó còn bảo lưu nhiều yếu tố văn hoá tộc người so với trang phục nam giới. Phụ nữ còn là chủ nhân chính đã sáng tạo nên văn hoá trang phục và họ luôn tham gia vào các hoạt động kinh tế - văn hoá - xã hội chung của cộng đồng và gia đình. Chính vì vậy trang phục của họ không chỉ phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà còn thể hiện tập quán, nếp sống, trình độ thẩm mỹ cũng như nhân sinh quan, thế giới quan của các tộc người.

Giá trị thẩm mỹ ẩn chứa trong trang phục là một vấn đề rất lớn lao, nó bao hàm các khía cạnh: kỹ thuật tạo hình trang phục, nghệ thuật trang trí hoa văn, sự bảo lưu và giao thoa văn hoá, giá trị xã hội trong văn hoá trang phục... Với khả năng có hạn, chúng tôi không tham vọng

làm sáng tỏ các vấn đề trên một cách sâu sắc, mà chỉ đi sâu mô tả, phân tích, đối chiếu so sánh để tìm ra một số đặc trưng mang tính truyền thống tộc người, và có những so sánh với trang phục một số tộc người khác cùng cư trú đan xen bên cạnh. Từ đó bước đầu có những nhận xét về giá trị thẩm mỹ trong văn hoá trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai.

1. Kỹ thuật tạo hình trang phục

- Kỹ thuật tạo dáng trên trang phục nam giới

Xuất phát từ nghề dệt vải thủ công truyền thống của các tộc người này không phát triển, và mặt bằng kinh tế của đồng bào còn thấp, nên trang phục nam giới nhóm Kàđai còn đơn điệu về chủng loại và tương đối giống nhau. Bộ trang phục nam giới gồm ba thành tố chính, đó là chiếc khăn dài màu đen quấn đầu, chiếc áo ngắn xẻ ngực cài cúc (hoặc áo năm thân cài khuy cạnh nách) và chiếc quần chân què, cặp lá toạ. Trang phục của họ chủ yếu chỉ một màu chàm xanh hoặc đen không trang trí hoa văn. Chính vì thế khi đề cập đến kỹ thuật tạo hình trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai chúng tôi chủ yếu nói về kỹ thuật tạo hình trang phục phụ nữ.


- Kỹ thuật tạo dáng trên đồ đội đầu

Đồ đội đầu của phụ nữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai khá đơn giản và ít chủng loại so với các tộc người

của các nhóm ngôn ngữ khác nhất là so với đồ đội đầu của phụ nữ nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, Tạng - Miến là những tộc người sống đan xen, kề cận. Cả bốn tộc người nhóm Kăđai đều dùng khăn dài để quấn đầu (riêng người Pu Péo còn dùng khăn vuông trang trí kín hoa văn trùm ngoài khăn dài). Khăn dài của người La Ha, Pu Péo, Cờ Lao không có gì đặc biệt. Người La Ha chủ yếu mua hay học tập người Thái Đen làm khăn *pừn piu*, giống khăn *piêu* của phụ nữ Thái để đội đầu quanh năm. Người Cờ Lao, người Pu Péo do không duy trì nghề dệt vải nên họ thường mua vải nhiều tím ở chợ về cắt thành khăn. Loại khăn này không trang trí hoa văn nhưng họ đã dùng lâu đời nên nó trở thành vật dụng gần gũi, thân quen và không thể thiếu trong đời sống hàng ngày. Gần đây họ còn dùng thêm loại khăn len dài và khăn len vuông của Trung Quốc để đội đầu trong mùa đông giá rét.

Người La Chí do nghề dệt vải rất phát triển, hoàn toàn tự túc được vải mặc, nên chiếc khăn dài đen của họ về hình thức gần giống loại khăn *piêu* của phụ nữ Thái Đen, nhưng cách trang trí hoa văn trên hai đầu khăn mang cá tính tộc người độc đáo. Với ba màu cơ bản trắng - đỏ - xanh, họ đã thêu những chùm hoa văn lá thông, trong các khung hình chữ nhật thêu hình nốt chân chim. Hoa văn thêu của người La Chí không rực rỡ như người Mông, người Dao, người Phù Lá nhưng việc phối màu và bố cục đồ án hoa văn khá

sắc sảo, mềm mại, tạo nên vẻ đẹp riêng mang dấu ấn văn hoá tộc người.

Bên cạnh loại khăn dài quấn quanh đầu, phụ nữ Pu Péo còn sử dụng loại khăn vuông (*pưoi tô*) trang trí hoa văn bằng kỹ thuật ghép vải màu. Kỹ thuật ghép hoa văn trên khăn của người Pu Péo rất khéo léo và công phu. Phần ghép hoa văn thường chiếm 1/2 diện tích khăn. Các loại vải màu được cắt thành những hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác rất nhỏ có kích cỡ không đều nhau, rồi được ghép kín lại để tạo thành những bông hoa tám cánh trên một hình vuông, hoặc hai bông hoa trên một hình chữ nhật, thậm chí bốn bông hoa tám cánh trên một hình vuông... Ngoài ra họ còn tạo thành những dãy hình tam giác đều đặn  mà đồng bào gọi là hoa văn lửa cháy.

Kỹ thuật ghép hoa văn của người Pu Péo rất linh hoạt, nó không theo một quy tắc hay một trình tự nhất định, mà phụ thuộc vào sở thích, óc thẩm mỹ, tài năng của từng người. Do vậy mỗi chiếc khăn *pưoi tô* thực sự là một tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ và tinh xảo. Cách đội khăn vuông (kể cả cách đội khăn hiện nay của phụ nữ Pu Péo) cũng có điểm khác biệt với nhiều tộc người khác. Theo cách thông thường, người ta gấp chéo khăn vuông áp vào trán và buộc mỗi sau gáy. Cách đội khăn *pưoi tô* của phụ nữ Pu Péo

không thắt buộc sau gáy mà trùm bên ngoài chiếc khăn dài quấn quanh đầu, toàn bộ hoa văn ghép vải được phô diễn ra ngoài. Các dải vải màu (*đan pưoi tô*) đính ở hai góc được vắt lên thắt buộc trên đỉnh đầu, các quả bông đỏ đính ở đầu các dải khăn buông rủ xuống trán và hai bên mang tai tạo vẻ đẹp duyên dáng cho người phụ nữ.

- Kỹ thuật tạo dáng trên yếm

Trong bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai chỉ có phụ nữ Pu Péo và La Chí sử dụng yếm che ngực (riêng phụ nữ Pu Péo còn dùng cả yếm che lưng).

Yếm của phụ nữ Pu Péo và La Chí thể hiện sắc thái văn hoá độc đáo so với yếm của các tộc người khác cùng cư trú ở vùng núi cao phía Bắc nước ta.

Phụ nữ Pu Péo dùng hai loại yếm: yếm che ngực và yếm che lưng. Về hình dáng cả hai đều là hình vuông, không khoét vòng cổ như yếm của các tộc người khác. Hai dây vải đeo vào cổ (yếm trước ngực) được cắt to bản, ở đoạn giữa hai dây này người ta đính một đôi cúc tết bằng vải, khi dùng không buộc dây mà cài cúc sau gáy để giữ yếm không bị tuột. Trên hai phần ba diện tích mặt yếm được trang trí hoa văn ghép vải rất công phu, tỉ mỉ. Khi mặc, toàn bộ phần hoa văn lộ rõ sau tà áo ngắn mở ngực, góp phần trang điểm cho vẻ đẹp của người phụ nữ. (Xem ảnh số 92,103).

Yếm che lưng được trang trí kín hoa văn ghép vải rất cầu kỳ, tinh tế. Ở một góc yếm người ta đính một dây vải gấp đôi, đầu hai dây đính hai quả bông màu đỏ, đoạn giữa dây vải tạo thành vòng khép kín như chiếc khuy, khi dùng người ta móc chiếc khuy vào vòng đeo cổ và toàn bộ mặt yếm phủ kín lưng. (Xem ảnh số 93).

Có thể nói yếm che ngực, che lưng của phụ nữ Pu Péo là một tác phẩm nghệ thuật đẹp nhưng ngày càng ít dần, do quá trình làm một chiếc yếm mất quá nhiều công sức. Hiện nay họ chuyển sang mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách và không dùng yếm nữa.

Yếm của phụ nữ La Chí tuy không rực rỡ như yếm phụ nữ Pu Péo, nhưng nó cũng được thêu hai loại hoa văn khá đặc trưng, đó là hoa văn chùm lá cây thông và nốt chân chim. (Xem ảnh số 9,10).

Kỹ thuật tạo hình yếm nữ La Chí cũng có những nét độc đáo. Về hình dáng, mặt yếm có hình gần tròn, góc trên của yếm được khoét một chút vải tạo thành hai đỉnh, trên hai đỉnh đính dây buộc yếm.

Dây buộc yếm gồm ba phần: phần đính vào yếm là hai đoạn vải nhỏ màu đen, trên hai đoạn vải này có đính cúc cài sau gáy (giống yếm phụ nữ Pu Péo). Đoạn giữa dây yếm được ghép bằng những mảnh vải màu nằm ngang, dài khoảng 10-15cm để nối dây đeo yếm thành một dây to

hơn. Đoạn đuôi yếm được ghép bằng các dải vải màu theo chiều dọc, thường là bốn dải tạo cho đuôi yếm to dần. (Xem ảnh số 8). Khi mặc, toàn bộ đuôi yếm được vắt ra ngoài áo dài màu đen, tạo nên một mảng trang trí rực rỡ chạy dọc theo sống lưng. Khi đi lại, đuôi yếm đung đưa theo nhịp bước chân tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển cho người phụ nữ. (Xem ảnh số 19).

- Kỹ thuật tạo dáng trên áo phụ nữ

Áo phụ nữ La Ha không có gì đặc biệt, mà gần giống áo *xửa côm* của phụ nữ Thái Đen. Có thể coi điểm khác duy nhất giữa áo phụ nữ La Ha và áo phụ nữ Thái Đen là áo nữ La Ha thường được may bằng nhiều loại vải có màu sắc khác nhau.

Phụ nữ Cờ Lao có thói quen mặc hai áo, trước kia hai áo này đều là loại năm thân cài khuy cạnh nách. Áo ngoài thân dài, tay ngắn và rộng để khi mặc khoe tay áo phía trong từ (khuyết tay trở xuống). Áo ngoài trang trí hoa văn nhiều hơn áo trong. Nhiều người cho rằng áo của phụ nữ Cờ Lao giống áo của phụ nữ Mông, phụ nữ Giáy cùng cư trú đan xen bên cạnh. Khi đi sâu nghiên cứu, chúng tôi thấy chúng chỉ giống nhau ở kiểu áo năm thân cài khuy cạnh nách phải. Về hình thức chung, áo phụ nữ Giáy ngắn ngang hông, được may hơi thắt ngang eo, thân trước và sau cắt hơi lượn về hai bên cạnh nách. Áo tuy có trang

trí hoa văn ghép vải màu ở cửa ống tay và nếp cổ nhưng phần trang trí đơn giản hơn hoa văn ghép vải của áo phụ nữ Cờ Lao.

Áo phụ nữ Mông may ngắn và chặt, phần hoa văn trang trí trên cổ, nếp, ngực và tay áo rục rờ hơn áo phụ nữ Cờ Lao. Áo phụ nữ Cờ Lao may rộng, dài quá đầu gối, thân áo tạo dáng trên dưới bằng nhau, dài hơn áo phụ nữ Giáy, Mông.

Cũng như phụ nữ Cờ Lao, phụ nữ Pu Péo có thói quen mặc hai áo. Chiếc áo ngoài *bok cá* được may mở ngực, không dùng cúc cài; phía trong họ có thể mặc yếm hay áo *bok tằm* cài khuy cạnh nách. Áo *bok cá* được trang trí hoa văn ghép vải công phu, tỷ mỉ mất nhiều thời gian, nên hiện nay rất hiếm, họ chuyển sang mặc áo *bok tằm* (áo mặc trong trước đây) và không dùng yếm ngực và yếm lưng nữa. Về hình dáng, áo *bok tằm* khá giống áo nữ Cờ Lao nhưng ngắn hơn, trên bả vai phía lưng không ghép những dải vải màu vòng từ vai phải sang vai trái như áo nữ Cờ Lao.

Áo phụ nữ La Chí được tạo hình dáng giống áo phụ nữ Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ), đó là loại áo dài tứ thân mở ngực, không cài cúc, cổ áo liền với nếp ngực. Tuy nhiên phong cách trang trí hoàn toàn khác áo dài lễ hội *pu dân dinh* của phụ nữ Sán Chay. Áo của phụ nữ La Chí chủ

yếu trang trí hoa văn thêu chỉ màu ở hai bên nẹp ngực, phần trang trí này rất đối xứng và hoàn toàn giống nhau giữa hai bên nẹp áo. Ngoài ra chạy dọc theo nẹp viền các thân áo trước và sau còn tếp thêm vải màu đỏ hoặc vải hoa đỏ phía trong, khi sử dụng các nẹp vải này được phô ra ngoài điểm trang cho người phụ nữ thêm đẹp. (Xem ảnh số 3).

Áo dài của phụ nữ Sán Chay được trang trí hoa văn thêu và ghép vải ở nẹp ngực, hai cạnh nách, các góc áo trước và sau. Ngoài ra họ còn trang trí hoa văn thêu chạy ngang bả vai áo phía sau gáy. Cũng cần nói thêm rằng, hoa văn trang trí trên hai nẹp ngực áo của người Sán Chay không mang tính đối xứng, mỗi bên nẹp áo được trang trí một đồ án hoa văn hoàn toàn khác nhau. Hoa văn trang trí trên áo nữ Sán Chay đa dạng, phong phú hơn về kiểu dáng và màu sắc so với áo của phụ nữ La Chí.

Kỹ thuật tạo dáng trên váy: Trước đây phụ nữ Cờ Lao mặc quần chân què cạp lá tọa, gần đây họ chuyển sang mặc váy. Như vậy đến nay cả bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai đều mặc váy. Tuy nhiên váy của họ được tạo hình có những điểm khác nhau, thể hiện bản sắc văn hóa riêng của từng tộc người.

Váy của phụ nữ La Ha là loại váy ống trên dưới bằng nhau, rất giống váy nữ Thái Đen, điểm khác là cạp váy

nữ La Ha chủ yếu làm bằng vải nhuộm chàm màu xanh đen, còn cặp váy nữ Thái Đen làm bằng vải sợi bông màu trắng (màu nguyên của sợi bông). Qua đây chúng ta cũng thấy, mặc dù trong quá trình sống đan xen tuy có chịu ảnh hưởng văn hóa của những dân tộc khác, song mỗi dân tộc vẫn tồn tại những yếu tố văn hóa riêng, và sự tiếp nhận văn hóa ở mỗi tộc người vẫn có những cách hỗn dung độc đáo.

Váy của phụ nữ Cờ Lao là loại váy xòe giống kiểu váy của phụ nữ Mông, nhưng chất liệu vải hoàn toàn khác. Váy phụ nữ Mông có thể dùng nhiều loại vải ghép với những dải hoa văn dệt, thêu, in hoa để tạo nên tổng thể màu sắc rực rỡ, tươi trẻ. Váy phụ nữ Cờ Lao chủ yếu dùng vải *tà pủ* màu đen (vải dệt bằng phương pháp bán thủ công của Trung Quốc) để may. Thân váy, cặp váy, bằng vải hoa, xanh sẫm. Khi dùng, họ quấn nhiều vòng thắt lưng dè lên cặp để thay dải rút. (Xem ảnh số 62).

Váy phụ nữ La Chí là loại váy kín, hình ống, trên dưới bằng nhau. Hai đầu váy được gấp gấu và can thêm một dải vải khác màu tạo cho gấu phẳng và bền. Thân váy một màu đen, không thêu vẽ hoa văn, không có sự phân biệt giữa gấu và cặp váy, nên khi mặc họ thường đối chiều váy để hạn chế sờn đầu gối và mông, do đó váy rất bền - có lẽ đây cũng là một đặc điểm khá độc đáo của tộc người này.

Váy phụ nữ Pu Péo là loại váy kín, thân váy do hai mảnh vải chắp lại theo chiều ngang. Phần giáp cạp được gấp nếp nhỏ dính vào cạp vừa với vòng bụng người mặc, phần phía dưới váy xoè rộng hơn nên ở chỗ nối hai mảnh vải cứ cách 5-6cm người ta gấp nếp và dùng chỉ dính hai mép vải lại để khi nối hai mảnh mới khớp nhau. Với kỹ thuật tạo dáng này đã làm cho thân váy bó hẹp, chân váy xoè rộng tạo sự thoải mái khi vận động nhất là khi họ leo núi hoặc lao động trên nương. (Xem ảnh số 89).

Chân váy của phụ nữ Pu Péo được coi là bộ phận còn bảo lưu đậm nét dấu ấn truyền thống văn hoá tộc người. Hoa văn ghép vải nơi gấu váy còn chứa đựng nhiều quan niệm dân gian về nguồn gốc lịch sử tộc người, về nhân sinh quan, thế giới quan mang tính hồn nhiên thô phác của cộng đồng người Pu Péo. (Xem ảnh số 90).

- Kỹ thuật tạo dáng trên thắt lưng và yếm che váy (tạp dề)

Thắt lưng của phụ nữ không chỉ là một thành tố có công dụng giữ váy khỏi bị tuột, mà còn là một bộ phận quan trọng góp phần điểm trang cho bộ nữ phục thêm điệu đà, duyên dáng.

Kỹ thuật tạo dáng của thắt lưng đơn giản rất nhiều so với các thành tố khác trong bộ nữ phục.

Thắt lưng của phụ nữ La Ha là một khố vải hẹp dẹt

bằng sợi tơ tằm. Cũng giống như phụ nữ Thái Đen, các thiếu nữ La Ha và những người trẻ tuổi dùng thắt lưng màu xanh, những người trung tuổi và người già dùng thắt lưng màu tím.

Thắt lưng của phụ nữ Cờ Lao có kích thước bằng khăn đội đầu nên nó còn được gọi là khăn buộc lưng. Thắt lưng được làm bằng nhiều loại vải với các màu đen, xanh, vàng, đỏ... không nếp, không khâu viền mép, chỉ cắt từ khổ vải nhỏ ra là có thể dùng được ngay. Chiều rộng thắt lưng bằng một khổ vải hẹp do họ tự dệt, không trang trí hoa văn.

Thắt lưng phụ nữ La Chí cũng được làm bằng một khổ vải hẹp màu đen, không trang trí hoa văn. Khi dùng, họ thường móc vào thắt lưng một dây xà tích bằng bạc trắng và chéo về phía sườn trái để trang điểm thêm. (Xem ảnh số 11,18).

Thắt lưng của phụ nữ Pu Péo là một bộ phận của bộ nữ phục còn giữ được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống tộc người. Về hình dáng, nó giống kiểu thắt lưng ruột tợn của người Kinh. Hai đầu thắt lưng trang trí hoa văn thêu rất đẹp và tinh xảo, ngoài ra người ta còn đính thêm hạt cườm và những bông hoa nhỏ bằng vải màu đỏ để trang điểm cho thắt lưng thêm lộng lẫy. (Xem ảnh số 94).

Thời gian gần đây, chiếc thắt lưng trang trí hoa văn

công phu được thay bằng hai chiếc yếm che váy trước và sau (tạp dề). Trong bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai chỉ có người Pu Péo và người Cờ Lao sử dụng yếm che váy. Yếm che váy ngoài công dụng chính là tạo sự kín đáo và che cho váy đỡ bẩn trong quá trình lao động, sinh hoạt, nó còn thay thế chiếc thắt lưng để giữ cho váy không bị tụt.

Yếm che váy của phụ nữ Pu Péo chủ yếu may bằng vải màu xanh. Yếm trước dài, yếm sau ngắn. Cạp yếm là một đoạn vải thẳng, thân yếm gấp nhiều nếp nhỏ làm cho phía dưới loe ra che kín váy. Dây buộc yếm là dải vải nhỏ, được giắt kín trong bụng khi mặc, bên ngoài mặc áo trùm lên.

Yếm che váy của phụ nữ Cờ Lao được tạo bởi nhiều dải vải khác màu ghép theo chiều dọc. Dây buộc yếm có thiết diện rộng và thường làm bằng vải hoa rực rỡ. Khi mặc, yếm buộc ngoài áo, hai đầu dây thả dài phía sau lưng. Sau khi mặc xong yếm trước và sau, phụ nữ Cờ Lao còn quấn thắt lưng có màu sắc rực rỡ bên ngoài để trang điểm cho mình thêm nổi bật.

- Kỹ thuật tạo dáng xà cạp

Do sống ở vùng núi cao, khí hậu quanh năm ẩm thấp nên trước đây khi chưa có tất, phụ nữ Cờ Lao, La Chí, Pu Péo quanh năm dùng xà cạp quấn chân. Xà cạp của ba tộc người

này là loại xà cạp quần (giống hình tam giác vuông), được may bằng vải chàm, vải đen, vải trắng dệt thủ công, không thêu vẽ hoa văn, có chăng chỉ dùng vải khác màu hoặc vải hoa để nẹp viền trên các cạnh.

2. Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục

Làm đẹp là một nhu cầu tất yếu của con người đã xuất hiện từ xa xưa, khi con người ý thức được mình là ai, ý thức được sự khác nhau về giới tính giữa các thành viên trong cộng đồng và xã hội.

Trong bối cảnh nền kinh tế nông nghiệp kéo dài hàng ngàn năm, cuộc sống mang nặng tính chất tự cấp tự túc, cường độ lao động còn ở mức thấp, hiệu quả kinh tế được chẳng hay chớ, nên con người đã dành rất nhiều thời gian để chăm chút cho việc thêu thùa, may vá trang phục. Công việc đó đối với người phụ nữ như tất yếu, thường xuyên, liên tục thể hiện sự đam mê và niềm vui. Chính vì vậy dưới con mắt của chúng ta - những người sống trong xã hội hiện tại, khi nhìn vào bộ trang phục truyền thống của các tộc người, nhất là bộ trang phục của phụ nữ, không khỏi ngạc nhiên và thán phục, song cũng hiểu được vì sao họ lại khéo léo, tỉ mỉ và dày công đến như thế để điểm trang cho vẻ đẹp của bộ trang phục của chính mình và những người thân trong gia đình của họ.

Khi nói tới nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục, chúng tôi đề cập đến các khía cạnh: kỹ thuật, loại hình, bố cục, màu sắc và sự biến đổi hoa văn. Trên cơ sở đó bước đầu có những nhận định, đánh giá, so sánh nghệ thuật trang trí hoa văn giữa tộc người này với tộc người kia, giữa nhóm ngôn ngữ này với nhóm ngôn ngữ khác để có cái nhìn tương đối toàn diện về văn hoá trong trang phục - một thành tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa tộc người.

- Kỹ thuật tạo hoa văn

Trước hết có thể nhận thấy nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai không đồng đều, chủ yếu tập trung ở người Pu Péo, Cờ Lao và La Chí và nó được biểu hiện dưới ba hình thức sau:

- Kỹ thuật ghép vải màu.
- Kỹ thuật thêu.
- Kỹ thuật trang trí hạt cườm và hạt kim loại.

- Kỹ thuật ghép vải

Kỹ thuật ghép vải đều có ở bốn tộc người, nhưng nó tập trung và đạt đỉnh cao ở người Pu Péo. Sở dĩ chúng tôi mạnh dạn đánh giá nghệ thuật ghép vải của người Pu Péo đạt ở đỉnh cao vì khi so sánh kỹ thuật ghép vải của họ với kỹ thuật ghép vải của người Lô Lô, Phù Lá, Hà Nhì, La

Hủ (thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến), và người Mông, Dao, Pà Thẻn (nhóm ngôn ngữ Mông - Dao) là những tộc người có kỹ thuật ghép vải rất điêu luyện, thì thấy kỹ thuật ghép vải của người Pu Páo công phu, tỷ mỉ và có những nét độc đáo riêng.

Khi nói tới kỹ thuật ghép vải, chúng ta phải thừa nhận một thực tế là, ở nước ta (nhất là các tỉnh vùng núi phía Bắc) có rất nhiều tộc người sử dụng nghệ thuật ghép vải để điểm trang cho bộ trang phục. Phương pháp ghép vải có hai cách chủ yếu:

Cách thứ nhất: Trên nền vải chính của các thành tố trong bộ trang phục như khăn, yếm, áo, thắt lưng, váy, tạp dề, xà cạp... người ta ghép chồng thêm lớp vải thứ hai, tạo thành những đường diềm, những vòng vải, khối màu trên nền vải đen, trắng, xanh chàm của trang phục. Cách ghép này thường sử dụng những dải vải dài để tạo thành những vòng quanh cánh tay áo, những đường vải nhỏ chạy xung quanh cổ áo và kéo dài về trước ngực đến tận nách phải, như áo phụ nữ Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Nùng, Giáy, Cờ Lao. Bên cạnh những dải vải màu dài, một số tộc người dùng hai màu đối lập nhau để tạo thành những mảng màu lớn hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác rất công phu, tỷ mỉ. Tiêu biểu cho kỹ thuật này là người Lô Lô Hoa, người Pu Páo, người Sán Chay.

Cách thứ hai: Người ta sử dụng những mảnh vải đã thêu dệt sẵn hoa văn, hoặc những mảnh vải khác màu có thiết diện lớn để can, ghép chúng lại tạo thành ống tay áo hình đốt (ở các tộc người Cống, Lô Lô, Hà Nhì), hoặc tạo thành những mảng màu vòng quanh cổ áo, ngực áo, thân áo, cặp váy, gấu váy... (như áo người Mông, váy phụ nữ Mường, Thái Man Thanh, Lào, Lự...). Như vậy phương pháp này tạo cho trang phục chỉ có một lớp vải duy nhất.

- Kỹ thuật ghép vải của người Pu Páo

Trên nền vải của các thành tố trang phục, họ ghép những mảnh vải khác màu được cắt theo những hình dáng, kích thước khác nhau (như hình tam giác, chữ nhật, hình thoi, hình vuông, hình các con vật, hình cây, núi, lá...) dày đặc trên nền vải, không theo một quy tắc nhất định, miễn sao chúng dày kín là được. Với cách ghép này họ đã tạo nên lớp vải thứ hai trên bộ trang phục.

Sau khi đã ghép xong lớp vải thứ hai, người ta tiếp tục dùng những mảnh vải (chủ yếu là màu đỏ, xanh, trắng) được cắt rất nhỏ như đầu chiếc đũa con hay chiếc cúc áo, để ghép điểm trên các hình vuông, hình chữ nhật có diện tích khoảng 1-2cm. Hoặc dùng những mảnh vải màu (có diện tích bằng nơi định ghép trên lớp vải thứ hai) rồi cắt thủng từng vị trí tạo thành hình díc dắc, hình uốn lượn bất kỳ, sau đó ghép một cách rất công phu, tỉ mỉ lên những

hình của lớp vải thứ hai (chủ yếu là khâu viền các cạnh đã cắt thủng để tạo nên những hình dáng rất đa dạng). Phương pháp ghép điểm xuyên tạo thành ba lớp vải trên các thành tổ của bộ trang phục này là một phương pháp độc đáo mà hầu như không tộc người nào có.

Cách đây vài chục năm người Pu Péo đã sử dụng kỹ thuật ghép vải để trang trí trên khăn vuông (*pưoi tồ*), trên áo *bok cá* (áo mặc ngoài), và cả áo *bok tằm* (áo mặc trong), trên yếm che ngực, che lưng, trên thắt lưng, váy. Hoa văn ghép vải chiếm một tỷ lệ rất lớn, nên đã tạo cho bộ nữ phục Pu Péo rất rực rỡ, đẹp mắt, chúng như những tác phẩm nghệ thuật độc đáo đầy cá tính tộc người.

Hiện nay kỹ thuật ghép vải vẫn được người Pu Péo sử dụng để trang trí trên áo, thắt lưng, khăn (các thành tổ khác ít trang trí hoặc không trang trí hoa văn). Tuy nhiên hoa văn ghép vải chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể trên tổng thể diện tích của bộ y phục, và chủ yếu chỉ dùng phương pháp thứ nhất, tức là ghép thêm lớp vải thứ hai trên nền trang phục. Đây là một sự thay đổi trong cách may mặc của người Pu Péo hiện nay.

- Kỹ thuật ghép vải của người Cờ Lao

Người Cờ Lao chủ yếu dùng những dải vải dài để ghép thành các đường trang trí uốn lượn mềm mại từ vai áo phía bên trái vòng qua phía sau cổ áo, vắt về vai phải, xuôi theo

ngực áo, và kết thúc ở cạnh sườn phải. Những áo trang trí nhiều thường ghép từ năm đến sáu dải vải kết hợp với hai đến ba đường chỉ màu khâu nổi. Những áo trang trí ít cũng ghép một đến hai dải vải kết hợp với một đến hai đường chỉ màu. Ở một số áo mặc ngoài, người ta còn ghép nhiều đường vải màu vòng theo phía dưới thân áo sau kể từ điểm xẻ tà trở xuống.

Khi ghép vải trên cánh tay áo nữ, người Cờ Lao tập trung trang trí ở đoạn từ nách đến giữa bắp tay. Trên đoạn này thường sử dụng hai đến ba dải vải khá rộng, ghép xen kẽ với một đến hai đường vải nhỏ và các đường thêu chỉ màu, tạo thành những vòng tròn to nhỏ khác nhau trên cánh tay áo. Phía ngoài cửa tay người ta dùng một khoanh vải màu xanh có bề rộng 8-10cm để can.

Ngoài áo, người Cờ Lao còn ghép vải màu trên tạp dề che đằng trước và sau. Thông thường người ta dùng hai dải vải màu xanh, rộng 10-15cm tạo thành nếp chạy dọc theo hai cạnh đứng của tạp dề. Đối với các thiếu nữ và trẻ em có thể dùng ba đến bốn dải vải có màu rực rỡ ghép với nhau theo chiều dọc của tạp dề.

Nhìn chung, kỹ thuật ghép vải của người Cờ Lao thiên về băng dải để tạo nên các mảng màu tương phản và có thiết diện lớn. Kỹ thuật ghép vải của họ đơn giản hơn nhiều so với kỹ thuật ghép vải của người Pu Péo, nhưng do sử

dùng những dải vải màu có thiết diện lớn nên hiệu quả thẩm mỹ thu được rất khả quan, chúng đã tạo cho trang phục của phụ nữ Cờ Lao rất nổi bật.

- Kỹ thuật ghép vải của người La Chí

Kỹ thuật ghép vải của người La Chí được biểu hiện rõ nhất trên chiếc yếm phụ nữ, mặt địu và mũ của trẻ em.

Trong chiếc yếm, kỹ thuật ghép vải được biểu hiện tập trung ở đuôi yếm. Thông thường người ta dùng những dải vải khác màu ghép theo chiều dọc và loe dần từ trong ra ngoài. Khi sử dụng, đuôi yếm được buông thả sau lưng không chỉ điểm trang cho bộ trang phục màu đen của phụ nữ La Chí thêm nổi bật mà còn tạo sự mềm mại thướt tha cho người phụ nữ.

Trên mặt địu, người La Chí dùng những dải vải màu đỏ tạo thành bốn đến năm hình vuông đồng tâm cách đều nhau. Giữa các hình vuông tiếp tục ghép đều đặn những hình tam giác cân nhỏ các màu. Khoảng giữa mặt địu là một miếng vải hoa màu đỏ, hình vuông có kích thước 20x20cm. Với kỹ thuật ghép như vậy mặt địu trẻ em La Chí nhìn khá đơn giản nhưng rất nổi. Các dải vải, các hình tam giác có màu đỏ - trắng - xanh nổi bật trên nền vải đen của thân địu. (Xem ảnh số 15).

Mũ trẻ em La Chí được ghép từ bốn đến sáu miếng vải hình tam giác có màu rực rỡ để tạo thành thân mũ. Trên

chóp mũ đính nhiều dây vải màu khi đội chúng rủ xuống sau lưng. Vành mũ dùng một đến hai dải vải khác màu ghép vòng quanh. Kỹ thuật ghép màu trên mũ khá đơn giản, nhưng do sử dụng những mảng màu rực rỡ và có diện tích khá lớn nên mũ trẻ em La Chí rất nổi bật. (Xem ảnh số 38,39).

Ngoài ra, người La Chí còn sử dụng kỹ thuật ghép vải để tạo nên nẹp cổ áo nữ, nẹp cửa tay áo nam giới, đường nẹp cạnh tạp dề, túi đeo. Tuy nhiên những phần ghép vải này chiếm diện tích rất khiêm tốn và khá đơn điệu về màu sắc so với người Cờ Lao.

- Kỹ thuật ghép vải của người La Ha

Người La Hủ ít quan tâm đến kỹ thuật ghép vải nhất so với bốn tộc người cùng nhóm. Kỹ thuật ghép vải của họ được biểu hiện tập trung nhất trên chiếc mũ đội đầu của thầy cúng; ngoài ra còn được thể hiện trên hai đầu khăn *pìen pìu* của phụ nữ, ở nẹp phía trong áo dài và gấu váy. Điều này cũng dễ hiểu, vì người La Ha chủ yếu trồng bông, trồng chàm, tạo nguyên liệu sợi để đổi lấy trang phục của người Thái về dùng, hoặc đổi vải về cắt trang phục theo kiểu của người Thái.

- Kỹ thuật thêu

Nếu so sánh với kỹ thuật thêu của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Dao, Tạng - Miến, Tày - Thái thì kỹ thuật

thêu của các tộc người nhóm Kadai không chỉ hạn chế về mẫu mã hoa văn, về màu sắc mà còn hạn chế cả về số lượng biểu hiện trên các thành tố của bộ trang phục (trừ tộc người La Chí có kỹ thuật nổi trội nhất nhóm.)

Hoa văn thêu của người La Chí thiên về sự mềm mại, nhỏ nhắn, màu sắc nền nã, hơi chìm. (Xem ảnh số 7). Hoa văn trang trí thường được thêu trên nếp cổ áo, yếm, hai đầu chiếc khăn dài của phụ nữ và mũ đội đầu của trẻ em.

Trước kia người Cờ Lao chủ yếu dùng kỹ thuật thêu để trang trí hoa văn trên áo của phụ nữ và trẻ em. Hiện nay do trên thị trường có bán sẵn những dải vải đã thêu sẵn các loại hoa văn truyền thống phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của họ, nên họ chỉ việc mua về và ghép trang trí lên tay áo, ngực áo. (Xem ảnh số 50). Tuy vậy họ vẫn kết hợp thêu những đường chỉ nổi các màu để trang trí cho chiếc áo thêm nổi bật.

Người Pu Péo hầu như không sử dụng kỹ thuật thêu trên trang phục. Người La Ha cũng ít thêu, nếu có chăng họ cũng chỉ thêu một số mẫu hoa văn đơn giản trên hai đầu chiếc khăn *pìr pìu* đội đầu của nữ giới.

- Kỹ thuật trang trí hạt cườm, hạt kim loại

Hình thức trang trí này được nhiều tộc người ở nước ta (cả phía bắc và phía nam) thực hiện. So với kỹ thuật ghép vải và kỹ thuật thêu thì hình thức này không mất nhiều thời

gian, nhưng đem lại hiệu quả thẩm mỹ cao. Nhưng một phần do điều kiện kinh tế (phải mua nguyên liệu hạt kim loại, đồng xu mất nhiều tiền), mặt khác do thị hiếu và trình độ thẩm mỹ mang yếu tố tộc người, nên kỹ thuật trang trí hạt cườm, hạt kim loại ở mỗi dân tộc hết sức khác nhau.

Người Pu Péo có sử dụng hạt kim loại trang trí trên nẹp ngực áo, dùng hạt cườm khâu thành những chuỗi ngắn trang trí trên dải đuôi yếm của phụ nữ. Còn người La Chí chủ yếu dùng xu bạc để trang trí xung quanh thân mũ của trẻ em. Khi đội, những đồng xu này rủ xuống quanh đầu. Người Cờ Lao chỉ dùng những vòng hạt cườm để đeo trên cổ, trên tay của phụ nữ và trẻ em.

Vì vậy có thể nhận xét là: Kỹ thuật trang trí hạt cườm và xu bạc trên trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai không nổi trội như những tộc người nhóm ngôn ngữ khác, kỹ thuật này còn tản mạn và khá mờ nhạt ở cả bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai.

3. Loại hình hoa văn

Hoa văn trang trí trên trang phục không chỉ là một trong những cứ liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử phát triển tộc người, nghiên cứu đặc trưng văn hóa dân tộc, mà nó còn thể hiện trình độ phát triển của tư duy thẩm mỹ cũng như trình độ phát triển của kỹ thuật thủ công nghiệp của các dân tộc.

Khi xem xét loại hình hoa văn trên trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, chúng ta thấy ở họ cũng thể hiện đủ ba loại hình hoa văn:

- Hoa văn động vật.
- Hoa văn thực vật.
- Hoa văn hình học.

Loại hoa văn động vật chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong hệ thống hoa văn của người Cờ Lao, La Chí. Mẫu mã rất đơn giản, chỉ là hình con kiến bò, nốt chân chim. Thực chất đây cũng chính là những hoa văn mang tính tượng trưng của hoa văn hình học mà thôi.

Loại hoa văn thực vật chiếm một vị trí khá quan trọng trong hệ thống hoa văn các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai. Ở người La Ha, trên đầu khăn *pùn piu* có đính các *hu piu* (trông giống bông hoa ba cánh) các chùm *cút piu* (là những bông hoa nhiều cánh), ngoài ra họ còn thêu hoa văn hình cành cây (hình cây thông gần giống hoa văn của người Dao), hoa văn hình dây mềm mại trên đầu khăn và trên mũ trẻ em.

Ở người Cờ Lao, hoa văn thực vật được thể hiện chủ yếu bằng kỹ thuật thêu, tiêu biểu là hình hoa đào (*lò bi bi mò cò lá*), hình cây sa mu trên trang phục, và hoa văn hình cây, hình nấm trên đồ trang sức... Những loại hoa

văn này gắn liền với môi trường cư trú vùng núi cao của người Cờ Lao.

Ở người Pu Péo, hoa văn thực vật chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong hệ thống hoa văn của họ, chúng được tạo bằng chỉ hoặc len màu đỏ gọi là *ka tung* đính trên tua khăn đội đầu, trên yếm, hai đầu thắt lưng của phụ nữ.

Ở người La Chí có một loại hoa văn thực vật đặc trưng, được gọi là hoa văn chùm lá cây thông. Một đồ án hoa văn lá cây thông gồm bốn tam giác cân nối với nhau tạo thành một hình vuông. Trong mỗi tam giác cân bao giờ cũng được thêu không dày khít mà có khoảng hở để tạo thành những lá thông. Nếu quan sát kỹ chúng ta thấy chúng rất giống những chùm lá thông, nhưng nếu quan sát tổng thể chúng ta lại thấy chúng mang dáng dấp của hoa văn hình học nhiều hơn. (Xem ảnh số 7).

Ngoài hoa văn hình lá thông trang trí trên đầu khăn, nẹp áo, người La Chí còn thêu những hình hoa lá đơn giản trên mũ đội đầu của trẻ em.

Loại hoa văn hình học chiếm số lượng nhiều nhất trong hệ thống hoa văn của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai.

Ở người Pu Péo, hoa văn hình học có các loại tiêu biểu như: hình vuông (*tô cầu*), hình quả trám hay hình thoi

(*lôm*), hình răng cưa, sóng nước hay dãy núi (*mườn*), tam giác (*bẹt*), hình chữ nhật được ghép từ hai hình vuông nhỏ (*tô pãng*), hình vuông to trên cơ sở ghép bốn hình vuông nhỏ ở bốn góc (*tô pãng*). Hoa văn tám cánh của người Pu Péo được tạo bởi kỹ thuật ghép vải theo lối âm - dương. Mỗi hoa văn có tám hình tam giác, trong đó có bốn tam giác màu đỏ, bốn tam giác màu trắng ghép xen kẽ nhau tạo thành hai bông hoa bốn cánh, hai bông hoa này tạo thành một hình vuông. Có thể nhận xét, hoa văn tám cánh của người Pu Péo khá đặc trưng, tương đối giống hoa văn tám cánh trang trí trên nẹp áo của người Sán Chay, nhưng hoàn toàn khác hoa văn tám cánh của người Tày.

Ở người Cờ Lao, hoa văn hình học có các loại: hình thoi, hình bán nguyệt, hình ngôi sao, tam giác, sóng nước, gấp khúc chủ yếu được dùng để trang trí trên áo và đồ trang sức của phụ nữ.

Ở người La Chí, hoa văn hình học có các loại: hình tam giác (*mì gà pé*), hai hình tam giác châu đỉnh vào nhau (*khả nhúm*), hình thoi bốn cạnh có tua (*nằng kha*), hình đốt (*kho pù*), ngoài ra còn có các hoa văn *ná chùm* được tạo bởi những đường thêu nổi ở dưới và ba hình chữ nhân phía trên, tạo thành một khối hình tam giác cân trang trí trên ngực áo, khăn đội đầu, yếm phụ nữ. Trên mũ trẻ em còn có hoa văn hình chữ T.

Khi xem xét loại hình hoa văn của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, chúng ta thấy ở họ cũng có đủ ba loại hoa văn động vật, thực vật và hình học. Trong ba loại hoa văn đó thì hoa văn động vật chưa được biểu hiện rõ ràng, rành mạch và chúng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong hệ thống hoa văn của nhóm Kadai.

Hoa văn thực vật có mặt ở cả bốn tộc người và có tỷ lệ nhiều hơn hoa văn động vật. Tuy nhiên mẫu mã loại hoa văn này cũng còn hạn chế so với hoa văn hình học.

Sở dĩ có tình trạng trên vì nghề dệt vải ở các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai kém phát triển, không có tộc người nào biết dệt vải thổ cẩm. Hoa văn thổ cẩm thực hiện bằng kỹ thuật dệt có thể biến tấu đa dạng tạo nên nhiều mẫu hoa văn đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của cộng đồng các cư dân, cũng như cá nhân.

Ngoài kỹ thuật dệt, kỹ thuật thêu cũng có thể thực hiện được những mẫu hình, những đồ án hoa văn từ đơn giản đến phức tạp nhất. Nhưng kỹ thuật thêu chỉ có ở người La Chí và một bộ phận người Cờ Lao, hoa văn thêu của họ khá đơn giản về mẫu mã và màu sắc nên chưa đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của các tầng lớp cư dân.

Kỹ thuật ghép vải phổ biến nhất ở người Pu Péo, Cờ Lao và La Chí. Có thể kỹ thuật này dễ thực hiện hoặc nó phù hợp với tâm lý, thị hiếu nên được các tộc người này

yêu thích và sử dụng nhiều nhất, hiệu quả thẩm mỹ thu được lại rất cao (tạo được những khối hình, khối màu rực rỡ) nên được nhiều người thực hiện.

Với kỹ thuật ghép vải, đồng bào đã tạo nên nhiều loại hoa văn hình học và chúng chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong hệ thống hoa văn; mặt khác hoa văn ghép vải của nhóm Kăđai cũng có những nét đặc trưng riêng, góp phần tạo nên sắc thái văn hoá tộc người độc đáo.

4. Bố cục hoa văn

Bố cục theo kiểu đối xứng (đăng đối)

Trong quá trình trang trí hoa văn trên trang phục, các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai thiên về bố cục theo kiểu đối xứng - thường thấy ở hầu hết các tộc người ở nước ta. Lối trang trí này được thể hiện rất rõ trên khăn đội đầu (*pưoi tồ*) của phụ nữ Pu Péo: ở hai góc khăn phía trên là mảng trang trí tạo thành khối vuông có kích thước 20x20cm, trong đó ghép các hình tam giác, dải màu, hoa văn tám cánh đứng độc lập và hai bông hoa tám cánh trên một hình chữ nhật. Mảng trang trí ở hai góc khăn hoàn toàn giống nhau về kích thước, màu sắc, hình khối. Trên hai đỉnh góc khăn có đính hai dải dây trang trí bằng các đoạn vải màu ghép lại, đầu dây đính bốn dải vải nhỏ có đính bông hoa tết bằng len. Chạy dọc theo hai mép của nửa khăn phía trên được trang trí một hàng hoa văn *tô păng*,

một dải vải màu và một hàng hoa văn hình tam giác (hoa văn lửa cháy) cũng hoàn toàn giống nhau, tạo nên sự đăng đối tuyệt đối giữa hai cạnh của khăn. Nửa khăn phía dưới được trang trí dày đặc các hình chữ nhật, hình vuông có kích cỡ khác nhau, nên thoáng nhìn chúng ta có cảm giác chúng khá lộn xộn, nhưng quan sát tổng thể lại thấy chúng được sắp xếp rất đăng đối tạo thành những khối màu có hàng lối đối xứng khá hoàn hảo, thông qua một đồ án hoa văn trung tâm nằm ở giữa khăn. (Xem ảnh số 91).

Trên áo *bok cá* của phụ nữ Pu Péo, việc lắp ghép các mẫu hình có kích thước và hình dáng khác nhau được thể hiện khá lộn xộn so với các thành tố khác của bộ trang phục. Tuy nhiên chúng ta vẫn dễ dàng nhận ra sự đăng đối được thể hiện ở những khối hình lớn (do nhiều hình nhỏ tạo thành) được trang trí trên hai bả vai, ống tay, nếp ngực, tà áo trước, phần xẻ tà thân sau... (Xem ảnh số 88).

Phương pháp trang trí đăng đối có lẽ được người Pu Péo thể hiện rõ ràng nhất trên yếm đeo ngực, che lưng, và hai đầu thắt lưng của phụ nữ: đồ án hoa văn trang trí ở nửa bên phải hoàn toàn giống nửa bên trái chiếc yếm; hoa văn trang trí trên hai đầu dây thắt lưng hoàn toàn giống nhau. Ngoài ra phương pháp trang trí này còn được thể hiện rất rõ trên chân váy phụ nữ. (Xem ảnh số 90).

Ở người Cờ Lao, nghệ thuật trang trí đăng đối được thể hiện rõ nhất ở áo mặc ngoài của phụ nữ, đó là việc trang trí những dải vải màu được ghép vòng quanh hai ống tay áo. Các dải vải này không những giống nhau về kích thước, màu sắc, số lượng mà nó còn giống nhau về vị trí và khoảng cách sắp xếp trên hai tay áo. Sự đăng đối còn biểu hiện ở phần trang trí sau bả vai và phía trước ngực áo. (Xem ảnh số 47,48).

Ở người La Chí, nghệ thuật trang trí đăng đối được biểu hiện ở hầu hết các bộ phận trang phục có trang trí hoa văn, như hai nẹp ngực, hai đầu khăn, yếm đeo ngực của phụ nữ, trên mặt địu trẻ em, nẹp cửa tay áo các lứa tuổi... Sự đăng đối này không chỉ biểu hiện ở tổng thể đồ án hoa văn, mà nó còn được thể hiện ngay trong từng họa tiết, từng đường chỉ màu, thậm chí ở cả màu sắc. Có thể coi đây là sự đăng đối hoàn hảo nhất trong nghệ thuật trang trí của các tộc người nhóm ngôn ngữ Káđai.

Ở người La Ha, nghệ thuật trang trí đăng đối được thể hiện chủ yếu ở hai đầu chiếc khăn *pừn piu* của phụ nữ. (Xem ảnh số 74).

Bố cục thành dải

Ngoài việc sử dụng phương pháp trang trí đăng đối, các tộc người nhóm ngôn ngữ Káđai trong quá trình tạo

hoa văn đã tạo bố cục hoa văn thành dải: dải ngang và dải dọc, trong đó dải ngang là chủ yếu. Việc trang trí hoa văn theo dải ngang cũng có nét riêng (so với các nhóm khác). Chẳng hạn ở một số tộc người nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, mỗi dải ngang chứa một đồ án hoa văn có kích thước giống nhau được lặp đi lặp lại nhiều lần. Cách trang trí này được người La Chí thực hiện ở hai đầu khăn đội đầu và hai nẹp áo ngực. (Xem ảnh số 4,6). Còn ở người Pu Péo mỗi dải ngang được ghép bằng nhiều loại hoa văn khác nhau để tạo nên những nhịp điệu vừa thống nhất vừa đối lập trong một bố cục chung (điều này được biểu hiện rõ nhất ở mô típ hoa văn trang trí trên chân váy - xem ảnh số 90). Bố cục theo dải ngang còn được thể hiện khá tập trung ở phần trang trí trên hai cánh tay, trên thân áo trước và thân áo sau của phụ nữ Cờ Lao như đã mô tả ở phần trên. (Xem ảnh số 47,48).

Bố cục theo dải dọc chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong đồ án trang trí chung của cả nhóm, được thể hiện tập trung ở yếm che váy (tạp dề) của phụ nữ Cờ Lao, Pu Péo; ở phần đuôi dải yếm và những đường chỉ màu trang trí trên nẹp ngực áo của phụ nữ La Chí.

Bố cục theo dải ngang có thể nằm trong những đồ án hoa văn độc lập (phần trang trí trên hai đầu khăn người La

Chí), hoặc có sự phối hợp giữa dải ngang và dải dọc trên một đồ án tổng thể chung như nẹp ngực áo người La Chí; khăn vuông, yếm ngực của phụ nữ Pu Péo, tà áo mặc ngoài của phụ nữ Cờ Lao. Hiện nay yếm che váy của phụ nữ Cờ Lao hoàn toàn có bố cục theo dải dọc (ba hoặc bốn dải màu lớn ghép liền nhau theo chiều dọc) tạo sự tương phản về màu sắc, làm cho bộ nữ phục thêm rực rỡ.

Cũng cần nói thêm rằng, ở một số đồ án trang trí có diện tích tương đối nhỏ như mặt địu, mặt yếm, đầu thắt lưng người ta luôn tạo ra những mảng hoa văn trọng tâm có kích thước lớn nhất nằm ở vị trí trung tâm, xung quanh mảng trọng tâm có những đường chỉ màu, những hàng hoa văn có kích thước khác nhau được trang trí liền nhau tạo thành những *đường diềm*, đường *bó* chạy xung quanh mảng trang trí trung tâm, và chính những dải trang trí xung quanh này cũng góp phần tạo sự phong phú, đa dạng cho mẫu mã và màu sắc hoa văn. (Xem ảnh số 93).

5. Màu sắc hoa văn

Màu sắc trang phục của cả bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai chủ yếu là màu đen, chàm xanh thẫm, chàm xanh nhạt, chàm tím... Trên những màu nền cơ bản đó các tộc người của nhóm đã dùng kỹ thuật ghép vải; thêu; đính hạt cườm, hạt bạc để trang điểm thêm và làm nổi bật những màu sắc khác như trắng, đỏ, xanh, vàng, tím... được

ghép trang trí trên các bộ phận trang phục hay *phô diễn* nhất như nẹp cổ, nẹp ngực, tà áo, ống tay, yếm, khăn, thắt lưng, chân váy... tạo nên những đồ án hoa văn rực rỡ, hoặc thanh thoát nhẹ nhàng, để trang điểm cho bộ trang phục của mình thêm đẹp - nhằm thoả mãn nhu cầu làm đẹp của con người.

So với các nhóm người ngôn ngữ khác, nhất là nhóm Tạng - Miến và nhóm Tày - Thái là những cư dân sống kề cận bên cạnh, bảng màu của nhóm Kadai đơn giản hơn nhiều. Họ chủ yếu dùng màu đỏ, trắng, vàng, xanh da trời, xanh nõn chuối và các dải vải hoa đủ màu sắc để thêu, ghép lên trang phục của mình.

Việc sử dụng màu sắc trang trí trên trang phục không đồng đều ở bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai. Việc sử dụng màu sắc trang trí trên trang phục của người Pu Péo tương tự như người Lô Lô, người Hà Nhì (nhóm Tạng - Miến), người Mông, người Dao (nhóm Mông - Dao), người Mường (nhóm Việt - Mường), người Lào, người Lự (nhóm Tày - Thái).

Với phương pháp ghép vải màu, người Pu Péo đã tạo cho bộ trang phục của mình rực rỡ từ đầu đến chân. Trong quá trình ghép vải, họ thiên về sử dụng hai màu cơ bản đỏ - trắng để tạo nên sự tương phản mạnh, ngoài ra họ còn sử

dùng có liều lượng màu xanh, màu vàng để tạo nên tổng thể màu sắc rực rỡ, hài hoà. (Xem ảnh số 88,91).

Bên cạnh việc ghép vải, người Pu Péo còn đính hạt bạc trên hai nếp áo, đính dây tua xâu hạt cườm và gắn những bông hoa chỉ màu đỏ để tăng sự sang trọng, mềm mại cho các thành tố của bộ trang phục.

Người Cờ Lao chủ yếu dùng các dải vải màu vàng, xanh, tím, hồng để tạo các đường trang trí trên áo (nếp ngực, viền quanh cổ, tà áo thân sau), trên yếm che váy. Ngoài các đường vải màu, họ còn thêu hoa văn hoặc tạo những đường chỉ nổi để trang điểm thêm. Việc trang trí, màu sắc trên trang phục người Cờ Lao không "đậm đặc" như trang phục của người Pu Péo, nhưng với kỹ thuật ghép những dải vải dài uốn lượn mềm mại trên áo phụ nữ, hoặc dùng những mảnh vải có diện tích lớn màu sắc rực rỡ ghép thành yếm che váy... đã tạo cho bộ trang phục của họ cũng có nét đẹp riêng và rất nổi bật.

Người La Chí khi trang trí hoa văn thêu trên khăn, yếm, áo, mũ đội đầu... họ chủ yếu dùng màu xanh đậm và màu đỏ thẫm. Hai màu này thường được thêu chung trên một mẫu hoa văn. Thông thường một hoa văn bốn cánh (đồng bào gọi là chùm lá cây thông) được thêu một nửa màu đỏ, một nửa màu xanh, hoặc khi thêu hai đường chỉ

nổi họ cũng thường thêu một đường chỉ đỏ, một đường chỉ xanh sát nhau. Chính nguyên tắc phối màu này đã phần nào giảm bớt gam của màu sắc. Mặt khác hoa văn thêu của người La Chí có hình dáng nhỏ, mẫu mã đơn giản, vì vậy có thể nhận định là hoa văn trang trí trên trang phục của người La Chí giản dị, màu sắc thanh nhã và hơi chìm so với các tộc người Pu Péo và Cờ Lao.

6. Sự bảo lưu và giao thoa văn hoá trang phục

Trang phục luôn mang trong mình tính hai mặt: vừa bảo lưu những yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc vừa hoà đồng, cách tân để phù hợp với cuộc sống hiện tại. Sự bảo lưu và cách tân diễn ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào môi trường nơi cư trú, vào điều kiện kinh tế, cũng như các yếu tố khác như tâm lý, thị hiếu của các tộc người. Thông thường ở những thị xã, thị trấn, thị tứ việc hoà đồng, cách tân diễn ra nhanh chóng và phức tạp hơn so với vùng núi cao xa xôi hẻo lánh.

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai chủ yếu sống ở vùng núi cao, điều kiện giao lưu buôn bán, xâm nhập văn hóa với bên ngoài trong nhiều năm trước đây bị hạn chế. Chính vì vậy họ vẫn giữ được những nét riêng trong cách ăn mặc, trong kiểu dáng cắt may và phong cách trang trí hoa văn trên trang phục.

Sự bảo lưu và cách tân trong cách thức vấn tóc đội khăn

Phụ nữ Cờ Lao, Pu Péo, La Chí tương đối giống nhau trong cách vấn tóc, đội khăn. Họ thường quấn tóc xung quanh lược sau đó găm chặt ở đỉnh đầu, trước trán, hoặc búi cao sau gáy, rồi dùng khăn dài quấn nhiều vòng để giữ tóc như người Cờ Lao, hoặc bên ngoài khăn dài họ còn dùng thêm khăn vuông để trùm bụng, hay buộc thắt mối sau gáy như người Pu Péo.

Riêng phụ nữ La Chí ở xã Nàn Xin huyện Xin Mần tỉnh Hà Giang dùng khăn dài quấn xung quanh đầu để giữ tóc, sau đó buộc thắt rủ hai đầu thêu hoa văn xuống lưng, còn phụ nữ La Chí ở các địa phương khác quấn tóc đội khăn vuông như phụ nữ Tày.

Người La Ha sống đan xen lâu đời với người Thái, họ bị ảnh hưởng đậm văn hóa Thái, nên cách thức quấn tóc đội khăn hoàn toàn giống người Thái. Thiếu nữ chưa lấy chồng cặp tóc hoặc búi tóc thấp sau gáy, phụ nữ đã có chồng búi tóc ngược lên đỉnh đầu theo kiểu "*tăng cầu*" - một dấu hiệu của phụ nữ đã có chồng giống như người Thái.

Sự bảo lưu và cách tân về trang phục

Người La Chí ở xã Nàn Xin huyện Xin Mần tỉnh Hà Giang do nghề dệt vải phát triển nên trang phục của họ vẫn

giữ được yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc: áo dài tứ thân mở ngực mặc ngoài, trong mặc yếm thêu. Cổ áo trang trí hoa văn thêu, đầu đội khăn dài.

Phụ nữ La Chí ở các nơi khác mặc giống người Tày, đó là áo dài năm thân cài khuy cạnh nách, không dùng yếm, cổ áo không thêu hoa văn, đầu đội khăn vuông, trong áo dài có mặc thêm áo cánh ngắn màu trắng.

Trước kia người Cờ Lao, Pu Péo có thói quen mặc hai áo. Áo ngoài của phụ nữ Cờ Lao trang trí nhiều hoa văn, ống tay ngắn, áo trong trang trí ít hoa văn, cả hai loại áo này đều là áo năm thân cài khuy cạnh nách. Hiện nay áo ngoài vẫn là áo năm thân, còn áo trong thường mua sẵn ở chợ về dùng đó là loại áo giống loại áo bà ba của phụ nữ Kinh.

Phụ nữ Pu Péo trước kia mặc áo tứ thân mở ngực, trong mặc yếm (áo và yếm trang trí hoa văn ghép vải rất công phu và đẹp đẽ). Hiện nay họ mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách, không dùng yếm. Áo nữ Pu Péo hiện nay không ghép những mảnh vải nhỏ có nhiều kích cỡ và kiểu dáng khác nhau như trước kia, mà chuyển sang ghép những dải vải dài như áo nữ Cờ Lao. Tuy nhiên phần ghép vải này chỉ được thực hiện từ giữa thân áo trước chạy chéo về nách phải và nửa thân áo bên trái vòng về phía vai áo sau, mà không trang trí như áo phụ nữ Cờ Lao.

Cách thức trang trí trên áo nữ Pu Péo hiện nay gần giống áo phụ nữ Phù Lá Hán ở Lào Cai. Tuy nhiên áo phụ nữ Phù Lá Hán có trang trí hoa văn ghép vải ở phía dưới, chạy vòng sang hai cạnh tà áo thân sau, còn áo nữ Pu Péo thân sau không trang trí hoa văn, chỉ một màu đen.

Trong bộ nữ phục Pu Péo còn một bộ phận ít bị biến đổi, đó là chiếc chân váy hoa được trang trí dày kín ba dải hoa văn nằm ngang, dải trên cùng hình tam giác, mà đồng bào gọi là hoa văn *lửa cháy*. Rất có thể đây là loại hoa văn đặc trưng gắn liền với một số truyền thuyết về lịch sử phát triển tộc người nên được đồng bào lưu truyền từ đời này qua đời khác.

Hiện nay phụ nữ bốn tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai đều mặc váy.

Váy phụ nữ La Ha hình ống trên dưới bằng nhau, có kiểu dáng hoàn toàn giống váy người Thái, duy chỉ khác có chiếc cặp làm bằng vải màu xanh chàm, còn cặp váy Thái làm bằng vải màu trắng.

Trước kia phụ nữ Cờ Lao chủ yếu mặc quần chân què cặp lá toạ, nay chuyển sang mặc váy. Váy của phụ nữ Cờ Lao và Pu Péo là loại váy kín, phía trên cặp được mở để chỉ mặc dễ dàng. Cặp váy thường làm bằng vải hoa, vải xanh có chiều rộng 15-20cm, dài trên hai mét (kể cả dây

buộc). Thân váy được xếp nhiều ly tạo độ xoè lớn, hình thức giống váy phụ nữ Mông nhưng không thêu vẽ hoa văn, chỉ một màu đen.

Váy phụ nữ La Chí hình ống, trên dưới bằng nhau, không phân biệt cạp và gấu váy nên khi mặc họ có thể đổi chiều để váy được bền.

Yếm che váy (tạp dề) là một thành tố mới xuất hiện của bộ nữ phục Pu Péo và Cờ Lao trong những năm gần đây (trước đây hai tộc người này không dùng yếm che váy). Có thể họ đã học theo cách ăn mặc của người Mông, người Lô Lô. Tuy nhiên yếm che váy của phụ nữ Pu Péo và Cờ Lao cũng có những nét riêng, như yếm trước bao giờ cũng dài hơn yếm sau khoảng 12-15cm (yếm che váy của người Mông phía trước và phía sau dài bằng nhau). Yếm che váy của người Mông trên dưới bằng nhau, còn yếm che váy của người Pu Péo trên nhỏ, phía dưới xoè rộng do gấp nhiều ly nhỏ.

Trang phục nam giới các tộc người nhóm ngôn ngữ Kăđai nói riêng và các tộc người cư trú ở phía Bắc nói chung có nhiều điểm tương đồng.

Áo chủ yếu có hai loại áo: áo ngắn tứ thân và áo dài năm thân (loại áo này ngày nay ít người mặc). Trước kia họ mặc quần chân què, cạp lá toạ, hiện nay nhiều người

chuyển sang mặc quần bò đũng luôn dài rút. Xu hướng mặc âu phục ngày càng tăng lên.

Với những phân tích trên, chúng tôi cho rằng trong quá trình biến đổi, cách tân, trang phục các tộc người vẫn *cố giữ* những nét văn hóa truyền thống dân tộc, vẫn *cố tạo ra* những nét riêng trong kiểu dáng cắt may, trong nghệ thuật trang trí hoa văn trên vải, và chính những điểm này đã giúp cho trang phục của các tộc người không hoàn toàn giống nhau, mà nó vẫn ẩn chứa ít nhiều những giá trị văn hóa đặc trưng riêng của mình.

III. GIÁ TRỊ VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

1. Vai trò của trang phục trong các quan hệ xã hội

Khi xem xét những biểu hiện của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai trong các quan hệ xã hội, chúng ta thấy rằng: so với trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái thì trang phục của họ còn nghèo nàn, ít chủng loại, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đời sống cư dân. Dân số của các tộc người này tương đối ít so với các nhóm ngôn ngữ khác. Sự phân hoá giai cấp trong xã hội của họ chưa sâu sắc. Trong xã hội cũ đã xuất hiện một số gia đình giàu có do đảm đương một số chức nhỏ trong làng, xã nhưng xuất phát từ mặt bằng chung của

đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng núi cao chưa phát triển nên sự biểu hiện của trang phục trong các quan hệ xã hội mới chỉ được biểu hiện trong quan hệ cưới xin, sinh đẻ, trong cách ứng xử của các cá nhân ngoài xã hội, cách ứng xử giữa người sống với người chết, cũng như trong một số nghi lễ liên quan đến tập quán, tín ngưỡng của các tộc người...

Hôn nhân là một vấn đề hệ trọng trong đời sống một con người. Tập tục cưới xin của các dân tộc phần lớn đều trải qua ba bước: dạm - hỏi - cưới. Hôn lễ của đôi trai gái có thành hay không một phần phụ thuộc vào sự tìm hiểu của đôi trẻ, một phần phụ thuộc vào sự ứng xử của hai bên gia đình. Trong xã hội truyền thống thì sự ứng xử của hai bên gia đình chiếm ưu thế hơn so với sự tìm hiểu và tình yêu của đôi trai gái.

Do xuất phát từ tính chất "gả, bán" trong hôn nhân, nên nhà gái thường thách nhà trai một số lễ vật trong các bước dạm - hỏi - cưới. Trong số những lễ vật mà nhà trai mang sang nhà gái thường bắt buộc phải có một, hai thứ dành riêng cho cô dâu, đó là chiếc vòng đeo cổ hoặc vòng đeo tay. Tùy theo điều kiện kinh tế của từng gia đình mà số đồ trang sức đó có thể đủ cả vòng cổ hoặc vòng tay (mỗi loại một chiếc hoặc hai chiếc). Ở những gia đình nghèo thường

chỉ có một loại. Đồ trang sức dùng trong ngày cưới không chỉ là niềm tự hào của cô dâu, mà còn là của hồi môn được truyền từ đời này sang đời khác. Các chàng trai nhà nghèo, do không lo đủ lễ vật mà nhà gái yêu cầu họ có thể phải ở rể lâu dài để làm trả công, hoặc không thể lấy được vợ.

Một điều quan trọng cũng cần đề cập đến là, cô dâu các tộc người thiểu số cư trú ở phía Bắc Việt Nam thường tự chuẩn bị cho mình những bộ trang phục đẹp mặc trong ngày cưới, ngoài ra họ còn sắm một số tư trang khác như khăn rửa mặt, gối, chăn, màn... để làm của hồi môn đem về nhà chồng. Của hồi môn này một phần làm quà tặng bố mẹ, cô dì, chú bác, anh em họ hàng nhà chồng trong ngày cưới. Những bộ trang phục đẹp do các cô dâu tự cắt may mặc trong ngày cưới còn là niềm tự hào của họ đối với gia đình nhà chồng vì qua đó, mọi người có thể đánh giá công - dung - ngôn - hạnh của nàng dâu mới.

Những người đến dự lễ cưới đều mặc đẹp, đàn ông ngày thường có thể để đầu trần hoặc đội mũ vải, nhưng trong các dịp cưới xin họ đều quần khăn theo kiểu truyền thống của dân tộc mình.

Khi trong gia đình có người sắp sinh con (nhất là đối với đứa con đầu lòng) đây là niềm vui không chỉ của hai vợ chồng trẻ, mà nó còn là niềm vui của hai bên gia đình

nội ngoại và họ tộc. Để chuẩn bị đón đứa trẻ ra đời, bà nội, bà ngoại đứa trẻ bao giờ cũng phải làm một chiếc địu thật đẹp để mừng cháu. Nếu không còn bà, thì người mẹ trẻ phải tự tay làm địu trước khi sinh con, vì thông thường sau một tháng tuổi, trẻ em được mẹ địu trên lưng để làm mọi việc.

Cũng giống như nhiều tộc người khác ở nước ta, các tộc người nhóm Kadai cũng kiêng không dùng quần áo mới cho trẻ mới sinh. Chính vì vậy họ thường xin quần áo của những gia đình đã nuôi con nhỏ, nhất là của những đứa trẻ dễ nuôi, hay ăn, chóng lớn về cho trẻ sơ sinh mặc để lấy khước. Ngoài ra họ còn dùng quần áo cũ của người lớn để làm tã lót cho trẻ em, vì những bộ quần áo này dùng lâu ngày vải mềm, không làm hại da của trẻ.

Khi trẻ em lên 5-7 tuổi, nhất là em gái sẽ được may quần áo giống như của người lớn cùng giới: tuy nhiên ít được thêu thùa, trang trí hoa văn như quần áo của người lớn. Riêng ở người La Chí, các em gái lúc còn nhỏ tuổi (từ 3 đến 16 tuổi) mặc bộ trang phục cơ bản giống quần áo nam giới, áo dài quá gối, có cổ, xẻ nách phải, có ba cúc cài, áo xẻ tà cao, không trang trí hoa văn, chỉ khác là có can một miếng vải ở nửa thân áo trên ngực phải.

Đến tuổi 16 các em gái được mặc bộ trang phục phụ nữ

đã trưởng thành và tóc không thả sau lưng nữa mà được cuộn gọn vào phía trong khăn đội đầu. Có thể đây là dấu hiệu của lễ thành đinh, đánh dấu mốc trưởng thành, đã có thể xây dựng gia đình được.

Trong những dịp lễ tết, hội hè mọi người đều mặc quần áo đẹp và đeo nhiều đồ trang sức. Những bộ trang phục mặc trong dịp này cũng giống trang phục mặc thường ngày về kiểu dáng, nhưng chúng còn mới, và được trang trí nhiều hoa văn, có màu sắc đẹp. Mọi người đều hiểu rằng, đây là những cuộc vui chung của cộng đồng, mỗi người phải có trách nhiệm đóng góp vào niềm vui chung đó không chỉ về mặt vật chất, mà cả về tinh thần và hình thức. Chính vì vậy nếu đến hội mà ăn mặc quá xuềnh xoàng, quần áo cũ sẽ bị mọi người cười chê.

Ở miền núi, những dịp tổ chức lễ hội không nhiều như ở vùng đồng bằng. Mọi quan hệ, giao tiếp trong xã hội chủ yếu được thông qua ngày chợ phiên. Thông thường năm ngày hoặc một tuần, các vùng dân cư trong một khu vực nhất định có ngày chợ phiên. Mọi người đến chợ không chỉ để thoả mãn nhu cầu mua bán hàng hoá, mà còn để giao lưu, gặp gỡ bạn bè, người yêu, anh em, họ hàng... Chính vì vậy, khi đi chợ ai cũng có tâm lý phải làm đẹp, phải ăn mặc sao cho thơm tươm tất để mọi người nhìn vào. Khi

đến các chợ phiên vùng núi cao biên giới đông vui như chợ Nàn Xin, chợ Cốc Pài, chợ Bản Máy, chợ Hoàng Su Phì... chúng ta có thể gặp mặt đủ người các dân tộc trong vùng. Mỗi tộc người một kiểu áo, một kiểu váy, một kiểu khăn với những màu sắc khác nhau. Mỗi tộc người có kiểu quần tóc, đội khăn riêng. Bên cạnh bộ trang phục đẹp đẽ, lộng lẫy, mọi người, nhất là các thiếu nữ đều cố khoe các đồ trang sức bằng bạc, bằng kim loại hay hạt cườm, hạt nhựa để được "bằng chị bằng em", đó cũng là tâm lý chung của tất cả mọi người, của các dân tộc sinh sống ở miền núi khi giao tiếp ngoài xã hội.

2. Vai trò của trang phục trong việc giáo dục cộng đồng

Trong điều kiện nền kinh tế còn tương đối đóng kín, mang nặng tính tự cấp tự túc, năng suất lao động thấp, để có thể trang trải được nhu cầu vải mặc của các thành viên trong gia đình, người phụ nữ đã phải gồng mình vất vả vừa làm tròn trách nhiệm của người mẹ, người vợ trong gia đình và phải lo làm vải để may quần áo cho chồng con và các thành viên trong nhà. Khi có con gái, người mẹ phải có trách nhiệm dạy bảo, trao truyền kinh nghiệm làm vải từ các công việc đơn giản như hái bông, nhặt bông, xe bông... Hơn ai hết, người mẹ hiểu rằng nếu con gái được

dạy bảo tốt, có đủ các tiêu chuẩn "công, dung, ngôn, hạnh" thì sau này mới dễ lấy chồng, mới có thể chọn được những người chồng giỏi giang, và cuộc sống gia đình sau này mới thực sự có hạnh phúc.

Chính vì vậy, các gia đình thường dành cho các cô gái những đám nương tốt để trồng bông, trồng chàm, tự kéo sợi, dệt vải để may trang phục và chuẩn bị đồ dùng bằng vải làm của hồi môn đem về nhà chồng trong ngày cưới. Các chàng trai đến tuổi yêu đương thường lựa chọn những cô gái chăm chỉ, siêng năng, giỏi dệt vải, may vá, thêu thùa về làm vợ. Trong thời gian yêu nhau, các cô gái thường tặng cho người yêu những chiếc khăn, những chiếc túi xinh xắn để làm tin. Những vật dụng này giá trị kinh tế tuy nhỏ nhưng chúng là sợi dây ràng buộc để đôi lứa yêu nhau và nên vợ nên chồng. Có những thiếu nữ do chăm chỉ dệt vải họ đã chuẩn bị được nhiều bộ trang phục đẹp để mặc trong nhiều năm sau khi cưới, chuẩn bị được nhiều vải để dành cho gia đình sau này. Trang phục mặc trong ngày cưới được các cô dâu chuẩn bị rất cẩn thận, vì đây còn là một trong những tiêu chuẩn để gia đình, họ hàng nhà trai đánh giá tài năng, phẩm hạnh của cô dâu.

Bên cạnh sự dạy dỗ của gia đình, dư luận xã hội cũng góp phần giáo dục các em phải lao động siêng năng, chăm

chỉ, các em nữ phải giỏi giang trong việc khâu vá, thêu thùa. Để khuyến khích việc học dệt, học thêu các làng bản thường tổ chức những cuộc thi để chọn người vừa giỏi may vá, thêu thùa vừa thao tác nhanh, chính xác. Ví dụ, người Pu Péo khi tổ chức cuộc thi khâu hoa văn chân váy họ đã có câu:

Bạt đầu chi lằm chề

Bạt chít chi lằm bệt

Có nghĩa là: Giã một chày thì khâu được một tam giác, giã một chày nữa thì khâu được một hình thoi.

Cùng với việc trao truyền kinh nghiệm kéo sợi, dệt vải, may vá trang phục, các thế hệ phụ nữ trong gia đình cũng như dư luận xã hội còn giáo dục con trẻ có ý thức tiết kiệm và biết giữ gìn những bộ trang phục để có thể mặc chúng được bền lâu. Và chính họ đã có những quy định khi phân định việc sử dụng trang phục thường ngày với trang phục mặc trong lễ tết, hội hè.

Trang phục thường ngày chủ yếu là những bộ trang phục đã cũ và những bộ may thêu đơn giản, rộng rãi, gọn gàng phù hợp với môi trường vùng núi cao, phù hợp với mọi hoạt động sản xuất trên nương rẫy, ruộng bậc thang. Chính vì vậy phụ nữ Pu Péo, Cờ Lao khi đi làm họ có thể không dùng yếm che váy hoặc chỉ dùng yếm che váy phía

sau lưng để đi lại, trèo núi cho đỡ vướng. Khi tham gia lao động sản xuất nếu ai quá chăm chút cho trang phục của mình, như đeo nhiều đồ trang sức, mặc quần áo đẹp, sẽ bị mọi người cười chê là chây lười và lãng phí.

Trang phục mặc trong lễ hội, đặc biệt là trong lễ cưới, được may bằng chất liệu vải đẹp, được thêu thùa, trang trí nhiều hoa văn. Những bộ trang phục này thường được may theo kiểu dáng, mẫu mã của trang phục truyền thống tộc người. Theo quan niệm của nhiều dân tộc, chú rể, cô dâu trong ngày cưới mặc trang phục truyền thống trình diện trước bàn thờ tổ tiên mới được tổ tiên nhận ra và chấp nhận là dâu rể trong gia đình.

Đối với những người đã có tuổi, họ thường thích quay về lối mặc giản dị về màu sắc, nhưng mang đậm dấu ấn cổ xưa của dân tộc. Chính vì vậy khi giao tiếp ngoài xã hội hay trong gia đình, cộng đồng, khi có những công việc quan trọng họ thường mặc bộ trang phục lễ hội truyền thống. Bộ trang phục này ở đàn ông thường là bộ áo dài cài khuy cạnh nách phải, đầu đội kiểu khăn xếp, hoặc quấn khăn dài cho thêm phần trang trọng. Còn đối với phụ nữ là bộ váy áo dài được trang trí hoa văn công phu, cùng các đồ trang sức. Bộ trang phục mặc trong ngày cưới, sau này mỗi khi có dịp phải đem ra mặc (đi dự hội, dự cưới) thì

sau khi dùng xong họ lại cất đi để khi chết mặc về thế giới bên kia. Những bộ trang phục này ngày nay lớp trẻ rất ít khi sử dụng.

Việc sử dụng trang phục trong tang ma cũng thể hiện rất rõ sự ứng xử giữa người sống và người đã khuất. Hầu hết các dân tộc cư trú ở miền núi phía bắc nước ta đều quan niệm mọi vật đều có linh hồn, con người chết đi không phải đã hết, mà linh hồn của họ sẽ về gặp tổ tiên và tiếp tục sống ở thế giới bên kia. Chính vì vậy họ có tục chia của cho người chết, người chết phải mặc trang phục truyền thống tộc người (vải tự dệt, kiểu dáng cắt may, thêu thùa mang sắc thái đặc trưng dân tộc) để về gặp tổ tiên. Họ cho rằng các cặp vợ chồng khi chết phải mặc bộ trang phục trong ngày cưới mới có thể gặp nhau và đoàn tụ ở thế giới bên kia. Chính vì vậy, nếu không may khi về già, bộ quần áo cưới không còn thì họ phải may bộ mới để thay thế.

Những người đến dự đám tang không được ăn mặc đẹp, không được đeo nhiều đồ trang sức, nếu làm trái những điều này sẽ bị cộng đồng chê cười là những người kém hiểu biết và không biết cư xử trong xã hội.

Cách mặc trang phục cho người chết ở mỗi tộc người cũng có những nét khác nhau.

Ở người La Chí, người quá cố mặc bộ quần áo truyền

thống của dân tộc nhưng quần áo được lộn trái và cắt hết khuy.

Ở người Pu Péo, người quá cố mặc trang phục thường ngày, nhưng phải mặc ba áo, hai quần, phụ nữ đeo một yếm. Ngoài ra người chết còn được quấn khăn trắng trên đầu.

Ở người La Ha, người quá cố nếu là phụ nữ, ngoài áo up cóm lạc mạy và váy họ còn khoác thêm chiếc áo dài bên ngoài, đầu đội khăn pưn piu. Nếu là nam giới thì mặc bộ quần áo thường ngày, nếu có áo dài phải khoác bên ngoài, đầu đội khăn vải. Để tỏ lòng thương tiếc người đã khuất, những người đến dự đám tang không được mặc đẹp, không được trang điểm. Con cháu người quá cố đội khăn trắng, đàn bà xoa tóc, đàn ông không đội mũ...

Ở người Cờ Lao, người chết mặc trang phục thường ngày, đầu quấn khăn dài nhưng được quấn từ trái sang phải (người sống quấn từ phải sang trái). Ngoài ra người chết còn được trùm một tấm vải trắng mới trên người.

Ở người Cờ Lao Trắng còn có tập quán: khi trong bản có người qua đời, anh-em bạn bè thân thiết, làng xóm láng giềng đến viếng đều mang theo mỗi người một miếng vải trắng (trước kia là vải lanh) rộng khoảng 20cm, dài 30-

40cm để làm quà tặng người chết (số vải này được đặt vào trong quan tài trước khi đưa đi chôn). Đây là phong tục rất đặc trưng, là sự ứng xử mang đầy tính nhân văn giữa người sống với người đã khuất của tộc người Cờ Lao.

Chính những dư luận xã hội đã có ý nghĩa lớn lao trong việc giáo dục cộng đồng, nó đã ăn sâu vào tâm thức của mọi người, giúp những người phụ nữ luôn phải cố gắng, chăm chỉ dệt vải, may vá, thêu thùa trang phục để làm đẹp cho chính mình và làm đẹp cho những người thân trong gia đình. Đây là nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của những con người miền núi nói chung và người phụ nữ nói riêng.

*

* *

Trang phục là một thành tố quan trọng góp phần tạo nên bản sắc văn hoá tộc người, đồng thời cũng là một trong những tiêu chí để giới nghiên cứu dân tộc học dựa vào đó để phân loại dân tộc hoặc các ngành, các nhóm khác nhau trong một dân tộc. Điều này đã được thể hiện rất rõ ở người Cờ Lao - một trong bốn tộc người **thuộc** nhóm ngôn ngữ Kadai.

Đến nay Nhà nước ta vẫn công nhận người Cờ Lao có ba nhóm địa phương là Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Xanh, Cờ Lao

Trắng. Sở dĩ có tên gọi này vì trước đây đàn ông của nhóm Cờ Lao Xanh đều mặc áo xanh; người Cờ Lao Trắng dùng khăn trắng để chịu tang người chết; phụ nữ Cờ Lao Đỏ trước kia mặc váy thân dệt bằng chỉ đỏ. Đến nay sự phân biệt này không còn rõ lắm, vì trang phục của cả ba nhóm đã hoà vào nhau và cơ bản giống nhau. Tuy nhiên trong mỗi nhóm địa phương người Cờ Lao vẫn giữ được những nét riêng trong phong tục tập quán, trong các nghi lễ liên quan đến chu kỳ vòng đời người và tôn giáo tín ngưỡng của họ.

Chẳng hạn trong đám cưới của người Cờ Lao Xanh, chú rể vẫn phải mặc áo dài xanh, quần khăn đỏ vắt qua người; cô dâu đến cổng nhà trai phải búi tóc ngược lên đỉnh đầu, khi bước vào cổng phải giẫm vỡ một cái bát trong có chiếc muôi gỗ nhà trai đã để sẵn ở đó với ngụ ý: từ nay cô dâu phải bỏ ma nhà mình, theo ma họ nhà chồng.

Ở người Cờ Lao Trắng, cô dâu trong ngày cưới đeo dây trang trí bằng các dải vải màu được móc vào vòng cổ, thả thông phía sau lưng. Chú rể trong ngày cưới phải mặc thêm chiếc áo dài truyền thống bên ngoài và buộc một chiếc khăn dài vắt chéo qua vai. Chiếc khăn này được làm bằng vải chàm, dài khoảng 150-200cm, rộng 25-30cm. Ngày nay do nghề dệt vải đã thất truyền nên họ mua vải

bán sẵn trên thị trường, nhưng kiểu dáng may vẫn tuân thủ theo lối truyền thống dân tộc.

Đặc biệt trong đám ma của người Cờ Lao Trắng, bà con làng xóm, bạn bè đến phúng viếng ai cũng phải đem tới một miếng vải trắng (trước kia là vải lanh do họ tự dệt, ngày nay họ mua vải ở chợ) để làm quà tặng cho người chết mang về thế giới bên kia...

Trang phục truyền thống các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai không có sự phân biệt về đẳng cấp giữa các nhóm người trong xã hội nhưng có sự phân biệt đôi chút theo lứa tuổi. Trang phục thiếu nữ trang trí nhiều hoa văn hơn trang phục người già. Nam giới còn ít tuổi thường không mặc áo dài kiểu lễ hội như người có tuổi.

Màu sắc trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai chủ yếu là màu chàm và màu đen. Trên hai màu nền cơ bản đó họ đã dùng kỹ thuật ghép vải màu, thêu, trang trí hạt kim loại để trang điểm cho bộ trang phục thêm đẹp. Sự trang trí này chủ yếu mới thực hiện trên trang phục phụ nữ, còn ở bộ nam phục rất ít trang trí, nếu có cũng chỉ là những dải vải khác màu được ghép ở cửa tay, trên nếp túi áo.

Hoa văn trang trí trên vải cũng có đủ ba loại, nhưng

hoa văn động vật được biểu hiện rất mờ nhạt, nó chỉ là hình con kiến bò, nốt chân chim. Hoa văn thực vật là những cây cỏ, hoa, lá gắn với môi trường cư trú vùng núi cao như cây thông, hoa đào, dây núi, cây nấm, ách cây... Hoa văn hình học chiếm số lượng nhiều nhất nhưng chủ yếu vẫn là những hình dễ ghép, như hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn...

Hoa văn trang trí trên trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai không chỉ thể hiện trình độ tư duy, óc thẩm mỹ của các cư dân mà còn gắn với những truyền thuyết về lịch sử phát triển tộc người. Đây là một trong những thông tin đáng tin cậy giúp chúng ta tiếp cận và nghiên cứu nền văn hóa cũng như trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của từng tộc người.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nhóm ngôn ngữ Kàđai mới được giới khoa học công nhận là một nhóm ngôn ngữ độc lập trong vài thập kỷ gần đây. Ba trong số bốn tộc người trong nhóm là Cờ Lao, La Chí, Pu Péo chủ yếu sinh sống ở vùng núi cao giáp biên giới của tỉnh Hà Giang, đường giao thông đi lại rất khó khăn. Bên cạnh đó người La Ha lại sống tách riêng ở tỉnh Sơn La, chỉ có một bộ phận nhỏ cư trú ở tỉnh Lào Cai. Chính điều kiện cư trú đặc thù như vậy nên việc nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa các tộc người trong nhóm nói chung và văn hóa trang phục của họ nói riêng ít được giới khoa học chú ý và quan tâm đúng mức.

Trong quá trình nghiên cứu và xem xét trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai, chúng tôi thấy văn hóa trang phục của họ có những điểm đáng chú ý như:

- Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kàđai là một giá trị văn hóa vật thể, là sản phẩm của nền sản xuất thủ công nghiệp còn ở trình độ thấp, công cụ sản xuất hết

sức thô sơ. Sản phẩm nghề dệt của họ còn đơn điệu về mẫu mã và chất vải - chủ yếu là vải thô khổ hẹp, chưa có tộc người nào biết dệt vải thổ cẩm. Tuy vậy sản phẩm vải của họ đã gắn bó mật thiết với đời sống con người từ khi sinh ra, lớn lên, trưởng thành, về già và chết. Trong mỗi giai đoạn phát triển của cuộc đời con người, sản phẩm nghề dệt vải đã góp phần xây đắp nên đạo đức, lối sống cũng như cách ứng xử của các thành viên đối với gia đình, cộng đồng cũng như thích ứng với môi trường thiên nhiên nơi cư trú.

- Trang phục của người Cờ Lao, La Chí, Pu Péo vẫn giữ được những yếu tố văn hóa truyền thống đặc trưng riêng trong kiểu dáng cắt may, trong nghệ thuật trang trí hoa văn, trong cách phục trang của các giới tính, lứa tuổi... Người La Ha tuy lệ thuộc vào trang phục của người Thái, nhưng trong bộ nữ phục của họ vẫn cố gắng bảo lưu những yếu tố văn hóa riêng, điều đó chứng tỏ sự giao thoa văn hóa ở mỗi tộc người vẫn có những cách hỗn dung độc đáo.

- Trang phục nhóm ngôn ngữ Kăđai thể hiện khá rõ sự độc đáo trong trang phục từng tộc người. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy trang phục của họ không có sự đồng nhất trong cả nhóm, mỗi tộc người có phong cách

tạo hình và trang trí hoa văn cũng như cách thức trang phục riêng.

Phụ nữ La Chí tùy từng địa phương có hai cách mặc khác nhau: Một bộ phận đầu đội khăn dài, mặc áo tứ thân xẻ ngực, trong áo có yếm thêu. Một bộ phận đầu đội khăn vuông, mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách (thể hiện rất rõ sự giao thoa với văn hóa Tày).

Phụ nữ Pu Péo trước kia có hai loại áo: áo ngoài mở ngực, áo trong cài khuy cạnh nách. Khi mặc áo mở ngực họ mặc yếm (áo và yếm trang trí kín hoa văn). Hiện nay họ mặc áo năm thân, áo cũng được trang trí các dải vải màu trên hai cánh tay và nửa thân áo phía trên ngực, thân áo phía sau không trang trí như áo phụ nữ Cờ Lao.

Khi đội khăn, phụ nữ Pu Péo họ thường quấn hai chiếc khăn dài phía trong, ngoài dùng khăn vuông trang trí hoa văn ghép vải, hoặc khăn vuông màu đen, hay khăn len. Chân váy phụ nữ được trang trí rất công phu.

Phụ nữ Cờ Lao mặc áo năm thân cài khuy cạnh nách, áo dài hơn áo nữ Pu Péo, trang trí vải màu trên hai cánh tay, trên ngực và bả vai phía sau. Áo dùng trong cưới xin, lễ hội còn trang trí những dải vải màu từ phần xẻ tà chạy xuống gấu và vòng hết thân áo sau. Trang phục dùng trong cưới xin có nhiều nét độc đáo giữa các nhóm địa phương.

Phụ nữ La Ha tuy mặc giống phụ nữ Thái Đen, nhưng cặp váy của họ làm bằng vải chàm (cặp váy phụ nữ Thái làm bằng vải trắng). Ở Than Uyên tỉnh Lai Châu, trong mùa đông phụ nữ còn dùng tấm choàng “ạng” để che kín ngực và lưng.

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai, nhất là chị em phụ nữ, đều có thói quen dùng một số đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, hoa tai, xà tích... để trang điểm khi giao tiếp ngoài xã hội. Khi đến tuổi trưởng thành một số nữ giới thích nhuộm răng đen, thanh niên nam bịt răng vàng để làm duyên.

Tùy theo điều kiện kinh tế, các gia đình thường sắm vòng cổ, vòng tay bằng bạc đeo cho trẻ để kỵ gió, trừ ma. Nếu không có bạc họ mời thầy cúng đèn giải hạn và buộc vòng vía với mong muốn trẻ khỏe mạnh, dễ nuôi, hay ăn chóng lớn.

Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai được hình thành, phát triển trong bối cảnh nền kinh tế tự cấp tự túc, trong môi trường cảnh quan vùng núi cao giáp biên giới phía Bắc. Để định hình nên phong cách trang phục như hiện nay, các tộc người đã trải qua một quá trình lâu dài để tìm tòi, thử nghiệm các loại vật phẩm có sẵn trong môi trường tự nhiên để tạo nguyên liệu dệt vải, nhuộm màu, cắt khâu

trang trí hoa văn nhằm đáp ứng nhu cầu mặc và làm đẹp. Các thể hệ phụ nữ đã giữ vai trò quan trọng trong việc sáng tạo nên văn hóa trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai.

Tuy không đồng đều về nghệ thuật trang trí hoa văn, không đa dạng về mẫu mã tạo hình, nhưng trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai hàm chứa những nét riêng độc đáo, tạo nên sắc thái văn hóa truyền thống tộc người, góp phần thêm dệt nên bức tranh Việt Nam tươi đẹp và phong phú.

Một số kiến nghị

Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai được ra đời và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế còn chậm phát triển, nghề dệt vải thủ công truyền thống đã bị mai một hoặc thất truyền, sự giao lưu buôn bán giữa miền xuôi và miền núi, giữa nước ta và các nước láng giềng ngày càng sôi động. Chính vì vậy cho đến nay việc sưu tầm nghiên cứu trang phục truyền thống các tộc người thiểu số nước ta nói chung và ngôn ngữ Kadai nói riêng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đặt ra. Hiện nay trong kho của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam mới có một số lượng nhỏ trang phục của các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai.

Trang phục người Pu Péo mới có 24 hiện vật.

Trang phục người Cờ Lao có 59 hiện vật.

Trang phục người La Ha mới có 09 hiện vật sưu tầm ở tỉnh Sơn La, còn ở tỉnh Yên Bái chưa được sưu tầm.

Trang phục người La Chí có 38 hiện vật, chủ yếu sưu tầm ở huyện Xín Mần còn các huyện khác ở tỉnh Hà Giang chưa được sưu tầm.

Trong số các hiện vật trên, chủ yếu vẫn là các trang phục của phụ nữ, trang phục nam giới và trẻ em có số lượng không đáng kể. Các loại trang phục liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tang ma, đặc biệt là đồ trang sức kèm theo chưa có là bao.

Có thể nói đây là một bất cập rất lớn trong công tác nghiên cứu và sưu tầm hiện vật. Để khắc phục tình trạng này, hiện nay Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam đang xây dựng Dự án Sưu tầm bổ sung hiện vật di sản văn hóa các dân tộc thiểu số nhằm thu thập các tài liệu, hiện vật gốc tiêu biểu, phản ánh đặc trưng văn hóa dân tộc, để xây dựng các sưu tập hiện vật quý và đóng góp cho ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Để Dự án trên thực sự đạt hiệu quả thiết nghĩ cần có kế

hoạch khảo sát thực tế để nắm được những loại hiện vật nào vẫn tồn tại trong cuộc sống hiện nay, những hiện vật nào đã có sự biến đổi so với văn hóa truyền thống, những hiện vật nào không còn tồn tại nhưng nhân dân vẫn còn một số người hiểu biết nắm chắc các thông tin về chúng...

Trên cơ sở kết quả khảo sát, xây dựng kế hoạch sưu tầm dựa vào các điều kiện cụ thể:

- Những hiện vật nào có thể sưu tầm được ngay
- Những hiện vật nào hiện nay không còn, cần phải phục chế làm lại dựa trên trí nhớ của các cụ già và người có tuổi ở các bản làng. Đối với những hiện vật đặc biệt quý hiếm của các tộc người cần có kế hoạch khảo sát, nghiên cứu chi tiết và đặt làm lại tại địa phương, nếu được như vậy chúng ta mới có thể có những tài liệu, hiện vật quý nhằm giữ lại những bản sắc dân tộc độc đáo của các tộc người ở Việt Nam.

Bên cạnh việc nghiên cứu sưu tầm hiện vật, cần thiết phải thực hiện các công việc ghi chép, ghi âm, chụp ảnh, quay camera những hoạt động văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội của các tộc người. Đặc biệt là những sinh hoạt cộng đồng tiêu biểu như lễ hội, đám cưới, đám ma, lễ cúng bản, cúng mừng, lễ cầu yên giải hạn... Chính trong những sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng này, văn hóa trang phục

được biểu hiện ở nhiều góc độ khác nhau, qua đó giúp chúng ta có sự nhìn nhận đầy đủ hơn về trang phục truyền thống các tộc người và nền văn hóa của họ, từ đó xây dựng kế hoạch sưu tầm đạt hiệu quả cao.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, sưu tầm văn hóa vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam cần xây dựng chương trình hoạt động linh hoạt, nhằm phát huy có hiệu quả những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, để nó thực sự đi vào cuộc sống hôm nay, chẳng hạn:

- Trưng bày, trình diễn trang phục.
- Giới thiệu quy trình nghề dệt vải thủ công truyền thống của các dân tộc .
- Giới thiệu cách thức pha chế, nhuộm màu; kỹ thuật ghép vải màu, thêu, vẽ hoa văn...

Đây là những việc làm bổ ích, thiết thực góp phần tạo nên sân chơi hấp dẫn các tầng lớp nhân dân, cũng là góp phần tích cực vào việc bảo tồn và chấn hưng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc như các Nghị quyết của Đảng đã đề ra.

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH
VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI
NHÓM NGÔN NGỮ KADAI**

Ảnh: - ĐỖ THỊ HÒA

- TƯ LIỆU BẢO TÀNG VĂN HÓA

CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

- TƯ LIỆU BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LA CHÍ



Ảnh 1, 2: Phụ nữ La Chí
trong bộ trang phục truyền
thống (nhìn từ phía trước
và phía sau)



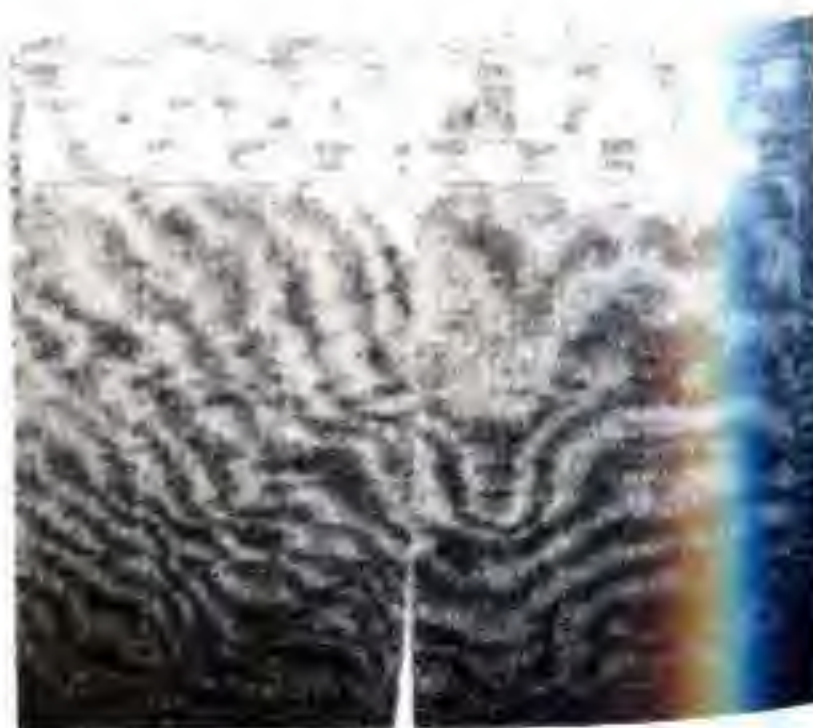


Ảnh 3: Áo (*pù*) của phụ nữ

Ảnh 4: Khăn đội đầu (*kha*) của phụ nữ



Ảnh 5: Váy (*êng*) của phụ nữ



Ảnh 6: Hoa văn trang trí trên nẹp ngực áo phụ nữ



Ảnh 7: Đồ án trang trí
hoa văn trên hai khăn
đội đầu của phụ nữ La
Chí (xã Nán Xin huyện
Xin Mần tỉnh Hà Giang)



Ảnh 8: Đuôi yếm (*nhúm*) của phụ nữ La Chí
được ghép vải, thêu rất công phu



Ảnh 9, 10:
Hai kiểu yếm
của phụ nữ





Ảnh 11: Thắt lưng
(kha dá dê) của phụ
nữ làm bằng một
khối vải hẹp



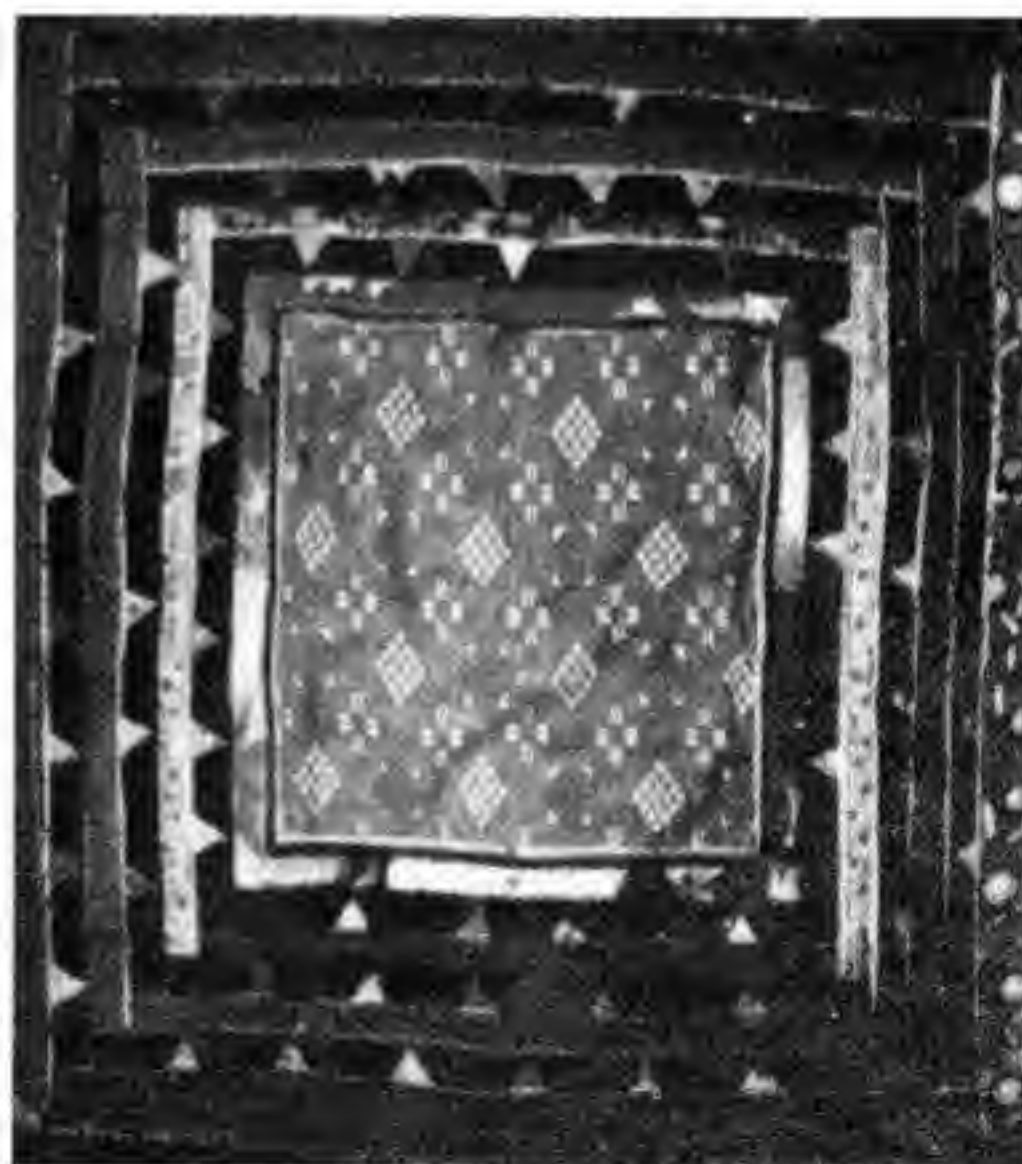
Ảnh 12: Xà cạp (pù ke)
của phụ nữ



Ảnh 13: Túi đeo (kha trê)
của phụ nữ



Ảnh 14: Chiếc địu của
phụ nữ La Chí với một
đầu dây địu được làm
thành chiếc túi để đựng
đồ dùng của trẻ



Ảnh 15: Trang trí trên
mặt địu của trẻ em



Ảnh 16: Công việc
ghép hoa văn trên mặt địu



Ảnh 17: Phụ nữ La Chi
trong trang phục
gần giống phụ nữ Tày



Ảnh 18. 19: Phụ nữ La Chi
trong trang phục cưới xin,
lễ hội

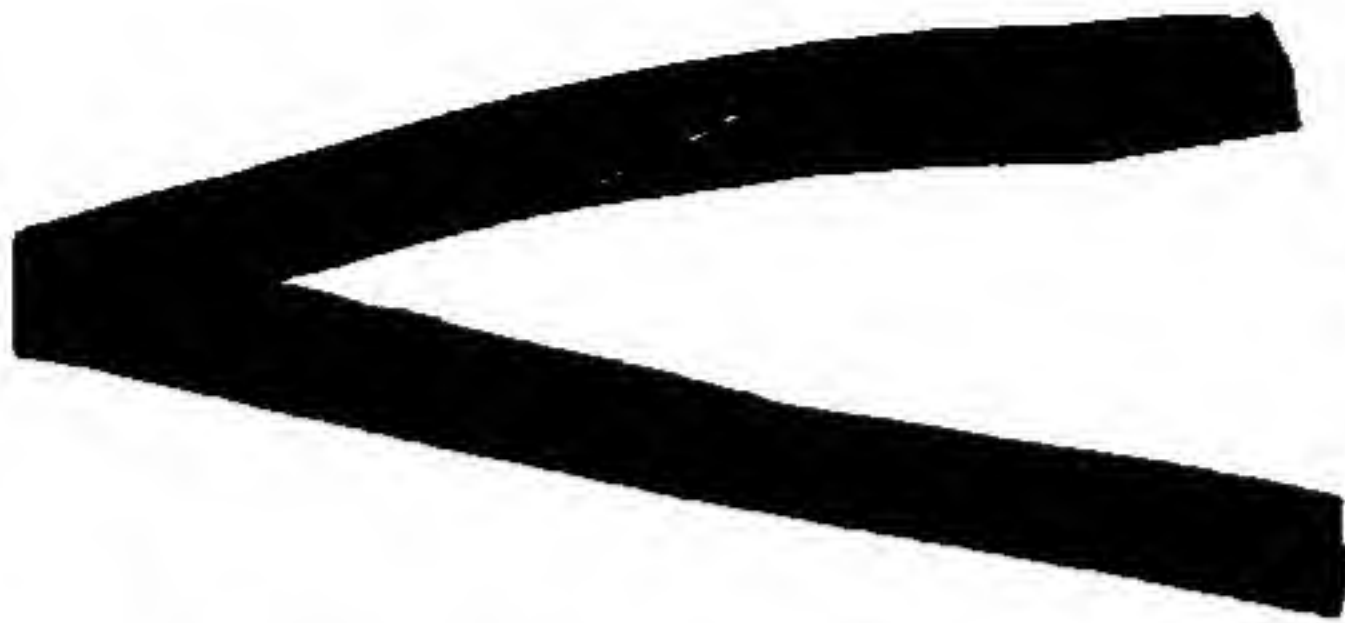


Ảnh 20: Cảnh đón dâu trong lễ cưới của người La Chí
ở huyện Xin Mãn tỉnh Hà Giang



Ảnh 21, 22: Trang phục của nam giới người La Chí trong dịp cưới xin, lễ hội (nhìn từ phía trước và phía sau)





Ảnh 23:
Khăn quấn
đầu của
nam giới



Ảnh 24: Áo năm
thân, cài khuy
cạnh nách của
nam giới



Ảnh 25: Quần
chân què, có lá
tọa của nam giới



Anh 26, 27: Nam giới người La Chí trong bộ trang phục truyền thống (nhìn từ phía trước và phía sau)



Ảnh 28, 29: Hai
loại túi đeo
của nam giới



Ảnh 30: Trang phục của
em gái (dưới 16 tuổi)



Ảnh 31: Cách để tóc của
em gái (dưới 16 tuổi)





Ảnh 32: Áo em gái
(dưới 16 tuổi)
gần giống với áo nam giới



Ảnh 33. 34: Trang phục của
trẻ em gái (nhìn từ phía trước
và phía sau)

Ảnh 35: Từ tuổi thiếu niên
phụ nữ La Chí đã nhuộm
răng đen



Ảnh 36: Thắt lưng
của trẻ em gái



Ảnh 37: Váy của trẻ em gái
(không có sự phân biệt giữa
cạp và gấu)





Ảnh 38: Mũ đội đầu
bằng vải của trẻ em



Ảnh 39: Sau khi làm lễ
đầy tháng cho trẻ, người
La Chi đính thêm một
tua may mắn vào chùm
tua vải đính trên đỉnh mũ



Ảnh 40: Trang phục
truyền thống của
trẻ em trai



Ảnh 41: Trang phục thầy cúng người La Chí
ở huyện Xin Mần tỉnh Hà Giang

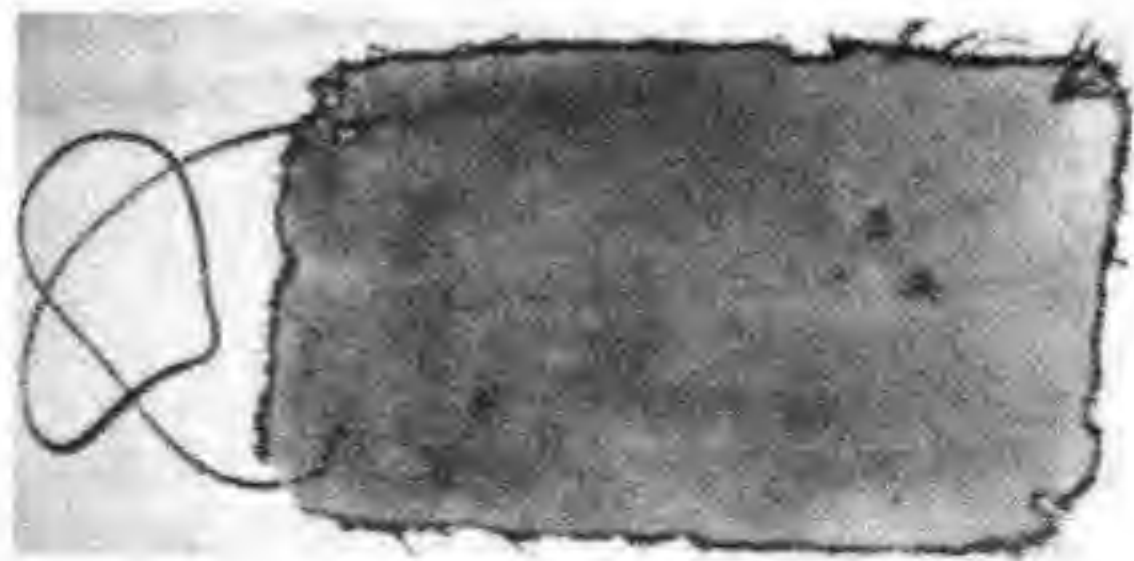


Ảnh 42: Trang phục thầy cúng người La Chí (nhìn từ phía sau)



Ảnh 43: Mũ của thầy cúng người La Chí

Ảnh 44: Miếng da trâu khô được thầy cúng người La Chí đeo sau lưng khi làm một số nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CỜ LAO



Ảnh 45, 46: Trang phục truyền thống
của phụ nữ Cờ Lao ở xã Sinh Lũng
huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang
(nhìn từ phía trước và phía sau)



Ảnh 47, 48: Áo mặc
ngoài của phụ nữ
(nhìn từ phía trước
và phía sau)





Ảnh 49: Áo
mặc trong
của phụ nữ

Ảnh 50: Một số mẫu
hoa văn tiêu biểu trang
trí trên áo phụ nữ



Ảnh 51: Quần (*củ sluồ*)
của phụ nữ



Anh 52: Yếm
váy trước, kiểu
gấp nếp của
phụ nữ



Anh 53: Yếm váy sau của phụ nữ



Ảnh 54: Khăn đội đầu
của phụ nữ Cờ Lao
ở xã Sinh Lũng
huyện Đồng Văn
tỉnh Hà Giang



Ảnh 55: Thắt lưng (*đi cỡi lô*)
của phụ nữ



Ảnh 56: Xà cạp
quần của phụ nữ



Ảnh 57, 58: Phụ nữ Cờ Lao ở xã
Sinh Lung huyện Đồng Văn tỉnh
Hà Giang trong trang phục cưới
xin, lễ hội (nhìn từ phía trước và
phía sau)



Ảnh 59, 60, 61, 62: Trang phục
hiện nay của phụ nữ Cờ Lao
với khăn, áo mặc trong và váy





Ảnh 63: Trang phục
trẻ em gái



Ảnh 64: Thắt lưng
của trẻ em gái



Ảnh 65: Phụ nữ
Cờ Lao với
chiếc địu



Ảnh 66: Thiếu nữ Cờ Lao ở xã
Sinh Lũng huyện Đồng Văn
tỉnh Hà Giang giúp nhau
vắn tóc, quấn khăn

Ảnh 67: Nam giới người
Cờ Lao ở xã Sinh Lũng
huyện Đồng Văn tỉnh
Hà Giang trong y phục
truyền thống



Ảnh 68: Áo nam kiểu tứ
thần, xe ngực, cài cúc vải



Ảnh 69: Quần nam
kiểu chân què, cạp
lả tóa, đũng rộng

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LA HA



Ảnh 70: Trang phục phụ nữ
La Ha cách đây vài chục năm



Ảnh 71: Phụ nữ La Ha
Ở huyện Thuận Châu
tỉnh Sơn La trong bộ
lễ phục truyền thống



Ảnh 72: Áo (úp còm lặc mạy) của phụ nữ



Ảnh 73: Váy (ông lặc mạy) của phụ nữ



Ảnh 74: Khăn (pìen pìu) của phụ nữ



Ảnh 75: Thắt lưng (sai eo) bằng vải tơ tằm của phụ nữ



Ảnh 76: Trang phục hiện nay của phụ nữ La Ha



Ảnh 77, 78, 79: Khăn quần áo, quần của nam giới người La Ha



Ảnh 80: Nam giới người La Ha huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La trong bộ lễ phục truyền thống



Ảnh 81: Trang phục em gái
từ 7 - 8 tuổi trở lên (ở huyện
Thuận Châu tỉnh Sơn La)

Ảnh 82: Mũ đội đầu của trẻ
em La Ha



Ảnh 83: Khâu áo



Ảnh 84: Thầy cúng người La Ha trong bộ trang phục hành lễ

Ảnh 85: Mũ (*pâu à ọ*) của thầy cúng người La Ha



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI PU PÉO



Ảnh 86: Phụ nữ Pu Péo
trong bộ trang phục
truyền thống



Ảnh 87: Bộ trang phục truyền
thống của phụ nữ Pu Péo với
khăn nhiều, áo tứ thân và đồ
trang sức



Ảnh 88: Áo mặc ngoài (*bok ca*) của phụ nữ



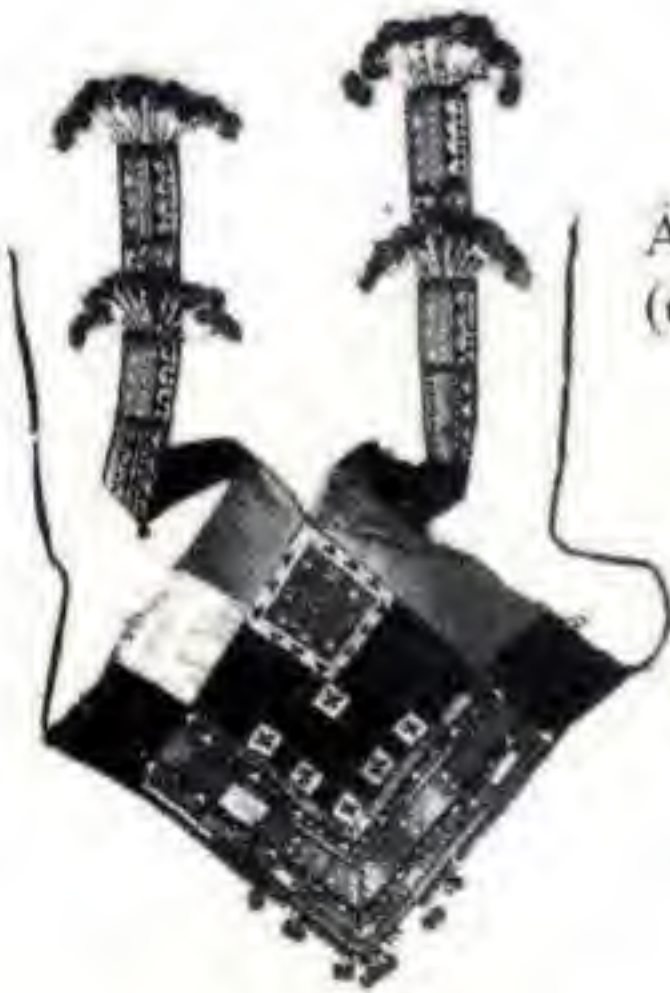
Ảnh 89: Vây
(*giông*) của phụ nữ



Ảnh 90: Hoa văn trang trí chân váy của phụ nữ Pu Péo
gồm ba phần: ngọn, thân, gòc



Ảnh 91: Khăn
vuông đội đầu
(phười tô) của
phụ nữ



Ảnh 92: Yếm che ngực
(diêm) của phụ nữ



Ảnh 93: Yếm lưng (phen tô)
của phụ nữ



Ảnh 94: Thắt lưng
(gót tô) hình ống
của phụ nữ



Ảnh 95: Xà cặp quần
(ka păn) hình tam giác
của phụ nữ



Ảnh 96: Kiểu quần tóc khi ở
nhà của phụ nữ



Ảnh 97: Lược gỗ để chải
tóc và bụi tóc của phụ nữ



Ảnh 98: Trang phục
những năm gần đây
của phụ nữ Pu Péo



Ảnh 99, 100: Áo và yếm váy của phụ nữ Pu Péo
những năm gần đây

Ảnh 101: Hiện nay phụ nữ Pu Péo
thường đội hai khăn



Ảnh 102: Cách quấn tóc
đội khăn



Ảnh 103, 104: Bộ trang phục
 dùng trong lễ hội, cưới xin
 của phụ nữ Pu Péo
 cách đây trên 50 năm



Ảnh 105: Phụ nữ Pu Pao
với công việc may vá, thêu thùa
và ghép hoa văn trên vải



Ảnh 107: Chiếc túi vải
(thoọng pề) luôn là
người bạn đồng hành
của phụ nữ Pu Pao



Ảnh 108: Áo nam giới kiểu tứ thân,
mở ngực, cài khuy vai



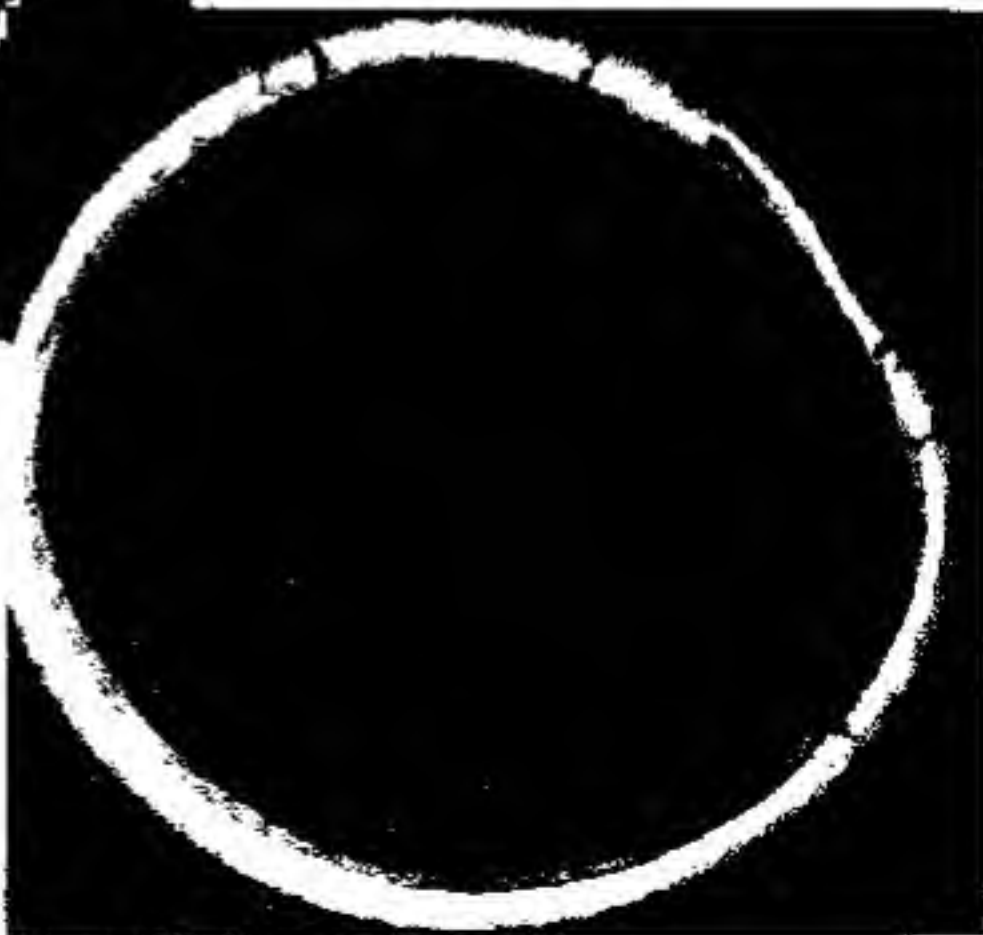
Ảnh 109: Quần nam giới
kiểu chân què, cạp lá tọa

MỘT SỐ TRANG SỨC CỦA CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

(Đồ trang sức của người La Chí, Pu Péo, Cờ Lao (ở Hà Giang)



Ảnh 110: Vòng đeo cổ
bằng hạt nhựa



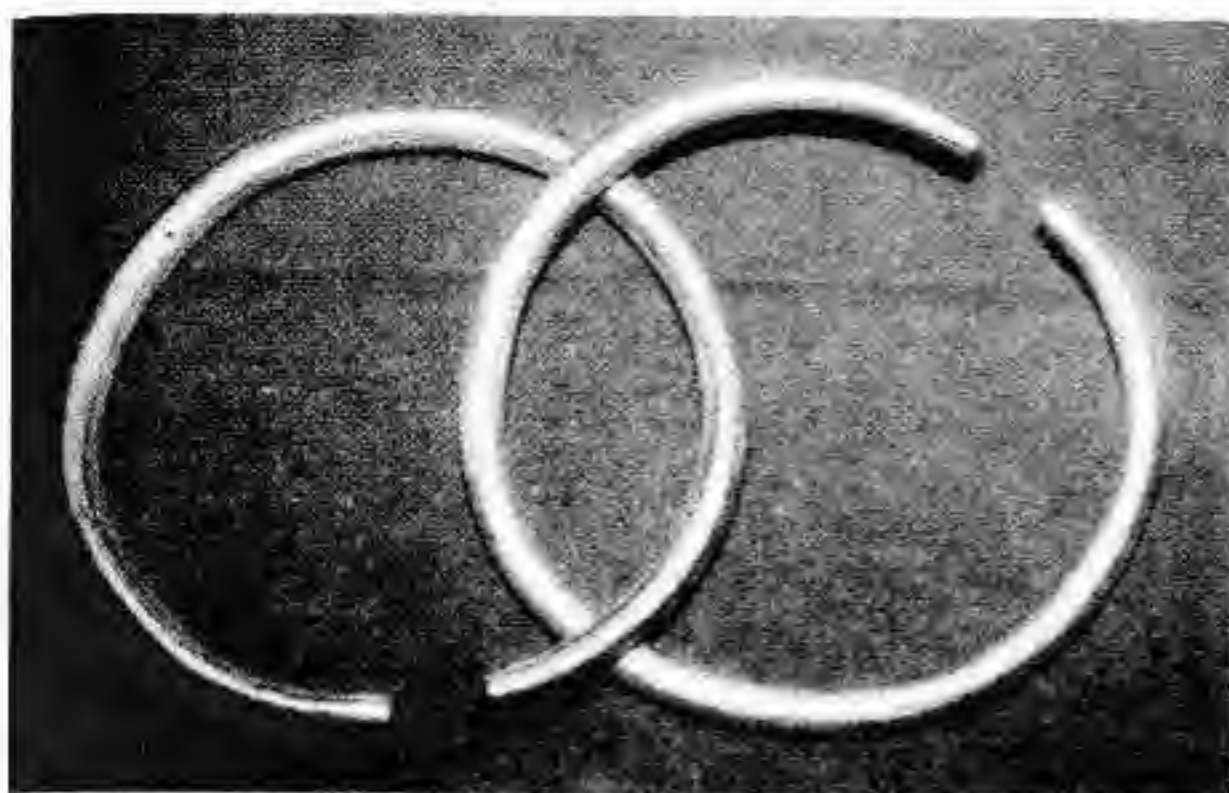
Ảnh 111: Vòng đeo cổ
bằng kim loại dạng tròn kín



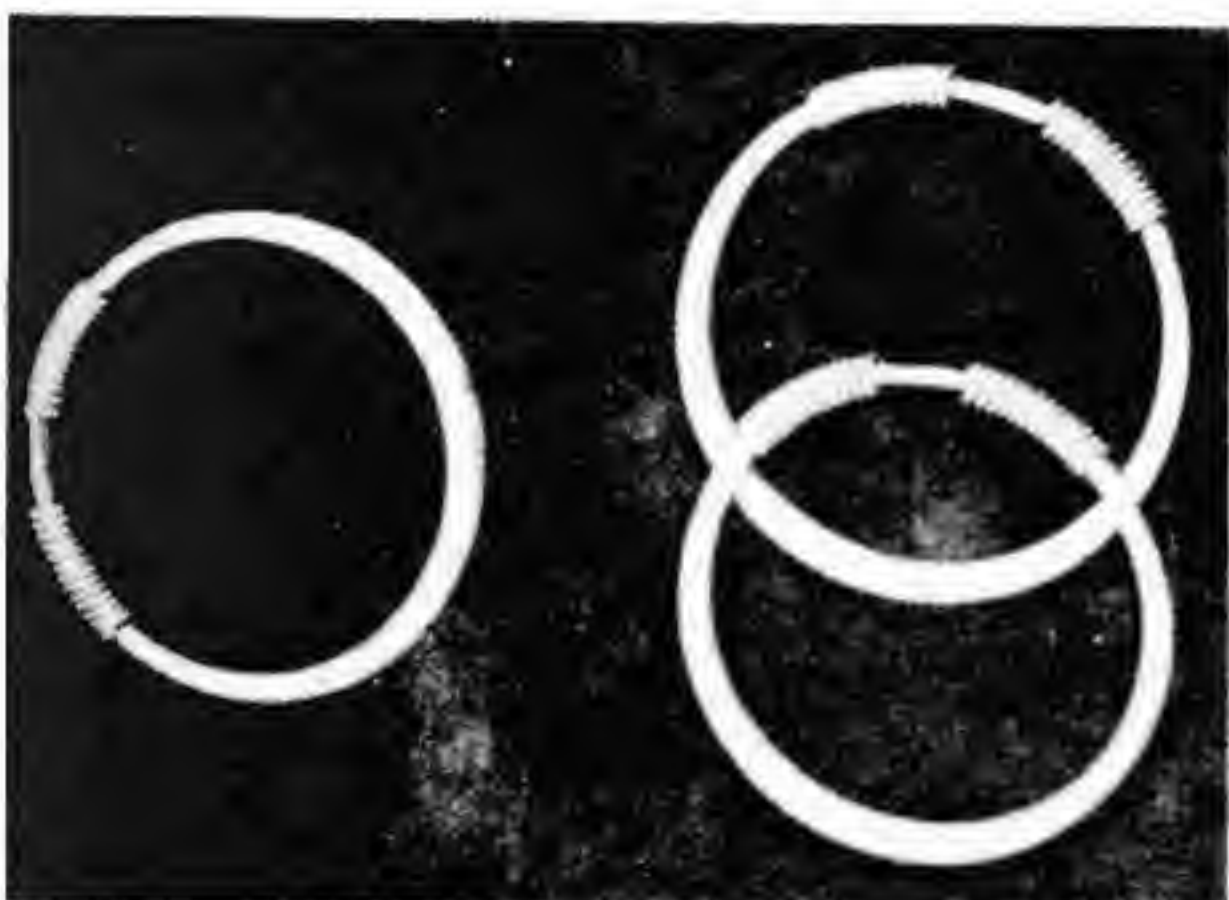
Ảnh 112: Vòng
đeo cổ gắn chùm
xu bạc, vuốt hồ



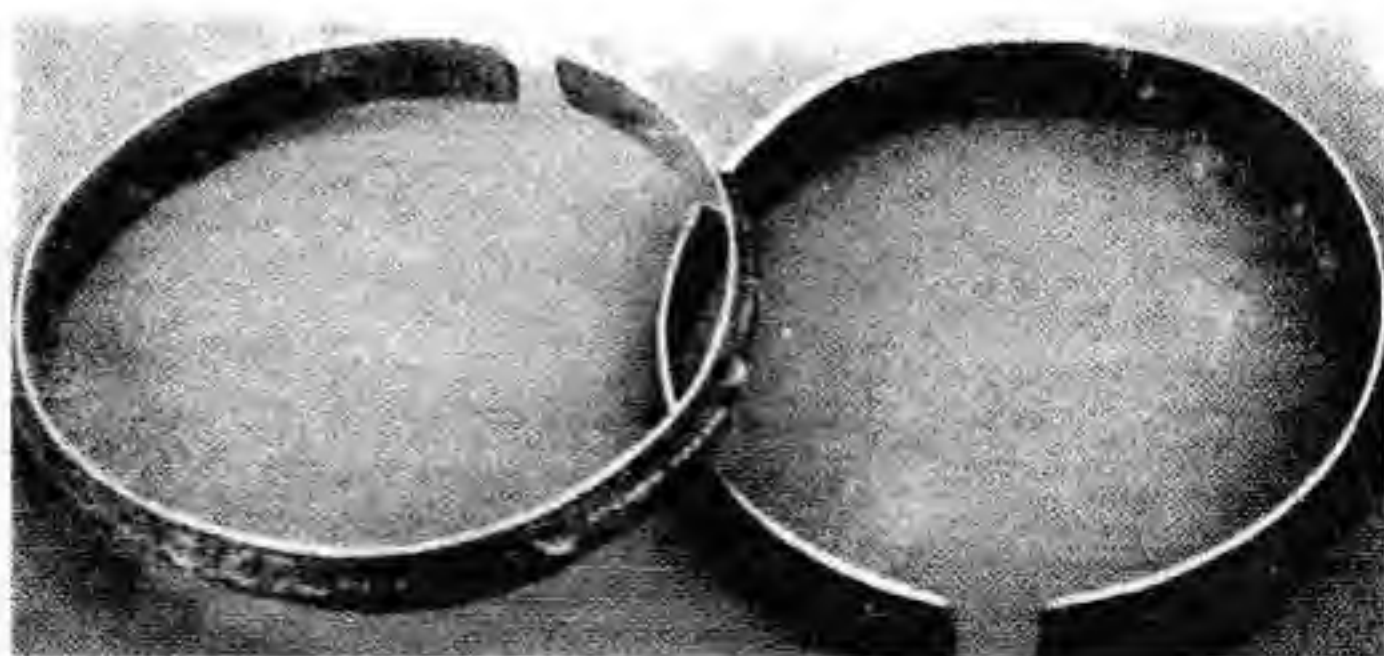
Ảnh 113: Dây xà tích và một số loại vòng đeo cổ khác



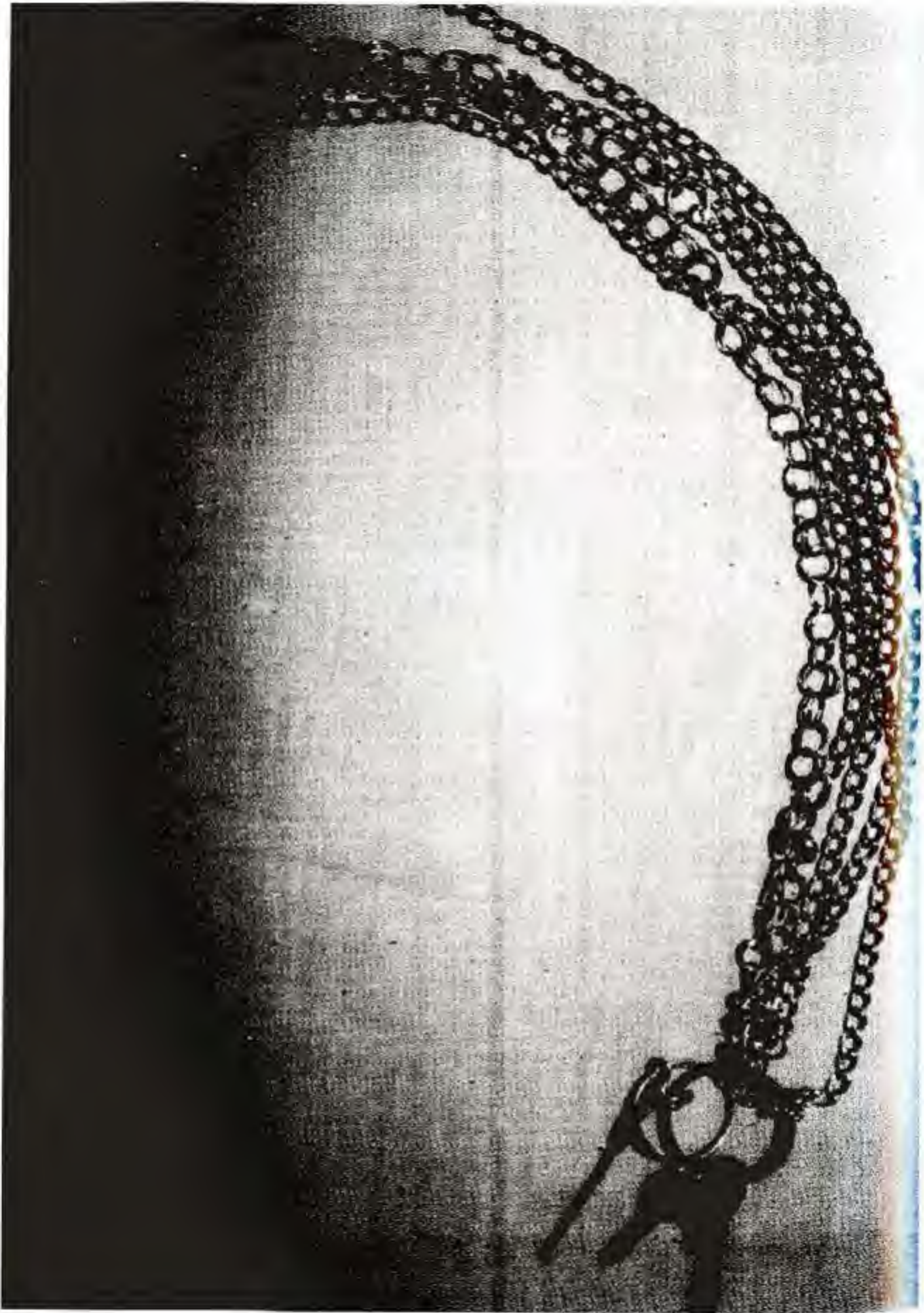
Anh 114: Hoa tai
của người La Chi



Anh 115: Vòng
đeo tay kiểu
tròn kín



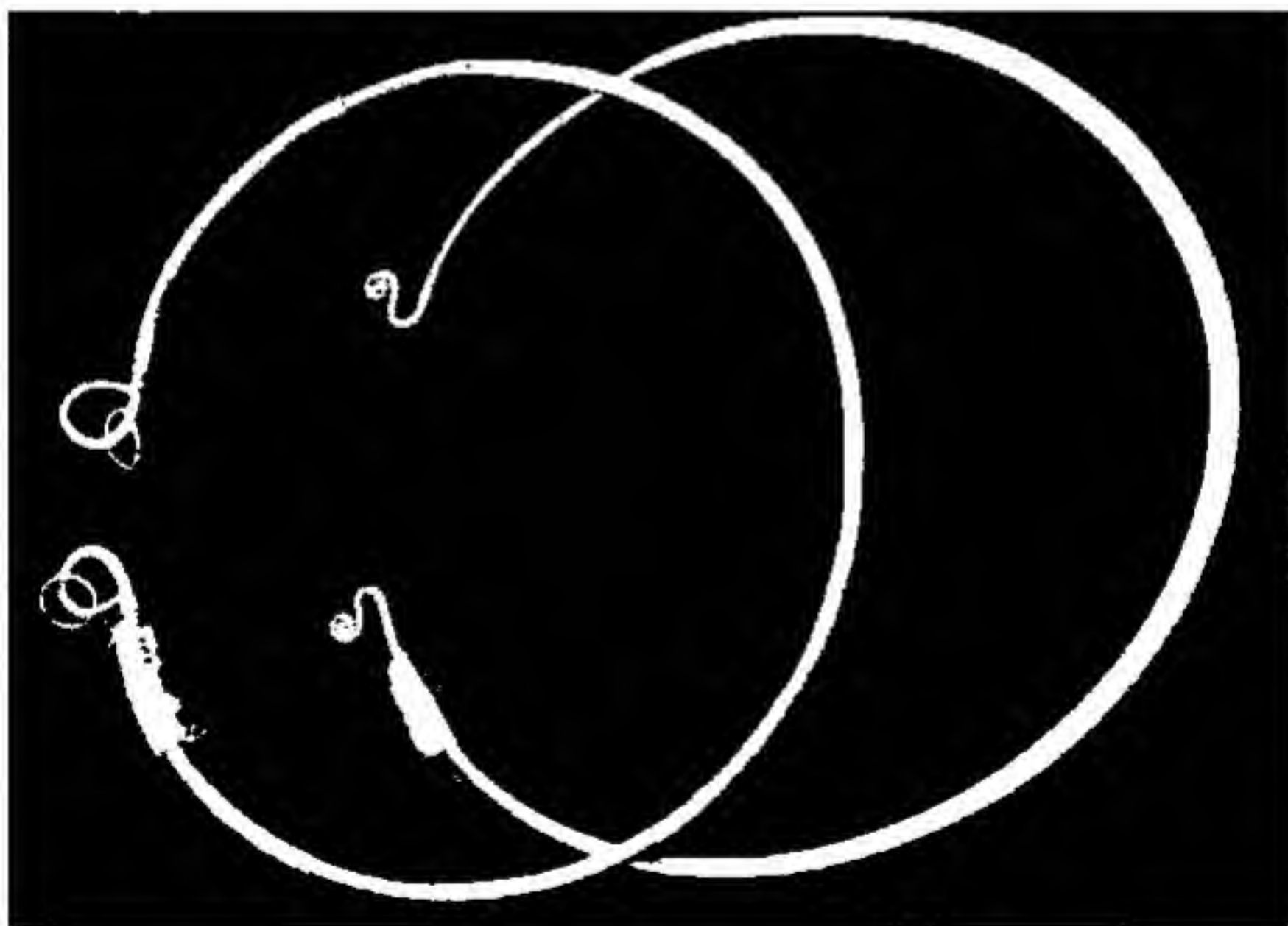
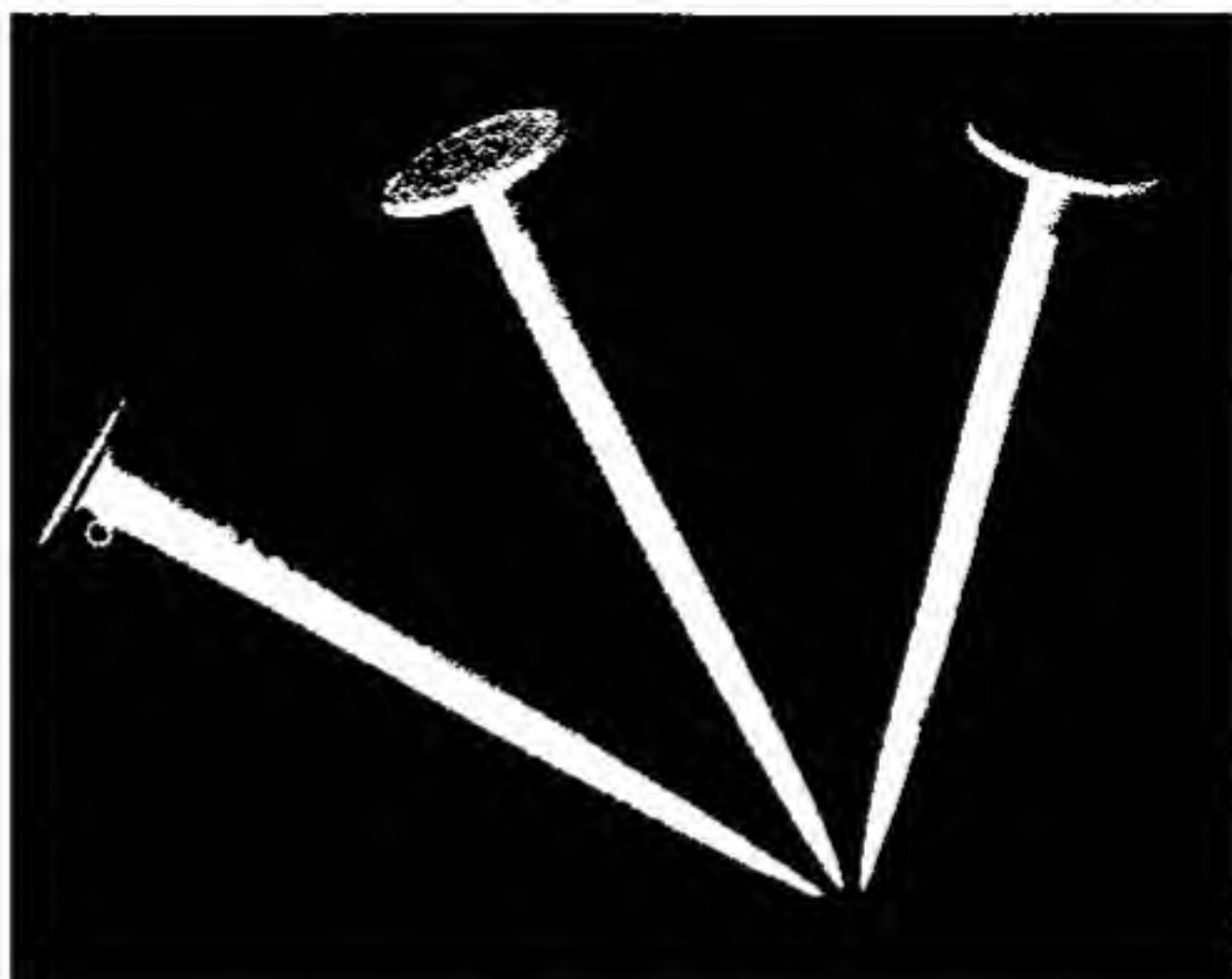
Anh 116: Vòng đeo tay kiểu dẹt, hở hai đầu



Anh 117: Chùm dây xà tích của người La Chi

Đồ trang sức của người La Ha

Ảnh 118: Trâm
cái đầu của
phụ nữ



Ảnh 119: Vòng đeo cổ của phụ nữ



Ảnh 120: Hoa tai của phụ nữ



Ảnh 121: Cúc đồng - một loại cúc áo phổ biến của nhiều tộc người trước kia

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ QUÁ TRÌNH
TẠO NGUYÊN LIỆU CHO TRANG PHỤC
CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KÀ ĐAI**



Ảnh 122: Cây chàm lá nhỏ



Ảnh 123: Cây chàm lá to



Ảnh 124: Thụ nước
chàm sau khi ngâm



Ảnh 125: Cản bông (*khâu lă nĩ cồ pa*) của người La Chi



Ảnh 126: Xa kéo sợi (*kh'ùng và liu*) của người La Chi
ở xã Nàn Xin huyện Xin Mần tỉnh Hà Giang



Ảnh 127: Khung dãn sợi (*kh'ùng và liu*) của người La Chí



Ảnh 128: Phụ nữ La Chí cuộn sợi



Anh 129: Phụ nữ La Chi dệt vải




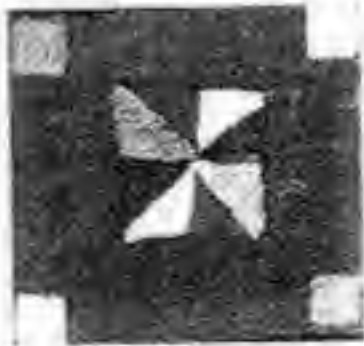


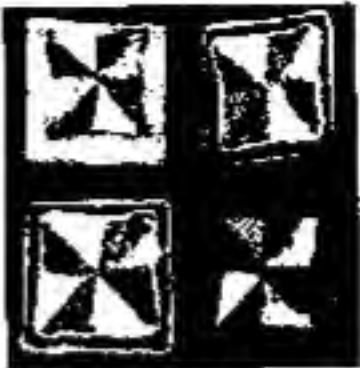




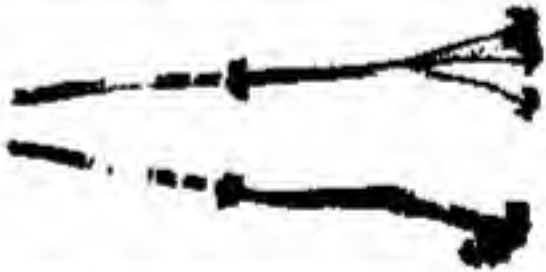

Ảnh 130: Phụ nữ La Ha ở huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La đánh suốt chỉ đã nhuộm màu để dệt vải thổ cẩm





Ảnh 131: Phụ nữ La Ha dệt vải thổ cẩm




MỘT SỐ HOA VĂN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI PU PÉO





Tên gọi tiếng Việt	Tên gọi tiếng Pu Péo	Hình dáng hoa văn
Hình tam giác	Bệt	
Hình quả trám hay hình thoi	Lôm	
Hình vuông (do 8 hình tam giác ghép theo lối âm dương tạo thành bông hoa 8 cánh)	Tô câu	
Hình vuông (4 góc ghép hình vuông nhỏ, giữa là hoa văn tám cánh)	Tô câu	

Hình vuông (do 4 bông hoa tám cánh tạo thành)	Tô păng	
Hình chữ nhật ghép hai hoa văn tô cầu	Tô păng	
Hình chữ nhật (ghép 4 hình thoi và một hình vuông)	Tô păng	
Hình răng cưa (hoa văn lửa cháy)	Mườn	
Hoa làm bằng sợi bông màu đỏ	Ka tưng	
Dây buộc khăn	Đan pươi tô	
Hoa văn trang trí trên chân váy được phân thành 3 phần rõ rệt: ngọn, thân, gốc	Bệt tô sạp tô tăng	


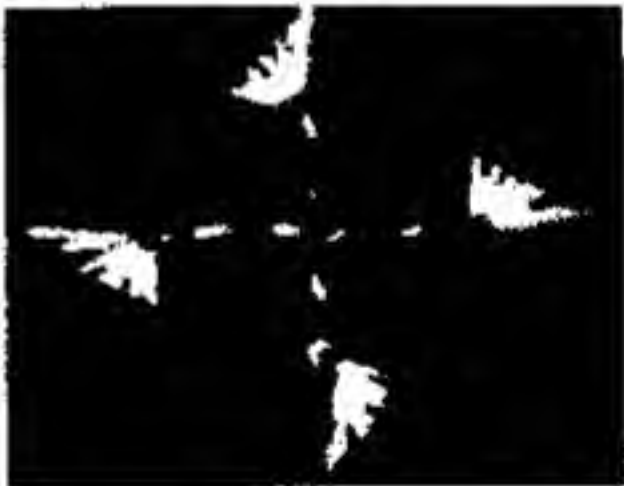

Hạt kim loại đầu đỉnh	Nấu cheng tây	
Hạt kim loại đầu tròn	Nấu	


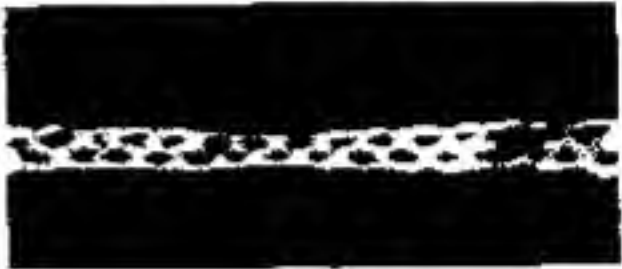




MỘT SỐ HOA VĂN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI CỜ LAO



Tên gọi tiếng Việt	Tên gọi tiếng Cờ Lao	Hình dáng hoa văn
Hoa đào	Lò bi bi mỏ cờ lá	
Hoa dây	Lọ bi bi	
Hình răng cưa (ách cây)	Mi lè gư	

Đường khâu cách mũi (con kiến bò)		
Các vòng vải ghép trên tay áo phụ nữ	Pò mi tí	
Các lớp vải trang trí trên cổ áo phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Đì hoa pinh (lớp vải thứ nhất từ dưới lên) - Sầu vải sính ngộ (lớp vải thứ hai) 	
Hình cây (cây sa mu)		



MỘT SỐ HOA VĂN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI LA CHÍ




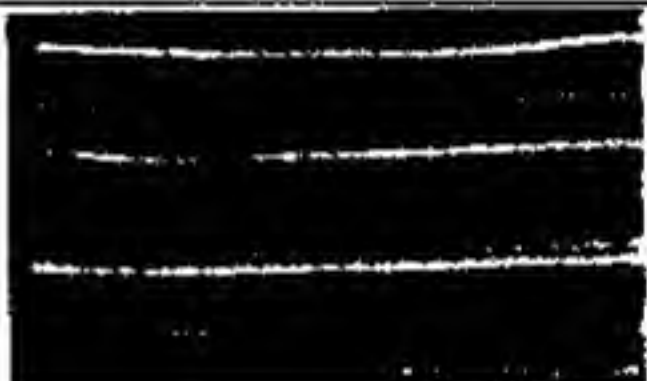

Tên gọi tiếng Việt	Tên gọi tiếng La Chí	Hình dáng hoa văn
Toàn bộ đồ án hoa văn trang trí đầu khăn phụ nữ La Chí	Kha la	
Hoa văn bốn cánh (chùm lá cây thông)		
Hình thoi		

Hình tam giác	Mì gà pé	
Đường thêu tạo hai hàng quả trám (con rết bò)		
Máng hoa văn trang trí trên nếp cổ áo	À co pu	
Hai tam giác châu đỉnh vào nhau	Khá nhúm	
Các tam giác cân	Ná chừm	
Đường thêu nổi giữa hoa văn 4 cánh (lốt chân chim)		

Đường khâu cách mũi (lột chân chim)		
Thêu vắt mũi bằng chỉ xanh đỏ (lột chân chim)		

MỘT SỐ HOA VĂN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI LA HA

Tên gọi tiếng Việt	Tên gọi tiếng La Ha	Hình dáng hoa văn
Hoa văn hình cành cây		
Hoa văn hình cành cây		

Chùm hoa văn tết vải	Cóp piu	
Hoa văn hình cành cây		
Hình tam giác hay dãy núi	klinh	
Đường chỉ màu (rút cái vào nền vải)		
Hoa văn 3 cánh đỉnh cạnh góc khăn	Hu piu	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MUÔNG, TÀY - THÁI

1. *35 năm gìn giữ và phát huy vốn di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1995
2. Diệp Trung Bình, *Hoa văn trên vai các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, Bắc Bộ Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, II. 1997.
3. Biên bản sưu tầm hiện vật về trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam.
4. Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*, NXB Văn hoá thông tin và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H. 1996.
5. Nguyễn Trung Dũng, *Bảo tàng dân tộc học - Một nhận thức ban đầu*, Tạp chí Dân tộc học, số 01 -1994.
6. Không Diễm, *Vài nét về địa lý học tộc người và việc nghiên cứu ở nước ta*, Tạp chí Dân tộc học, số 01 - 1981.

7. *Đề đất đề nước - Sự thi dân gian Mường*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1976.
8. F.Engnen, *Nguồn gốc của gia đình của sở hữu tư nhân và của Nhà nước*. Các Mác - F.Engnen: *Tuyển tập*, tập 4, NXB Sự thật, H. 1984.
9. G.SMaxlova, *Quần đảo của các dân tộc Đông Xlavor, những phong tục và tín ngưỡng truyền thống*, Maxcova. 1964, bản dịch Viện Dân tộc học Việt Nam.
10. *Hợp tuyển văn học Mường*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1994.
11. Trương Sỹ Hùng, *Sự thi thần thoại Mường*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1992.
12. Jcuisinier, *Người Mường địa lý nhân văn và xã hội học*, Pari. 1948, NXB Lao động, H. 1995.
13. Nguyễn Đình Khoa, *Các dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1983.
14. Hoàng Lương, *Hoa văn mặt chầu Thái ở Mường Tấc, Phù Yên, Sơn La*, Luận án PTS Sử học, H. 1987.
15. Lâm Bá Nam, *Nghề dệt cửi truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Luận án PTS Sử học, H. 1995.
16. Lâm Bá Nam, *Nghề dệt cửi truyền làng La Khê*, Tạp chí Dân tộc học, số 03 -1986.

17. Lâm Bá Nam, *Mấy ý kiến về nghệ thủ công cổ truyền ở nước ta*, Tạp chí Dân tộc học, số 01- 1989.
18. *Nghề đẹp quê hương*, Sở Văn hoá thông tin Hà Sơn Bình, 1977.
19. Hoàng Anh Nhân, *Tuyển tập thơ Mường, quyển một*, NXB Văn học, H. 1986.
20. Hoàng Anh Nhân, *Tuyển tập thơ Mường, quyển hai*, NXB Văn học, H. 1986.
21. *Người Mường với văn hoá cổ truyền Mường Bi*, Sở VHTT Hà Sơn Bình và Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc, 1989.
22. Nguyễn Ngọc Thanh, *Nghề dệt vải truyền thống của người Mường Hà Sơn Bình*, Tạp chí Dân tộc học, số 01 - 1991.
23. Lê Bá Thảo, *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật, H. 1997.
24. Lê Ngọc Thắng - Lâm Bá Nam, *Ban sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1990.
25. Lê Ngọc Thắng, *Nghệ thuật trang phục Thái*, NXB Văn hoá dân tộc, Trung tâm Văn hoá Việt Nam, H. 1990.
26. Lê Ngọc Thắng, *Giá trị văn hoá của trang phục cổ*

- truyền Thái Tây Bắc* (kỷ yếu hội thảo), NXB Văn hoá dân tộc, H. 1992.
27. Ngô Đức Thịnh, *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1994.
 28. Đoàn Thị Tình, *Tìm hiểu trang phục Việt Nam - dân tộc Việt*, NXB Văn hoá, H. 1987.
 29. Đặng Văn Tu, *Vài nét về nghề tầm tang trong văn học dân gian Mường*, Tạp chí Dân tộc học, số 02 -1991.
 30. Trần Từ, *Hoa văn Mường*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1978.
 31. Trần Từ, *Người Mường ở Hoà Bình*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 1996.
 32. Trần Từ, *Hoa văn Gia Rai - Ba Na*, Sở VHTT Gia Lai, Kon Tum, 1986.
 33. *Văn hóa dân tộc Mường*, kỷ yếu hội thảo văn hoá dân tộc Mường tại Hoà Bình tháng 9 -1993.
 34. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, NXB Khoa học xã hội, H. 1978.
 35. Viện Dân tộc học, *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1983.
 36. *Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, NXB Văn hoá dân tộc, H. 1996.

PHẦN NHÓM NGÔN NGỮ KADAI

1. Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, *Một số biên bản sưu tầm tài liệu hiện vật về các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai*.
2. Hoàng Hữu Bình, *Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường*, NXB Khoa học xã hội, H. 1998.
3. Trần Bình, *Nghề thủ công truyền thống của người Cờ Lao ở huyện Đồng Văn - Hà Giang*, Tạp chí Dân tộc học, số 2-2001.
4. Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, NXB Văn hóa thông tin, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, H. 1996.
5. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, NXB Khoa học xã hội, H. 1978.
6. Khổng Diễn, *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, NXB Khoa học xã hội, H. 1995.
7. Khổng Diễn, *Vài nét về địa lý học tộc người và việc nghiên cứu ở nước ta*, Tạp chí Dân tộc học, số 1-1981.
8. Phạm Đức Dương, *Một vài cứ liệu ngôn ngữ về sự thân thuộc các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến ở miền Bắc Việt Nam*, Thông báo Dân tộc học, 3-1973.
9. Phạm Quang Hoan, *Dân tộc Cờ Lao ở Việt Nam truyền thống và biến đổi*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 2003.

10. Hoàng Mai Hạnh, *Một số tư liệu về mối quan hệ họ hàng giữa tiếng La Ha với một số ngôn ngữ khác*, Tạp chí Dân tộc học, số 3-1976.
11. Nguyễn Văn Huy, *Văn hoá truyền thống của người La Chí*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1991.
12. Nguyễn Văn Huy, *Góp thêm một số tài liệu về người Pu Péo*, Thông báo Dân tộc học, số 2-1973.
13. Nguyễn Văn Huy (chủ biên), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Giáo dục, H. 1998.
14. Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo, *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 2000.
15. Đinh Gia Khánh, Huy Cận, *Các vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, H. 1983.
16. Nguyễn Đình Khoa, *Các dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1983.
17. Hoàng Văn Ma, *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam - một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*, NXB Khoa học xã hội, H. 2002.
18. Nhiều tác giả, *Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1996.
19. Lê Trung Vũ, *Truyện cổ Pu Péo*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1998.

20. Lê Trung Vũ, *Dân ca Pu Péo*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1993.
21. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1972.
22. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam, *Bản sắc các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1990.
23. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1997.
24. Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên), *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, NXB Văn hóa dân tộc, H.1997.
25. Ngô Đức Thịnh, *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1994.
26. Nguyễn Khắc Tụng, *Dân tộc học với việc nghiên cứu văn hóa vật chất các dân tộc*, Dân tộc học, 4-1983.
27. Tổng cục Thống kê, *Dự thảo điều tra dân số các dân tộc Việt Nam*, năm 1999.
28. Viện Dân tộc học, *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1993.

SUMMARY

Clothing of ethnicities people belonging to Vietnamese-Muang, Tay-Thai, Kadai language groups of the author Đò Thi Hoa (chief-author) is a work observing the characteristics of clothing of ethnicities people.

The main content of the work contain two parts:

The clothing of ethnicities people belonging to Vietnamese, Muang, Tay-Thai language groups, including four chapters:

Chapter I: Studying the clothing of ethnic minorities belonging to Vietnamese-Muang language group (observing the clothing of Muang, Tho, Chut peoples).

Chapter II: Studying the clothing of ethnicities people belonging to Tay, Thai language group (observing the clothing of Tay, Nung, Thai, San Chay, Giay, Bo Y Lao, Lu minority peoples).

Chapter III: Aesthetic value of clothing of ethnicities people belonging to Tay-Thai language group.

Chapter IV: Showing the issues of design and collection about the clothing of ethnicities people belonging

to Vietnamese-Muang, Tay-Thai language group in cultural museum of Vietnam's ethnic minorities.

The clothing of ethnicities people belonging to Kadai language group, including four chapters:

Chapter I: Overviews on ethnicities people belonging to Kadai language group.

Chapter II: Showing the conceptions about the clothing, productive process of clothing, process of creating the material, some characteristics of clothing of ethnicities people belonging to Kadai languages group.

Chapter III: Observing the clothing of La Chi, Co Lao, La Ha, Pu Peo ethnicities people.

Chapter IV: Historical-cultural values of clothing of ethnicities people belonging to Kadai language group.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	9
LỜI NÓI ĐẦU	11
TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MUỜNG, TÀY - THÁI	17
Chương I: TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MUỜNG	19
Trang phục tộc người Mường	23
Trang phục tộc người Thổ	63
Trang phục tộc người Chứt	68
Chương II: TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI	71
Trang phục tộc người Tày	76
Trang phục tộc người Nùng	102
Trang phục tộc người Thái	129
Trang phục tộc người Sán Chay	163
Trang phục tộc người Giáy	185
Trang phục tộc người Bô Y	190

Trang phục tộc người Lào	199
Trang phục tộc người Lự	216
Chương III: MỘT VÀI NÉT VỀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI	227
Nghệ thuật tạo hình trang phục	228
Màu sắc trang phục	231
Hoa văn trang trí trên trang phục	234
Nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của người làm ra trang phục	237
Giá trị thẩm mỹ của trang phục nhóm Tày - Thái biểu hiện sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người	239
Chương IV: XÂY DỰNG SƯU TẬP TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI TẠI BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	246
I. Vài nét về sưu tập trang phục các tộc người thiểu số nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	246
II. Một số giải pháp xây dựng sưu tập trang phục của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam	253

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỆU SỞ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MUÔNG VÀ TÂY - THÁI	271
TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	331
Chương I: KHÁI QUÁT VỀ CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	333
I. Môi trường cảnh quan và dân cư các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	333
II. Lịch sử tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	342
III. Đặc điểm kinh tế, văn hóa - xã hội	346
Chương II: VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	373
I. Khái niệm về trang phục, quy trình sản xuất trang phục	373
II. Quy trình tạo nguyên liệu trang phục	378
III. Kỹ thuật tạo trang phục	397
IV. Một số đặc điểm về trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	399
Chương III: TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	407
Trang phục tộc người La Chí	407
Trang phục tộc người Cờ Lao	427
Trang phục tộc người La Ha	443
Trang phục tộc người Pu Péo	461

Chương IV: GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ CỦA TRANG PHỤC	501
CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	
I. Giá trị lịch sử của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	501
II. Giá trị thẩm mỹ của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	542
III. Giá trị văn hóa - xã hội của trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kadai	581
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ KADAI	604
TÀI LIỆU THAM KHẢO	666
SUMMARY	673

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội

ĐT: 04.39434239 - 04.38263070

Email: nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Cn: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08).38222895

Email: cn_nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập:

NGUYỄN THỊ CHÍNH

Biên tập kỹ thuật:

NGUYỄN THỊ CHÍNH

Sửa bản in:

HÀ ANH

Chế bản:

THANH VÂN

Trình bày bìa:

CÔNG TY TNHH SX - TM HÙNG HÀ

Đối tác liên kết:

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM

**TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM
NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI, KADAI**

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Cty CP Truyền thông Đức Minh

Số đăng ký KHXB: 328 - 2012/CXB/26 - 68/VHDT.

Quyết định xuất bản số: 92 - 12/QĐXB - NXBVHDT

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012.

ISBN: 978 - 604 - 70 - 0161 - 3
SÁCH NHÀ NƯỚC TÀI TRỢ